

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 57/VPCP-TH  
V/v tài liệu phục vụ Hội nghị  
Chính phủ với địa phương

Hà Nội, ngày 03 tháng 01 năm 2024

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Văn phòng Chính phủ trân trọng kính gửi tài liệu phục vụ Hội nghị Tổng kết công tác năm 2023, triển khai công tác năm 2024 của Chính phủ và chính quyền địa phương (được tổ chức vào ngày 05 tháng 01 năm 2024) về các nội dung:

1. Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: số 50/BC-BKHĐT ngày 02 tháng 01 năm 2024 về đánh giá tình hình, kết quả phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, phương hướng nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; số 52/BC-BKHĐT ngày 02 tháng 01 năm 2024 về tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2023 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 (kèm theo dự thảo Nghị quyết 01/NQ-CP năm 2024 của Chính phủ).

2. Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư số 11077/BC-BKHĐT ngày 29 tháng 12 năm 2023 về báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025 năm 2023 (kèm theo Báo cáo tóm tắt số 11076/BC-BKHĐT ngày 29 tháng 12 năm 2023).

Đề nghị các Bộ, cơ quan, địa phương chuyển tài liệu đến các đại biểu tham dự Hội nghị.

Văn phòng Chính phủ trân trọng kính gửi./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP: BTCN, các PCN;  
Trợ lý, Thư ký TTg và các PTTg;  
các Vụ, cục: QHĐP, KTTH, KGVX, CN, NN,  
TCCV, QHQT, NC, V.I, PL, TKBT, KSTT;
- Lưu: VT, TH (2) H

KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM  
PHÓ CHỦ NHIỆM



\* Mai Thị Thu Vân

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO**

**Tình hình thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế  
giai đoạn 2021-2025 năm 2023**

*“Báo cáo Hội nghị trực tuyến của Chính phủ với địa phương  
ngày 5 tháng 01 năm 2024”*

Kính gửi: Chính Phủ

Tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng về đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế, trong giai đoạn 2021-2025, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 31/2021/QH15 ngày 12/11/2021 về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 31/2021/QH15). Triển khai Nghị quyết 31/2021/QH15 của Quốc hội, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 12/4/2022 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết nêu trên (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 54/NQ-CP), trong đó đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể và chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tổ chức quán triệt, thực hiện hiệu quả Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025.

Thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng Báo cáo “*Tình hình thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025 năm 2023*”. Ngày 7/12/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã gửi Công văn số 10256/BKHĐT-QLKTTW lấy ý kiến các bộ, ngành cho Báo cáo nêu trên và đến nay đã nhận được ý kiến góp ý của 12 bộ, ngành<sup>1</sup>. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung hoàn thiện Báo cáo. Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin báo cáo Chính phủ “*Tình hình thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025 năm 2023*” với các nội dung như sau:

**Phần thứ nhất:**

**TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NỀN  
KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 31/2021/QH15 của Quốc hội, ngày 12/4/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 54/NQ-CP giao 30 chỉ tiêu cơ cấu lại nền kinh tế của ngành, lĩnh vực và 102 nhiệm vụ xây dựng chương trình, đề án và chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tổ chức quán triệt, thực hiện các chủ trương, chính sách để thực hiện kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025. Các bộ, ngành, địa phương đã ban

<sup>1</sup> Gồm các bộ: Giao thông vận tải; Nội vụ; Khoa học và Công nghệ; Ngoại giao; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài chính; Quốc phòng; Y tế. Các ngành: Ủy Ban dân tộc, Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Ủy Ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

hành chương trình hành động, với các mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ được giao.

Tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội Khoá XV, Chính phủ đã báo cáo<sup>2</sup> Quốc hội về đánh giá giữa kỳ kết quả thực hiện Nghị quyết số 31/2021/QH15, trong đó nhận định nghị quyết đã được triển khai tương đối đồng bộ, đầy đủ, có trách nhiệm, quyết liệt và thực chất. Báo cáo cũng chỉ rõ có sự linh hoạt, sáng tạo và quyết liệt thể hiện bằng các hành động, kết quả cụ thể trong công tác xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế với việc tập trung vào chính sách, giải pháp thúc đẩy các nhiệm vụ trọng tâm cơ cấu lại nền kinh tế; cơ cấu lại và mở rộng không gian kinh tế, cơ cấu lại các ngành kinh tế theo hướng dựa vào đổi mới sáng tạo, số hóa, xanh hóa; phát triển lực lượng doanh nghiệp; phát triển đồng bộ các loại thị trường.

## **I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Đến nay, kết quả sơ bộ thực hiện cho thấy, trong số 30 chỉ tiêu được giao tại Nghị quyết số 54/NQ-CP có 24 chỉ tiêu có thông tin, số liệu, trong đó, có 11 chỉ tiêu có thể đạt được, 13 chỉ tiêu cần nỗ lực rất lớn. Một số chỉ tiêu có kết quả khả quan như: Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân ba năm 2021-2023 so với GDP ước đạt 33,6% (mục tiêu đặt ra là 32-34%); năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng giai đoạn 2021-2023 ước đạt khoảng 35,3 đến 46,09%<sup>3</sup>. Các nhóm chỉ tiêu về xử lý nợ xấu<sup>4</sup> và đảm bảo an toàn vốn<sup>5</sup> tại các tổ chức tín dụng mặc dù gặp nhiều thách thức nhưng cơ bản vẫn trong tầm kiểm soát.

Một số chỉ tiêu cần được chú trọng theo dõi, giám sát, đặc biệt tình hình thực hiện một số chỉ tiêu đang gặp nhiều thách thức, cụ thể như: Chỉ tiêu về tốc độ tăng năng suất lao động các năm 2021-2022 đạt thấp, lần lượt đạt 4,6% và 4,8%, năm 2023 dự kiến đạt khoảng 3,8%-4,8%, thấp hơn khá nhiều mục tiêu đặt ra (mục tiêu đặt ra là 6,5%); tốc độ tăng năng suất lao động của các vùng kinh tế trọng điểm cũng đạt thấp, năm 2022 bình quân ước đạt 5,3%, tốc độ tăng năng suất lao động của 3 trong 5 thành phố trực thuộc trung ương chưa đạt mục tiêu<sup>6</sup>. Tốc độ tăng năng suất lao động của khu vực công nghiệp - xây dựng, khu vực dịch vụ năm 2022 tăng thấp, đạt 3,55%<sup>7</sup> và 3,53%<sup>8</sup>; chỉ tiêu về số lượng hợp tác xã (HTX) đến năm 2022 là 29.380 HTX, tính đến tháng 6 năm 2023 cả nước có 30.400 HTX (mục tiêu đặt ra đến năm 2025 là 35.000 HTX); số lượng hợp tác xã nông nghiệp (HTX NN) ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất tiêu thụ nông sản

<sup>2</sup> Báo cáo số 585 /BC-CP ngày 20 tháng 10 năm 2023.

<sup>3</sup> Mục tiêu trong Nghị quyết số 31/2021/QH15, đến năm 2025 đạt khoảng 45% GDP.

<sup>4</sup> Đến cuối tháng 9/2023, tỷ lệ nợ xấu nội bảng của hệ thống các TCTD ở mức 4,9%; (cuối năm 2020 là 1,69%; cuối năm 2021 là 1,49%; năm 2022 là 2%), tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ tại VAMC chưa xử lý và nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu so với tổng dư nợ ở mức 5,1%.

<sup>5</sup> Đến nay, trên cơ sở khung khổ pháp lý cần thiết và hướng dẫn của NHNN, có 90 ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (NHNNg) đã áp dụng tỷ lệ an toàn vốn quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 31/12/2016 của NHNN; 01 NHTM còn lại chưa áp dụng tỷ lệ an toàn vốn quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN và thực hiện theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 của NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 26/2022/TT-NHNN ngày 31/12/2022 của NHNN).

<sup>6</sup> Mục tiêu đặt ra tại Nghị quyết số 31/2021/QH15 của Quốc hội: Tốc độ tăng năng suất lao động của các vùng kinh tế trọng điểm, 5 thành phố trực thuộc trung ương cao hơn tốc độ tăng năng suất trung bình cả nước.

<sup>7</sup> Mục tiêu đặt ra tại Nghị quyết số 31/2021/QH15 của Quốc hội về tăng năng suất lao động ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là 6,5-7%/năm.

<sup>8</sup> Mục tiêu đặt ra tại Nghị quyết số 31/2012/QH15 của Quốc hội: tốc độ tăng năng suất lao động bình quân khu vực dịch vụ là 7-7,5%/năm.

đến hết năm 2022 đạt 1.718 HTX (khó đạt mục tiêu 3.000 hợp tác xã); tỷ lệ HTX NN liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị đến hết 2022 đạt 21% (mục tiêu 35%). Chỉ tiêu về tỷ trọng chi cho khoa học và công nghệ (KHCN) được đặt mục tiêu không dưới 1% GDP<sup>9</sup>, kết quả thực hiện năm 2021 chỉ đạt 0,42%, thấp hơn nhiều so với mục tiêu đặt ra (*thông tin chi tiết tình hình thực hiện các mục tiêu tại Phụ lục 1*).

Việc dự kiến khả năng đạt được 13 chỉ tiêu gặp nhiều khó khăn là do nguyên nhân khách quan từ bối cảnh trong nước và quốc tế khó khăn, không thuận lợi nhưng cũng có nhiều nguyên nhân chủ quan, bao gồm: chậm triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chậm hoàn thiện thể chế, xây dựng và ban hành các chính sách đột phá trong thúc đẩy đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, ứng dụng các mô hình kinh tế mới, chưa sát sao, quyết liệt trong chỉ đạo điều hành triển khai các nhiệm vụ. Trong số 13 mục tiêu, nhiều mục tiêu như tăng năng suất lao động, phát triển doanh nghiệp, phát triển thị trường tài chính, KHCN, đào tạo lao động có tầm quan trọng đặc biệt trong chuyển đổi rõ nét mô hình tăng trưởng theo hướng dựa vào đổi mới sáng tạo và nâng cao sức chống chịu, năng lực tự chủ của nền kinh tế. Do đó, trong thời gian tới cần có giải pháp và chỉ đạo điều hành quyết liệt hơn trong việc thực hiện các mục tiêu này.

## II. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025

Tính đến nay tất cả các Chương trình, Đề án tại Nghị quyết số 54/NQ-CP đã được triển khai, trong đó, có 37/102 (chiếm 36,3%) nhiệm vụ đã hoàn thành và có kết quả rõ ràng; 28/102 nhiệm vụ (chiếm 27,4%) đã triển khai, đang chỉnh sửa bổ sung hoàn thiện trình cấp thẩm quyền ban hành; 37/102 nhiệm vụ (chiếm 36,3%) đang triển khai theo kế hoạch (*chi tiết tình hình thực hiện các Chương trình, Đề án tại Phụ lục 2 đính kèm*).

### 2.1. Tập trung hoàn thành các mục tiêu cơ cấu lại đầu tư công, ngân sách nhà nước, hệ thống các tổ chức tín dụng và đơn vị sự nghiệp công lập

#### a) Cơ cấu lại đầu tư công

Thể chế, pháp luật về đầu tư công tiếp tục được sửa đổi, hoàn thiện theo hướng phân cấp, phân quyền quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu thực tiễn, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai các dự án, góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân vốn đầu tư công và thúc đẩy phục hồi nền kinh tế. Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành một số cơ chế, chính sách quan trọng, tạo hành lang pháp lý để thực hiện thắng lợi mục tiêu cơ cấu lại đầu tư công giai đoạn 2021-2025, cụ thể như: Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 09 Luật<sup>10</sup>. Chính phủ chủ động ban hành các nghị định: hướng dẫn về quản lý đầu tư xây dựng<sup>11</sup>; hướng dẫn

<sup>9</sup> Bộ KHCN đề nghị điều chỉnh mục tiêu tổng chi quốc gia cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ giai đoạn 2021-2025 thành là 0,8-1% GDP. Bộ KHCN đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu “Số lượng doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ tăng trung bình giai đoạn 2021-2025: 15%” thành “Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2025: 30%” cho thống nhất với hệ thống các chỉ tiêu thống kê quốc gia.

<sup>10</sup> Gồm Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự.

<sup>11</sup> Các nghị định: Số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 3/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng, số 09/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 về quản lý vật liệu xây dựng; số 06/2021/NDD-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 50/2021/NĐ-

Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư<sup>12</sup>; trình tự thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư<sup>13</sup>; quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công<sup>14</sup>; sửa đổi các nội dung vướng mắc về các thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư, thủ tục cho vay lại,... các dự án sử dụng vốn ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài<sup>15</sup>; thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển 09 địa phương<sup>16</sup> nhằm “ưu tiên cho liên kết và phát triển vùng, ưu tiên tăng trưởng vùng kinh tế trọng điểm”. Đồng thời, Chính phủ đã tổ chức rà soát, xác định được 39 nhóm vấn đề vướng mắc quy định tại các nghị định của Chính phủ và văn bản pháp luật liên quan đến 7 lĩnh vực, gồm: đất đai, bảo vệ môi trường, đấu thầu, ngân sách và công sản, xây dựng, tài nguyên và khoáng sản, đầu tư công, từ đó tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong quy trình quản lý đầu tư.

Bên cạnh đó, công tác chỉ đạo, điều hành triển khai kế hoạch đầu tư công quyết liệt, cụ thể, giải pháp được ban hành kịp thời, hiệu quả. Ngay từ đầu nhiệm kỳ, công tác giải ngân vốn đầu tư công đã được chỉ đạo thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả. Kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công được tăng cường, đã gắn trách nhiệm của người đứng đầu, trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan trong việc bảo đảm tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công. Trong giai đoạn 2021-2023, Chính phủ đã ban hành 03 Nghị quyết chuyên đề giải ngân<sup>17</sup>, Thủ tướng Chính phủ ban hành 02 Chỉ thị<sup>18</sup>, nhiều công điện<sup>19</sup>, tổ chức 05 Hội nghị trực tuyến toàn quốc về giải ngân, thành lập 06 Tổ công tác. Nhờ đó, tiến độ giải ngân vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2023 đã có những bước cải thiện rõ rệt; vốn đầu tư công được bố trí nhiều hơn<sup>20</sup>, giải ngân vốn đầu tư công

CP ngày 1/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.

- <sup>12</sup> Nghị định số 28/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư.
- <sup>13</sup> Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.
- <sup>14</sup> Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.
- <sup>15</sup> Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16/8/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ; Nghị định số 114/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ thay thế Nghị định số 56/2020/NĐ-CP của Chính phủ về Quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 4/5/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.
- <sup>16</sup> TP. Hà Nội, TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Thanh Hoá, TP. Đà Nẵng, TP. Cần Thơ.
- <sup>17</sup> Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải ngân vốn đầu tư công và xuất khẩu bền vững những tháng cuối năm 2021 và đầu năm 2022; Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 15/9/2022 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2022; Nghị quyết 88/NQ-CP ngày 8/6/2023 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5 năm 2023 trực tuyến với địa phương, trong đó có đưa ra yêu cầu về việc phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công.
- <sup>18</sup> Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 7/10/2022 về đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, thực hiện 3 Chương trình mục tiêu quốc gia những tháng còn lại năm 2022 và nâng cao chất lượng xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2023; Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 23/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023, thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.
- <sup>19</sup> Ví dụ như: Công điện số 1082/CD-TTg ngày 16/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021; Công điện số 1076/CD-TTg ngày 10/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2022 và đầu năm 2023.
- <sup>20</sup> Quốc hội đã quyết nghị số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 là khoảng 2,87 triệu tỷ đồng.

được đẩy mạnh. Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công trung bình năm 2021, 2022 đạt khoảng 93,56% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, trong đó, năm 2021 đạt 95,7%, năm 2022 đạt 91,42%. Tính chung 11 tháng năm 2023 đạt khoảng 460,98 nghìn tỷ đồng, đạt 65,09% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, cao hơn cùng kỳ năm 2022 (58,33%), về số tuyệt đối cao hơn khoảng 123 nghìn tỷ đồng, việc đưa một lượng vốn lớn ra nền kinh tế, tạo đầu ra cho nhiều ngành, lĩnh vực, lao động, việc làm,... hỗ trợ tăng trưởng, sản xuất kinh doanh.

Nhờ sự chỉ đạo quyết liệt, sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, việc cơ cấu lại đầu tư công đã đạt được những một số kết quả quan trọng:

*Một là*, vốn đầu tư công được bố trí tập trung, từng bước khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, kéo dài, chuyển tiếp chiếm phần lớn trong tổng số dự án được giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2021-2023. Việc bố trí vốn đầu tư năm 2021-2023 theo đúng nguyên tắc của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025<sup>21</sup> đã góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư theo đúng mục tiêu, định hướng của chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm. Vốn ngân sách trung ương (NSTW) tập trung cho các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, có sức lan tỏa cao, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, tạo đột phá thu hút vốn đầu tư theo phương thức đối tác công tư; tăng cường đầu tư cho cơ sở hạ tầng, nhất là hệ thống giao thông quan trọng quốc gia và hạ tầng đô thị lớn, thúc đẩy liên kết vùng nhằm hỗ trợ các vùng phát triển tạo ra các khu vực và cực tăng trưởng mới<sup>22</sup>.

*Hai là*, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các ngành, lĩnh vực then chốt, các công trình, dự án, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm hiệu quả giữa các vùng miền. Cơ cấu đầu tư công dịch chuyển sang các ngành gắn với quá trình cơ cấu lại nền kinh tế như phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng số, KHCN, giáo dục và đào tạo, y tế và trợ giúp xã hội, khắc phục thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đầu tư tư nhân đã phát huy tác dụng trong đầu tư kết cấu hạ tầng cùng với nhiều công trình, dự án sản xuất, kinh doanh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

*Ba là*, đầu tư công bước đầu đã phát huy vai trò là vốn môi, dẫn dắt đầu tư của các thành phần kinh tế khác. Triển khai tích cực định hướng “Đầu tư công kích hoạt huy động các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước, đẩy mạnh hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng chiến lược”<sup>23</sup>. Giai đoạn 2021-2022, đã triển khai 08 dự án PPP mới trong đó 07 dự án lĩnh vực giao thông<sup>24</sup>, 01 dự án lĩnh vực nước sạch. Thông qua các dự án này, dự kiến huy động được 58.574 tỷ đồng vốn đầu tư tư nhân.

<sup>21</sup> Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công: Tổng số dự án đầu tư trung hạn nguồn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 là 4.484 dự án, trong đó số dự án khởi công mới 2.311 dự án, giảm một nửa so với giai đoạn 2016-2020. Trong tổng số 4.484 dự án triển khai trong giai đoạn 2021-2025, có 9 dự án quan trọng quốc gia, 3.559 dự án nhóm A, nhóm B (trong đó có 102 dự án trọng điểm, liên vùng).

<sup>22</sup> Đã đưa vào sử dụng một số dự án cơ sở hạ tầng quan trọng như dự án cao tốc Bắc Nam giai đoạn 2017-2020 đoạn Mai Sơn - QL45, Vĩnh Hảo - Phan Thiết, Phan Thiết - Dầu Dây, QL45 - Nghi Sơn, Nghi Sơn - Diễn Châu, Nha Trang - Cam Lâm, sân bay Điện Biên...; khởi công các dự án liên vùng như vành đai 4 - vùng Thủ đô, vành đai 3 - TP Hồ Chí Minh, Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột, Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Biên Hòa - Vũng Tàu...”

<sup>23</sup> Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

<sup>24</sup> Các dự án này khi hoàn thành dự kiến sẽ hình thành 253,44 km đường cao tốc, 02 cảng hàng không quốc tế tiêu chuẩn cấp 4C và sân bay quân sự cấp II.

*Bốn là*, công tác theo dõi, giám sát, đánh giá, thanh tra, kiểm tra được tăng cường, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng, vận hành hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công, góp phần bảo đảm công khai, minh bạch trong đầu tư công. Nhờ đó, cơ quan quản lý Nhà nước nắm được cụ thể diễn biến của quá trình đầu tư và có các quyết định xử lý kịp thời, phù hợp, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, bảo đảm thực hiện chương trình dự án đúng tiến độ, đúng yêu cầu chất lượng, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư. Đã ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tổng hợp, lập, giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm theo đúng quy định của Luật Đầu tư công.

Bên cạnh những kết quả tích cực đạt được trên, quá trình cơ cấu lại đầu tư công thời gian qua vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, cụ thể:

- Thể chế và chính sách liên quan trực tiếp đến việc triển khai dự án đầu tư công còn bất cập, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án. Một số quy định pháp luật còn chưa đồng bộ, thống nhất, khả thi, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn; một số bất cập trong cơ chế, chính sách tuy đã được phát hiện nhưng còn chậm được sửa đổi, bổ sung thuộc các lĩnh vực như: đất đai, tài nguyên, môi trường, NSNN và công sản, xây dựng<sup>25</sup>.

- Chủ trương đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt đầu tư tư mới đạt được kết quả khiêm tốn<sup>26</sup>. Số lượng các dự án PPP không nhiều, đối tượng PPP còn hẹp, mới chủ yếu trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng<sup>27</sup>, một số mô hình có hiệu quả chưa được nhân rộng<sup>28</sup>.

- Tổ chức triển khai thực hiện dự án đầu tư công ở nhiều nơi còn chậm, chưa đồng bộ, dẫn đến hiệu quả chưa cao, giảm tác động lan tỏa của các dự án. Công tác xây dựng kế hoạch đầu tư vốn NSNN chưa sát với khả năng thực hiện dẫn đến không phân bổ được hết kế hoạch vốn được giao, còn tình trạng “vốn chờ dự án đủ thủ tục”, dự kiến vốn trước rồi mới tiến hành làm thủ tục đầu tư (Quyết định đầu tư các dự án) hoặc thực hiện các thủ tục gia hạn Hiệp định, kéo dài thời gian bố trí vốn đối với dự án sử dụng vốn ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Công bố chỉ số giá xây dựng tại các địa phương chưa kịp thời, chưa sát với thị trường, gây bị động cho chủ đầu tư, nhà thầu; chất lượng chuẩn bị dự án thấp. Công tác khảo sát, thiết kế dự án chưa tốt dẫn tới nhiều dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư nhưng vẫn chưa đủ điều kiện giải ngân vì lại vướng mắc về quy hoạch, địa điểm, đất đai, giải phóng mặt bằng, dẫn tới phải điều chỉnh đơn giá, dự toán làm thay đổi hoặc điều chỉnh lại dự án, làm chậm tiến độ giải ngân

*Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tồn tại, hạn chế, trong đó có một số nguyên nhân chính như:* các cấp, các ngành và người đứng đầu các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chưa thực sự vào cuộc, chưa tập trung xử lý dứt điểm các khó khăn, vướng mắc của các dự án đã và đang triển khai; vẫn còn tình trạng một số địa phương e ngại trong

<sup>25</sup> Theo quy định, từ khi hình thành dự án đến khi có thể giải ngân được vốn, tổ chức thực hiện trải qua nhiều giai đoạn, tương ứng với từng giai đoạn thì quy trình, trình tự, thủ tục chịu sự điều chỉnh của nhiều Luật, tùy từng tính chất của dự án như: Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng, Luật NSNN, Luật Đất đai, Luật Đấu thầu, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Thuế, Luật Kiến trúc...

<sup>26</sup> Tỷ lệ đầu tư tư nhân/đầu tư công năm 2021 đạt 4,9% và năm 2022 là 4,7%; bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 4,8%.

<sup>27</sup> Đối tượng PPP theo Luật số 64/2020/QH14 Quốc hội thông qua ngày 18/6/2020 về đầu tư theo phương thức đối tác công tư gồm: (1) Giao thông vận tải; (2) Lưới điện, nhà máy điện, trừ nhà máy thủy điện và các trường hợp Nhà nước độc quyền theo quy định của Luật Điện lực; (3) Thủy lợi; cung cấp nước sạch; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý chất thải; (4) Y tế; giáo dục - đào tạo; (5) Hạ tầng công nghệ thông tin.

<sup>28</sup> Như một số mô hình: "Đầu tư công - quản lý tư", "Đầu tư tư - sử dụng công".

việc xử lý các thủ tục liên quan đến đất đai, giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu tư...; năng lực của Ban quản lý dự án, cán bộ chuyên môn làm công tác đầu tư tại các cấp, nhất là cấp huyện, xã còn hạn chế; ý thức chấp hành pháp luật, ý thức tôn trọng kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công chưa cao, chưa chủ động, nghiêm túc trong tuân thủ các quy định, tiêu chí, nguyên tắc trong đầu tư công, phê duyệt các dự án chưa đạt yêu cầu về pháp lý, hiệu quả; phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương nhất là về thời gian thẩm định dự án, phê duyệt dự án hầu như chưa được tuân thủ theo đúng quy định; một số vướng mắc liên quan đến biến động giá nguyên vật liệu, khó khăn trong nguồn cung, khan hiếm nguyên vật liệu; vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

### ***b) Cơ cấu lại ngân sách nhà nước***

Giai đoạn 2021-2023, một số chính sách quan trọng tạo tiền đề cho quá trình cơ cấu lại NSNN tiếp tục được ban hành. Cải cách thể chế, pháp luật về cơ cấu lại NSNN tiếp tục được sửa đổi, hoàn thiện theo hướng nâng cao vai trò của chính sách tài chính trong việc huy động, giải phóng, định hướng phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực trong và ngoài nước vào các mục tiêu ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội; tăng tỷ trọng các nguồn thu bền vững, bảo đảm vai trò chủ đạo của NSTW, tăng cường phân cấp, phân quyền,... gắn với nâng cao và cá thể hóa trách nhiệm; quản lý chặt chẽ nợ công, giữ vững an ninh, an toàn nền tài chính quốc gia; siết chặt kỷ luật, kỷ cương; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý tài chính quốc gia<sup>29</sup>; các chính sách về tài chính, thuế, chế độ thu, chi NSNN được chỉnh sửa, bổ sung, ban hành mới theo hướng hợp lý, tiết kiệm, phù hợp với tình hình thực tế và tiến trình thực hiện cam kết quốc tế.

Việc thực hiện đồng bộ, kịp thời các chính sách về quản lý thu, chi NSNN và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế trong giai đoạn 2021-2023 đã góp phần mang lại những kết quả tích cực, góp phần vào việc phục hồi nền kinh tế, hỗ trợ doanh nghiệp, đảm bảo an sinh xã hội cho người dân. Một số kết quả quan trọng như sau:

*Một là, cân đối NSNN được bảo đảm. Cơ cấu lại NSNN đã đạt được những thay đổi tích cực về quy mô, cơ cấu thu ngân sách vừa hỗ trợ giảm chi phí cho các chủ thể kinh tế, hỗ trợ người lao động, người dân bị giảm sâu thu nhập, các đối tượng yếu thế, hỗ trợ tổng cầu vừa đảm bảo nguồn lực cho các nhiệm vụ chi và đầu tư của nhà nước: Năm 2021, tỷ lệ huy động thu NSNN so với GDP khoảng 18,8%; năm 2022 đạt khoảng 19,1%, dự toán năm 2023 là 15,7%, bình quân giai đoạn 2021-2023 khoảng 17,8%<sup>30</sup>. Trong đó, tỷ lệ thu nội địa/tổng thu NSNN giảm từ 82,5% năm 2021 xuống ước khoảng 79,54% năm 2022, dự toán năm 2023 là 82,3%, bình quân giai đoạn 2021-2023 ước đạt 81,38%<sup>31</sup>. Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu/tổng thu NSNN tăng từ khoảng 13,6% năm 2021 lên khoảng 15,7% năm 2022, năm 2023 là 13,6% (dự toán năm 2023 là 14,7%), bình quân giai đoạn 2021-2023 ước đạt 14,7%<sup>32</sup>. Tỷ trọng thu ngân sách địa phương (NSĐP) bình quân giai đoạn 2021-2023 ước chiếm khoảng 50% tổng thu NSNN.*

*Hai là, cơ cấu lại chi NSNN theo hướng bền vững, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, hỗ trợ thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội; thực hiện nghiêm nguyên tắc chỉ vay nợ cho chi đầu tư phát triển. Nghiên*

<sup>29</sup> Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 21/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Tài chính đến năm 2030.

<sup>30</sup> Tỷ lệ huy động thu NSNN so với GDP giai đoạn 2016-2020 khoảng 25,2%.

<sup>31</sup> Thu nội địa/tổng thu NSNN giai đoạn 2016-2020 là 81,5%.

<sup>32</sup> Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu/tổng thu NSNN giai đoạn 2016-2020 đạt 13,9%.



cứ sử dụng hiệu quả chính sách mua sắm công để thúc đẩy chuyển đổi số (CDS), an toàn thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ. Tổng chi NSNN trong 3 năm 2021-2023 (bao gồm cả nhiệm vụ chi cho Chương trình phục hồi và phát triển KTXH) ước đạt 5.952,6 nghìn tỷ đồng, bằng 58% dự kiến cả 05 năm (2021-2025), đáp ứng cao nhất yêu cầu về vốn đầu tư phát triển, đảm bảo kinh phí cho công tác phòng chống, kiểm soát dịch bệnh, thực hiện các chính sách an sinh xã hội, cải cách tiền lương cơ sở và các nhiệm vụ cấp thiết khác. Trong đó, chi đầu tư phát triển thực hiện năm 2021 đạt khoảng 31,62% tổng chi NSNN, ước thực hiện năm 2022 khoảng 29,57%, dự toán 2023 là 35%, bình quân 2021-2023 khoảng 32,06%<sup>33</sup>; chi thường xuyên thực hiện năm 2021 đạt khoảng 62,13%, ước thực hiện năm 2022 khoảng 51,06%, dự toán 2023 là 56,46%, bình quân 2021-2023 khoảng 56,13%<sup>34</sup>.

*Ba là*, chi NSNN chủ động, đảm bảo chặt chẽ, đúng chính sách, chế độ, tăng cường kỷ luật tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng. Bội chi NSNN thực hiện năm 2021 đạt 3,4% GDP và ước thực hiện năm 2022 đạt 3,6% GDP, năm 2023 ước khoảng 4% GDP, thấp hơn chỉ tiêu quốc hội cho phép 0,42% (4,42% GDP), bình quân giai đoạn 2021-2023 khoảng 3,81%.

*Bốn là*, chính sách về nợ công đã được điều chỉnh linh hoạt, kịp thời, hoàn thiện với đầy đủ các cấp độ ngắn hạn, trung hạn, dài hạn và được gắn chặt với các kế hoạch, chiến lược khác của quốc gia. Trong giai đoạn 2021-2023, Quốc hội đã phê duyệt Kế hoạch tài chính quốc gia, vay, trả nợ công 05 năm giai đoạn 2021-2025<sup>35</sup> và các phương án huy động vốn cho Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội<sup>36</sup>. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt các văn bản về: Chương trình quản lý nợ công 3 năm giai đoạn 2021-2023 và Kế hoạch vay, trả nợ công năm 2021<sup>37</sup>; Chiến lược nợ công đến năm 2030<sup>38</sup>; Chương trình quản lý nợ công 3 năm giai đoạn 2022-2024 và Kế hoạch vay, trả nợ công năm 2022<sup>39</sup>; Kế hoạch vay, trả nợ công năm 2023 và Chương trình quản lý nợ công 3 năm giai đoạn 2023-2025<sup>40</sup>.

Công tác quản lý nợ Chính phủ bảo lãnh tuân thủ chủ trương đề ra tại Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, theo đó mức rút vốn trong năm không vượt quá nghĩa vụ trả nợ gốc trong năm. Công tác quản lý nợ chính quyền địa phương được thực hiện trong phạm vi bội chi, hạn mức nợ và tổng mức vay đã được Quốc hội quyết định trong các nghị quyết hàng năm về dự toán NSNN, được Thủ tướng Chính phủ giao cho từng địa phương. Với việc tuân thủ và thực hiện những nguyên tắc, định hướng lớn nêu trên, cơ cấu lại NSNN trong lĩnh vực nợ công đạt được những kết quả tích cực. Các chỉ tiêu nợ công đều trong phạm vi cho phép: Nợ công giảm từ mức 42,7% GDP năm 2021 xuống khoảng 37,48% GDP năm 2022<sup>41</sup>,

<sup>33</sup> Chi đầu tư phát triển thực hiện giai đoạn 2016-2020 là 28,8%.

<sup>34</sup> Giai đoạn 2016-2020, chi thường xuyên từ giảm từ mức 64,9% của năm 2017 xuống dưới 64% vào năm 2020, nếu loại trừ phần kinh phí chi tạo nguồn cải cách tiền lương thì năm 2020 khoảng 60,5%.

<sup>35</sup> Tại Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội.

<sup>36</sup> Tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

<sup>37</sup> Tại Quyết định số 856/QĐ-TTg ngày 4/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>38</sup> Tại Quyết định số 460/QĐ-TTg ngày 14/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>39</sup> Tại Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 12/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>40</sup> Tại Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 28/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>41</sup> Tương đương 47,8%GDP chưa điều chỉnh.

năm 2023 dự kiến mức 39-40% GDP; nợ Chính phủ giảm từ mức 38,7% GDP năm 2021 xuống dự kiến khoảng 34,2% GDP năm 2022<sup>42</sup>; nợ nước ngoài của quốc gia giảm từ mức 38,1% GDP năm 2021 xuống dự kiến khoảng 36,1% GDP năm 2022<sup>43</sup>; nghĩa vụ trả nợ trực tiếp trên tổng thu NSNN đảm bảo dưới mức 25%; công tác trả nợ đầy đủ, đúng hạn, đảm bảo các cam kết của Chính phủ, góp phần giúp Việt Nam liên tục được các tổ chức nâng hạng trong giai đoạn 2021-2023<sup>44</sup>.

Bên cạnh kết quả đạt được, cơ cấu lại NSNN vẫn còn một số hạn chế.

- *Về thu NSNN*: một số nhiệm vụ quan trọng trong cơ cấu lại thu NSNN hiện mới đang nghiên cứu triển khai, chưa có kết quả cụ thể, đặc biệt là các nhiệm vụ sửa đổi, bổ sung các luật thuế. Tiến độ thu NSNN đạt khá, song chủ yếu là vượt thu tiền sử dụng đất, thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, đây là những khoản thu không ổn định, bền vững. Một số khoản thu, địa bàn đạt thấp, nhất là thu từ hoạt động sắp xếp lại DNNN (ước thực hiện năm 2022 thu 2,8 nghìn tỷ đồng, trên tổng số 30 nghìn tỷ đồng dự toán); số nợ thuế của doanh nghiệp tiếp tục có xu hướng tăng (tổng số nợ thuế nội địa ước đến hết tháng 11/2022 khoảng 126,64 nghìn tỷ đồng, tăng 10,1% so với thời điểm cuối năm 2021); tình trạng lợi dụng phương thức kinh doanh trên nền tảng số, thương mại điện tử để gian lận, trốn thuế ở một số nơi vẫn còn diễn biến phức tạp, việc đấu tranh khẳng định chủ quyền quốc gia đối với kinh doanh xuyên biên giới vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Quy mô thu ngân sách hiện có xu hướng thu hẹp so với giai đoạn trước, nhưng có thể là xu hướng tạm thời, có nguyên nhân từ việc sử dụng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người dân ứng phó và phục hồi trước tác động nặng nề từ đại dịch Covid-19.

- *Về chi NSNN*: một số nhiệm vụ quan trọng như đổi mới phân cấp NSNN, nghiên cứu sử dụng hiệu quả chính sách mua sắm công để thúc đẩy chuyển đổi số, an toàn thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ mới đang được nghiên cứu, chưa có kết quả cụ thể. Công tác triển khai phân bổ dự toán chi NSNN chậm, nhất là các nhiệm vụ chi thuộc Chương trình phục hồi, chương trình mục tiêu quốc gia, giao chi tiết các nguồn vốn thuộc kế hoạch năm 2022 của một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Tính đến hết tháng 11 năm 2022, tổng số kế hoạch vốn đầu tư chưa triển khai phân bổ chi tiết còn khoảng 24,42 nghìn tỷ đồng, bằng 4,21% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao.

- *Về nợ công*: giải ngân nguồn vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài còn chậm, đạt thấp so với dự toán. Một số dự án thời gian thực hiện kéo dài, chậm đưa công trình vào khai thác, sử dụng, ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn vay. Đối với các khoản vay mới, khác biệt về pháp lý giữa quy định của nhà tài trợ và quy định pháp luật trong nước, sự khác nhau trong việc áp dụng luật pháp do có hình thức ký kết khác nhau giữa các nhà tài trợ (Luật Điều ước quốc tế đối với điều ước quốc tế vay và Bộ Luật Dân sự đối với thỏa thuận vay) trong khi phải đảm bảo tuân thủ pháp luật trong nước và sự bình đẳng giữa các nhà tài trợ dẫn đến việc huy động nguồn vốn này ngày càng khó khăn, chậm hơn so với dự kiến.

*Có nhiều nguyên nhân dẫn đến hạn chế của quá trình cơ cấu lại NSNN, trong đó*

<sup>42</sup> Tương đương 43,6% GDP chưa điều chỉnh.

<sup>43</sup> Tương đương 46,2% GDP chưa điều chỉnh.

<sup>44</sup> Năm 2022, S&P nâng từ mức BB lên mức BB+, triển vọng Ổn định; Moody's nâng từ mức Ba3 lên mức Ba2, triển vọng Ổn định.

*có một số nguyên nhân chính như sau:* trong giai đoạn 2021-2023, nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, tạo môi trường tốt cho doanh nghiệp phát triển, Chính phủ nghiên cứu trình Quốc hội ban hành các chính sách miễn, giảm thuế (như giảm thuế bảo vệ môi trường, thuế suất thuế giá trị gia tăng), do đó đã ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách; công tác hoàn thiện, sửa đổi các văn bản luật pháp thúc đẩy cơ cấu lại NSNN nhiều, phức tạp, đòi hỏi cần có thời gian để triển khai thực hiện; mặc dù công tác quản lý nợ của chính quyền địa phương dân đi vào nề nếp, tuy nhiên năng lực quản lý còn hạn chế; công tác quản lý nợ công còn phân tán tại nhiều cơ quan, đơn vị trong Chính phủ nên dữ liệu nợ công chưa đồng bộ, kịp thời, gây khó khăn trong việc quản lý thống nhất.

### ***c) Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng***

Giai đoạn 2021-2023, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp tục triển khai quyết liệt công tác cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD)<sup>45</sup> theo hướng tập trung hoàn thiện thể chế phù hợp nguyên tắc thị trường, cơ chế chính sách, bảo đảm hệ thống ngân hàng hoạt động an toàn và từng bước áp dụng chuẩn mực quốc tế. Từ năm 2021 đến nay, NHNN chủ trì soạn thảo và trình Chính phủ trình Quốc hội ban hành 01 Luật<sup>46</sup>, đã ban hành 07 Nghị định<sup>47</sup>, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 06 Quyết định<sup>48</sup>. Bên cạnh đó, NHNN theo thẩm quyền đã ban hành 04 Quyết định và 66 Thông tư trong lĩnh vực tiền tệ, tín dụng, ngân hàng tạo hành lang pháp lý để điều hành chính sách tiền tệ, xử lý nợ xấu, khắc phục, xử lý tình trạng sở hữu chéo<sup>49</sup>, đẩy mạnh thoái vốn ngoài ngành của các ngân hàng thương mại, đẩy mạnh hoạt động ngân hàng số, chuyển đổi số và hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt góp phần nâng cao mức độ an toàn, hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng, hỗ trợ phục hồi, phát triển kinh tế. Ngoài ra, NHNN chủ

<sup>45</sup> Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025

<sup>46</sup> Luật số 14/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 15/11/2022 về phòng, chống rửa tiền.

<sup>47</sup> Nghị định 58/2021/NĐ-CP ngày 10/6/2021 của Chính phủ quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng; Nghị định số 143/2021/NĐ-CP 31/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 88/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng; Nghị định 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Nghị định 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; Nghị định số 19/2023/NĐ-CP ngày 28/4/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền; Nghị định số 23/2023/NĐ-CP ngày 23/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

<sup>48</sup> Quyết định số 02/2021/QĐ-TTg ngày 21/1/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo; Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 9/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile-Money); Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 12/2022/QĐ-TTg ngày 9/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp Thư phản đối, không phản đối hoạt động khu vực tư nhân tại Việt Nam của các tổ chức tài chính quốc tế; Quyết định số 11/2023/QĐ-TTg ngày 27/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định mức giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo.

<sup>49</sup> Trong đó, Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 của NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh NHNN, trong đó đã quy định cụ thể về giới hạn mua, nắm giữ cổ phiếu tối đa của NHTM nhằm góp phần hạn chế sở hữu chéo giữa các TCTD, sở hữu chéo giữa ngân hàng và doanh nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp bất động sản).

trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thiện dự thảo Luật Các TCTD<sup>50</sup>, nghiên cứu và sửa đổi Luật Bảo hiểm tiền gửi, Luật NHNN<sup>51</sup> và một số nghị định quan trọng khác<sup>52</sup>; giao Bộ Tư pháp tiếp tục rà soát rà soát tổng kết 14 năm thi hành Luật Thi hành án dân sự và lập kế hoạch xây dựng Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi) và các văn bản có liên quan; chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan thi hành án dân sự các cấp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; phối hợp với Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) và các tổ chức tín dụng thi hành bản án, quyết định có hiệu lực thi hành.

Với việc đẩy mạnh công tác hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách thúc đẩy cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2021-2023 đạt được một số kết quả sau:

*Một là*, sự ổn định, an toàn của hệ thống các TCTD tiếp tục được giữ vững, quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền được bảo đảm, củng cố niềm tin của người dân, doanh nghiệp vào hệ thống ngân hàng; mạng lưới phân phối sản phẩm dịch vụ ngân hàng phát triển nhanh, phủ rộng khắp các địa phương trên toàn quốc và gia tăng hiện diện thương mại tại các thị trường tài chính quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận dịch vụ ngân hàng. Quy mô hệ thống các TCTD tiếp tục tăng; năng lực tài chính, chất lượng quản trị, điều hành từng bước được củng cố, nâng cao, tiệm cận thông lệ quốc tế, cụ thể:

- Các ngân hàng thương mại Nhà nước (NHTMNN) tiếp tục đóng vai trò chủ đạo trong hệ thống các TCTD cả về quy mô vốn, tài sản, huy động vốn và tín dụng<sup>53</sup>. Các NHTMNN tích cực nâng cao chất lượng tài sản, kiểm soát chất lượng tín dụng và xử lý nợ xấu, đặc biệt là nỗ lực tự xử lý nợ xấu bằng các biện pháp đôn đốc thu hồi nợ, sử dụng dự phòng rủi ro; tăng cường quy mô nguồn vốn điều lệ<sup>54</sup>; đẩy mạnh cơ cấu lại mạng lưới kênh phân phối, trong đó ưu tiên phục vụ khu vực nông nghiệp, nông thôn; tích cực nghiên cứu thị trường, mở chi nhánh, gia nhập thị trường tài chính quốc tế và trong khu vực; thực hiện đổi mới, nâng cao hiệu quả hệ thống quản trị, điều hành, hệ

<sup>50</sup> NHNN đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, các TCTD, các tổ chức có liên quan xây dựng dự thảo Luật Các TCTD (sửa đổi), trong đó đã luật hóa các nội dung liên quan đến việc xử lý nợ xấu tại các TCTD, bổ sung các quy định nhằm hạn chế việc sở hữu của cổ đông lớn tại nhiều TCTD, hạn chế việc lạm dụng vị trí người quản lý, người điều hành, cổ đông lớn trong việc cấp tín dụng của TCTD; quy định cụ thể các trường hợp người quản lý, người điều hành của TCTD không được kiêm nhiệm chức vụ tại các TCTD, doanh nghiệp khác... Tại Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV, theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc NHNN đã trình bày dự thảo Luật Các TCTD. Tiếp thu ý kiến của các đại biểu Quốc hội, NHNN đã tập trung hoàn thiện Luật Các TCTD (sửa đổi) và đã trình Quốc hội thảo luận, cho ý kiến tại phiên toàn thể chiều ngày 23/11/2023 trong khuôn khổ Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV. Hiện, NHNN tiếp tục hoàn thiện dự thảo Luật và trình các cấp có thẩm quyền trong thời gian tới.

<sup>51</sup> NHNN đã có Báo cáo số 324/BC-NHNN gửi Chính phủ về kết quả nghiên cứu, rà soát xây dựng Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật Bảo hiểm tiền gửi, trong đó, NHNN đề xuất cho phép kéo dài thời gian nghiên cứu, rà soát sự cần thiết sửa đổi, bổ sung Luật Ngân hàng Nhà nước, Luật Bảo hiểm tiền gửi sang năm 2023 và thực hiện việc lập hồ sơ đề nghị xây dựng luật trình Chính phủ trình Quốc hội bổ sung vào Chương trình xây dựng Luật năm 2024 (trong trường hợp cần thiết). Hiện tại, NHNN tiếp tục nghiên cứu, rà soát, đề xuất đưa vào Chương trình tại thời điểm thích hợp.

<sup>52</sup> Như: Nghị định thay thế Nghị định số 101/2021/NĐ-CP ngày 15/11/2021 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt; Nghị định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính (Fintech) trong lĩnh vực ngân hàng; Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2014/NĐ-CP về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của TCTD Việt Nam.

<sup>53</sup> Đến cuối tháng 10/2023, vốn điều lệ của 04 NHTMNN (Agribank, Vietcombank, VietinBank, BIDV) đạt 189 nghìn tỷ đồng; tổng tài sản đạt 7.730,6 nghìn tỷ đồng; huy động vốn TT1 đạt 6.263,4 nghìn tỷ đồng; dư nợ cho vay TT1 đạt 5.685,3 nghìn tỷ đồng.

<sup>54</sup> Trên cơ sở chấp thuận chủ trương của Quốc hội tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho Agribank giai đoạn 2021-2023 từ nguồn lợi nhuận còn lại thực nộp ngân sách nhà nước và ký quyết định giao bổ sung dự toán ngân hàng nhà nước năm 2023 cho Agribank; Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án đầu tư bổ sung vốn nhà nước từ nguồn lợi nhuận sau thuế, sau trích lập các quỹ năm 2021 của BIDV; đang xem xét bổ sung vốn điều lệ cho Vietcombank và Vietinbank từ nguồn lợi nhuận sau thuế, sau trích lập các quỹ giai đoạn 2021.

thông quản trị rủi ro, kiểm soát, kiểm toán nội bộ và rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy; tích cực phát triển dịch vụ ngân hàng mới, hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin; cơ cấu lại hoạt động kinh doanh theo hướng lành mạnh, hiệu quả, gắn với việc thoái vốn đầu tư trong các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, kém hiệu quả và chần chừ, củng cố, cơ cấu lại các công ty con, công ty liên kết ở trong nước và nước ngoài.

- Các ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP) đều đang tập trung củng cố, chấn chỉnh toàn diện các mặt tài chính, quản trị và hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, năng lực cạnh tranh. Các NHTMCP đã tích cực tăng trưởng, mở rộng quy mô, đẩy mạnh tín dụng, huy động vốn, tích cực cải thiện khả năng chi trả và các chỉ số an toàn, lành mạnh tài chính<sup>55</sup>; nợ xấu được các ngân hàng tập trung xử lý và tăng cường các biện pháp kiểm soát, nâng cao chất lượng tín dụng; thực hiện cơ cấu lại hoạt động theo hướng an toàn, lành mạnh hơn, kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như cho vay đầu tư, kinh doanh chứng khoán, bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp; tích cực phát triển các dịch vụ thanh toán, dịch vụ phi tín dụng khác và mở rộng dịch vụ bán lẻ, tín dụng tiêu dùng. Đẩy mạnh phát triển và đa dạng hóa dịch vụ ngân hàng, trong đó tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng truyền thống và phát triển nhanh các dịch vụ ngân hàng hiện đại (dịch vụ thanh toán, ngoại hối, đầu tư, quản lý tài sản, quản lý rủi ro cho khách hàng).

- Việc xử lý các TCTD trong diện kiểm soát đặc biệt: đã phê duyệt chủ trương chuyển giao bắt buộc đối với 04 ngân hàng được kiểm soát đặc biệt<sup>56</sup>, hiện đang chuẩn bị phê duyệt phương án cơ cấu lại các ngân hàng này theo trình tự, thủ tục quy định. Đối với NHTMCP Sài Gòn (SCB), trên cơ sở báo cáo đánh giá tổng thể thực trạng và đề xuất chủ trương cơ cấu lại của SCB và Ban kiểm soát đặc biệt SCB, NHNN đã có báo cáo Thủ tướng Chính phủ về chủ trương xử lý SCB. Hiện, NHNN đang nghiên cứu đề nghị xử lý đề xuất tham gia cơ cấu lại SCB của một số nhà đầu tư để khẩn trương trình Chính phủ phương án cơ cấu lại SCB theo quy định.

- Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND)<sup>57</sup> tiếp tục được tăng cường củng cố. Theo dõi, kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động của hệ thống QTDND; triển khai quyết liệt phương án xử lý QTDND yếu kém, QTDND được kiểm soát đặc biệt, xem xét cho phép thí điểm việc xử lý pháp nhân các QTDND yếu kém, QTDND được kiểm soát đặc biệt có quy mô nhỏ (lượng tiền gửi và người gửi tiền ít), QTDND không còn tiền gửi hoặc có tiền gửi trong hạn mức chi trả của bảo hiểm tiền gửi thông qua phương án phá sản sau khi đã đánh giá đầy đủ tác động và nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh chính trị và an toàn hệ thống. Đồng thời, chấn chỉnh, củng cố, từng bước giảm dần số lượng QTDND (đặc biệt các QTDND yếu kém) nhằm đảm bảo QTDND hoạt động theo đúng mục tiêu, tôn chỉ của loại hình TCTD là hợp tác xã, nâng cao mức độ an toàn, hiệu quả, ổn định, bền vững của QTDND và phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội từng địa phương.

- *Đối với tổ chức tài chính vi mô*: Hoạt động của tổ chức tài chính vi mô trong thời gian qua tiếp tục khẳng định được sự cần thiết và vai trò quan trọng trong việc gia tăng mức độ tiếp cận dịch vụ tài chính của phân khúc người nghèo, người có thu nhập thấp

<sup>55</sup> Đến cuối tháng 10 năm 2023, vốn điều lệ của các NHTMCP đạt 527,6 nghìn tỷ đồng; tổng tài sản đạt 8.348,1 nghìn tỷ đồng; huy động vốn TT1 đạt 6.117,1 nghìn tỷ đồng; dư nợ cho vay TT1 đạt 5.544,1 nghìn tỷ đồng.

<sup>56</sup> Gồm: CBBank, OceanBank, GPBank và DongABank.

<sup>57</sup> Đến cuối tháng 10 năm 2023, vốn điều lệ của các QTDND đạt 6.923,2 tỷ đồng; vốn chủ sở hữu đạt 12.970 tỷ đồng; tổng tài sản đạt 181.602,6 tỷ đồng; huy động vốn TT1 là 160.798,1 tỷ đồng; tổng dư nợ tín dụng TT1 là 131.357 tỷ đồng.

và các doanh nghiệp siêu nhỏ, có những hiệu quả nhất định trong việc hỗ trợ, nâng cao đời sống của người dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo và hạn chế tín dụng đen.

Hai là, triển khai đồng bộ, quyết liệt nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tín dụng, xử lý thu hồi nợ xấu và ngăn ngừa, hạn chế nợ xấu mới phát sinh. Tuy nhiên, do biến động tiêu cực từ tình hình kinh tế thế giới cùng những khó khăn của nền kinh tế trong nước thời kỳ hậu Covid-19 đã tác động tiêu cực tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, khả năng trả nợ gốc/lãi ngân hàng suy giảm khiến nợ xấu của các TCTD đang có xu hướng tăng. Tính đến cuối tháng 10 năm 2023, tỷ lệ nợ xấu nội bảng của hệ thống các TCTD ở mức 5,03%<sup>58</sup>.

- Tính từ năm 2012 đến cuối tháng 10 năm 2023, toàn hệ thống các TCTD đã xử lý được 1.750,9 nghìn tỷ đồng nợ xấu (trong đó giai đoạn 2017-2022 xử lý nợ xấu gấp 1,56 lần giai đoạn 2012-2016), trong đó: Các TCTD tự xử lý 1.321,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 75,5% trong tổng nợ xấu được xử lý, còn lại là bán nợ (bao gồm bán cho VAMC và bán cho tổ chức, cá nhân khác) đạt 429,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 24,5% tổng nợ xấu xử lý.

Bên cạnh việc xử lý nợ xấu nội bảng<sup>59</sup>, kết quả xử lý nợ xấu xác định theo Nghị quyết 42/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD (Nghị quyết 42) cũng đạt được kết quả tích cực. Lũy kế từ khi Nghị quyết có hiệu lực (ngày 15/8/2017) đến cuối tháng 10/2023, toàn hệ thống đã xử lý được 431,4 nghìn tỷ đồng nợ xấu xác định theo Nghị quyết 42<sup>60</sup>; trong đó: (i) Xử lý nợ xấu nội bảng<sup>61</sup> xác định theo Nghị quyết 42 đạt 212,7 nghìn tỷ đồng (chiếm 49,3% tổng nợ xấu đã xử lý); (ii) Xử lý các khoản nợ đang hạch toán ngoài bảng cân đối kế toán là 134,2 nghìn tỷ đồng (chiếm 31,1% tổng nợ xấu đã xử lý); (iii) Xử lý các khoản nợ xấu đã bán cho VAMC được thanh toán bằng trái phiếu đặc biệt là 84,5 nghìn tỷ đồng (chiếm 19,6%). Bên cạnh đó, đến thời điểm cuối tháng 10/2023, các TCTD đã sử dụng khoảng 258 nghìn tỷ đồng dự phòng rủi ro để xử lý nợ xấu nội bảng xác định theo Nghị quyết 42 và bán nợ xấu cho VAMC thông qua phát hành trái phiếu đặc biệt đạt 43,7 nghìn tỷ đồng.

- Với sự ra đời của Nghị quyết số 42/2017/QH14 cùng với việc tăng cường năng lực về vốn<sup>62</sup> đã tạo điều kiện cho VAMC triển khai hoạt động mua nợ theo giá trị thị trường; đồng thời, tạo tiền đề để hình thành thị trường mua bán nợ của các TCTD mà trong đó, VAMC là tổ chức trung tâm của thị trường<sup>63</sup>. Nhờ đó, từ 01/01/2021 đến

<sup>58</sup> Trong trường hợp không bao gồm 03 ngân hàng thương mại mua lại bắt buộc (Oceanbank, CBBank, GPBank) và 02 NHTM kiểm soát đặc biệt (DAB, SCB), tỷ lệ nợ xấu nội bảng là 1,97%.

<sup>59</sup> Nợ xấu xác định theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN.

<sup>60</sup> Không bao gồm nợ xấu xử lý bằng sử dụng dự phòng rủi ro.

<sup>61</sup> Không bao gồm xử lý bằng sử dụng dự phòng rủi ro và bán nợ cho VAMC thông qua phát hành trái phiếu đặc biệt.

<sup>62</sup> Vốn điều lệ của VAMC tăng từ 500 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng vào năm 2017 và tăng từ 2.000 tỷ đồng lên 5.000 tỷ đồng vào năm 2021.

<sup>63</sup> Cụ thể, VAMC đã phối hợp với các TCTD: (i) Triển khai lựa chọn bổ sung các tổ chức thẩm định giá đáp ứng đủ điều kiện theo quy định; xây dựng các tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá chuyên nghiệp, đồng thời VAMC tự tổ chức bán đấu giá các khoản nợ, tài sản bảo đảm (TSBĐ) cho các khoản nợ đã mua; (ii) thực hiện rà soát, phân loại, đánh giá thực trạng các khoản nợ, TSBĐ của các khoản nợ xấu đã mua để xác định khả năng thu hồi và áp dụng biện pháp xử lý nợ phù hợp; tích cực tìm kiếm các đối tác mua nợ, TSBĐ của khoản nợ mà VAMC đang quản lý; xây dựng danh mục khoản nợ/TSBĐ có khả năng phát mại, phù hợp nhu cầu của các nhà đầu tư để giới thiệu, chào bán; Mặt khác, để hoạt động mua nợ theo thị trường và xử lý nợ đạt hiệu quả cao và đảm bảo đúng quy định, VAMC đã tích cực: (i) Áp dụng tiêu chí, lựa chọn phương thức mua các khoản nợ xấu theo giá thị trường; (ii) ưu tiên số dư nợ gốc có giá trị lớn nhằm giảm thiểu chi phí theo dõi, quản lý, giám sát đối với khách hàng vay; (iii) ưu tiên chuyển các khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt sang mua theo giá trị thị trường; (iv) triển khai các biện pháp nhằm thu giữ TSBĐ ngay sau khi Nghị quyết số 42/2017/QH14 có hiệu lực để xử lý thu hồi nợ; (v) vận hành đưa Sàn giao dịch nợ VAMC đi vào hoạt động với mục tiêu VAMC trở thành trung tâm cung cấp thông tin về nợ xấu

31/10/2023: VAMC đã mua nợ bằng trái phiếu đặc biệt với dư nợ gốc nội bảng đạt 43.282 tỷ đồng (giá mua nợ là 41.635 tỷ đồng) và mua nợ theo giá trị thị trường với dư nợ gốc đạt 3.570 tỷ đồng (giá mua nợ là 3.943 tỷ đồng); VAMC đã xử lý ước đạt 41.797 tỷ đồng dư nợ gốc (trong đó: xử lý ước đạt 37.181 tỷ đồng dư nợ gốc từ nợ mua bằng TPĐB và 4.616 tỷ đồng dư nợ gốc từ nợ mua theo GTTT); thu hồi nợ đạt 27.592 tỷ đồng (trong đó thu hồi từ nợ mua bằng TPĐB là 22.531 tỷ đồng, thu hồi từ khoản nợ mua theo GTTT là 5.061 tỷ đồng); (iii) Lũy kế đến 31/10/2023, Sàn giao dịch nợ VAMC có 201 khách hàng đăng ký thành viên; ký kết 20 hợp đồng nguyên tắc môi giới bán khoản nợ xấu/ TSBĐ; đăng thông tin khoản nợ/TSBĐ trên website của Sàn với tổng giá trị khoản nợ là 54.960 tỷ đồng và tổng giá trị TSBĐ là 1.590 tỷ đồng, qua đó giúp TCTD xử lý thành công 408 khoản nợ/TSBĐ với giá trị 2.876 tỷ đồng; ký kết 22 hợp đồng tư vấn khoản nợ/TSBĐ với tổng phí dịch vụ tư vấn là 617 triệu đồng.

Kết quả thu hồi nợ xấu của các TCTD, Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC) trong hệ thống cơ quan thi hành án dân sự năm sau cao hơn năm trước<sup>64</sup>; công tác phối hợp giữa Bộ Tư pháp và NHNN, VAMC và các TCTD được nâng cao, ngày càng chặt chẽ, linh hoạt, hiệu quả, trong đó có việc trao đổi để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh; nhận thức của các cơ quan thi hành án dân sự và ý thức chấp hành pháp luật của các cá nhân, tổ chức trong việc thu hồi nợ xấu được tăng cường.

*Ba là, năng lực tài chính, quản trị và chất lượng tín dụng của các TCTD, QTDND từng bước được cải thiện góp phần thúc đẩy hệ thống các TCTD hoạt động hiệu quả hơn, cụ thể như sau:*

- *Về quy mô, năng lực tài chính:* từng bước được cải thiện, đến cuối tháng 10/2023: Tổng tài sản của toàn hệ thống các TCTD là 18.881,2 nghìn tỷ đồng, tăng 18,2% so với cuối năm 2021. Vốn chủ sở hữu của toàn hệ thống là 1.284,8 nghìn tỷ đồng, tăng 4,7% so với cuối năm 2021; trong đó, vốn điều lệ tăng nhanh dần qua các năm và đến cuối tháng 10/2023 là 957,9 nghìn tỷ đồng, tăng 23,3% so với cuối năm 2021; vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư đạt 13.996,8 nghìn tỷ đồng, tăng 15,6% so với cuối năm 2021.

- *Về năng lực quản trị điều hành:* Từng bước được nâng cao để tiệm cận với thông lệ quốc tế, trong đó, việc triển khai Basel II tiếp tục được các TCTD tập trung thực hiện để đáp ứng thông lệ quốc tế về an toàn vốn. Đến nay, trên cơ sở khung khổ pháp lý cần thiết và hướng dẫn của NHNN, 90 ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (NHNNg) đã áp dụng tỷ lệ an toàn vốn quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-

của TCTD và thúc đẩy sự phát triển của thị trường mua, bán nợ xấu; (vi) nâng cao hoạt động của Câu lạc bộ xử lý nợ do VAMC là đơn vị vận động thành lập, gồm VAMC và các Công ty quản lý tài sản (AMC) của các TCTD và các AMC thành lập theo quy định của pháp luật, nhằm tạo diễn đàn trong công tác mua bán và xử lý nợ; trên cơ sở đó đề xuất các kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện thị trường mua bán nợ ở Việt Nam.

<sup>64</sup> Trong 6 tháng đầu năm 2023: (i) Tổng số việc phải thi hành án là 36.860 việc (chiếm 5,90% so với tổng số việc phải thi hành của toàn hệ thống), tăng so với năm 2022 là 1.741 việc. Trong đó, số có điều kiện là 21.674 việc (chiếm 59%), đã thi hành xong là 1.960 việc (đạt 9,04%), giảm 527 việc việc và tỷ lệ giảm 2,35% so với cùng kỳ năm 2022 (6 tháng đầu năm 2022, tổng số việc thi hành án TDNH là 35.119 việc, đã thi hành xong là 2.487 việc, đạt tỷ lệ 11,39%); (ii) Tổng số tiền phải thi hành án là 142.572 tỷ 215 triệu 760 nghìn đồng (chiếm 41,45% về tiền so với tổng số tiền phải thi hành của toàn hệ thống), tăng 15.590 tỷ 421 triệu 947 nghìn đồng so với năm 2022. Trong đó, số có điều kiện là 81.303 tỷ 140 triệu 570 nghìn đồng (chiếm 57%), đã thi hành xong số tiền là 10.011 tỷ 078 triệu 047 nghìn đồng (đạt 12,10%), giảm 1.097 tỷ 782 triệu 611 nghìn đồng và tỷ lệ giảm 2,61% so với cùng kỳ năm 2022 (6 tháng đầu năm 2022, tổng số tiền phải thi hành án là 126.981 tỷ 793 triệu 813 nghìn đồng, số có điều kiện là 74.775 tỷ 090 triệu 476 nghìn đồng. Đã thi hành xong là 11.108 tỷ 860 triệu 660 đồng, đạt tỷ lệ 14,71%).

NHNN<sup>70</sup>. Các TCTD tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, điều hành, quản lý rủi ro và kiểm toán nội bộ theo quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018, Thông tư số 14/2023/TT-NHNN ngày 20/11/2023 và các quy định liên quan để tiệm cận thông lệ quốc tế và phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

- Về nâng cao chất lượng cấp tín dụng cho nền kinh tế: từ năm 2021 đến nay, trên cơ sở mục tiêu tăng trưởng kinh tế và lạm phát được Quốc hội và Chính phủ đặt ra, NHNN xây dựng chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng định hướng cho từng năm<sup>71</sup> và có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế; chỉ đạo các TCTD hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng nền kinh tế; đảm bảo hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả; kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng; tiếp tục triển khai với quyết tâm cao nhất chính sách hỗ trợ lãi suất 2% đối với doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh thuộc một số ngành, lĩnh vực theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Tăng trưởng tín dụng giai đoạn 2021-2022 đạt mục tiêu đề ra, trong đó, năm 2021 đạt 13,61% và năm 2022 đạt 14,18%. Đến cuối tháng 10 năm 2023, dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế đạt 12.809,2 nghìn tỷ đồng, tăng 7,4% so với cuối năm 2022 và tăng 22,7% so với cuối năm 2021. Trong đó, cơ cấu tín dụng tiếp tục tập trung vốn cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh<sup>72</sup>, lĩnh vực ưu tiên<sup>73</sup>. Tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro được kiểm soát. Bên cạnh đó, chủ động triển khai giải pháp tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng chính thức và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp khi vay vốn TCTD, qua đó góp phần hạn chế, đẩy lùi vấn nạn “tín dụng đen”, triển khai mạnh mẽ, sâu rộng chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp nhằm tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng<sup>74</sup>; tổ chức các Hội nghị chuyên đề tín dụng đối với lĩnh vực xuất khẩu, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh.

- Về hiệu quả hoạt động của các TCTD và chỉ tiêu an toàn trong hoạt động ngân hàng: lợi nhuận trước thuế của hệ thống các TCTD trong 9 tháng năm 2023 đạt 237,6 nghìn tỷ đồng, tăng 59% so với cùng kỳ năm 2022. ROA và ROE của hệ thống các TCTD giảm so với cùng kỳ năm 2022, đạt mức 1,1% và 11,5% tại thời điểm tháng 9 năm 2023. Đến cuối tháng 10 năm 2023, tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để

<sup>70</sup> 01 NHTM còn lại chưa áp dụng tỷ lệ an toàn vốn quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN và thực hiện theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 26/2022/TT-NHNN ngày 31/12/2022).

<sup>71</sup> Chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2021 khoảng 12%, năm 2022 khoảng 14%, năm 2023 khoảng 14-15%.

<sup>72</sup> Đến cuối tháng 10/2023, dư nợ tín dụng đối với ngành nông-lâm-thủy sản tăng 3,17% so với cuối năm 2022, chiếm 7,17% tổng dư nợ nền kinh tế; dư nợ tín dụng đối với ngành công nghiệp và xây dựng tăng 7,31%, chiếm 25,94%; dư nợ tín dụng ngành thương mại, dịch vụ tăng 7,93%, chiếm 66,89% dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế.

<sup>73</sup> Đến cuối tháng 10/2023, tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn tăng 6,33%, chiếm 24,52% tổng dư nợ nền kinh tế; tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa tăng 7,46%, chiếm 18,34% tổng dư nợ nền kinh tế; tín dụng xuất khẩu tăng 8,51%, chiếm 2,45% tổng dư nợ nền kinh tế; tín dụng đối với lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ tăng 20,09%, chiếm 2,78% tổng dư nợ nền kinh tế; tín dụng đối với doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao tăng 18,44%, chiếm 0,36% tổng dư nợ nền kinh tế.

<sup>74</sup> Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khách hàng gặp khó khăn trả nợ vay phục vụ nhu cầu đời sống, tiêu dùng, NHNN đã ban hành Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023 quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn. Lũy kế từ ngày 24/4/2023 đến ngày 31/10/2023, tổng dư nợ (gốc, lãi) được các TCTD cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ là 158.694 tỷ đồng, với 167.220 lượt khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ. Từ khi triển khai Thông tư 02 đến cuối tháng 8/2023, có 123.684 lượt khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ với tổng giá trị nợ gốc và lãi được cơ cấu là 120.889,89 tỷ đồng.



cho vay trung hạn và dài hạn là 28,16%; tỷ lệ dự trữ thanh khoản là 18,45%; tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi là 76,75%; tỷ lệ an toàn vốn của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài áp dụng theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN là 11,82%; tỷ lệ an toàn vốn của các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài áp dụng theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 của NHNN là 9,50%; và tỷ lệ an toàn vốn của các TCTD phi ngân hàng áp dụng theo quy định tại Thông tư số 23/2020/TT-NHNN ngày 31/12/2020 của NHNN là 19,29%.

*Bốn là*, hoạt động ngân hàng số, chuyển đổi số và thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) đã đạt được nhiều kết quả tích cực, cụ thể như sau:

- *Về chuyển đổi số, hệ sinh thái số, thanh toán số*: đã được thiết lập kết nối giữa dịch vụ ngân hàng với nhiều dịch vụ khác trong nền kinh tế để cung ứng trải nghiệm liền mạch cho khách hàng, nhiều ngân hàng Việt Nam có tỷ lệ trên 90% giao dịch thực hiện trên kênh số. Bên cạnh đó, đang triển khai chi trả qua tài khoản (tài khoản ngân hàng, ví điện tử, tài khoản Mobile-Money,...) cho các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội<sup>75</sup>; triển khai thực hiện Đề án 06<sup>76</sup> nhằm kết nối, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư làm sạch dữ liệu khách hàng và phục vụ các hoạt động nghiệp vụ của ngành ngân hàng; rà soát đối tượng nghi ngờ, giả mạo các loại giấy tờ với dữ liệu sinh trắc học của căn cước công dân phục vụ công tác phòng, chống tội phạm.

- *Về hoạt động TTKDTM*: đến cuối tháng 10 năm 2023, có 85 TCTD triển khai thanh toán qua Internet và 52 TCTD triển khai thanh toán qua Mobile, có 51 tổ chức TGTT được NHNN cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ TGTT đang hoạt động trên thị trường. So với cùng kỳ năm 2022, giao dịch TTKDTM đến cuối tháng 10 năm 2023 tăng 50,27% về số lượng; giao dịch qua kênh Internet tăng 58,66% về số lượng và 5,42% về giá trị, qua kênh điện thoại di động tăng 61,96% về số lượng và 10,78% về giá trị, qua phương thức QR code tăng 99,11% về số lượng và 8,72% về giá trị, qua POS tăng 19,94% về số lượng và 21,54% về giá trị.

- *Về hạ tầng thanh toán quốc gia*: so với cùng kỳ năm 2022, trong 10 tháng năm 2023, giao dịch qua hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng giảm 17,98% về số lượng và 1,57% về giá trị; giao dịch qua hệ thống chuyển mạch tài chính và bù trừ điện tử tăng 58,11% về số lượng và 13,26% về giá trị. Đến cuối tháng 10 năm 2023, thị trường có 21.061 máy ATM và 499.833 máy POS, tăng tương ứng 1% và 26,22% so với cùng kỳ năm 2022. Đến cuối tháng 9 năm 2023, có 27 tổ chức tín dụng triển khai phát hành thẻ bằng phương thức điện tử với khoảng 12,9 triệu thẻ đang lưu hành hoạt động được phát hành bằng phương thức điện tử; hơn 5,6 triệu tài khoản Mobile - Money đăng ký và sử dụng dịch vụ, trong đó số lượng khách hàng đăng ký và sử dụng dịch vụ ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo là hơn 3,9 triệu khách hàng (chiếm khoảng 70% tổng số khách hàng đăng ký và sử dụng dịch vụ).

- *Về thanh toán dịch vụ công*: tiếp tục được mở rộng triển khai rộng rãi. Đến nay, khoảng 62% số người hưởng nhận các chế độ BHXH, trợ cấp thất nghiệp qua tài khoản cá nhân tại khu vực đô thị; Trợ cấp thất nghiệp đạt 98%; 87,9% các bệnh viện trực thuộc

<sup>75</sup> Theo Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy chuyển đổi số trong chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt.

<sup>76</sup> Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 6/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ CĐS quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

Bộ và thuộc các trường Đại học Y, Dược đã triển khai TTKDTM; khoảng 63,8% địa phương - Sở Y tế có sở cơ sở khám chữa bệnh đã triển khai TTKDTM<sup>78</sup>; 100% các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn đô thị đã thực hiện TTKDTM; 100% cơ sở giáo dục nước ngoài đã triển khai giao dịch trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia<sup>79</sup>.

Bên cạnh các thành tựu đạt được, việc cơ cấu lại các TCTD giai đoạn 2021-2023 vẫn tồn tại một số bất cập, hạn chế, cụ thể như sau:

- Việc xử lý các TCTD yếu kém hiện nay vẫn còn gặp nhiều khó khăn về hành lang pháp lý, cơ chế hỗ trợ đối với các TCTD tham gia xử lý/nhận chuyển giao bắt buộc các TCTD yếu kém. Mặc dù, thời gian qua Luật Các TCTD và các văn bản liên quan đã được sửa đổi, bổ sung có các quy định để kiểm soát, ngăn ngừa các quan hệ sở hữu chéo, góp vốn đầu tư nhằm giảm thiểu các rủi ro cho hoạt động của các TCTD, tuy nhiên chưa thể bao quát được hết các tình huống phát sinh trong thực tế, hiện đang tiếp tục rà soát, nghiên cứu tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung; hơn nữa việc nhận diện chủ sở hữu “thực” của phần vốn góp và nhóm người có liên quan của cổ đông này là rất khó khăn do các đối tượng có thể lách các quy định của pháp luật... Bên cạnh đó, việc xử lý thoái vốn còn gặp khó khăn trong quá trình tìm kiếm khách hàng, đặc biệt là việc xử lý thoái vốn của các DNNN còn vướng mắc về thủ tục và cần có sự phê duyệt của cấp có thẩm quyền, các bộ, ngành là đơn vị chủ quản, cơ quan đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Việc xử lý nợ xấu phụ thuộc nhiều vào các điều kiện kinh tế vĩ mô và thị trường. Tuy nhiên, kinh tế thế giới, trong nước và hệ thống ngân hàng, doanh nghiệp đang chịu những tác động bất lợi, tiêu cực từ môi trường bên ngoài, đặc biệt là dịch bệnh Covid-19 đã làm suy giảm khả năng trả nợ của các hộ gia đình và doanh nghiệp, khiến nợ xấu có xu hướng gia tăng.

- Nợ xấu đã xử lý được một bước quan trọng nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với an toàn, hiệu quả hoạt động của các TCTD. Nợ xấu hiện đang tập trung chủ yếu ở các TCTD yếu kém, tuy nhiên chưa thể xử lý nhanh được do nhiều khoản nợ liên quan đến vụ án, hồ sơ pháp lý chưa hoàn chỉnh và khả năng trích lập dự phòng rủi ro của các TCTD còn nhiều hạn chế<sup>83</sup>.

- Thiếu các cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước tham gia xử lý TSBĐ và mua bán nợ xấu. Thị trường mua bán nợ chậm phát triển.

- Áp lực vốn đối với kênh tín dụng ngân hàng còn lớn trong bối cảnh các kênh huy động vốn khác chưa thực sự phát huy hiệu quả, thị trường vốn chưa phát triển tương xứng với yêu cầu của nền kinh tế; nhu cầu vốn cho phục hồi kinh tế tập trung nhiều qua kênh tín dụng ngân hàng dẫn tới tiềm ẩn rủi ro đối với hệ thống các TCTD. Khả năng huy động vốn trung, dài hạn của các TCTD vẫn còn hạn chế so với nhu cầu vốn đầu tư

<sup>78</sup> Báo cáo 1763/BC-TCTTKĐA ngày 02/11/2023

<sup>79</sup> Công văn số 4290/BGDĐT-KHTC ngày 14/8/2023

<sup>83</sup> Nghị quyết số 42/2017/QH14 là Nghị quyết mang tính thí điểm các chính sách mới về xử lý nợ xấu nên trong quá trình áp dụng không tránh khỏi những lúng túng, chưa thống nhất; một số chính quyền và công an địa phương chưa tích cực hỗ trợ việc bảo đảm an ninh, trật tự trong quá trình thu giữ TSBĐ theo đề nghị của TCTD. Trong thực tiễn, có không ít khách hàng không có ý thức tự giác trả nợ, tìm nhiều phương cách để không bàn giao TSBĐ, chống đối, tạo ra các tranh chấp khác liên quan đến TSBĐ để khởi kiện ra Tòa làm kéo dài thời gian xử lý TSBĐ.

dài hạn của nền kinh tế. Sự mất cân đối về cơ cấu kỳ hạn vốn tín dụng có thể làm gia tăng rủi ro kỳ hạn, rủi ro thanh khoản và rủi ro nợ xấu.

- Việc tiếp cận vốn tín dụng của doanh nghiệp (chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa - DNNVV) gặp khó khăn do quy mô vốn nhỏ, vốn chủ sở hữu và năng lực tài chính, quản trị điều hành còn hạn chế; thiếu phương án kinh doanh khả thi; thông tin về tình hình tài chính của doanh nghiệp còn thiếu minh bạch ảnh hưởng đến khả năng thẩm định của các TCTD; chưa có sự hợp tác chặt chẽ với ngân hàng khi vay vốn hoặc cơ cấu lại khoản nợ; các cơ chế hỗ trợ tiếp cận vốn thông qua bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng; Quỹ phát triển DNNVV thời gian qua chưa đạt được như kỳ vọng.

- Các quy định pháp lý hiện hành về giao dịch điện tử, chữ ký điện tử, chứng từ điện tử, việc định danh và xác thực khách hàng điện tử, việc chia sẻ dữ liệu và bảo mật thông tin khách hàng phải rà soát, điều chỉnh để phù hợp với bối cảnh mới. Sự đồng bộ và chuẩn hóa của cơ sở hạ tầng giữa các ngành, lĩnh vực chưa tạo điều kiện thuận tiện nhất cho việc kết nối, tích hợp tạo lập hệ sinh thái số. Xu hướng gia tăng tội phạm công nghệ với những thủ đoạn mới ngày càng tinh vi, khó lường; một bộ phận người dân có tâm lý e ngại khi tiếp cận và sử dụng các dịch vụ thanh toán trên nền tảng số.

- Nghị định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính (Fintech) trong lĩnh vực ngân hàng là Nghị định được xây dựng không dựa trên quy định tại cấp độ Luật, quy trình xây dựng Nghị định sẽ cần nhiều thời gian hơn, Chính phủ phải trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về dự thảo Nghị định trước khi ký thông qua. Bên cạnh đó, Nghị định là cách tiếp cận pháp lý mới, chưa có tiền lệ tại Việt Nam, theo đó các quy định tại Nghị định cần được rà soát kỹ với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật vừa đảm bảo thúc đẩy đổi mới sáng tạo và kiểm soát rủi ro, đảm bảo ổn định tài chính. Đồng thời, trong quá trình hoàn thiện dự thảo Nghị định còn phát sinh nhiều ý kiến khác nhau giữa các bộ, ngành dẫn đến kéo dài thời gian trình Chính phủ.

*Một số nguyên nhân chính dẫn đến các hạn chế của quá trình cơ cấu lại TCTD, cụ thể:* bối cảnh phát triển kinh tế giai đoạn 2021-2023 đã đặt ra yêu cầu to lớn cho ngành ngân hàng là phải thực hiện nhiệm vụ kép rất đặc thù, tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp đẩy mạnh cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu, bảo đảm hiệu quả, an toàn hệ thống, an ninh tiền tệ tín dụng, đồng thời thông qua tái cơ cấu, các TCTD phải hỗ trợ, thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trước tác động của dịch bệnh. Luật Các TCTD đã được ban hành và thực thi được hơn 12 năm. Mặc dù năm 2017, Luật Các TCTD đã được sửa đổi, bổ sung, tuy nhiên, việc sửa đổi, bổ sung này chủ yếu nhằm đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu các TCTD yếu kém, chưa phải là việc sửa đổi, bổ sung một cách toàn diện; nhiều quy định tại Luật Các TCTD đã không còn đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn và xu thế phát triển của kinh tế nói chung và công nghệ trong lĩnh vực ngân hàng nói riêng; việc hiểu và áp dụng pháp luật giữa các cơ quan quản lý nhà nước và giữa cơ quan nhà nước với hệ thống các cơ quan tư pháp cũng chưa thống nhất dẫn đến những vướng mắc trong việc triển khai, áp dụng Luật Các TCTD.

#### ***d) Cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập***

Giai đoạn 2021-2023, thể chế, chính sách về cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCN) tiếp tục được chỉnh sửa, bổ sung ban hành mới bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các quy định pháp luật, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn hoạt động trong

các ngành, lĩnh vực<sup>84</sup>. Các ĐVSNCL tiếp tục được rà soát, sắp xếp, cơ cấu lại theo hướng nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước, giảm tối thiểu 10% số lượng các ĐVSNCL theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW<sup>85</sup>. Khung pháp lý cho việc chuyển đổi ĐVSNCL thành công ty cổ phần được xây dựng và đang dần được hoàn thiện<sup>86</sup>. Việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về cơ cấu lại ĐVSNCL đã mang lại một số kết quả, cụ thể:

*Một là*, các ĐVSNCL tiếp tục được sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước, hiệu quả hoạt động và tinh thần phục vụ người dân và doanh nghiệp theo đúng quan điểm chỉ đạo của Đảng và các quy định của Quốc hội và Chính phủ<sup>87</sup>, bước đầu đã đạt được một số kết quả. Tính đến thời điểm 31/12/2021, tổng số lượng đơn vị ĐVSNCL là 47.818 đơn vị, giảm 7.409 đơn vị, tương ứng giảm 13,4% so với năm 2015 (55.227 đơn vị). Tổng số biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN trong các ĐVSNCL năm 2021 là 1.789.585 người, giảm 236.366 người, tương ứng giảm 11,67%<sup>88</sup>, vượt mục tiêu giảm tối thiểu 10% theo Nghị quyết số 19-NQ/TW.

*Hai là*, tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính theo hướng phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực hiện các quy định của Chính phủ về tự chủ ĐVSNCL, các bộ, ngành, địa phương đã chủ động rà soát, phê duyệt Đề án và tổ chức triển khai quyết liệt nhằm bảo đảm mục tiêu đạt ít nhất 10% ĐVSNCL thuộc phạm vi quản lý của mình tự chủ về tài chính theo Nghị quyết số 19-NQ/TW. Tính đến thời điểm ngày 31/12/2021, trong tổng số 47.818 ĐVSNCL của toàn quốc có 3.160 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên trở lên (trong đó có 289 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, chiếm tỷ lệ 0,61% và 2.871 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên, chiếm tỷ lệ 6%), tương ứng tỷ lệ 6,61% tổng số ĐVSNCL của các bộ, ngành, địa phương.

*Ba là*, việc thực hiện chuyển các ĐVSNCL thành công ty cổ phần đã mang lại kết quả bước đầu tạo điều kiện để thu hút thêm nguồn lực xã hội trong việc cung cấp dịch vụ công; bố trí và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực theo hướng cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức theo vị trí việc làm; đổi mới quản trị và nâng cao hiệu quả hoạt động của ĐVSNCL sau chuyển đổi; nâng cao thu nhập cho người làm việc tại đơn vị.

<sup>84</sup> Ban hành Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 26/1/2021 của Chính Phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của ĐVSNCL, Công điện số 209/CĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính Phủ về việc sắp xếp tổ chức hành chính và ĐVSNCL của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 5/9/2022 của Chính phủ về phương án phân loại tự chủ tài chính của ĐVSNCL, Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 3/6/2023 của Chính Phủ quy định về tinh giản biên chế, thay thế cho các Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính Phủ và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ. Xây dựng Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong ĐVSNCL; xây dựng văn bản sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí. Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

<sup>85</sup> Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2023 của Ban chấp hành Trung ương khoá XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL.

<sup>86</sup> Quyết định số 26/2021/QĐ-TTg ngày 12/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển ĐVSNCL thành công ty cổ phần.

<sup>87</sup> Về mục tiêu giảm mạnh về đầu mối, tối thiểu bình quân cả nước giảm 10% đơn vị sự nghiệp công lập.

<sup>88</sup> Trong đó, các bộ, ngành giảm 40.221 người, tương ứng 25,19%; các địa phương giảm 196.145 người, tương ứng 10,51%.

Tính đến hết 20/12/2022, đã có 02 bộ, ngành và 30 địa phương trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị phê duyệt Danh mục ĐVSNCL thành công ty cổ phần giai đoạn 2021-2022. Trong đó, 13 địa phương<sup>89</sup> với 18 ĐVSNCL đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chuyển đổi thành công ty cổ phần hoạt động trong những ngành, lĩnh vực như: Quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ; quản lý, bảo trì bến tàu, bến xe; đào tạo và sát hạch lái xe (không hoạt động theo mô hình trường học); kinh doanh mặt bằng hội chợ triển lãm, xúc tiến thương mại, đầu tư...; 06 ĐVSNCL đang được xem xét phê duyệt chuyển đổi thành công ty cổ phần hoạt động trong các ngành, lĩnh vực kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, kiểm định xây dựng, kiểm định kỹ thuật phương tiện giao thông cơ giới, phương tiện thủy, sản xuất, lưu giữ giống gốc cây trồng, vật nuôi trong giai đoạn 2021-2025.

*Bốn là*, việc triển khai chính sách xã hội hóa trong các lĩnh vực sự nghiệp công đã mang lại nhiều mặt tích cực như: góp phần mở rộng mạng lưới, thu hút các nguồn vốn đầu tư ở trong nước và nước ngoài tham gia phát triển dịch vụ sự nghiệp công; đa dạng hoá loại hình, phương thức hoạt động và sản phẩm dịch vụ trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công, tạo sự cạnh tranh, phát triển kỹ thuật, thúc đẩy nâng cao chất lượng, góp phần giảm áp lực, sự quá tải trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập; đồng thời từng bước đáp ứng được một phần nhu cầu sử dụng dịch vụ chất lượng cao của một bộ phận dân cư; khuyến khích các cơ sở sự nghiệp công lập chủ động, phát huy sáng tạo trong việc thu hút các nguồn vốn đầu tư của xã hội thông qua huy động vốn, liên doanh, liên kết để mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ và góp phần tăng thu nhập cho cán bộ, viên chức đơn vị; góp phần giảm sự phụ thuộc vào ngân sách nhà nước trong việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

Bên cạnh các kết quả đạt được, việc cơ cấu lại, sắp xếp các ĐVSNCL vẫn còn những tồn tại, hạn chế như sau:

- Các cơ chế, chính sách và các quy định của pháp luật đối với ĐVSNCL chưa được ban hành đầy đủ, đồng bộ<sup>90</sup> nên chưa đủ cơ sở pháp lý để các bộ, ngành, địa phương và các ĐVSNCL thực hiện sắp xếp, tổ chức lại ĐVSNCL và đẩy mạnh cơ chế tự chủ, xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW.

- Kết quả cơ cấu lại ĐVSNCL đạt được mới chỉ là bước đầu, chưa bảo đảm tinh gọn, hiệu quả hoạt động chưa cao; thực hiện tự chủ chưa đạt mục tiêu đề ra. Kết quả sắp xếp các ĐVSNCL hầu hết là do sáp nhập, hợp nhất cơ học các ĐVSNCL thuộc các ngành, lĩnh vực để giảm số lượng đầu mối dẫn đến các ĐVSNCL chưa thực sự có sự thay đổi về cơ chế hoạt động và chất lượng dịch vụ cung ứng.

- Định mức biên chế sự nghiệp (ban hành trước Hội nghị Trung ương 6 khóa XII) nhưng chưa được sửa đổi phù hợp với đặc điểm vùng, miền, chưa tính đến các yếu tố đặc thù do nhu cầu một số dịch vụ công thiết yếu về giáo dục, y tế (chiếm trên 85% biên chế sự nghiệp do Chính phủ quản lý) gắn với tốc độ tăng quy mô dân số nên nhu

<sup>89</sup> Gồm: Bình Định, Bạc Liêu, Cà Mau, Đắk Nông, Trà Vinh, Sóc Trăng, Kon Tum, Lâm Đồng, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế, Tuyên Quang.

<sup>90</sup> Như: (1) Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu theo ngành, lĩnh vực; định mức kinh tế - kỹ thuật; (2) khung giá đối với từng loại hình dịch vụ sự nghiệp công; quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực (đặc biệt là các lĩnh vực sự nghiệp chiếm tỷ trọng lớn như giáo dục và đào tạo, GDNN, y tế); (3) hướng dẫn vị trí việc làm và định mức biên chế sự nghiệp; (4) hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ tài chính; (5) ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung Nghị định quy định về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong các lĩnh vực sự nghiệp...

cầu phải bổ sung biên chế sự nghiệp giáo dục, y tế hưởng lương từ ngân sách nhà nước là rất lớn.

- Việc chuyển các ĐVSNCL sang cơ chế tự chủ, thành công ty cổ phần còn hạn chế, tiến độ chậm; chủ yếu mới dừng lại ở mức rà soát, lập danh mục các ĐVSNCL đủ điều kiện chuyển thành công ty cổ phần. Các bộ quản lý ngành, lĩnh vực chưa hoàn thành nhiệm vụ hoàn thiện thể chế theo quy định<sup>91</sup>, dẫn đến thiếu cơ sở pháp lý trong việc sắp xếp, tổ chức lại và thực hiện cơ chế tự chủ đối với các ĐVSNCL thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương (nhất là trong việc xác định định mức, đơn giá đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công của một số bộ, ngành chưa kịp thời).

- Chưa có nhiều chuyển biến trong chính sách xã hội hóa, thiết lập thị trường dịch vụ công, thiết lập môi trường hoạt động bình đẳng giữa các thành phần trong cung ứng dịch vụ công. Việc ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện cụ thể của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các địa phương chưa đầy đủ, đồng bộ và theo kịp với tình hình phát triển.

*Các hạn chế trên bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, trong đó các nguyên nhân chính bao gồm:* các cơ quan, đơn vị, cá nhân nhận thức chưa đầy đủ về vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng của các chủ trương, quan điểm của Nghị quyết số 19-NQ/TW, còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước trong thụ hưởng dịch vụ sự nghiệp công. Một số bộ, ngành, địa phương chưa chỉ đạo quyết liệt trong việc thể chế hóa và tổ chức triển khai các nhiệm vụ theo sự phân công của Chính phủ. Năng lực thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn các ĐVSNCL còn hạn chế. Tổ chức bộ máy các ĐVSNCL nhìn chung còn cồng kềnh, chồng chéo, quản trị nội bộ, quản lý tài chính yếu kém, chất lượng và hiệu quả dịch vụ còn thấp, chi tiêu NSNN cho các ĐVSNCL còn quá lớn. Bên cạnh đó, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nhiều địa phương còn thấp, không đồng đều nên việc áp dụng các chính sách chung về đẩy mạnh tự chủ ĐVSNCL, xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, chuyển ĐVSNCL lập thành công ty cổ phần gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là đối với một số địa phương vùng sâu, vùng xa.

## **2.2. Phát triển các loại thị trường, nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng nguồn lực**

### **a) Phát triển thị trường tài chính**

Khung khổ thể chế, chính sách về phát triển thị trường tài chính trọng tâm là thị trường vốn, thị trường tiền tệ tiếp tục được hoàn thiện. Đối với thị trường tiền tệ, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chính sách tiền tệ, tín dụng, ngoại hối và công tác thanh tra, giám sát ngân hàng được ban hành, hoàn thiện tạo hành lang pháp lý cho công tác điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng nhằm thực hiện mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định thị trường tiền tệ và đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng. Điều hành tỷ giá và can thiệp ngoại tệ linh hoạt, phù hợp với điều kiện thị trường nhằm ổn định thị trường ngoại tệ, góp phần kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô; đồng thời linh hoạt điều hành thanh khoản Việt Nam đồng (VND) trên thị

<sup>91</sup> Các bộ, ngành, địa phương phải tập trung rà soát hoạt động của các ĐVSNCL nhằm xây dựng Danh mục các ĐVSNCL chuyển đổi thành CTCP, nhiều địa phương chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục nên chưa có căn cứ để thực hiện; đối với một số địa phương đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục các ĐVSNCL giai đoạn 2021-2025, việc thực hiện rà soát, kiểm kê tài sản, xác định giá trị tài sản, đất đai mất nhiều thời gian nên chưa kịp hoàn thành trong năm 2022

trường tiền tệ, nhất là trong bối cảnh Fed<sup>92</sup> tăng lãi suất và thu hẹp bảng cân đối tài sản với tốc độ nhanh và mạnh.

Đối với thị trường vốn, một số chính sách quan trọng đã được ban hành, để tạo nền móng phát triển thị trường vốn an toàn, lành mạnh, khuôn khổ pháp lý và cơ chế chính sách cho hoạt động của thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) từng bước được ban hành từ Luật, Nghị định đến Thông tư<sup>93</sup> khắc phục những bất cập, vướng mắc trong khung pháp lý về thị trường TPDN, tiếp cận chuẩn mực quốc tế, có sự điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh phát triển<sup>94</sup>. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các Luật<sup>95</sup>, văn bản hướng dẫn dưới Luật nhằm tăng cường bảo vệ tài sản của nhà đầu tư, nâng cao hiệu quả quản lý giám sát<sup>96</sup>. Dự thảo Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030 đang trình Thủ tướng Chính phủ đã cụ thể hoá các mục tiêu và giải pháp phát triển thị trường đến năm 2030 nhằm phát triển ổn định, cấu trúc hoàn chỉnh, mở rộng cơ sở nhà đầu tư, tăng quy mô và chất lượng hoạt động, đảm bảo thị trường hoạt động hiệu quả và trở thành kênh huy động vốn trung và dài hạn quan trọng cho nền kinh tế. Các tiêu chuẩn và thông lệ về quản trị công ty đang từng bước cải tiến và áp dụng giúp nâng cao chất lượng doanh nghiệp niêm yết<sup>97</sup>. Bắt đầu từ ngày 01/01/2023, quy định việc chào bán trái phiếu ra công chúng phải được xếp hạng tín nhiệm trong một số trường hợp đặc thù<sup>98</sup>, góp phần tăng cường chất lượng hàng hóa trên thị trường chứng khoán, thúc đẩy việc hình thành hệ thống của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ định mức tín nhiệm tại Việt Nam theo thông lệ quốc tế.

Với việc hoàn thiện các cơ chế, chính sách trên, trong giai đoạn 2021-2023, sự phát triển của thị trường tài chính đạt được một số kết quả như sau:

- Trên thị trường vốn, lãi suất được điều chỉnh linh hoạt nhằm ổn định kinh tế vĩ mô đồng thời cung cấp vốn cho sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng. Trong giai

<sup>92</sup> Cục dự trữ Liên bang Mỹ.

<sup>93</sup> Cùng với việc Quốc hội ban hành Luật Chứng khoán năm 2019 và Luật Doanh nghiệp năm 2020, khung pháp lý về phát hành TPDN về cơ bản quy định đầy đủ các điều kiện, hồ sơ, quy trình, chế độ công bố thông tin và cơ chế giám sát, phân định rõ trách nhiệm của các chủ thể tham gia thị trường.

<sup>94</sup> Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 11/7/2022 của Chính phủ về phát triển thị trường vốn an toàn, minh bạch, hiệu quả, bền vững nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, huy động nguồn lực phát triển kinh tế-xã hội; Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế nhằm phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo hướng siết chặt một cách hợp lý, quản lý chặt chẽ các công ty chứng khoán tư vấn phát hành; Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 21/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Tài chính đến năm 2030 đã đưa ra các mục tiêu về phát triển thị trường trái phiếu đến năm 2030; Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 05/3/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế; Thông tư số 30/2023/TTBTC ngày 17/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch và tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước.

<sup>95</sup> Chính phủ giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu giá tài sản.

<sup>96</sup> Chính phủ đã ban hành Nghị định số 47/2023/NĐ-CP ngày 37//2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đầu giá tài sản

<sup>97</sup> Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam theo Quyết định số 345/QĐ-BTC ngày 16/03/2020 của Bộ Tài chính yêu cầu các doanh nghiệp (trong đó có công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) thực hiện áp dụng triển khai Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế IFRS tại Việt Nam và Hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính Việt Nam VFRS theo lộ trình 03 giai đoạn: Giai đoạn chuẩn bị (2020-2021); giai đoạn 1, áp dụng tự nguyện (2022-2025); giai đoạn 2, áp dụng bắt buộc (sau năm 2025).

<sup>98</sup> Quy định cụ thể tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.

đoạn 2021-2022, mặc dù lãi suất thế giới và áp lực lạm phát trong nước tăng nhanh<sup>99</sup>, các mức lãi suất điều hành được duy trì ổn định, tạo điều kiện để giảm mặt bằng lãi suất cho vay thị trường<sup>100</sup>. Tuy nhiên, từ cuối tháng 9 năm 2022, trong bối cảnh lạm phát toàn cầu tăng cao, đồng USD tăng giá mạnh, xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ nhanh và mạnh của Fed, để ưu tiên kiểm soát lạm phát, giữ ổn định thị trường ngoại tệ, tạo dư địa thích ứng mới với các biến động trên thị trường, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an toàn hệ thống, lãi suất được điều chỉnh tăng 0,8-2%/năm trong tháng 9 và tháng 10/2022. Trong các tháng đầu năm 2023, thực hiện chủ trương của Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về giảm lãi suất cho vay nhằm tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế, doanh nghiệp và người dân, NHNN đã điều chỉnh giảm liên tục 04 lần các mức lãi suất điều hành với mức giảm 0,5-2,0%/năm<sup>101</sup>, trong bối cảnh lãi suất thế giới tiếp tục tăng và neo ở mức cao, qua đó tiếp tục định hướng giảm mặt bằng lãi suất cho vay của thị trường, tăng khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp và người dân, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đồng thời, NHNN đã thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp để phấn đấu giảm lãi suất cho vay nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân theo tinh thần chỉ đạo của Quốc hội và của Chính phủ. Cụ thể: (1) Khuyến khích TCTD tiết giảm chi phí để giảm mặt bằng lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh. (2) NHNN làm việc với các ngân hàng thương mại đề nghị tiếp tục giảm lãi suất tiền gửi và cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân và nền kinh tế phục hồi sản xuất kinh doanh. (3) NHNN đã có các công văn yêu cầu các TCTD tiếp tục triển khai các biện pháp để giảm mặt bằng lãi suất, nhất là giảm lãi suất cho vay đối với các khoản cho vay đang còn dư nợ hiện hữu và các khoản cho vay mới (phần đầu mức giảm lãi suất tối thiểu từ 1,5-2%/năm), phối hợp với Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam kêu gọi các tổ chức hội viên tiếp tục giảm lãi suất cho vay, nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân phục hồi sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế<sup>102</sup>. Nhờ đó, đến nay, lãi suất cho vay đã có xu hướng giảm (lãi suất cho vay bình quân của các giao dịch phát sinh mới bằng VND của các NHTM giảm khoảng hơn 2%/năm so với cuối năm 2022); lãi suất tiền gửi bình quân mới ở mức khoảng 4,1%/năm và lãi suất cho vay bình quân mới ở mức khoảng 7,2%/năm. Với tác động của độ trễ chính sách sau những lần điều chỉnh giảm lãi suất điều hành của NHNN và các biện pháp của NHNN, dự kiến mặt bằng lãi suất cho vay sẽ tiếp tục giảm trong thời gian tới.

- Với các giải pháp chính sách tiền tệ, tỷ giá linh hoạt, về cơ bản tỷ giá USD/VND diễn biến phù hợp với tình hình thị trường trong và ngoài nước; thị trường ngoại tệ ổn

<sup>99</sup> Tính chung cả năm 2021, thế giới có 113 lượt tăng lãi suất; năm 2022 tăng 367 lượt, đặc biệt, trong giai đoạn 2022-2023 nhiều NHTW điều chỉnh tăng nhanh và mạnh lãi suất điều hành, như Fed (tăng 11 lượt lãi suất liên tiếp lên mức 5,25-5,5%), ECB (tăng 10 lượt), BoE, Canada, Hàn Quốc, Australia, Brazil, Ấn Độ, Nam Phi; Chi-lê; Mê-xi-cô; Séc; Hungary; Ba Lan... để kiểm soát lạm phát. Trong khối ASEAN, Philippines, Malaysia, Indonesia và Thái Lan đã liên tục tăng lãi suất điều hành.

<sup>100</sup> Năm 2021, lãi suất tiền gửi giảm 0,6%/năm và lãi suất cho vay giảm tiếp 0,8%/năm so với cuối năm 2020.

<sup>101</sup> (i) Lãi suất tái cấp vốn giảm từ 6%/năm xuống 4,5%/năm; lãi suất tái chiết khấu giảm từ 4,5%/năm xuống 3%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN giảm từ 7%/năm xuống 5%/năm; (ii) lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng VND kỳ hạn dưới 6 tháng, tiền gửi KKH và kỳ hạn dưới 1 tháng giảm từ 1%/năm xuống 0,5%/năm, tiền gửi kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng giảm từ 6%/năm xuống 4,75%/năm; (iii) lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số lĩnh vực ưu tiên giảm từ 5,5%/năm xuống 4%/năm.

<sup>102</sup> Công văn số 4985/NHNN-CSTT ngày 27/6/2023 về giảm mặt bằng lãi suất; Công văn số 6385/NHNN-CSTT ngày 14/8/2023 về giảm lãi suất cho vay; Công văn số 152/NHNN-CSTT ngày 30/6/2023; Công văn số 282/HHNH-PLNV ngày 11/7/2023 về kêu gọi tiếp tục đồng hành, chia sẻ khó khăn với doanh nghiệp, người dân; Công văn số 6936/NHNN-TD ngày 5/9/2023 về tăng cường công tác tín dụng, nâng cao khả năng tiếp cận, hấp thụ vốn tín dụng.



định góp phần hỗ trợ ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát. Trong nhiều giai đoạn, VND ổn định so với các đồng tiền khác trong khu vực, tạo niềm tin cho người dân và doanh nghiệp vào giá trị đồng Việt Nam, góp phần kiểm soát lạm phát. Đến ngày 14/12/2023, tỷ giá trung tâm ở mức 23.945, tăng 1,541% so với thời điểm cuối năm 2022. Tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng khoảng 23.232 VND/USD, tăng 2,79% so với cuối năm 2022; tỷ giá niêm yết mua/bán của NHTMCP Ngoại thương Việt Nam ở mức 24.050/24.390 VND/USD, tăng 2,73%/2,78% so với cuối năm 2022.

- Thị trường TPDN không còn tăng trưởng nóng như giai đoạn trước, được điều chỉnh, phát triển theo hướng bền vững hơn để có thể trở thành kênh huy động vốn quan trọng cho các doanh nghiệp<sup>103</sup>. Việc vận hành hệ thống giao dịch TPDN riêng lẻ từ ngày 19/7/2023 đã cải thiện thanh khoản cho thị trường, nâng cao tính minh bạch và khả năng tiếp cận thị trường của nhà đầu tư, khôi phục niềm tin của nhà đầu tư đối với thị trường TPDN. Tính đến cuối tháng 11 năm 2023, trên thị trường đã có 725 mã trái phiếu được đăng ký giao dịch tập trung trên hệ thống giao dịch TPDN riêng lẻ của Sở GDCK Hà Nội với tổng giá trị giao dịch đạt 7.324,95 tỷ đồng, giá trị giao dịch bình quân phiên đạt 261,6 tỷ đồng/phiên”.

- Sự phát triển của TTCK còn nhiều biến động trong bối cảnh kinh tế - chính trị thế giới có nhiều bất ổn<sup>104</sup>. Hiện tượng thao túng giá, làm giá trên thị trường cổ phiếu đã được tăng cường giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm. Nghĩa vụ công bố thông tin của công ty đại chúng, công ty niêm yết luôn được giám sát chặt chẽ và xử lý nghiêm theo quy định đối với những trường hợp vi phạm.

- Các thị trường khác như thị trường chứng khoán phái sinh, thị trường bảo hiểm mặc dù gặp khó khăn nhưng tiếp tục phát triển<sup>105</sup>.

Bên cạnh các kết quả đạt được, thị trường tài chính vẫn tồn tại một số bất cập, hạn chế, cụ thể như sau:

*- Về phát triển thị trường tiền tệ:*

Việc kiểm soát lạm phát gặp nhiều khó khăn, thách thức như giá hàng hóa thế giới biến động phức tạp, lạm phát quốc tế vẫn ở mức cao, các ngân hàng trung ương lớn trên

<sup>103</sup> Tổng khối lượng phát hành TPDN năm 2022 là 337,1 nghìn tỷ đồng, giảm 44,3% so với năm 2021, khối lượng mua lại trước hạn là 220 nghìn tỷ đồng, tăng 57% so với năm 2021. Lũy kế đến hết tháng 11 năm 2023, có 77 doanh nghiệp đã phát hành với khối lượng 220 nghìn tỷ đồng (giảm 33,7% so với cùng kỳ năm 2022); khối lượng mua lại trước hạn là 207,5 nghìn tỷ đồng (gấp 1,3 lần so với cùng kỳ năm 2022). Kể từ khi Nghị định số 08/2023/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (5/3/2023), khối lượng phát hành là 219,2 nghìn tỷ đồng.

<sup>104</sup> Sau những đợt tăng điểm tích cực năm 2021, TTCK năm 2022 trải qua nhiều biến động, sau khi tăng trưởng mạnh trong những tháng đầu năm và đạt mức đỉnh lịch sử mới với 1.528,57 điểm (VNIndex) vào ngày 06/1/2022, thị trường bước vào giai đoạn điều chỉnh mạnh do ảnh hưởng đến từ tình hình kinh tế - xã hội vào những tháng tiếp theo của năm 2022. Tuy nhiên, nhà đầu tư nước ngoài quay trở lại mua ròng mạnh vào những tháng cuối năm đã hỗ trợ sự phục hồi của chỉ số, tính đến ngày 30/12/2022, chỉ số VNIndex đạt 1.007,09 điểm, giảm 32,8% so với cuối năm 2021. TTCK Việt Nam năm 2023 tiếp tục trải qua nhiều biến động, tăng giảm đan xen; 4 tháng đầu năm giao dịch trầm lắng, thanh khoản sụt giảm mạnh so với năm trước. Từ đầu tháng 05 đến nửa đầu tháng 08, thị trường đã giao dịch khởi sắc. Tính đến ngày 30/11/2023, chỉ số VN-Index đạt 1.094,13 điểm, tăng 6,4% so với cuối tháng 10 và tăng 8,6% so với cuối năm 2022; chỉ số HNX-Index đạt 226,15 điểm, tăng 10,2% so với cuối năm 2022. Mức vốn hóa thị trường cổ phiếu 3 sàn HOSE, HNX và UPCoM ngày 30/11/2023 đạt 5.754 nghìn tỷ đồng, tăng 10,1% so với cuối năm 2022, tương đương 60,5% GDP ước tính năm 2022”

<sup>105</sup> TTCK phái sinh tính đến cuối tháng 11/2023, khối lượng giao dịch bình quân hợp đồng tương lai trên chỉ số VN30 đạt 238.024 hợp đồng/phiên, giảm 13% so với năm 2022; khối lượng mở OI toàn thị trường tại ngày 30/11/2023 đạt 56.201 hợp đồng, giảm 5% so với cuối năm 2022; khối lượng giao dịch bình quân chứng quyền có bảo đảm đạt 31.414.052 chứng quyền/phiên, giảm 3,1% so với bình quân năm trước và giá trị giao dịch đạt 28,48 tỷ đồng/phiên, tăng 34,3% so với bình quân năm trước”.

thế giới thắt chặt chính sách tiền tệ, điều chỉnh tăng lãi suất. Tình hình huy động qua các kênh cung ứng vốn khác cho nền kinh tế gặp khó khăn (thị trường chứng khoán, TPDN, thu hút đầu tư nước ngoài...), do đó, tạo sức ép lên vốn tín dụng của hệ thống ngân hàng. Trong khi đó, tỷ lệ tín dụng/GDP của Việt Nam ở mức cao so với các nước đang phát triển có điều kiện tương đồng nên việc dựa nhiều vào cung ứng vốn từ hệ thống ngân hàng sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro, đe dọa sự an toàn hệ thống, tạo sức ép và rủi ro chênh lệch kỳ hạn, rủi ro thanh khoản cho các TCTD, nhất là trong bối cảnh tín dụng trung dài hạn chiếm tỷ trọng cao trong khi huy động vốn của các TCTD chủ yếu là ngắn hạn.

- Về phát triển thị trường vốn:

+ Sự phát triển của thị trường chứng khoán còn nhiều biến động<sup>106</sup> và tiềm ẩn rủi ro. Trên thị trường cổ phiếu và thị trường chứng khoán phái sinh, vẫn xuất hiện các hiện tượng thao túng giá, làm giá và ngày càng tinh vi; nhiều mã chứng khoán được đẩy giá lên cao không gắn với tình hình hoạt động kinh doanh<sup>107</sup>. Nghĩa vụ công bố thông tin của một số doanh nghiệp đại chúng, công ty niêm yết, nhà đầu tư còn chưa đảm bảo chất lượng<sup>108</sup>.

+ Quy mô thị trường TPDN ngày càng được mở rộng nhưng có giai đoạn tăng nóng; cơ cấu thị trường còn thiếu cân đối; chất lượng phát hành TPDN riêng lẻ chưa cao; tình hình tài chính của một số doanh nghiệp phát hành còn hạn chế; sử dụng vốn huy động qua phát hành TPDN riêng lẻ sai mục đích sử dụng vốn không đúng với thông tin đã công bố, thiếu minh bạch<sup>109</sup>. Các doanh nghiệp bất động sản có tỷ lệ đòn bẩy tài chính cao, tình hình tài chính kém lành mạnh có thể gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản tín dụng hoặc nợ trái phiếu đến hạn<sup>110</sup>.

+ Thị trường TPDN tăng trưởng nhanh tiếp tục phát sinh rủi ro do có các nhà đầu tư cá nhân chưa hiểu biết rõ về pháp luật trong việc đầu tư, giao dịch TPDN riêng lẻ khi tham gia mua TPDN<sup>111</sup>. Một số trường hợp đã có hành vi gian lận khi xác định trở thành nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp để mua TPDN riêng lẻ.

- Mặc dù đã triển khai đồng bộ các giải pháp tái cơ cấu các tổ chức kinh doanh chứng khoán, chất lượng hoạt động của các tổ chức cung cấp dịch vụ trên thị trường còn chưa đồng đều, còn xảy ra các hành vi tiêu cực; một số tổ chức kiểm toán, tổ chức thẩm

<sup>106</sup> Thị trường chứng khoán Việt Nam trong tháng 9/2022 có xu hướng giảm điểm kém tích cực. Kết phiên ngày 11/10/2022, chứng khoán Việt Nam đã giảm 522,37 điểm, tương ứng 34% từ đỉnh (ngày 6/1/2022), là thị trường có mức giảm mạnh nhất thế giới. VN-Index hiện đang ở mức thấp nhất kể từ phiên ngày 10/12/2020; HNX-Index và UPCoM-Index cũng đang ghi nhận mức điểm thấp nhất trong gần hai năm trở lại đây. Trong năm 2023, sau khi chỉ số VNIndex giảm 5,71% trong tháng 9 thị trường tiếp tục giảm điểm mạnh trong tháng 10, với mức giảm 10,9% và là mức giảm theo tháng lớn nhất kể từ đầu năm đến nay.

<sup>107</sup> Tình trạng tung tin giả trên mạng xã hội, hình thành các hội, nhóm kín để tư vấn, lôi kéo các nhà đầu tư mua bán cổ phiếu nhằm trục lợi tiếp tục diễn ra, tiềm ẩn rủi ro cho nhà đầu tư

<sup>108</sup> Không công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch của cổ đông nội bộ, người có liên quan, thao túng thị trường chứng khoán... tiếp tục diễn ra, ảnh hưởng đến các giao dịch trên thị trường, làm sai lệch quan hệ cung cầu của thị trường.

<sup>109</sup> Vừa qua vụ việc xảy ra tại Tập đoàn Tân Hoàng Minh, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư An Đông và các tổ chức, đơn vị có liên quan cùng với những vụ việc khác liên quan đến thị trường trái phiếu doanh nghiệp, thị trường chứng khoán xảy ra trong năm đã và đang gây ra nhiều hệ lụy đối với việc phát triển bền vững thị trường vốn, đối với xã hội, gây mất niềm tin của người dân và nhà đầu tư.

<sup>110</sup> Theo Bộ Tài chính, khối lượng trái phiếu đáo hạn của doanh nghiệp bất động sản, xây dựng trong giai đoạn 2022 - 2025 vào khoảng 374,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 41,9% tổng khối lượng đáo hạn. Với việc tập trung huy động khối lượng lớn, kỳ hạn chỉ khoảng 3-4 năm, trong khi thời gian thu hồi vốn các dự án bất động sản có thể kéo dài 5-10 năm, một số doanh nghiệp bất động sản có thể gặp khó khăn trong việc thanh toán trái phiếu đã phát hành.

<sup>111</sup> Nhà đầu tư cá nhân vẫn chiếm đa số trên thị trường, các nhà đầu tư có tổ chức chiếm tỷ lệ nhỏ dẫn đến hoạt động của TTKV còn bị ảnh hưởng nhiều bởi yếu tố tâm lý,

định giá năng lực còn hạn chế, chưa đáp ứng các chuẩn mực nghề nghiệp. Một số tổ chức đại lý phát hành, tổ chức phân phối TPDN chưa tuân thủ đúng pháp luật.

*Các hạn chế trên do nhiều nguyên nhân, trong đó các nguyên nhân chính bao gồm:* đặc thù pháp luật tài chính có liên quan đến nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước khác của các bộ, ngành nên thời gian trao đổi, thống nhất ý kiến với các bộ, ngành trong một số trường hợp còn mất nhiều thời gian làm ảnh hưởng tới tiến độ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Một số hoạt động kinh tế mới phát sinh chưa được điều chỉnh kịp thời. Quy định về mức xử phạt còn nhẹ, chế tài xử phạt chưa đủ tính răn đe. Công tác thanh tra, kiểm tra đã thực hiện nhưng chưa đáp ứng quy mô và tốc độ phát triển của thị trường, năng lực cho các tổ chức có chức năng thanh tra, giám sát thời gian tới cần tiếp tục được tăng cường. Nhận thức và tình hình chấp hành quy định pháp luật của các doanh nghiệp, nhà đầu tư, tổ chức cung cấp dịch vụ chưa cao... Còn nhiều nhà đầu tư cá nhân chưa được trang bị đầy đủ kiến thức về pháp luật và hiểu biết về thị trường, mua bán theo tin đồn, tiềm ẩn nhiều rủi ro mặc dù đã được thông tin, tuyên truyền, cảnh báo nhiều lần.

### ***b) Phát triển thị trường quyền sử dụng đất***

Trong giai đoạn 2021-2023, đã triển khai việc tổng kết thi hành Luật Đất đai 2023, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng, thể chế hóa Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII (Nghị quyết số 18-NQ/TW)<sup>112</sup> và hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Đất đai (sửa đổi) trình Quốc hội. Hiện nay, Chính phủ đang phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan của Quốc hội rà soát, tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung, giải trình ý kiến của Đại biểu Quốc hội, hoàn thiện dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) và trình Quốc hội thông qua theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Chính phủ đã ban hành Chương trình hành động của Chính phủ<sup>113</sup> triển khai thực hiện Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025; Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia đến năm 2030 và đến năm 2025 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương<sup>114</sup>, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Về việc thực hiện các biện pháp xây dựng dữ liệu về đất đai trong giai đoạn 2021-2023, gồm:

- Bổ sung, hoàn thiện hành lang pháp lý quy định về hệ thống thông tin đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai trong dự án Luật Đất đai (sửa đổi) và dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (sửa đổi).

- Triển khai việc kết nối, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến sử dụng xác

<sup>112</sup> Về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao.

<sup>113</sup> Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 05/09/2022 của Chính phủ.

<sup>114</sup> Bộ TNMT đã có Công văn số 2133/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 26/4/2022 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về việc tổ chức triển khai Quyết định số 326/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 4707/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 15/8/2022 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc lập kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) cấp tỉnh, lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

thực, chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư<sup>115</sup>; thực hiện tái cấu trúc, hoàn thiện quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2022; triển khai làm điểm việc làm giàu, làm sạch dữ liệu về đất đai, thông tin nhà ở, trong cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia.

- Xây dựng hệ thống thông tin quốc gia về đất đai tập trung, thống nhất, đồng bộ, đa mục tiêu và kết nối liên thông theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 17/3/2023 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW<sup>116</sup>.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương; tiếp tục rà soát, tái cấu trúc quy trình, nghiệp vụ thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai đáp ứng yêu cầu thực chất, đơn giản, dễ tiếp cận, dễ sử dụng để tiếp nhận, giải quyết các dịch vụ hành chính công cho người dân, doanh nghiệp; khẩn trương kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương với các cơ sở dữ liệu quốc gia nhằm phấn đấu đến năm 2025 hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu số và hệ thống thông tin quốc gia về đất đai tập trung, thống nhất, đồng bộ, đa mục tiêu và kết nối liên thông.

Việc tích cực thực hiện các biện pháp đẩy nhanh ứng dụng các công nghệ tiên tiến, công nghệ số trong việc thu thập và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu về đất đai, cập nhật và liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia đã mang lại một số kết quả tích cực:

- Đối với việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai Trung ương: tính đến nay, đã xây dựng hoàn thành 04 khối dữ liệu để chuẩn bị vận hành và kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia<sup>117</sup>.

- Đối với việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai địa phương: tính đến nay, đã có 100% Văn phòng đăng ký đất đai đã ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ địa chính, quản lý đất đai; tất cả 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã và đang triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai với 348/705<sup>118</sup> đơn vị cấp huyện đã hoàn thành và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai đất đai. Dự kiến đến tháng 6/2023 sau khi 28 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tham gia Dự án VILG hoàn thành việc xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu thì trên cả nước sẽ có 369/705 đơn vị cấp huyện đã hoàn thành việc xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai.

- Đối với việc kết nối liên thông điện tử trao đổi thông tin dữ liệu đất đai giữa cơ quan đăng ký đất đai và cơ quan thuế trong việc xác định nghĩa vụ tài chính khi người sử dụng đất thực hiện giao dịch về đất đai và tài sản gắn liền với đất, đến nay cả nước đã kết nối 34<sup>119</sup> tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

<sup>115</sup> Theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

<sup>116</sup> Bộ TNMT đã ban hành Văn bản số 3787/BTNMT-CĐKDLTĐĐ ngày 26/5/2023 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương.

<sup>117</sup> (1) Dữ liệu Thống kê, kiểm kê đất đai; (2) Dữ liệu Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; (3) Dữ liệu Giá đất; (4) Dữ liệu điều tra cơ bản về đất đai.

<sup>118</sup> Trong đó bao gồm: 210/231 ĐVHC cấp huyện triển khai thực hiện trong Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (Dự án VILG)” và 138 ĐVHC cấp huyện thực hiện ngoài Dự án VILG.

<sup>119</sup> Gồm: i) 26 tỉnh thuộc Dự án VILG: Sơn La, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Lào Cai, Yên Bái, Bắc Giang, Thái Bình, Hà Nam, TP. Hải Phòng, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế, Phú Yên, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh, Cần Thơ, Ninh Bình, An Giang (còn Cao

- Đối với việc kết nối Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Đến thời điểm hiện tại, đã kết nối 60/63<sup>120</sup> tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương với dữ liệu của 405/705 đơn vị cấp huyện, 5.230/10.599 đơn vị cấp xã.

- Đối với việc kết nối, cung cấp dịch vụ công trực tuyến sử dụng xác thực, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đến nay, đã hoàn thành xây dựng, kết nối, tích hợp, công bố, cung cấp Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đối với thủ tục “Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ)” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đã có 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai, phát sinh 10.447 hồ sơ.

- Đối với việc rà soát, chuẩn hoá, tái cấu trúc quy trình để tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến<sup>121</sup> đối với 02 thủ tục: (1) Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; (2) Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất do thay đổi về nghĩa vụ tài chính trên cổng Dịch vụ công quốc gia. Đến nay, đã có 43/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai, phát sinh 5.902 hồ sơ.

- Đối với việc xây dựng Đề án tổng thể xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia, được lồng ghép trong Đề án “Xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu/hệ thống thông tin”<sup>122</sup>.

Về xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm tăng cường mở rộng dịch vụ công trong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, hướng dẫn và tổ chức làm việc với các địa phương để giải quyết về vướng mắc liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Thực hiện thẩm tra khung chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án đầu tư do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư, dự án thu hồi đất liên quan đến nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Về thống kê, xác định giá đất, từ năm 2021 đến nay, đã hoàn thành 02 kỳ thống kê đất đai trên cả nước<sup>123</sup>; kỳ thống kê diện tích đất đai năm 2022 đang trong quá trình xây dựng báo cáo.

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ giải pháp phát triển thị trường quyền sử dụng đất trong giai đoạn 2021-2023 có những biến chuyển tích cực như:

- Công tác quản lý đất đai đã có nhiều chuyển biến. Tính đến hết năm 2021, cả nước đã lập bản đồ địa chính đạt trên 77% tổng diện tích tự nhiên, đã hoàn thành cấp

Bằng, Nam Định chưa liên thông); và ii) 08 tỉnh ngoài Dự án VILG: TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Bình Dương, Trà Vinh, Bà Rịa Vũng Tàu, Phú Thọ, Sóc Trăng.

<sup>120</sup> Danh sách 03 tỉnh, thành phố chưa hoàn thành kết nối, chia sẻ, gồm: TP. Hà Nội, Hậu Giang (chưa có hạ tầng triển khai) và Kon Tum (đang hỗ trợ hạ tầng triển khai).

<sup>121</sup> Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia năm 2022.

<sup>122</sup> Quyết định số 3067/QĐ-BTNMT ngày 11/11/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (TNMT).

<sup>123</sup> Đã được Bộ TNMT công bố tại Quyết định số 387/QĐ-BTNMT ngày 02/3/2022 về phê duyệt và công bố kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2020 và Quyết định số 719/QĐ-BTNMT ngày 24/3/2023 về phê duyệt và công bố kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2021.

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đạt trên 97%<sup>124</sup>. Kết quả này đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về đất đai, bảo đảm điều kiện pháp lý cho người sử dụng đất thực hiện các quyền, nghĩa vụ hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật đất đai. Kết quả này cũng góp phần vào việc thu về đất đai năm 2021, đạt 228,593 nghìn tỷ đồng, chiếm 14,57% tổng thu ngân sách nội địa cao gấp 2,66 lần năm 2015<sup>125</sup>.

- Đối với thị trường bất động sản: Hệ thống pháp luật thuộc lĩnh vực bất động sản trong giai đoạn vừa qua ngày tiếp tục được hoàn thiện<sup>126</sup>; nhiều giải pháp ngăn chặn nguy cơ “bong bóng” bất động sản và sự suy giảm của thị trường bất động sản được tăng cường, như: Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11/3/2023 về một số giải pháp tháo gỡ và thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững<sup>127</sup>; Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ<sup>128</sup> tổ chức làm việc với UBND các thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Hải Phòng, tỉnh Đồng Nai và một số doanh nghiệp bất động sản để rà soát, đôn đốc, hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện dự án bất động sản trên địa bàn<sup>129</sup>.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động của thị trường quyền sử dụng đất, thị trường bất động sản giai đoạn vừa qua còn tồn tại một số hạn chế, cụ thể như:

- Thị trường bất động sản hoạt động thiếu ổn định, ở một số nơi có hiện tượng đẩy giá đất tăng đột biến trong thời gian ngắn đã ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, gây khó khăn trong công tác quản lý và điều hành kinh tế vĩ mô. Vẫn còn có sự mất cân đối trong quan hệ cung - cầu bất động sản, nhất là phân khúc nhà ở xã hội; công tác rà soát, điều chỉnh, chuyển đổi cơ cấu các dự án bất động sản cho phù hợp với nhu cầu của thị trường lại chưa được quan tâm đúng mức; việc huy động vốn của doanh nghiệp bất động sản còn khó khăn do các dự án bất động sản chưa đầy đủ pháp lý, không đáp ứng điều kiện vay vốn, thị trường bất động sản trầm lắng dẫn đến dự án khó đảm bảo khả năng trả nợ, nhà đầu tư gia tăng lo ngại đối với việc đầu tư vào TPDN, bất động sản.

- Thị trường quyền sử dụng đất nông nghiệp trầm lắng và tồn tại nhiều giao dịch phi chính thức không được quản lý. Tình trạng đất bỏ hoang, hoặc cho mượn/cho thuê không chính thức đất sản xuất nông nghiệp diễn ra khá phổ biến, một mặt làm giảm hiệu quả của đất sản xuất, mặt khác việc quản lý và tạo nguồn thu cho NSNN từ đất nông nghiệp chưa hiệu quả.

- Công tác dự báo, xây dựng chính sách, quản lý quy hoạch về sử dụng đất còn

<sup>124</sup> Trung bình mỗi năm tăng từ 0,16% đến 2% , tương đương mỗi năm khoảng gần 20 ngàn Giấy chứng nhận.

<sup>125</sup> Theo Niên giám thống kê 2021, TCTK: Năm 2015 là 85.965 tỷ đồng; năm 2018 là 180.779 tỷ đồng; năm 2019 là 193.337 tỷ đồng và năm 2020 là 212.970 tỷ đồng.

<sup>126</sup> Nghị định số 02/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật kinh doanh bất động sản, Nghị định số 44/2022/NĐ-CP ngày 29/6/2022 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản;

<sup>127</sup> Theo đó Bộ Xây dựng đã phối hợp với Ngân hàng Nhà nước triển khai ngay việc hướng dẫn đối tượng, điều kiện của khách hàng và chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân và cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ được vay gói tín dụng 120.000 tỷ đồng thông qua 04 Ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước; báo cáo Thủ tướng Chính phủ về gói tín dụng 120.000 tỷ đồng.

<sup>128</sup> Tại Quyết định số 1435/QĐ-TTg ngày 17/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>129</sup> Tính đến tháng 6/2023, Tổ công tác đã nhận được 108 văn bản báo cáo khó khăn, vướng mắc và kiến nghị của địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội và người dân liên quan đến 168 dự án bất động sản; nghiên cứu, rà soát, xử lý theo thẩm quyền hoặc gửi đến cơ quan có thẩm quyền xử lý 108 văn bản.

hạn chế đã gây khó khăn trong việc triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, thỏa thuận bồi thường, đơn giá bồi thường theo quy định của pháp luật còn chông chéo, ảnh hưởng đến thời gian triển khai và thu hút đầu tư.

- Hệ thống quản lý và thông kê dữ liệu về sở hữu bất động sản, giao dịch bất động sản đồng bộ từ Trung ương đến địa phương chưa đồng bộ, gây khó khăn cho công tác chỉ đạo, điều hành, đề xuất giải pháp để điều chỉnh cũng như định hướng thị trường bất động sản.

- Hệ thống pháp luật điều chỉnh thị trường bất động sản, từ công tác đầu tư xây dựng, giao dịch bất động sản đến quản lý sử dụng bất động sản còn chông chéo; triển khai các dự án bất động sản còn gặp khó khăn, vướng mắc liên quan đến thể chế và quy định pháp luật, bao gồm pháp luật về đất đai<sup>130</sup>, pháp luật về quy hoạch<sup>131</sup>, pháp luật về đầu tư<sup>132</sup>, pháp luật về nhà ở, đô thị và xây dựng<sup>133</sup>. Nhiều vấn đề phát sinh từ thực tiễn, bất cập của cơ chế, chính sách chưa được bổ sung, sửa đổi kịp thời dẫn đến thị trường bất động sản chưa được quản lý và kiểm soát hiệu quả.

*Có nhiều nguyên nhân dẫn đến các hạn chế trên, trong đó các nguyên nhân chính bao gồm:* (1) Thị trường chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị tác động bởi môi giới trung gian, dẫn đến hiện tượng thiếu minh bạch và nhiều bất ổn; một số nội dung trong Luật Đất đai năm 2013 làm hạn chế hoạt động của thị trường quyền sử dụng đất nông

<sup>130</sup> Quy định về (i) Phương pháp định giá đất rất khó xác định đầu là giá "thị trường" (chiếm trên 50% vướng mắc của các dự án); (ii) Quy hoạch sử dụng đất đã được công bố nhưng chưa có kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện; thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định nhưng đã được chuyển mục đích sử dụng đất; đền bù và giải phóng mặt bằng; (iii) Doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án; giao đất, cho thuê đất dự án đối ứng BT; điều kiện duy trì tỷ lệ góp vốn không thấp hơn 26% khi di dời doanh nghiệp, cơ sở sản xuất; doanh nghiệp nhà nước có chuyển mục đích sử dụng đất nhưng không phù hợp (hoặc chưa có) Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước; cấp giấy chứng nhận cho người mua nhà trong dự án có điều chỉnh quy hoạch; tách diện tích đất do Nhà nước quản lý (đất công) nằm xen kẽ trong dự án nhà ở thương mại thành dự án độc lập...(iv) Chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã đầu tư hạ tầng cho người dân tự xây dựng đối với các dự án thuộc địa bàn các phường của đô thị đặc biệt, đô thị loại 1 đã được chấp thuận chủ trương trước thời điểm Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai được ban hành và có hiệu lực

<sup>131</sup> (i) Đối với trường hợp quy hoạch chi tiết 1/500 đã được phê duyệt nhưng không phù hợp với quy hoạch cấp trên; (ii) Thẩm quyền điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung; điều kiện, thời điểm rà soát, cập nhật, điều chỉnh quy hoạch đảm bảo đồng bộ quy hoạch xây dựng bao gồm quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết 1/500 đối với các dự án đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết...(iii) Đối với các dự án đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết, đang triển khai thực hiện những căn cứ, cơ sở pháp lý đã hết hiệu lực.

<sup>132</sup> (i) Điều chỉnh tiến độ dự án vì nguyên nhân khách quan thì không nhất thiết thực hiện thẩm định, điều chỉnh chủ trương đầu tư theo định; điều chỉnh tiến độ dự án do chậm tiến độ vì nguyên nhân chủ quan đối với các dự án có thời điểm hoàn thành trước 01/01/2021; điều chỉnh dự án trong trường hợp vi phạm chậm đưa đất vào sử dụng; (ii) Không cho phép chấp thuận chủ trương đồng thời lựa chọn nhà đầu tư dự án nhà ở thương mại trong trường hợp nhà đầu tư đã có quyền sử dụng "đất khác" nhưng không phải đất ở; (iii) Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án nhà ở, khu đô thị trong trường hợp chỉ có quyết định giao đất nhưng không có quyết định chủ trương đầu tư theo pháp luật về nhà ở, pháp luật về đô thị; thẩm quyền chuyển nhượng dự án; đấu thầu dự án có phần đất công xen kẽ trong dự án; (iv) Yêu cầu dự án nhà ở xã hội phải đảm bảo phù hợp 100% quy hoạch dẫn đến nhiều dự án nhà ở xã hội không thể đảm bảo để được chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

<sup>133</sup> Đối với các dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư nhưng chưa thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về nhà ở, đô thị; (ii) Thực hiện quy định tỷ lệ 100% chủ sở hữu phải thống nhất khi thực hiện xây dựng lại nhà chung cư cấp C - chưa hư hỏng nặng, nguy hiểm; (ii) Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án cải tạo lại chung cư cũ; về hệ số k bồi thường; về việc quy đổi diện tích căn hộ và giá quy đổi trong phương án bồi thường; về thực hiện cải tạo đồng bộ khu chung cư bao gồm cả chung cư cũ hư hỏng nặng, nguy hiểm và chung cư chưa hư hỏng nặng, nguy hiểm; (iv) Phân cấp thẩm định dự án đầu tư xây dựng trong trường hợp dự án có nhiều thành phần, công trình có cấp khác nhau; (v) Xác định suất vốn đầu tư và chi phí đầu tư xây dựng phục vụ cho công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

ng nghiệp chưa được gỡ bỏ<sup>134</sup>; quá trình tổ chức thực thi chính sách pháp luật về đất đai còn chậm, gây khó khăn cho phát triển thị trường. Việc triển khai lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất của các địa phương triển khai chậm; chất lượng kế hoạch sử dụng đất hàng năm của phần lớn các địa phương còn hạn chế, tính khả thi không cao; việc công khai quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất ở một số địa phương chưa thực hiện đúng quy định. Nhiều địa phương hiện nay, việc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho các hộ gia đình, nhất là sau khi dồn điền, đổi thửa thực hiện khá chậm vì chi phí cấp lại khá lớn. Chính sách thúc đẩy tích tụ, tập trung đất nông nghiệp tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP cho đến nay rất ít địa phương triển khai; (2) Việc phát triển thị trường bất động sản, việc tổ chức, người thực thi pháp luật có tâm lý sợ sai, sợ trách nhiệm, sợ rủi ro pháp lý dẫn đến giải quyết chậm, không dám đề xuất, không dám quyết định; nhiều nguồn thông tin không chính xác, không chính thống gây ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường, đặc biệt là các thông tin về tài chính, trái phiếu, cổ phiếu, xử lý vi phạm tại một số doanh nghiệp.

### ***c) Phát triển thị trường lao động***

Giai đoạn 2021-2023, tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển thị trường lao động bảo đảm tính thống nhất, linh hoạt và phù hợp với thực tiễn và yêu cầu đổi mới của đất nước nhằm cải thiện quan hệ lao động, cải cách chính sách tiền lương, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, cụ thể: Chính phủ đã ban hành 02 Nghị quyết<sup>135</sup>, 03 Nghị định<sup>136</sup>; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 03 Quyết định<sup>137</sup>. Cùng với việc hoàn thiện khung khổ pháp lý về phát triển thị trường lao động, các chính sách phát triển, đổi mới giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp (GDNN) cũng được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành<sup>138</sup> và chỉ đạo các cơ quan liên quan triển khai thực

<sup>134</sup> Như: quy định về quy hoạch sử dụng đất còn quá chặt chẽ làm cho việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong cùng nhóm đất diễn ra khó khăn; quy định về giao đất không thu tiền sử dụng đất làm cho nhiều hộ không có nhu cầu sử dụng đất nhưng không trả lại đất cho Nhà nước (làm hạn chế nguồn cung); quy định về các hộ phi nông nghiệp, các tổ chức kinh tế không được nhận quyền sử dụng đất trồng lúa (làm hạn chế nguồn cầu).

<sup>135</sup> Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 của Chính phủ về thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp; Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội.

<sup>136</sup> Nghị định 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về Trung tâm DVVL, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm; Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực GDNN; Nghị định số 04/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 49/2018/NĐ-CP ngày 30/3/2018 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng GDNN.

<sup>137</sup> Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030; Quyết định 28/2021/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp; Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động.

<sup>138</sup> Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực GDNN; Nghị định số 04/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 49/2018/NĐ-CP ngày 30/3/2018 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng GDNN; Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển GDNN giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình chuyển đổi số trong GDNN đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1446/QĐ-TTg ngày 30/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”; Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;



hiện một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, các chính sách phát triển hệ thống dịch vụ việc làm hiện đại, tạo thuận lợi cho người tìm việc và người tuyển dụng lao động<sup>139</sup>, an sinh xã hội cũng được ban hành<sup>140</sup>. Việc thực hiện đồng bộ các hoạt động hoàn thiện khung khổ thể chế, cơ chế, chính sách và các giải pháp phát triển thị trường lao động trong giai đoạn 2021-2023 đã mang lại những kết quả bước đầu tích cực, như sau:

*Một là*, quy mô lực lượng lao động tăng, cùng với đó chất lượng của lực lượng lao động từng bước được cải thiện. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên tăng từ 50,56 triệu người năm 2021 lên 51,705 triệu người năm 2022 và 52,42 triệu người tính đến quý III/2023. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tạo có bằng, chứng chỉ tăng từ 26,1% năm 2021 lên 26,4% năm 2022 và tính đến quý III/2023 là 27,3% tăng 1 điểm % so với cùng kỳ năm trước.

*Hai là*, thị trường lao động đang phục hồi, hiệu quả hoạt động từng bước được nâng lên. Lao động có việc làm liên tục tăng đều qua các năm, từ 49,07 triệu người năm 2021 lên 50,6 triệu người năm 2022 và trong 6 tháng đầu năm 2023 là 51,2 triệu người<sup>141</sup>. Chuyển dịch cơ cấu lao động có xu hướng tích cực, lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm, từ 29,06% năm 2021 xuống 27,54% năm 2022 và đến hết quý II/2023 là 27%; trong khi đó, lao động làm việc trong khu vực công nghiệp và xây dựng, khu vực dịch vụ tăng tương ứng từ 33,1% năm 2021 lên 33,4% năm 2022, đến quý III năm 2023 giảm nhẹ xuống 33,3% đối với ngành công nghiệp và xây dựng. Tỷ lệ tương ứng đối với ngành dịch vụ là 37,82%: 39,01%: 39,7%. Tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực chính thức tăng từ 31,5% năm 2021 lên 34,2%, tính chung 9 tháng năm 2023 là 35,1%.

*Ba là*, hệ thống dịch vụ việc làm (DVVL) tiếp tục được phát triển và hoạt động hiệu quả góp phần vào việc tăng cường kết nối cung - cầu lao động trên thị trường. Tổ chức DVVL đã có bước phát triển mới. Các trung tâm DVVL đã và đang sắp xếp, kiện toàn<sup>142</sup> cho phù hợp với thị trường lao động ngày càng phát triển để đáp ứng được những nhu cầu về việc làm của người lao động, người sử dụng lao động, thông tin thị trường lao động cho người lao động và người sử dụng lao động. Chất lượng dịch vụ

Quyết định số 78/QĐ-TTg ngày 14/1/2022 phê duyệt Chương trình “Phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022 - 2030.

<sup>139</sup> Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm DVVL, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm thay thế Nghị định số 196/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về việc thành lập, hoạt động của trung tâm DVVL và Nghị định 52/2014/NĐ-CP ngày 23/5/2014 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm để tạo hành lang pháp lý giúp hệ thống trung tâm DVVL nâng cao hiệu quả hoạt động, thực hiện tốt nhiệm vụ tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối cung - cầu lao động.

<sup>140</sup> Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/1/2022 của Chính phủ với các giải pháp cụ thể, như hỗ trợ người lao động quay trở lại thị trường lao động; Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 của Chính phủ về thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp; Quyết định 28/2021/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp; Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Về việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động.

<sup>141</sup> Tăng 776 nghìn người so với cùng kỳ năm 2022.

<sup>142</sup> Đến nay, cả nước có 83 trung tâm DVVL được thành lập, hoạt động theo quy định Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm DVVL và doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm. Trong đó, 63 trung tâm do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc TW thành lập, giao cho Sở LĐTBXH quản lý (mỗi tỉnh/thành phố có 01 trung tâm); 20 trung tâm thuộc ngành, tổ chức chính trị - xã hội, cụ thể: 15 Trung tâm thuộc Trung ương Đoàn TNCSHCM, 02 Trung tâm thuộc Hội phụ nữ Việt Nam, 03 trung tâm do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thành lập và giao cho Ban quản lý khu công nghiệp - khu chế xuất quản lý.

ngày một tăng lên. Kết quả hoạt động của doanh nghiệp DVVL đã góp phần tích cực trong kết nối cung - cầu lao động, đáp ứng được cơ bản nhu cầu nhân sự của các doanh nghiệp, đặc biệt phân khúc thị trường lao động có trình độ cao.

*Bốn là*, quy mô giáo dục, đào tạo và mạng lưới cơ sở giáo dục phát triển, cơ hội tiếp cận giáo dục, đào tạo có chất lượng được mở rộng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của người dân. Các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục đào tạo được quan tâm đầu tư và từng bước hiện đại hóa. Xã hội hóa giáo dục và đào tạo được đẩy mạnh, thu hút được nguồn lực đáng kể của xã hội, đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của nhân dân và đào tạo nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH) đất nước. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản lý được đẩy mạnh. Dạy học trực tuyến đã được triển khai trong tất cả các cơ sở giáo dục. Hoạt động khoa học, công nghệ của cơ sở GDĐH có nhiều chuyển biến rõ rệt. Chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao, nhiều ngành đào tạo được mở thêm, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động. Năm 2021 có 3 đại học, trường đại học của Việt Nam lọt vào top 1000 trường tốt nhất thế giới theo xếp hạng của Tạp chí Giáo dục đại học (Times Higher Education).

Mặc dù đã đạt được một số kết quả nhưng thị trường lao động Việt Nam vẫn bộc lộ nhiều hạn chế, cụ thể:

- Về mặt tổng thể quốc gia, mặc dù lao động có việc làm có xu hướng tăng nhưng thị trường lao động phát triển chưa bền vững khi số lao động có việc làm phi chính thức chiếm tỷ trọng lớn (chiếm 65,1% trong quý II/2023); lực lượng lao động có trình độ, kỹ năng nghề cao còn thiếu và yếu về ngoại ngữ và các kỹ năng mềm; chất lượng nhân lực có kỹ năng nghề vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của thị trường lao động<sup>143</sup>, chưa đủ sức hấp dẫn các doanh nghiệp, nhà đầu tư lớn nước ngoài vào Việt Nam.

- Mất cân đối cung - cầu lao động cục bộ và có sự phát triển không đồng đều giữa các vùng miền, khu vực, ngành, nghề kinh tế; cơ chế kết nối cung - cầu và tự cân bằng của thị trường còn yếu, dẫn đến chưa đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp trong giai đoạn phục hồi kinh tế; cung lao động chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng của các doanh nghiệp, đặc biệt đối với lao động có trình độ chuyên môn cao; về phía người lao động, sự thiếu chủ động trong việc nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tay nghề, tác phong công nghiệp để đáp ứng nhu cầu tuyển dụng và thích ứng với các công việc, ngành nghề có tính chuyên môn hóa cao.

- Vai trò của Nhà nước trong quản lý thị trường còn hạn chế, rời rạc, thiếu tính đồng bộ, kết nối; hệ thống văn bản quản lý còn nhiều chồng chéo, các chính sách phát triển thị trường lao động cấp địa phương mang nặng tính hành chính, phụ thuộc vào ngân sách nhà nước; cải cách hành chính hiệu quả thấp.

- Hệ thống trung tâm DVVL công ở địa phương tuy đã được hình thành nhưng chưa được quan tâm đầu tư nâng cấp thường xuyên, chưa đạt được hiệu quả như mong muốn trong việc điều tiết thị trường, kết nối cung - cầu lao động, tư vấn giới thiệu việc làm.

- Công tác giải quyết việc làm nhìn chung vẫn chưa bền vững khi khá nhiều công việc giản đơn với năng suất và mức thu nhập còn thấp. Chất lượng việc làm thấp, lao động tự làm, lao động gia đình không hưởng lương với đặc trưng là việc làm không bền

<sup>143</sup> Hiện nay có khoảng 38,1 triệu người lao động chưa qua đào tạo từ sơ cấp trở lên.

vững và dễ bị tổn thương, vẫn là nhóm lao động lớn của của nền kinh tế, chiếm khoảng 45,8% tổng việc làm (số liệu tại thời điểm năm 2021); năm 2022 là 44,2%. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên còn cao (quý I/2023 là 7,61%; quý II/2023 là 7,41%; quý III là 7,86%).

- Các chính sách quy định về thuế áp dụng đối với doanh nghiệp khi tham gia hoạt động GDNN chưa đồng bộ, thống nhất, nằm rải rác trong các văn bản khác nhau, chưa thu hút được sự quan tâm của doanh nghiệp.

- Hợp tác giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp còn thiếu tính bền vững. Một số chương trình hợp tác đã ký kết giữa nhà trường với doanh nghiệp, Nhà nước với doanh nghiệp nhưng chưa có nhiều hoạt động, chưa tìm ra được cơ chế hoạt động hiệu quả.

- Công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo của các cơ sở GDNN gặp nhiều khó khăn, nhất là tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp và tuyển sinh đối với các ngành, nghề chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh. Việc dạy chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông trong các cơ sở GDNN chưa tháo gỡ được khó khăn, vướng mắc đã tác động rất lớn tới việc người học đăng ký tham gia học nghề, dẫn đến khó thực hiện được mục tiêu về phân luồng đào tạo tại Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị và Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thể chế và chính sách giáo dục chưa đồng bộ. Giáo dục chưa được ưu tiên đầu tư đúng mức trong các chương trình phát triển kinh tế- xã hội ở một số địa phương. Mạng lưới cơ sở giáo dục chưa được đầu tư phát triển đồng đều giữa các vùng miền, cơ hội tiếp cận giáo dục có chất lượng chưa công bằng đối với các nhóm yếu thế. Giáo dục phổ thông còn thiên về truyền tải kiến thức, chưa thực sự chú trọng phát huy năng lực và phẩm chất cho người học. Giáo dục đại học chưa được đầu tư đầy đủ, chưa thực sự đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động, còn tụt hậu so với các nước phát triển. Giáo dục thường xuyên chưa đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời và chưa tạo thuận lợi để người dân nâng cao trình độ, chuyển đổi nghề nghiệp.

*Có nhiều nguyên nhân dẫn đến các hạn chế trên, trong đó các nguyên nhân chính bao gồm:* thể chế hóa đường lối chủ trương về giáo dục còn chậm. Một số chính sách, quy định pháp luật về giáo dục còn chồng chéo, thiếu đồng bộ, chậm đưa vào cuộc sống, chưa phát huy được tác dụng. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đô thị chưa đồng bộ; chưa tính đến điều kiện phát triển nguồn nhân lực của từng vùng, miền, địa phương trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa kéo theo hiện tượng phát triển không đồng bộ gây nên sự chênh lệch của các địa phương<sup>144</sup>. Bên cạnh đó, nhiều địa phương tập trung thu hút đầu tư để phát triển kinh tế nhưng không tính toán đến cung - cầu lao động cũng như hạ tầng cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu chuyển dịch lao động; thiếu các quy định quản lý loại hình lao động phi chính thức dẫn đến các khó khăn trong việc nắm bắt, quản lý và khớp nối cung cầu lao động trên thị trường, khó đảm bảo công tác an sinh xã hội đối với các đối tượng này<sup>145</sup>; công tác dự báo cung - cầu lao động, xây

<sup>144</sup> Điển hình là nhiều tỉnh, thành tập trung quá nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất lại là nơi dân số ít, nguồn lao động không nhiều, phụ thuộc vào lao động nhập cư. Ngược lại, nhiều địa phương tập trung thu hút đầu tư để phát triển kinh tế nhưng không tính toán đến cung - cầu lao động cũng như hạ tầng cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu chuyển dịch lao động.

<sup>145</sup> Đã bộc lộ bất cập nhiều hơn trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 vừa qua.

dụng và cập nhật cơ sở dữ liệu mở về lao động yếu, thiếu, chưa thống nhất, chưa đồng bộ; các trung tâm giới thiệu việc làm chủ yếu là các đơn vị sự nghiệp công lập, hoạt động thiếu năng động và hiệu quả chưa cao, dẫn đến việc kết nối cung cầu của thị trường kém hiệu quả; chậm đổi mới chương trình giáo dục, đào tạo và đào tạo nghề hướng đến phát huy khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, tăng sự gắn kết với nhu cầu của thị trường; cơ chế, chính sách tạo điều kiện thúc đẩy và khuyến khích xã hội hóa trong đào tạo nghề, cung cấp lao động chuyên nghiệp cho thị trường còn thiếu, chưa đồng bộ; một số địa phương chưa tích cực trong việc chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở GDNN thuộc quyền tăng cường gắn kết với doanh nghiệp trong đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động. Ngân sách chi cho phát triển giáo dục có xu hướng giảm, nguồn đầu tư hạn chế. Một số địa phương chưa chú trọng phân bổ nguồn lực cho giáo dục một cách kịp thời và phù hợp. Thực hiện phân cấp quản lý giáo dục còn nhiều bất cập. Việc tách rời quản lý nhà nước về chuyên môn với quản lý nhân sự, tài chính đã làm giảm tính thống nhất trong chỉ đạo, điều hành đối với toàn hệ thống.

#### ***d) Phát triển thị trường khoa học- công nghệ***

Từ năm 2021 cho đến nay, các nhiệm vụ trọng tâm về phát triển thị trường KHCN đặt ra trong Nghị quyết số 31/2021/QH15 của Quốc hội và Nghị quyết số 54/NQ-CP của Chính phủ đã được các bộ, ngành và địa phương đã tích cực triển khai. Khung khổ pháp lý cho hoạt động của thị trường KHCN tiếp tục được hoàn thiện<sup>146</sup>. Nhiều văn bản về chính sách được ban hành và triển khai nhằm hỗ trợ, khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp được đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ KHCN tiếp tục được hoàn thiện<sup>147</sup>; nâng cao năng lực tiếp thu, hấp thụ và làm chủ công nghệ của doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân<sup>148</sup>; thúc đẩy nghiên cứu KHCN,

<sup>146</sup> Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển thị trường KHCN quốc gia đến năm 2030.

<sup>147</sup> Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển KHCN và ĐMST đến năm 2030; Bộ KH&CN đang hoàn thiện dự thảo các quyết định: (1) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Chiến lược quốc gia phát triển đội ngũ trí thức giai đoạn 2021-2030”; (2) Đề án “Đổi mới tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế tự chủ của các tổ chức KHCN công lập”; (3) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các tổ chức KHCN công lập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (4) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Thu hút và phát huy có hiệu quả các nhà khoa học, chuyên gia giỏi là người Việt Nam ở nước ngoài”; (5) Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg ngày 19/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng; (6) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định thẩm quyền, hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ; xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên; cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao; (7) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Kế hoạch phát triển Khu công nghệ cao Hòa Lạc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; (8) Đề án thí điểm chính sách tạo động lực thương mại hóa, đưa nhanh kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ được tạo ra từ ngân sách nhà nước vào sản xuất kinh doanh.

<sup>148</sup> Đề án định hướng phát triển tiềm lực KHCN, ĐMST của ngành thông qua: (1) Ưu tiên nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước cho nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp thông qua các chương trình KHCN cấp Quốc gia, cấp Bộ; (2) Xây dựng cơ chế để thiết lập hệ thống liên kết các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, phòng thí nghiệm chuyên ngành, nhóm nghiên cứu mạnh để giải quyết các nhiệm vụ trọng điểm, phát sinh mới của ngành; (3) Tăng cường liên kết giữa tổ chức KHCN với doanh nghiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ. Thí điểm thực hiện cơ chế hợp tác công - tư để huy động nguồn lực từ khu vực kinh tế tư nhân trong và ngoài nước trong hoạt động KHCN; (4) Khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp thành lập viện, trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ 4.0; (5) Xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp ngành nông nghiệp để phát triển cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KHCN nông nghiệp; thu hút, trọng dụng cán bộ nghiên cứu trẻ có trình độ, tiềm năng để hình thành, phát triển doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp nông nghiệp; (6) Đẩy mạnh việc giao quyền khai thác, chuyển nhượng quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm tạo ra từ ngân sách nhà nước cho các doanh nghiệp để ứng dụng nhanh vào sản xuất.

ĐMST và khởi nghiệp trong cơ sở giáo dục đại học<sup>149</sup>.

- Môi trường pháp lý cho hoạt động của thị trường KHCN tiếp tục được đã hoàn thiện<sup>150</sup>, tạo điều kiện cho các yếu tố của thị trường công nghệ phát triển, đặc biệt các khâu: Thành lập tổ chức trung gian; định giá tài sản trí tuệ; giao quyền sở hữu kết quả KHCN cho cơ quan chủ trì; phân chia lợi ích sau thương mại hóa; giao dịch điện tử.

- Hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ của Việt Nam ngày càng được bổ sung hoàn thiện để phù hợp với các chuẩn mực quốc tế và các Hiệp định liên quan đến thương mại và quyền sở hữu trí tuệ (như TRIPS của WTO,...)<sup>151</sup>. Chính sách tăng cường bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế được cụ thể hoá trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ<sup>152</sup>. Tăng cường giải quyết thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là thẩm định đơn sáng chế<sup>153</sup>; triển khai các hoạt động tăng cường sự phù hợp của hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ của Việt Nam với các chuẩn mực quốc tế và các Hiệp định liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ<sup>154</sup>.

- Hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia ngày càng phát triển và hoàn thiện<sup>155</sup>, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc công bố hợp chuẩn, hợp quy các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quy trình, môi trường<sup>156</sup>:

+ Hệ thống tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) thường xuyên được rà soát, sửa đổi, bổ sung, cập nhật cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và mức độ hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế. Đến nay, đã công bố hơn 13.500 TCVN và hơn 800 QCVN, tỷ lệ hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực đạt trên 60%. Hiện nay, đang nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn và chứng nhận Halal, từ đó hỗ

<sup>149</sup> Bộ GDĐT chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tiếp tục nghiên cứu, rà soát và sơ kết 05 năm thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học và văn bản pháp luật liên quan, báo cáo Chính phủ năm 2024. Bộ GDĐT đã ban hành Kế hoạch số 413/KH-BGDĐT ngày 15/4/2022 của Bộ GDĐT về việc ban hành Kế hoạch triển khai Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” của ngành Giáo dục năm 2022; Thông tư số 07/2022/TT-BGDĐT ngày 23/5/2022 của Bộ GDĐT quy định về công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục; Kế hoạch số 708/KH-BGDĐT ngày 27/6/2022 của Bộ GDĐT về việc triển khai hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, đối tượng là các sinh viên, giảng viên đã thành lập các DNNVV khởi nghiệp sáng tạo.

<sup>150</sup> Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Bộ Thông tin và Truyền thông đang hoàn thiện nội dung Luật Công nghiệp công nghệ số để trình Quốc hội ban hành trong giai đoạn 2022-2025, Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) trình Chính phủ và Quốc hội ban hành trong giai đoạn 2022-2023.

<sup>151</sup> Để phù hợp với Hiệp định Thương mại tự do và Hiệp định Bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam - EU (EVFTA và IPA), ngày 16/6/2022, Quốc hội đã thông qua Luật Sở hữu trí tuệ và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/1/2023.

<sup>152</sup> Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/06/2022 của Quốc hội.

<sup>153</sup> Năm 2022: Số lượng đơn đăng ký sáng chế là 8.707, Số lượng Bằng độc quyền sáng chế đã cấp là 3.868; số lượng đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp đã nộp là 3.344; số lượng Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp đã cấp là 1.819; số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu quốc gia đã nộp là 56.050, số lượng Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đã cấp là 36.339.

<sup>154</sup> Quyết định số 813/QĐ-TTg 12/7/2022 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Kế hoạch triển khai Hiệp ước Budapest về sự công nhận quốc tế đối với việc nộp lưu chủng vi sinh nhằm tiến hành các thủ tục về sáng chế.

<sup>155</sup> Bộ KH&CN đã hoàn thành dự thảo Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. Hiện nay dự thảo đã gửi Bộ Tư pháp thẩm định, dự kiến trình Chính phủ trong tháng 01/2024.

<sup>156</sup> Chính phủ ban hành Nghị định 13/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ, Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường. Ngày 26/01/2022, Bộ KH&CN ban hành văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BKHCN Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

trợ phát triển ngành Halal của Việt Nam<sup>157</sup>.

+ Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về đo lường từ trung ương tới 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong cả nước đã được hình thành. Quy hoạch phát triển chuẩn đo lường quốc gia<sup>158</sup> tiếp tục được triển khai thực hiện, làm cơ sở kỹ thuật đảm bảo tính thống nhất và chính xác của mọi phép đo trong nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

- Cơ chế chính sách hỗ trợ thúc đẩy nhập khẩu, chuyển giao công nghệ tiên tiến; khuyến khích các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài có cam kết chuyển giao công nghệ hoặc thành lập các cơ sở nghiên cứu và phát triển ở Việt Nam tiếp tục được bổ sung hoàn thiện và được cụ thể hoá trong các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể: Quyết định số 10/2021/QĐ-TTg ngày 16/3/2021 quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao<sup>159</sup>; Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg ngày 06/10/2021 quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt<sup>160</sup>; Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 về việc cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao và Quyết định số 28/2022/QĐ-TTg ngày 20/12/2022 về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg ngày 19/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng<sup>161</sup>.

Với việc tích cực hoàn thiện khung khổ pháp lý và thực hiện các giải pháp đồng bộ phát triển thị trường KHCCN trong giai đoạn 2021-2023 đã đạt được kết quả tích cực như sau:

*Một là*, mạng lưới trung gian của thị trường KHCCN được mở rộng về số lượng và quy mô<sup>162</sup>, có liên kết quốc tế, tổng giá trị giao dịch mua bán công nghệ gia tăng hàng năm. Các chợ công nghệ và thiết bị<sup>163</sup>, sàn giao dịch công nghệ, các tổ chức trung gian công nghệ ở quy mô quốc gia, vùng, địa phương<sup>164</sup> đã góp phần quan trọng thúc đẩy

<sup>157</sup> Ngày 01/12/2023, tại Dubai, Các Tiểu Vương quốc Ả-rập Thống nhất (UAE), Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) và Bộ Công nghiệp và Công nghệ Tiên tiến UAE (MoIAT) đã ký kết Bản ghi nhớ (MOU) trong lĩnh vực tiêu chuẩn hoá, đo lường, đánh giá sự phù hợp và hệ sinh thái Halal.

<sup>158</sup> Đến nay, đã phê duyệt 32 chuẩn đo lường quốc gia trên tổng số 44 chuẩn theo Quy hoạch.

<sup>159</sup> Quy định các doanh nghiệp công nghệ cao thành 3 loại, tương ứng với quy mô tổng nguồn vốn và tổng số lao động; quy định cụ thể hơn về tỷ lệ tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) được tính trên tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào; quy định các nội dung chi được tính là chi cho R&D của doanh nghiệp làm căn cứ tính toán mức độ đáp ứng tiêu chí doanh nghiệp công nghệ cao; quy định tỷ lệ lao động trực tiếp thực hiện R&D bao gồm cả lao động có trình độ cao đẳng để phù hợp với đặc thù của hoạt động R&D trong doanh nghiệp, trong đó lao động có trình độ cao đẳng không vượt quá 30% tổng số lao động R&D.

<sup>160</sup> Trong đó quy định một số tiêu chí về công nghệ cao, chuyển giao công nghệ tương ứng với các mức ưu đãi đầu tư đặc biệt nhằm thu hút các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài chuyển giao công nghệ vào Việt Nam.

<sup>161</sup> Việc sửa đổi được thực hiện theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp công nghệ cao, dự án có hoạt động ứng dụng công nghệ cao, dự án được hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt theo quy định tại Điều 20 của Luật Đầu tư được nhập khẩu dây chuyền công nghệ theo phương thức đơn giản hóa thủ tục; thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/08/2019 của Ban Chấp hành Trung ương về việc chủ động thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài nhưng vẫn bảo đảm có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu.

<sup>162</sup> Hiện cả nước có trên 800 tổ chức trung gian, trong đó có 22 sàn giao dịch công nghệ cấp tỉnh, 2 sàn giao dịch công nghệ cấp vùng đang hoạt động.

<sup>163</sup> 6 tháng đầu năm 2023 đã: (1) Phối hợp tổ chức thành công Triển lãm Quốc tế về công nghệ phân tích, thí nghiệm, chẩn đoán và công nghệ sinh học 2023 với 200 đơn vị tham gia đến từ 15 quốc gia và vùng lãnh thổ, đã thu hút 5.384 lượt người đến tham quan, và đã kết nối được 338 cuộc họp giao thương; (2) Đã tổ chức hàng chục sự kiện triển lãm, tọa đàm, hoạt động trình diễn, giới thiệu công nghệ và thiết bị mới, đặc biệt là chương trình “Cà phê công nghệ” hằng tuần bằng hai hình thức trực tiếp và trực tuyến với nhiều chủ đề khác nhau, có sự tham gia tích cực của các nhà khoa học, nhà sáng chế và cộng đồng doanh nghiệp.

<sup>164</sup> Kết nối liên thông với các Sàn Giao dịch công nghệ địa phương, TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Bắc Giang, Huế.

kết nối cung - cầu công nghệ<sup>165</sup>, gia tăng số lượng và giá trị các giao dịch công nghệ giữa doanh nghiệp với các cơ sở nghiên cứu<sup>166</sup>. Cùng với đó, các hoạt động kết nối cung cầu công nghệ (Techdemo), chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), chợ công nghệ và thiết bị trực tuyến (Techmart online), công tác hỗ trợ các địa phương, cơ quan, doanh nghiệp xây dựng phần mềm quản lý dữ liệu công nghệ tiếp tục được triển khai hiệu quả; cơ sở dữ liệu về công nghệ liên tục được cập nhật. Các điểm kết nối cung - cầu công nghệ đã tổ chức gần 3.000 cuộc kết nối trực tiếp và trực tuyến, tiếp đón hơn 10.000 lượt khách trực tuyến/trực tiếp, hơn 600 công nghệ được trình diễn và giới thiệu tại các điểm kết nối hoặc được các điểm kết nối hoặc được các điểm kết nối mang đi giới thiệu tại các sự kiện. Số lượng đơn sáng chế đăng ký đã nộp giai đoạn 2021-2022 là 17.242 đơn<sup>167</sup>, trong đó, số đơn đăng ký của người Việt Nam là 1.961 đơn<sup>168</sup>. Số bằng độc quyền sáng chế được cấp giai đoạn 2021-2022 là 7.559<sup>169</sup>, trong đó, số bằng độc quyền sáng chế được cấp của người Việt Nam là 306<sup>170</sup>.

*Hai là*, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyên giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ KHCN ngày càng gia tăng. Tính đến nay, cả nước đã cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KHCN cho 712 doanh nghiệp<sup>171</sup> thuộc các lĩnh vực công nghệ được khuyến khích phát triển như công nghệ sinh học công nghệ tự động hóa, thông tin vật liệu mới<sup>172</sup>. Trong bối cảnh tác động không nhỏ của dịch Covid-19 và cuộc xung đột Nga và Uc-rai-na, các doanh nghiệp KHCN đã nỗ lực thích ứng thông qua tăng cường đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển, đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm<sup>173</sup> và đạt được kết quả sản xuất kinh doanh khả quan<sup>174</sup>. Tuy chưa nhiều về mặt số lượng nhưng doanh nghiệp KHCN đã có nhiều tác động tích cực tới sự phát triển kinh tế - xã hội, không những tạo công ăn việc làm, mà còn tạo ra xu hướng phát triển KHCN trong hệ thống doanh nghiệp Việt Nam, góp phần nâng cao năng lực doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế. Các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KHCN, cơ sở ươm tạo DNNVV, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ DNNVV, khu làm việc chung hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo tiếp tục được hỗ trợ phát triển.

*Ba là*, Trung tâm ĐMST quốc gia, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo quốc

<sup>165</sup> Đến cuối năm 2022 cả nước có 14 Điểm kết nối cung - cầu công nghệ phân bố trên 5 vùng, 12 tỉnh thành; 63 trung tâm ứng dụng tiến bộ KHCN, trung tâm thông tin KHCN; 04 khu công nghệ cao; 08 công viên phần mềm.

<sup>166</sup> Đến cuối năm 2022 cả nước có 294 tổ chức cung cấp dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, 349 cá nhân đủ điều kiện hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; 01 tổ chức giám định sở hữu công nghiệp; 79 cơ sở ươm tạo; 1010 phòng thí nghiệm (phòng thực nghiệm); 202 khu làm việc chung; 217 quỹ đầu tư/nhà đầu tư; 40 tổ chức thúc đẩy kinh doanh.

<sup>167</sup> Năm 2021: 8.535 đơn; năm 2022: 8707 đơn.

<sup>168</sup> Năm 2021: 1.066 đơn; năm 2022: 895 đơn.

<sup>169</sup> Năm 2021: 3.691 bằng; năm 2022: 3.868 bằng.

<sup>170</sup> Năm 2021: 156 bằng; năm 2022: 156 bằng.

<sup>171</sup> Tăng 76 doanh nghiệp so với cùng kỳ năm 2021.

<sup>172</sup> Trong đó, Công nghệ sinh học (39,9%), công nghệ tự động hóa (25,5%), công nghệ thông tin (17%), vật liệu mới (10%).

<sup>173</sup> Trong tổng số 712 doanh nghiệp KHCN được cấp giấy chứng nhận: có khoảng 7% doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận từ kết quả KH&CN có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; hơn 90% doanh nghiệp còn lại tự đầu tư nghiên cứu hoặc nhận chuyển giao kết quả KHCN bằng toàn bộ nguồn vốn của chính doanh nghiệp.

<sup>174</sup> Ví dụ như Công ty CP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (VINASEED), Công ty TNHH Dược Hanvet (Hung Yên), Công ty CP Dược DANAPHA, Công ty TNHH chế biến dừa Lương Quới, Công ty TNHH Haem Vina, Công ty CP Công nghệ mới Nhật Hải (Hà Nội).

gia tại các thành phố: Hà Nội<sup>175</sup>, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng tiếp tục được đẩy nhanh hoàn thiện<sup>176</sup>. Hoạt động hợp tác liên kết ứng dụng, chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp và ĐMST giữa các đơn vị nghiên cứu, doanh nghiệp trong nước với các đối tác quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh<sup>177</sup>, triển khai Techfest quốc gia năm 2022<sup>178</sup> và năm 2023<sup>179</sup>.

Bốn là, các hoạt động ĐMST<sup>180</sup> từng bước gắn liền với vai trò của các trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo, những phát minh, sáng chế, nguồn nhân lực và quá trình sử dụng, tương tác, thực hiện các sáng tạo công nghệ trên thực tiễn gắn với vai trò của các doanh nghiệp. ĐMST đang dần trở thành động lực chính, quan trọng đóng góp lớn vào sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Trong bảng xếp hạng GII 2022, Việt Nam xếp thứ 48 trên 132 quốc gia/nền kinh tế<sup>181</sup>, giảm 4 bậc so với năm 2021, đứng thứ 2 trong nhóm 36 nền kinh tế thu nhập trung bình thấp<sup>182</sup>, đứng thứ 4 trong khối các nước ASEAN<sup>183</sup>. Năm 2023<sup>184</sup>, Việt Nam xếp thứ 46/132 quốc gia/nền kinh tế, tăng 2 bậc so với năm 2022, đứng thứ 4 khu vực Đông Nam Á, duy trì vị trí thứ 2 trong nhóm 36 nền kinh tế thu nhập trung bình thấp<sup>185</sup>. Việt Nam là một trong 07 quốc gia thu nhập trung bình đạt được nhiều tiến bộ nhất về đổi mới sáng tạo trong thập kỷ qua<sup>186</sup>. Việt Nam cũng là một trong 03 quốc gia giữ kỷ lục

<sup>175</sup> Tháng 10/2023 Thủ tướng Chính phủ đã khánh thành Trung tâm ĐMST quốc gia tại KCNC Hoà Lạc, thu hút 41 quỹ đầu tư cam kết đầu tư 1,5 tỷ USD trong 3 năm 2023-2025.

<sup>176</sup> Thành lập theo Quyết định số 188/QĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia đến năm 2025.

<sup>177</sup> (1) Tổ chức Chương trình Tech-Innovation Lào-Vietnam 2023. Sự kiện đã thu hút khoảng 1.500 lượt khách với 67 khu trưng bày, giới thiệu hơn 100 các kết quả nghiên cứu, các công nghệ có tiềm năng thương mại hóa trong một số ngành lĩnh vực, các Làng công nghệ của hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của Việt Nam, tại Sự kiện 04 thỏa thuận chuyển giao công nghệ được ký kết; (2) Tổ chức Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Techfest) với quy mô quốc tế tại Hàn Quốc. Tại sự kiện, đã thành công ký kết 02 Biên bản ghi nhớ với Quỹ đầu tư Blissvine Ventures Hàn Quốc-tổ chức đã ứng dụng thành công mô hình TIPS (Chương trình ươm tạo công nghệ cho khởi nghiệp); để hỗ trợ phát triển năng lực, chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp Việt Nam và tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp SM SINO. Tại sự kiện này, một số doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đã dành được kết quả cao tại cuộc thi Tìm kiếm tài năng khởi nghiệp trong khuôn khổ TECHFEST quốc gia đã có cơ hội thuyết trình (pitching) với hơn 30 quỹ đầu tư mạo hiểm của Hàn Quốc như: Gostream, FINA, Sobanhang...

<sup>178</sup> 40 hoạt động hội nghị, hội thảo trong 3 ngày sự kiện, thu hút hơn 8000 lượt người tham dự, 300 chuyên gia, diễn giả, nhà đầu tư quốc tế cũng hàng ngàn các doanh nghiệp, tổ chức hỗ trợ, chuyên gia khởi nghiệp sáng tạo trong nước. Hoạt động kết nối đầu tư trong 3 ngày sự kiện đạt 18,4 triệu USD tăng hơn 30% so với năm 2021 và đạt mức cao nhất trong 8 năm tổ chức Techfest.

<sup>179</sup> Techfest năm 2023 tiếp tục thúc đẩy phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo mở, hỗ trợ tạo bứt phá cho một số lĩnh vực công nghệ mà Việt Nam có thế mạnh. Trong đó, đã đặt ra 2 nhóm vấn đề ưu tiên. Đó là các giải pháp, nền tảng logistics phục vụ, bảo đảm chuỗi cung ứng trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các công nghệ về năng lượng sạch bảo đảm phát triển bền vững.

<sup>180</sup> Gồm các hoạt động nghiên cứu, phát triển các phát minh, sáng chế về công nghệ.

<sup>181</sup> Bên cạnh công bố điểm số và thứ hạng của từng quốc gia, WIPO còn công bố khoảng tin cậy của vị trí xếp hạng (phạm vi xê dịch của vị trí xếp hạng). Theo đó, khoảng tin cậy vị trí xếp hạng của Việt Nam năm 2022 là từ 44 đến 49, gần tương đương với năm 2021 (từ 42 đến 47). Việt Nam tiếp tục được WIPO ghi nhận là quốc gia có điểm số cao hơn nhiều so với mức trung bình của các nước cùng nhóm thu nhập. Trong 12 năm liền, Việt Nam luôn có kết quả ĐMST cao hơn so với mức độ phát triển, cho thấy hiệu quả trong việc chuyển các nguồn lực đầu vào thành kết quả đầu ra ĐMST. Việt Nam là một trong số ít những quốc gia thu nhập trung bình thấp được WIPO ghi nhận có tốc độ bắt kịp về ĐMST nhanh nhất (cho dù thứ hạng năm 2022 có giảm nhẹ).

<sup>182</sup> Năm 2022 có 36 quốc gia có mức thu nhập trung bình thấp được xếp hạng, tăng thêm 02 quốc gia so với năm 2021.

<sup>183</sup> Đứng sau Singapore, Malaysia và Thái Lan.

<sup>184</sup> Báo cáo GII 2023 do Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) công bố ngày 27/9/2023.

<sup>185</sup> Báo cáo ghi nhận Việt Nam tiếp tục có sự cải thiện thứ hạng đầu vào ĐMST tăng 2 bậc so với năm 2022, từ vị trí 59 lên 57 (đầu vào ĐMST gồm 5 trụ cột: Thể chế, Nguồn nhân lực và nghiên cứu, Cơ sở hạ tầng, Trình độ phát triển của thị trường, Trình độ phát triển của doanh nghiệp). Đầu ra ĐMST tăng 1 bậc so với năm 2022, từ vị trí 41 lên 40 (đầu ra ĐMST gồm 2 trụ cột: Sản phẩm tri thức và công nghệ, Sản phẩm sáng tạo).

<sup>186</sup> Gồm Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ, Việt Nam, Philippines, Indonesia và Cộng hòa Hồi giáo Iran.



có thành tích vượt trội so với mức độ phát triển trong 13 năm liên tiếp (gồm Ấn Độ, Cộng hòa Moldova và Việt Nam).

Năm là, chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp tiếp tục tăng trong giai đoạn 2021-2022. Trong giai đoạn này, cả nước có 161 hợp đồng chuyển giao công nghệ<sup>187</sup>, với giá trị các hợp đồng khoảng trên 30 nghìn tỷ đồng. Trong đó, có 130 hợp đồng chuyển giao công nghệ tại doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) tại Việt Nam (chiếm 81% số lượng hợp đồng), với giá trị khoảng trên 28 nghìn tỷ đồng (chiếm khoảng 93% giá trị các hợp đồng). Các hợp đồng chuyển giao công nghệ chủ yếu trong các lĩnh vực sản xuất điện tử, ô tô, xe máy<sup>188</sup> được phẩm, thiết bị y tế, hóa dầu, mỹ phẩm, đồ uống, sinh học, chăn nuôi, khai thác và chế biến khoáng sản, xây dựng. Từ tháng 8/2019 đến tháng 5/2022, các tổ chức giám định đã giám định tổng cộng 15.839 lô máy móc, thiết bị đã qua sử dụng và 160 dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng<sup>189</sup>.

Bên cạnh các kết quả đạt được nêu trên, việc phát triển thị trường KHCN vẫn còn một số hạn chế, cụ thể:

- Vốn đầu tư cho hoạt động chuyên môn và KHCN còn ở mức khiêm tốn và có xu hướng giảm cả về giá trị tuyệt đối và tương đối. Năm 2021 vốn đầu tư phát triển toàn xã hội cho hoạt động chuyên môn và KHCN đạt 31.608 tỷ đồng (chiếm 1,58% tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội), năm 2022 giảm còn 31.263 tỷ đồng (chiếm 1,48%). Vốn NSNN đầu tư cho hoạt động KHCN và nghiên cứu phát triển cũng ở mức thấp (0,42% năm 2021) so với các nước trong khu vực<sup>190</sup>.

- Mặc dù nhu cầu ứng dụng và đổi mới công nghệ của doanh nghiệp tăng cao, nhưng các doanh nghiệp Việt Nam chưa thực sự cạnh tranh bằng công nghệ và sáng tạo, việc đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hoá chưa gắn với lợi ích thiết thân của doanh nghiệp.

- Hoạt động liên kết, chuyển giao KHCN từ doanh nghiệp FDI cho rất hạn chế, hầu hết các doanh nghiệp FDI có hoạt động chuyển giao công nghệ đều là các doanh nghiệp chuyển giao công nghệ từ công ty mẹ, có đại diện theo pháp luật là người nước ngoài, nắm toàn bộ quy trình sản xuất của dự án hoặc doanh nghiệp. Mặt khác, năng lực hấp thụ công nghệ, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp trong nước còn hạn chế. Trình độ công nghệ của một số ngành, lĩnh vực còn khoảng cách khá xa so với các nước tiên tiến trên thế giới. Cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho KHCN chưa được các doanh nghiệp quan tâm, hưởng ứng. Đây là trở ngại lớn cho việc làm chủ công nghệ từ nước ngoài và các hoạt động lan tỏa công nghệ cao, công nghệ lõi, công nghệ mới từ các doanh nghiệp FDI sang doanh nghiệp trong nước.

- Thiếu cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia tin cậy, đồng bộ về KHCN và nhất là ĐMST trong doanh nghiệp. Mối liên kết giữa nghiên cứu và đào tạo, giữa nghiên cứu với thị trường, giữa nhà khoa học với doanh nghiệp còn yếu. Nhiều kết quả nghiên cứu KHCN trong nước có địa chỉ ứng dụng nhưng chưa chuyển giao được, chưa hoàn thiện về mặt công nghệ và khả năng sẵn sàng đáp ứng nhu cầu của thị trường. Trong khi đó, các tổ chức trung gian của thị trường KHCN chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức nên năng

<sup>187</sup> Bao gồm cả hợp đồng được gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

<sup>188</sup> Bao gồm sản xuất linh kiện, phụ tùng.

<sup>189</sup> Trong đó 120 dây chuyền công nghệ từ Hàn Quốc, 18 dây chuyền công nghệ từ Nhật Bản, 11 dây chuyền công nghệ từ Trung Quốc.

<sup>190</sup> Con số này năm 2019 của Ma-lai-xi-a là 1,13%; Sing-ga-po là 2,20%.

lực cung cấp các dịch vụ tư vấn, môi giới, xúc tiến, chuyển giao công nghệ còn yếu.

*Có nhiều nguyên nhân dẫn đến các hạn chế trên, trong đó các nguyên nhân chính bao gồm:* pháp luật về KHCN và ĐMST chưa đồng bộ với pháp luật của các lĩnh vực liên quan, đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư, tài chính,... đang gây khó khăn trong triển khai các cơ chế tài chính cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; chính sách ưu đãi thuế đối với khoản kinh phí đầu tư cho KHCN tuy đã có nhưng trên thực tế còn nhiều vướng mắc về trình tự, thủ tục khi thực hiện; đa phần doanh nghiệp Việt Nam là các DNNVV, việc huy động nguồn lực đủ lớn về tài chính và nhân lực cho hoạt động đổi mới công nghệ còn rất khó khăn; năng lực hấp thu của các doanh nghiệp trong nước còn yếu và trình độ công nghệ của một số ngành, lĩnh vực còn khoảng cách khá xa so với các nước tiên tiến trên thế giới; cơ chế thu hút nguồn lực ngoài ngân sách tham gia vào hoạt động nghiên cứu KHCN, ĐMST, chuyển giao công nghệ còn yếu, chưa phát huy hiệu quả; các tổ chức trung gian của thị trường KHCN chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức nên năng lực cung cấp các dịch vụ tư vấn, môi giới, xúc tiến, chuyển giao công nghệ còn hạn chế.

### **2.3. Phát triển lực lượng doanh nghiệp; thúc đẩy kết nối giữa doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã**

#### ***a) Cơ cấu lại và phát triển doanh nghiệp nhà nước***

Triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước (DNNN) đã đề ra tại Nghị quyết số 31/2021/QH15 của Quốc hội, giai đoạn 2021-2023, hệ thống các cơ chế chính sách pháp luật tạo thuận lợi cho quá trình cơ cấu lại DNNN tiếp tục được nghiên cứu, sửa đổi bổ sung, hoàn thiện, đảm bảo chặt chẽ hơn, công khai minh bạch, tối đa hóa lợi ích của Nhà nước, tháo gỡ khó khăn vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn và hạn chế thất thoát vốn, tài sản nhà nước trong quá trình cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại DNNN và doanh nghiệp có vốn Nhà nước<sup>191</sup>. Chính phủ đã trình Quốc hội thảo luận và ban hành Luật số 03/2022/QH15<sup>192</sup>; Chính phủ ban hành mới 01 Nghị quyết<sup>193</sup>, sửa đổi, bổ sung 03 Nghị định<sup>194</sup>; Thủ tướng Chính phủ ban hành mới, sửa đổi, bổ sung 04 Quyết định<sup>195</sup>. Bên cạnh đó, theo thẩm quyền

<sup>191</sup> Đến nay, 19/19 tập đoàn, tổng công ty trình hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền về Đề án cơ cấu lại, trong đó 02 đề án đã được phê duyệt, 06 đề án đang trình cấp có thẩm quyền, 11 dự án đang được chỉ đạo khẩn trương tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan để sớm hoàn thiện.

<sup>192</sup> Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công ty, Luật Đầu tư, Luật nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự.

<sup>193</sup> Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2022 của Chính phủ về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và huy động nguồn lực của DNNN, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty trong phát triển kinh tế - xã hội

<sup>194</sup> Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 1/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp; Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp.

<sup>195</sup> (1) Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại DNNN, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021-2025; (2) Quyết định số 26/2021/QĐ-TTg ngày 12/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần; (3) Quyết định 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án cơ cấu lại DNNN, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021—2025; (4) Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch sắp xếp lại DNNN, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025; (5) Công điện số 478/CD-TTg ngày 27/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn và cơ cấu lại DNNN.

các bộ, ban hành các hướng dẫn<sup>196</sup>, chủ trì xây dựng và trình cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án cơ cấu lại DNNN trong lĩnh vực mình quản lý<sup>197</sup>.

Kết quả nổi bật thực hiện cơ cấu lại DNNN giai đoạn 2021-2023, cụ thể như sau:

*Một là*, về cổ phần hoá, năm 2021 đã ghi nhận 04 doanh nghiệp cổ phần hóa với tổng giá trị doanh nghiệp là 333 tỷ đồng, trong đó giá trị thực tế phần vốn nhà nước là 196 tỷ đồng. Năm 2022, ghi nhận bổ sung 01 DNNN thực hiện cổ phần hóa<sup>198</sup> với tổng giá trị doanh nghiệp là 309 tỷ đồng, trong đó giá trị thực tế phần vốn nhà nước là 278 tỷ đồng. Tính đến ngày 25/4/2023, đã có 27 doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp theo Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ<sup>199</sup>. Lũy kế năm 2021-2022, số thu từ bán vốn nhà nước của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp đã nộp về NSNN năm 2021 là 1.000 tỷ đồng; số thu từ bán vốn nhà nước năm 2022 là 3.848 tỷ đồng (trong đó thu của NSTW là 2.511 tỷ đồng, thu của NSDP là 1.338 tỷ đồng). Kế hoạch thu hồi vốn nhà nước tại một số tổ chức kinh tế do Trung ương quản lý là 3.000 tỷ đồng<sup>200</sup>.

*Hai là*, về thoái vốn nhà nước, năm 2021 đã thoái vốn tại 18 doanh nghiệp với giá

<sup>196</sup> Thông tư số 32/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của DNNN và công ty trách nhiệm hữu hạn thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần, Thông tư 46/2021/TT-BTC ngày 23/6/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển DNNN và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do DNNN đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, Thông tư số 119/2021/TT-BTC ngày 23/12/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 83/2018/TT-BTC ngày 30/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại SCIC, Thông tư số 05/2022/TT-BTC ngày 08/02/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn tái cơ cấu doanh nghiệp không đủ điều kiện cổ phần hóa và chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ; Thông tư số 07/2022/TT-BTC ngày 09/02/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn bàn giao, tiếp nhận, xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ khi chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập và theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 57/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021; Thông tư 16/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư 36/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Thông tư 16/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư 36/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; Nghị định 23/2022/NĐ-CP ngày 5/4/2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại DNNN nắm giữ 100% vốn điều lệ.

<sup>197</sup> Bộ Quốc phòng đã ban hành Tờ trình số 985/TTr-BQP ngày 4/4/2022, Văn bản số 3182/BQP-Kte ngày 20/9/2022; Văn bản số 28/BQP-Kte ngày 6/1/2023 và Văn bản số 1349/BQP-Kte ngày 25/4/2023 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án sắp xếp lại doanh nghiệp quân đội giai đoạn 2021-2025; Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp với các bộ, ngành và địa phương xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế; Ủy Ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp (gọi tắt là UBQLVNN) đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án cơ cấu lại của 04 tập đoàn, tổng công ty (gồm: PVN, TKV, Vinachem, Vinafood1). UBQLVNN đã phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Vinataba, có văn bản chấp thuận chủ trương thuộc thẩm quyền UBQLVNN để Người đại diện biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông đối với 04 Đề án cơ cấu lại của các tập đoàn, tổng công ty (gồm Petrolimex, Vinafor, ACV, VIMC) và Đại hội đồng cổ đông các doanh nghiệp trên đã thông qua. Đối với 10/19 Đề án còn lại: UBQLVNN đã trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt 04 Đề án cơ cấu lại của các tập đoàn, tổng công ty (gồm: EVN, NPT, SCIC, VNR), 06 tập đoàn, tổng công ty (gồm: VRG, MobiFone, Vinacafe, Vinafood2, VNA, VEC) đang tiếp tục hoàn thiện Đề án theo ý kiến của các bộ, cơ quan liên quan.

<sup>198</sup> Công ty TNHH MTV Phà An Giang đã chính thức chuyển thành công ty cổ phần năm 2021.

<sup>199</sup> Gồm Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam thuộc UBQLVNN và 24 doanh nghiệp thuộc các địa phương (Hà Tĩnh, Hòa Bình, Lai Châu, Ninh Thuận, Thái Bình, Trà Vinh).

<sup>200</sup> Theo Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.

trị 1.665 tỷ đồng, thu về 4.402 tỷ đồng, năm 2022 thoái vốn nhà nước tại 01 doanh nghiệp với giá trị 195 tỷ đồng, thu về 390 tỷ đồng; các tập đoàn, tổng công ty, DNNN thoái vốn tại 31 doanh nghiệp với giá trị là 688,7 tỷ đồng, thu về 3.900,6 tỷ đồng. Trong 9 tháng năm 2023, các tập đoàn, tổng công ty, DNNN thoái vốn tại 11 đơn vị với giá trị 62,3 tỷ đồng, thu về 225,3 tỷ đồng. Số thu từ bán vốn nhà nước của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp đã nộp về NSNN năm 2021 là 1.000 tỷ đồng, năm 2022 là 3.848 tỷ đồng (trong đó thu của NSTW là 2.511 tỷ đồng, thu của NSDP là 1.338 tỷ đồng).

*Ba là*, DNNN được sắp xếp lại thực chất hiệu quả hơn. Chỉ riêng các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước đang nắm giữ, dù chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ (0,08%) trong nền kinh tế nhưng lại nắm giữ nguồn lực lớn, khoảng 7% tổng tài sản và 10% vốn chủ sở hữu của toàn bộ doanh nghiệp trong nền kinh tế. Quy mô tài sản, lợi nhuận, nộp NSNN tăng trưởng dương (lãi phát sinh trước thuế bình quân tăng 25%), tạo động lực đáng kể để phát triển kinh tế, đóng góp nguồn thu vào NSNN (lợi nhuận sau thuế và cổ tức/lợi nhuận được chia), tạo việc làm và thu nhập cho người lao động<sup>201</sup>.

*Bốn là*, DNNN tiếp tục là đơn vị đảm bảo cung cấp sản phẩm, dịch vụ thiết yếu cho xã hội, tham gia trực tiếp các hoạt động phục vụ quốc phòng, an ninh<sup>202</sup>, xây dựng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng cần thiết cho phát triển kinh tế (hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, nông nghiệp, nông thôn, viễn thông,...).

*Năm là*, hoạt động đầu tư của DNNN trong các ngành, lĩnh vực, địa bàn then chốt, quan trọng của nền kinh tế đã giúp giảm bớt đầu tư từ NSNN trong thực hiện các dự án đầu tư phát triển KTXH quan trọng của đất nước; góp phần thực hiện tiến trình cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng.

*Sáu là*, các DNNN, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế, là các doanh nghiệp đầu tàu, giữ vai trò chủ chốt trong các lĩnh vực sản xuất mà DNNN tham gia như lĩnh vực bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia<sup>203</sup>, lĩnh vực viễn thông<sup>204</sup>, xây dựng được các thương hiệu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có uy tín, có ảnh hưởng lớn trong khu vực và quốc tế về nhiều lĩnh vực như dịch vụ vận tải (Vietnam Airlines), cảng biển và logistics (Saigonnewport).

Bên cạnh các kết quả đạt được, quá trình cơ cấu lại DNNN còn nhiều hạn chế,

<sup>201</sup> Một số dự án, doanh nghiệp đã có lãi, giảm lỗ lũy kế, giảm dư nợ trung hạn và dài hạn của các dự án/doanh nghiệp, bảo đảm duy trì việc làm, đời sống cho hàng nghìn lao động, góp phần ổn định chính trị - xã hội tại địa phương. Sau nhiều năm gián đoạn, nhiều dự án có vai trò quan trọng đã đi vào vận hành, trong đó có dự án nhà máy điện Sông Hậu 1, dự án nhà máy điện Thái Bình 2, góp phần đảm bảo an toàn, an ninh năng lượng. 03 dự án đạ, phân bón (Dự án Nhà máy sản xuất đạ Ninh Bình; Dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy sản xuất đạ Hà Bắc; Dự án Nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2 - Lào Cai) đang tích cực triển khai các phương án cơ cấu lại nợ vay sau khi được cấp có thẩm quyền đồng ý chủ trương, hoạt động sản xuất duy trì ổn định, bước đầu có lãi; dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất đã được phê duyệt chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư với tổng vốn đầu tư cho dự án khoảng 1,2 tỷ USD, góp phần thúc đẩy phát triển khu vực Trung Bộ; đẩy mạnh tái cơ cấu SBIC, Ngân hàng Phát triển Việt Nam và các ngân hàng thương mại yếu kém; chuyển vốn vay về cho vay lại, bảo lãnh Chính phủ thành cấp phát NSNN đối với các dự án của VEC và VIDIFI, cơ chế tài chính cho PVN để thanh toán bù giá trong bao tiêu sản phẩm dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn...; cuối tháng 10, PVN đã ký kết hợp đồng với các đối tác để triển khai chuỗi dự án khí Lô B, quy mô đầu tư khoảng 12 tỷ USD; đây là dự án quan trọng trong bảo đảm an ninh năng lượng, chuyển đổi năng lượng xanh.

<sup>202</sup> Các doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an

<sup>203</sup> Các nhà máy điện thuộc các tập đoàn kinh tế nhà nước, như Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam (TKV) chiếm thị phần chủ đạo trong cơ cấu nguồn điện.

<sup>204</sup> Gồm Viettel, VNPT và Mobifone đã thể hiện rõ nét vai trò dẫn dắt trong chuyển đổi số, xây dựng hạ tầng số cho các cơ quan của Chính phủ và nhiều địa phương, tổ chức, doanh nghiệp.

chưa đảm bảo về “chất” cũng như về “lượng”, cụ thể:

- Công tác đổi mới quản trị doanh nghiệp trong điều hành sản xuất kinh doanh còn chậm, chưa thực sự hướng theo các nguyên tắc và thông lệ quốc tế tốt, phù hợp với kinh tế thị trường hiện đại; chi phí sản xuất kinh doanh còn lớn; công nghệ và công cụ quản trị kinh doanh chậm đổi mới; chế độ đãi ngộ và xử lý trách nhiệm như đối với viên chức nhà nước không tạo được động lực gắn với trách nhiệm theo cơ chế thị trường.

- Tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại DNNN diễn ra chậm so với kế hoạch đã đề ra<sup>205</sup>. Số lượng doanh nghiệp dự kiến cổ phần hóa, thoái vốn không nhiều. Số lượng DNNN được cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án cơ cấu lại còn thấp.

- Vẫn còn tồn tại một số trường hợp tiêu cực trong xác định giá trị doanh nghiệp, đặc biệt liên quan đến đất đai, làm thất thoát vốn và tài sản của nhà nước khi cổ phần hóa, thoái vốn.

- Các vấn đề về hậu cổ phần hóa còn chưa được giải quyết dứt điểm. Quản lý vốn tại các doanh nghiệp có phần vốn nhà nước không chi phối khó khăn, đặc biệt là tại các doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ, thuộc diện giám sát tài chính hoặc có cổ đông lớn thiếu hợp tác. Công tác đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán sau cổ phần hóa chưa đáp ứng được yêu cầu công khai, minh bạch.

- Một số DNNN chưa thể hiện rõ vai trò nổi bật trong việc dẫn dắt, tạo động lực, thúc đẩy các thành phần khác phát triển, thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị gia tăng. DNNN còn yếu ở những ngành có ảnh hưởng, quyết định đến việc hỗ trợ nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế và của khu vực doanh nghiệp Việt Nam như: Các ngành công nghệ cao, các ngành có khả năng dẫn dắt chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại hóa, công nghiệp hóa (như cơ khí chính xác, sản xuất chế tạo linh kiện, máy móc và thiết bị hoàn chỉnh cho các ngành sản xuất; công nghệ nguồn).

- Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung danh mục và kế hoạch cổ phần hóa chậm, chưa đảm bảo tính nhanh chóng, kịp thời.

- Trách nhiệm thực thi quyền chủ sở hữu nhà nước chưa thật sự rõ ràng; cơ quan đại diện chủ sở hữu thiếu nguồn lực để hoạt động chuyên trách, chuyên nghiệp và hiệu quả thể hiện qua việc chưa thực hiện triệt để việc tách bạch chức năng chủ sở hữu với chức năng quản lý nhà nước.

*Những hạn chế nêu trên do nhiều nguyên nhân, trong đó các nguyên nhân chính bao gồm:* nhận thức và tổ chức thực hiện của một số cơ quan đại diện chủ sở hữu và người đứng đầu doanh nghiệp còn chưa cao, chưa quyết liệt trong tổ chức triển khai, thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn nên còn tư tưởng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; do bất cập liên quan đến cơ chế, chính sách<sup>206</sup>; việc rà soát, lập kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025 chưa được các cơ quan, đơn vị quan tâm đúng mức; công tác chuẩn bị cổ phần hóa, thoái vốn chưa tốt. Nhiều doanh nghiệp chưa hoàn thiện đầy đủ thủ tục pháp lý sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất theo pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản

<sup>205</sup> Kế hoạch tại Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ: Cổ phần hoá 19 doanh nghiệp, sắp xếp lại 26 doanh nghiệp trong đó 21 sắp xếp theo phương án riêng; thoái vốn 141 doanh nghiệp.

<sup>206</sup> Ví dụ một số doanh nghiệp trực thuộc Bộ Công an đã được triển khai thí điểm cổ phần hóa nhưng không tiến hành được do những vướng mắc liên quan đến các quy định pháp luật về sử dụng đất an ninh; pháp luật về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước tại doanh nghiệp còn nhiều tồn tại, bất cập, nhất là các vấn đề liên quan đến cổ phần hóa, thoái vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

công trước khi cổ phần hóa, thoái vốn; còn nhiều vướng mắc, tồn tại về tài chính chưa được xử lý dứt điểm; việc phối hợp giữa các cơ quan đại diện chủ sở hữu với các UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các bộ, ngành liên quan trong xử lý vướng mắc phê duyệt phương án sử dụng đất.

***b) Phát triển lực lượng doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân, thúc đẩy chuyển đổi số, liên doanh, liên kết, nâng cao năng lực cạnh tranh***

Giai đoạn 2021-2025, mục tiêu phát triển lực lượng doanh nghiệp tư nhân, thúc đẩy CDS, liên doanh, liên kết, nâng cao năng lực cạnh tranh tiếp tục được triển khai thực hiện Tiếp tục triển khai hiệu quả Luật Hỗ trợ DNNVV, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV<sup>207</sup>. Cũng trong thời gian này, các bộ, ngành có liên quan cũng đã trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản nhằm hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, tập trung ở các khía cạnh sau:

- Thể chế, chính sách về hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn cho doanh nghiệp<sup>208</sup>, HTX, liên hiệp HTX<sup>209</sup>, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận vốn tín dụng từ khu vực ngân hàng thương mại<sup>210</sup>, từ Quỹ Phát triển DNNVV<sup>211</sup> và từ Quỹ bảo lãnh tín dụng<sup>212</sup>.

- Thể chế, chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, chuyên giao công nghệ và hỗ trợ phát triển thị trường cho doanh nghiệp<sup>213</sup>, cho hỗ trợ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã<sup>214</sup>; hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững<sup>215</sup>. Nhờ đó, công tác đào tạo, hỗ trợ DNNVV được triển khai tương đối tốt<sup>216</sup>.

- Thể chế, khung khổ pháp lý về đăng ký kinh doanh được hoàn thiện, tạo thuận

<sup>207</sup> Thay thế Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

<sup>208</sup> Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đề xuất sửa Điều 19 Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa. Theo đó, mở rộng đối tượng được vay từ Quỹ Phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa là tất cả các Doanh nghiệp nhỏ và vừa, không riêng Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, Doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

<sup>209</sup> Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã được ban hành, làm căn cứ để các Quỹ thống nhất hoạt động trong toàn quốc.

<sup>210</sup> NHNN đã có công văn số 953/NHNN-TD yêu cầu NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố; các TCTD tiếp tục đẩy mạnh triển khai chương trình kết nối Ngân hàng – Doanh nghiệp tại các địa phương; hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng; triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của ngành ngân hàng năm 2023 theo Chỉ thị 01/CT-NHNN ngày 17/01/2023 của NHNN

<sup>211</sup> Đến tháng 9/2021, tổng số vốn chấp thuận cho vay của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa là 120,32 tỷ đồng; tổng số vốn đã giải ngân cho doanh nghiệp nhỏ và vừa là 101,36 tỷ đồng.

<sup>212</sup> Số tiền các Quỹ bảo lãnh tín dụng địa phương bảo lãnh cho các DNNVV vay vốn tại các tổ chức tín dụng đến cuối năm 2020 đạt 189,041 tỷ đồng.

<sup>213</sup> Điều 11, 14, Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 21/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV.

<sup>214</sup> Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021- 2025.

<sup>215</sup> Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 8/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022 -2025.

<sup>216</sup> Đến hết tháng năm 2022, chỉ tính riêng kinh phí từ nguồn NSTW, các bộ, ngành, địa phương triển khai được gần 200 khóa đào tạo với sự tham gia của khoảng 5.000 học viên từ các DNNVV.

lợi cho doanh nghiệp khi gia nhập thị trường<sup>217</sup>. Cải cách quy định về điều kiện kinh doanh được đẩy mạnh theo hướng tạo thuận lợi thực chất cho doanh nghiệp<sup>218</sup>. Các chính sách khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành lập doanh nghiệp được triển khai thực hiện<sup>219</sup>.

- Thể chế, chính sách hỗ trợ công tác pháp lý cho doanh nghiệp, trọng tâm là các DNNVV tiếp tục được hoàn thiện<sup>220</sup>, giúp đẩy mạnh hoạt động mạng lưới tư vấn viên pháp luật cho doanh nghiệp. Cùng với đó, Chính phủ đã phê duyệt và chỉ đạo triển khai Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021-2030<sup>221</sup>.

- Chính sách hỗ trợ chuyển đổi số được xây dựng nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp<sup>222</sup>, đặc biệt là DNNVV, có thể nâng cao nhận thức, đánh giá mức độ sẵn sàng về CDS, đồng thời tiếp cận với các tài liệu, hướng dẫn CDS trong một số ngành, lĩnh vực<sup>223</sup>.

- Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh trong điều kiện rất khó khăn do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19<sup>224</sup>, cũng như giúp nâng cao năng lực cho doanh nghiệp Việt Nam, nhanh chóng thích ứng, hội nhập sâu rộng, tham gia vào các chuỗi giá trị trong nước và quốc tế khi dịch bệnh được kiểm soát<sup>225</sup>.

- Thể chế về sở hữu tài sản của tổ chức, cá nhân tiếp tục được hoàn thiện, giúp quá

<sup>217</sup> Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp nhằm cụ thể hoá những cải cách, đổi mới của Luật Doanh nghiệp, đồng thời khắc phục những bất cập, xử lý những vướng mắc trong thời gian qua.

<sup>218</sup> Nghị quyết số 68/-NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025; Nghị quyết số 02/NQ-CP các năm 2021 và 2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; Nghị quyết 01/2023/NQ-CP ngày 6/1/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán NSNN và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023.

<sup>219</sup> Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/08/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV đã quy định các chính sách hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh.

<sup>220</sup> Quyết định số 1146/QĐ-BTP ngày 13/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Kế hoạch triển khai các hoạt động năm 2021 của Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho DNNVV giai đoạn 2021-2025.

<sup>221</sup> Quyết định số 345/QĐ-TTg ngày 5/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021-2030".

<sup>222</sup> Quyết định số 12/QĐ-BKHĐT ngày 1/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp CDS giai đoạn 2021-2025, trong đó giai đoạn đầu 2021-2022, triển khai Chương trình tập trung vào nâng cao nhận thức và đào tạo kiến thức nền tảng, kết nối các bên trong hỗ trợ doanh nghiệp CDS. Giai đoạn tiếp theo, từ 2023, triển khai Chương trình sẽ tập trung vào hướng dẫn chuyên sâu, hỗ trợ ứng dụng các giải pháp CDS.

<sup>223</sup> Bộ Kế hoạch đầu tư đã xây dựng Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp CDS đã được xây dựng tại địa chỉ <http://digital.business.gov.vn>.

<sup>224</sup> Số liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư): Năm 2021 có 116.839 doanh nghiệp được thành lập, giảm 13,4% so với năm 2020, là mức thấp nhất kể từ năm 2017 đến nay. Số vốn đăng ký thành lập trong năm 2021 cũng chỉ đạt 1.611.109 tỷ đồng, giảm 27,9% so với năm 2020. Năm 2022 có 148.533 doanh nghiệp thành lập mới, tăng 27,1% so với năm 2021. Số vốn đăng ký thành lập trong năm 2022 đạt 1.590.860 tỷ đồng, giảm 1,3% so với năm 2021. Trong 11 tháng đầu năm 2023 Số doanh nghiệp thành lập mới là 146.044 doanh nghiệp, tăng 6,0% so với cùng kỳ năm 2022. Số vốn đăng ký thành lập trong 11 tháng năm 2023 đạt 1.366.208 tỷ đồng, giảm 7,9% so với cùng kỳ năm 2022.

<sup>225</sup> Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2025; Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 19/10/2021 của Chính phủ về miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng cho doanh nghiệp khó khăn; Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 9/9/2021 của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh; Quyết định 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi quy định về thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

trình giao dịch, thực thi và bảo vệ quyền sở hữu tài sản được đảm bảo hiệu quả hơn<sup>226</sup>.

Với việc chủ động, tích cực thực hiện đồng bộ hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách và các giải pháp đã mang lại những kết quả tích cực phát triển các doanh nghiệp Việt Nam trong giai đoạn 2021-2023, kết quả cụ thể:

*Một là*, số lượng doanh nghiệp đang hoạt động tăng liên tục qua các năm. Năm 2021, cả nước có 857.551 doanh nghiệp đang hoạt động, tăng 5,67% so với năm 2020, năm 2022 là 895.876 doanh nghiệp, tăng 4,47% so với năm 2021<sup>227</sup>. Trong 6 tháng đầu năm 2023, mặc dù chịu ảnh hưởng của những diễn biến phức tạp của địa chính trị thế giới, cũng như tốc độ phục hồi chậm của các nền kinh tế lớn, số lượng doanh nghiệp đang hoạt động đạt 903.122 doanh nghiệp đang hoạt động, dự kiến đến cuối năm 2023 tốc độ tăng trưởng khoảng 4,47%/năm ngang bằng năm 2022.

*Hai là*, nhiều doanh nghiệp đã mở rộng quy mô, từng bước khẳng định vai trò, vị thế không chỉ ở trong nước mà còn vươn ra thị trường khu vực và thế giới, góp phần khẳng định vị trí của nền kinh tế Việt Nam ngày càng tăng trên trường quốc tế khi tiếp tục được đánh giá là điểm sáng trong xây dựng, phát triển thương hiệu quốc gia toàn cầu và là thương hiệu quốc gia có tốc độ tăng trưởng giá trị nhanh nhất thế giới (tăng 74% trong giai đoạn 2019-2022), đạt 431 tỷ USD và xếp thứ 32 trên thế giới<sup>228</sup>.

*Ba là*, năng suất lao động bình quân toàn bộ khu vực doanh nghiệp tiếp tục tăng, năm 2021 theo giá hiện hành ước tính đạt 309,9 triệu đồng/lao động, tốc độ tăng trung bình 8,7%/năm, cao hơn tốc độ tăng năng suất lao động bình quân chung của nền kinh tế<sup>229</sup>.

*Bốn là*, các hoạt động hỗ trợ phát triển doanh nghiệp tư nhân được đẩy mạnh triển khai, đặc biệt là chuyển đổi hộ kinh doanh lên doanh nghiệp<sup>230</sup> đạt được nhiều kết quả tích cực. Đến nay, đã có 6 Bộ<sup>231</sup> ban hành lĩnh vực và tiêu chí công nhận tư vấn viên thuộc lĩnh vực quản lý (bao gồm tư vấn pháp lý)<sup>232</sup>; có hơn 100/300 DNNVV trong lĩnh

<sup>226</sup> Luật số 07/2022/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ; Quyết định số 120/QĐ-TTg ngày 25/01/2021 Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Thể chế hóa đầy đủ quyền sở hữu tài sản của tổ chức, cá nhân đã được quy định trong Hiến pháp năm 2013, bảo đảm quyền tài sản được giao dịch thông suốt, hiệu lực thực thi và bảo vệ có hiệu quả". Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26/4/2023 của Chính phủ hướng dẫn Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan.

<sup>227</sup> Theo khu vực địa lý, Đông Nam Bộ vẫn tiếp tục là khu vực có số lượng doanh nghiệp hoạt động lớn nhất cả nước, chiếm 41,2% tổng số doanh nghiệp với đầu tàu kinh tế thành phố Hồ Chí Minh là 268.465 doanh nghiệp, tương đương 31,3%. Tiếp đến là đồng bằng Sông Hồng, chiếm 31,4% và một số tỉnh thành tập trung nhiều doanh nghiệp đang hoạt động như Hà Nội (20,8%), Bình Dương (4,4%), Đồng Nai, Đà Nẵng (2,9%), Hải Phòng (2,3%).

<sup>228</sup> Theo Tổ chức tư vấn chiến lược và định giá thương hiệu độc lập hàng đầu thế giới - Brand Finance đánh giá, năm 2022, giá trị top 50 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam đạt được là 36,6 tỷ USD, tăng 36% so với năm 2021. 10 thương hiệu Việt Nam hàng đầu có giá trị 24,4 tỷ USD trong năm nay, chiếm 67% trong tổng số 36,6 tỷ USD của 50 thương hiệu hàng đầu Việt Nam, trong đó: Viettel (giá trị thương hiệu 8,8 tỷ, tăng trưởng 44,5% so với năm 2021), VNPT (giá trị thương hiệu 2,858 tỷ, tăng 4,2%), Vinamilk (giá trị thương hiệu 2,814 tỷ, tăng 18,1%), Vinhomes (giá trị thương hiệu 2,382 tỷ, tăng 98,7%), Vietcombank (giá trị thương hiệu 1,3 tỷ, tăng 28,2%), PetroVietnam (1,343 tỷ, tăng 41,2%) Vietinbank (giá trị thương hiệu 1,064 tỷ, tăng 34,2%), Sabeco (giá trị thương hiệu 1,547 tỷ, tăng 48,2%),... bên cạnh rất nhiều DNNVV đang hàng ngày tham gia vào chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu của Samsung, Apple, Honda, Hyundai,...

<sup>229</sup> Năng suất lao động chung của nền kinh tế năm 2021 tăng 4,58%.

<sup>230</sup> Lũy kế đến hết năm 2022, có gần 4.200 hộ kinh doanh chuyển đổi lên doanh nghiệp.

<sup>231</sup> Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công Thương; Khoa học và Công nghệ; Tư pháp; Thông tin và Truyền thông.

<sup>232</sup> Kế hoạch và Đầu tư, đã thu hút 98 tư vấn viên và công khai trên Cổng Thông tin doanh nghiệp; hơn 270 tư vấn đăng ký và đang hoàn thiện hồ sơ để được công nhận; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thu hút được 332 thành viên (33 tổ chức và 299 cá nhân tư vấn).



vực sản xuất<sup>233</sup> được các chuyên gia đánh giá, sàng lọc và tiến hành nâng cấp kỹ thuật để giới thiệu cho doanh nghiệp đầu chuỗi từ một số thị trường chính (như Mỹ, Anh, Canada, Nhật Bản, Hongkong) vào Việt Nam. Trong đó, có hơn 250 kết nối thành công với tổng giá trị hợp đồng kết nối đạt gần 8 triệu đô la Mỹ, và đào tạo cho hơn 1000 lượt DNNVV về truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu, mở rộng kênh phân phối để phát triển thị trường; cả nước đã có 22 quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo tư nhân thông báo thành lập hợp lệ với tổng số vốn điều lệ đạt gần 110 tỷ đồng.

*Năm* là, hệ thống đào tạo trực tuyến cho DNNVV<sup>234</sup> đã phát huy tác dụng tích cực. Đến nay, Hệ thống đã được cập nhật với 74 chuyên đề đào tạo<sup>235</sup> với nội dung phong phú, bao trùm các vấn đề trọng yếu đối với doanh nghiệp hiện nay như CDS, marketing số, bán hàng, trải nghiệm khách hàng, quản trị kênh phân phối, chuỗi cung ứng, tài chính, kế toán, nhân sự, sản xuất tinh gọn, tư duy chiến lược và kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng mềm, khởi nghiệp sáng tạo,... Hệ thống đã thu hút hơn 10.000 học viên đăng ký (trung bình từ 7-10 doanh nghiệp đăng ký mới/tuần) với khoảng hơn 1.336.564 lượt tương tác trải nghiệm các khóa học trực tuyến.

*Sáu* là, sau 2 năm thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp CDS<sup>236</sup>, nhận thức của doanh nghiệp về tầm quan trọng của CDS đã có bước tiến rõ rệt, nhiều doanh nghiệp đã bước vào giai đoạn số hóa dữ liệu, chuẩn hóa quy trình, ứng dụng công nghệ số và tiến tới CDS ở phạm vi rộng và đồng bộ hơn. Đến nay, đã có hơn 200 doanh nghiệp nhận được hỗ trợ từ chương trình, trong đó có cả các doanh nghiệp của người yếu thế, nhờ công nghệ số mà đã đưa được sản phẩm ra thị trường trong nước và quốc tế<sup>237</sup>.

Mặc dù kết quả đạt được rất đáng ghi nhận, khu vực doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế, khó khăn, cụ thể:

- Khu vực doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân trong nước còn yếu và thiếu cả về số lượng và chất lượng. Số doanh nghiệp thành lập mới, quay trở lại hoạt động tăng đáng kể nhưng tỷ lệ doanh nghiệp giải thể, dừng hoạt động

<sup>233</sup> Gồm: Kim khí, điện, điện tử, điện gia dụng, phụ tùng ô tô, dệt may, nhựa,...).

<sup>234</sup> Được Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng từ năm 2018 với các bài giảng trực tuyến phong phú về nội dung, bao gồm các vấn đề trọng yếu đối với doanh nghiệp như khởi nghiệp sáng tạo, marketing số, quản trị tài chính, kế toán, nhân sự, quản trị sản xuất, tư duy chiến lược và kỹ năng lãnh đạo, chuyển đổi số, quản trị chuỗi cung ứng; Hệ thống được xây dựng trên nền tảng đào tạo trực tuyến MVV Everlearn, sử dụng công nghệ điện toán đám mây và tích hợp nhiều chức năng học tập tiên tiến. Với hệ thống này có thể học tập mọi lúc, mọi nơi thông qua điện thoại thông minh (iOS, Android), tương tác, kết nối với nhau; tham khảo hệ thống tài liệu phong phú, các clip minh họa sinh động cho các tình huống học tập.

<sup>235</sup> Gồm 916 clip bài giảng, mỗi clip từ 7-10 phút, gần 400 tài liệu tham khảo và 1278 tài nguyên học tập trên hệ thống

<sup>236</sup> Theo Quyết định số 12/QĐ-BKHĐT ngày 7/01/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

<sup>237</sup> Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và nhiều cơ quan, địa phương xây dựng nhiều công cụ, tài liệu hướng dẫn, tổ chức đào tạo cho DN tại gần 40 địa phương. Đã có hơn 2 triệu lượt truy cập các tài liệu hướng dẫn, video đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm về CDS của Chương trình và khoảng 1500 DN tự đánh giá mức độ sẵn sàng CDS để có phương hướng triển khai. Thêm vào đó, Chương trình đã xây dựng đội ngũ gồm 100 chuyên gia và cử các chuyên gia trong Mạng lưới tới nhiều DN để đồng hành, hướng dẫn DN xây dựng lộ trình và triển khai CDS.

vẫn còn cao<sup>238</sup>; đồng thời thiếu vắng các doanh nghiệp có quy mô lớn<sup>239</sup>, quy mô doanh nghiệp còn quá nhỏ bé so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

- Năng lực KHCCN còn hạn chế, chưa theo kịp tiến trình đổi mới của xu thế kinh tế số hiện nay. Doanh nghiệp chưa mạnh dạn đầu tư cho ứng dụng và phát triển KHCCN, nhất là công nghệ lõi, công nghệ tiên phong. Doanh nghiệp tư nhân trong nước tuy đã từng bước tham gia vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu nhưng chủ yếu vẫn ở những giai đoạn tạo ra giá trị gia tăng thấp trong chuỗi.

- Nhiều doanh nghiệp còn nặng tư duy kinh doanh thời vụ, ngắn hạn, thiếu tầm nhìn chiến lược dài hạn, ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ đối với Nhà nước, cộng đồng, xã hội còn hạn chế, nhất là về nghĩa vụ thuế, bảo vệ môi trường, chống gian lận thương mại,...

- Tính liên kết, văn hóa hợp tác giữa các doanh nghiệp Việt Nam còn chưa cao, chưa thực sự tạo thành khối liên kết để cùng nhau phát triển; chưa nhìn được giá trị lợi ích chung của việc hợp tác, liên kết, tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn hơn.

- Thị trường, đơn hàng, đặc biệt thị trường xuất khẩu sụt giảm mạnh, dẫn đến tình trạng cắt giảm quy mô sản xuất và lao động: Tình trạng đơn hàng sụt giảm mạnh ở nhiều ngành xuất khẩu như dệt may, da giày, gỗ và sản phẩm gỗ, sắt thép, xi măng, xơ sợi dệt các loại,... Nhiều doanh nghiệp ghi nhận việc thiếu đơn hàng từ quý IV năm 2022, chỉ đảm bảo khoảng 35-50% năng lực sản xuất, trong khi những đơn hàng còn tồn trước đó cũng bị đối tác hoãn, giãn giao hàng<sup>240</sup>. Các doanh nghiệp nhận định khó khăn dự kiến kéo dài hết năm 2023. Việc sụt giảm đơn hàng đã buộc nhiều doanh nghiệp phải cắt giảm quy mô sản xuất, cho người lao động thôi việc, nghỉ việc luân phiên với số lượng lên tới cả nghìn người trong những tháng cuối năm 2022 và đầu năm 2023<sup>241</sup>.

- Chi phí đầu vào, nguyên vật liệu vẫn ở mức cao. Trong bối cảnh trên 90% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam là nhập khẩu nguyên liệu sản xuất, áp lực lạm phát, giá xăng dầu tăng cao theo giá nhiên liệu thế giới, các chi phí đầu vào và chi phí vận

<sup>238</sup> Năm 2022, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 73,8 nghìn doanh nghiệp, tăng 34,3% so với năm 2021 (gần 55 nghìn doanh nghiệp, tăng 18% so với năm 2020); gần 50,8 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 5,5% (năm 2021); có 48,1 nghìn doanh nghiệp, tăng 27,8% so với năm 2020); 18,6 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 11,2% (năm 2021 có 16,7 nghìn doanh nghiệp, tăng 4,1% so với năm 2020); Bình quân một tháng năm 2022 có 11,9 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trong khi đó năm 2021 là gần 10 nghìn doanh nghiệp. Tính chung 11 tháng 2023, số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể: 16.172 doanh nghiệp, số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động: 86.769 doanh nghiệp.

<sup>239</sup> Doanh nghiệp siêu nhỏ chiếm 69,94%, doanh nghiệp nhỏ chiếm 23,93%, doanh nghiệp vừa chiếm 3,49% và doanh nghiệp lớn chiếm 2,63% tổng số doanh nghiệp trên cả nước.

<sup>240</sup> Ngành thủy sản ghi nhận trong Quý I năm 2023, không chỉ số đơn hàng giảm 20-50% mà giá của nhiều mặt hàng cũng giảm theo và trong quý 2, tình hình đơn hàng mới cũng chỉ đạt 30-60% so với cùng kỳ năm ngoái; Ngành gỗ cũng chứng kiến sự sụt giảm 30% trong giá trị xuất khẩu; Ngành dệt may, đơn hàng giảm từ 15-20%, đơn giá giảm khoảng 20-25% so với cùng kỳ năm trước, một đại diện của một nhà máy sản xuất giày dép cho biết, trong 3 tháng đầu năm, công ty đã lỗ đến hàng tỷ đồng và nhiều doanh nghiệp trong ngành khác cũng đang đối mặt với nguy cơ phá sản vì đơn hàng nhỏ giọt giảm tới 90%. Hiệp hội Xây dựng và Vật liệu xây dựng thành phố Hồ Chí Minh cũng cho biết 40% doanh nghiệp trong ngành xây dựng, vật liệu xây dựng, trang trí nội ngoại thất hoạt động "thoi thóp", thậm chí tê liệt hoặc ngừng hoạt động.

<sup>241</sup> Theo Tổng cục Thống kê, trong quý 4 năm 2022, cả nước có gần 118.000 lao động bị buộc thôi việc, mất việc động thuộc nhóm ngành sản xuất linh kiện và sản phẩm điện tử chiếm tỷ trọng lớn nhất (34,7%), tiếp theo ngành dệt may, da giấy chiếm 26,4%. Còn theo thống kê của công đoàn từ tháng 9/2022 đến tháng 1/2023 có khoảng gần 547.000 lao động tại 1.300 doanh nghiệp bị giảm giờ làm, ngừng việc do đơn hàng sụt giảm...

chuyên tăng nhanh<sup>242</sup>, cũng như làm giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Một số thủ tục hành chính, quy định pháp lý chưa thống nhất, chưa rõ ràng, thiếu tính khả thi và thực tiễn<sup>243</sup> mà cộng đồng doanh nghiệp đã kiến nghị từ lâu nhưng vẫn chưa được giải quyết thấu đáo.

*Những hạn chế trên do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chính bao gồm:* việc triển khai Luật DNNVV chưa được đồng bộ tại các văn bản Luật chuyên ngành, còn tham chiếu đến các văn bản đã lạc hậu, và thiếu hướng dẫn về cơ chế tài chính để triển khai một số hoạt động hỗ trợ DNNVV như tư vấn, hỗ trợ thuê, mua giải pháp CDS,...; nguồn lực hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách cho DNNVV chuyển đổi số, tham gia chuỗi liên kết ngành, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo còn hạn chế; một số định mức và các quy định về cách thức triển khai, đặc biệt là từ nguồn NSNN còn tương đối phức tạp, chưa phù hợp với thông lệ hỗ trợ DNNVV của quốc tế và thực tiễn thị trường; môi trường kinh doanh đã được cải thiện nhưng thực tế vẫn ở mức xếp hạng trung bình thấp của thế giới và còn nhiều yếu tố cản trở doanh nghiệp phát triển. Nhiều chính sách cải thiện môi trường kinh doanh không có hiệu lực, hiệu quả trên thực tế, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp không hiệu quả do doanh nghiệp bị cắt giảm đơn hàng; doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tìm kiếm thị trường đầu ra, đối tác và khách hàng; chi phí kinh doanh cao; khó khăn về mặt bằng để triển khai hoạt động kinh doanh

### ***c) Phát huy vai trò của khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài***

Trong giai đoạn 2021-2023, các chính sách thu hút đầu tư nước ngoài (ĐTNN) tiếp tục được chỉnh sửa bổ sung nhằm huy động nguồn vốn chất lượng cao, phát huy tốt hơn vai trò của khu vực này trong cơ cấu lại nền kinh tế. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, trong đó, có quy định chi tiết về đối tượng, nguyên tắc áp dụng Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường cũng như việc đăng tải, cập nhật điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài<sup>244</sup>; danh mục 25 ngành, nghề nhà đầu tư nước ngoài chưa được tiếp cận thị trường và 59 ngành, nghề nhà đầu tư nước ngoài tiếp cận thị trường có điều kiện<sup>245</sup>; quy định về tiêu chí thu hút đầu tư có chọn lọc như quy định điều kiện để cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư<sup>246</sup>; quy định cụ thể các dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên không được điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, gia hạn thời hạn hoạt động<sup>247</sup>. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg ngày 26/10/2021 quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt

<sup>242</sup> Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) chia sẻ, chi phí cảng biển tăng, cước phí tàu tăng mạnh đã tác động trực tiếp tới các doanh nghiệp. Đơn cử, chi phí 1 container đông lạnh 40 feet xuất khẩu đi Mỹ vào khoảng 400 - 440 triệu đồng. Bình quân mỗi tháng, doanh nghiệp xuất khẩu phải chi phí cho dịch vụ logistics vài tỷ đồng, thậm chí cả chục tỷ đồng.

<sup>243</sup> Ví dụ như bất cập về thủ tục, quy định trong phòng cháy, chữa cháy; hoàn thuế GTGT; vướng mắc về quy trình, thủ tục đầu tư liên quan đến đất đai, xây dựng, quy hoạch, đánh giá môi trường, dự án bất động sản; quy định về nước thải trong chăn nuôi, chế biến, nuôi trồng thủy sản...; tỷ lệ đóng kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội cho người lao động.

<sup>244</sup> Tại Điều 15 đến Điều 18.

<sup>245</sup> Tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

<sup>246</sup> Tại khoản 3 Điều 36.

<sup>247</sup> Tại khoản 10 Điều 27.

nhằm tăng cường thu hút đầu tư các dự án lớn, có chọn lọc, hướng tới các dự án công nghệ cao, ĐMST, có giá trị gia tăng và tăng cường liên kết, lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, hướng tới xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập tự chủ như đã đề ra tại Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030<sup>248</sup>.

Cụ thể hoá hoạt động xúc tiến đầu tư quy tại Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ đã quy định cụ thể các nội dung liên quan đến xúc tiến đầu tư<sup>249</sup>; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Danh mục quốc gia các dự án kêu gọi đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021-2025 làm cơ sở triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư (XTĐT)<sup>250</sup>, phê duyệt Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021-2030<sup>251</sup> và tổ chức thực hiện các hoạt động XTĐT.

Việc tập trung thực hiện các giải pháp trên đã góp phần mang lại kết quả khá tích cực trong việc thu hút ĐTNN trong giai đoạn 2021-2023, cụ thể:

*Một là*, thu hút đầu tư đạt kết quả tích cực. Tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà ĐTNN tính từ năm 2021 đến hết tháng 11 năm 2023 đạt 97,0 tỷ USD đạt 64,7% mục tiêu kế hoạch về tổng vốn đầu tư đăng ký giai đoạn 2021-2025<sup>252</sup>. Tổng giá trị đã giải ngân của các dự án ĐTNN trong giai đoạn từ năm 2021 đến hết quý I năm 2023 ước đạt khoảng 46,5 tỷ USD, bằng 46,5% mục tiêu kế hoạch<sup>253</sup> về vốn đầu tư thực hiện giai đoạn 2021-2025 và đạt mức giải ngân cao nhất vào năm 2022 với gần 22,4 tỷ USD.

*Hai là*, xuất khẩu của khu vực ĐTNN liên tục tăng lên trong các năm 2021, 2022 với mức tăng tương ứng 20,8% và 11,8% so với cùng kỳ năm trước đó<sup>254</sup>. Đồng thời, khu vực này cũng luôn xuất siêu (28,4 tỷ năm 2021 và 42,7 tỷ năm 2022), là bộ đỡ giúp cả nước xuất siêu 12,4 tỷ USD trong năm 2022 và xuất siêu hơn 3,2 tỷ USD trong năm 2021. Riêng 11 tháng năm 2023, tuy xuất nhập khẩu khu vực ĐTNN giảm so với cùng kỳ, song

<sup>248</sup> Trong đó, mức ưu đãi đầu tư đặt biệt cao nhất là: (i) Thuế xuất TNDN 5% trong 37 năm, miễn thuế TNDN 6 năm, giảm 50% trong 13 năm tiếp theo; (ii) Miễn tiền thuê đất, thuế mặt nước trong 22 năm và giảm 75% cho thời gian còn lại. Đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt gồm: (i) Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia do Thủ tướng Chính phủ thành lập; (ii) Dự án đầu tư các trung tâm ĐMST, trung tâm R&D có vốn đầu tư trên 3.000 tỷ đồng, giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong 3 năm; (iii) Dự án thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có vốn đầu tư trên 30.000 tỷ đồng, giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong 03 năm. Các dự án thuộc đối tượng nêu này nếu đáp ứng 01 trong 04 tiêu chí bổ sung gồm: (i) Công nghệ cao; (ii) Có doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi; (iii) Giá trị sản xuất trong nước; (iv) chuyển giao công nghệ. Tại Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 02/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021 – 2030 đã đề ra 4 mục tiêu tổng quát và 9 nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả hợp tác ĐTNN gồm: (i) Triển khai có hiệu quả các giải pháp đã ban hành; (ii) Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; (iii) Phát triển hệ sinh thái về KHCN, ĐMST; (iv) Đổi mới và nâng cao cạnh tranh trong thu hút ĐTNN; (v) Phát triển công nghiệp hỗ trợ, thúc đẩy liên kết, lan tỏa; (vi) Phát huy năng lực nội tại và tận dụng lợi thế cạnh tranh nhằm cải thiện hiệu quả hợp tác ĐTNN; (vii) Nâng cao hiệu quả của hội nhập kinh tế quốc tế và vị thế Việt Nam trên trường quốc tế; (viii) Hiện đại hóa và đa dạng hóa công tác xúc tiến đầu tư; (ix) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về ĐTNN.

<sup>249</sup> Tại Chương VII về xúc tiến đầu tư.

<sup>250</sup> Tại Quyết định số 1831/QĐ-TTg ngày 01/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>251</sup> Tại Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 03/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>252</sup> Trong đó, Vốn đăng ký mới: Có 6.852 dự án mới được cấp GCNĐKĐT, tổng vốn đăng ký đạt 48,31 tỷ USD; Vốn điều chỉnh: Có 3.442 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư, tổng vốn đăng ký tăng thêm đạt 30,17 tỷ USD; Góp vốn, mua cổ phần: Có 10.846 giao dịch GVMCP của nhà ĐTNN, tổng giá trị vốn góp đạt 18,47 tỷ USD.

<sup>253</sup> Mục tiêu kế hoạch vốn đầu tư thực hiện giai đoạn 2021-2025 đạt từ 100 - 150 tỷ USD.

<sup>254</sup> Tỷ trọng xuất khẩu của khối doanh nghiệp FDI trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam năm 2021 là 72,92%, năm 2022 tăng lên 73,6% và 11 tháng năm 2023 là 72,84%.

vẫn duy trì xuất siêu<sup>255</sup> và bù đắp phần nhập siêu của khu vực kinh tế trong nước.

*Ba là*, Việt Nam tiếp tục được cộng đồng doanh nghiệp FDI đánh giá là điểm đến đầu tư hấp dẫn và an toàn với lợi thế chính trị ổn định, môi trường đầu tư luôn được cải thiện mạnh mẽ và thông thoáng. Đồng thời, các bộ ngành, địa phương đã kịp thời có các biện pháp linh hoạt tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, thể hiện sự nỗ lực của Chính phủ, các bộ, ngành, các địa phương trong việc thúc đẩy cải cách, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp.

*Bốn là*, nhiều tập đoàn lớn đa quốc gia trên thế giới dành sự quan tâm đến Việt Nam. Theo đó, một số tập đoàn lớn đã thực hiện quá trình dịch chuyển chuỗi cung ứng sản xuất sang Việt Nam (như Apple, Dell, Foxconn, Pegatron, Nike, Adidas...). Một số tập đoàn lớn của Hàn Quốc, Hà Lan và Mỹ cũng đang tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu và dự kiến sẽ triển khai các dự án đầu tư trong thời gian tới. Có nhiều nhà đầu tư vào lĩnh vực điện tử và sản xuất linh kiện chip bán dẫn góp phần hình thành hệ sinh thái bán dẫn<sup>256</sup> và khi đi vào hoạt động sẽ nâng tầm vị thế của Việt Nam trên bản đồ bán dẫn toàn cầu, cho thấy dòng vốn đầu tư vào Việt Nam có xu hướng ngày càng chất lượng hơn.

Các tổ chức quốc tế đều có đánh giá tích cực về môi trường đầu tư Việt Nam. Ví dụ như: UNCTAD<sup>257</sup> đã đánh giá Việt Nam nằm trong nhóm 20 quốc gia hấp dẫn vốn ĐTNN hàng đầu thế giới; Báo cáo chỉ số niềm tin kinh doanh của Eurocham<sup>258</sup> cho rằng 63% doanh nghiệp tham gia khảo sát xếp Việt Nam trong nhóm 10 điểm đến FDI hàng đầu thế giới; khảo sát nhanh gần đây do Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Liên minh Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam (VBF) thực hiện trong tháng 9/2022, cho thấy những thông tin tích cực về hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Cụ thể: trên 90% doanh nghiệp đạt hiệu quả kinh doanh và tình hình tài chính ở mức trung bình và cao; 76% doanh nghiệp đánh giá hiệu quả của các chính sách hỗ trợ sản xuất kinh doanh của Chính phủ ở mức trung bình và cao.

Bên cạnh các kết quả đạt được, việc thu hút ĐTNN giai đoạn vừa qua vẫn còn một số hạn chế, cụ thể:

- Dòng vốn ĐTNN chững lại và có xu hướng suy giảm trong cuối năm 2022 và đầu năm 2023. Mặc dù năm 2021 có một số dự án quy mô lớn được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư song năm 2022 và 11 tháng đầu năm 2023 không nhiều dự án quy mô lớn.

- Các dự án đầu tư quy mô còn nhỏ, nằm ở khâu hạ nguồn của chuỗi giá trị, chủ yếu là gia công, công nghiệp nhẹ.

- Mặc dù chính sách thu hút ĐTNN đã đặt ra mục tiêu tiếp thu công nghệ nguồn từ các tập đoàn đa quốc gia, các nước công nghiệp phát triển hàng đầu, tuy nhiên thu hút và chuyển giao công nghệ từ khu vực ĐTNN chưa đạt được hiệu quả mong đợi.

*Những hạn chế trên do nhiều nguyên nhân, trong đó các nguyên nhân chính bao gồm:* do khó khăn chung của nền kinh tế thế giới, xu hướng đầu tư ra nước ngoài của

<sup>255</sup> 11 tháng 2023, xuất khẩu khu vực ĐTNN đạt 234,71 tỷ USD; nhập khẩu 190,56 tỷ USD; cán cân thương mại, xuất siêu 44,14 tỷ USD.

<sup>256</sup> Ví dụ hai dự án của Amkor Technology và Hanamicon với tổng vốn đầu tư cam kết gần 3 tỷ USD).

<sup>257</sup> Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển, hay gọi là Diễn đàn Thương mại và Phát triển Liên Hợp Quốc (United Nations Conference on Trade and Development).

<sup>258</sup> Công bố trong tháng 9/2023,

các quốc gia phát triển có dấu hiệu giảm sút; công tác quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư nước ngoài tại nhiều địa phương còn chưa đáp ứng được yêu cầu. Việc xử lý vướng mắc của nhà đầu tư, phối hợp giữa các cơ quan còn chậm, chưa chủ động, các địa phương xử lý còn chưa kịp thời; doanh nghiệp trong nước chưa đủ khả năng tham gia sâu rộng vào chuỗi giá trị sản xuất; năng lực hội nhập quốc tế còn chưa đạt được như kỳ vọng; tỷ lệ lao động được đào tạo chưa cao, thiếu cục bộ lao động có trình độ kỹ thuật cao, cán bộ cấp quản lý,... chưa đáp ứng yêu cầu của các nhà đầu tư cả về tính chuyên nghiệp và trình độ chuyên môn; khâu thực thi pháp luật ở các cơ quan quản lý nhà nước cấp trung ương và địa phương còn nhiều bất cập, không thống nhất, rõ ràng, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

#### ***d) Đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã***

Các chủ trương, đường lối đổi mới, phát triển kinh tế tập thể (KT TT) được nêu cụ thể tại Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới (sau đây gọi tắt Nghị quyết số 20-NQ/TW) và được cụ thể hoá tại Luật Hợp tác xã sửa đổi đã được Quốc hội thông qua ngày 20/6/2023. Đồng thời, thực hiện Kế hoạch số 10-KH/TW ngày 23/8/2022 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, Chính phủ cũng đã hành Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 2/2/2023 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW.

Trong giai đoạn 2021-2023, với việc tập trung thực hiện các giải pháp quyết liệt, khu vực KT TT, HTX đã đạt được nhiều kết quả bước đầu tích cực, cụ thể:

Một là, số lượng HTX tăng nhanh<sup>259</sup>. Khu vực KT TT, HTX phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh (số lượng HTX, doanh thu, lợi nhuận, thu nhập của lao động đều tăng hơn năm trước); nhiều loại hình HTX liên kết trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, tạo chuỗi giá trị sản phẩm bền vững; góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước. Các HTX, Liên hiệp HTX, Tổ hợp tác (THT) và các thành viên sản xuất và cung ứng thị trường trong nước và xuất khẩu với khối lượng và giá trị khá lớn sản phẩm nông sản, OCOP, dịch vụ vận tải, tín dụng, thương mại; góp phần ổn định giá cả thị trường, phục hồi và tăng trưởng kinh tế, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

Hai là, chất lượng các HTX được cải thiện. Trong lĩnh vực nông nghiệp, hiệu quả hoạt động của các HTX cũng ngày càng được nâng cao, số HTX NN được đánh giá xếp loại khá, tốt đạt 60%. Hiệu quả hoạt động của HTX nông nghiệp tăng cao, tổng vốn hoạt động của mỗi HTX NN khoảng 1,61 tỷ đồng; doanh thu bình quân/HTX NN đạt 2,44 tỷ đồng/năm. Lãi bình quân của một HTX đạt 383 triệu đồng; Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên đạt 40,5 triệu đồng/năm.

<sup>259</sup> Tính đến 31/12/2022, cả nước có 29.378 hợp tác xã, tăng khoảng 2.000 HTX (tương đương 7,3%) so với năm 2021 (27.342 HTX) và vượt kế hoạch đặt ra (kế hoạch năm 2022 là 29.166 HTX). Trong 5 tháng đầu năm, cả nước thành lập mới gần 1.100 hợp tác xã, giải thể trên 70 hợp tác xã, nâng tổng số hợp tác xã đạt khoảng 30.400 HTX, dự kiến đạt kế hoạch 35.000 HTX vào năm 2025. Trong lĩnh vực nông nghiệp, thực hiện chuyển đổi và đổi mới theo Luật HTX, số lượng HTX tăng nhanh: Năm 2021, cả nước có 18.327 HTX nông nghiệp (HTX NN); đến tháng 6 năm 2023, cả nước có khoảng 20.057 HTX NN, 92 Liên hiệp HTX. Có 2.297 HTX NN đã thành lập doanh nghiệp trong HTX, 1.718 HTX ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số trong sản xuất, tương ứng 13% và 12% tổng số HTX NN cả nước. Đặc biệt, đã có trên 4.339 HTX NN đảm nhận bao tiêu nông sản, bằng 24,5% tổng số HTX NN.

*Ba là*, đã hình thành nhiều mô hình HTX NN tốt, hiệu quả như: mô hình HTX liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, mô hình HTX phát triển sản xuất, kinh doanh gắn với du lịch cộng đồng, mô hình HTX ứng dụng công nghệ cao, mô hình HTX phát triển sản phẩm OCOP; mô hình HTX thích ứng với biến đổi khí hậu. Các mô hình sản xuất, kinh doanh do HTX làm hạt nhân, đáp ứng nhu cầu đa dạng hóa của sản xuất nông nghiệp và yêu cầu của thị trường. Ngoài các dịch vụ nông nghiệp phục vụ thành viên, các HTX còn tham gia cung cấp các dịch vụ khác ở nông thôn như nước sạch, bảo hiểm, tín dụng, môi trường hỗ trợ thành viên sản xuất và áp dụng các giải pháp khoa học kỹ thuật.

*Bốn là*, nhiều HTX NN ở các tỉnh, thành phố phục hồi nhờ mạnh dạn thay đổi phương thức sản xuất và quản trị truyền thống; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu sản xuất; áp dụng sáng tạo các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, công nghệ cao để tăng năng suất và nâng cao chất lượng sản phẩm đạt các tiêu chuẩn chất lượng (như VietGap, hữu cơ, GlobalGap, JAS, OCOP,...); chủ động, tích cực trong nâng cao năng lực, khả năng cạnh tranh thông qua chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ cao, quản lý tổ chức sản xuất từ đầu vào tới sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu qua các kênh bán hàng để thích ứng với thị trường nhằm vượt qua những tác động mạnh sau đại dịch Covid-19; hoàn thiện các chuỗi giá trị sản phẩm địa phương, vùng, quốc gia; phát triển mở rộng gắn với quy hoạch vùng sản xuất; nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ thành viên; đẩy mạnh liên kết các thành viên và các HTX, doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế khác.

Bên cạnh kết quả tích cực nêu trên, đổi mới và phát triển KTTT, HTX vẫn còn tồn tại một số hạn chế, cụ thể như sau:

- Các HTX còn gặp nhiều khó khăn: Chi phí sản xuất cao do chi phí nhiên, nguyên vật liệu đầu vào tăng cao và nhiều biến động; thị trường tiêu thụ không ổn định; giá nông sản trong nước và xuất khẩu tăng nhưng mức độ hưởng lợi còn thấp và chưa hợp lý so với doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ trong chuỗi giá trị. Tại một số thời điểm sản lượng lớn lương thực, thực phẩm và nông sản khác do THT, HTX, Liên hiệp HTX sản xuất bị tồn đọng và khó tiêu thụ hoặc các hợp đồng không ổn định do chính sách zero Covid của thị trường Trung Quốc. Một số HTX công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thu hẹp sản xuất do nhu cầu của thị trường thay đổi sau đại dịch Covid-19 và thay đổi đơn hàng xuất khẩu; các HTX xây dựng gặp khó khăn về vốn, thiết bị lạc hậu; HTX du lịch phục hồi chậm do hạn chế về vốn, cơ sở vật chất xuống cấp, lượng khách nước ngoài hạn chế; HTX môi trường gặp khó khăn trong cạnh tranh đấu thầu các hợp đồng thu gom rác thải, cơ sở chôn lấp.

- Một số QTDND<sup>260</sup> gặp khó khăn trong huy động vốn từ các thành viên do lãi suất huy động các ngân hàng tăng cao vào quý IV năm 2022; một số thành viên HTX vận tải tự nguyện xin ra khỏi HTX vì phải chuyển đổi sang áp dụng hóa đơn điện tử, dẫn đến HTX giảm doanh thu. Nhiều HTX sản xuất nhỏ lẻ, chưa gắn với nhu cầu của thị trường; thiếu nhân lực quản trị và lao động đã qua đào tạo; thiếu vốn sản xuất, kinh doanh; gặp vướng mắc về quy hoạch vùng sản xuất, khó khăn về chi phí đầu vào tăng và xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc. Khoảng 80% số lượng nông sản do HTX, THT sản xuất được lưu thông qua các chợ đầu mối, chợ truyền thống mà phần lớn chưa

<sup>260</sup> Quỹ tín dụng nhân dân được thành lập dưới hình thức HTX.

có truy xuất nguồn gốc và đáp ứng tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap.

- Số lượng HTX tiếp cận các chính sách của Nhà nước còn hạn chế, do sự hạn chế về nguồn kinh phí nên công tác triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ chưa đạt hiệu quả cao. Nội dung hỗ trợ phát triển HTX thường là các dự án có quy mô nhỏ, do đó HTX không đủ điều kiện để được bố trí vốn đầu tư công trung hạn từ nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSDP. Nhiều tỉnh không còn quỹ đất, hạn chế quy hoạch vùng sản xuất tập trung và chuyên canh, hạn chế nguồn lực để hỗ trợ, điều kiện và thủ tục hỗ trợ phức tạp, chưa thông tin đến HTX, THT; một số chính sách hỗ trợ chưa quan tâm đến lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ (HTX công nghiệp - tiêu thụ công nghiệp, giao thông vận tải, thu gom rác thải môi trường, thương mại và tiêu dùng).

- Sự phục hồi và phát triển của HTX, Liên hiệp HTX, THT ở các lĩnh vực ngành nghề, vùng miền chưa đồng đều; một số HTX bị thua lỗ, giảm sản lượng và quy mô; nhiều HTX chưa xây dựng được phương án sản xuất, kinh doanh hiệu quả, chưa chú trọng liên kết chuỗi giá trị, chưa mạnh dạn đầu tư ứng dụng công nghệ cao, lúng túng trong tiêu thụ đầu ra; tỷ lệ lớn sản phẩm tiêu thụ chưa có truy xuất nguồn gốc, chưa đạt chất lượng cao; trình độ lao động thấp, một số thành viên tham gia HTX còn mang tính hình thức, chưa phát huy tinh thần trách nhiệm của thành viên; việc tiêu thụ sản xuất còn bị động, không có các hợp đồng liên kết - tiêu thụ ổn định và bền vững, dựa nhiều vào thương lái.

- Quá trình CDS của các HTX, Liên hiệp HTX diễn ra chậm; theo khảo sát của Liên minh HTX cấp tỉnh, khoảng 52% số HTX chưa có định hướng và kế hoạch chuyển đổi số; cơ sở hạ tầng thông tin của phần lớn HTX ở mức thấp, chưa đáp ứng yêu cầu của quá trình CDS; nhiều HTX chưa có trụ sở làm việc, cán bộ quản trị và nhân lực của HTX hiệu và thực hành kỹ năng số còn hạn chế như: Kỹ năng xây dựng cơ sở dữ liệu, kỹ năng sử dụng thiết bị số, kỹ năng tìm kiếm, đánh giá và quản trị thông tin trên thiết bị số, kỹ năng sử dụng phần mềm trong quá trình sản xuất, kỹ năng truyền thông số (thông qua Website, các trang thương mại điện tử, mạng xã hội), kỹ năng thương mại điện tử; kỹ năng thanh toán điện tử.

*Những hạn chế nêu trên do nhiều nguyên nhân, trong đó các nguyên nhân chính chính bao gồm:* các tổ chức kinh tế nói chung và KTTT, HTX nói riêng vẫn bị ảnh hưởng bởi những tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19, làm ảnh hưởng đến tình hình phát triển của toàn ngành, lĩnh vực. Tình hình kinh tế và chính trị thế giới tác động gây lạm phát, đứt gãy chuỗi cung ứng và bất ổn về thị trường tiêu thụ; một số địa phương, cấp ủy, chính quyền chưa có sự quan tâm đúng mức trong việc chỉ đạo, định hướng, xây dựng cơ chế chính sách, tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc tạo điều kiện cho KTTT, HTX phát triển; chưa tập trung chỉ đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc của các HTX và xử lý giải thể các HTX, LH HTX yếu kém, ngừng hoạt động.

#### **2.4. Phát triển kinh tế đô thị, tăng cường liên kết vùng, liên kết đô thị - nông thôn và phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị lớn**

Giai đoạn 2021-2023, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã tập trung chỉ đạo các bộ, ngành và địa phương thực hiện các nhiệm vụ về phát triển kinh tế đô thị, tăng cường liên kết vùng, liên kết đô thị - nông thôn và phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị lớn theo tinh thần Nghị quyết số 31/2021/QH15 của Quốc hội và Nghị quyết số 54/NQ-CP của Chính phủ, qua đó đạt được các kết quả bước đầu tích cực, cụ thể:



*Một là*, tính đến thời điểm tháng 9/2023 đã có 90/110 (đạt 81,8%) cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh đã thẩm định xong (trong đó 33 quy hoạch cấp quốc gia<sup>261</sup>, quy hoạch vùng<sup>262</sup>, quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt<sup>263</sup>; 13 quy hoạch đã trình Thủ tướng Chính phủ xem xét để phê duyệt<sup>264</sup>; 44 quy hoạch đã thẩm định xong và đang trong quá trình hoàn thiện<sup>265</sup>); 07 quy hoạch đang được thẩm định<sup>266</sup>; 13 quy hoạch đang trong quá trình xây dựng dự thảo và lấy ý kiến<sup>267</sup>; 01 quy hoạch chưa tổ chức lập<sup>268</sup>.

Nhằm đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 25/5/2023 nhằm đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, phân đấu cơ bản hoàn thành các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh trong năm 2023. Bên cạnh đó, Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch được xây dựng, tích cực hoàn thiện.

*Hai là*, các nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện thể chế liên kết vùng, kiện toàn bộ máy tổ chức điều phối vùng được tập trung hoàn thành.

Giai đoạn 2021-2023, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành tích cực hoàn thiện và cụ thể hóa các chủ trương, chính sách giúp thúc đẩy liên kết vùng. Hệ thống các nghị quyết nhằm hoàn thiện thể chế, chính sách thúc đẩy liên kết vùng được ban hành, cụ thể: Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 21/04/2022 của Chính phủ về

<sup>261</sup> Quy hoạch tổng thể quốc gia; Quy hoạch sử dụng đất quốc gia và 16 quy hoạch ngành quốc gia : (1) mạng lưới đường bộ, (2) mạng lưới đường sắt, (3) tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam, (4) tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc, (5) kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, (6) tài nguyên nước, (7) cơ sở giáo dục nghề nghiệp, (8) điện VIII, (9) hạ tầng phòng cháy chữa cháy, (10) phòng chống thiên tai và thủy lợi, (11) địa chất khoáng sản, (12) hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu; (13) thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản; (14) tổng thể về năng lượng quốc gia; (15) mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội; (16) hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng.

<sup>262</sup> Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long.

<sup>263</sup> Bắc Giang, Tuyên Quang, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Lào Cai, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Khánh Hòa, Quảng Bình, Long An, Sóc Trăng; Nghệ An; Yên Bái; Trà Vinh.

<sup>264</sup> Có 05 quy hoạch cấp quốc gia: (1) Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông; (2) Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản; (3) Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập; (4) Quy hoạch sử dụng đất an ninh; (5) Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng. Có 08 quy hoạch tỉnh: Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, An Giang, Ninh Thuận, TP. Đà Nẵng, Bắc Kạn, Hà Giang, Bắc Ninh.

<sup>265</sup> Có 10 quy hoạch cấp quốc gia Quy hoạch không gian biển quốc gia; 09 quy hoạch ngành quốc gia: (1) Quy hoạch lâm nghiệp; (2) Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học; (3) Quy hoạch hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh; (4) Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng; (5) Quy hoạch bảo vệ môi trường; (6) Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia; (7) Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; (8) Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế; (9) Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng. Có 34 quy hoạch tỉnh gồm: Lai Châu, Bến Tre, Cần Thơ, Phú Thọ, Đồng Tháp, Cao Bằng, Đắk Nông, Kiên Giang, Quảng Ngãi, Ninh Bình, Vĩnh Long, Hà Nam, Cà Mau, Tây Ninh, Đắk Lắk, Hậu Giang, Bình Thuận, Lâm Đồng, Hòa Bình, Hải Dương, Hải Phòng, Tiền Giang, Nam Định, Bạc Liêu, Bình Định, Quảng Trị, Gia Lai, Sơn La, Thái Bình, Hưng Yên, Phú Yên; Vĩnh Phúc; Thừa Thiên Huế; Kon Tum.

<sup>266</sup> Có 04 quy hoạch cấp quốc gia: (1) Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (2) Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (3) Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia; (4) Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn. Có 03 quy hoạch tỉnh gồm: Lạng Sơn, Điện Biên, Quảng Nam.

<sup>267</sup> Có 04 quy hoạch ngành quốc gia (1) Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; (2) Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; (3) Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm; (4) Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời. Có 4 quy hoạch tỉnh gồm: Đồng Nai, Bình Dương, Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh. 05 quy hoạch vùng: Trung du miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

<sup>268</sup> Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng phóng xạ vì chưa có dữ liệu đánh giá tiềm năng quặng urani chưa đủ điều kiện thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội, trong đó đề ra các nhiệm vụ giải pháp thực cụ thể cho từng cơ quan đơn vị từ Trung ương đến địa phương; 06 Nghị quyết về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện các nghị quyết của Bộ Chính trị về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của 6 vùng kinh tế- xã hội trên cả nước<sup>269</sup>. Đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định thành lập 06 Hội đồng điều phối vùng và Quy chế hoạt động của các Hội đồng điều phối vùng<sup>270</sup>. Hội đồng điều phối vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ đã tổ chức Hội nghị để tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị và cho ý kiến thống nhất về kế hoạch hoạt động 6 tháng cuối năm 2023 của Hội đồng điều phối Vùng. Đã ban hành Kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050<sup>271</sup>; đối với 05 quy hoạch vùng còn lại, đã lựa chọn nhà thầu tư vấn lập quy hoạch và đang trong quá trình xây dựng dự thảo trước khi gửi lấy ý kiến các bộ, ngành.

Việc hoàn thiện về thể chế liên kết vùng có vai trò quan trọng, tạo tiền đề thuận lợi cho việc thúc đẩy sự liên kết, hợp tác nội vùng và liên vùng, đồng thời tạo cơ chế để kiện toàn bộ máy tổ chức điều phối vùng; hoàn thiện định hướng, cơ chế, chính sách khai thác hiệu quả hợp tác, liên kết vùng, gia tăng lợi ích lan tỏa trong nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và nâng cấp chuỗi giá trị của các ngành có thế mạnh; phát triển mô hình phù hợp với đặc trưng từng vùng.

*Ba là*, việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến NSNN, tổ chức chính quyền địa phương; triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn theo hướng gắn kết chặt chẽ đầu tư giữa trung ương và địa phương, giữa các địa phương để đầu tư các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội mang tính chất liên kết được thúc đẩy triển khai. Giai đoạn 2021-2023, Chính phủ đã nghiên cứu và trình Quốc hội ban hành thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù cho thêm 8

<sup>269</sup> Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23/11/2022 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết 14/NQ-CP ngày 8/2/2023 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

<sup>270</sup> Quyết định số 999/QĐ-TTg ngày 03/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Hội đồng điều phối vùng Trung du và Miền núi phía Bắc giai đoạn 2021–2025; Quyết định số 824/QĐ-TTg ngày 11/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; Quyết định số 825/QĐ-TTg ngày 11/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Hội đồng điều phối vùng Đông Nam Bộ; Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Hội đồng điều phối vùng đồng bằng Sông Hồng; Quyết định số 827/QĐ-TTg ngày 11/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Hội đồng điều phối vùng Tây Nguyên

<sup>271</sup> Quyết định số 816/QĐ-TTg ngày 07/7/2023.

địa phương<sup>272</sup> theo hướng tăng cường nguồn lực, khai thác lợi thế của các đô thị lớn/địa phương, tăng phân cấp, mô hình quản lý hợp lý; Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 phân cấp cho các địa phương làm cơ quan chủ quản, được sử dụng vốn NSDP để đầu tư các công trình đường bộ do trung ương quản lý.

Triển khai các nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ nêu trên, các địa phương chủ động phối hợp, liên kết tập trung vào một số lĩnh vực và hoạt động về kinh tế - xã hội như phối hợp, liên kết phát triển hệ thống giao thông kết nối liên vùng, xây dựng đường cao tốc, nâng cấp đường quốc lộ, một số tuyến tỉnh lộ để tạo mạng lưới đồng bộ, tiến tới hoàn thiện hệ thống giao thông các tỉnh trong vùng và với các địa phương lân cận. Nhiều dự án đầu tư quan trọng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại đã được triển khai quyết liệt.. Đã đưa vào sử dụng nhiều dự án cơ sở hạ tầng quan trọng như đường cao tốc Bắc - Nam<sup>274</sup>. Bên cạnh đó, Chính phủ đã trình Quốc hội chấp thuận chủ trương phân cấp cho các địa phương là cơ quan chủ quản và cơ quan có thẩm quyền để thực hiện nhiều dự án cao tốc có quy mô lớn, liên kết vùng nhằm phát huy tối đa lợi thế, nguồn lực của các địa phương trong quá trình đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng của đất nước. Hiện nay, đang xây dựng trình Quốc hội ban hành Nghị quyết thí điểm một số cơ chế, chính sách tháo gỡ vướng mắc quy định tại một số Luật liên quan tới xây dựng công trình đường bộ, trong đó có các cơ chế cho địa phương làm cơ quan chủ quản<sup>275</sup>. Với việc quyết liệt chỉ đạo của Chính phủ và sự tập trung thực hiện của các bộ, ngành, địa phương, đến nay nhiều công trình giao thông quan trọng, quy mô lớn được tập trung đầu tư với quan điểm đẩy nhanh tiến độ nhằm sớm đưa vào khai thác, bảo đảm chất lượng, phát huy hiệu quả đầu tư; qua đó đã nâng cao năng lực hệ thống kết cấu hạ tầng, tăng cường kết nối giữa các vùng miền trong cả nước và giao thương quốc tế, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tạo diện mạo mới cho đất nước, cụ thể như: (1) Mạng lưới đường bộ cao tốc bước đầu được hình thành với 32 tuyến/đoạn tuyến cao tốc, tổng chiều dài 1822 km<sup>276</sup> góp phần tăng cường năng lực vận tải trên các hành lang kinh tế quan trọng; đang tiếp tục triển khai thi công khoảng 1.244km; đã khởi công các đường vành đai 4 vùng Thủ đô Hà Nội, vành đai 3 TP. Hồ Chí Minh, các tuyến cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột, Biên Hòa - Vũng Tàu, Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Tuyên Quang - Hà Giang,... để hoàn thành thêm khoảng

<sup>272</sup> Nghị quyết số 35/2021/QH15, ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng; Nghị quyết 36/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An; Nghị quyết 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 38/2021/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/1/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Cần Thơ; Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với tỉnh Khánh Hòa; Nghị quyết 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TPHCM; Nghị quyết số 72/2022/QH15 ngày 30/11/2022 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

<sup>274</sup> Đoạn Mai Sơn - QL45, Vĩnh Hào - Phan Thiết, Phan Thiết - Dầu Dây, QL45 - Nghi Sơn, Nghi Sơn - Diễn Châu, Nha Trang - Cam Lâm; đang đôn đốc, phấn đấu đến hết tháng 12/2023 hoàn thành tuyến cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ, Tuyên Quang - Phú Thọ nâng tổng số km đường bộ cao tốc đưa vào khai thác trên cả nước lên 1.892km".khởi công xây dựng sân bay Long Thành, nhà ga T3 Tân Sơn Nhất, sân bay Phan Thiết...

<sup>275</sup> Giao thẩm quyền cho địa phương làm cơ quan chủ quản, sử dụng vốn NSDP đầu tư các tuyến quốc lộ, cao tốc địa phương; giao một địa phương làm cơ quan chủ quản để thực hiện các dự án giao thông đi qua nhiều địa phương và sử dụng ngân sách của địa phương này hỗ trợ cho địa phương khác trong quá trình xây dựng các công trình giao thông.

<sup>276</sup> Từ đầu nhiệm kỳ đã hoàn thành 659 km, gấp hơn 50% khối lượng đã triển khai trong gần 20 năm trước đây.

344 km, phần đầu đến năm 2025 cả nước có trên 3.000 km đường bộ cao tốc; đẩy nhanh hoàn thiện thủ tục đầu tư các tuyến cao tốc hướng tâm vào Thủ đô Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh<sup>277</sup>. Các địa phương được giao là cơ quan chủ quản, cơ quan có thẩm quyền đang tích cực triển khai dự án theo hình thức đầu tư công<sup>278</sup>. Hệ thống quốc lộ đã và đang được đầu tư theo quy hoạch như: QL.1, đường Hồ Chí Minh, các quốc lộ trọng yếu<sup>279</sup>, nhiều công trình cầu lớn đã được đầu tư xây dựng<sup>280</sup> góp phần xóa bỏ các điểm nghẽn hạ tầng trong khu vực; (2) Hệ thống hạ tầng đường sắt được quan tâm đầu tư nâng cấp, cải tạo, trong đó đã hoàn thành 04 dự án đường sắt quan trọng, cấp bách trên tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh góp phần rút ngắn thời gian chạy tàu, nâng cao an toàn; đang triển khai 04 dự án cải tạo, nâng cấp các đoạn còn lại sẽ hoàn thành vào năm 2025; đưa vào khai thác tuyến đường sắt đô thị Cát Linh - Hà Đông và đang đẩy nhanh tiến độ các dự án đường sắt đô thị trên địa bàn: Nhôn - Ga Hà Nội, Bến Thành - Suối Tiên, Bến Thành - Tham Lương; tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện chủ trương đầu tư dự án đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam và các tuyến đường sắt khác như: TP. Hồ Chí Minh - Cần Thơ, Biên Hòa - Vũng Tàu, Thủ Thiêm - Long Thành... làm cơ sở huy động vốn đầu tư.

*Bốn là*, tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách phát huy vai trò dẫn dắt đổi mới mô hình tăng trưởng của các vùng kinh tế trọng điểm và đô thị lớn, tăng cường liên kết đô thị - nông thôn. Chính phủ đã khẩn trương ban hành các Chương trình hành động để triển khai thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển các địa phương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đã trình Quốc hội ban hành thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù cho 10 tỉnh, thành phố: TP. Hồ Chí Minh; TP. Hà Nội, TP. Hải Phòng, Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, TP. Đà Nẵng, Khánh Hòa, TP. Cần Thơ, TP. Buôn Ma Thuột<sup>281</sup>, tập trung triển khai thực hiện ngay sau khi được ban hành. Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững đô thị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Triển khai đúng tiến độ các chương trình, đề án đã được phê duyệt<sup>282</sup>, xây dựng nông thôn mới (NTM) gắn với quá trình đô thị hóa<sup>283</sup>; đồng thời thực

<sup>277</sup> Hòa Lạc - Hòa Bình - Mộc Châu, TP. Hồ Chí Minh - Mộc Bài, TP. Hồ Chí Minh - Chơn Thành - Gia Nghĩa.

<sup>278</sup> Đường cao tốc Cừu Khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng, Đồng Đăng - Trà Lĩnh, Ninh Bình - Hải Phòng, Gia Nghĩa - Chơn Thành, Tân Phú - Liên Khương.

<sup>279</sup> QL 6, 8, 10, 18, 19, 20, 51, 80, 91...

<sup>280</sup> Cầu Cỏ Chiên, Cao Lãnh, Vàm Cống...

<sup>281</sup> Nghị quyết 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TPHCM; Nghị quyết số 115/2020/QH14 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân hàng đặc thù đối với thành phố Hà Nội; Nghị quyết số 35/2021/QH15, ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng; Nghị quyết 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết 36/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An; Nghị quyết số 38/2021/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với tỉnh Khánh Hòa; Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/1/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Cần Thơ; Nghị quyết số 72/2022/QH15 ngày 30/11/2022 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

<sup>282</sup> Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến 2030 ; Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030 ; Đề án phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình đô thị miền núi phía Bắc.

<sup>283</sup> Quốc hội ban hành Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021-2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 về Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 25/2021/QH15 của Quốc hội, ban hành Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021-

hiện các chương trình hợp tác với các đối tác quốc tế như SECO, AFD, WB về phát triển đô thị. Đến hết tháng 8 năm 2023, toàn quốc có số lượng đô thị là 902 đô thị, trong đó có 02 đô thị loại đặc biệt, 22 đô thị loại I, 35 đô thị loại II, 46 đô thị loại III, 94 đô thị loại IV và 703 đô thị loại V. Hệ thống đô thị cả nước đã từng bước được hoàn thiện và nâng cao chất lượng; tỷ lệ đô thị hóa đạt 42%<sup>284</sup>, tăng 0,7 điểm % so với năm 2022<sup>285</sup>; tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung ước đạt 95,1%<sup>286</sup>, tỷ lệ lập quy hoạch chung đô thị đạt 100%<sup>287</sup>; hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị đang từng bước được đầu tư, mở rộng và hoàn thiện theo hướng hiện đại, đồng bộ với các hình thức đầu tư đa dạng. Năng lực của hệ thống hạ tầng kỹ thuật và khả năng tiếp cận các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật được cải thiện. Các chương trình, định hướng, chiến lược về quản lý, phát triển hạ tầng kỹ thuật được tập trung thực hiện và đã cho thấy các kết quả tích cực.

Bên cạnh các kết quả đạt được, việc phát triển kinh tế đô thị, tăng cường liên kết vùng, liên kết đô thị - nông thôn và phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị lớn trong thời gian qua vẫn còn nhiều hạn chế, cụ thể:

- Việc xây dựng các quy hoạch tuy đã được đẩy nhanh nhưng nhìn chung công tác lập các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030 trong hệ thống còn chậm; sự phối hợp của các cơ quan trong việc triển khai công tác quy hoạch còn hạn chế, chưa đạt kết quả như mong muốn. Bên cạnh đó, phải tiến hành đồng thời, cùng lúc lập tất cả các loại quy hoạch<sup>288</sup>, trong khi số lượng tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn có đủ năng lực, trình độ chuyên môn còn hạn chế; chưa đáp ứng được yêu cầu quy hoạch tổng hợp; phần lớn là tư vấn trong một hoặc một số lĩnh vực, chưa làm quy hoạch tích hợp đa ngành; việc huy động các chuyên gia quốc tế cũng có những hạn chế, bất cập nhất định. Một số văn bản hướng dẫn còn chưa thống nhất, gây khó khăn, vướng mắc cho các bộ, địa phương khi áp dụng nhưng chưa được sửa đổi, bổ sung. Những bất cập này đã được Chính phủ chỉ đạo tại Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26/8/2022 của Chính phủ<sup>289</sup>.

- Quy hoạch các lĩnh vực kết cấu hạ tầng đô thị chưa gắn với nguồn lực thực hiện

---

2025. Tính đến hết tháng 10/2023, cả nước có 6.048/8.177 xã (74,05%) đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó, có 1.543 xã đạt chuẩn NTM nâng cao và 237 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; có 271 đơn vị cấp huyện thuộc 58 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn NTM (chiếm khoảng 41,3% tổng số đơn vị cấp huyện của cả nước); có 20 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có 100% số xã đạt chuẩn NTM (Gồm các tỉnh/thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Hải Dương, Ninh Bình, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Lâm Đồng, TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Dương, Đồng Nai, Cần Thơ, Bạc Liêu, Trà Vinh), có 05 tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (Gồm các tỉnh: Nam Định, Đồng Nai, Hà Nam, Hưng Yên và Hải Dương). Ước cả năm 2023, tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM ước đạt 77,1%, trong đó, có 32,8% xã đạt chuẩn NTM nâng cao và 6,2% xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

<sup>284</sup> Ước thực hiện cả năm 2023, tỷ lệ đô thị hóa toàn quốc đạt khoảng 42,7%.

<sup>285</sup> Tỷ lệ đô thị hóa năm 2022 đạt khoảng 41,7%, tăng 1,2% so với năm 2021.

<sup>286</sup> Ước thực hiện cả năm 2033 tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung ước đạt 96%.

<sup>287</sup> Ước thực hiện cả năm 2033 Tỷ lệ lập quy hoạch chung đô thị đạt 100%; tỷ lệ lập quy hoạch 22 đô thị loại I và 02 đô thị loại đặc biệt đạt khoảng 79%; tỷ lệ lập quy hoạch chi tiết bình quân cả nước đạt khoảng 39% so với diện tích đất xây dựng.

<sup>288</sup> Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch không gian biển, quy hoạch 6 vùng, quy hoạch 63 tỉnh/thành phố, quy hoạch 39 ngành theo Phụ lục 1 và 38 quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo Phụ lục 2 của Luật Quy hoạch.

<sup>289</sup> Về thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030.

có tính khả thi, còn thiếu tính đồng bộ; chưa có các quy định, giải pháp để đảm bảo tính bền vững của nguồn lực dành cho đầu tư, duy tu, bảo dưỡng hạ tầng và cung cấp dịch vụ hạ tầng đô thị; công tác phát triển đô thị mới, cải tạo đô thị chưa gắn với việc kiểm soát khả năng kết nối và chịu tải của hệ thống hạ tầng đô thị; phân bổ mạng lưới, phát triển hệ thống đô thị chưa đồng đều.

- Quy hoạch đô thị là công cụ quan trọng và nền tảng để tối đa hóa tiềm năng cho việc xây dựng phát triển đô thị hiệu quả, bảo vệ nguồn tài nguyên, xác định các khu vực phát triển và bảo tồn, tăng cường an ninh, an toàn trong các thành phố/đô thị. Tuy nhiên, hiện nay quy hoạch đô thị chưa thực sự phát huy hiệu quả của một công cụ định hướng và đầu tư phát triển đô thị. Phương pháp thực hiện quy hoạch đô thị còn hạn chế (trên cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ, công tác dự báo thiếu chính xác, thiếu khoa học) dẫn đến quy hoạch không theo kịp và đáp ứng nhu cầu thị trường và thực tế. Trong một thời gian dài, phát triển đô thị Việt Nam tập trung cho những nhu cầu ngắn hạn, phát triển nóng và chưa thực sự quan tâm đến củng cố chất lượng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Bên cạnh đó, chất lượng một số đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị tại một số địa phương chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu. Việc điều chỉnh quy hoạch, nhất là điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung, điều chỉnh quy hoạch chi tiết còn chưa chặt chẽ. Việc điều chỉnh quy hoạch khá thường xuyên ở nhiều đô thị (thường có xu hướng điều chỉnh tăng mật độ dân số và hệ số sử dụng đất) cũng gây áp lực nhất định lên hệ thống hạ tầng bên cạnh tốc độ gia tăng dân số và quy mô đô thị từ quá trình đô thị hóa nhanh chóng. Nguồn vốn, thủ tục lập quy hoạch còn vướng mắc, hạn chế. Điều này khiến hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị chưa đảm bảo và ảnh hưởng chất lượng sống của cư dân đô thị.

- Chương trình phát triển đô thị được triển khai qua nhiều năm đã bộc lộ một số bất cập như các quy định chưa làm rõ được sự khác nhau giữa các loại chương trình; chưa quy định rõ các nội dung ưu tiên đầu tư trong chương trình làm cơ sở xác định nguồn lực đầu tư; chưa làm rõ được mối liên hệ với dự án hạ tầng kỹ thuật khung đô thị, khu vực phát triển đô thị, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị; chưa có các yêu cầu về đô thị thông minh, tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu; thiếu cơ chế kiểm tra, rà soát việc thực hiện chương trình.

- Các đô thị lớn chưa thể hiện được vai trò động lực, dẫn dắt. Quá trình đô thị hóa không đồng đều giữa các vùng, miền; tỷ lệ đô thị hóa còn thấp so với mức trung bình các nước trong khu vực và thế giới, chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đô thị hóa phát triển theo chiều rộng là chủ yếu với mật độ thấp và phân tán, gây lãng phí về đất đai, hạn chế tích tụ kinh tế. Tình trạng mật độ thấp, nhất là tại các đô thị đặc biệt, nhiều khu vực nội thành, nội thị vẫn còn 50%-60% diện tích đất nông nghiệp hoặc để trống chưa sử dụng phát triển đô thị do các dự án chậm triển khai. Hệ thống đô thị phân bổ và phát triển không cân đối, thiếu sự liên kết, chưa có sự phân định và chia sẻ chức năng trong từng vùng và giữa các vùng. Liên kết đô thị - nông thôn còn yếu, chưa phát huy tốt vai trò động lực, dẫn dắt của các đô thị trong phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống hạ tầng đô thị còn thiếu đồng bộ, liên kết yếu, chưa bảo đảm thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và có dấu hiệu quá tải tại các đô thị lớn. Ô nhiễm môi trường tại các đô thị lớn có xu hướng gia tăng và diễn biến phức tạp, gây ra nhiều tác động tiêu cực. Kết quả giảm tình trạng bất bình đẳng, bảo đảm an ninh, an toàn đô thị, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ và được bảo vệ của các nhóm dễ bị tổn thương

tại đô thị còn hạn chế. Các đô thị nhỏ và trung bình chưa phát huy nội lực, động lực phát triển.

*Những hạn chế nêu trên do nhiều nguyên nhân, trong đó các nguyên nhân chính bao gồm:* (1) Việc tổ chức lập các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia là nhiệm vụ mới, phức tạp, có tính tích hợp toàn diện cao, đòi hỏi tâm huyết và trí tuệ cao của các cấp, các ngành; lần đầu tiên được triển khai đồng thời ở tất cả các cấp, các ngành, đặc biệt là quy hoạch cấp dưới được lập khi quy hoạch cấp trên chưa được ban hành, nên các bộ, địa phương mất nhiều thời gian và công sức để lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch; công tác chỉ đạo, điều hành của một số bộ, địa phương chưa được quan tâm đúng mức, thiếu sát sao và chưa quyết liệt, nhất là việc phối hợp trong công tác lập quy hoạch; chưa có sự phối hợp chặt chẽ và chia sẻ đầy đủ thông tin kịp thời giữa các bộ, địa phương để đảm bảo sự thống nhất của quy hoạch; (2) Việc phát triển hệ thống đô thị chưa có sự liên kết chặt chẽ các đô thị giữa các vùng, miền. Chưa định hình rõ nét mô hình đô thị phát triển thích hợp cho từng vùng, miền, dẫn đến chưa phát huy tối đa hiệu quả kích thích, vai trò dẫn dắt của các đô thị, đặc biệt là các đô thị lớn trong phát triển kinh tế - xã hội và đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, công tác dự báo xu hướng phát triển của các đô thị trong từng thời kỳ, từng giai đoạn phát triển còn có những hạn chế dẫn đến việc định hướng phát triển các đô thị gặp khó khăn; (3) Năng lực quản lý, quản trị hệ thống đô thị và cung cấp dịch vụ hạ tầng đô thị còn yếu, chậm đổi mới; công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về quy hoạch và phát triển đô thị còn thiếu quyết liệt, chưa đồng bộ; trình độ, năng lực của phần lớn cán bộ, công chức, viên chức quản lý đô thị còn yếu<sup>290</sup>.

## **2.5. Cơ cấu lại các ngành theo hướng hiện đại, phát triển kinh tế xanh, bền vững và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế**

### ***a) Cơ cấu lại ngành nông nghiệp***

Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt<sup>291</sup>. Theo đó, định hướng cơ cấu lại ngành tiếp tục theo 03 nhóm sản phẩm (nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia, nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh, nhóm sản phẩm là đặc sản địa phương); cơ cấu lại sản xuất theo lĩnh vực (lĩnh vực trồng trọt, lĩnh vực chăn nuôi, lĩnh vực thủy sản, lĩnh vực lâm nghiệp và lĩnh vực diêm nghiệp); cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo vùng nhằm đẩy mạnh liên kết vùng trong phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững giữa các địa phương nhằm khai thác lợi thế, tiềm năng của mỗi vùng và của từng địa phương.

Triển khai thực hiện các định hướng nêu trên, giai đoạn 2021-2023, khung pháp lý tạo thuận lợi cho quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp thúc đẩy mạnh phát triển nền nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thích ứng với biến đổi khí hậu và kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản toàn cầu đã được Chính phủ đã ban hành mới, sửa đổi, bổ sung với 05 Nghị định<sup>292</sup>; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành mới, sửa đổi, bổ sung 37 Quyết

<sup>290</sup> Bộ xây dựng (2023), Báo cáo đánh giá giữa kỳ kết quả thực hiện kế hoạch giữa nhiệm kỳ 2021-2025 ngày 6/7/2023.

<sup>291</sup> Tại Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>292</sup> Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/1/2020 của Chính phủ hướng dẫn Luật Chăn nuôi; Nghị định 05/2022/NĐ-CP ngày 7/1/2022 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 53/2019/NĐ-CP ngày 17/6/2019 của Chính

định. Theo thẩm quyền Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành 11 Thông tư, nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, giải pháp hỗ trợ giảm chi phí đầu vào của doanh nghiệp (chi phí logistics, giá nguyên vật liệu), đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã theo cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; hỗ trợ cho các hợp tác xã, doanh nghiệp xã hội phát triển khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số... Năm 2023 Bộ đã tập trung xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch Phòng chống thiên tai và Thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050<sup>293</sup>; đang hoàn thiện hồ sơ để trình ban hành đối với 03 quy hoạch ngành cấp Quốc gia<sup>294</sup>. Trong 3 năm 2021-2023, mặc dù toàn ngành nông nghiệp triển khai thực hiện kế hoạch trong điều kiện đối mặt với một số khó khăn, thách thức<sup>295</sup>. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo tập trung, quyết liệt, kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự giám sát có hiệu quả của Quốc hội, sau hai năm thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp đã mang lại những kết quả tích cực trong sản xuất nông nghiệp tại Việt Nam, cụ thể:

*Một là*, chất lượng tăng trưởng của ngành ngày càng được cải thiện, sản xuất nông nghiệp chuyển mạnh theo hướng chất lượng và giá trị gia tăng; ngành nông nghiệp tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong giải quyết việc làm, giảm nghèo, tạo sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ngay cả trong bối cảnh khó khăn của toàn nền kinh tế, khủng hoảng lương thực toàn cầu ngày càng tăng bởi tác động kép của xung đột quân sự Nga và Uc-rai-na, thời tiết cực đoan và dịch bệnh chưa được kiểm soát hoàn toàn ở nhiều nước. Tuy nhiên, các giải pháp nhằm ổn định phát triển sản xuất, ứng phó với biến động thị trường, thời tiết, dịch bệnh được tăng cường đàm phán mở cửa thị trường nhằm đẩy mạnh tiêu thụ nông lâm thủy sản tập trung triển khai, do đó, tăng trưởng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng cao (năm 2021 đạt 3,71%, năm 2022 đạt 3,48%, năm 2023 ước đạt 3,5-3,8%). tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định 42,02%; tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới 77,1%; tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành đạt khoảng 53 tỷ USD. Năng suất lao động nông nghiệp tăng nhanh, năm 2021 đạt 75 triệu đồng/lao động, năm 2022 đạt 81,9 triệu đồng/lao động. Thu nhập và mức sống cư dân nông thôn ngày càng được cải thiện. Năm 2021, thu nhập cư dân nông thôn đạt khoảng 3.486 nghìn đồng/tháng, năm 2022 đạt 3.864 nghìn đồng/tháng. An ninh lương thực được bảo đảm, an ninh dinh dưỡng được cải thiện.

---

phù hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đề; Nghị định 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2012 của Chính phủ hướng dẫn Luật Thú y; và Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi.

<sup>293</sup> Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 phê duyệt Quy hoạch PCTT và TL thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

<sup>294</sup> Bao gồm: (1) Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Đã gửi lại hồ sơ quy hoạch đến các bộ, ngành và địa phương theo văn bản 992/TTg-NN ngày 23/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ; đang hoàn thiện hồ sơ quy hoạch để trình ban hành; (2) Quy hoạch Bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: đã họp hội đồng thẩm định ngày 18/7/2023, đang hoàn thiện hồ sơ quy hoạch để trình ban hành; (3) Quy hoạch hệ thống Cảng cá khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: đã họp hội đồng thẩm định ngày 23/11/2023, đang hoàn thiện hồ sơ quy hoạch để trình ban hành.

<sup>295</sup> Tác động của dịch bệnh trên người, cây trồng, vật nuôi cần thời gian dài để xử lý và ảnh hưởng đến sản xuất, xuất nhập khẩu, cũng như tiêu thụ nông sản trong nước; biến đổi khí hậu ngày càng rõ nét, cực đoan hơn, thiên tai khó lường, hạn hán và xâm nhập mặn luôn là nguy cơ tiềm ẩn...; giá nguyên liệu đầu vào, vật tư xây dựng tăng cao, tác động rất lớn đến giá đầu vào của sản xuất nông nghiệp và triển khai thực hiện các dự án đầu tư công.



*Hai là*, chuyển đổi cơ cấu kinh tế ngành không chỉ diễn ra giữa các khu vực kinh tế mà theo hướng chuyển đổi tích cực trong nội bộ ngành. Ví dụ, trong sản xuất nông nghiệp, đã chuyển đổi cây trồng sang các loại cây có giá trị cao, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, cải tiến quy trình nuôi trồng, chế biến thủy sản, nhằm cải thiện hiệu quả, cơ cấu sản xuất theo hướng phát huy lợi thế của từng địa phương, từng vùng và gắn với nhu cầu thị trường. Năm 2021, cả nước đã chuyển đổi khoảng 119.792 ha diện tích gieo trồng lúa sang các cây trồng khác, trong đó chuyển sang trồng cây hàng năm khoảng 85.412 ha; chuyển sang trồng cây lâu năm khoảng 22.112 ha (tương đương gần 44.224 ha diện tích gieo trồng); chuyển sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản khoảng 12.267 ha. Năm 2022, chuyển đổi khoảng 163.366,49 ha diện tích gieo trồng lúa sang các cây trồng khác, trong đó chuyển sang trồng cây hàng năm khoảng 82.715,34 ha; chuyển sang trồng cây lâu năm khoảng 31.545,29 ha (tương đương 53,206 nghìn ha diện tích gieo trồng); chuyển sang trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa khoảng 17.560,57 ha. Kế hoạch năm 2023, cả nước sẽ chuyển đổi cơ cấu khoảng 146.459,53 ha. Kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa được các địa phương đánh giá rất tích cực, một số mô hình chuyển đổi từ đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm (rau, hoa, ...) <sup>296</sup>, chuyển đổi sang cây lâu năm, cây ăn quả (bưởi, cam, thanh long,...) hay chuyển đổi sang trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa đem lại hiệu quả kinh tế cao (tôm, cá...).

*Ba là*, việc tổ chức lại sản xuất, tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị gắn với an toàn vệ sinh thực phẩm đã được chú trọng thực hiện. Đến năm 2022, cả nước đã thực hiện các chuỗi liên kết - chế biến - tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp với 4 tác nhân tham gia liên kết có 286 tổ chức khoa học, 686.445 hộ nông dân, 4.228 hợp tác xã nông nghiệp tham gia liên kết với 2.167 doanh nghiệp trong sản xuất, thu hoạch chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; có 1.644 chuỗi nông sản an toàn được chứng nhận với 2.346 sản phẩm <sup>298</sup>; có 2.991 điểm bán các sản phẩm nông sản theo chuỗi giá trị, trong đó, có 1.085 địa chỉ kinh doanh đã được cấp giấy xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn. Cả nước có 2.038 chuỗi liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp <sup>299</sup> với 1.250 HTX NN tham gia. Trong đó, có 815 chuỗi liên kết từ sản xuất - sơ chế, chế biến - tiêu thụ sản phẩm với 290 HTX NN tham gia; có 770 chuỗi liên kết sản xuất- tiêu thụ sản phẩm với 361 HTX NN tham gia; 367 chuỗi liên kết chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm với 208 HTX tham gia; đã xây dựng thí điểm được 26 mô hình chuỗi liên kết giữa hộ nông dân - hợp tác xã - doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, trong đó có 18 mô hình hợp tác xã liên kết sản xuất và tiêu thụ mía đường và 08 mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa gạo <sup>301</sup>. Năm 2023, tiếp tục thúc đẩy phát triển

<sup>296</sup> Hiệu quả sản xuất trên 01 đơn vị diện tích không ngừng tăng qua các năm, trong đó giá trị 01ha đất trồng trọt năm 2022 đạt 106,4 triệu đồng (tăng 1,2% so với năm 2021). Đã tăng tỷ lệ sử dụng giống lúa chất lượng cao để nâng cao giá trị “Thương hiệu hạt gạo Việt” (năm 2021 đạt 77%, năm 2022 đạt trên 79%). Sản lượng lúa năm 2022 đạt trên 42,66 triệu tấn, năm 2023 dự kiến đạt 42,92 triệu tấn, đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

<sup>298</sup> Chủ yếu sản phẩm tập trung vào các loại như rau, củ, quả các loại; lúa gạo, cà phê, hồ tiêu, điều, chè, thịt gà, thịt bò, thịt lợn, tôm, cá tra, các loại cá biển, các loại trái cây, trứng, nước mắm...

<sup>299</sup> Được xây dựng theo quy định tại Nghị định 98/NĐ-CP ngày 5/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp và diêm nghiệp (sau đây gọi chung là sản phẩm nông nghiệp).

<sup>301</sup> Bên cạnh đó, để đẩy mạnh hình thành và phát triển các vùng sản xuất nguyên liệu sản phẩm nông, lâm nghiệp quy mô hàng hóa tập trung, hiện đại, ứng dụng công nghệ tiên tiến trên cơ sở liên kết bền vững giữa các HTX NN với các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ nông lâm sản, Bộ NN&PTNT đã ban hành Quyết định số 1088/QĐ-BNN-KTHT ngày 25/3/2022 phê duyệt và đang tích cực triển khai thực hiện Đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt

hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản với 2.204 HTX, 517 Tổ hợp tác, 1.091 doanh nghiệp và 186.829 hộ nông dân tham gia. Triển khai sơ kết 05 năm thực hiện Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, các địa phương đã phê duyệt được 2.146 dự án, kế hoạch liên kết theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 của Chính phủ, trong đó, trồng trọt 1.504 dự án, chăn nuôi 489 dự án, lâm nghiệp 61 dự án, thủy sản 92 dự án<sup>302</sup>.

Đẩy mạnh phát triển chuỗi cung ứng thực phẩm NLTS an toàn và chương trình “Nông nghiệp sạch cho người Việt Nam, cho Thế giới”, nhất là cho các đô thị lớn; tổ chức sản xuất theo hướng tập trung bảo đảm ATTP, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; tăng cường sử dụng vật tư nông nghiệp theo hướng hữu cơ. Đến nay, đã xây dựng và phát triển mô hình chuỗi cung ứng NLTS an toàn với 2.510 chuỗi (đuy trì kết quả từ cuối năm 2022), trong đó có sự tham gia của trên 300 công ty, 150 HTX.

Triển khai Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021 - 2025; các HTX NN kiểu mới hiệu quả được nhân rộng; số lượng HTX, trang trại tiếp tục tăng, dần thích nghi với cơ chế thị trường; cả nước có 96 Liên hiệp HTX NN và gần 20.500 HTX nông nghiệp<sup>305</sup>, trong đó khoảng 65% xếp loại khá, tốt và gần 2.500 HTX NN ứng dụng CNC, chuyển đổi số; 4.339 HTX bao tiêu nông sản. Cả nước có 19.660 trang trại<sup>306</sup>, trong đó 1.034 trang trại đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời, 56 trang trại tham gia hoạt động du lịch nông nghiệp, 4.235 trang trại có liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Thúc đẩy phát triển các ngành, nghề gắn với định hướng phát triển kinh tế nông thôn; chuyển đổi cơ cấu sản xuất kinh doanh, phát triển các sản phẩm chủ lực theo 3 trục sản phẩm, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn và Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP). Năm 2023, cả nước đã có 11.000 sản phẩm OCOP được chuẩn hóa theo bộ tiêu chí sản phẩm OCOP (tăng hơn 2.300 sản phẩm so với năm 2022); với 5.610 chủ thể tham gia Chương trình OCOP, trong đó có 37,9% là HTX, 24 % là doanh nghiệp, 35,3% là cơ sở sản xuất/hộ kinh doanh, còn lại là THPT.

Bốn là, KHCCN được ứng dụng rộng rãi hơn, công tác nghiên cứu và chuyển giao KHCCN được coi là then chốt để tạo đột phá cho cơ cấu lại ngành nông nghiệp<sup>307</sup>, trong hai năm 2021, 2022 và 11 tháng năm 2023, ngành nông nghiệp tập trung vào thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng KHCCN trong các khâu của chuỗi giá trị; ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ số, thông tin, viễn thông, viễn thám; nâng cao năng lực

---

chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2022 – 2025; thực hiện trên địa bàn: 75 xã, 50 huyện của 11 tỉnh, có sự tham gia của 250 HTX NN; 185.000 hộ nông dân; 17 doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ nông sản.

<sup>302</sup> Tổng kinh phí của các dự án, kế hoạch liên kết được duyệt là 11.440 tỷ đồng ( bình quân 5,33 tỷ đồng/dự án liên kết).

<sup>305</sup> Doanh thu bình quân của 01 HTX nông nghiệp đạt 2,5 tỷ đồng/năm, lãi bình quân HTX nông nghiệp đạt 400 triệu đồng. Thu nhập bình quân của lao động làm việc thường xuyên HTX nông nghiệp đạt 52 triệu đồng/năm.

<sup>306</sup> Trong đó: 3.308 trang trại trồng trọt, 12.349 trang trại chăn nuôi, 133 trang trại lâm nghiệp, 1.810 trang trại nuôi thủy sản, 2.060 trang trại tổng hợp.

<sup>307</sup> Triển khai thực hiện Chiến lược phát KHCCN và đổi mới sáng tạo ngành nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2021 - 2030; Đề án phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp đến năm 2030; Chương trình thành phần phát triển nông nghiệp ứng dụng CNC thuộc Chương trình quốc gia phát triển CNC đến năm 2030; Đề án phát triển khoa học và ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đặc biệt là công nghệ tiên tiến, công nghệ cao phục vụ cơ cấu lại ngành trong bối cảnh hội nhập quốc tế và BĐKH giai đoạn 2021 – 2030, Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành giai đoạn 2021 – 2030.

hệ thống quản lý nghiên cứu, chọn tạo sản xuất giống cây trồng vật nuôi. Năm 2021, nghiệm thu và công bố, công nhận 54 giống cây trồng, vật nuôi; 80 tiến bộ kỹ thuật mới, quy trình kỹ thuật mới. Cùng với đó, các khu, vùng nông nghiệp đã được đẩy mạnh thực hiện công nhận vùng, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NNUDCNC). Ứng dụng CNC trong nông nghiệp ngày càng được nhân rộng như các hệ thống nhà màng, nhà kính, nhà lưới kết hợp với ứng dụng công nghệ số để điều khiển tự động hoặc bán tự động; ứng dụng BigData, IoT, AI trong quản lý và chăm sóc cây trồng, vật nuôi, công nghệ tưới tiên tiến tiết kiệm nước bán tự động hoặc tự động theo thời gian hoặc theo độ ẩm, nhiệt độ đo được; ứng dụng kỹ thuật canh tác không dùng đất. Đã xuất hiện nhiều mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với sự đầu tư mạnh của các doanh nghiệp, như: TH True Milk (sữa), Dabaco (chăn nuôi), Nafoods (trồng, chế biến trái cây), Masan (giết mổ, chế biến), Nam miền Trung (tôm), Vingroup (rau), Ba Huân (chăn nuôi). Đến nay, đã có 06 khu NNUDCNC được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập<sup>308</sup>; có 690 vùng sản xuất nông nghiệp, trong đó có 499 vùng có ứng dụng CNC; có 290 doanh nghiệp NNUDCNC vào sản xuất (trong đó có 70 doanh nghiệp NNUDCNC); có 1.930 HTX NNUDCNC. Năm 2023, triển khai 231 nhiệm vụ xây dựng TCVN, QCVN; kết quả có 94 TCVN, QCVN đã được thẩm định, cấp số hiệu; lũy kế toàn Ngành có 1.350 TCVN và 205 QCVN (quản lý vật tư nông nghiệp có 448 TCVN và 35 QCVN).

Năm là, việc tổ chức việc tổ chức lại sản xuất gắn với phát triển nông nghiệp xanh, sạch, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu đã được chú trọng<sup>310</sup>. Đến nay, đã có 33 địa phương triển khai hỗ trợ sản xuất hữu cơ trong lĩnh vực trồng trọt, tập trung chủ yếu vào các sản phẩm như lúa gạo, rau củ, cà phê, hồ tiêu, trái cây, điều<sup>311</sup> (lúa gạo có 12 địa phương với gần 2.300 ha; rau củ có 20 địa phương với gần 900 ha; trái cây có 14 địa phương với hơn 14.000 ha; chè có 10 địa phương với gần 8.000 ha; có 05 địa phương đã có triển khai hỗ trợ sản xuất hữu cơ trong lĩnh vực chăn nuôi (chăn nuôi lợn, chăn nuôi bò sữa, chăn nuôi gà). Trong lĩnh vực thủy sản, có 1 địa phương hỗ trợ đối với sản phẩm tôm được chứng nhận hữu cơ và 05 địa phương hỗ trợ phát triển sản phẩm lâm sản hữu cơ cho các mặt hàng quế và hồi. Về phát triển vùng sản xuất và nhân rộng các mô hình thí điểm về sản xuất nông nghiệp hữu cơ: Các địa phương đã bước đầu triển khai quy hoạch vùng sản xuất hữu cơ và hỗ trợ ban đầu cho một số mô hình sản xuất hữu cơ, trong đó chủ yếu là các mô hình trồng trọt (lúa, chè, rau củ, trái cây<sup>312</sup>), chăn nuôi<sup>313</sup>, thủy sản<sup>314</sup> và lâm nghiệp<sup>315</sup>.

308 Hậu Giang; Phú Yên; Bạc Liêu; Thái Nguyên; Quảng Ninh và 01 Khu Lâm nghiệp UDCNC Bắc trung Bộ.

<sup>310</sup> Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ, Bộ NN&PTNT đã ban hành Thông tư số 16/2019/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2019 của Bộ NN&PTNT quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ; tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030 tại Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020; ban hành Kế hoạch hành động của Bộ NN&PTNT triển khai Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030 tại Quyết định số 5317/QĐ-BNN-CBTTNS ngày 28/12/2020 của Bộ NN&PTNT.

<sup>311</sup> Cà phê tại Gia Lai; hạt điều tại Lâm Đồng và Ninh Thuận; hồ tiêu tại Đồng Nai, Gia Lai và Quảng Trị.

<sup>312</sup> Trồng trọt: Có 77 mô hình tại 38 địa phương, trong đó đã có 23 mô hình được chứng nhận, 14 mô hình đang trong quá trình chứng nhận, 40 mô hình theo hướng hữu cơ.

<sup>313</sup> Có 18 mô hình chăn nuôi theo hướng hữu cơ tại 13 địa phương.

<sup>314</sup> Có 07 mô hình tại 07 địa phương, trong đó có 02 mô hình được chứng nhận, 01 mô hình đang xin chứng nhận, 04 mô hình theo hướng hữu cơ.

<sup>315</sup> Có 02 mô hình theo hướng hữu cơ tại 02 địa phương.

*Sáu là*, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được tăng cường. Năm 2021, do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, doanh nghiệp nông lâm nghiệp và thủy sản (NLTS) gặp không ít khó khăn, vì vậy, số doanh nghiệp thành lập mới giảm khoảng 24,3% so với năm 2020, trong khi đó, số doanh nghiệp tạm dừng kinh doanh lại tăng khoảng 24,8%. Tính chung cả năm 2021, số doanh nghiệp đang hoạt động đạt 12.011 doanh nghiệp, tăng thêm 613 doanh nghiệp so với thời điểm 31/12/2020. Tại thời điểm 31/12/2022, thành lập mới 1.959 doanh nghiệp nông nghiệp, nâng tổng số lên 12.094 doanh nghiệp, tăng hơn 0,7% so với cùng kỳ thời điểm năm 2021. Trong 11 tháng năm 2023 thành lập mới 1.621 doanh nghiệp, nâng tổng số doanh nghiệp cả nước lên 146.044 doanh nghiệp, tăng hơn 6% so với cùng kỳ năm 2022. Bên cạnh sự đầu tư, phát triển của các DNNVV, một số tập đoàn, doanh nghiệp lớn tiếp tục gia tăng đầu tư vào nông nghiệp, nhất là nông nghiệp ứng dụng CNC, như: Nafoods, TH true milk, Dabaco Việt Nam, Masan, Lavifood, Công ty TPXK Đồng Giao, Thương mại và Đầu tư Biển Đông.

*Bảy là*, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tiếp tục được thúc đẩy. Mặc dù chịu ảnh hưởng nặng từ dịch bệnh Covid-19, nhưng với việc thực hiện quyết liệt chủ trương, chỉ đạo của Chính phủ trong việc thực hiện “mục tiêu kép<sup>316</sup>”, xây dựng và triển khai các giải pháp thực hiện các phương án xuất, nhập khẩu NLTS năm 2021 và năm 2022 ứng phó với tác động của dịch bệnh Covid-19. Chủ động nghiên cứu, dự báo, tranh thủ cơ hội từ các hiệp định FTAs đã ký để thúc đẩy xuất khẩu nông sản<sup>317</sup>; thúc đẩy lưu thông, thương mại biên giới, nắm bắt tình hình sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản; xây dựng các kênh trao đổi, cung cấp thông tin các thị trường xuất khẩu, tăng cường xúc tiến, quảng bá theo hình thức trực tuyến (online) đối với các sản phẩm đã được mở cửa, xuất khẩu chính ngạch vào các thị trường gắn liền với các hoạt động ngoại giao của Chính phủ vào các thị trường lớn (như Trung Quốc, Hoa Kỳ, EU, Nga, Braxin ). Khai thác hiệu quả các thị trường tiềm năng (như Nhật Bản - Hàn Quốc, Asean, Úc - New Zealand, Trung Đông). Nhờ vậy, mặc dù chịu tác động từ đại dịch Covid-19 và xung đột quân sự Nga- Ukraine nhưng tổng kim ngạch xuất khẩu NLTS vẫn tăng mạnh. Năm 2021, tổng kim ngạch xuất khẩu NLTS đạt 31,5 tỷ USD, năm 2022 đạt trên 34,6 tỷ USD (tăng 11,8% so với năm 2021); trong đó, nhóm sản phẩm nông sản chính đạt trên 20,73 tỷ USD (tăng 6,6%), lâm sản chính đạt 15,59 tỷ USD (tăng 8,2%), thủy sản 10,14 tỷ USD (tăng 27,0%), chăn nuôi đạt 361,4 triệu USD (giảm 8,4%). Đầu vào sản xuất nông nghiệp năm 2022 đạt trên 2,2 tỷ USD (tăng 38,1%). Đến nay, có 08 sản phẩm/nhóm sản phẩm có giá trị xuất khẩu đạt trên 02 tỷ USD (gồm: Cà phê, cao su, gạo, rau quả, điều, tôm, cá tra, sản phẩm gỗ). Về thị trường xuất khẩu nông sản năm 2022. Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, đạt

316 “Không để người dân đã lo lắng về sức khỏe, dịch bệnh lại phải lo về an ninh, an toàn”.

317 Đã bỏ sung 25 cơ sở xuất khẩu vào Hàn Quốc, 13 cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu vào EU, 12 cơ sở bao gói tôm sú, tôm thẻ, cua, tôm hùm sống xuất khẩu vào Trung Quốc, 01 cơ sở vào Hoa Kỳ, 02 cơ sở vào Liên bang Nga; đã cấp 6.997 mã số vùng trồng, 1.613 mã số cơ sở đóng gói được phép xuất khẩu sang các thị trường (Trung Quốc, Hoa Kỳ, Úc, New Zealand, Hàn Quốc, Nhật Bản, EU) bỏ sung sản phẩm xuất khẩu (Dưa hấu sang Trung Quốc; dưa tươi sang Hoa Kỳ,...; Năm 2023 đã bỏ sung 25 cơ sở xuất khẩu vào Hàn Quốc nâng tổng số lên 773 cơ sở; 13 cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu vào EU nâng lên tổng số 565 cơ sở; 12 cơ sở bao gói tôm sú, tôm thẻ, cua, tôm hùm sống xuất khẩu vào Trung Quốc nâng tổng số 552 cơ sở; 01 cơ sở vào Hoa Kỳ nâng tổng số lên 26 cơ sở; 02 cơ sở vào Liên bang Nga nâng tổng số lên 83 cơ sở); đặc biệt một số mặt hàng nông sản lần đầu tiên đã được xuất khẩu chính ngạch sang Hoa Kỳ, Trung Quốc (Sầu riêng, Tô Yến, bưởi Diễn - Lô Sầu riêng đầu tiên của Cần Thơ xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc ngày 17/3/2023; Lô Tô Yến đầu tiên xuất khẩu sang Trung Quốc ngày 24/11/2023; Lô bưởi Diễn đầu tiên xuất khẩu sang Hoa Kỳ ngày 5/12/2023...); chủ động dự báo, tranh thủ cơ hội từ FTAs để thúc đẩy xuất khẩu.

trên 12,3 tỷ USD (chiếm 25% thị phần); đứng thứ 2 là Trung Quốc khoảng với 9,3 tỷ USD (chiếm 18,9% thị phần); thứ 3 là Nhật Bản với 3,9 tỷ USD (chiếm 7,9% thị phần); thứ 4 là Hàn Quốc với 2,3 tỷ USD (chiếm 4,7% thị phần). Trong 6 tháng đầu năm 2023, tổng kim ngạch xuất khẩu NLTS đạt 24,59 tỷ USD (giảm 11,1% so với cùng kỳ năm 2022); có 07 sản phẩm/nhóm sản phẩm có giá trị xuất khẩu đạt trên 01 tỷ USD (gồm: Cà phê, cao su, gạo, rau quả, hạt điều, tôm, sản phẩm gỗ); Trung Quốc, Hoa Kỳ và Nhật Bản tiếp tục là 3 thị trường xuất khẩu lớn nhất của các mặt hàng NLTS của Việt Nam.

Bên cạnh những kết quả tích cực đạt được nêu trên, quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp thời gian qua vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, cụ thể:

- Việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ sản xuất kinh doanh, liên kết sản xuất với tiêu thụ nông sản thực phẩm ở một số địa phương còn chậm, sản lượng và quy mô còn hạn chế. Liên kết theo chuỗi giá trị để thúc đẩy cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao giúp giảm chi phí, nâng cao giá trị gia tăng chưa phổ biến. Kết nối liên vùng rời rạc, kết nối thị trường chưa thông suốt, chi phí logistics cao.

- Nguyên liệu vật tư đầu vào còn phụ thuộc vào nhập khẩu từ nước ngoài. Bên cạnh đó, giá thức ăn chăn nuôi, phân bón tăng cao; khai thác thủy sản gặp khó khăn do giá xăng dầu tăng, dẫn đến chi phí sản xuất cao, trong khi giá sản phẩm nông sản có tăng nhưng thấp hơn đã ảnh hưởng đến thu nhập, sinh kế, đời sống của người sản xuất.

- Hoạt động xúc tiến thương mại, đàm phán mở cửa thị trường của ngành nông nghiệp chưa thực sự đáp ứng yêu cầu. Việc tiêu thụ, lưu thông còn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh. Bên cạnh đó, vấn đề rủi ro thương mại chưa được giải quyết triệt để, như: Thẻ vàng châu Âu về đánh bắt thủy sản trái phép, không báo cáo, không được quản lý (IUU); Hoa Kỳ điều tra Việt Nam nhập khẩu và sử dụng gỗ bất hợp pháp...

- Xây dựng NTM chưa đồng đều, còn nhiều nơi chưa thực chất. Một số địa phương có biểu hiện chạy theo phong trào công nhận sản phẩm OCOP, chưa chú ý đến hiệu quả của Chương trình, nhất là chưa khơi dậy được tiềm năng, lợi thế của khu vực nông thôn.

- ĐMST, phát triển kinh tế số, ứng dụng, chuyển giao KHCN, nhất là công nghệ cao chưa trở thành động lực mới cho đổi mới mô hình tăng trưởng ngành nông nghiệp.

*Những hạn chế nêu trên do nhiều nguyên nhân, trong đó các nguyên nhân chính bao gồm:* Các “nút thắt” cơ bản của ngành nông nghiệp chưa được giải quyết như: cơ chế chính sách tích tụ đất đai; đổi mới lại phương thức sản xuất từ nhỏ lẻ, cá thể sang phương thức sản xuất quy mô lớn hơn; cải thiện kết cấu hạ tầng và nâng cao năng lực phát triển KHCN; tốc độ và năng lực CDS thấp so với các ngành khác.

### ***b) Cơ cấu lại ngành công nghiệp***

Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thực hiện cơ cấu ngành công nghiệp đã được Quốc hội đề ra cho giai đoạn 2021-2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030<sup>319</sup>, trong đó đã cụ thể hoá các nhiệm vụ và phân công cho các bộ, ngành, địa phương để tổ chức triển khai thực hiện cơ cấu lại ngành Công nghiệp. Theo đó, trong giai đoạn 2021-2023, khung khổ chính sách và pháp luật thực hiện cơ cấu lại ngành công nghiệp đã từng bước được

<sup>319</sup> Quyết định số 165/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030

kiện toàn với việc Quốc hội đã ban hành 02 Luật; Chính phủ đã ban hành 09 Nghị định và nhiều Chiến lược, Quy hoạch và đề án phát triển các ngành công nghiệp (dệt may, da giày, năng lượng, điện, xuất nhập khẩu...), qua đó đã tạo thuận lợi cho triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành và đạt được những kết quả tích cực, cụ thể:

*Một là*, sản xuất công nghiệp gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn duy trì và giữ được nhịp độ tăng trưởng tích cực với quy mô sản xuất công nghiệp tiếp tục được mở rộng. Chỉ số sản xuất (IIP) toàn ngành công nghiệp năm 2021 tăng 4,7% so với năm 2020 và năm 2022 tăng 7,4% so với năm 2021<sup>321</sup>. Bước sang năm 2023, do những khó khăn từ suy giảm kinh tế toàn cầu, đặc biệt là từ những tháng đầu năm đã ảnh hưởng đến kết quả sản xuất công nghiệp trong nước nên tính chung 11 tháng, chỉ số IIP ước tính tăng 1% so với cùng kỳ năm trước<sup>322</sup> (cùng kỳ năm 2022 tăng 8,4%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 1,1% (cùng kỳ năm 2022 tăng 8,7%); ngành sản xuất và phân phối điện tăng 3,2%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,9%; ngành khai khoáng giảm 2,8%.

*Hai là*, cơ cấu nội ngành công nghiệp tiếp tục chuyển biến tích cực theo đúng định hướng tái cơ cấu ngành, tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp chế biến chế tạo, giảm dần ngành công nghiệp khai khoáng và từ các ngành thâm dụng lao động sang các ngành công nghiệp công nghệ cao. Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP tăng từ 24,46% năm 2021 lên 24,58% năm 2022 và dự kiến sẽ tiếp tục duy trì ở mức ổn định trong năm 2023, cao hơn so với kết quả của giai đoạn 2016-2020 (23,95%).

*Ba là*, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục đóng vai trò chủ chốt dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế<sup>323</sup>, đóng góp 1,634 điểm % vào mức tăng trưởng GDP cả nước trong năm 2021, năm 2022 đóng góp 2,01 điểm % và dự kiến sẽ tiếp tục duy trì trong năm 2023.

*Bốn là*, công nghiệp hỗ trợ được quan tâm, thúc đẩy tăng cường liên kết, nâng cao sự vững chắc trong chuỗi cung ứng cho những ngành sản xuất chủ lực của Việt Nam như dệt may, da giày, điện tử, cơ khí từng bước hình thành hệ sinh thái công nghiệp hỗ trợ và gia tăng tỷ lệ nội địa hóa; cơ cấu sản phẩm có sự dịch chuyển tích cực khi tỷ trọng sản phẩm công nghệ cao và vừa của Việt Nam đã tăng lên đáng kể, tạo cơ sở hình thành một số tập đoàn công nghiệp tư nhân có quy mô lớn, có khả năng cạnh tranh trên thị

<sup>321</sup> Phát triển công nghiệp ở các địa phương đã nỗ lực vượt qua khó khăn trong đại dịch: Năm 2022, có 61 địa phương có chỉ số IIP tăng, chỉ có 102 địa phương có chỉ số IIP giảm so với năm 2021. Trong đó, tăng cao nhất các tỉnh gồm: Bắc Giang (32,9%), Cần Thơ (29,2%), Vĩnh Long (25%), Kon Tum (22,4%), Điện Biên (22,1%); Khánh Hòa (22%), Sơn La (21,2%).

<sup>322</sup> Địa phương có chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 11 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước tăng cao: Đắk Lắk tăng 33,6%; Bắc Giang tăng 20,5%; Phú Thọ tăng 17,6%; Nam Định tăng 15,5%; Hà Nam tăng 13,6%; Hải Phòng tăng 13,5%. Địa phương có chỉ số sản xuất của ngành sản xuất và phân phối điện tăng cao: Khánh Hòa tăng 134,4%; Trà Vinh tăng 38,1%; Ninh Thuận tăng 14,4%; Nam Định và Phú Thọ cùng tăng 9,2%. Ở chiều ngược lại, một số địa phương có chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 11 tháng năm 2023 giảm so với cùng kỳ năm trước là: Quảng Nam giảm 27,7%; Bắc Ninh giảm 12,3%; Vĩnh Long giảm 10,7%; Sóc Trăng giảm 5,6%; Lào Cai giảm 4,2%. Địa phương có chỉ số của ngành sản xuất và phân phối điện giảm: Sơn La giảm 26,1%; Hà Giang giảm 22,1%; Quảng Nam giảm 21,2%; Điện Biên giảm 17,7%; Lai Châu giảm 15,9%; Hòa Bình giảm 13,6%; Lào Cai giảm 10,9%. Địa phương có ngành khai khoáng giảm: Vĩnh Long giảm 84,4%; Hà Giang giảm 51,8%; Quảng Nam giảm 5,1%

<sup>323</sup> Nhóm ngành công nghiệp chế biến chế tạo phát triển tích cực, các ngành công nghiệp chủ lực (như điện tử, dệt may, da giày, đồ gỗ...) tăng trưởng ở mức khá, là yếu tố chính đóng góp vào phát triển của ngành công nghiệp Việt Nam; tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội, nâng thứ hạng về năng lực cạnh tranh của công nghiệp Việt Nam.

trường quốc tế<sup>324</sup>. Đã có thêm những sản phẩm mới phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu như: sơ mi rơ mooc (Thaco - Trường Hải), máy biến áp 220 kV-250MVA...

Năm là, cơ cấu hàng hóa xuất khẩu tiếp tục cải thiện theo chiều hướng tích cực, giảm hàm lượng xuất khẩu thô, tăng xuất khẩu sản phẩm chế biến, sản phẩm công nghiệp, tạo điều kiện cho hàng hóa Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu. Nhóm hàng công nghiệp chế biến tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu xuất khẩu, chiếm khoảng 88,1% tổng kim ngạch xuất khẩu trong năm 2021 và 87,8% trong năm 2022 và năm 2023 dự kiến đạt 86%. Quy mô các mặt hàng xuất khẩu tiếp tục được mở rộng. Số mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD trở lên tiếp tục tăng, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Trong năm 2021, có 35 mặt hàng đạt KNXXK trên 1 tỷ USD, tăng 1 mặt hàng so với năm 2020 và chiếm 3,8% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 8 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD, tăng 2 mặt hàng so với năm 2020). Năm 2022, có 36 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD và 8 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD. Trong 11 tháng năm 2023, có 33 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 93,1% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 07 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 66%). Trong 11 tháng năm 2023, Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 88 tỷ USD, giảm 15,1% so với cùng kỳ năm 2022. Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của nước ta với kim ngạch ước đạt 56 tỷ USD, tăng 6,2%<sup>325</sup>.

Bên cạnh các kết quả đạt được, việc cơ cấu lại ngành công nghiệp vẫn cho thấy một số tồn tại, hạn chế, cụ thể:

- Sản xuất công nghiệp tiếp tục gặp nhiều khó khăn do các tác động cộng dồn của đại dịch Covid-19 trong các năm 2021 và 2022 và chiến tranh Nga-Ucraina trong năm 2022 và 2023. Các yếu tố này đã làm cho chi phí sản xuất tăng cao do giá nguyên liệu đầu vào tăng, chi phí vận chuyển, logistics tăng và phát sinh thêm chi phí phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt là lạm phát gia tăng ở nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới, khiến cầu thế giới sụt giảm mạnh, đơn hàng xuất khẩu giảm. Chỉ số IIP trong toàn ngành công nghiệp đạt thấp và thấp hơn mục tiêu đặt ra trong kế hoạch<sup>326</sup>.

- Năng lực sản xuất công nghiệp chậm được cải thiện, đặc biệt là trong các ngành công nghiệp nền tảng, then chốt và mũi nhọn chưa đáp ứng được kỳ vọng phát triển<sup>327</sup> còn phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, phụ tùng cho sản xuất các ngành công nghiệp trong nước. Mức độ liên kết và hợp tác kinh doanh giữa các doanh nghiệp trong cùng một ngành và giữa các ngành còn hạn chế; liên kết giữa các doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước còn yếu nên chưa thúc đẩy phát triển kỹ năng quản trị, chuyển giao công nghệ, hình thành các chuỗi cung ứng vật tư, nguyên liệu và cụm liên kết ngành. Chưa có sự tham gia mạnh của các doanh nghiệp

<sup>324</sup> Bộ Công Thương đã và đang phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp FDI đa quốc gia tăng cường tìm kiếm, kết nối các doanh nghiệp sản xuất nguyên vật liệu, linh phụ kiện trong nước đủ khả năng sản xuất thay thế nguồn nhập khẩu trong ngắn hạn cũng như trong dài hạn.

<sup>325</sup> Là điểm sáng trong xuất khẩu của cả nước trong bối cảnh xuất khẩu sang hầu hết các thị trường chủ lực đều giảm. như: thị trường EU giảm 8,1% (ước đạt 36,2 tỷ USD); thị trường ASEAN giảm 6,2%, Hàn Quốc giảm 34%, Nhật Bản giảm 4,3%...

<sup>326</sup> Mục tiêu Kế hoạch của giai đoạn 2021-2025: 9,2-9,5%.

<sup>327</sup> Chỉ số IIP ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,9% năm 2021; 7,7% năm 2022 và giảm 0,6% trong 8 tháng đầu năm 2023, mục tiêu Kế hoạch 2021-2025 là tăng 12,5-13%.

trong nước vào các chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Công nghiệp hỗ trợ còn nhiều hạn chế, chậm đổi mới chính sách, chưa đáp ứng được nhu cầu của các ngành công nghiệp xuất khẩu trong nước dẫn đến tỷ lệ nội địa hóa trong các ngành công nghiệp đạt thấp, giá trị gia tăng tạo ra trong nước chưa đạt như mong muốn.

- Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa công nghiệp tăng mạnh, xuất siêu ấn tượng nhưng vẫn phụ thuộc vào doanh nghiệp FDI (chiếm trên 78%)<sup>328</sup>, doanh nghiệp trong nước chiếm tỷ lệ thấp (dưới 22%).

- Ngành năng lượng gặp nhiều khó khăn do giá năng lượng thế giới diễn biến phức tạp, có nhiều thời điểm tăng rất cao đã ảnh hưởng tới cung cầu và điều tiết thị trường năng lượng trong nước; một vài thời điểm có khan hiếm cục bộ đối với xăng dầu trong nước đã ảnh hưởng tới sản xuất và sinh hoạt của người dân.

- Vốn đầu tư vào khu vực công nghiệp đa số tập trung vào các ngành có thời gian hoàn vốn ngắn như công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và chế biến thực phẩm, số dự án đầu tư vào công nghệ cao chưa nhiều.

*Những hạn chế trên do nhiều nguyên nhân, trong đó các nguyên nhân chính bao gồm:* (1) Nguyên nhân khách quan: Dịch bệnh Covid -19, xung đột giữa Nga - Ukraine gây sức ép tăng giá nguyên vật liệu đầu vào ngành công nghiệp, gây đứt gãy chuỗi cung ứng, suy giảm niềm tin đầu tư và tiêu dùng; Lạm phát tăng cao ở hầu hết các quốc gia, nhất là các thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam đã ảnh hưởng đến tiêu dùng các mặt hàng thiết yếu, gây sụt giảm nhu cầu hàng hoá nhập khẩu từ các nước; một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang các thị trường lớn như: EU, Hoa Kỳ... đang phải đối mặt với các áp lực về điều tra phòng vệ thương mại, gian lận xuất xứ; rào cản kỹ thuật khiến doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu bị động, gặp nhiều bất lợi trong tiếp cận thị trường; việc Trung Quốc nới lỏng chính sách tiền tệ, đồng NDT giảm giá mạnh khiến giá hàng hóa xuất khẩu của Trung Quốc rẻ hơn, tạo sự cạnh tranh lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam cả về giá cả, thị phần ngay trên thị trường Việt Nam nói riêng và thị trường các nước EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đông Á, đặc biệt làm gia tăng nhập siêu của Việt Nam với Trung Quốc; (2) Nguyên nhân chủ quan: Kinh tế trong nước bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid -19, cần thời gian để phục hồi, trong khi nền kinh tế nước ta có độ mở lớn, chịu nhiều ảnh hưởng bởi yếu tố bên ngoài; việc thực thi Chương trình phục hồi kinh tế và triển khai các gói hỗ trợ cho doanh nghiệp chưa kịp thời, ảnh hưởng đến khả năng phục hồi của khu vực doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất; năng lực nội tại của ngành, sức chống chịu, khả năng thích ứng của nền kinh tế còn hạn chế và đang trong quá trình phát triển và chuyển đổi với những tồn tại kéo dài từ trước chưa thể khắc phục triệt để.

### ***c) Cơ cấu lại các ngành dịch vụ***

Triển khai thực hiện Nghị quyết 31/2021/QH15 của Quốc hội, Nghị quyết số 54/NQ-CP của Chính phủ giao 13 nhiệm vụ cụ thể thực hiện cơ cấu lại ngành dịch vụ cho các bộ, ngành và địa phương tập trung thực hiện trong giai đoạn 2021-2025. Bên cạnh đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 531/QĐ-TTg ngày 1/4/2021

<sup>328</sup> Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa công nghiệp doanh nghiệp FDI năm 2021 đạt 242,50 USD (chiếm 77,9% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa công nghiệp cả nước; năm 2022 đạt 270,33 tỷ USD (78,6%);



phê duyệt Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 qua đó tạo tiền đề thuận lợi cho quá trình cơ cấu lại ngành dịch vụ.

Việc tập trung triển khai thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thúc đẩy cơ cấu lại các ngành dịch vụ theo các văn bản trên đã mang lại một số kết quả tích cực như sau:

*Một là*, cơ cấu lại ngành dịch vụ tiếp tục được thúc đẩy theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, đầu tư cơ sở vật chất và phát triển đa dạng các sản phẩm. Một số ngành dịch vụ được hiện đại hóa, hình thành các sản phẩm dịch vụ hiện đại, chất lượng cao như dịch vụ y tế<sup>329</sup>, bảo hiểm<sup>330</sup>. Một số ngành có tiềm năng, lợi thế, có hàm lượng khoa học, công nghệ cao như công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông, hàng không, tài chính, ngân hàng được tập trung phát triển. Ứng dụng rộng rãi các hình thức dịch vụ hiện đại, như thương mại và thanh toán điện tử; ngân hàng điện tử, giáo dục đào tạo trực tuyến; các loại hình vận tải mới<sup>331</sup> đã góp phần giúp ngành dịch vụ thích ứng tốt hơn và phù hợp hơn với bối cảnh phát triển mới của thế giới, đặc biệt là đại dịch Covid-19. Tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ tăng từ 1,75% năm 2021 lên gần 10,11% năm 2022. Tỷ trọng của khu vực dịch vụ trong GDP tăng từ 41,26% năm 2021 lên 41,32% năm 2022. Trong đó, một số ngành dịch vụ thị trường tăng cao như ngành bán buôn, bán lẻ tăng 10,31%, đóng góp 0,99 điểm % GDP; ngành vận tải kho bãi tăng 12,28%, đóng góp 0,671 điểm %; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống có mức tăng cao nhất trong các ngành dịch vụ với mức tăng 40,88%, đóng góp 0,79 điểm %; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 9,59%, đóng góp 0,57 điểm %. Riêng ngành y tế và hoạt động trợ giúp xã hội giảm 7,6%, tương ứng giảm 0,13 điểm %, do dịch Covid-19 đã được kiểm soát nên chỉ cho phòng chống dịch bệnh giảm so với năm 2021.

*Hai là*, thị trường nội địa phục hồi mạnh mẽ, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2022 ước đạt 5.363,3 nghìn tỷ đồng, tăng 21,7%<sup>332</sup> so với năm 2021. Trong 11 tháng đầu năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 5.667 nghìn tỷ đồng, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 tăng 20,2%). Việt Nam đã trở thành một trong những thị trường bán lẻ hấp dẫn nhất toàn cầu<sup>333</sup>; thương mại nội địa luôn giữ vững được đà tăng trưởng ở mức cao (luôn cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP từ 1,5 đến 2 lần); hệ thống hạ tầng thương mại có sự biến chuyển phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội, từng bước tạo kênh phân phối theo hướng văn minh hiện đại, áp dụng các tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm, truy xuất nguồn

<sup>329</sup> Tính trung bình, việc thống nhất quy trình khám bệnh, cải cách thủ tục hành chính, sắp xếp liên hoàn... đã rút ngắn thời gian khám bệnh được 48,5 phút. Vấn đề an toàn người bệnh cũng được các bệnh viện ưu tiên. Các bệnh viện đang cải tiến chất lượng theo Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện. Đến nay, bộ mặt các bệnh viện thay đổi theo hướng tích cực; người bệnh được chăm sóc tốt hơn, hài lòng hơn; chất lượng nguồn nhân lực và điều kiện làm việc, đời sống vật chất, tinh thần làm việc của nhân viên y tế từng bước được nâng lên.

<sup>330</sup> Các sản phẩm bảo hiểm được đa dạng hóa với gần 1.200 sản phẩm bảo hiểm, chất lượng sản phẩm được cải thiện, nhiều loại hình sản phẩm mới, bảo hiểm vi mục tiêu an sinh xã hội được triển khai như: Bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm vi mô, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm bảo lãnh, bảo hiểm hưu trí...

<sup>331</sup> Như thí điểm taxi công nghệ (Grab, Fastgo,...).

<sup>332</sup> Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2022 tăng 9,6% so với năm 2019 - năm trước khi xảy ra dịch Covid-19. Mặc dù vậy, quy mô tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2022 chỉ đạt khoảng 80% quy mô của chỉ tiêu này nếu ước tính trong điều kiện bình thường không xảy ra dịch Covid-19 từ năm 2020 đến nay.

<sup>333</sup> Đứng vị trí thứ 6 trong nhóm 30 quốc gia có tiềm năng và mức độ hấp dẫn đầu tư trong lĩnh vực bán lẻ toàn cầu theo chỉ số phát triển bán lẻ toàn cầu (GRDI) của Công ty tư vấn A.T Kearney.

gốc, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường.

*Ba là*, hệ thống hạ tầng dịch vụ logistics của Việt Nam tiếp tục được đẩy mạnh xây dựng, nhất là trong lĩnh vực hàng không<sup>334</sup>, hàng hải<sup>335</sup> và có những bước phát triển cả về chất lượng và quy mô<sup>336</sup>, đảm bảo đáp ứng nhu cầu vận tải phục vụ mục đích phát triển kinh tế - xã hội của đất nước<sup>337</sup>.

*Bốn là*, hoạt động dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách theo hướng hiện đại, đa phương thức và dịch vụ logistics có mức tăng trưởng tích cực. Các doanh nghiệp đi vào hoạt động ổn định, xuất nhập khẩu tiếp tục khởi sắc nên nhu cầu vận tải hàng hóa trong và ngoài nước năm 2021 và năm 2022 tăng cao so với các năm trước. Vận tải hành khách trong năm 2022 đạt 4.025 triệu lượt khách vận chuyển<sup>338</sup>, tăng 59,7% so với năm 2021 (năm 2021 giảm 27,3%); trong 11 tháng đầu năm 2023 đạt 42.203,5 triệu lượt khách, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước. Luân chuyển hành khách trong năm 2022 đạt 183,6 tỷ lượt khách.km, tăng 95,7% so với năm 2021 (năm 2021 giảm 37,9%); trong 11 tháng đầu năm 2023 đạt 222,5 tỷ khách.km, tăng 23,9% so với cùng kỳ năm trước. Vận tải hàng hóa trong năm 2022 đạt 1.974,1 triệu tấn, tăng 21,7% so với năm 2021 (năm 2021 tương đương với năm trước) trong 11 tháng đầu năm 2023 đạt 2.062,3 triệu tấn tăng 12,9% so với cùng kỳ năm trước. Luân chuyển hàng hoá trong năm 2022 đạt 223,4 tỷ tấn.km, tăng 18,6% so với năm 2021 (năm 2021 giảm 34,2%); trong 11 tháng đầu năm 2023 đạt 442,4 tỷ tấn.km tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước.

*Năm là*, dịch vụ du lịch đang phục hồi mạnh mẽ. Phát triển du lịch được tập trung theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, tập trung đầu tư cơ sở vật chất và phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ. Bên cạnh đó, Việt Nam mở cửa hoàn toàn để đón khách quốc tế, gỡ bỏ các rào cản về kiểm soát y tế đối với khách nhập cảnh, dịch vụ du lịch đã phục hồi mạnh mẽ và đạt tăng trưởng tích cực. Năm 2022, khách quốc tế đạt 3.661,2 nghìn lượt khách, gấp 23,3 lần năm 2021. Tính chung 11 tháng năm 2023, khách du lịch quốc tế đạt trên 11,2 triệu lượt người, vượt mục tiêu cả năm (8 triệu lượt khách). Năm 2023 phấn đấu đón khoảng 11 triệu lượt khách du lịch quốc tế, gấp 3 lần năm 2022; phục vụ 105 triệu lượt khách du lịch nội địa (trong đó khoảng 69 triệu lượt khách có lưu trú); tổng thu từ khách du lịch khoảng ước đạt 670 nghìn tỷ đồng. Khách châu Á chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu khách quốc tế đến Việt Nam trong năm 2022, tiếp đến là khách đến từ thị trường châu Âu và châu Mỹ. Song hành cùng sự phục hồi của dịch vụ

<sup>334</sup> Cơ sở hạ tầng phục vụ khai thác hàng hóa (nhà ga hàng hóa) hiện nay chỉ có Cảng hàng không quốc tế Nội Bài và Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất; các Cảng hàng không còn lại đã và đang triển khai đầu tư hoàn thiện khu xử lý hàng hóa riêng, tách biệt với dây chuyền vận tải hành khách nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc đóng, dỡ hàng. Trong thời gian tới cần tập trung đầu tư hoàn thiện, phát triển trung tâm logistics chuyên dụng hàng không tại các cảng có nhu cầu hàng hóa lớn cũng như có tiềm năng tăng trưởng trong thời gian tới như Cảng hàng không quốc tế Long Thành, Đà Nẵng, Cam Ranh, Chu Lai, Cần Thơ, Cát Bi, Liên Khương, Phú Quốc.

<sup>335</sup> Cùng với định hướng đầu tư nâng cấp mở rộng các cảng biển, các trung tâm logistics gắn với cảng biển cũng đã được quan tâm đầu tư như: trung tâm logistics tại Khu kinh tế Vũng Áng, trung tâm logistics cảng Liên Chiểu, trung tâm logistics Cần Thơ gắn với cảng biển Cái Cui, trung tâm Logistics Cái Mép Hạ và hệ thống cảng cạn/kho bãi/ICD phục vụ cho khu cảng Cái Mép - Thị Vải, trung tâm logistics Cát Lái, trung tâm logistics tại khu dịch vụ hậu cần cảng Phước An,... Việc đầu tư, hình thành các trung tâm logistics đã rút ngắn thời gian vận chuyển hàng hóa, hạ giá thành sản phẩm,.. góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Tổng lượng hàng hóa thông qua cảng biển Việt Nam năm 2022 đạt mức kỷ lục 733 triệu tấn, tăng trưởng 4%, góp phần đảm bảo hàng hóa lưu thông trên thị trường trong nước và hoạt động xuất nhập khẩu.

<sup>336</sup> Hiện có 08 trung tâm logistics, 11 cảng cạn và 16 điểm thông quan hàng hóa (ICD).

<sup>337</sup> Theo báo cáo của World Bank 2023, Việt Nam hiện có chỉ số LPI đứng trong nhóm 25 nước hoạt động ổn định, đứng vị trí thứ 43 trên thế giới (điểm LPI tăng lên mức 3,3 điểm so với mức 3,27 điểm năm 2018).

<sup>338</sup> Riêng vận chuyển trong năm 2022 tăng 59,7% so với năm 2021 (năm 2021 giảm 27,3% so với năm 2020).

du lịch, các hoạt động dịch vụ lưu trú và ăn uống cũng ghi nhận mức tăng ấn tượng trong giai đoạn 2021-2023. Các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội đã trở lại bình thường, nhu cầu vui chơi, du lịch, giải trí của người dân tăng cao, đặc biệt vào các dịp lễ hội, nghỉ hè. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống năm 2022 đạt 578,7 nghìn tỷ đồng, tăng 52,5% so với năm 2021<sup>339</sup>. Trong 11 tháng năm 2023, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 616 nghìn tỷ đồng, tăng 15,3% so với cùng kỳ năm 2022.

*Sáu là*, chuyển đổi số quốc gia đã được đẩy mạnh thực hiện. Thúc đẩy các ứng dụng số, nền tảng số trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội<sup>340</sup>, góp phần nâng cao tỷ trọng đóng góp của kinh tế số trong tăng trưởng kinh tế<sup>341</sup> và trong đảm bảo việc làm và an sinh xã hội. Phát triển thương mại điện tử trở thành hình thức thương mại chủ đạo<sup>342</sup>. Khung khổ pháp lý và chính sách trong hoạt động thanh toán tiếp tục được hoàn thiện, đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt<sup>343</sup>.

*Bảy là*, hoạt động thương mại điện tử tiếp tục phát triển, trở thành kênh phân phối quan trọng<sup>344</sup>. Công tác xã hội hóa để phát triển các dịch vụ văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, dịch vụ việc làm,... theo cơ chế thị trường, đáp ứng nhu cầu trong nước và từng bước hội nhập quốc tế được quan tâm.

Bên cạnh các kết quả đạt được, cơ cấu lại ngành dịch vụ trong giai đoạn vừa qua vẫn cho thấy những tồn tại, hạn chế:

- Chuyển dịch cơ cấu ngành dịch vụ vẫn còn chậm, chưa tương xứng với tiềm năng, xuất khẩu dịch vụ còn hạn chế, chưa khắc phục thâm hụt cán cân xuất nhập khẩu dịch vụ. Cơ cấu ngành dịch vụ còn chưa hợp lý, các ngành sử dụng tri thức, KH-CN còn phát triển chậm, chiếm tỷ lệ nhỏ trong GDP so với các quốc gia trong khu vực. Hệ thống phân phối còn bất cập, chưa thông suốt hiệu quả từ khâu sản xuất tới tiêu thụ. Du lịch phục hồi nhưng chưa nhanh đối với khách quốc tế.

- Cơ cấu của ngành dịch vụ còn thiên về các ngành dịch vụ truyền thống và tiêu dùng cuối cùng; các ngành dịch vụ mang tính chất “động lực” hay ‘xương sống’ của

<sup>339</sup> Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống năm 2022 so với năm 2021 của một số địa phương: Bà Rịa - Vũng Tàu tăng 155,6%; Khánh Hòa tăng 151,1%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 121,6%; Cần Thơ tăng 121,3%; Lâm Đồng tăng 118,4%; Đà Nẵng tăng 83,5%; Hà Nội tăng 80,4%; Quảng Ninh tăng 57,8%. Một số địa phương có doanh thu du lịch lữ hành năm 2022 tăng cao so với năm 2021: Cần Thơ gấp 10,3 lần; Bình Định gấp 9,3 lần; Khánh Hòa gấp 8,2 lần; Thừa Thiên - Huế gấp 8 lần; Đà Nẵng gấp 6,7 lần; Hà Nội gấp 4,1 lần; Hải Phòng gấp 3,8 lần; Thành phố Hồ Chí Minh gấp 1,9 lần.

<sup>340</sup> Phổ cập kỹ năng số, văn hóa số toàn dân, xây dựng và đưa vào vận hành Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOC). Đến nay, 63/63 tỉnh, thành phố đã triển khai 68.933 Tổ Công nghệ số cộng đồng (CNSCĐ) đến tận thôn, xóm với hơn 320.000 thành viên tham gia. Bộ TT&TT phối hợp với UBND các tỉnh, thành phố, các doanh nghiệp công nghệ số và Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tổ chức phổ biến, tập huấn trực tiếp và trực tuyến cho 255.545 thành viên Tổ CNSCĐ tại 58/63 địa phương; Về bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, đã có 4.839 lượt công chức, viên chức là đội ngũ nòng cốt về CĐS của bộ, ngành, địa phương và 28.989 Lãnh đạo UBND cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng về CĐS trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà của Bộ Thông tin và Truyền thông. Hết năm 2022, có 27.768 cán bộ, công chức, viên chức đã hoàn thành các khóa học.

<sup>341</sup> Đến hết quý I/2023, Kinh tế số tăng trưởng 13,6%, tỷ trọng đóng góp trong GDP là 14,26%. Tỷ trọng kinh tế số trong lĩnh vực thông tin và truyền thông đạt khoảng 8,47% (Báo cáo số 2535/BTTTT-KHTC ngày 30/6/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông).

<sup>342</sup> Hiện Việt Nam đã có trên 64.000 DN hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số (công nghiệp phần cứng, điện tử; công nghiệp phần mềm; công nghiệp nội dung số; dịch vụ CNTT).

<sup>343</sup> Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án phát triển TTKDTM giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 09/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile-Money)...

<sup>344</sup> Doanh thu thương mại điện tử giữa doanh nghiệp và người tiêu dùng (B2C) 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 10,3 tỷ USD, tăng khoảng 25% so với cùng kỳ, chiếm 8% doanh thu hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng.

nền kinh tế như tài chính-tín dụng, KHCN, giáo dục-đào tạo, thông tin truyền thông đã có sự phát triển khá mạnh thời gian qua song vẫn còn chiếm tỷ trọng nhỏ. Chi phí logistics vẫn chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng doanh thu của doanh nghiệp<sup>345</sup>. Doanh nghiệp dịch vụ có quy mô còn nhỏ, chuyên môn hóa thấp và hoạt động trong một môi trường cạnh tranh chưa cao; năng lực cung ứng dịch vụ, năng lực cạnh tranh và kết nối giữa Việt Nam với khu vực và thế giới còn nhiều hạn chế. Hệ thống phân phối còn bất cập, chưa kết nối hiệu quả, thông suốt từ khâu sản xuất đến tiêu thụ.

*Những hạn chế trên do nhiều nguyên nhân, trong đó các nguyên nhân chính bao gồm: sự phát triển không đồng đều giữa các ngành nghề, lĩnh vực dịch vụ trên địa bàn một số địa phương do khác nhau về hạ tầng cơ sở, điều kiện tự nhiên và xã hội; việc tích hợp nội dung phát triển khu vực dịch vụ vào quy hoạch tỉnh có nơi còn chậm và lúng túng do việc tiếp cận tổng hợp và cơ chế phối hợp giữa các ngành, lĩnh vực còn chưa đồng bộ và có cách hiểu khác nhau; chưa xây dựng cơ sở phòng vệ thương mại hiệu quả; dịch vụ có giá trị gia tăng cao chưa phát triển; sàn giao dịch chuỗi khối chưa hoạt động; chưa tận dụng được hết các cơ hội từ xu hướng dịch chuyển dòng vốn đầu tư, phần nhiều là các dự án đầu tư quy mô nhỏ, nằm ở khâu hạ nguồn của chuỗi giá trị, gia công, lắp ráp, mức độ chế biến sâu còn thấp; lợi thế cạnh tranh về ưu đãi thuế của Việt Nam giảm dần do tác động của chính sách thuế tối thiểu toàn cầu.*

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

#### 3.1. Kết quả đạt được

*- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, đẩy mạnh theo hướng số hóa, xanh hóa, đa dạng hóa, tăng cường sức chống chịu, nâng cấp chuỗi giá trị dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tỷ trọng đóng góp của các ngành công nghiệp và dịch vụ trong GDP tiếp tục gia tăng. Ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trở nên phổ biến trong các ngành, lĩnh vực, địa phương, gia tăng đóng góp vào tăng trưởng kinh tế<sup>346</sup>. Các mô hình kinh tế mới như kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh được đẩy mạnh. Nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp xanh, sạch, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ ngày càng phát triển. Cơ cấu ngành công nghiệp tiếp tục chuyển biến tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp chế biến chế tạo, giảm dần ngành công nghiệp khai khoáng, chuyển dần từ các ngành thâm dụng lao động sang các ngành công nghiệp công nghệ cao. Một số ngành dịch vụ được hiện đại hóa như thương mại và thanh toán điện tử, ngân hàng điện tử, giáo dục đào tạo trực tuyến, v.v., hình thành các sản phẩm dịch vụ hiện đại, chất lượng cao.*

*- Cơ cấu lại một số lĩnh vực trọng tâm đã đạt được một số kết quả nhất định, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì được đà tăng trưởng. Việc đẩy mạnh xử lý nợ xấu, cơ cấu lại hệ thống TCTD, cơ cấu lại NSNN và đầu tư công đã tạo dư địa để áp dụng linh hoạt các chính sách tài khóa và tiền tệ, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh lạm phát của các nước tăng cao, cầu quốc tế giảm mạnh, được quốc tế đánh giá*

<sup>345</sup> Theo Báo cáo logistic Việt Nam 2022 của Bộ Công Thương (2022): Kết quả khảo sát cho thấy có khoảng 73% doanh nghiệp có tỷ lệ chi phí logistics trên doanh thu dưới 10%; 58% doanh nghiệp có chi phí vận tải trên 10%, trong đó 39% doanh nghiệp có chi phí này chiếm hơn 30% doanh thu.

<sup>346</sup> Theo kết quả tính sơ bộ của Bộ Thông tin và Truyền thông, tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP năm 2022 là 14,26%, năm 2023 là 15,2%.

cao<sup>347</sup>. Những cải cách thể chế đầu tư công đã gia tăng tốc độ giải ngân, kịp thời bù đắp cho nguồn vốn khu vực tư nhân và đầu tư nước ngoài bị chững lại, góp phần phục hồi tăng trưởng<sup>348</sup>.

- *Không gian kinh tế được mở rộng, tạo các động lực tăng trưởng mới, bền vững hơn.* Hệ thống các quy hoạch được xây dựng, mở ra không gian phát triển mới. Hạ tầng đô thị, hạ tầng số<sup>349</sup>, kết nối giao thông nội vùng, liên vùng, kết nối đô thị - nông thôn đạt được những kết quả vượt trội<sup>350</sup>. Cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết vùng, các cơ chế đặc thù đối với một số thành phố, địa phương được thực hiện, thúc đẩy dịch chuyển các nguồn lực, khai thác hiệu quả hơn lợi thế của các vùng, các địa phương. Hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, trung tâm khởi nghiệp sáng tạo (Hà Nội, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh) được đẩy nhanh tiến độ xây dựng.

- *Môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện, tạo điều kiện, hỗ trợ phát triển lực lượng doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh.* Các giải pháp tháo gỡ vướng mắc, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh được thực hiện, cải thiện vị trí của nền kinh tế trong một số bảng xếp hạng quốc tế<sup>351</sup>. Các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, v.v. được tích cực triển khai thực hiện. Đã hình thành một số tập đoàn công nghiệp tư nhân có quy mô lớn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế<sup>352</sup>. Ban hành và thực thi chính sách thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư cho nghiên cứu và triển khai, kết nối với các doanh nghiệp trong nước.

- *Các loại thị trường tiếp tục được phát triển theo hướng bền vững hơn, đảm bảo huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực.* Nhiều văn bản pháp luật, chính sách, giải pháp điều hành, tháo gỡ khó khăn vướng mắc đã được ban hành nhằm thúc đẩy sự phát triển đồng bộ của các loại hình thị trường, phù hợp với bối cảnh, nhất là thị trường lao động, thị trường tài chính, thị trường bất động sản, thị trường KHCN. Công nghệ số được thúc đẩy ứng dụng trong phát triển thị trường, hình thành các sàn giao dịch tập trung, đảm bảo thị trường hoạt động minh bạch, an toàn, lành mạnh.

### 3.2. Một số tồn tại, hạn chế

- *Cơ cấu kinh tế và mô hình tăng trưởng chưa có nhiều thay đổi đáng kể.* Tốc độ tăng năng suất, chất lượng còn thấp, chưa đạt như kỳ vọng, khả năng chống chịu của nền kinh tế còn bộc lộ nhiều hạn chế. Tốc độ tăng năng suất lao động năm 2021, 2022 lần lượt là 4,57% và 4,85% và năm 2023 ước tăng khoảng 4% thấp hơn so với mục tiêu đặt

<sup>347</sup> Năm 2022, xếp hạng tín nhiệm quốc gia của Moody's, S&P và Fitch Ratings. Fitch Ratings khẳng định mức xếp hạng của Việt Nam ở mức BB; triển vọng tích cực. Moody's nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia dài hạn của Việt Nam từ mức Ba3 lên mức Ba2, triển vọng ổn định. S&P Global Ratings nâng bậc xếp hạng của Việt Nam lên BB+, triển vọng ổn định. Tháng 11 năm 2023, Fitch Ratings nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia Việt Nam lên mức BB+ và triển vọng ổn định.

<sup>348</sup> Tốc độ tăng vốn đầu tư từ NSNN năm 2022-2023 tăng hơn 15%/năm trong khi tốc độ tăng vốn đầu tư của khu vực tư nhân tương ứng là 8,9% và 5%.

<sup>349</sup> Năm 2022 đã phủ sóng thông tin di động băng rộng được 99,73% số thôn, bản trên toàn quốc. Trong đó vùng phủ 3G, 4G phục vụ trên 98% dân số. Các vùng lõm viễn thông tiếp tục được rà soát, hỗ trợ phủ sóng.

<sup>350</sup> Từ đầu nhiệm kỳ cho đến nay đã hoàn thành 659 km, gấp hơn 50% khối lượng đã triển khai trong gần 20 năm trước đây.

<sup>351</sup> Chỉ số Tự do kinh tế do tổ chức Heritage Foundation đánh giá tăng 6 bậc, từ vị trí thứ 90 năm 2021 lên vị trí thứ 84 năm 2022. Chỉ số thành phần Tự do kinh doanh tăng điểm mạnh với mức tăng 8,4 điểm (từ 65,2 lên 73,6 điểm). Chỉ số thành phần về thể chế trong chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) có mức độ cải thiện mạnh, từ vị trí thứ 83 năm 2021 lên vị trí thứ 51 năm 2022.

<sup>352</sup> Một số tập đoàn như Vingroup, Vinamilk, TH,...

ra là 5,5%. Tỷ trọng công nghiệp chế biến chế tạo trong GDP tăng chậm, năm 2021 là 24,46%, năm 2022 là 24,58%. Nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, phụ thuộc nhiều vào xuất nhập khẩu, dễ bị tổn thương và khó phục hồi trước những biến động của kinh tế thế giới.

- *Phát triển lực lượng doanh nghiệp có dấu hiệu chững lại<sup>353</sup>, thậm chí suy giảm<sup>354</sup>.* Khu vực doanh nghiệp tư nhân trong nước còn yếu và thiếu cả về số lượng và chất lượng nhưng tốc độ tăng trưởng chậm lại; thiếu vắng các doanh nghiệp có quy mô lớn, quy mô doanh nghiệp còn quá nhỏ bé so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Năng lực KHCN còn hạn chế, chưa theo kịp tiến trình đổi mới của xu thế kinh tế số hiện nay. Doanh nghiệp tư nhân trong nước tuy đã từng bước tham gia vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu nhưng chủ yếu vẫn ở những giai đoạn tạo ra giá trị gia tăng thấp trong chuỗi giá trị. Mức độ liên kết, hợp tác giữa các doanh nghiệp còn hạn chế, liên kết giữa doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước còn yếu, chưa có nhiều cải thiện.

- *Các ngành kinh tế chưa chuyển dịch mạnh về tăng năng suất, nhất là khu vực công nghiệp và dịch vụ<sup>355</sup>.* Năng lực tự chủ và khả năng chống chịu của nền kinh tế còn nhiều hạn chế. Công nghiệp chế biến, chế tạo mặc dù là động lực tăng trưởng của toàn ngành nhưng năng lực sản xuất công nghiệp của một số ngành công nghiệp nền tảng chậm được cải thiện, chưa đáp ứng được kỳ vọng phát triển<sup>356</sup>; còn phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu các yếu tố đầu vào cho sản xuất. Công nghiệp hỗ trợ phát triển chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu của các ngành công nghiệp xuất khẩu trong nước dẫn đến tỷ lệ nội địa hóa trong các ngành công nghiệp đạt thấp, giá trị gia tăng tạo ra trong nước chưa đạt như mong muốn. Chuyển dịch cơ cấu ngành dịch vụ vẫn còn chậm, chưa tương xứng với tiềm năng, xuất khẩu dịch vụ còn hạn chế, các ngành sử dụng tri thức, khoa học công nghệ còn phát triển chậm, chiếm tỷ lệ nhỏ trong GDP so với các quốc gia trong khu vực. Du lịch phục hồi nhưng chưa nhanh đối với phân khúc thị trường khách quốc tế.

- *Cơ cấu lại DNNN và ĐVSNCL còn chậm, chưa đáp ứng kỳ vọng.* Tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp chậm; số lượng doanh nghiệp dự kiến cổ phần hóa, thoái vốn không nhiều, thu cổ phần hóa, thoái vốn đạt rất thấp. Vẫn còn tồn tại các khó khăn trong xác định giá trị doanh nghiệp, đặc biệt liên quan đến đất đai, làm thất thoát vốn và tài sản của nhà nước khi cổ phần hóa, thoái vốn. Quản lý vốn tại các doanh nghiệp có phần vốn nhà nước không chi phối khó khăn, đặc biệt là tại các doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ, thuộc diện giám sát tài chính hoặc có cổ đông lớn thiếu hợp tác. Công tác đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán sau cổ phần hóa chưa đáp ứng được yêu cầu công khai, minh bạch. Cơ cấu lại các ĐVSNCL vẫn còn hạn chế, kết quả đạt được mới chỉ là bước đầu, chưa bảo đảm tinh gọn, hiệu quả hoạt động chưa cao; cơ chế, chính sách tự chủ của ĐVSNCL còn nhiều bất cập, chưa đầy đủ, chưa phù hợp; thực hiện tự chủ đối với ĐVSNCL còn hạn chế. Các quy định, cơ sở pháp lý trong việc sắp xếp, tổ chức lại và thực hiện cơ chế tự chủ đối với các ĐVSNCL thuộc các bộ, ngành chậm được ban hành. Chậm chuyển đổi phương thức

<sup>353</sup> Số doanh nghiệp thành lập mới giảm mạnh so với giai đoạn trước, số doanh nghiệp rút khỏi thị trường tăng mạnh; tốc độ tăng đầu tư tư nhân và ĐTNN giảm chỉ còn bằng 1/3 so với bình quân trước đại dịch.

<sup>354</sup> Tỷ lệ doanh nghiệp báo lãi giảm mạnh, số doanh nghiệp báo lỗ tăng mạnh.

<sup>355</sup> Tốc độ tăng NSLĐ của 3 khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp-xây dựng và dịch vụ các năm 2021, 2022 lần lượt là 2,5%, 5,8%; 5,23%, 3,47%; 5,04%, 3,41%.

<sup>356</sup> Chỉ số IIP ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,9% năm 2021; 7,7% năm 2022 và trong 11 tháng năm 2023 tăng 1,1% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mục tiêu Kế hoạch 2021-2025 là tăng 12,5-13%.

cấp phát, phân bổ, bố trí ngân sách.

- *Cơ cấu lại một số lĩnh vực trọng tâm còn gặp nhiều khó khăn, thách thức.* Thể chế và chính sách liên quan trực tiếp đến việc triển khai dự án đầu tư công còn bất cập, một số quy định pháp luật còn chưa đồng bộ, thống nhất, khả thi, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch tại một số nơi còn lúng túng, bị động, hiệu quả chưa cao. Kết quả đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt đầu tư tư còn hạn chế. Thu NSNN chưa bền vững, chủ yếu vượt thu tiền sử dụng đất, thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu. Tình trạng gian lận, trốn thuế, quản lý thu thuế đối với các hoạt động kinh doanh trên nền tảng số, thương mại điện tử, kinh doanh xuyên biên giới vẫn còn diễn biến phức tạp. Công tác triển khai phân bổ dự toán chi NSNN chậm, nhất là các nhiệm vụ chi thuộc Chương trình phục hồi, chương trình mục tiêu quốc gia, giao chi tiết các nguồn vốn thuộc kế hoạch năm của một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Cơ cấu lại các TCTD vẫn gặp nhiều khó khăn, thách thức về hành lang pháp lý, cơ chế hỗ trợ đối với TCTD tham gia xử lý/nhận chuyển giao bất buộc các TCTD yếu kém. Nợ xấu vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Quy mô, mức độ an toàn vốn, năng lực tài chính và cạnh tranh của hệ thống các TCTD còn hạn chế so với các nước trong khu vực.

- *Các loại thị trường hoạt động còn chưa hiệu quả, chưa đảm bảo điều kiện phát triển bền vững.* Thị trường lao động còn hạn chế, vấn đề thiếu hụt lao động cục bộ tại một số địa bàn, lĩnh vực, chất lượng nguồn nhân lực vẫn chưa đáp ứng yêu cầu. Thị trường KHCN phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, đặc biệt trong bối cảnh CMCN 4.0, CDS và ứng dụng KHCN diễn ra mạnh mẽ. Thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, phát triển chậm lại. Thị trường quyền sử dụng đất nông nghiệp trầm lắng, và tồn tại nhiều giao dịch phi chính thức không được quản lý; thị trường bất động sản gặp nhiều khó khăn, nhiều dự án bất động sản khó triển khai, phát hành trái phiếu và huy động vốn; cơ cấu sản phẩm không hợp lý, dư thừa sản phẩm, phân khúc cao cấp trong khi thiếu nhà ở cho công nhân, nhà ở xã hội.

### 3.3. Nguyên nhân

#### a) Nguyên nhân của những kết quả

Có được các kết quả trên là do sự quan tâm chỉ đạo của Lãnh đạo các cơ quan Đảng, Quốc hội, sự quyết liệt trong triển khai thực hiện của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương trên cơ sở bám sát chủ trương, đường lối và các mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm trong Nghị quyết. Bên cạnh việc ban hành các chương trình hành động có xác định mục tiêu cụ thể, phân công nhiệm vụ rõ ràng, căn cứ vào tình hình thực tiễn, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều nghị quyết, thành lập các tổ công tác, giải quyết, xử lý dứt điểm các vấn đề đặt ra, đồng thời giao bổ sung nhiều nhiệm vụ, phù hợp với bối cảnh mới. Một số địa phương xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành, huy động mọi nguồn lực, triển khai thực hiện.

#### b) Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

*Nguyên nhân khách quan:* giai đoạn 2021-2023, bối cảnh kinh tế thế giới liên tục xuất hiện nhiều diễn biến bất lợi<sup>357</sup> trong khi nền kinh tế chưa kịp phục hồi hoàn toàn dưới tác động của đại dịch Covid-19 làm cho khó khăn, thách thức trở nên trầm trọng

<sup>357</sup> Như xung đột Nga-Ukraina gây đứt gãy nhiều chuỗi cung ứng, lạm phát tăng cao, các nước áp dụng chính sách thắt chặt tiền tệ, nhu cầu hàng hóa của các nước giảm mạnh.

hơn, kéo dài thời gian phục hồi, khó khăn trong triển khai các giải pháp cơ cấu lại nền kinh tế. Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp phải dành nhiều thời gian, nguồn lực để phục hồi và ứng phó, xử lý tình huống phát sinh, ít có thời gian và nguồn lực tập trung triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp cơ cấu lại nền kinh tế.

*Nguyên nhân chủ quan:* (i) Một số bộ, ngành, địa phương chưa chủ động, sáng tạo, chú trọng triển khai nhiệm vụ, giải pháp cơ cấu lại nền kinh tế, triển khai kế hoạch còn chậm; chưa bám sát mục tiêu cơ cấu lại nền kinh tế, chưa xác định được nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với thực tiễn và yêu cầu phát triển của ngành, địa phương để chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ một cách hiệu quả; (ii) Hệ thống pháp luật còn nhiều điểm bất hợp lý, mâu thuẫn, chòng chẹo trong khi tiến độ sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật còn chậm dẫn đến khó khăn, chưa thể thúc đẩy triển khai các giải pháp cơ cấu lại nền kinh tế<sup>358</sup>; (iii) Tinh thần kiến tạo, chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế còn hạn chế; (iv) Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong tổ chức thực hiện một số chủ trương, định hướng còn chưa cao. Năng lực của một số bộ phận công chức, viên chức còn có những hạn chế nhất định.

### 3.4. Bài học kinh nghiệm

- Cần quán triệt sâu sắc quan điểm lấy hoàn thiện thể chế phát triển, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát huy vai trò, tiềm năng, thế mạnh kinh tế đô thị, các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị lớn, thúc đẩy liên kết vùng, liên kết đô thị - nông thôn làm đột phá chiến lược trong quá trình thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế của các bộ, ngành, địa phương.

- Cần nêu cao tinh thần chủ động, sáng tạo, bám sát thực tiễn, dự báo tác động để triển khai linh hoạt các nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế, đảm bảo đạt kết quả cao nhất.

- Người đứng đầu cần quan tâm, chỉ đạo điều hành quyết liệt và tổ chức giám sát chặt chẽ để đảm bảo thực hiện thành công Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025, đặc biệt chú trọng tạo môi trường đầu tư kinh doanh tốt để thu hút và giữ chân những doanh nghiệp có năng lực tốt.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong triển khai các nhiệm vụ trong Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025, đặc biệt chú trọng đối với các nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện thể chế.

## Phần thứ hai:

### KIẾN NGHỊ CÁC GIẢI PHÁP PHẢN ĐÁU HOÀN THÀNH CÁC MỤC TIÊU KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025

#### I. BỐI CẢNH

##### 1.1. Bối cảnh quốc tế

Kinh tế thế giới có thể tiếp tục được dự báo vẫn gặp khó khăn, biến động nhanh, phức tạp, khó lường dù có dấu hiệu phục hồi nhưng chậm và không đồng đều ở các quốc gia, thậm chí kể cả suy thoái kỹ thuật tại một số nền kinh tế. Rủi ro các cuộc khủng

<sup>358</sup> Ví dụ vướng mắc trong thực hiện các dự án đầu tư công, vướng mắc về định giá đất trong triển khai cổ phần hóa DNNN, thiếu văn bản hướng dẫn trong cơ cấu lại đơn vị sự nghiệp công lập, các luật NSNN, các TCTD, các luật thuế đang chỉnh sửa, ...



hoảng (có thể trên các lĩnh vực năng lượng, y tế, lương thực, thực phẩm, môi trường, kể cả tài chính) trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gia tăng, dẫn tới xu hướng phân tách, phân mảnh trong một số lĩnh vực thiết yếu như công nghệ cao, chuỗi cung ứng, năng lượng, khoáng sản chủ chốt. Lạm phát dự kiến tiếp tục xu hướng chậm lại, nhưng vẫn cao hơn mục tiêu tại nhiều nước<sup>359</sup>; các nền kinh tế có sự điều chỉnh chính sách tiền tệ khác nhau để phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế; điều kiện tài chính toàn cầu vẫn ở trạng thái thắt chặt sau sự sụp đổ của một số ngân hàng tại Mỹ, châu Âu,... tiếp tục tác động đến các hoạt động thương mại, đầu tư toàn cầu.

Xu thế toàn cầu hóa, liên kết kinh tế vẫn sẽ tiếp tục diễn ra cùng với sự phát triển mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hệ sinh thái cho chuyển đổi số dự báo phát triển sâu sắc hơn. Công nghệ số hóa với nguồn dữ liệu lớn hỗ trợ các nền kinh tế cải thiện năng lực dự báo và ứng phó trước khủng hoảng, tăng cường khả năng chống chịu trước các cú sốc trong tương lai

Các nước sẽ tiếp tục đẩy mạnh hơn nỗ lực cải cách, đẩy nhanh việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, trong đó có việc áp dụng các tiêu chuẩn cao hơn về môi trường, xã hội, lao động...; hiện thực hóa các cam kết tại COP26. Các tiêu chuẩn về phát triển bền vững (đặc biệt là về lao động, môi trường...) sẽ được lồng ghép nhiều hơn vào các sáng kiến, thỏa ước hợp tác quốc tế<sup>360</sup>. Các nước cũng sẽ gia tăng hợp tác nhằm thúc đẩy tương tác giữa chuyển đổi số và chuyển đổi xanh (chuyển đổi kép).

Bên cạnh đó, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn được dự đoán ngày càng gia tăng, đặc biệt là Mỹ và Trung Quốc và tác động mạnh đến môi trường an ninh, phát triển và đặt ra cho các nước trong khối ASEAN nhiều vấn đề phải xử lý. Những bất ổn và xung đột địa chính trị giữa các nước lớn sẽ tiếp tục gia tăng do gắn liền với lợi ích cốt lõi của các quốc gia.

Dòng vốn ĐTNN toàn cầu trong các năm 2024-2025 cũng được dự báo sẽ có nhiều bất định hơn, có thể bị thu hẹp, áp lực cạnh tranh toàn cầu tăng cao. Đà phục hồi ở các nền kinh tế Châu Á, gắn với các hiệp định FTAs, có thể tạo thêm động lực để giữ chân nhà đầu tư nước ngoài và thu hút thêm nhà đầu tư mới. Việc triển khai thực hiện Cơ chế thuế tối thiểu toàn cầu<sup>361</sup> và các nhóm chính sách liên quan ở nhiều nước trong giai đoạn 2024-2025 cũng có thể ảnh hưởng đến dịch chuyển vốn ĐTNN.

Các vấn đề an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh mạng, thời tiết cực đoạn, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn,... tiếp tục diễn biến khó lường, tác động mạnh đến đời sống người dân, các hoạt động kinh tế...

## 1.2. Bối cảnh trong nước

Nền kinh tế tiếp tục phục hồi, các hoạt động kinh tế, xã hội chuyển từ trạng thái

<sup>359</sup> Theo Báo cáo World Economic Outlook tháng 10 năm 2023, IMF dự báo lạm phát toàn cầu năm 2024-2026 lần lượt là 5,8%; 4,6% và 4,2%, chậm lại so với mức 6,9% của năm 2023 và mức 8,7% của năm 2022, tuy nhiên vẫn cao hơn mục tiêu tại nhiều nước. Tại Báo cáo Global Economic Prospects tháng 6 năm 2023, WB dự báo lạm phát toàn cầu năm 2024 sẽ ở mức 3,7%, chậm lại so với mức 5,5% của năm 2023 và mức 7,3% của năm 2022 do tăng trưởng kinh tế yếu, giá hàng hóa thế giới giảm và kỳ vọng lạm phát vẫn được neo giữ. Đồng thời, theo số liệu thống kê của IMF, năm 2023, 96% các nước theo lạm phát mục tiêu có mức lạm phát trên mức mục tiêu và dự kiến tỷ lệ này là 89% trong năm 2024.

<sup>360</sup> Như Khung khổ Kinh tế Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, các FTA thế hệ mới,...

<sup>361</sup> Với quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, một tập đoàn, công ty đa quốc gia sẽ bị đánh thuế 15% đối với các khoản lợi nhuận tạo ra tại các quốc gia (có thuế suất bằng 0% hoặc thuế suất thấp thông qua cơ chế đánh thuế bổ sung, từ chối khấu trừ thuế hoặc thuế khấu trừ tại nguồn) với mức thuế suất hiệu dụng (Effective Tax Rate - ETR) tối thiểu.

thích ứng, phục hồi sang phát triển nhanh và ổn định hơn, tập trung thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển KTXH góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu, hướng đến các mục tiêu phát triển của Kế hoạch 5 năm; tình hình chính trị - xã hội, kinh tế vĩ mô ổn định, niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và xã hội được củng cố; tính tự chủ được cải thiện; uy tín, vị thế đất nước ngày càng được củng cố trên trường quốc tế. Ổn định chính trị, củng cố vững chắc nền tảng kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát cùng với tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh sẽ là nền tảng quan trọng để thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển, giúp Việt Nam trở thành địa điểm hấp dẫn thu hút dòng vốn FDI. Chất lượng tăng trưởng kinh tế từng bước được cải thiện, cơ cấu kinh tế bước đầu chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thúc đẩy các mô hình mới như kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn. Chất lượng nguồn nhân lực tiếp tục được nâng lên, thích nghi tốt hơn với những thay đổi KHCN và ĐMST. Kinh tế tiếp tục hội nhập ngày càng sâu rộng gắn với triển khai hiệu quả một số hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới quan trọng<sup>362</sup>. Khu vực tư nhân trở thành động lực quan trọng cho tăng trưởng và phát triển. Đây sẽ là những động lực lớn đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong những năm 2024 và các năm tiếp theo.

Tuy nhiên, nền kinh tế trong thời gian tới vẫn tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Diễn biến bất lợi của thế giới, khu vực sẽ tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh, sản xuất công nghiệp, xuất khẩu, thu hút đầu tư... của nước ta, tạo sức ép rất lớn trong điều hành phát triển KTXH trong các năm tiếp theo. Hoạt động xuất nhập khẩu có thể vẫn đối mặt với nhiều thách thức, do suy giảm nhu cầu ở các thị trường đối tác, gia tăng các tiêu chuẩn, hàng rào mới đối với xuất nhập khẩu, rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng, cạnh tranh xuất khẩu từ các nước châu Á,... Ngành du lịch có nhiều điều kiện để phục hồi, nhưng còn phụ thuộc vào nỗ lực đơn giản hóa yêu cầu và thủ tục cấp thị thực, lành mạnh hóa thị trường hàng không (trong nước và quốc tế) và việc cung ứng các sản phẩm mới (gắn với du lịch số, du lịch sinh thái và kinh tế ban đêm. Với mức độ hội nhập và độ mở của nền kinh tế lớn, trước những bất ổn, rủi ro khó đoán định, năm 2023 dự báo kinh tế trong nước tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Bên cạnh đó, các tồn tại, yếu kém nội tại của nền kinh tế chậm được khắc phục; năng lực sản xuất, tính tự chủ của nền kinh tế chưa cao; các yếu tố nền tảng như thể chế, hạ tầng, nguồn nhân lực chất lượng cao, công nghệ... còn thấp so với yêu cầu để đưa Việt Nam sớm trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Dịch bệnh, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, thiên tai, hạn hán tiếp tục diễn ra phức tạp, khó lường, kéo dài liên tục, ngày càng nhanh và tác động mạnh hơn có thể gây ra thiệt hại nặng nề hơn.

## **II. CÁC GIẢI PHÁP TIẾP TỤC THỰC HIỆN CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025**

### **2.1. Tiếp tục tập trung hoàn thành các mục tiêu cơ cấu lại đầu tư công, ngân sách nhà nước, hệ thống các tổ chức tín dụng và đơn vị sự nghiệp công lập**

#### ***a) Giải pháp tiếp tục cơ cấu lại đầu tư công***

- Tập trung thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 29/2021/QH15, trong đó ưu tiên

<sup>362</sup> Như Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA)...

đầu tư vốn vào các ngành, lĩnh vực then chốt, các công trình, dự án trọng điểm, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng vùng động lực tăng trưởng, hạ tầng thúc đẩy liên kết vùng, liên kết ngành, hạ tầng kinh tế số, giáo dục, y tế, văn hóa, vùng khó khăn, khu vực chịu ảnh hưởng lớn bởi dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu; bảo đảm cân đối hơn giữa các phương thức trong phát triển hạ tầng giao thông.

- Rà soát, hoàn thiện các quy định pháp luật để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thể chế, cơ chế, chính sách; thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về đầu tư công, các nguyên tắc, tiêu chí, thứ tự ưu tiên bố trí vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước; nâng cao chất lượng công tác xây dựng kế hoạch, đảm bảo phù hợp với nguồn lực và khả năng thực hiện của dự án; áp dụng quy tắc hậu kiểm đối với kế hoạch đầu tư công của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương, bảo đảm tính tuân thủ các quy định và hiệu quả đầu tư công. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án; thực hiện tốt công tác chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng, đền bù, tái định cư của các dự án khởi công mới.

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, quyết liệt, đẩy mạnh giải ngân đầu tư công, nhất là đối với các dự án trọng điểm, có tính lan tỏa cao. Đầu tư cơ sở hạ tầng, đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hồ sơ dự án, giải phóng mặt bằng; kịp thời tháo gỡ vướng mắc trong triển khai; gắn hiệu quả sử dụng vốn đầu tư với thực hành tiết kiệm. Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, đơn giản hóa các thủ tục chuẩn bị, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án đầu tư công.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giám sát, đánh giá đầu tư, tích hợp các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về quản lý đầu tư nhằm đảm bảo công khai, minh bạch thông tin và tăng cường giám sát đối với đầu tư công.

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Báo cáo xây dựng bộ tiêu chí giám sát, đánh giá kết quả quản lý đầu tư công và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

- Nghiên cứu mở rộng các lĩnh vực hợp tác PPP ngoài lĩnh vực hạ tầng cho các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm.

- Đầu tư phát triển hạ tầng thu gom, phân loại, xử lý chất thải đô thị, nông thôn; thúc đẩy đầu tư công xanh.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế tài chính thúc đẩy dự án đầu tư liên vùng, tiêu chí lựa chọn dự án và phân bổ nguồn lực cho các dự án liên vùng.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phân công, phân nhiệm gắn với trách nhiệm người đứng đầu, chuẩn bị kho dự án, tránh thời gian chờ đợi, cá thể hóa trách nhiệm đi đôi với phối hợp, giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện và khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh.

### ***b) Giải pháp tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước***

- Nghiên cứu, hoàn thiện chính sách tài chính về đất đai theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW để bảo đảm công khai, minh bạch, hài hòa lợi ích của Nhà nước, người sử dụng đất và nhà đầu tư; có cơ chế điều tiết hợp lý, hiệu quả nguồn thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giữa Trung ương và địa phương.

- Tổng kết đánh giá tình hình thực hiện Luật NSNN trong thời gian qua, làm rõ

kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân, trên cơ sở đó, rà soát, nghiên cứu, sửa đổi Luật NSNN và một số văn bản pháp luật có liên quan để điều chỉnh cơ chế phân cấp NSNN theo hướng bảo đảm vai trò chủ đạo của NSTW, cơ bản khắc phục tình trạng lồng ghép trong quản lý NSNN, tăng tính chủ động của NSDP, khuyến khích các địa phương huy động các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, tham gia thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm quốc gia, thực hiện cải cách chính sách tiền lương và an sinh xã hội.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách để thu hút các nguồn lực ngoài NSNN tham gia cung cấp dịch vụ công và đảm bảo quyền lợi của người sử dụng dịch vụ công. Nghiên cứu sử dụng hiệu quả chính sách mua sắm công để thúc đẩy CDS, an toàn thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp ĐMST, nâng cao tiềm lực KHCN.

- Tiếp tục quán triệt nguyên tắc vay bù đắp bội chi NSNN chỉ được sử dụng cho đầu tư phát triển; chỉ chi trong khả năng của nền kinh tế và chỉ vay trong khả năng trả nợ của nền kinh tế. Căn cứ điều kiện thị trường, thực hiện các nghiệp vụ cơ cấu lại nợ với chi phí phù hợp; đổi mới phương thức và công cụ quản lý, thống kê nợ nước ngoài, nợ Chính phủ phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế và thông lệ quốc tế, phù hợp với yêu cầu thực tiễn, gắn với quản lý NSNN, quản lý ngân quỹ Nhà nước, bảo đảm hiệu quả, an toàn và thanh khoản của NSNN.

- Quản lý, kiểm soát chặt chẽ bội chi, nợ công và các nghĩa vụ nợ dự phòng của NSNN, nợ của chính quyền địa phương. Các khoản vay mới vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài chỉ sử dụng cho chi đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên. Tăng cường kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch việc sử dụng NSNN, nhất là trong các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực; xử lý nghiêm các vi phạm trong đấu thầu, mua sắm tài sản công, quản lý, sử dụng tài sản, NSNN.

- Sửa đổi, bổ sung các luật về thuế, phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với cơ cấu lại nguồn thu, mở rộng và chống xói mòn cơ sở thuế, bao quát nguồn thu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế, áp dụng mức thuế suất hợp lý, hướng tới một hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, bảo đảm huy động hợp lý các nguồn lực cho ngân sách nhà nước.

- Điều chỉnh chính sách pháp luật về thuế phù hợp trong bối cảnh thuế tối thiểu toàn cầu, đảm bảo hài hòa lợi ích quốc gia và nhà đầu tư.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, điện tử hóa trong quản lý thuế; kết nối đồng bộ cơ sở dữ liệu ngành thuế với dữ liệu của cơ quan quản lý nhà nước nhằm tăng cường hiệu quả quản lý nguồn thu

### ***c) Giải pháp tiếp tục cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng***

- Điều hành các giải pháp tín dụng đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế nhằm góp phần kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Chỉ đạo các TCTD tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ; kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Tiếp tục thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong tiếp cận tín dụng ngân hàng, tạo điều kiện thuận lợi trong vay vốn tín dụng ngân hàng cho doanh nghiệp và người dân, góp phần đẩy lùi tín dụng đen.

- Tiếp tục cơ cấu lại các TCTD và đẩy mạnh xử lý nợ xấu. Theo đó, triển khai

quyết liệt Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025; tập trung triển khai chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền về việc cơ cấu lại, xử lý các ngân hàng yếu kém, bảo đảm ổn định tình hình hoạt động và hỗ trợ các ngân hàng này từng bước phục hồi.

- Tiếp tục hoàn thiện khung pháp luật về xử lý nợ xấu, chấm dứt tình trạng sở hữu chéo, thực hiện quyết liệt các biện pháp thu hồi nợ, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, nâng cao chất lượng tín dụng, ngăn ngừa, hạn chế tối đa nợ xấu phát sinh; phấn đấu đến cuối năm 2025, tỷ lệ nợ xấu nội bảng của toàn hệ thống ở mức dưới 3%. Nâng cao năng lực tài chính của các TCTD; xử lý hiệu quả tình trạng sở hữu chéo, hạn chế lạm dụng quyền cổ đông lớn, quyền quản trị điều hành để thao túng hoạt động của TCTD; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ số trong lĩnh vực ngân hàng và phát triển những sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại, sản phẩm phục vụ chuyển đổi xanh.

- Tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tiền tệ, hoạt động ngân hàng, cơ cấu lại và xử lý nợ xấu trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường, theo thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Tập trung hoàn thiện dự án Luật Các TCTD (sửa đổi) để trình Quốc hội thông qua.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời phát hiện các vấn đề, tồn tại, vi phạm trong hoạt động cấp tín dụng và đưa ra các kiến nghị, khuyến nghị cụ thể, có biện pháp xử lý phù hợp nhằm hạn chế rủi ro, góp phần nâng cao chất lượng tín dụng, bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng.

#### ***d) Giải pháp tiếp tục cơ cấu đơn vị sự nghiệp công lập***

- Quán triệt, tổ chức thực hiện hiệu quả các giải pháp của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL, đã đề ra tại Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII.

- Hoàn thiện thể chế, cơ chế quản lý đối với ĐVSNCL; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ<sup>363</sup>, đề án được giao tại Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

+ Đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành các nhóm nhiệm vụ, chính sách: (1) Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung Nghị định quy định về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong các lĩnh vực sự nghiệp; (2) Quy hoạch mạng lưới ĐVSNCL theo ngành, lĩnh vực; ban hành danh mục dịch vụ công cơ bản, thiết yếu theo ngành, lĩnh vực; (3) Sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN; (4) Xây dựng các Đề án sắp xếp, tổ chức lại các ĐVSNCL của ngành, lĩnh vực: Giáo dục, Y tế, KHCN,...

<sup>363</sup> Tiếp tục rà soát; sắp xếp, tổ chức lại theo hướng tinh gọn, đến năm 2025 phải giảm tối thiểu 10% số lượng ĐVSNCL so với năm 2021; có tối thiểu 20% ĐVSNCL tự chủ về tài chính; Tiếp tục thực hiện giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021; và 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện hoàn thành chuyển đổi thành công ty cổ phần.

+ Hoàn thiện chính sách, chế độ đối với ĐVSNCL (cơ chế tài chính, tiền lương, vị trí việc làm, tổ chức bộ máy...) theo hướng đảm bảo tính thống nhất đồng bộ với các văn bản pháp luật hiện hành<sup>364</sup> và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn hoạt động của các ĐVSNCL trong các lĩnh vực khác nhau.

\* Về cơ chế thực hiện nhiệm vụ của ĐVSNCL: tiếp tục hoàn thiện danh mục dịch vụ công sử dụng NSNN, danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu theo ngành, lĩnh vực; ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) theo ngành, lĩnh vực làm căn cứ xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN; hoàn thành lộ trình xây dựng khung giá dịch vụ sự nghiệp công tính đủ chi phí (tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản) theo ngành, lĩnh vực để thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công đối với các ĐVSNCL.

\* Về quản lý tổ chức bộ máy: hoàn thiện quy hoạch mạng lưới các ĐVSNCL theo ngành, lĩnh vực; ban hành tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, tổ chức lại, giải thể ĐVSNCL theo ngành, lĩnh vực; hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức ĐVSNCL theo ngành, lĩnh vực; điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản lý.

\* Về quản lý biên chế sự nghiệp: hoàn thành việc hướng dẫn về vị trí việc làm, định mức biên chế sự nghiệp trong ĐVSNCL, tạo cơ sở pháp lý cho các bộ, ngành, địa phương sớm thực hiện việc cơ cấu lại đội ngũ viên chức theo vị trí việc làm, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng viên chức.

\* Về cơ chế tài chính: sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định về tự chủ tài chính của các ĐVSNCL; đẩy mạnh việc thực hiện lộ trình giá dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường có sự kiểm soát của Nhà nước (bao gồm cả công và ngoài công lập); hoàn thành lộ trình tính đủ giá dịch vụ sự nghiệp công và lộ trình tính đủ chi phí đối với dịch vụ sự nghiệp công đang được Nhà nước đặt hàng; nghiên cứu, đề xuất chính sách, giải pháp thực hiện có hiệu quả việc đổi mới cơ chế phân bổ nguồn lực, quản lý, cấp phát NSNN đối với ĐVSNCL chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; chuyển mạnh cơ chế cấp phát theo dự toán sang cơ chế thanh toán theo đặt hàng, giao nhiệm vụ gắn với số lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ, giá cung cấp dịch vụ và nhu cầu sử dụng; có lộ trình cụ thể thực hiện cơ chế đấu thầu cung cấp dịch vụ; giảm dần phương thức giao nhiệm vụ. Ban hành quy định xác định giá trị ĐVSNCL, chính sách tài chính phù hợp để huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực quản lý, gồm cả hình thức hợp tác công - tư, liên doanh, liên kết.

- Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, tổ chức lại các ĐVSNCL theo các nguyên tắc: (1) Việc sắp xếp, thu gọn đầu mối ĐVSNCL cần căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, tiêu chí, điều kiện thành lập, có tính kế thừa và phát huy kết quả triển khai sắp xếp giai đoạn 2015-2021, tránh cào bằng, bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của ĐVSNCL; (2) Chỉ giữ lại các đơn vị thuộc bộ phục vụ nhiệm vụ chính trị và các đơn vị đầu ngành gắn với chức năng, nhiệm vụ của bộ đáp ứng đầy đủ tiêu chí, điều kiện thành lập theo quy định; đảm bảo mức tự chủ về tài chính từ chi thường xuyên trở lên; đối với

<sup>364</sup> Giữa Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật NSNN; Luật Phí và lệ phí...

các ĐVSNCL khác thuộc bộ, chuyển về địa phương hoặc về bộ quản lý ngành, lĩnh vực để thống nhất đầu mối quản lý thì thực hiện việc sắp xếp, cơ cấu lại các ĐVSNCL, bảo đảm phù hợp với quy hoạch mạng lưới các ĐVSNCL theo ngành, lĩnh vực; (3) Một ĐVSNCL có thể cung ứng nhiều dịch vụ sự nghiệp công cùng loại nhằm giảm mạnh đầu mối, khắc phục tình trạng manh mún, dàn trải và trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ; (4) Đẩy mạnh cơ chế tự chủ theo yêu cầu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW và quy định của Chính phủ tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; (5) Cơ cấu lại hoặc giải thể các ĐVSNCL hoạt động không hiệu quả; đẩy mạnh xã hội hóa, chuyển các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác đủ điều kiện thành công ty cổ phần.

- Đẩy mạnh thực hiện tự chủ các ĐVSNCL: các bộ, ngành, địa phương khẩn trương chỉ đạo và phê duyệt Đề án tự chủ của ĐVSNCL thuộc phạm vi quản lý, trong đó xác định rõ sứ mệnh, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân lực, cơ chế tài chính với lộ trình nâng cao mức độ tự chủ về tài chính trong giai đoạn từ 5-10 năm phù hợp với lộ trình tính đủ giá dịch vụ theo quy định, tiến tới giao tự chủ hoàn toàn đối với các ĐVSNCL có thu, tạo điều kiện cho ĐVSNCL phát triển ổn định, bền vững; qua đó từng bước dịch chuyển số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN sang hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tương ứng với tỷ lệ tự chủ chi thường xuyên của đơn vị, bảo đảm giảm chi trực tiếp từ NSNN cho ĐVSNCL.

- Về chuyển ĐVSNCL thành công ty cổ phần: tiếp tục hoàn thiện các quy định sửa đổi Quyết định số 26/2021/QĐ-TTg ngày 12/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục ngành, lĩnh vực chuyển ĐVSNCL thành công ty cổ phần; các bộ, UBND các địa phương khẩn trương rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục ĐVSNCL chuyển thành công ty cổ phần giai đoạn 2021-2025 đối với các bộ, ngành, địa phương chưa xây dựng Danh mục ĐVSNCL chuyển thành công ty cổ phần giai đoạn 2021-2025; tập trung, quyết liệt chỉ đạo xây dựng phương án và khẩn trương tổ chức thực hiện chuyển đổi các ĐVSNCL thành công ty cổ phần theo các quy định hiện hành đối với các ĐVSNCL đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chuyển thành công ty cổ phần giai đoạn 2021-2025.

## **2.2. Các giải pháp tiếp tục phát triển các loại thị trường, nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng nguồn lực**

### ***a) Giải pháp phát triển thị trường tài chính***

Tiếp tục bám sát các chỉ đạo của Đảng, Chính phủ và định hướng tại Chiến lược tài chính đến năm 2030 để phát triển thị trường vốn, đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế, tập trung vào một số giải pháp chính như sau:

- Đối với thị trường chứng khoán:

+ Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý thông qua việc phối hợp với các Bộ, ngành rà soát, sửa đổi tổng thể các quy định pháp luật chứng khoán và các pháp luật khác liên quan (nếu có) nhằm khắc phục ngay những bất cập, vướng mắc trong thực tiễn hoạt động thị trường chứng khoán và đáp ứng yêu cầu phát triển mới, bảo đảm tính toàn diện của khung pháp lý quản lý hoạt động trên thị trường chứng khoán, phù hợp với tình hình trong nước và thông lệ quốc tế.

+ Tập trung nâng cao chất lượng hàng hóa, thúc đẩy cổ phần hóa, thoái vốn doanh

nghiệp nhà nước gắn với niêm yết trên thị trường chứng khoán; tăng cường tính tuân thủ của các doanh nghiệp trên thị trường; triển khai các giải pháp đảm bảo hệ thống giao dịch vận hành an toàn, thông suốt.

+ Nhanh chóng hoàn thiện dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

+ Sửa đổi Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Chứng khoán về các nội dung liên quan đến hoạt động công ty chứng khoán.

+ Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ theo đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tăng cường phát triển các quỹ đầu tư chứng khoán nhằm cân đối giữa nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân; tập trung giám sát, kiểm tra các hoạt động cho vay ký quỹ, các dịch vụ tài chính, đảm bảo chỉ tiêu an toàn tài chính và các quy định pháp luật tại các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

+ Cơ cấu lại tổ chức thị trường cổ phiếu niêm yết. Theo đó, triển khai việc phân mảng thị trường cổ phiếu niêm yết, nhưng không làm xáo trộn thị trường, đảm bảo duy trì hoạt động liên tục và ổn định của thị trường tại 2 sở giao dịch chứng khoán. Sửa đổi Thông tư số 57/TT-BTC ngày 12/7/2021 của Bộ Tài chính theo hướng phân định lại các thị trường giao dịch chứng khoán phù hợp với điều kiện thực tiễn về tổ chức bộ máy, nhân lực, hoạt động nghiệp vụ của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, nhằm giảm thiểu sự xáo trộn, tối ưu hóa nguồn lực của các sở giao dịch chứng khoán và hiệu quả quản lý thị trường.

+ Cơ cấu lại cơ sở hàng hóa trên thị trường chứng khoán phái sinh. Theo đó, triển khai loại sản phẩm phái sinh hàng hóa, tiền tệ. Trong đó, thiết kế mẫu hợp đồng và tổ chức giao dịch sản phẩm phái sinh hàng hóa. Quy định lộ trình cụ thể phát triển các sản phẩm trên thị trường chứng khoán phái sinh theo danh mục, đồng bộ với các văn bản pháp lý cần sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn đối với các sản phẩm hợp đồng quyền chọn và hợp đồng tương lai trên cổ phiếu đơn lẻ để có căn cứ triển khai sản phẩm mới.

+ Tích cực triển khai công tác tái cấu trúc thị trường chứng khoán. Nâng cao đạo đức nghề nghiệp, chất lượng dịch vụ của các định chế trung gian thị trường, rà soát, phân loại đối với từng tổ chức cung cấp dịch vụ, khuyến khích ứng dụng Fintech, phù hợp với nhu cầu của nhà đầu tư và sự phát triển của thị trường. Tiếp tục phát triển hoạt động dịch vụ xếp hạng tín nhiệm. Thúc đẩy việc hình thành và hoạt động của các định chế đầu tư chuyên nghiệp và nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, ưu tiên phát triển nhà đầu tư dài hạn như các quỹ đầu tư, các quỹ hưu trí tự nguyện, doanh nghiệp bảo hiểm. Nghiên cứu, ban hành chính sách thuế ưu đãi, miễn Thuế thu nhập cá nhân đối với nhà đầu tư tham gia đầu tư chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán. Phối hợp với các tổ chức quốc tế triển khai các giải pháp để sớm nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam theo lộ trình đã đặt ra.

+ Tăng cường giám sát chặt chẽ thông tin, chống các tin đồn thất thiệt trên thị trường chứng khoán, đặc biệt là các tin đồn, tin xấu nhằm trục lợi, gây bất ổn tâm lý trên thị trường; xử lý nghiêm một số vụ việc điển hình nhằm tạo tính răn đe, tăng cường kỷ cương, kỷ luật trên thị trường.



+ Tăng cường giám sát, kiểm tra đối với hoạt động huy động, sử dụng vốn của các tổ chức phát hành; tăng cường kiểm tra chất lượng báo cáo tài chính và hoạt động kiểm toán của các đơn vị kiểm toán, kiểm toán viên; phối hợp chặt chẽ với Hội kiểm toán viên hành nghề trong đào tạo, đánh giá chất lượng báo cáo tài chính và giám sát, xử lý vi phạm đối với công ty kiểm toán, kiểm toán viên. Nâng cao vai trò và trách nhiệm của các tuyến giám sát, trong đó phát huy vai trò của tuyến giám sát thứ nhất là các công ty chứng khoán, tăng cường giám sát các công ty này để kịp thời ngăn ngừa và phát hiện sớm các vi phạm trên thị trường; đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các vi phạm trên thị trường chứng khoán nhằm tăng cường kỷ cương, kỷ luật trên thị trường, hướng đến sự phát triển thị trường chứng khoán theo hướng minh bạch và bền vững; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho công tác thanh tra, giám sát; hoàn thiện và đưa vào sử dụng Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ thanh tra, giám sát.

+ Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về chính sách kinh tế vĩ mô, công tác điều hành kinh tế của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương và các kết quả tăng trưởng kinh tế trên nhiều mặt, giúp công chúng đầu tư tiếp thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời, hạn chế sự tác động về tâm lý do tin đồn, tin giả mạo trên thị trường”.

+ Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về chính sách kinh tế vĩ mô, công tác điều hành kinh tế của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương và các kết quả tăng trưởng kinh tế trên nhiều mặt, giúp công chúng đầu tư tiếp thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời, hạn chế sự tác động về tâm lý do tin đồn, tin giả mạo trên thị trường.

- Đối với thị trường trái phiếu:

+ Phát triển thị trường trái phiếu Chính phủ trở thành thị trường chuẩn trên thị trường tài chính, đáp ứng nhu cầu huy động vốn cho NSNN và hỗ trợ công tác tái cơ cấu ngân sách và nợ công theo hướng an toàn, bền vững; đảm bảo huy động nguồn lực triển khai kế hoạch phát triển KTXH và Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế.

+ Đối với thị trường TPDN: Tiếp tục nghiên cứu trình Quốc hội rà soát tổng thể các quy định tại Luật Chứng khoán, gồm: phạm vi phát hành ra công chúng, phát hành riêng lẻ, khái niệm nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tại Luật Chứng khoán và các quy định về xử lý vi phạm trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, tăng cường giám sát việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của tổ chức phát hành.

+ Thực hiện các giải pháp nhằm cân bằng giữa chính sách tín dụng với chính sách huy động trên thị trường vốn để vừa giảm thiểu rủi ro cho hệ thống ngân hàng, vừa thúc đẩy các doanh nghiệp huy động qua thị trường vốn.

+ Nâng cao hiệu quả công tác giám sát, tăng cường công tác thanh tra, giám sát để vừa đảm bảo cho sự phát triển của thị trường, vừa phát hiện, xử lý các hành vi thao túng trên thị trường chứng khoán, đặc biệt là thị trường cổ phiếu và TPDN.

+ Tăng cường nghiên cứu học tập kinh nghiệm đẩy mạnh phát triển thị trường vốn của các quốc gia trên thế giới, đó là huy động vốn qua trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương nhằm thu hút các tổ chức tín dụng nước ngoài đến đầu tư, kinh doanh và phát triển thị trường.

- Đối với thị trường bảo hiểm:

+ Tiếp tục rà soát, siết chặt các quy định về bảo hiểm và xử lý nghiêm các sai phạm để lành mạnh hóa thị trường bảo hiểm, đảm bảo sự phát triển bền vững dài hạn

của thị trường. Đồng thời, rà soát, sửa đổi bổ sung Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, để phù hợp với các quy định tại Luật Kinh doanh bảo hiểm mới, đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các sai phạm để lành mạnh hóa thị trường bảo hiểm, đặc biệt là hoạt động phân phối bảo hiểm qua ngân hàng (Bancassurance).

+ Cải thiện cơ chế khuyến khích phát triển lĩnh vực bảo hiểm, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tạo tiền đề cho nguồn vốn đầu tư trở lại nền kinh tế.

+ Hoàn thiện khung khổ chính sách theo hướng đảm bảo phát triển toàn diện thị trường bảo hiểm an toàn, bền vững, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu bảo hiểm đa dạng của các tổ chức, cá nhân, bảo đảm an sinh xã hội; doanh nghiệp bảo hiểm có năng lực tài chính vững mạnh, năng lực quản trị điều hành đạt chuẩn mực quốc tế, có khả năng cạnh tranh trong nước và khu vực.

+ Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến về vai trò, ý nghĩa, sự cần thiết về bảo hiểm, chính sách, pháp luật về kinh doanh bảo hiểm đối với tổ chức cá nhân, nâng cao nhận thức của người dân về bảo hiểm và thị trường bảo hiểm.

### ***b) Giải pháp phát triển thị trường quyền sử dụng đất***

- Tập trung nghiên cứu sửa đổi hệ thống chính sách, pháp luật đất đai theo hướng xử lý, giải quyết tốt mối quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội trong quản lý đất đai; hoàn thiện các quyền của người sử dụng đất; thực hiện nguyên tắc giá đất thị trường, công khai, minh bạch, khuyến khích phát triển hệ thống các tổ chức cung cấp dịch vụ định giá đất độc lập<sup>365</sup>; giải quyết căn cơ những bất cập trong quy hoạch sử dụng đất, tài chính đất đai; thúc đẩy phát triển mạnh thị trường quyền sử dụng đất, bao gồm cả thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp, nhất là đối với thị trường quyền sử dụng đất nông nghiệp, để khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất.

- Xóa bỏ các rào cản, các biện pháp hành chính can thiệp trực tiếp vào thị trường và sản xuất kinh doanh, tạo ra bất bình đẳng trong tiếp cận đất đai. Tiếp tục rà soát, công khai, minh bạch quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quỹ đất chưa sử dụng để các nhà đầu tư thuận lợi trong việc lựa chọn địa điểm đầu tư. Đẩy nhanh các thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất tạo điều kiện để doanh nghiệp triển khai thực hiện dự án đúng tiến độ, sớm gia nhập thị trường.

- Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao, nhằm tạo bước chuyển căn bản trong dồn đổi, tích tụ, tập trung đất đai, tạo quỹ đất cho phát triển nông nghiệp tập trung, ứng dụng công nghệ cao.

- Nghiên cứu sửa đổi các vấn đề còn bất cập trong việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế. Trước mắt, tổ chức thực hiện và sơ kết Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc

<sup>365</sup> Hiện nay, Chính phủ ban hành Khung giá đất cho giai đoạn 5 năm và UBND cấp tỉnh ban hành Bảng giá đất hàng năm (tại Điều 113 và Điều 114 Luật Đất đai, Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ). Trên thực tế, giá đất biến động thường xuyên và Khung giá đất và Bảng giá đất này không theo kịp sự biến động của giá đất trên thị trường, thậm chí thấp hơn rất nhiều lần. Đây là kẽ hở cho sự trục lợi chính sách, làm thất thoát NSNN, tạo ra sự mất công bằng và gây nhiều hệ lụy tiêu cực về mặt xã hội.

hội về thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động sản xuất, xây dựng kinh tế.

- Đẩy mạnh điều tra, thống kê, kiểm kê, và hạch toán đầy đủ giá trị đất đai trong nền kinh tế, nhất là đất đai là tài sản công, đất của các đơn vị sự nghiệp, nông, lâm trường, xây dựng bản đồ giá đất.

- Đẩy nhanh ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ số trong việc thu thập và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu về đất đai, cập nhật và liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, cắt giảm thời gian thực hiện và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, phục vụ tốt nhất cho nhu cầu của người dân và doanh nghiệp, nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai. Tăng cường mở rộng dịch vụ công trên lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; quản lý tốt quỹ đất công, quỹ đất 20% phát triển nhà ở xã hội và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư.

### ***c) Giải pháp phát triển thị trường lao động***

- Xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý về thị trường lao động đáp ứng yêu cầu phát triển. Tập trung hoàn thiện, trình Quốc hội Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi, Hồ sơ Luật Việc làm sửa đổi; trình Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới.

- Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội.

- Triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động giai đoạn 2021-2030. Phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, tăng khả năng kết nối cung – cầu trên thị trường; có giải pháp phân bổ lao động phù hợp theo vùng nhằm sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn nhân lực.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về người lao động kết nối thông tin với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; nâng cao năng lực phân tích, dự báo thị trường lao động.

- Phát triển giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng nhân lực có kỹ năng nghề, nhất là nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động. Triển khai thực hiện quả Chiến lược quốc gia về phát triển đội ngũ tri thức giai đoạn 2021 - 2030, Đề án nâng tầm kỹ năng lao động Việt Nam, Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn.

- Xây dựng và triển khai chương trình bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị trường học để đổi mới căn bản, toàn diện và thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Tăng cường đầu tư cho giáo dục, nhất là các trường đại học sư phạm và các cơ sở giáo dục đại học đi đầu trong đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học; ưu tiên đầu tư phát triển các phòng thí nghiệm gắn với nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; đặc biệt trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật, các lĩnh vực khoa học cơ bản, nền tảng. Tăng cường phân

cấp, ủy quyền và giao quyền tự chủ về đầu tư cho các cơ sở giáo dục đại học.

**d) Giải pháp phát triển thị trường khoa học công nghệ**

- Triển khai đồng bộ và toàn diện Chương trình phát triển thị trường KHCN quốc gia đến năm 2030.

- Rà soát, điều chỉnh thống nhất các luật, quy định và các văn bản pháp lý liên quan đến xử lý tài sản, định giá tài sản, phân chia lợi nhuận thu được từ thương mại hoá kết quả nghiên cứu hình thành từ nhiệm vụ KHCN sử dụng NSNN.

- Xây dựng Đề án thí điểm chính sách tạo động lực thương mại hóa, đưa nhanh kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ được tạo ra từ NSNN vào sản xuất, kinh doanh.

- Hoàn thiện chính sách hỗ trợ để khuyến khích các tổ chức, cá nhân, nhất là doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ KHCN, mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc vào sản xuất, kinh doanh. Thúc đẩy sự liên thông của thị trường KHCN với thị trường hàng hóa, dịch vụ, thị trường lao động, thị trường vốn.

- Thúc đẩy liên kết và chuyển giao công nghệ giữa các viện, trường và doanh nghiệp; hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ mới, nâng cao năng lực tiếp thu, hấp thụ và làm chủ công nghệ của doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh hoạt động của các sàn giao dịch công nghệ; khuyến khích nhập khẩu, chuyển giao công nghệ tiên tiến của thế giới; khuyến khích các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp Việt Nam hoặc thành lập các cơ sở nghiên cứu và phát triển ở Việt Nam; từng bước gắn thị trường KHCN trong nước với thị trường KHCN quốc tế.

- Chủ động tăng cường hợp tác nghiên cứu chung với các đối tác quan trọng sở hữu công nghệ nguồn, mở rộng hợp tác khoa học và công nghệ tầm quốc gia với các nước tiên tiến. Chú trọng khai thác, chuyển giao công nghệ từ các địa bàn có công nghệ nguồn để rút ngắn khoảng cách, nâng cao trình độ, năng lực KHCN trong nước.

- Hoàn thiện khung khổ pháp luật về khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc, thương mại, đầu tư, kinh doanh, hệ thống xác thực và định danh điện tử, để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình CDS quốc gia và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, quản lý và cung cấp dịch vụ công theo nguyên tắc thị trường.

- Xây dựng cập nhật cơ sở dữ liệu về công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, hoạt động đánh giá sự phù hợp, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để tạo điều kiện thuận lợi cho DNNVV khai thác, sử dụng.

- Tăng cường công tác bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ; mở rộng và nâng cao hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế; xã hội hóa hoạt động đánh giá sự phù hợp với đẩy mạnh công tác thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp.

- Cơ cấu lại các chương trình, nhiệm vụ KHCN gắn với nhu cầu xã hội, chuỗi giá trị của sản phẩm; đổi mới các cơ chế chính sách tài chính thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, các Quỹ KHCN gắn với kết quả đầu ra cuối cùng, khuyến khích thương mại hóa các kết quả nghiên cứu.

- Đổi mới chính sách thuế đối với các hoạt động KHCN để khuyến khích sự tham gia của các cá nhân, tổ chức vào các hoạt động nghiên cứu trọng điểm quốc gia. Giảm thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các hoạt động nghiên cứu thuộc các chương trình trọng điểm, chương trình KHCN cấp nhà nước.

- Xây dựng và thực thi cơ chế đặc thù, chấp nhận rủi ro, thất bại trong nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ; tập trung gỡ bỏ các rào cản hành chính trong quản lý hoạt động KHCN. Tạo dựng khuôn khổ pháp lý để triển khai các cơ chế thí điểm, thử nghiệm và đặc thù đối với các loại hình, mô hình kinh tế mới dựa trên KHCN và ĐMST. Đề xuất, triển khai các chế độ, chính sách đãi ngộ vượt trội cho đội ngũ nghiên cứu KHCN.

- Phát huy vai trò, đóng góp của các cá nhân, chuyên gia, học giả là người Việt Nam ở nước ngoài trong kết nối hợp tác, tăng cường liên kết giữa thị trường công nghệ của Việt Nam và thế giới, thúc đẩy chuyển giao công nghệ.

### **2.3. Giải pháp tiếp tục phát triển lực lượng doanh nghiệp; thúc đẩy kết nối giữa doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã**

#### ***a) Giải pháp tiếp tục cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước***

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2022 của Chính phủ về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và huy động nguồn lực của DNNN, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước trong phát triển kinh tế - xã hội, Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại DNNN, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021-2025”, Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về “Tiêu chí phân loại DNNN, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021-2025”, Công điện số 478/CD-TTg ngày 27/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn và cơ cấu lại DNNN và Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025.

- Tiếp tục rà soát, nghiên cứu, sửa đổi một cách đồng bộ, đảm bảo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa doanh nghiệp.

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu đôn đốc các doanh nghiệp trực tiếp quản lý, sử dụng nhà, đất kê khai báo cáo, lập phương án sắp xếp lại các cơ sở nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ý kiến về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các doanh nghiệp của trung ương đóng trên địa bàn để bảo đảm tiến độ phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất phục vụ việc xây dựng phương án sử dụng đất khi thực hiện cổ phần hoá.

- Đẩy nhanh tiến độ xử lý các phương án sử dụng đất tại các doanh nghiệp cổ phần hóa, thoái vốn; hỗ trợ cơ chế giải quyết tồn đọng tài chính của doanh nghiệp và chế độ, chính sách cho người lao động; có cơ chế đặc thù để Bộ Quốc phòng thực hiện tốt việc

cơ cấu lại, sắp xếp, đổi mới DNNN theo đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đẩy mạnh thoái vốn nhà nước theo tiêu chí, danh mục phân loại DNNN ban hành tại Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có các doanh nghiệp kinh doanh kém hiệu quả, mất vốn nhà nước; tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính, khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải nhưng không hiệu quả của DNNN.

- Xây dựng giải pháp huy động hiệu quả nguồn lực của DNNN tham gia vào phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là trong một số lĩnh vực như năng lượng, kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng quốc gia, hạ tầng CDS, cung ứng các nguyên, vật liệu đầu vào quan trọng cho sản xuất.

- Khẩn trương tiến hành rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng và phân loại doanh nghiệp, dự án, công trình đầu tư và vốn, tài sản nhà nước để có giải pháp cơ cấu lại, xử lý phù hợp. Rà soát phát hiện và có biện pháp xử lý các doanh nghiệp, dự án đầu tư thua lỗ, kém hiệu quả. Có các giải pháp phù hợp để lành mạnh hóa tình hình tài chính, xử lý dứt điểm tồn đọng tài chính, nợ không có khả năng thanh toán và các tài sản không sinh lời trong các tập đoàn, tổng công ty và doanh nghiệp thành viên.

- Ban hành và thực hiện cơ chế, chính sách đổi mới quản lý của chủ sở hữu, tạo điều kiện phát triển một số DNNN quy mô lớn, có vai trò mở đường phát triển một số ngành kinh tế chủ lực, dẫn dắt doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Nghiên cứu ban hành cơ chế giao nhiệm vụ cụ thể cho một số doanh nghiệp công nghệ số đầu đàn kèm theo các cơ chế đặc thù phù hợp để các doanh nghiệp này thực sự trở thành các doanh nghiệp kỳ lân về công nghệ số, thực sự dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia, làm chủ thị trường kinh tế số trong nước và vươn ra quốc tế.

- Tăng cường công khai, minh bạch thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNN để thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư trước khi triển khai công tác cổ phần hóa, thoái vốn. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện, việc tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động.

- Huy động sự tham gia của các tổ chức, hiệp hội ngành nghề hỗ trợ phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn đối với khu vực tư nhân.

Đẩy mạnh đổi mới, hiện đại hóa quản trị các tập đoàn, tổng công ty nhà nước do Ủy ban làm đại diện chủ sở hữu theo cơ chế thị trường, các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế; thiết lập hệ thống quản trị, kiểm soát nội bộ có hiệu lực, hiệu quả; nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, sử dụng tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường.

***b) Giải pháp tiếp tục phát triển lực lượng doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân, thúc đẩy chuyển đổi số, liên doanh, liên kết, nâng cao năng lực cạnh tranh***

- Khẩn trương tháo gỡ các vướng mắc, rào cản về pháp lý như: Thủ tục đầu tư xây dựng đối với các dự án bất động sản; các quy định về môi trường trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản; tiêu chuẩn, quy chuẩn về phòng cháy, chữa cháy đối với dự án xây dựng. Tiếp tục hỗ trợ giảm chi phí đầu vào cho doanh nghiệp, tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi, nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước.

- Nghiên cứu bổ sung thêm các chính sách tài khóa nhằm giảm gánh nặng tài chính cho người dân và doanh nghiệp như đẩy nhanh tiến độ hoàn thuế giá trị gia tăng; các

chính sách giãn – hoàn thuế, phí, tiền thuê đất; lộ trình giảm tỷ lệ đóng bảo hiểm xã hội cho doanh nghiệp.

- Ban hành và tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết về cải thiện, nâng cấp chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, thu hẹp khoảng cách với các nước phát triển. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/7/2020 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025.

- Tăng cường thực hiện hiệu quả các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp như hỗ trợ tham gia chuỗi giá trị, chuyển đổi số, nâng cao năng suất, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ pháp lý.

- Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các hiệp định thương mại đã ký kết nhằm đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, mở rộng thị trường trong nước, tái cơ cấu mặt hàng và thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và toàn nền kinh tế.

- Ban hành và tổ chức thực hiện các đề án về cơ chế, chính sách khuyến khích hình thành lực lượng doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân và DNNN có vai trò dẫn dắt, mở đường trong một số lĩnh vực, ngành kinh tế.

- Ban hành và thực hiện các chính sách khuyến khích doanh nghiệp CDS, chuyển đổi xanh, ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh.

Đẩy mạnh việc chia sẻ, kết nối dữ liệu giữa các Bộ ngành địa phương với Cơ sở dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp nhằm tiết kiệm chi phí gia nhập thị trường cho doanh nghiệp, nâng cao khả năng giám sát, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp; nghiên cứu điều chỉnh chính sách chuyển đổi hộ kinh doanh một cách phù hợp để khuyến khích hộ kinh doanh có quy mô lớn chuyển đổi thành doanh nghiệp.

***c) Giải pháp tiếp tục phát huy vai trò của khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài***

- Nghiên cứu, đề xuất ban hành các chính sách về áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu. Nghiên cứu, đề xuất khả năng điều chỉnh các chính sách về thuế, kế toán phù hợp với Cơ chế thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT); nghiên cứu cơ chế thí điểm ưu đãi đầu tư theo chi phí bằng tiền mặt.

- Chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết và xúc tiến, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài nhằm thu hút các nhà đầu tư thế hệ mới, các nhà đầu tư chiến lược, phát triển các ngành kinh tế mới, có công nghệ hiện đại, có kế hoạch đầu tư cho nghiên cứu và triển khai, có kết nối, chuyển giao công nghệ với doanh nghiệp trong nước.

- Xây dựng chính sách thu hút đầu tư nước ngoài nhằm phát triển Trung tâm tài chính quốc tế, các ngành kinh tế mới như hydrogen xanh, chip bán dẫn; khuyến khích tăng liên kết giữa đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước, chuyển giao công nghệ, phát triển cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, góp phần nâng cao giá trị gia tăng nội địa; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, khuyến khích chuyển hướng thu hút đầu tư nước ngoài bằng nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư. Tăng cường sự phối hợp, liên kết giữa Trung ương với địa phương, giữa các vùng, giữa cơ quan quản lý nhà nước với các hiệp hội nghề nghiệp trong công tác xúc tiến đầu tư; tăng cường kết hợp xúc tiến đầu tư cấp quốc gia, vùng và trong các hoạt động đối ngoại

cấp cao nhà nước. Nâng cao tính chuyên nghiệp, cải thiện nội dung và hình thức xúc tiến đầu tư. Cập nhật kịp thời thông tin, ấn phẩm và tài liệu xúc tiến đầu tư, luôn luôn cải thiện các trang Websites cung cấp các thông tin hữu ích về môi trường đầu tư ở Việt Nam theo sát với nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, giám sát việc cấp, điều chỉnh, thu hồi dự án đầu tư nước ngoài, ban hành quy định ưu đãi, hỗ trợ đầu tư. Xử lý dứt điểm các dự án gây ô nhiễm môi trường, sử dụng đất không hiệu quả, kinh doanh thua lỗ nhiều năm, dự án không triển khai hoặc không thực hiện đúng cam kết. Phòng ngừa, giải quyết sớm các tranh chấp liên quan đến đầu tư nước ngoài.

- Nghiên cứu hoàn thiện khung chính sách ưu đãi thu hút vốn đầu tư nước ngoài và chuyển hướng sang ưu đãi dựa trên hiệu quả đầu tư.

#### ***d) Giải pháp tiếp tục phát triển KTTT, HTX***

- Đẩy mạnh triển khai công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung của Nghị quyết số 20-NQ/TW nhằm tạo sự chuyển biến về nhận thức, nâng tầm tư duy và tạo quyết tâm cao của các ngành, các cấp về nhiệm vụ đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT trong giai đoạn mới; từng bước thực hiện đồng bộ các giải pháp phù hợp với chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và Nghị quyết số 20-NQ/TW. Tổ chức Diễn đàn Kinh tế hợp tác, HTX và biên soạn, phát hành Sách trắng HTX hàng năm.

- Ban hành và thực thi hiệu quả các văn bản hướng dẫn thi hành Luật HTX năm 2023 và các quy định pháp luật liên quan đến KTTT, HTX theo tinh thần Nghị quyết số 20-NQ/TW. Hoàn thiện khung pháp lý về KTTT với nhiều hình thức tổ chức kinh tế hợp tác đa dạng, phát triển từ thấp đến cao (THT, HTX, Liên hiệp HTX,...) và các tổ chức đại diện để nâng cao khả năng huy động vốn, tăng tích lũy vốn và tài sản chung; nâng cao tính minh bạch trong quản lý, điều hành.

- Sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển KTTT theo hướng coi các tổ chức KTTT là chủ thể phù hợp để kết hợp giữa đầu tư của Nhà nước và đầu tư, quản lý của tập thể người dân (đầu tư công – quản trị cộng đồng), cơ chế, chính sách đặc thù cho KTTT.

- Tập trung giải quyết dứt điểm các vấn đề còn tồn đọng của KTTT, cụ thể như: nợ tồn đọng kéo dài trong HTX (nợ nhà nước, nợ ngân hàng, nợ các tổ chức kinh tế khác, nợ thành viên, thành viên nợ HTX...); các quan hệ về tài sản của HTX, đặc biệt là những tài sản liên quan đến đất đai, ....

- Tăng cường liên kết giữa tổ chức KTTT với các thành phần kinh tế khác, đặc biệt là liên kết với DNNN. Doanh nghiệp nhà nước ưu tiên hỗ trợ liên kết, tiêu thụ, sử dụng sản phẩm, dịch vụ, tạo điều kiện cho các tổ chức KTTT hoạt động có hiệu quả.

- Huy động sự tham gia của các tổ chức, hiệp hội ngành nghề hỗ trợ phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn đối với khu vực KTTT, HTX.

#### **2.4. Giải pháp phát triển kinh tế đô thị, tăng cường liên kết vùng, liên kết đô thị - nông thôn và phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị lớn**

- Khẩn trương hoàn thành xây dựng và triển khai thực hiện các quy hoạch vùng, quy hoạch ngành, quy hoạch tỉnh nhằm thúc đẩy liên kết vùng, liên kết đô thị - nông



thôn, phát huy vai trò của các đô thị lớn, các cực tăng trưởng, các vùng kinh tế trọng điểm. Xây dựng trung tâm tài chính quốc tế tại TP. Hồ Chí Minh.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công, nhất là các công trình giao thông trọng điểm; hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông như hệ thống đường cao tốc theo tuyến Bắc - Nam và Đông - Tây; xây dựng dự án đường sắt tốc độ cao, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số gắn với nâng cao năng lực nội tại; thúc đẩy liên kết vùng, sớm tạo ra các vùng động lực mới, cực tăng trưởng mới, triển khai ngay các nghị quyết vùng, Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch tỉnh. Tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hoá và kinh tế đô thị. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển hệ thống đô thị hài hoà, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương; đẩy mạnh phát triển các đô thị vệ tinh của một số đô thị lớn.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế liên kết vùng, đảm bảo các Hội đồng điều phối vùng vận hành và hoạt động hiệu quả. Nghiên cứu xây dựng quỹ phát triển hạ tầng vùng; xây dựng và ban hành cơ chế chính sách đặc thù vùng nhằm thúc đẩy hợp tác, liên kết vùng, gia tăng lợi ích lan tỏa trong nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và nâng cấp chuỗi giá trị của các ngành có thế mạnh; phát triển mô hình kinh tế xanh, khu kinh tế phù hợp với đặc trưng từng vùng.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngân sách nhà nước, tổ chức chính quyền địa phương; triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn theo hướng gắn kết chặt chẽ đầu tư giữa trung ương và địa phương, giữa các địa phương để đầu tư các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông nhằm nâng cao năng lực và khả năng kết nối toàn vùng.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về kinh tế - xã hội, tài nguyên và môi trường của các vùng, bảo đảm thống nhất với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các Nghị quyết, đề án về phát triển đô thị nhằm phát huy vai trò của các đô thị lớn trong dẫn dắt đổi mới mô hình tăng trưởng. Tích cực triển khai có hiệu quả Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi được phê duyệt, các đề án, kế hoạch về phát triển đô thị gắn với các mục tiêu phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu<sup>366</sup>.

- Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết về cơ chế, chính sách đặc thù đối với các thành phố, đặc biệt các cơ chế chính sách khuyến khích đổi mới sáng tạo, mở rộng thí điểm đầu tư theo hình thức PPP, mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD).

- Xây dựng và hoàn thiện các chính sách phát triển gắn kết phát triển đô thị và phát triển nông thôn, từng bước thu hẹp khoảng cách kinh tế - xã hội giữa khu vực đô thị và khu vực nông thôn, phát triển đô thị nhỏ (thị trấn), vùng ven đô thị. Nghiên cứu, lựa chọn phát triển các mô hình đô thị, phù hợp với điều kiện và định hướng phát triển của từng vùng, địa phương như đô thị thông minh, đô thị sinh thái, đô thị xanh, đô thị

<sup>366</sup> Như Đề án phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030, Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến 2030, Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030...

ít các-bon, đô thị nén, đô thị sinh thái - kinh tế, đô thị theo định hướng giao thông công cộng, đô thị thiết kế định hướng cho người đi bộ, đô thị với các khu vực bảo tồn di sản, đô thị với các khu vực phát triển du lịch, v.v..

- Xây dựng hệ thống dữ liệu toàn quốc về quy hoạch phát triển đô thị, ứng dụng rộng rãi hệ thống thông tin địa lý và công nghệ số, nền tảng số, cung cấp được theo nhu cầu của công tác quy hoạch đô thị; thiết lập các công cụ và phương pháp thích hợp để nghiên cứu, đánh giá hiện trạng. Gắn xây dựng quy hoạch, kế hoạch và thực hiện quy hoạch, kế hoạch với phát triển thị trường nhà ở, bất động sản.

- Đẩy mạnh nghiên cứu các mô hình phát triển đô thị gắn với vị trí địa lý, chức năng, vai trò và đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội để làm cơ sở nghiên cứu xây dựng Luật để quản lý phát triển đô thị (đô thị vùng núi, đô thị ven biển, đô thị đảo, đô thị cửa khẩu, đô thị công nghiệp, đô thị sinh thái, đô thị du lịch, đô thị thông minh, đô thị tăng trưởng xanh, đô thị di sản, đô thị sân bay...).

## **2.5. Giải pháp tiếp tục cơ cấu lại các ngành theo hướng hiện đại, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, bền vững và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế**

### **a) Giải pháp tiếp tục cơ cấu lại các ngành nông nghiệp**

- Hoàn thành xây dựng, trình phê duyệt các quy hoạch ngành cấp quốc gia trong lĩnh vực nông nghiệp; tổ chức triển khai thực hiện sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Rà soát, hoàn thiện khung pháp lý hướng dẫn, định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các quy hoạch ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Phát triển thị trường tiêu thụ nông sản:

+ Đối với thị trường trong nước: đẩy mạnh việc xây dựng nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm thế mạnh của địa phương và các sản phẩm quốc gia, sản phẩm vùng. Tăng cường kết nối tiêu thụ nông sản, khai thác các kênh thương mại điện tử, hạn chế khâu trung gian. Tổ chức, phối hợp tổ chức và tham gia hỗ trợ các địa phương, Hiệp hội ngành hàng trong công tác xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp; giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ các sản phẩm nông sản vùng miền: các sự kiện địa phương; diễn đàn, hội nghị kết nối cung cầu, xúc tiến tiêu thụ nông sản, phát triển ngành hàng. Đồng thời, đẩy mạnh xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản, mã số vùng, chỉ dẫn địa lý; tổ chức quảng bá các sản phẩm OCOP, kết nối đưa vào các chuỗi siêu thị bán buôn, bán lẻ...; tăng cường hoạt động kết nối các doanh nghiệp nông nghiệp trong và ngoài nước nhằm đẩy mạnh hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản cho người dân. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai Chương trình “*Cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*”.

+ Đối với thị trường ngoài nước: tích cực triển khai chủ động có hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTAs) với đối tác thúc đẩy nâng cao nhận thức và khả năng tận dụng hiệu quả các địa phương, hiệp hội ngành hàng, hội, doanh nghiệp, HTX về các cơ hội mà FTA mang lại. Thực hiện nghiêm quy định về tem nhãn, truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn vùng trồng, kiểm nghiệm, kiểm dịch, quy cách đóng gói, chất lượng, chủng loại nông sản; đăng ký mã cơ sở đóng gói, mã số doanh nghiệp. Cùng với đó, thực hiện đàm phán để tháo gỡ rào cản kỹ thuật, rào cản thương mại và mở cửa thị trường xuất khẩu chính ngạch thêm nhiều nông sản vào thị trường lớn và tiềm năng. Tăng cường sự phối

hợp chặt chẽ giữa các bộ<sup>368</sup>, các địa phương tổ chức các diễn đàn trong nước, quốc tế giới thiệu, quảng bá sản phẩm nông nghiệp Việt Nam đến với các doanh nghiệp phân phối, người tiêu dùng.

- Tăng cường công tác KHCN và khuyến nông. Thực hiện Kế hoạch nghiên cứu và chuyển giao công nghệ phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng NTM giai đoạn 2018 - 2025. Các nhiệm vụ nghiên cứu tập trung vào chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản chủ lực của ngành, sản phẩm lợi thế của địa phương, một số ngành hàng, sản phẩm chủ lực, có lợi thế cạnh tranh; yêu cầu thực tiễn của sản xuất liên quan đến dịch bệnh, điều kiện bất thuận của tự nhiên, ứng phó thiên tai và biến đổi khí hậu; các giải pháp, công nghệ, biện pháp kỹ thuật trong sản xuất, chế biến, quản lý tổng hợp cho các đối tượng chủ lực để triển khai phục vụ mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng NTM.

- Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp và nông thôn phù hợp, hiệu quả gắn với quá trình “chuyển đổi số, kinh tế số” trong lĩnh vực nông nghiệp; hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp, đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản, kết nối với hệ thống tiêu thụ toàn cầu; từng bước chuyển tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp.

- Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị, Kết luận số 82-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị khóa XII và Nghị định 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.

- Gắn kết phát triển KTTT, HTX với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp. Tăng cường chuyển đổi số cho khu vực KTTT, HTX. Thí điểm xây dựng các mô hình HTX NN điển hình. Triển khai Nghị quyết của Chính phủ về phát triển HTX NN thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng NTM; Đề án nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của HTX NN vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2021-2025<sup>369</sup>. Phối hợp thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021 - 2025<sup>370</sup>; Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025<sup>371</sup>.

- Tiếp tục hỗ trợ, thúc đẩy phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP. Đổi mới, nâng cao vai trò của các hội, hiệp hội trong tham gia trong xây dựng chính sách, điều hành thị trường, cung cấp thông tin, kết nối thị trường, làm cầu nối giữa doanh nghiệp và người sản xuất. Tăng cường liên kết giữa các HTX, hình thành các hiệp hội ngành hàng, Liên hiệp HTX.

- Tăng cường hợp tác quốc tế: đẩy mạnh đối ngoại song phương và nâng tầm đối ngoại đa phương... Nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, tuyên truyền về hội nhập kinh tế quốc tế và thực hiện các cam kết quốc tế đã ký kết, đặc biệt là các Hiệp định mới như

<sup>368</sup> Bộ NN&PTNT, Bộ Ngoại giao, Bộ Công Thương.

<sup>369</sup> Được phê duyệt tại Quyết định số 845/QĐ-TTg ngày 19/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>370</sup> Được phê duyệt tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>371</sup> Được phê duyệt tại Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

EVFTA, UKVFTA, RCEP. Tiếp tục vận động và kêu gọi các nhà tài trợ hỗ trợ thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng NTM. Định hướng ưu tiên đầu tư cho cơ sở hạ tầng phục vụ chuỗi giá trị nông lâm thủy sản chủ lực, công trình phòng chống thiên tai, vệ sinh môi trường, cấp nước sinh hoạt nông thôn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nghiên cứu, đào tạo. Ưu tiên đầu tư cho khu vực miền núi, đồng bào dân tộc, vùng kinh tế - xã hội khó khăn và đồng bằng sông Cửu Long.

- Nâng cao chất lượng công tác đào tạo nguồn nhân lực theo hướng tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu cuộc CMCN 4.0, phục vụ cơ cấu lại ngành và xây dựng nông thôn mới. Tập trung triển khai thực hiện Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn giai đoạn 2022 – 2025<sup>372</sup>.

- Tiếp tục thực hiện các cơ chế chính sách về khuyến khích doanh nghiệp và các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo Luật PPP năm 2020, Luật Đầu tư năm 2020, các nghị định của Chính phủ, bao gồm: Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017, Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018, Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018; Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 và Nghị định số 16/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018. Huy động nguồn vốn ngoài ngân sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025.

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế chính sách, tạo động lực cho ngành phát triển (chính sách đất đai, tín dụng, thuế...).

- Phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản và cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, thông minh, tăng tỷ trọng chế biến sâu để giảm chi phí, nâng cao giá trị sản phẩm. Phát triển các cụm liên kết sản xuất gắn với vùng nguyên liệu, các hình thức hợp tác liên kết sản xuất, chế biến kết nối với hệ thống tiêu thụ trong nước và quốc tế.

- Cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý ngành; thúc đẩy CDS trong nông nghiệp: Tiếp tục đẩy mạnh rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh và cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành; phân cấp giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo theo chỉ đạo chung của Chính phủ, thực hiện nghiêm túc, kịp thời việc công bố, công khai thủ tục hành chính theo quy định. Tổ chức triển khai thực hiện Đề án CDS ngành nông nghiệp.

#### ***b) Giải pháp tiếp tục cơ cấu lại các ngành công nghiệp***

- Tiếp tục rà soát các tồn đọng ở các dự án công nghiệp lớn có vai trò quan trọng. Bám sát tiến độ, tháo gỡ khó khăn để sớm đưa vào vận hành các công trình dự án trọng điểm, có vai trò quan trọng trong lĩnh vực điện, dầu khí, công nghiệp chế biến, chế tạo, khoáng sản... nhằm gia tăng năng lực sản xuất mới và tạo chủ động nguồn cung nguyên, nhiên vật liệu, phát triển bền vững sản xuất.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành công thương giai đoạn đến năm 2030, tập trung thúc đẩy ĐMST và CDS trong ngành công nghiệp; khai thác triệt để thành tựu của cuộc CMCN4.0 để số hóa, công nghệ hóa phương thức sản xuất, kinh doanh nhằm tăng năng suất, chất lượng, sử dụng tài nguyên và năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, gắn với bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phấn đấu tốc độ

<sup>372</sup> Được phê duyệt tại Quyết định số 3685/QĐ-BNN-KTHT ngày 29/9/2022 của Bộ NN&PTNT.

tăng năng suất lao động công nghiệp đạt bình quân 7,5%/năm.

- Xây dựng và triển khai Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035; chú trọng đáp ứng các quy tắc về nguồn gốc xuất xứ trong các hiệp định thương mại tự do, tập trung vào các lĩnh vực: điện tử thông minh, ô tô, dệt may - da giày, cơ khí và tự động hóa, nông nghiệp và công nghệ sinh học, công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ phát triển giao thông vận tải đường sắt, hàng hải; quy hoạch và có cơ chế, chính sách đột phá, khuyến khích phát triển các khu, cụm công nghiệp hỗ trợ tập trung.

- Xây dựng và triển khai có hiệu quả Chương trình quốc gia về nâng cao năng lực độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường của nền sản xuất Việt Nam đến năm 2045 (*Make in Vietnam 2045*) theo hướng chú trọng nâng cao tự chủ về nguyên liệu, công nghệ, sản xuất và thị trường, tăng cường năng lực sáng tạo và thiết kế, phát triển các ngành công nghiệp sử dụng nhiều công nghệ, có giá trị gia tăng cao và các ngành công nghiệp phát thải các-bon thấp; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào đổi mới, hấp thụ và làm chủ công nghệ, nhất là công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ liên quan đến phát triển đường sắt đô thị, đường sắt tốc độ cao, hàng hải.

- Xây dựng và phát triển các cụm liên kết ngành công nghiệp chuyên môn hóa; hình thành thí điểm một số cụm liên kết ngành công nghiệp theo lợi thế cạnh tranh, chuyên môn hóa và chuỗi giá trị. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển ngành dệt may và da giày Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035, tập trung ưu tiên quy hoạch vùng nguyên, phụ liệu cho sản xuất.

- Hoàn thiện khung khổ pháp lý nhằm hỗ trợ, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp nền tảng như luyện kim, cơ khí chế tạo, hóa chất, công nghiệp năng lượng, vật liệu, công nghệ số; hoàn thiện khung khổ pháp lý nhằm hỗ trợ, ưu tiên phát triển ngành công nghiệp bán dẫn, hệ sinh thái bán dẫn.

- Tiếp tục ban hành chính sách nhằm khai thác có hiệu quả năng lượng tái tạo; khuyến khích các tập đoàn, doanh nghiệp trong nước liên kết, liên doanh với doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thiết bị năng lượng sạch, tái tạo, hệ thống pin lưu trữ, công nghệ và sản phẩm tiết kiệm năng lượng; tổ chức thực hiện hiệu quả các quy hoạch năng lượng giảm lượng phát thải khí nhà kính theo các mục tiêu đã cam kết, tận dụng các hỗ trợ quốc tế trong chuyển đổi công nghệ. Thúc đẩy phát triển mạnh các ngành công nghiệp môi trường với công nghệ hiện đại.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, thu hút nguồn lực từ bên ngoài (vốn, công nghệ, tri thức, tài chính xanh...) phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Thực hiện hiệu quả phát triển công nghiệp quốc phòng đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

### ***c) Giải pháp tiếp tục cơ cấu lại các ngành dịch vụ***

- Tập trung thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao như công nghệ thông tin, viễn thông, hàng hải, logistics, dịch vụ kỹ thuật dầu khí, hàng không, dịch vụ thương mại, phân phối lưu thông; dịch vụ giáo dục, đào tạo; dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe; dịch vụ tư vấn tài chính, ngân hàng; pháp lý; phát triển

thị trường nguyên liệu, vật liệu thứ cấp; thị trường dịch vụ tư vấn, đánh giá và hỗ trợ các sản phẩm, hàng hóa và công nghệ thúc đẩy chuyển dịch xanh, tuần hoàn; ưu tiên phát triển hệ sinh thái dịch vụ, trong đó tập trung vào một nhóm các lĩnh vực dịch vụ trên cơ sở áp dụng đồng bộ công nghệ và nền tảng công nghệ thông tin đảm bảo thích ứng với cuộc CMCN 4.0.

- Tập trung hình thành hệ thống các trung tâm logistics mạnh, nhất là trong lĩnh vực hàng không, hàng hải. Hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý, ưu đãi, khuyến khích thu hút đầu tư phát triển logistics. Đầu tư, cải tạo, nâng cấp vận tải đường sắt.

- Ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch mới và chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh dựa trên lợi thế nổi trội về tài nguyên tự nhiên và văn hóa của từng vùng, địa phương; chú trọng công tác hợp tác, liên kết vùng phát triển du lịch; đẩy nhanh ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực du lịch, đến 2025 phát triển đồng bộ hệ sinh thái du lịch thông minh gắn với hệ tri thức Việt.

- Đẩy mạnh đa dạng hóa thị trường, đa dạng hóa ngành hàng để giảm bớt sự phụ thuộc vào các thị trường/ngành hàng truyền thống. Xây dựng chiến lược phát triển các thị trường đến năm 2030. Hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các Hiệp định thương mại tự do FTAs đã ký kết khai thác hiệu quả các thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu. Hỗ trợ DNNVV tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

- Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, tập trung hoàn thiện thể chế và pháp luật về quản lý hoạt động thương mại điện tử. Thực hiện có hiệu quả các chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước, thúc đẩy phân phối hàng hóa qua nền tảng số, thương mại điện tử để mở rộng tiêu dùng nội địa. Tổ chức đẩy mạnh triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các chương trình, đề án về phát triển thương mại trong nước.

- Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa có trọng tâm, trọng điểm, dựa trên sự sáng tạo có kế thừa văn hóa, tinh hoa dân tộc, khoa học công nghệ và bản quyền sở hữu trí tuệ; khai thác tối đa yếu tố kinh tế của các giá trị văn hóa, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các ngành, các khâu sáng tạo, sản xuất, phân phối và tiêu dùng.

- Xây dựng khung pháp luật cho phát triển thị trường các bon, sàn giao dịch hạn ngạch và tín chỉ các-bon dựa trên công nghệ chuỗi khối (blockchain) nhằm giảm phát thải khí nhà kính, trong đó có biện pháp phát triển rừng bền vững góp phần thúc đẩy phát triển dịch vụ sinh thái và thúc đẩy phục hồi các hệ sinh thái và đa dạng sinh học.

### III. KIẾN NGHỊ

Căn cứ vào kết quả đánh giá tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025 năm 2023, bối cảnh quốc tế, trong nước và các định hướng giải pháp cho giai đoạn 2024-2025, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị Chính phủ:

*Một là*, chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương được phân công là cơ quan chủ trì thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tại Phụ lục I, Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 12/4/2022 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 31/2021/QH15 tập trung theo dõi, giám sát, đánh giá khả năng đạt được mục tiêu đồng thời đề xuất, bổ sung kịp thời các giải pháp nếu cần thiết để phấn đấu đến năm 2025 hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đặt ra; đối với các chỉ tiêu, mục tiêu chưa có thông tin, số liệu để đánh giá, chỉ đạo các cơ quan chủ trì thu thập thông tin hoặc chủ động đề xuất các chỉ tiêu thay thế, đảm

bảo có đủ thông tin, số liệu để đánh giá kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết.

*Hai là*, chỉ đạo các bộ, ngành tập trung đẩy nhanh việc hoàn thành các chương trình, đề án phục vụ cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025 đã đến hạn nhưng chưa hoàn thành hoặc chưa ban hành văn bản (*Danh mục các chương trình, đề án chưa hoàn thành theo tiến độ chi tiết tại Phụ lục II của Báo cáo này*).

*Ba là*, chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương trong năm 2024 tập trung triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp, các chương trình, đề án được giao nhằm tạo ra những kết quả rõ nét trong cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, trong đó đặc biệt chú trọng thực hiện hiệu quả các giải pháp tạo môi trường đầu tư thông thoáng, bình đẳng, thuận lợi để thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh; tập trung phát huy vai trò đầu tàu, dẫn dắt của các đô thị lớn và các cực tăng trưởng để tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế.

Trên đây là nội dung Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025 năm 2023. Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính báo cáo Chính phủ. /s

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TTg và các PTTg;
- Văn Phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, QLKTTW *N7*

**BỘ TRƯỞNG**



*Nguyễn Chí Dũng*

**Nguyễn Chí Dũng**

**Phụ lục I**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
 (Kèm theo Báo cáo số 11077/BC-BKHĐT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)



TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025	Cơ quan chủ trì đánh giá	Năm 2021	Năm 2022	Ước Năm 2023	Đánh giá khả năng hoàn thành
1	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân	6,5%/năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	4,6%	4,8%	3,68	Rất thách thức để có thể hoàn thành
2	Tốc độ tăng năng suất lao động ngành công nghiệp chế biến, chế tạo	6,5 - 7%/năm	Bộ Công Thương	6,24%	3,06%	-	Rất thách thức để có thể hoàn thành
3	Tốc độ tăng NSLĐ của các vùng kinh tế trọng điểm	> 6,5%/năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	4,96%	5,52%	-	Rất thách thức để có thể hoàn thành
4	Tốc độ tăng NSLĐ của 05 thành phố trực thuộc trung ương	> 6,5%/năm	Ủy ban nhân dân Thành phố: Hà Nội; Hồ Chí Minh; Đà Nẵng; Cần Thơ; Hải Phòng	- Hải Phòng tăng 12,8%; - Cần Thơ tăng 19,84%; - Hà Nội: tăng 4,91%; - TP. Hồ Chí Minh: tăng 0,24%; - Đà Nẵng giảm 0,67%.	- Hải Phòng tăng 11,76%; - Hà Nội tăng 6,48%; - Cần Thơ tăng 7,8% - TP. Hồ Chí Minh tăng 4,75%, - Đà Nẵng giảm 3,43%	-	Rất thách thức để có thể hoàn thành
5	Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào GDP	45%	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			Bình quân giai đoạn 2021-2023 là 35,69%	Cần nỗ lực lớn để hoàn thành mục tiêu



TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025	Cơ quan chủ trì đánh giá	Năm 2021	Năm 2022	Ước Năm 2023	Đánh giá khả năng hoàn thành
12	Dư nợ thị trường trái phiếu doanh nghiệp so với GDP	20%	Bộ Tài chính	14,85	12,6%	10,85% <sup>6</sup>	Rất thách thức để có thể hoàn thành
13	Chỉ số Chất lượng quản lý hành chính đất đai trong bộ chỉ số về Năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI)	Tăng 10 - 15 bậc so với 2019	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chưa có số liệu đánh giá	Chưa có số liệu đánh giá	Chưa có số liệu đánh giá	Từ năm 2020 đến nay Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) không công bố
14	Chỉ số Chất lượng đào tạo nghề trong bộ chỉ số về Năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI)	Tăng 40 - 50 bậc	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Chưa có số liệu đánh giá	Chưa có số liệu đánh giá	Chưa có số liệu đánh giá	Từ năm 2020 đến nay Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) không công bố
15	Chỉ số Kỹ năng của sinh viên	Tăng 45 bậc so với năm 2019	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chưa có số liệu đánh giá	Chưa có số liệu đánh giá	Chưa có số liệu đánh giá	
16	Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ so với GDP <sup>7</sup>	0,8-1%	Bộ Khoa học và Công nghệ	0,42%	Không có điều tra	Chưa điều tra	Rất thách thức để có thể hoàn thành
17	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo <sup>8</sup>	30%/năm	Bộ Khoa học và Công nghệ	28,5%	Chưa có số liệu đánh giá	-	Có khả năng hoàn thành
18	Số lượng doanh nghiệp đến hết 2025	1,5 triệu	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	857.551	895.876	917.400	Rất thách thức, có khả năng không hoàn thành

<sup>6</sup> Tính đến hết quý II/2023, GDP năm 2022

<sup>7</sup> Bộ KHCN đề nghị điều chỉnh mục tiêu tổng chi quốc gia cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ giai đoạn 2021-2025 từ 1% thành là 0,8-1% GDP.

<sup>8</sup> Bộ KHCN đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu “Số lượng doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ tăng trung bình giai đoạn 2021-2025: 15%” thành “Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2025: 30%” cho thống nhất với hệ thống các chỉ tiêu thống kê quốc gia.

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025	Cơ quan chủ trì đánh giá	Năm 2021	Năm 2022	Ước Năm 2023	Đánh giá khả năng hoàn thành
19	Số doanh nghiệp quy mô vừa và lớn	60.000 - 70.000	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	44.247	Chưa có số liệu đánh giá	Chưa có số liệu đánh giá	Rất thách thức để có thể hoàn thành
20	Tỷ trọng của khu vực kinh tế tư nhân trong GDP	55%	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	50,04%	Chưa có số liệu đánh giá	Chưa có số liệu đánh giá	Có thể hoàn thành
21	Số sản phẩm quốc gia xây dựng được thương hiệu quốc tế	05 - 10	Bộ Công Thương	Chưa có số liệu đánh giá	Chưa có số liệu đánh giá	Chưa có số liệu đánh giá	
22	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP <sup>10</sup>	20%	Bộ Thông tin và Truyền Thông	-	14,26%	15,2%	Có khả năng hoàn thành
23	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	10%	Bộ Thông tin và Truyền Thông	-	8,47%	-	Có khả năng hoàn thành
24	Số lượng hợp tác xã đến hết năm 2025	35.000	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	27.342	29.378	31.700	Rất thách thức để có thể hoàn thành
25	Số hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ nông sản	3.000	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-	1.718	2.500	Rất thách thức để có thể hoàn thành
26	Tỷ lệ hợp tác xã nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị	35%	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	26%	26%	30%	Có khả năng hoàn thành
27	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản	7,0 - 8,0%/năm	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2,46	5,77	Chưa có số liệu đánh giá	Rất thách thức để có thể hoàn thành
28	Giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP bình quân	1 - 1,5%/năm	Bộ Công Thương	Chưa có số liệu đánh giá	Chưa có số liệu đánh giá	Chưa có số liệu đánh giá	

<sup>10</sup> Theo tính toán của Bộ Thông tin và truyền thông. Tổng cục Thống kê đã thử nghiệm tính toán tỷ trọng kinh tế số trong GDP năm 2022 đạt 12,6%; ước tính năm 2023 khoảng 12%.

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025	Cơ quan chủ trì đánh giá	Năm 2021	Năm 2022	Ước Năm 2023	Đánh giá khả năng hoàn thành
29	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân khu vực dịch vụ	7 - 7,5%/năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	6,22	3,53	-	Rất thách thức để có thể hoàn thành
30	Đóng góp của du lịch trong GDP đến hết năm 2025	9 - 10% GDP	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Chưa có số liệu đánh giá	Chưa có số liệu đánh giá	Chưa có số liệu đánh giá	

**Phụ lục II**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN THỰC HIỆN**  
**KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Báo cáo số 11077/BC-BKHĐT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*



TT	TÊN ĐỀ ÁN/CHƯƠNG TRÌNH	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	THỜI GIAN TRÌNH	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
1.	<b>Củng cố nền tảng vĩ mô, nâng cao sức chống chịu của nền kinh tế, thúc đẩy quá trình cơ cấu lại nền kinh tế</b> (có 3/14 nhiệm vụ hoàn thành, 2/14 nhiệm vụ đã trình dự thảo, đang hoàn thiện, 9/14 nhiệm vụ đang triển khai theo kế hoạch)			
a)	<b>Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng</b> (có 1/3 nhiệm vụ hoàn thành, 1/3 nhiệm vụ đã trình dự thảo, đang hoàn thiện và 1/3 nhiệm vụ Đang triển khai thực hiện)			
1	Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 – 2025	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2022	<b>Hoàn thành</b> Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08/6/2022 phê duyệt đề án cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025.
2	Dự án Luật Xử lý nợ xấu	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2022-2023	<b>Đang triển khai thực hiện</b> Không ban hành riêng “Luật xử lý nợ xấu”, nội dung này được lồng ghép vào dự thảo Luật Các TCTD (sửa đổi) theo Nghị quyết số 63/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội. NHNN đã tiến hành xây dựng dự thảo Luật Các TCTD (sửa đổi), thực hiện việc xin ý kiến các bộ, ngành, các TCTD, các tổ chức có liên quan; trình Chính phủ để

				trình Quốc hội cho ý kiến. Tại Kỳ họp thứ 5 – Quốc hội khóa XV, Thống đốc NHNN đã trình bày dự thảo Luật theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp thu ý kiến của các đại biểu Quốc hội, NHNN đã tập trung hoàn thiện Luật các TCTD (sửa đổi) để Quốc hội thảo luận, cho ý kiến tại phiên toàn thể tại hội trường chiều ngày 23/11/2023 trong khuôn khổ chương trình Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV. Hiện nay, NHNN tiếp tục hoàn thiện dự thảo Luật và trình các cấp có thẩm quyền trong thời gian tới).
3	Nghị định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính (Fintech) trong lĩnh vực ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2022	<p><b>Đã trình dự thảo, đang hoàn thiện</b></p> <p>Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã hoàn thành Dự thảo và đã được lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân và gửi Bộ Tư pháp để thẩm định. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, NHNN đã hoàn thiện dự thảo Nghị định, trình Chính phủ Bộ hồ sơ dự thảo Nghị định<sup>1</sup> trong năm 2022. Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái<sup>2</sup>, NHNN đã phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định và có Tờ trình báo cáo Chính phủ<sup>3</sup>. Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái, NHNN đã hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định trình Chính phủ để thực hiện lấy ý kiến các thành</p>

<sup>1</sup> Tờ trình số 102/TTr-NHNN, Tờ trình số 103/TTr-NHNN ngày 21/9/2022.

<sup>2</sup> Công văn số 7016/VPCP-KTTH ngày 18/10/2022, Công văn số 2306/VPCP-KTTH ngày 06/4/2023.

<sup>3</sup> Tờ trình số 07/TTr-NHNN ngày 19/01/2023, Tờ trình số 53/TTr-NHNN ngày 18/4/2023.

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025	Cơ quan chủ trì đánh giá	Năm 2021	Năm 2022	Ước Năm 2023	Đánh giá khả năng hoàn thành
6	Tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước so với GDP	3,7%	Bộ Tài chính	3,41%	3,36%	4%	Có khả năng hoàn thành
7	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 05 năm so với GDP	32 - 34%	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	34,16%	33,85%	32,96%	Có khả năng hoàn thành
8	Nợ xấu nội bảng của toàn hệ thống các tổ chức tín dụng	< 3%	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	1,49%	2,03%	5,03% <sup>1</sup>	Cần nỗ lực lớn để hoàn thành
9	Tất cả các ngân hàng thương mại (không bao gồm các ngân hàng yếu kém) áp dụng Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn.	100%	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cuối năm 2021, có 81 ngân hàng thương mại, chi nhánh NHNNg áp dụng tỷ lệ an toàn vốn <sup>2</sup>	Cuối năm 2022, có 85 ngân hàng thương mại, chi nhánh NHNNg áp dụng tỷ lệ an toàn vốn <sup>3</sup>	Đến nay, có 90 ngân hàng thương mại, chi nhánh NHNNg đã áp dụng tỷ lệ an toàn vốn.	Có khả năng hoàn thành
10	Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu so với GDP	≥ 85%	Bộ Tài chính	92%	55%	-	Cần nỗ lực lớn để hoàn thành
11	Dư nợ thị trường trái phiếu so với GDP <sup>4</sup>	≥ 47%	Bộ Tài chính	38,89%	35,3%	34,5% <sup>5</sup>	Rất thách thức để có thể hoàn thành

<sup>1</sup> Tính đến hết tháng 10/2023

<sup>2</sup> Quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh NHNNg.

<sup>3</sup> Quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh NHNNg.

<sup>4</sup> Số liệu do Tổng cục Thống kê công bố.

<sup>5</sup> Tính đến hết quý II/2023, GDP năm 2022

				viên Chính phủ theo quy chế làm việc của Chính phủ. <sup>4</sup>
<b>b)</b>	<b>Cơ cấu lại ngân sách nhà nước</b> (có 1/7 nhiệm vụ đã trình dự thảo, đang hoàn thiện, 6/7 nhiệm vụ đang triển khai theo kế hoạch)			
4	Báo cáo đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính	2022 - 2025	<b>Đang triển khai thực hiện</b> Bộ Tài chính đã có (i) Báo cáo số 20/BC-BTC ngày 6/1/2023 trình Chính phủ về nghiên cứu, rà soát Luật NSNN và (ii) Văn bản số 19/BTC-NSNN ngày 6/1/2023 trình Thủ tướng Chính phủ xin lùi thời gian đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật NSNN. Đồng thời, đã có Văn bản số 142/BTC-NSNN ngày 4/1/2023 gửi các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đề nghị nghiên cứu, rà soát và đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung Luật NSNN <sup>5</sup> .
5	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế giá trị gia tăng	Bộ Tài chính	2023 - 2025	<b>Đang triển khai thực hiện</b> Ngày 10/8/2023, Bộ Tài chính đã có công văn số 8490/BTC-CST gửi Bộ Tư pháp để bổ sung Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2024 đối với đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) theo Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ.

<sup>4</sup> Tờ trình 117/TTr-NHNN ngày 17/8/2023.

<sup>5</sup> Ngày 19/1/2023, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 223/VPCP-PC thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái, theo đó: (1) Giao Bộ Tài chính căn cứ ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị đối với Đề án “Đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước để bảo đảm vai trò chủ đạo của NSTW và chủ động của NSĐP, các cơ quan, đơn vị có liên quan”, báo cáo Chính phủ về định hướng chính sách sửa đổi và thời điểm đề nghị xây dựng luật để sửa đổi, bổ sung Luật NSNN hiện hành để đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội khóa XV theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; (2) Giao Bộ Tư pháp tổng hợp kết quả tại Báo cáo nghiên cứu, rà soát Luật NSNN hiện hành, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định về việc trình UBTVQH theo Quyết định số 2114/QĐ-TTg.

6	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp	Bộ Tài chính	2023 - 2025	<b>Đang triển khai thực hiện</b> Bộ Tài chính đang hoàn thiện hồ sơ để xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi).
7	Dự án Luật Thuế tài sản	Bộ Tài chính	2023 - 2025	<b>Bộ Tài chính chưa có báo cáo</b>
8	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt	Bộ Tài chính	2023 - 2025	<b>Đang triển khai thực hiện</b> Ngày 10/8/2023, Bộ Tài chính đã có công văn số 8490/BTC-CST gửi Bộ Tư pháp để bổ sung Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2024 đối với đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) theo Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ.
9	Xây dựng Đề án sửa đổi cơ chế phân cấp quản lý ngân sách nhà nước, đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương và tính chủ động của ngân sách địa phương, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025	Bộ Tài chính	2022	<b>Đã trình dự thảo, đang hoàn thiện</b> Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính đã tổ chức xây dựng Đề án, lấy ý kiến các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để hoàn thiện Đề án và có các Tờ trình số 916, 917, 918/TTr-BCSD ngày 2/12/2022 kèm theo Đề án và các tài liệu liên quan trình Ban Cán sự Đảng Chính phủ. Ngày 17/2/2023, Ban Cán sự Đảng Chính phủ đã họp và có Thông báo kết luận số 1671-KL/BCSDCP ngày 2/3/2023, theo đó giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, tiếp thu đầy đủ các ý kiến xác đáng tại cuộc họp để rà soát, hoàn thiện Đề án, báo cáo Bí thư Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Thủ tướng



				<p>Chính phủ để cho ý kiến trước khi trình Bộ Chính trị. Trên cơ sở đó, Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính đã tiếp tục có Tờ trình số 19-TTr/BCSD ngày 16/5/2023 trình Ban Cán sự Đảng Chính phủ về tiếp thu, giải trình ý kiến của Ban Cán sự Đảng Chính phủ về Đề án này. Sau khi Ban Cán sự Đảng Chính phủ chấp thuận, sẽ báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến (theo kế hoạch của Ban Chấp hành Trung ương tại văn bản số 6887-CV/VPTW ngày 26/5/2023, Đề án này sẽ được trình Bộ Chính trị vào ngày 3/11/2023).</p>
10	Đề án xây dựng chế độ quản lý tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội	Bộ Tài chính	2022 - 2025	<p>Đang triển khai thực hiện</p> <p>Bộ Tài chính đề nghị cần nhắc bỏ nhiệm vụ này do nội dung không thuộc phạm vi liên quan đến cơ cấu lại nền kinh tế.</p> <p>Về sửa đổi cơ chế, chính sách đối với NHCSXH:</p> <p>- Tại Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 04/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển NHCSXH đến năm 2030 và Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 28/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/20141 và Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/20212, Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, ngành hoàn thiện tổng thể cơ chế, chính sách cho NHCSXH, trong đó: Giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nghiên cứu, xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định về tổ chức và</p>

			<p>hoạt động của NHCSXH; giao Bộ Tài chính rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc nghiên cứu, sửa đổi các văn bản liên quan đến hoạt động của NHCSXH: Quy định về chính sách tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, cơ chế quản lý tài chính, cơ chế xử lý nợ bị rủi ro.</p> <p>- Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Tài chính đã có nhiều công văn đề nghị NHCSXH báo cáo tổng kết, đánh giá tổng thể tình hình hoạt động của NHCSXH và tình hình triển khai các cơ chế, chính sách tại NHCSXH (trong đó bao gồm cơ chế quản lý tài chính đối với NHCSXH) để làm cơ sở cho Bộ Tài chính xây dựng các dự thảo Nghị định. Đến nay, Bộ Tài chính chưa nhận được báo cáo của NHCSXH. Tuy nhiên, Bộ Tài chính đã ban hành các Quyết định về việc thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Nghị định về chế độ quản lý tài chính của NHCSXH và Nghị định thay thế Nghị định số 78/2002/NĐ-CP về tín dụng đối với người nghèo và đối tượng chính sách khác. Bộ Tài chính (Vụ TCNH) cũng đang chủ động xây dựng các dự thảo Nghị định theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.</p>
c)	<p><b>Cơ cấu lại đầu tư công</b> (có 1/2 nhiệm vụ đã hoàn thành; 1/2 nhiệm vụ đang triển khai theo kế hoạch)</p>		

11	Báo cáo Xây dựng bộ tiêu chí giám sát, đánh giá kết quả quản lý đầu tư công và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2023	Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư đã có quy định về tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư chương trình, dự án đầu tư công (tại điểm b khoản 4 Điều 49 và điểm b khoản 4 Điều 55). Hiện nay, việc đánh giá kết quả quản lý đầu tư công và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công đã được thực hiện tại các báo cáo “Báo cáo đánh giá triển khai kế hoạch đầu tư công” và báo cáo “Công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư hàng năm” do đó đề nghị không thực hiện nhiệm vụ này để tránh trùng lặp.
12	Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng giai đoạn 2017 - 2021, đề xuất những nhiệm vụ trọng tâm cần triển khai trong những năm tiếp theo	Bộ Xây dựng	2022 - 2025	<b>Hoàn thành</b> Bộ xây dựng đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ về Kết quả thực hiện Đề án Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng theo Quyết định số 2038/QĐ-TTg ngày 18/12/2017 (2017-2022) tại Báo cáo số 131/BC-BXD ngày 01/11/2022.
d)	<b>Cơ cấu lại đơn vị sự nghiệp công lập</b> (có 2/2 nhiệm vụ hoàn thành)			
13	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính	2022	<b>Hoàn thành</b> Chính phủ ban hành Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021. Trong đó, theo khoản 1 Điều 36, khoản 2 Điều 37 quy

14	Ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí là cơ sở ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính	2022	định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập thì việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN; ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN,... thuộc trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
2.	<b>Phát triển các loại thị trường, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực</b> (có 8/33 nhiệm vụ hoàn thành, 10/33 nhiệm vụ đã trình dự thảo, đang hoàn thiện, 15/33 nhiệm vụ đang triển khai theo kế hoạch)			
a)	<b>Phát triển thị trường tài chính</b> (có 1/2 nhiệm vụ hoàn thành, 1/2 nhiệm vụ đang triển khai theo kế hoạch)			
15	Chiến lược tài chính đến năm 2030	Bộ Tài chính	2022 - 2030	<b>Hoàn thành</b> Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 368/QĐ-TTg ngày 21/3/2022 của phê duyệt Chiến lược tài chính đến năm 2030.
16	Báo cáo nghiên cứu khả năng xây dựng Luật Đầu tư mạo hiểm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022 - 2023	<b>Đang triển khai thực hiện</b> Hiện nay đã có LUẬT và một số nghị định quy định trực tiếp, cụ thể về hoạt động đầu tư mạo hiểm và quỹ đầu tư mạo hiểm <sup>6</sup> , Do vậy, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang phối

<sup>6</sup> Điều 19 Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28/8/2003 về việc ban hành quy chế khu công nghệ cao; Điều 24 và 25 Luật Công nghệ cao; Điều 31 Luật Khoa học và công nghệ; Điều 18 Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; Điều 15 Luật Đầu tư, Điều 19 và Phụ lục Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Bộ KH&ĐT đang nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 38/2018/NĐ-CP quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, trong đó dự kiến sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến hoạt động đầu tư mạo hiểm và quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo để thúc đẩy hoạt động đầu tư trong lĩnh vực này.

				hợp với các cơ quan liên rà soát tránh trùng lặp.
<b>b)</b>	<b>Phát triển thị trường quyền sử dụng đất</b> (có 1/4 nhiệm vụ hoàn thành, 1/4 nhiệm vụ đã trình dự thảo, đang hoàn thiện, 2/4 nhiệm vụ đang triển khai theo kế hoạch)			
17	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai năm 2013	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2022	<b>Đang tiếp triển khai thực hiện</b> Bộ Tài nguyên và Môi trường đã dự thảo trình Chính phủ trình Quốc hội khóa XV tại Kỳ họp thứ 4, Bộ TN&MT đang rà soát, giải trình tiếp thu ý kiến của Đại biểu Quốc hội về dự án Luật Đất đai (sửa đổi).
18	Đề án tổng thể xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2022 - 2025	<b>Đang triển khai thực hiện</b> Được lồng ghép trong Đề án “Xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu/hệ thống thông tin”, được phê duyệt tại Quyết định số 3067/QĐ-BTNMT ngày 11/11/2022.
19	Lập Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2022	<b>Hoàn thành</b> Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021 về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
20	Xây dựng chiến lược sử dụng đất quốc gia có tầm nhìn dài hạn đến năm 2045	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2023	<b>Bộ Tài nguyên và Môi trường</b> chưa báo cáo
<b>c)</b>	<b>Phát triển thị trường lao động</b> (có 1/12 nhiệm vụ hoàn thành, 5/12 nhiệm vụ đã trình dự thảo, đang hoàn thiện, 6/12 nhiệm vụ đang triển khai theo kế hoạch)			

21	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Việc làm	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2022 - 2025	<b>Đang triển khai thực hiện</b> Dự kiến sẽ được trình Quốc hội xem xét đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024
22	Chiến lược phát triển giáo dục 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2022	<b>Đã trình dự thảo, đang hoàn thiện</b> - Ngày 22/4/2022, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã ký Tờ trình số 445/TTr-BGDĐT trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. - Thực hiện ý kiến của nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam tại Công văn số 7902/VPCP-KGVX ngày 24/11/2022, Bộ Giáo dục đã hoàn thiện dự thảo, ngày 10/4/2023 Bộ trưởng Bộ GDĐT đã ký tờ trình số 597/TTr-BGDĐT trình Chính phủ về dự thảo Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn đến 2030, tầm nhìn đến năm 2045. - Được gia hạn theo Thông báo số 159/TB-VPCP thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại buổi làm việc với Lãnh đạo Bộ GDĐT và các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý về dự thảo Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn đến 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
23	Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Dự án Luật Học tập suốt đời	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2025	<b>Đang triển khai thực hiện</b>

24	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2022	<b>Đã trình dự thảo , đang hoàn thiện</b> Dự kiến trong Quý III năm 2023 Bộ GDĐT sẽ trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quy hoạch mạng lưới các cơ sở GDDH và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.
25	Xây dựng Dự án Luật Bảo hiểm xã hội	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2022 - 2025	<b>Đang triển khai thực hiện</b> Theo kế hoạch dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) dự kiến trình cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV vào tháng 10/2023.
26	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2022	<b>Hoàn thành</b> Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/2/2023 phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
27	Đề án xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ tạo việc làm, khuyến khích doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp tham gia vào đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu thị trường lao động	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2022 - 2025	<b>Đang triển khai thực hiện</b>
28	Chiến lược quốc gia về phát triển đội ngũ tri thức giai đoạn 2021 - 2030	Bộ Khoa học và Công nghệ	2022	<b>Đã trình dự thảo, đang hoàn thiện</b> Bộ Khoa học và Công nghệ đã trình Thủ tướng Chính phủ (Tờ trình số 2846/TTr-BKHCN ngày 10/10/2022). - Đang cập nhật chủ trương, định hướng mới về việc phát triển đội ngũ tri thức theo nội dung Nghị quyết số 45-NQ/TW

				ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới để trình Thủ tướng Chính phủ).
29	Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2022 - 2025	<b>Đang triển khai thực hiện</b> Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã hoàn thiện dự thảo Đề án để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong năm 2023
30	Đề án nâng tầm kỹ năng lao động Việt Nam	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2022	<b>Đã trình dự thảo, đang hoàn thiện</b> Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã hoàn thành dự thảo Đề án và đang tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan và hoàn thiện dự thảo Đề án để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
31	Xây dựng và triển khai chế độ tiền lương mới	Bộ Nội vụ	2022 - 2025	<b>Đang triển khai thực hiện</b>
32	Chiến lược phát triển ngành bảo hiểm xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	2022	<b>Đã trình dự thảo, đang hoàn thiện</b> - Ngày 30/12/2022, BHXH Việt Nam có Công văn số 4056/BHXH-VP gửi Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Chiến lược phát triển ngành BHXH Việt Nam đến năm 2030. - BHXH Việt Nam đã thực hiện rà soát, hoàn thiện dự thảo Đề án Chiến lược phát triển ngành BHXH Việt Nam đến năm 2030 và có Tờ trình số 1755/TTr-BHXH ngày



				09/6/2023 báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề án.
<b>d)</b>	<b>Phát triển thị trường khoa học và công nghệ</b> (có 5/15 nhiệm vụ hoàn thành, 4/15 nhiệm vụ đã trình dự thảo, đang hoàn thiện, 6/15 nhiệm vụ đang triển khai theo kế hoạch)			
33	Xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022 - 2025	<b>Đang triển khai thực hiện</b> Bộ Thông tin và Truyền thông đang rà soát, hoàn thiện lập đề nghị xây dựng Luật. Dự án Luật Công nghiệp công nghệ số dự kiến được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 7 (tháng 05 năm 2024), trình Quốc hội thông qua vào Kỳ họp thứ 8 (tháng 10 năm 2024).
34	Đề án sửa đổi Luật Công nghệ cao (Luật số 21/2008/QH12)	Bộ Khoa học và Công nghệ	2022 - 2025	<b>Đang triển khai thực hiện</b>
35	Đề án sửa đổi Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (Luật số 05/2007/QH12)	Bộ Khoa học và Công nghệ	2022 - 2025	<b>Đang triển khai thực hiện</b> Bộ Khoa học và Công nghệ đã trình Chính phủ hồ sơ lập Đề nghị sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng, sản phẩm, hàng hóa (Tờ trình số 3845/TTr-BKH-CN ngày 25/10/2023). Đang hoàn thiện hồ sơ Đề nghị xây dựng luật theo yêu cầu tại Nghị quyết số 203/NQ-CP ngày 01/12/2023 của Chính phủ về phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 11/2023.
36	Đề án sửa đổi Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật	Bộ Khoa học và Công nghệ	2022 - 2025	<b>Đang triển khai thực hiện</b> Nhiệm vụ xây dựng dự án Luật đã được đưa vào Nghị quyết của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024,

				điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 (Nghị quyết số 89/2023/QH15 ngày 02/6/2023 của Quốc hội). Dự thảo Luật đã được Bộ Khoa học và Công nghệ gửi Bộ Tư pháp thẩm định, dự kiến trình Chính phủ tháng 01/2024.
37	Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi)	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022-2023	<b>Hoàn thành</b> Đã được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 5 (ngày 22/6/2023).
38	Chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế số và xã hội số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022	<b>Hoàn thành</b> Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 411/QĐ-TTg Ngày 31/3/2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
39	Nghị định quản lý các mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng số và mạng internet	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022 - 2024	<b>Đang triển khai thực hiện</b> Bộ Thông tin và Truyền thông đang rà soát các căn cứ ban hành và dự kiến lồng ghép trong Nghị định quy định quản lý và phát triển kinh tế số nền tảng, hoạt động của các nền tảng số, dịch vụ số và giao dịch trực tuyến (đã được lên kế hoạch xây dựng theo nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022).
40	Đề án sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013	Bộ Khoa học và Công nghệ	2022 - 2025	<b>Đang triển khai thực hiện</b> Hồ sơ Lập đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoa học và công nghệ đã được Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, gửi Bộ Tư pháp thẩm định,

				dự kiến trình Chính phủ trong tháng 12/2023.
41	Đề án "Định hướng phát triển Khu công nghệ cao Hòa Lạc giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến 2030"	Bộ Khoa học và Công nghệ	2022	<p><b>Đang triển khai thực hiện</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đang báo cáo, giải trình ý kiến của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam tại Văn bản số 6697/VPCP-KGVX ngày 06/10/2022.</li> <li>- Do Khu CNC Hòa Lạc chuyển về Hà Nội nên Bộ KH&amp;CN đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ đưa Đề án ra khỏi Chương trình công tác.</li> </ul>
42	Chương trình Khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022	<p><b>Hoàn thành</b></p> <p>Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.</p>
43	Đề án phát triển khoa học và ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đặc biệt là công nghệ tiên tiến, công nghệ cao phục vụ cơ cấu lại ngành trong bối cảnh hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022	<p><b>Đã trình dự thảo, đang hoàn thiện</b></p> <p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng dự thảo và có văn bản gửi xin ý kiến của các bộ, ngành, địa phương; tuy nhiên theo ý kiến góp ý của các bộ, ngành và các đơn vị liên quan, nội dung của Đề án trùng lặp với nhiều nội dung các chương trình, đề án mà Bộ NN&amp;PTNT và Bộ Khoa học và Công nghệ đang triển khai thực hiện. Do đó hiện nay, căn cứ vào thực tiễn, Bộ NN&amp;PTNT đang xin ý kiến của Văn phòng Chính phủ chuyển sang xây dựng Đề án "Phát triển khoa học và ứng dụng, chuyển</p>

				giao công nghệ thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp giai đoạn 2022-2030”.
44	Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2030	Bộ Khoa học và Công nghệ	2022	<b>Hoàn thành</b> Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030.
45	Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	<b>Hoàn thành</b> Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/6/2022 phê duyệt Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.
46	Chương trình hành động quốc gia về phát triển và chuyển đổi sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022	<b>Đang tiếp tục triển khai thực hiện</b>
47	Quy hoạch mạng lưới các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Khoa học và Công nghệ	2022	<b>Đã trình dự thảo, đang hoàn thiện</b> - Bộ Khoa học và Công nghệ đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Quy hoạch (Tờ trình số 3140/TTr-BKHHCN ngày 01/11/2022). - Bộ Khoa học và Công nghệ đã trình Thủ tướng Chính phủ theo Tờ trình số 1661/TTr-BKHHCN ngày 02/6/2023.
3	<b>Phát triển doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh trên cơ sở ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao nội lực, tăng cường tính tự chủ, tự cường của nền kinh tế</b> (có 5/9 nhiệm vụ hoàn thành, 2/9 nhiệm vụ đã trình dự thảo, đang hoàn thiện, 2/9 nhiệm vụ đang triển khai theo kế hoạch)			
a)	<b>Cơ cấu lại và phát triển doanh nghiệp nhà nước</b> (có 2/4 Đã trình dự thảo, đang hoàn thiện, 2/4 nhiệm vụ đang triển khai theo kế hoạch)			

48	Phương án cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước theo Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	2022 - 2025	<p><b>Đang triển khai thực hiện</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án cơ cấu lại của 04 tập đoàn, tổng công ty (gồm PVN, TKV, Vinachem, Vinafood I).</li> <li>- 09/19 tập đoàn, tổng công ty do Ủy ban làm đại diện chủ sở hữu đã được phê duyệt Đề án cơ cấu lại.</li> <li>- Đối với 10/19 Đề án còn lại: Ủy ban đã trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt 04 Đề án cơ cấu lại của các tập đoàn, tổng công ty (gồm EVN, SCIC, VN), 06 tập đoàn, tổng công ty (VRG, MobiFone, Vinacafe, Vinafood 2, VNA, VEC) đang tiếp tục hoàn thiện Đề án theo ý kiến của các bộ, cơ quan liên quan (những Đề án này đã được Ủy ban gửi xin ý kiến các cơ quan và được chỉnh sửa và đang hoàn thiện).</li> </ul>
49	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp	Bộ Tài chính	2022 - 2025	<p><b>Đang triển khai thực hiện</b></p>
50	Chiến lược tổng thể đầu tư phát triển doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	2022	<p><b>Đang tiếp tục triển khai thực hiện</b></p> <p>Tại khoản 5, 6 văn bản số 9687/VPCP-DMDN ngày 12/12/2023 của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái chỉ đạo Ủy ban:“(5) Chủ động phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để được hướng dẫn việc trình Chiến lược tổng thể đầu tư thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban trong khi quy hoạch một số ngành chưa được phê duyệt theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ</p>

				tại Chi thị số 12/CT-TTg ngày 06/5/2023; (6) Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong Quý IV năm 2023 hướng dẫn Ủy ban theo nhiệm vụ tại khoản 5 nêu trên (nhiệm vụ được giao tại Thông báo số 240/TB-VPCP ngày 23/6/2023)". Đến ngày 15/12/2023, Ủy ban đã có văn bản số 2764/UBQLV-TH đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, có văn bản hướng dẫn Ủy ban trình Chiến lược trong khi hiện nay 02 quy hoạch ngành (gồm: (i) quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông và (ii) quy hoạch ngành lâm nghiệp) chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 4, Nghị định số 131/2018/NĐ-CP của Chính phủ.
51	Đề án Sắp xếp lại doanh nghiệp quân đội giai đoạn 2021 – 2025	Bộ Quốc phòng	2022	<b>Đã trình dự thảo, đang hoàn thiện</b> Bộ Quốc phòng đã có Tờ trình số 985/TTr-BQP ngày 04/4/2022 và các văn bản số 3182/BQP-KTe ngày 20/9/2022; Văn bản số 28/BQP-Kte ngày 06/01/2023 và Văn bản số 1349/BQP-KTe ngày 25/4/2023 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án (tên Đề án thay đổi lại là "Đề án sắp xếp lại doanh nghiệp quân đội giai đoạn 2021-2025").
b)	<b>Phát triển khu vực kinh tế tư nhân</b> (có 4/4 nhiệm vụ hoàn thành)			
52	Đề án hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	<b>Hoàn thành</b> Ngày 7/1/2021 Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Quyết định số 12/QĐ-BKHĐT về

				Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025.
53	Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021 - 2030	Bộ Tư pháp	2022	<b>Hoàn thành</b> Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 345/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 phê duyệt Đề án "Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021 - 2030".
54	Đề án thúc đẩy doanh nghiệp ứng dụng tiến bộ công nghệ và đổi mới sáng tạo (Để thể hiện rõ mục tiêu và nội hàm, qua báo cáo này Bộ Khoa học và Công nghệ xin phép đổi tên của Đề án thành "Thúc đẩy doanh nghiệp ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo")	Bộ Khoa học và Công nghệ	2022	<b>Hoàn thành</b> <b>Đang triển khai thực hiện.</b> Bộ Khoa học và Công nghệ đang hoàn thiện Dự thảo đề án theo ý kiến của các bộ, ngành, địa phương và dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ ban hành vào Quý I/2024.
55	Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021 – 2025	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	<b>Hoàn thành</b> Tại Nghị quyết số 43/NQ-CP ngày 22/3/2022 về việc không tiếp tục xây dựng chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021 - 2025.
c)	<b>Phát huy vai trò của khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong cơ cấu lại nền kinh tế</b> (có 1/1 nhiệm vụ hoàn thành)			
56	Báo cáo về nghiên cứu giải pháp thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối cảnh thực thi Hiệp định EVFTA	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	<b>Hoàn thành</b> Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Tờ trình số 9084/TTr-BKHĐT ngày 23/12/2021 trình Chính phủ.
4	<b>Tăng cường liên kết vùng, phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm trong đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất</b> (có 5/13 nhiệm vụ hoàn thành, 2/13 nhiệm vụ đang tiếp tục triển khai thực hiện, 6/13 nhiệm vụ đang triển khai theo kế hoạch)			

57	Đề án “Thế chế liên kết vùng ở Việt Nam”	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	<b>Hoàn thành</b> Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 21/4/2022 về các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thế chế liên kết vùng kinh tế - xã hội.
58	Đề án xây dựng và quản lý hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	<b>Đang triển khai thực hiện</b>
59	Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2023	<b>Đang triển khai thực hiện</b>
60	Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022 - 2023	<b>Đang triển khai thực hiện</b>
61	Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022 - 2023	<b>Đang triển khai thực hiện</b>
62	Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022 - 2023	<b>Đang triển khai thực hiện</b>
63	Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022 - 2023	<b>Đang triển khai thực hiện</b>
64	Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022 - 2023	<b>Hoàn thành</b> Chính phủ ban hành Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 25/10/2022 về Quy hoạch tổng thể quốc gia kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 trình Quốc hội ban hành Nghị quyết 81/NQ/QH15 ngày 9/01/2023 về Quy hoạch tổng thể quốc gia kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 trình Quốc hội.



65	Nghị quyết của Chính phủ về các giải pháp nâng cao hiệu quả phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	<b>Hoàn thành</b> Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.
66	Đề án phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh thời kỳ đến năm 2030	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	<b>Hoàn thành</b> Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 892/QĐ-TTg, ngày 26/7/2022 phê duyệt Đề án phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh thời kỳ đến năm 2030.
67	Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Xây dựng	2022	<b>Đã trình dự thảo, đang hoàn thiện</b> Bộ Xây dựng đang lấy ý kiến về Dự thảo Quy hoạch.
68	Luật Quản lý phát triển đô thị	Bộ Xây dựng	2022 - 2023	<b>Đang triển khai thực hiện</b>
69	Đề án xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ giai đoạn 2021 - 2030 thực hiện đột phá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước theo tinh thần Nghị quyết số 13/NQ-TW	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	<b>Hoàn thành</b> Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thành đề án và trình Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 8502/TTr-BKHĐT ngày 13/12/2021. Ngày 07/4/2022, Văn phòng Chính phủ có công văn triển khai tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, trong đó đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, kết hợp báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW vào Đề án để đảm bảo tập trung, thống nhất.

5	<b>Phát triển ngành, thúc đẩy công nghiệp hóa dựa vào đổi mới sáng tạo, khai thác công nghệ số</b> (có 15/33 nhiệm vụ hoàn thành, 12/33 nhiệm vụ đã trình dự thảo, đang hoàn thiện, 6/33 nhiệm vụ đang triển khai theo kế hoạch)			
a)	<b>Cơ cấu lại ngành nông nghiệp</b> (có 2/7 nhiệm vụ hoàn thành, 4/7 nhiệm vụ đang tiếp tục triển khai thực hiện, 1/7 nhiệm vụ đang triển khai theo kế hoạch)			
70	Đề án phát triển các cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022	<b>Đã trình dự thảo, đang hoàn thiện</b> Đã hoàn thành xây dựng Dự thảo Đề án; đang lấy ý kiến các địa phương, đơn vị liên quan; dự kiến trình trong tháng 9/2023.
71	Đề án cơ cấu lại ngành lúa gạo đến năm 2030	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022	<b>Hoàn thành</b> Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định số 555/QĐ-BNN-TT ngày 26/01/2021.
72	Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022	<b>Đang tiếp tục triển khai thực hiện</b> Đã hoàn thành xây dựng Quy hoạch, đã họp thẩm định ngày 18/7/2023, đang hoàn thiện hồ sơ quy hoạch để trình ban hành.
73	Đề án phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022	<b>Đã trình dự thảo, đang hoàn thiện</b> Năm 2022, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Đề án; đã hoàn thiện Đề án theo ý kiến góp ý của các bộ ngành; đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, dự kiến phê duyệt trong năm 2023.
74	Đề án phát triển logistics gắn với vùng sản xuất, kinh doanh nông nghiệp	Bộ Công Thương	2022 - 2025	<b>Đã trình dự thảo, đang hoàn thiện</b> - Bộ Công Thương đã có công văn gửi Thủ tướng Chính phủ đề nghị chuyển nhiệm vụ sang từ sang Bộ Nông nghiệp và Phát

				<p>triển nông thôn (Văn bản số 141/TB-VPCP ngày 20/4/2023 của VPCP).</p> <p>- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hoàn thành Dự thảo Đề án và đang gửi các bộ ngành cho ý kiến (CV 4493/BNN-CPTT ngày 10/7/2023).</p> <p>- Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 4865/VPCP-NN ngày 01/7/2023 về việc điều chỉnh thời gian thực hiện Đề án, theo đó Đề án sẽ hoàn thiện và trình Thủ tướng Chính phủ sau khi Chính phủ ban hành Nghị định về cơ giới hoá, cơ giới hoá đồng bộ trong nông nghiệp.</p>
75	Đề án đẩy mạnh cơ giới hoá đồng bộ trong nông nghiệp	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022	<p><b>Đang triển khai thực hiện</b></p> <p>Đề án đã được cho phép gia hạn thời gian trình đề án sau khi Chính phủ ban hành Nghị định về cơ giới hoá, cơ giới hoá đồng bộ trong nông nghiệp (công văn số 4865/VPCP-NN ngày 01/7/2023 của Văn phòng Chính phủ).</p>
76	Sửa đổi Luật Hợp tác xã 2012	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022 - 2025	<p><b>Hoàn thành</b></p> <p>Ngày 20/6/2023, tại kỳ họp thứ năm, Quốc hội khóa XV, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Hợp tác xã đã được Quốc hội thông qua.</p>
b)	<b>Cơ cấu lại ngành công nghiệp</b> (có 6/13 nhiệm vụ hoàn thành, 4/13 nhiệm vụ đã trình dự thảo, đang hoàn thiện, 3/13 nhiệm vụ đang triển khai theo kế hoạch)			
77	Hoàn thiện và trình ban hành Đề án cơ cấu lại ngành Công Thương giai đoạn 2021 - 2030	Bộ Công Thương	2022	<b>Hoàn thành</b>

				Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 165/QĐ-TTg ngày 28/2/2023 phê duyệt Đề án cơ cấu lại ngành Công Thương giai đoạn 2021 – 2030.
78	Xây dựng Chiến lược phát triển công nghiệp và thương mại địa phương giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045	Bộ Công Thương	2022-2023	<b>Đang triển khai thực hiện</b>
79	Đề án phát triển thị trường các bon tại Việt Nam	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2022	<b>Đã trình dự thảo, đang hoàn thiện</b> Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Tờ trình số 87/TTr-BTNMT ngày 27/11/2021 về việc phê duyệt Đề án phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam.
80	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 18/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ từ năm 2016 đến năm 2025	Bộ Công Thương	2022 - 2025	<b>Đang triển khai thực hiện</b>
81	Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Công Thương	2022	<b>Đã trình dự thảo, đang hoàn thiện</b> Bộ Công thương đã có Tờ trình số 7069/TTr-BCT ngày 08/11/2022 gửi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược.
82	Đề xuất bổ sung dự án Luật Khu công nghiệp, khu kinh tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	<b>Đã trình dự thảo, đang hoàn thiện</b> Bộ KH&ĐT đang phối hợp với các bộ, cơ quan đơn vị xây dựng Đề xuất Luật KCN, KKT dự kiểm trình Chính phủ trong Quý IV/2023.
83	Hoàn thiện, trình ban hành Chiến lược phát triển ngành Dệt may và Da giày Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035	Bộ Công Thương	2022	<b>Hoàn thành</b> Thủ tướng Chính phủ đã Quyết định số 1643/QĐ-TTg ngày 29/12/2022 phê

				duyet Chiến lược phát triển ngành Dệt may và Da giày Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035
84	Chiến lược phát triển ngành công nghiệp than Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Công Thương	2022	<b>Đã trình dự thảo, đang hoàn thiện</b> Bộ Công Thương đã có Tờ trình số 7721/TTr-BCT ngày 01/12/2022.
85	Hoàn thiện, trình ban hành Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hoá chất Việt Nam giai đoạn đến 2030, tầm nhìn đến 2040	Bộ Công Thương	2022	<b>Hoàn thành</b> Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 726/QĐ-TTg ngày 16/6/2022 phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hoá chất Việt Nam giai đoạn đến 2030, tầm nhìn đến 2040
86	Chiến lược phát triển công nghiệp công nghệ số Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 và Chương trình hành động triển khai Chiến lược sau khi được ban hành	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022-2023	<b>Đang triển khai thực hiện</b>
87	Quy hoạch về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Công Thương	2022	<b>Đã hoàn thành</b> Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định ngày 26/7/2023 phê duyệt Quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
88	Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, có xét đến năm 2045	Bộ Công Thương	2022	<b>Hoàn thành</b> Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, có xét đến năm 2045.

89	Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu khí đốt quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Công Thương	2022	<b>Hoàn thành</b> Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
c)	<b>Cơ cấu lại ngành dịch vụ</b> (có 7/13 nhiệm vụ hoàn thành, 4/13 nhiệm vụ đã trình dự thảo, đang hoàn thiện, 2/13 nhiệm vụ đang triển khai theo kế hoạch)			
90	Chiến lược tổng thể phát triển các ngành dịch vụ của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2050	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	<b>Hoàn thành</b> Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 531/QĐ-TTg ngày 1/4/2021 phê duyệt Chiến lược tổng thể phát triển các ngành dịch vụ của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2050.
91	Đề án xây dựng Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi)	Bộ Công Thương	2022 - 2023	<b>Hoàn thành.</b> Ngày 20/6/2023, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng với 463 đại biểu tham gia biểu quyết tán thành với việc thông qua Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (chiếm tỷ lệ 93.72%).
92	Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2022	<b>Đã trình dự thảo, đang hoàn thiện</b>
93	Hoàn thiện, trình ban hành Chiến lược phát triển lực lượng quản lý thị trường giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Bộ Công Thương	2022	Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ trì, phối hợp với các bộ: Nội vụ, Tư pháp và các cơ quan có liên quan tiếp tục hoàn thiện dự thảo Chiến lược, trong đó làm rõ các nội dung về kiện toàn tổ chức của

lực lượng QLTT theo Quyết định 34/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và xác định những nhiệm vụ, đề án ưu tiên triển khai bảo đảm phù hợp, khả thi, đáp ứng yêu cầu thực tiễn tại Công văn số 343/VPCP-TCCV của Văn phòng Chính phủ, Tổng cục QLTT đã báo cáo Bộ Công Thương có văn bản số 994/BCT-TCQLTT gửi 02 Bộ trên đề nghị tiếp tục có ý kiến góp ý đối với dự thảo Chiến lược. Theo đó, ngày 22/3/2023, Bộ Nội vụ có Công văn số 1228/BNV-TCBC và ngày 05/4/2023, Bộ Tư pháp có Công văn số 1264/BTP-PLHSHC gửi ý kiến góp ý với dự thảo Chiến lược. Tại văn bản trên, Bộ Tư pháp có ý kiến đối với phần “Mục tiêu cụ thể” của Chiến lược “Chiến lược phát triển lực lượng QLTT là căn cứ, định hướng quan trọng để xây dựng, phát triển lực lượng QLTT trong thời gian tới, do đó Bộ Tư pháp cho rằng cơ quan chủ trì soạn thảo cần có các nghiên cứu, đánh giá tổng thể về tổ chức và hoạt động của lực lượng QLTT hiện nay (trong đó có đánh giá cụ thể những tồn tại, hạn chế, vướng mắc về tổ chức bộ máy, nhân lực, điều kiện bảo đảm hoạt động...); đánh giá các yếu tố tác động đến lực lượng QLTT ở hiện tại cũng như xu hướng trong thời gian tới để làm căn cứ, cơ sở xác định nhiệm vụ, mục tiêu, giải pháp tại Chiến lược đảm bảo thuyết phục đáp ứng yêu cầu thực tiễn, khả thi cũng như bảo đảm tính dự báo, tổng thể của Chiến lược”. Nhằm

				đánh giá toàn diện các mặt hoạt động của lực lượng, tiếp tục hoàn thiện bảo đảm chất lượng của Chiến lược theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và đề nghị của Bộ Tư pháp, Tổng cục QLTT kiến nghị Lãnh đạo Bộ được hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Chiến lược sau tổ chức tổng kết, đánh giá 05 năm hoạt động của lực lượng theo mô hình Tổng cục
94	Đề án phát triển các mô hình kinh tế chia sẻ thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021 - 2030	Bộ Công Thương	2022	<b>Hoàn thành</b> Văn phòng Chính phủ đã có Công văn số 5697/VPCP-KTTH thông báo Phó Thủ tướng Lê Minh Khái đồng ý lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án phát triển các mô hình kinh tế chia sẻ thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững vào Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021 - 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ.
95	Đề án về chống hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng trong thương mại điện tử giai đoạn 2021 - 2025	Bộ Công Thương	2022	<b>Hoàn thành</b> Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 phê duyệt Đề án chống hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng trong thương mại điện tử giai đoạn 2021 - 2025.
96	Chương trình phát triển Du lịch giai đoạn 2021 - 2025	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2022	<b>Hoàn thành</b> Ngày 13/8/2021, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định



				2292/QĐ-BVHTTDL về Chương trình hành động phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025.
97	Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2025 - 2030 từ ngân sách trung ương	Bộ Công Thương	2025	<b>Đang triển khai thực hiện</b>
98	Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu	Bộ Công Thương	2022 - 2025	<b>Đang triển khai thực hiện</b>
99	Đề án xây dựng bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện các FTA hàng năm của các địa phương	Bộ Công Thương	2022	<b>Hoàn thành</b> Đã được Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh phê duyệt tại Văn bản số 5678/VPCP-QHQT ngày 31/8/2022.
100	Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022	<b>Đã trình dự thảo, đang hoàn thiện</b> Hồ sơ Quy hoạch đã được thẩm định, Bộ Thông tin và Truyền thông (TT&TT) đang hoàn thiện trình Thủ tướng chính phủ phê duyệt.
101	Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022	<b>Đã trình dự thảo, đang hoàn thiện</b> Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ đã tổ chức rà soát, tham vấn, hoàn thiện nội dung của Dự thảo Chiến lược nhằm đảm bảo đồng bộ với các đề án có nội dung liên quan như Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông.
102	Chiến lược an toàn thông tin mạng quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022	<b>Hoàn thành</b>

				Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.
--	--	--	--	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Tổng cộng có 37/102 (chiếm 36,3%) nhiệm vụ hoàn thành; 28/102 (chiếm 27,4%) nhiệm vụ đã trình dự thảo, đang hoàn thiện; 37/102 (chiếm 36,3%) nhiệm vụ đang triển khai theo kế hoạch.



## TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH

**Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025 năm 2023**

(Kèm theo Báo cáo số 11077/BC-BKHĐT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Nội dung góp ý của các bộ, ngành, địa phương	Nội dung tiếp thu, giải trình
1	<b>Bộ Giao thông vận tải</b> (Văn bản số 14240/BGTVT-KHĐT, ngày 12/12/2023)	
-	Điều chỉnh thông tin tại một số ghi chú (Footnote) của báo cáo như sau: + Tại ghi chú số 23 đề nghị cập nhật số liệu như sau: “đã đưa vào sử dụng một số dự án cơ sở hạ tầng quan trọng như dự án cao tốc Bắc Nam giai đoạn 2017-2020 đoạn Mai Sơn - QL45, Vĩnh Hảo - Phan Thiết, Phan Thiết - Dầu Dây, QL45 - Nghi Sơn, Nghi Sơn - Diễn Châu, Nha Trang - Cam Lâm, sân bay Điện Biên...; khởi công các dự án liên vùng như vành đai 4 - vùng Thủ đô, vành đai 3 - TP Hồ Chí Minh, Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột, Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Biên Hòa - Vũng Tàu...”. + Tại ghi chú số 27 đề nghị cập nhật số liệu như sau: “tỷ lệ đầu tư tư nhân/đầu tư công năm 2021 đạt 4,9% và năm 2022 là 4,7%; bình quân giai đoạn 2016-2020 là 4,8%”.	Đã tiếp thu, cập nhật bổ sung vào phần ghi chú của Báo cáo.
-	Tại ghi chú số 256 đề nghị cập nhật số liệu như sau: “Đoạn Mai Sơn - QL45, Vĩnh Hảo - Phan Thiết, Phan Thiết - Dầu Dây, QL45 - Nghi Sơn, Nghi Sơn - Diễn Châu, Nha Trang - Cam Lâm; đang đơn độc, phân đầu đến hết tháng 12/2023 hoàn thành tuyến cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ, Tuyên Quang - Phú Thọ nâng tổng số km đường bộ cao tốc đưa vào khai thác trên cả nước lên 1.892km”.	Đã tiếp thu, cập nhật bổ sung vào phần ghi chú của Báo cáo.
-	Tại ghi chú số 258 đề nghị cập nhật số liệu như sau: “từ đầu nhiệm kỳ đã hoàn thành 659 km, gấp hơn 50% khối lượng đã triển khai trong gần 20 năm trước đây”.	Đã tiếp thu, cập nhật, bổ sung vào phần ghi chú của Báo cáo.
-	Tại phần kết quả đạt được (Phần thứ hai, Mục 2.4, trang 57 của dự thảo) về phát triển kinh tế đô thị, tăng cường liên kết vùng, liên kết đô thị nông thôn và phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm,	Đã tiếp thu, cập

STT	Nội dung góp ý của các bộ, ngành, địa phương	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<p>các đô thị lớn, đề nghị điều chỉnh một số nội dung sau:</p> <p>+ Không đưa các nội dung: (i) Ban hành Nghị quyết số 56/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư đường vành đai 4 - Vùng Thủ đô do Nghị quyết ban hành năm 2022, trong khi báo cáo kết quả tái cơ cấu năm 2023; (ii) Đã chuẩn bị đầu tư 65 dự án, đến nay đã phê duyệt 60 dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025 do đây là số liệu chuẩn bị đầu tư của riêng Bộ GTVT không phải số liệu của cả nước trong giai đoạn 2021-2025.</p> <p>+ Cập nhật lại số liệu km đường cao tốc đã đưa vào khai thác như sau: “Mạng lưới đường bộ cao tốc bước đầu được hình thành với 32 tuyến/đoạn tuyến cao tốc, tổng chiều dài 1.822 km góp phần tăng cường năng lực vận tải trên các hành lang kinh tế quan trọng; đang tiếp tục triển khai thi công 1.244 km;...”.</p>	nhật, chỉnh sửa bổ sung vào Báo cáo.
-	<p>Cập nhật thông tin liên quan đến Nghị quyết thí điểm một số cơ chế chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc quy định tại một số luật liên quan tới xây dựng công trình đường bộ (trang 57 của dự thảo báo cáo) như sau: “Chính phủ đã trình và được Quốc hội ban hành Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 phân cấp cho các địa phương làm cơ quan chủ quản, được sử dụng vốn ngân sách địa phương để đầu tư các công trình đường bộ do trung ương quản lý”.</p>	Đã tiếp thu, cập nhật bổ sung vào Báo cáo.
2	<p><b>Bộ Khoa học và Công nghệ</b> (Văn bản số 4785/BKHCN-KHTC, ngày 15/12/2023)</p>	
-	<p>Khổ thứ nhất, trang 37, bổ sung thông tin và viết lại như sau: "+ Hệ thống tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) thường xuyên được rà soát, sửa đổi, bổ sung, cập nhật cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và mức độ hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế. Đến nay, đã công bố hơn 13.500 TCVN và hơn 800 QCVN, tỷ lệ hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực đạt trên 60%). Đang nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn và chứng nhận Halal, từ đó hỗ trợ phát triển ngành Halal của Việt Nam<sup>1</sup>”.</p>	Đã tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung vào Báo cáo.

<sup>1</sup> Ngày 01/12/2023, tại Dubai, Các Tiểu Vương quốc Ả-rập Thống nhất (UAE), Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) và Bộ Công nghiệp và Công nghệ Tiên tiến UAE (MoIAT) đã ký kết Bản ghi nhớ (MOU) trong lĩnh vực tiêu chuẩn hoá, đo lường, đánh giá sự phù hợp và hệ sinh thái Halal.

STT	Nội dung góp ý của các bộ, ngành, địa phương	Nội dung tiếp thu, giải trình
-	<p>Cập nhật thông tin về Chỉ số GII năm 2023, trang 39 như sau: "Theo Báo cáo GII 2023 do Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) công bố ngày 27/9/2023, Việt Nam xếp thứ 46/132 quốc gia/nền kinh tế, tăng 2 bậc so với năm 2022, đứng thứ 4 khu vực Đông Nam Á, duy trì vị trí thứ 2 trong nhóm 36 nền kinh tế thu nhập trung bình thấp<sup>2</sup>. Việt Nam là một trong 07 quốc gia thu nhập trung bình đạt được nhiều tiến bộ nhất về đổi mới sáng tạo trong thập kỷ qua<sup>3</sup>. Việt Nam cũng là một trong 03 quốc gia giữ kỷ lục có thành tích vượt trội so với mức độ phát triển trong 13 năm liên tiếp (gồm Ấn Độ, Cộng hòa Moldova và Việt Nam)".</p>	<p>Đã tiếp thu, cập nhật bổ sung vào Báo cáo.</p>
-	<p>Đề nghị bổ sung, chỉnh sửa nội dung các chú thích (Foot Note) như sau:  + Số 145 sửa lại thành: “Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật đã được Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, gửi Bộ Tư pháp thẩm định, chuẩn bị trình Chính phủ tháng 01/2024”.  + Số 147 sửa lại thành: “Đến nay, đã phê duyệt 32 chuẩn đo lường quốc gia trên tổng số 44 chuẩn theo Quy hoạch”.</p>	<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung vào Báo cáo.</p>
-	<p>Về các chỉ tiêu và nhiệm vụ cụ thể giao Bộ KH&amp;CN chủ trì (Phụ lục I và Phụ lục II): Đề nghị bổ sung, điều chỉnh: (1) Chỉ tiêu số 16, Phụ lục I; (2) các nhiệm vụ số 28, 35, 36, 40, 54 theo thông tin trong Phụ lục kèm theo Công văn này.</p>	<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung vào Phụ lục II.</p>
3	<p><b>Bộ Nội vụ</b>  <i>(Văn bản số 7382/BNV-KHTC, ngày 14/12/2023)</i></p>	
	<p>Về giải pháp tiếp tục cơ cấu đơn vị sự nghiệp công lập (điểm d khoản 1 mục II phần thứ ba):  - Đề nghị nghiên cứu, lồng ghép các nội dung và giải pháp tại Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 19- NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa</p>	<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung vào</p>

<sup>2</sup> Báo cáo ghi nhận Việt Nam tiếp tục có sự cải thiện thứ hạng đầu vào ĐMST tăng 2 bậc so với năm 2022, từ vị trí 59 lên 57 (đầu vào ĐMST gồm 5 trụ cột: Thể chế, Nguồn nhân lực và nghiên cứu, Cơ sở hạ tầng, Trình độ phát triển của thị trường, Trình độ phát triển của doanh nghiệp). Đầu ra ĐMST tăng 1 bậc so với năm 2022, từ vị trí 41 lên 40 (đầu ra ĐMST gồm 2 trụ cột: Sản phẩm tri thức và công nghệ, Sản phẩm sáng tạo).

<sup>3</sup> gồm Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ, Việt Nam, Philippines, Indonesia và Cộng hòa Hồi giáo Iran.

STT	Nội dung góp ý của các bộ, ngành, địa phương	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<p>XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó nhấn mạnh tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập đến năm 2030 theo mục tiêu của Nghị quyết số 19-NQ/TW.</p> <p>- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, đề nghị nghiên cứu, lồng ghép các nội dung tại Thông báo số 114/TBCCĐĐMSXTCBM ngày 08/12/2023 của Ban Chỉ đạo Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ về việc rà soát, sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trong đó nhấn mạnh các mục tiêu cụ thể đến năm 2025 (phần đầu giảm 13,5% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành so với năm 2021; phần đầu đạt trên 60% đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý củ bộ, ngành tự bảo đảm chi thường xuyên trở lên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện hoàn thành chuyển đổi thành công ty cổ phần).</p> <p>- Rà soát, kết cấu lại các giải pháp về tiếp tục cơ cấu đơn vị sự nghiệp công lập (tại trang 83-85 dự thảo Báo cáo) để tránh trùng lặp (ví dụ như nội dung tại dấu cộng thứ hai và thứ tư của gạch đầu dòng thứ nhất...</p>	Báo cáo.
4	<p><b>Bộ Ngoại giao</b> (Văn bản số 6645/BNG-THKT, ngày 18/12/2023)</p>	
-	<p>Đối với kết quả thứ 4 (trang 51) cần nhắc bổ sung Cụm từ “Một số tập đoàn lớn của Hà Quốc, Hà Lan và Mỹ.....”</p>	Đã tiếp thu, bổ sung vào Báo cáo.
-	<p>Tại nhận định về các tổ chức quốc tế đều có đánh giá tích cực về môi trường đầu tư Việt Nam (trang 51) đề nghị cần nhắc bổ sung một số đánh giá cụ thể của doanh nghiệp, tập đoàn FDI để tăng tính thuyết phục</p>	Đã tiếp thu, bổ sung vào Báo cáo.
-	<p>Tại nội dung hạn chế và nguyên nhân (trang 51-52) đề nghị chuyển nhận định “do khó khăn chung của nền kinh tế thế giới, xu hướng đầu tư ra nước ngoài của các quốc gia phát triển có dấu hiệu giảm sút” sang phần nguyên nhân; đồng thời chia các nguyên nhân thành nguyên nhân khách quan và nguyên nhân</p>	Đã tiếp thu, chỉnh sửa trong Báo cáo.

STT	Nội dung góp ý của các bộ, ngành, địa phương	Nội dung tiếp thu, giải trình
	chủ quan để xác định giải pháp phù hợp.	
-	Tại Mục I.1 (trang 78) đề nghị cân nhắc chuyển nội dung “trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gia tăng, dẫn tới xu hướng phân tách, phân mảnh trong một số lĩnh vực thiết yếu như công nghệ cao, chuỗi cung ứng, năng lượng, khoáng sản chủ chốt “từ đoạn 1 sang đoạn 4 để bố cục chặt chẽ hơn.	Tiếp thu ý kiến, giữ nguyên như trong dự thảo, đảm bảo tính logic
-	Tại Mục II.2 b (trang 91-92) đề nghị cân nhắc bổ sung giải pháp: Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các hiệp định thương mại đã ký kết nhằm đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, mở rộng thị trường trong nước, tái cơ cấu mặt hàng và thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và toàn nền kinh tế.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung vào Báo cáo.
-	Tại Mục II.5 a (trang 95) đoạn 2 đề nghị cân nhắc bổ sung như sau “Đổi đổi tác thúc đẩy nâng cao nhận thức và khả năng tận dụng hiệu quả các địa phương, hiệp hội ngành hàng, hội, doanh nghiệp, HTX về các cơ hội mà FTA mang lại”.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung vào Báo cáo.
-	Tại Mục II.5 a (trang 96) đề nghị cân nhắc chỉnh sửa “Tăng cường hợp tác quốc tế: đẩy mạnh đối ngoại song phương và nâng tầm đối ngoại đa phương... Nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, tuyên truyền về hội nhập kinh tế quốc tế”.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung vào Báo cáo.
-	Tại Mục II.5 b (trang 97-98) đề nghị bổ sung giải pháp: “Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, thu hút nguồn lực từ bên ngoài (vốn, công nghệ, tri thức, tài chính xanh...) phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá”.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung vào Báo cáo.
5	<b>Bộ Quốc Phòng</b> (Văn bản số 5001/BQP-KTe, ngày 18/12/2023)	
-	Cơ bản thống nhất với các nội dung liên quan trong dự thảo Báo cáo nêu trên, tuy nhiên, trong giai	Nội dung này phù

STT	Nội dung góp ý của các bộ, ngành, địa phương	Nội dung tiếp thu, giải trình
	đoạn vừa qua chúng ta cũng tập trung mạnh vào xây dựng và phát triển vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn (trong đó có vai trò của các Khu kinh tế quốc phòng); triển khai quyết liệt các Chương trình mục tiêu quốc gia, đây cũng là nội dung ảnh hưởng đến kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung thêm tình hình thực hiện và giải pháp trong thời gian tới về nội dung này.	hợp hơn khi trình bày trong Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.
-	Đề nghị sửa lại tên đề án tại footnote 182 như sau “Đề án sắp xếp lại doanh nghiệp quân đội giai đoạn 2021-2025”.....	Đã tiếp thu, chỉnh sửa trong Báo cáo.
6	<b>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b> (Văn bản số 9334/UBND-KKTC, ngày 21/12/2023)	
	<p>a) Cập nhật một số kết quả thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp năm 2023 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về kết quả tăng trưởng ngành năm 2023: Giá trị gia tăng toàn ngành (GDP) tăng khá cao 3,5 - 3,8%; tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định 42,02%; tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới 77,1%; tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành đạt khoảng 53 tỷ USD.</li> <li>- Về hoàn thiện cơ chế, chính sách: Công tác xây dựng thể chế, chính sách tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, được quan tâm chỉ đạo quyết liệt thực hiện. Đã tham mưu trình Chính phủ ban hành 03 Nghị định và ban hành theo thẩm quyền 11 Thông tư. Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, giải pháp hỗ trợ giảm chi phí đầu vào của doanh nghiệp (chi phí logistics, giá nguyên vật liệu), đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã theo cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; hỗ trợ cho các hợp tác xã, doanh nghiệp xã hội phát triển khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số... Trong năm đã tập trung xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch Phòng chống thiên tai và Thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đang hoàn thiện hồ sơ để trình ban hành đối với 03 quy hoạch ngành cấp Quốc gia.</li> <li>- Về xây dựng nông thôn mới: Hoàn thành và trình Chính phủ ban hành: Phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-</li> </ul>	Đã tiếp thu, cập nhật, bổ sung trong Báo cáo



STT	Nội dung góp ý của các bộ, ngành, địa phương	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<p>2025, kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 còn lại của các chương trình MTQG4; Thủ tướng Chính phủ ban hành: (1) Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình OCOP giai đoạn 2021 - 20255; (2) Trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao cấp xã, huyện và bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-20256; sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg về quy trình thẩm định nông thôn mới.</p> <p>Ước cả năm 2023, cả nước có 77,1% xã đạt chuẩn NTM, trong đó, có 32,8% xã đạt chuẩn NTM nâng cao và 6,2% xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu. Có 271 đơn vị cấp huyện được công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn NTM. Trong tổng số 20 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có 100% xã đạt chuẩn NTM7 có 05 tỉnh (Nam Định, Đồng Nai, Hà Nam, Hưng Yên và Hải Dương) đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.</p> <p>- Về đẩy mạnh hợp tác, liên kết, gắn sản xuất với chế biến, phân phối và tiêu thụ: Năm 2023, tiếp tục thúc đẩy phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản với 2.204 HTX, 517 Tổ hợp tác, 1.091 doanh nghiệp và 186.829 hộ nông dân tham gia. Triển khai sơ kết 05 năm thực hiện Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, các địa phương đã phê duyệt được 2.146 dự án, kế hoạch liên kết theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, trong đó, trồng trọt 1.504 dự án, chăn nuôi 489 dự án, lâm nghiệp 61 dự án, thủy sản 92 dự án.</p> <p>Đẩy mạnh phát triển chuỗi cung ứng thực phẩm NLTS an toàn và chương trình “Nông nghiệp sạch cho người Việt Nam, cho Thế giới”, nhất là cho các đô thị lớn; tổ chức sản xuất theo hướng tập trung bảo đảm ATTP, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; tăng cường sử dụng vật tư nông nghiệp theo hướng hữu cơ. Đến nay, đã xây dựng và phát triển mô hình chuỗi cung ứng NLTS an toàn với 2.510 chuỗi (duy trì kết quả từ cuối năm 2022), trong đó có sự tham gia của trên 300 công ty, 150 hợp tác xã.</p> <p>Triển khai Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021 - 2025; các HTX NN kiểu mới hiệu quả được nhân rộng; số lượng HTX, trang trại tiếp tục tăng, dần thích nghi với cơ chế thị trường; cả nước có 96 Liên hiệp HTX NN và gần 20.500 HTX nông nghiệp, trong đó khoảng 65% xếp loại khá, tốt và gần 2.500 HTX NN ứng dụng CNC, chuyển đổi số; 4.339 HTX bao tiêu nông sản. Cả nước</p>	

STT	Nội dung góp ý của các bộ, ngành, địa phương	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<p>có 19.660 trang trại, trong đó 1.034 trang trại đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời, 56 trang trại tham gia hoạt động du lịch nông nghiệp, 4.235 trang trại có liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.</p> <p>- Thúc đẩy phát triển các ngành, nghề gắn với định hướng phát triển kinh tế nông thôn; chuyển đổi cơ cấu sản xuất kinh doanh, phát triển các sản phẩm chủ lực theo 3 trục sản phẩm, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn và Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP). Năm 2023, có khoảng 11.000 sản phẩm OCOP được chuẩn hóa theo bộ tiêu chí sản phẩm OCOP (tăng hơn 2.300 sản phẩm so với năm 2022); với 5.610 chủ thể tham gia Chương trình OCOP, trong đó có 37,9% là HTX, 24 % là doanh nghiệp, 35,3% là cơ sở sản xuất/hộ kinh doanh, còn lại là tổ hợp tác.</p> <p>- Khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao được chuyển giao và ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp ngày càng nhiều, góp phần nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện để nghiên cứu, ứng dụng KHCN tạo các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao ở 3 trục sản phẩm, từ khâu sản xuất giống, nuôi trồng, chế biến; chương trình nghiên cứu, lựa chọn tạo giống cây trồng, chủ yếu là cây ăn quả, lúa; nghiên cứu chọn tạo giống vật nuôi thích ứng với BĐKH ở ĐBSCL. Tiếp tục chỉ đạo hoàn thành 221 đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ, 100 đề tài tiềm năng cấp Bộ, 23 nhiệm vụ môi trường cấp Bộ, 137 dự án khuyến nông trung ương, nghiệm thu 55 nhiệm vụ KHCN và 59 dự án khuyến nông trung ương. Từ kết quả nghiên cứu đã công nhận, ban hành 61 giống mới, 42 tiến bộ kỹ thuật, 19 quy trình công nghệ, 12 sổ tay hướng dẫn kỹ thuật, 23 sách chuyên khảo, hơn 1100 bài báo đăng trên tạp chí trong nước và ngoài nước,... để chuyển giao và áp dụng.</p> <p>Hướng dẫn địa phương thực hiện công nhận vùng, doanh nghiệp NNUĐCNC đạt các tiêu chí theo quy định. Ứng dụng CNC trong nông nghiệp ngày càng được nhân rộng như các hệ thống nhà màng, nhà kính, nhà lưới kết hợp với ứng dụng công nghệ số để điều khiển tự động hoặc bán tự động; ứng dụng BigData, IoT, AI trong quản lý và chăm sóc cây trồng, vật nuôi, công nghệ tưới tiên tiến tiết kiệm nước bán tự động hoặc tự động theo thời gian hoặc theo độ ẩm, nhiệt độ đo được; ứng dụng kỹ thuật canh tác không dùng đất. Đã xuất hiện nhiều mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với sự đầu tư mạnh của</p>	

STT	Nội dung góp ý của các bộ, ngành, địa phương	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<p>các doanh nghiệp, như: TH (sữa), Dabaco (chăn nuôi), Nafoods (trồng, chế biến trái cây), Masan (giết mổ, chế biến), Nam miền Trung (tôm), Vingroup (rau), Ba Huân (chăn nuôi)... Lũy kế đến nay, cả nước có 5 khu NNƯDCNC do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập (Hậu Giang, Phú Yên; Bạc Liêu, Thái Nguyên; Quảng Ninh) và 01 Khu Lâm nghiệp UDCNC Bắc Trung bộ; có 690 vùng sản xuất nông nghiệp, trong đó có 499 vùng có ứng dụng CNC; có 290 doanh nghiệp NNƯDCNC vào sản xuất (trong đó có 70 doanh nghiệp NNƯDCNC); có 1.930 HTX NNƯDCNC.</p> <p>Năm 2023, triển khai 231 nhiệm vụ xây dựng TCVN, QCVN; kết quả có 94 TCVN, QCVN đã được thẩm định, cấp số hiệu; lũy kế toàn Ngành có 1.350 TCVN và 205 QCVN (quản lý vật tư nông nghiệp có 448 TCVN và 35 QCVN).</p> <p>- Về phát triển doanh nghiệp: Lực lượng doanh nghiệp NN ngày càng lớn mạnh và tâm huyết đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn hơn, đang trở thành nòng cốt trong chuỗi giá trị nông sản. Năm 2023, thành lập mới 1.400 doanh nghiệp, nâng tổng số lên trên 16.100 doanh nghiệp, tăng 7,3% so với năm 2022. Bên cạnh sự đầu tư, phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, một số tập đoàn, doanh nghiệp lớn tiếp tục gia tăng đầu tư vào nông nghiệp, nhất là nông nghiệp ứng dụng CNC, như: Nafoods, TH, Dabaco Việt Nam, Masan, Lavifood, Công ty TPXK Đồng Giao, Thương mại và Đầu tư Biển Đông. Bên cạnh đó, tổ chức nhiều Hội nghị, làm việc để huy động, phát huy vai trò của các Hiệp hội ngành hàng trong xây dựng cơ chế chính sách, quy định về kiểm soát và tổ chức kiểm tra, chứng nhận chất lượng sản phẩm; nắm bắt cũng như tiếp nhận phản ánh của các doanh nghiệp để giải quyết các vướng mắc; nắm bắt nhu cầu, khả năng tiêu thụ của thị trường để góp phần điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sản xuất.</p> <p>- Thị trường tiêu thụ sản phẩm NLTS tiếp tục được mở rộng cả về ngành hàng và sản phẩm, chú trọng thị trường trong nước; mở cửa thị trường, tháo gỡ rào cản thương mại, tăng cường xuất khẩu NLTS trong bối cảnh thị trường thế giới khó khăn. Chủ trì tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển bền vững 1 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL đến năm 2030; phối hợp với UBND tỉnh Hậu Giang và các bộ, ngành, cơ quan tổ chức Festival quốc tế ngành hàng lúa gạo Việt Nam - Hậu Giang 2023...</p> <p>Phối hợp với Bộ Công Thương và các địa phương theo dõi sát tình hình sản xuất, nguồn cung, biến động giá cả, đặc biệt là các mặt hàng nông sản vào vụ có sản lượng thu hoạch lớn (xoài, sầu riêng, mít,</p>	

STT	Nội dung góp ý của các bộ, ngành, địa phương	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<p>chanh, vải...) và vật tư đầu vào phục vụ sản xuất (phân bón, thức ăn chăn nuôi, thủy sản), kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong lưu thông, phân phối, tiêu thụ nông sản, bảo đảm nguồn cung nông sản thiết yếu đáp ứng nhu cầu thị trường. Trước bối cảnh giá gạo thế giới liên tục tăng cao, một số địa phương có hiện tượng mua gom lúa, gạo ô ạt, gây mất cân đối cung cầu cục bộ, Bộ đã kịp thời tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành và triển khai Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 05/8/2023 về việc đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia và thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu gạo bền vững trong giai đoạn hiện nay. Tiếp tục thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến và tiêu thụ nông sản qua sàn thương mại điện tử uy tín như: Postmart, Voso, Shopee, Tiki, Ladaza (Một số địa phương tích cực, chủ động ứng dụng Thương mại điện tử (TMĐT) tiêu thụ nông sản như: Sơn La: năm 2023 đã có hơn 500 tấn trái cây được tiêu thụ qua sàn TMĐT; Yên Bái: có trên 30.000 tài khoản mua, bán cho các hộ nông dân trên sàn TMĐT Postmart.vn, giới thiệu 3.550 sản phẩm (trong đó 108 sản phẩm OCOP); Thanh Hóa: trên 10.000 hộ sản xuất, kinh doanh được đào tạo kỹ năng số và kỹ năng hoạt động trên không gian mạng; gần 500 sản phẩm nông sản đưa lên sàn TMĐT..)</p> <p>Phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương thực hiện các cơ chế, chính sách đối với công tác xúc tiến thương mại, đàm phán mở cửa, phát triển thị trường để giải quyết kịp thời các vướng mắc thúc đẩy xuất khẩu NLTS, đã bổ sung 25 cơ sở xuất khẩu vào Hàn Quốc, 13 cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu vào EU, 12 cơ sở bao gói tôm sú, tôm thẻ, cua, tôm hùm sống xuất khẩu vào Trung Quốc, 01 cơ sở vào Hoa Kỳ, 02 cơ sở vào Liên bang Nga; đã cấp 6.997 mã số vùng trồng, 1.613 mã số cơ sở đóng gói được phép xuất khẩu sang các thị trường; bổ sung sản phẩm xuất khẩu (Dưa hấu sang Trung Quốc; dưa tươi sang Hoa Kỳ,...); đặc biệt một số mặt hàng nông sản lần đầu tiên đã được xuất khẩu chính ngạch sang Hoa Kỳ, Trung Quốc (Sầu riêng, Tô Yến, bưởi Diễn...); chủ động dự báo, tranh thủ cơ hội từ FTAs để thúc đẩy xuất khẩu. Trước tình hình sản xuất thủy sản và lâm nghiệp đối mặt với nhiều khó khăn, Bộ đã kịp thời phối hợp với Hiệp hội gỗ và lâm sản, Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ tổ chức Hội nghị bàn và triển khai nhiều giải pháp thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu lâm sản và thủy sản, trong đó có thống nhất triển khai “Gói tín dụng 15 nghìn tỷ đồng” (đến nay giải ngân được 9 nghìn tỷ đồng cho trên 3.500 lượt khách hàng).</p> <p>Nhờ đó, góp phần tháo gỡ nhiều khó khăn, vướng mắc để gia tăng xuất khẩu NLTS trong điều kiện</p>	

STT	Nội dung góp ý của các bộ, ngành, địa phương	Nội dung tiếp thu, giải trình
	khó khăn về đơn hàng mở mới và rào cản thị trường, tổng kim ngạch xuất khẩu NLTS tiếp tục duy trì đà tăng trưởng khá, ước đạt 53 tỷ USD, giảm 1 % so với năm 2022, xuất siêu đạt mức kỷ lục trên 11 tỷ USD17. Trong đó xuất khẩu lâm sản chính trên 14,2 tỷ USD, giảm 17%; thủy sản 9,2 tỷ USD, giảm 15,8%; nông sản chính 26,5 tỷ USD, tăng 16,7%; chăn nuôi gần 500 triệu USD, tăng 22,2%.	
-	b) Cập nhật tiến độ một số nhiệm vụ giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Phụ lục kèm theo.	Đã tiếp thu, Cập nhật tiến độ tại Phụ lục II
7	<b>Bộ Tài chính</b> (Dự thảo góp ý của Bộ Tài chính)	
-	<p>1. Về công tác rà soát, nghiên cứu hoàn thiện thể chế:</p> <p>Pháp luật về thuế hiện hành đã quy định đãi thuế nhằm khuyến khích khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; nghiên cứu, phát triển và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ; khuyến khích liên doanh, liên kết; nâng cấp chuỗi giá trị, phát triển công nghiệp hỗ trợ; nâng cao tỷ trọng nội địa hóa (như: (i) Miễn thuế đối với thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn, liên doanh, liên kết với doanh nghiệp trong nước; Miễn thuế đến 03 năm đối với thu nhập từ thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; (ii) áp dụng thuế suất thuế TNDN ưu đãi 10% trong 15 năm, miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với doanh nghiệp có dự án đầu tư mới hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án đầu tư mới tại khu công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; (iii) Thu nhập từ chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn thuế TNDN; chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì được giảm 50%...; (iv) Được hưởng ưu đãi cao nhất theo pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp).</p> <p>Ngoài ra, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 20 và khoản 4 Điều 75 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14,</p>	Đã tiếp thu, chỉnh sửa trong Báo cáo

STT	Nội dung góp ý của các bộ, ngành, địa phương	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<p>ngày 06/10/2021 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt, trong đó đã quy định ưu đãi đặc biệt dành cho các dự án đầu tư đáp ứng tiêu chí về công nghệ cao, chuyển giao công nghệ, tham gia chuỗi, giá trị sản xuất trong nước.</p> <p>Do đó, đề nghị bỏ nội dung “rà soát, hoàn thiện chính sách ưu đãi thuế nhằm khuyến khích khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, phát triển và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, khuyến khích liên doanh, liên kết, nâng cấp chuỗi giá trị, phát triển công nghiệp hỗ trợ, nâng cao tỷ trọng nội địa hóa” tại gạch đầu dòng đầu tiên trang 9 và trang 82 dự thảo Báo cáo.</p>	
-	<p>2. Về nội dung cơ cấu lại đầu tư công</p> <p>Bộ Tài chính bổ sung, cập nhật tình hình giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023 như sau:</p> <p>Giá trị giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023 của Bộ Tài chính ước tính đến 30/11/2023 trên kế hoạch vốn đã phân bổ là 65.654 triệu đồng/407.238 triệu đồng, đạt tỷ lệ 16,1% (trên kế hoạch vốn được giao là 65.653 triệu đồng/2.621.000 triệu đồng, đạt tỷ lệ 2,5%).</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vốn đầu tư công thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025: Ước giải ngân đến ngày 30/11/2023 trên kế hoạch vốn đã phân bổ là 65.653 triệu đồng/351.857 triệu đồng, đạt tỷ lệ 18,7% (trên kế hoạch vốn được giao là 65.653 triệu đồng/558.000 triệu đồng, đạt tỷ lệ 11,8%).</li> <li>- Vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: 0 triệu đồng/55.381 triệu đồng, đạt 0%.</li> </ul>	<p>Đã tiếp thu, cập nhật và bổ sung vào Báo cáo</p>
-	<p>3. Về nội dung cơ cấu lại ngân sách nhà nước (NSNN)</p> <p>- Bộ Tài chính bổ sung, cập nhật các số liệu NSNN như sau:</p> <p>Tổng thu NSNN năm 2023 tính đến ngày 15/12/2023 đạt 1.602,5 nghìn tỷ đồng. Trong đó: (i) Thu nội địa đạt 1.323,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 82,56% tổng thu NSNN; (ii) Thu từ dầu thô đạt 59,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 3,69% tổng thu NSNN; (iii) Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 218,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 13,62% tổng thu NSNN. Ước thực hiện thu NSNN cả năm đạt 1.717,8 nghìn tỷ đồng, trong đó thu nội địa đạt 1.439,0 nghìn tỷ đồng, thu từ dầu thô đạt 62,8 nghìn tỷ đồng, thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 213 nghìn tỷ đồng.</p>	<p>Đã tiếp thu, cập nhật và bổ sung vào Báo cáo</p>

STT	Nội dung góp ý của các bộ, ngành, địa phương	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<p>Tổng chi NSNN năm 2023 tính đến ngày 15/12/2023 đạt 1.579,9 nghìn tỷ đồng, khoảng 76,1% so với dự toán. Trong đó: (i) Chi đầu tư phát triển đạt 488,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 30,5% tổng chi NSNN; (ii) Chi dự trữ quốc gia đạt 972 tỷ đồng, chiếm 0,06% tổng chi NSNN; (iii) Chi trả nợ lãi đạt 90,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 5,65% tổng chi NSNN; (iv) Chi viện trợ đạt 1,67 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,11% tổng chi NSNN; (v) Chi thường xuyên đạt 998,0 nghìn tỷ đồng, chiếm 63,2% tổng chi NSNN. Ước thực hiện chi NSNN cả năm đạt 1.731,9 nghìn tỷ đồng, trong đó chi đầu tư phát triển đạt 579,8 nghìn tỷ đồng, chi dự trữ quốc gia đạt 1,6 nghìn tỷ đồng, chi trả nợ lãi đạt 90,1 nghìn tỷ đồng, chi viện trợ đạt 1,79 nghìn tỷ đồng, chi thường xuyên đạt 1.058,6 nghìn tỷ đồng.</p> <p>- Đề nghị cập nhật số liệu về nợ công tại trang 9 dự thảo Báo cáo như sau: “<i>Các chỉ tiêu nợ công đều trong phạm vi cho phép: Nợ công giảm từ mức 42,7% GDP năm 2021 xuống khoảng 37,4% GDP năm 2022; nợ Chính phủ giảm từ mức 38,7% GDP năm 2021 xuống khoảng 34,2% GDP năm 2022; nợ nước ngoài quốc gia giảm từ mức 38,1% GDP năm 2021 xuống khoảng 36,1% GDP năm 2022</i>”.</p>	
	<p>4. Về nội dung cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập</p> <p>Đề nghị Bộ KHĐT bỏ giải pháp: “<i>Về cơ chế, chính sách thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công: Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định về cơ chế, chính sách khuyến khích ưu đãi và thúc đẩy xã hội hóa trong cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cho phù hợp với tình hình thực tế và chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước, bảo đảm phù đủ khả năng thu hút nguồn lực ngoài xã hội tham gia hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công</i>” tại điểm d khoản 1 mục II phần thứ hai trang 84 dự thảo Báo cáo. Lý do:</p> <p>Bộ Tài chính đã có Tờ trình Chính phủ số 30/TTr-BTC ngày 14/3/2023; số 203/TTr-BTC ngày 21/9/2023 và số 276/TTr-BTC ngày 18/12/2023 để báo cáo Chính phủ và dự thảo Nghị quyết về việc đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ sự nghiệp công (đính kèm). Trong đó, tại dự thảo Nghị quyết giao:</p> <p>- Các Bộ, ngành theo chức năng, lĩnh vực quản lý thực hiện tổng kết, đánh giá, rà soát các chính sách ưu đãi, khuyến khích lĩnh vực xã hội hóa và đề xuất bổ sung các chính sách ưu đãi để đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ sự nghiệp công. Bộ Tài chính tổng hợp, nghiên cứu các nội dung đề xuất chính sách, giải pháp để báo cáo cấp có thẩm quyền trong quá trình sửa đổi, bổ sung các Luật thuế. Thời gian hoàn</p>	<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa trong Báo cáo</p>

STT	Nội dung góp ý của các bộ, ngành, địa phương	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<p>thành theo Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giao Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì nghiên cứu, tổng hợp đề xuất các chính sách ưu đãi về đất đai tại dự án Luật Đất đai sửa đổi. Thời gian hoàn thành theo Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội.</li> <li>- Giao các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương rà soát, sửa đổi, đơn giản hoá các thủ tục hành chính liên quan đến việc thành lập các cơ sở ngoài công lập, giao đất, hỗ trợ giải phóng mặt bằng... nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở cung ứng dịch vụ sự nghiệp công ngoài công lập được thành lập và hoạt động có hiệu quả; bảo đảm không phát sinh hoặc làm phức tạp thêm thủ tục hành chính đang áp dụng.</li> </ul>	
	<p>5. Về nội dung cơ cấu lại thị trường tài chính</p> <p>5.1. Đối với thị trường chứng khoán (TTCK)</p> <p>a. Kết quả phát triển các loại thị trường, nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng nguồn lực (trang 22-26 dự thảo Báo cáo)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại trang 22 dự thảo Báo cáo: Đề nghị sửa lại thành “Đối với thị trường vốn, một số chính sách quan trọng đã được ban hành, để tạo nền móng phát triển thị trường vốn an toàn, lành mạnh, <i>không khó pháp lý và cơ chế chính sách cho hoạt động của thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) từng bước được ban hành từ Luật, Nghị định đến Thông tư</i><sup>4</sup>, khắc phục những bất cập, vướng mắc trong khung pháp lý về thị trường TPDN, tiếp cận chuẩn mực quốc tế, có sự điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh phát triển...”.</li> <li>- Ghi chú 87 (trang 22 dự thảo Báo cáo): đề nghị bổ sung Thông tư số 30/2023/TTBTC ngày 17/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch và tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước. Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 05/3/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung và</li> </ul>	<p>Đã tiếp thu, cập nhật, chỉnh sửa và bổ sung vào Báo cáo</p>

<sup>4</sup> Cùng với việc Quốc hội ban hành Luật Chứng khoán năm 2019 và Luật Doanh nghiệp năm 2020, khung pháp lý về phát hành TPDN về cơ bản quy định đầy đủ các điều kiện, hồ sơ, quy trình, chế độ công bố thông tin và cơ chế giám sát, phân định rõ trách nhiệm của các chủ thể tham gia thị trường.



STT	Nội dung góp ý của các bộ, ngành, địa phương	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<p>ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.</p> <p>- Tại trang 23 dự thảo Báo cáo: Đề nghị sửa lại thành “Dự thảo Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030 đang <i>trình Thủ tướng Chính phủ</i> đã cụ thể hoá các mục tiêu và giải pháp phát triển thị trường đến năm 2030... Bắt đầu từ ngày 01/01/2023, quy định việc chào bán trái phiếu ra công chúng phải được xếp hạng tín nhiệm trong một số trường hợp đặc thù <i>được thực hiện đã khôi phục niềm tin của nhà đầu tư đối với thị trường TPDN</i>, góp phần tăng cường chất lượng hàng hoá trên thị trường chứng khoán, ...”.</p> <p>- Tại trang 24 dự thảo Báo cáo: Đề nghị sửa lại thành “<i>Việc vận hành hệ thống giao dịch TPDN riêng lẻ từ ngày 19/7/2023 đã cải thiện thanh khoản cho thị trường, nâng cao tính minh bạch và khả năng tiếp cận thị trường của nhà đầu tư, khôi phục niềm tin của nhà đầu tư đối với thị trường TPDN. Tính đến cuối tháng 11/2023, trên thị trường đã có 725 mã trái phiếu được đăng ký giao dịch tập trung trên hệ thống giao dịch TPDN riêng lẻ của Sở GDCK Hà Nội với tổng giá trị giao dịch đạt 7.324,95 tỷ đồng, giá trị giao dịch bình quân phiên đạt 261,6 tỷ đồng/phiên</i>”.</p> <p>- Ghi chú 97 (trang 24 dự thảo Báo cáo): Đề nghị sửa thành: “TTCK Việt Nam năm 2023 tiếp tục trải qua nhiều biến động, tăng giảm đan xen; 4 tháng đầu năm giao dịch trầm lắng, thanh khoản sụt giảm mạnh so với năm trước. Từ đầu tháng 05 đến nửa đầu tháng 08, thị trường đã giao dịch khởi sắc. Tính đến ngày 30/11/2023, chỉ số VN-Index đạt 1.094,13 điểm, tăng 6,4% so với cuối tháng 10 và tăng 8,6% so với cuối năm 2022; chỉ số HNX-Index đạt 226,15 điểm, tăng 10,2% so với cuối năm 2022. Mức vốn hóa thị trường cổ phiếu 3 sàn HOSE, HNX và UPCoM ngày 30/11/2023 đạt 5.754 nghìn tỷ đồng, tăng 10,1% so với cuối năm 2022, tương đương 60,5% GDP ước tính năm 2022”.</p> <p>- Ghi chú 98 (trang 25 dự thảo Báo cáo): Đề nghị sửa thành “TTCK phái sinh tính đến cuối tháng 11/2023, khối lượng giao dịch bình quân hợp đồng tương lai trên chỉ số VN30 đạt 238.024 hợp đồng/phiên, giảm 13% so với năm 2022; khối lượng mở OI toàn thị trường tại ngày 30/11/2023 đạt 56.201 hợp đồng, giảm 5% so với cuối năm 2022; khối lượng giao dịch bình quân chứng quyền có bảo đảm đạt 31.414.052 chứng quyền/phiên, giảm 3,1% so với bình quân năm trước và giá trị giao dịch đạt 28,48 tỷ</p>	

STT	Nội dung góp ý của các bộ, ngành, địa phương	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<p>đồng/phiên, tăng 34,3% so với bình quân năm trước”.</p> <p>- Ghi chú 99 (trang 25 dự thảo Báo cáo): Đề nghị sửa thành “Sau khi chỉ số VNIndex giảm 5,71% trong tháng 9, thị trường tiếp tục giảm điểm mạnh trong tháng 10, với mức giảm 10,9% và là mức giảm theo tháng lớn nhất kể từ đầu năm đến nay”.</p> <p>- Tại trang 25 dự thảo Báo cáo: Đề nghị sửa nội dung tồn tại, hạn chế về phát triển thị trường vốn thành “Thị trường vốn đã có những bước phát triển nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu vốn trung, dài hạn của doanh nghiệp. TTCK vẫn còn những tồn tại (i) Nhiều hành vi vi phạm pháp luật trên thị trường cổ phiếu trong thời gian qua như không công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch của cổ đông nội bộ, người có liên quan, thao túng thị trường chứng khoán... tiếp tục diễn ra, ảnh hưởng đến các giao dịch trên thị trường, làm sai lệch quan hệ cung cầu của thị trường; (ii) Tình trạng tung tin giả trên mạng xã hội, hình thành các hội, nhóm kín để tư vấn, lôi kéo các nhà đầu tư mua bán cổ phiếu nhằm trục lợi tiếp tục diễn ra, tiềm ẩn rủi ro cho nhà đầu tư; (iii) Nhà đầu tư cá nhân vẫn chiếm đa số trên thị trường, các nhà đầu tư có tổ chức chiếm tỷ lệ nhỏ dẫn đến hoạt động của TTCK còn bị ảnh hưởng nhiều bởi yếu tố tâm lý; (iv) Hoạt động giám sát, kiểm tra thanh tra còn gặp nhiều khó khăn do hành vi vi phạm trên thị trường ngày càng tinh vi trong khi nguồn lực của cơ quan quản lý còn hạn chế...”.</p> <p>- Tại trang 26 dự thảo Báo cáo: đề nghị bổ sung vào nội dung về nguyên nhân: “ Các hạn chế do nhiều nguyên nhân, trong đó có cá nguyên nhân chính bao gồm: Đặc thù pháp luật tài chính có liên quan ....Công tác thanh tra, kiểm tra đã thực hiện nhưng chưa đáp ứng quy mô và tốc độ phát triển của thị trường, năng lực cho các tổ chức có chức năng thanh tra, giám sát thời gian tới cần tiếp tục được tăng cường. Nhận thức và tình hình chấp hành quy định pháp luật của các doanh nghiệp, nhà đầu tư, tổ chức cung cấp dịch vụ chưa cao... Còn nhiều nhà đầu tư cá nhân chưa được trang bị đầy đủ kiến thức về pháp luật và hiểu biết về thị trường, mua bán theo tin đồn, tiềm ẩn nhiều rủi ro mặc dù đã được thông tin, tuyên truyền, cảnh báo nhiều lần”.</p> <p>b. Giải pháp phát triển các loại thị trường, nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng nguồn lực (trang 85 dự thảo Báo cáo)</p> <p>Đối với giải pháp về thị trường chứng khoán, đề nghị sửa thành:</p>	

STT	Nội dung góp ý của các bộ, ngành, địa phương	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<p>+ Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý thông qua việc phối hợp với các Bộ, ngành rà soát, sửa đổi tổng thể các quy định pháp luật chứng khoán và các pháp luật khác liên quan (nếu có) nhằm khắc phục ngay những bất cập, vướng mắc trong thực tiễn hoạt động TTCK và đáp ứng yêu cầu phát triển mới, bảo đảm tính toàn diện của khung pháp lý quản lý hoạt động trên TTCK, phù hợp với tình hình trong nước và thông lệ quốc tế. Khẩn trương triển khai xây dựng Chương trình hành động thực hiện Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030 ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành.</p> <p>+ Phối hợp với các tổ chức quốc tế và các Bộ, ngành liên quan quyết liệt triển khai các giải pháp để sớm nâng hạng TTCK Việt Nam theo lộ trình đã đặt ra nhằm hỗ trợ tâm lý của nhà đầu tư và thu hút sự tham gia của NĐTNN tại thị trường Việt Nam.</p> <p>+ Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ theo đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tăng cường phát triển các quỹ đầu tư chứng khoán nhằm cân đối giữa nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân; tập trung giám sát, kiểm tra các hoạt động cho vay ký quỹ, các dịch vụ tài chính, đảm bảo chỉ tiêu an toàn tài chính và các quy định pháp luật tại các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.</p> <p>+ Tăng cường giám sát chặt chẽ thông tin, chống các tin đồn thất thiệt trên TTCK, đặc biệt là các tin đồn, tin xấu nhằm trục lợi, gây bất ổn tâm lý trên thị trường; xử lý nghiêm một số vụ việc điển hình nhằm tạo tính răn đe, tăng cường kỷ cương, kỷ luật trên thị trường.</p> <p>+ Tăng cường giám sát, kiểm tra đối với hoạt động huy động, sử dụng vốn của các tổ chức phát hành; tăng cường kiểm tra chất lượng báo cáo tài chính và hoạt động kiểm toán của các đơn vị kiểm toán, kiểm toán viên; phối hợp chặt chẽ với Hội kiểm toán viên hành nghề trong đào tạo, đánh giá chất lượng báo cáo tài chính và giám sát, xử lý vi phạm đối với công ty kiểm toán, kiểm toán viên.</p> <p>+ Nâng cao vai trò và trách nhiệm của các tuyến giám sát, trong đó phát huy vai trò của tuyến giám sát thứ nhất là các công ty chứng khoán, tăng cường giám sát các công ty này để kịp thời ngăn ngừa và phát hiện sớm các vi phạm trên thị trường; đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các vi phạm trên TTCK nhằm tăng cường kỷ cương, kỷ luật trên thị trường, hướng đến sự phát triển TTCK theo hướng minh bạch và bền vững; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho công tác thanh tra, giám sát; hoàn</p>	

STT	Nội dung góp ý của các bộ, ngành, địa phương	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<p>thiện và đưa vào sử dụng Hệ thống CNTT phục vụ thanh tra, giám sát.</p> <p>+ Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về chính sách kinh tế vĩ mô, công tác điều hành kinh tế của Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương và các kết quả tăng trưởng kinh tế trên nhiều mặt, giúp công chúng đầu tư tiếp thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời, hạn chế sự tác động về tâm lý do tin đồn, tin giả mạo trên thị trường”.</p>	
	<p>5.2. Đối với thị trường TPDN:</p> <p>- Đề nghị sửa lại ghi chú 96 trang 24 dự thảo Báo cáo như sau: “Tổng khối lượng phát hành TPDN năm 2022 là 337,1 nghìn tỷ đồng, giảm 44,3% so với năm 2021, khối lượng mua lại trước hạn là 220 nghìn tỷ đồng, tăng 57% so với năm 2021. Luỹ kế đến hết tháng 11 năm 2023, có 77 doanh nghiệp đã phát hành với khối lượng 220 nghìn tỷ đồng (giảm 33,7% so với cùng kỳ năm 2022); khối lượng mua lại trước hạn là 207,5 nghìn tỷ đồng (gấp 1,3 lần so với cùng kỳ năm 2022). Kể từ khi Nghị định số 08/2023/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (5/3/2023), khối lượng phát hành là 219,2 nghìn tỷ đồng”.</p> <p>- Đề nghị bỏ ý kiến “<i>Các quy định về phát hành trái phiếu riêng lẻ chậm hoàn thiện, ảnh hưởng đến việc phát triển các kênh huy động vốn mới cho doanh nghiệp, làm gia tăng áp lực lên hệ thống ngân hàng</i>” tại khổ thứ 1 trang 26 dự thảo Báo cáo. Vì nhận định “<i>các quy định về phát hành trái phiếu riêng lẻ chậm hoàn thiện</i>” là không chính xác. Trong bối cảnh thị trường phát triển nóng trong năm 2021 và đầu năm 2022 và có một số vụ việc vi phạm pháp luật của một số tổ chức, cá nhân, Chính phủ đã kịp thời ban hành Nghị định số 65/2022/NĐ-CP và Nghị định số 08/2023/NĐ-CP để góp phần thúc đẩy thị trường phát triển bền vững, minh bạch, ổn định. Ngoài ra, hoạt động huy động vốn, cho vay của hệ thống ngân hàng thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước. Việc thị trường TPDN tăng trưởng chậm lại tác động đến việc huy động vốn trong trung và dài hạn của các doanh nghiệp, không ảnh hưởng đến hoạt động của các ngân hàng.</p> <p>- Thời gian vừa qua Chính phủ, Lãnh đạo Chính phủ đã tập trung hoàn thiện và chỉ đạo hoàn thiện khung khổ pháp lý liên quan đến thị trường TPDN để thị trường phát triển an toàn, minh bạch, đồng thời tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát để xử lý kịp thời các hành vi vi phạm. Vì vậy nhận định “<i>Thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, phát triển chậm lại,</i></p>	<p>Đã tiếp thu, cập nhật, chỉnh sửa trong Báo cáo và tại Phụ lục I kèm theo Báo cáo</p>

STT	Nội dung góp ý của các bộ, ngành, địa phương	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<p><i>tiềm ẩn nhiều rủi ro, ảnh hưởng đến việc phát triển các kênh huy động vốn mới cho doanh nghiệp, làm gia tăng áp lực lên hệ thống ngân hàng”</i> là chưa phù hợp. Do đó, đề nghị điều chỉnh nội dung tại khổ thứ 2 trang 77 dự thảo Báo cáo như sau: <i>“Thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, phát triển chậm lại”</i>.</p> <p>- Các sản phẩm chứng khoán, trái phiếu đã được quy định cụ thể tại pháp luật chứng khoán (Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn). Vì vậy đề nghị điều chỉnh nội dung tại Khổ thứ 3 trang 86 dự thảo Báo cáo như sau: <i>“Đối với thị trường TPDN: Tiếp tục nghiên cứu trình Quốc hội rà soát tổng thể các quy định tại Luật Chứng khoán, gồm: phạm vi phát hành ra công chúng, phát hành riêng lẻ, ...Ngoài ra, tăng cường giám sát việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của tổ chức phát hành”</i>.</p> <p>- Đề nghị cập nhật số liệu tại Phụ lục I kèm dự thảo Báo cáo đối với chỉ tiêu số 11 và số 12 như sau: (11) Dư nợ thị trường trái phiếu so với GDP năm 2021 là 38,89%, năm 2022 là 35,3%, hết quý II/2023 là 34,5% GDP năm 2022; (12) Dư nợ thị trường TPDN so với GDP năm 2021 là 14,85% và năm 2022 là 12,6%; hết quý II/2023 là 10,85% GDP năm 2022.</p>	
	<p>5.3 Đối với Đề án xây dựng chế độ quản lý tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội (nhiệm vụ 1.b.10 Phụ lục II kèm theo dự thảo Báo cáo): Đề nghị cân nhắc bỏ nhiệm vụ này do nội dung không thuộc phạm vi liên quan đến cơ cấu lại nền kinh tế.</p> <p>Về sửa đổi cơ chế, chính sách đối với NHCSXH:</p> <p>- Tại Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 04/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển NHCSXH đến năm 2030 và Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 28/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/20141 và Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/20212 , Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, ngành hoàn thiện tổng thể cơ chế, chính sách cho NHCSXH, trong đó: Giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nghiên cứu, xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định về tổ chức và hoạt động của NHCSXH; giao Bộ Tài chính rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc nghiên cứu, sửa đổi các văn bản liên quan đến hoạt động của NHCSXH: Quy định về chính sách tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, cơ chế quản lý tài chính, cơ chế xử lý nợ bị rủi ro.</p>	<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa trong Phụ lục II kèm theo Báo cáo</p>

STT	Nội dung góp ý của các bộ, ngành, địa phương	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<p>- Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Tài chính đã có nhiều công văn đề nghị NHCSXH báo cáo tổng kết, đánh giá tổng thể tình hình hoạt động của NHCSXH và tình hình triển khai các cơ chế, chính sách tại NHCSXH (trong đó bao gồm cơ chế quản lý tài chính đối với NHCSXH) để làm cơ sở cho Bộ Tài chính xây dựng các dự thảo Nghị định. Đến nay, Bộ Tài chính chưa nhận được báo cáo của NHCSXH. Tuy nhiên, Bộ Tài chính đã ban hành các Quyết định về việc thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Nghị định về chế độ quản lý tài chính của NHCSXH và Nghị định thay thế Nghị định số 78/2002/NĐ-CP về tín dụng đối với người nghèo và đối tượng chính sách khác. Bộ Tài chính (Vụ TCNH) cũng đang chủ động xây dựng các dự thảo Nghị định theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.</p>	
8	<p><b>Bộ Y tế</b> (Văn bản số 8208 /BYT-KHTC, ngày 26/12/2023)</p>	
	<p>Tại Nghị quyết số 31/2021/QH15 ngày 12/01/2021 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025, theo đó Bộ Y tế không phải là cơ quan chủ trì thực hiện một số nhiệm vụ, chương trình, đề án thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025. Do vậy, Bộ Y tế không có ý kiến bổ sung đối với dự thảo báo cáo do Bộ Kế hoạch và đầu tư xây dựng.</p>	
9	<p><b>Ủy Ban dân tộc</b> (Văn bản số 2361/UBDT-KKTC, ngày 18/12/2023)</p>	
	<p>Ủy ban Dân tộc cơ bản nhất trí với bố cục, nội dung của dự thảo Báo cáo. Về chi tiết, tại mục “b. Giải pháp tiếp tục cơ cấu lại các ngành công nghiệp” (trang 97 của dự thảo Báo cáo), đề nghị Cơ quan chủ trì xây dựng báo cáo, phối hợp với Bộ Công thương nghiên cứu, bổ sung nội dung: Hoàn thiện khung khổ pháp lý nhằm hỗ trợ, ưu tiên phát triển ngành công nghiệp bán dẫn, hệ sinh thái bán dẫn. Nội dung này đã được hai nước Việt Nam và Hoa Kỳ đưa vào trong Tuyên bố chung về nâng cấp quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ lên Đối tác Chiến lược Toàn diện ngày 10 tháng 9 năm 2023</p>	<p>Đã tiếp thu, bổ sung vào Báo cáo</p>
10	<p><b>Bảo Hiểm xã hội Việt Nam</b> (Văn bản số 4215/BHXH-KHĐT, ngày 13/12/2023)</p>	

STT	Nội dung góp ý của các bộ, ngành, địa phương	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<p>Thực hiện ý kiến <i>Kết luận</i> của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái tại Thông báo số 501/TB-VPCP ngày 02/12/2023, BHXH Việt Nam đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến Đề án số 32 tại Phụ lục II kèm theo dự thảo Báo cáo như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đổi tên gọi Đề án thành: “Chiến lược phát triển ngành BHXH Việt Nam đến năm 2030”.</li> <li>- Bổ sung tiến độ thực hiện Đề án: “BHXH Việt Nam tiếp tục hoàn thiện dự thảo Chiến lược để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong tháng 12 năm 2023”.</li> </ul>	<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung vào Phụ lục II kèm theo Báo cáo.</p>
11	<p><b>Ngân hàng nhà nước Việt Nam</b> (<i>Dự thảo góp ý của NHNN</i>)</p>	
	<p>Dự thảo góp ý của NHNN đã cập nhật và bổ sung thông tin đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi, chức năng của NHNN. Do số trang nhiều, chi tiết nội dung góp ý xem tại các bản giấy (hard copy) kèm theo.</p>	<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung vào Báo cáo và các phụ lục II kèm theo Báo cáo.</p>
12	<p><b>Ủy Ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp</b> (<i>Văn bản số 2845/UBQLV-TH, ngày 25/12/2023</i>)</p>	
	<p>1. Đối với nhiệm vụ tại điểm a Mục 3 Phụ lục 2 về “Phương án cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước theo Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt”:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai thực hiện Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 27/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021-2025”; đến nay, 09/19 tập đoàn, tổng công ty do Ủy ban làm đại diện chủ sở hữu đã được phê duyệt Đề án cơ cấu lại, như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án cơ cấu lại của 04 tập đoàn, tổng công ty (PVN, TKV,</li> </ul> </li> </ul>	<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung vào Báo cáo và Phụ lục II kèm theo Báo cáo.</p>

STT	Nội dung góp ý của các bộ, ngành, địa phương	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<p>Vinachem, Vinafood 1); Ủy ban đã phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Vinataba; Ủy ban đã có văn bản chấp thuận chủ trương thuộc thẩm quyền của Ủy ban để Người đại diện biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông đối với 04 Đề án cơ cấu lại của các tập đoàn, tổng công ty (Petrolimex, Vinafor, ACV, VIMC) và Đại hội đồng cổ đông các doanh nghiệp trên đã thông qua.</p> <p>Đối với 10/19 Đề án còn lại: Ủy ban đã trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt 04 Đề án cơ cấu lại của các tập đoàn, tổng công ty (EVN, SCIC, VN), 06 tập đoàn, tổng công ty (VRG, MobiFone, Vinacafe, Vinafood 2, VNA, VEC) đang tiếp tục hoàn thiện Đề án theo ý kiến của các bộ, cơ quan liên quan (những Đề án này đã được Ủy ban gửi xin ý kiến các cơ quan và được chỉnh sửa, hoàn thiện nhiều lần; Ủy ban đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ những vướng mắc liên quan đến việc xây dựng Đề án cơ cấu lại giai đoạn 2021-2025 của các tập đoàn, tổng công ty).</p> <p>+ Các Đề án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban hoặc do Ủy ban chấp thuận chủ trương để Người đại diện biểu quyết phê duyệt Đề án tại Đại hội đồng cổ đông dự kiến sẽ được phê duyệt hoặc chấp thuận chủ trương để có thể được phê duyệt trong tháng 12 năm 2023.</p>	
-	<p>2. Đối với nhiệm vụ tại điểm a Mục 3 Phụ lục 2 về “Chiến lược tổng thể đầu tư phát triển doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban”:</p> <p>Tại khoản 5, 6 văn bản số 9687/VPCP-ĐMDN ngày 12/12/2023 của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái chỉ đạo Ủy ban:“(5) Chủ động phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để được hướng dẫn việc trình Chiến lược tổng thể đầu tư thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban trong khi quy hoạch một số ngành chưa được phê duyệt theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 06/5/2023; (6) Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong Quý IV năm 2023 hướng dẫn Ủy ban theo nhiệm vụ tại khoản 5 nêu trên (nhiệm vụ được giao tại Thông báo số 240/TB-VPCP ngày 23/6/2023)”. Đến ngày 15/12/2023, Ủy ban đã có văn bản số 2764/UBQLV-TH đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, có văn bản hướng dẫn Ủy ban trình Chiến lược trong khi hiện nay 02 quy hoạch ngành (gồm: (i) quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông và (ii) quy hoạch ngành lâm nghiệp) chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 4, Nghị định số 131/2018/NĐ-CP của Chính phủ.</p>	<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung vào Báo cáo và Phụ lục II kèm theo Báo cáo.</p>



Số: 11076/BC-BKHĐT

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO TÓM TẮT**  
**Tình hình thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế**  
**giai đoạn 2021-2025 năm 2023**  
(*Báo cáo Hội nghị trực tuyến của Chính phủ với các địa phương*  
*ngày 05 tháng 01 năm 2024*)

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ Chương trình Hội nghị trực tuyến của Chính phủ với địa phương tổng kết công tác năm 2023, triển khai công tác năm 2024, Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 14/2/2022 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 31/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 54/NQ-CP), trên cơ sở báo cáo và ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quá trình theo dõi, đánh giá, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Báo cáo Chính phủ về “*Tình hình thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025 năm 2023*”. Sau đây, xin được báo cáo tóm tắt như sau:

**1. Tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025**

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 31/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 54/NQ-CP, giao 30 chỉ tiêu và 102 nhiệm vụ xây dựng chương trình, đề án, chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện. Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025 được triển khai trong bối cảnh quốc tế diễn biến phức tạp, khó khăn, thách thức nhiều hơn dự báo. Trong khi kinh tế trong nước chưa phục hồi sau ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19, tác động liên hoàn của nhiều diễn biến bất lợi như xung đột địa chính trị, đặc biệt xung đột Nga và U-crai-na, đứt gãy, gián đoạn các chuỗi cung ứng, lạm phát cao, tăng trưởng của các nước giảm, tổng cầu suy yếu, thách thức an ninh phi truyền thống, thời tiết cực đoan, biến đổi khí hậu, v.v. làm cho việc triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm và khả năng đạt được mục tiêu của kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế trở nên rất thách thức.

**1.1. Tình hình thực hiện các mục tiêu và chỉ tiêu**

Đến nay, kết quả sơ bộ thực hiện cho thấy, trong số 30 chỉ tiêu được giao tại Nghị quyết số 54/NQ-CP có 24 chỉ tiêu có thông tin, số liệu, trong đó, có 11 chỉ tiêu có thể đạt được nhưng cần nỗ lực rất lớn, 13 chỉ tiêu rất thách thức. Một số chỉ tiêu có kết quả khả quan như: Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân ba năm 2021-2023 so với GDP ước đạt 33,6% (mục tiêu đặt ra là 32-34%). Một số chỉ tiêu cần nỗ lực

lớn để hoàn thành như năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng giai đoạn 2021-2023 ước đạt khoảng 35,69%<sup>1</sup>. Khả năng các nhóm chỉ tiêu về xử lý nợ xấu<sup>2</sup> và đảm bảo an toàn vốn tại các tổ chức tín dụng đạt được mục tiêu gặp nhiều thách thức mặc dù cơ bản vẫn trong tầm kiểm soát. Một số chỉ tiêu gặp nhiều khó khăn cần được đặc biệt chú trọng theo dõi, như các chỉ tiêu về tốc độ tăng năng suất lao động, số lượng doanh nghiệp.

Việc dự kiến khả năng đạt được 13 chỉ tiêu gặp nhiều khó khăn là do nguyên nhân khách quan từ bối cảnh trong nước và quốc tế khó khăn, không thuận lợi nhưng cũng có nhiều nguyên nhân chủ quan, bao gồm: chậm triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chậm hoàn thiện thể chế, xây dựng và ban hành các chính sách đột phá trong thúc đẩy đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, ứng dụng các mô hình kinh tế mới, chưa sát sao, quyết liệt trong chỉ đạo điều hành triển khai các nhiệm vụ. Trong số 13 mục tiêu, nhiều mục tiêu như tăng năng suất lao động, phát triển doanh nghiệp, phát triển thị trường tài chính, KHCCN, đào tạo lao động có tầm quan trọng đặc biệt trong chuyển đổi rõ nét mô hình tăng trưởng theo hướng dựa vào đổi mới sáng tạo và nâng cao sức chống chịu, năng lực tự chủ của nền kinh tế. Do đó, trong thời gian tới cần có giải pháp và chỉ đạo điều hành quyết liệt hơn trong việc thực hiện các mục tiêu này.

## 1.2. Tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

Các bộ, ngành, địa phương đã ban hành chương trình hành động, với các mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp cụ thể. Toàn bộ 102 nhiệm vụ xây dựng các Chương trình, Đề án tại Nghị quyết số 54/NQ-CP đã và đang được triển khai thực hiện, trong đó có 37/102 (chiếm 36,3%) nhiệm vụ đã hoàn thành, 28/102 nhiệm vụ (chiếm 27,4%) đã trình cấp có thẩm quyền, hiện đang chỉnh sửa bổ sung hoàn thiện, 37/102 nhiệm vụ (chiếm 36,3%) đang triển khai theo kế hoạch. Tóm tắt tình hình triển khai các nhóm nhiệm vụ trọng tâm như sau:

a) Tập trung hoàn thành các mục tiêu cơ cấu lại đầu tư công, ngân sách nhà nước, các tổ chức tín dụng và đơn vị sự nghiệp công lập

*Cơ cấu lại đầu tư công*: thể chế, pháp luật về đầu tư công được sửa đổi, hoàn thiện theo hướng đẩy mạnh phân công, phân cấp, quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả, đẩy mạnh giải ngân các dự án, tăng khả năng hấp thụ vốn. Nhờ đó, lượng vốn đầu tư công giải ngân gia tăng, bù đắp cho nguồn vốn khu vực tư nhân và đầu tư nước ngoài bị chững lại, góp phần phục hồi tăng trưởng<sup>3</sup>. Vốn đầu tư công được bố trí tập trung vào các dự án trọng điểm, có tác động lan tỏa, nhất là hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn, thúc đẩy liên kết vùng. Chú trọng triển khai định hướng đầu tư công, kích hoạt các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước, đẩy mạnh hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng chiến lược. Công tác theo dõi, giám sát, đánh giá, thanh tra, kiểm tra tiếp tục được tăng cường, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công, góp phần bảo

<sup>1</sup> Mục tiêu trong Nghị quyết số 31/2021/QH15, đến năm 2025 đạt khoảng 45% GDP.

<sup>2</sup> Đến cuối tháng 10 năm 2023, tỷ lệ nợ xấu nội bảng của hệ thống các TCTD ở mức 5,03%.

<sup>3</sup> Tốc độ tăng vốn đầu tư từ NSNN năm 2022-2023 tăng hơn 15%/năm trong khi tốc độ tăng vốn đầu tư của khu vực tư nhân tương ứng là 8,9% và 5%.

đảm công khai, minh mạch trong đầu tư công.

- *Cơ cấu lại ngân sách nhà nước (NSNN)*: Hệ thống luật pháp liên quan đang được nghiên cứu, chỉnh sửa, bổ sung. Các chính sách về tài chính, thuế, chế độ thu, chi NSNN được chỉnh sửa, bổ sung, ban hành mới theo hướng hợp lý, tiết kiệm, phù hợp với tình hình thực tế và tiến trình thực hiện cam kết quốc tế. Các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí tiếp tục được áp dụng để hỗ trợ doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh phục hồi. Gia tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển. Đảm bảo cân đối NSNN, nợ công trong ngưỡng cho phép.

- *Cơ cấu lại các tổ chức tín dụng (TCTD)*: đề án Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 được xây dựng và từng bước triển khai. Tiếp tục tăng quy mô hệ thống các TCTD, củng cố, nâng cao năng lực tài chính, chất lượng quản trị, điều hành, từng bước hình thành đồng bộ các chuẩn mực, thiết chế an toàn phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện thực tiễn của Việt Nam. Chú trọng kiểm soát các nhóm chỉ tiêu về xử lý nợ xấu; từng bước xử lý vấn đề sở hữu chéo, đầu tư chéo trong hệ thống các TCTD.

- *Cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL)*: các ĐVSNCL được sắp xếp lại theo hướng tinh gọn hơn. Các bộ, ngành, địa phương đã rà soát, phê duyệt Đề án tự chủ đối với các ĐVSNCL thuộc phạm vi quản lý. Việc chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần đang được triển khai thực hiện. Các chính sách xã hội hóa trong các lĩnh vực sự nghiệp công đã từng bước được triển khai, huy động nguồn lực xã hội trong cung ứng và nâng cao chất lượng dịch vụ công.

b) Phát triển các loại thị trường, nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng nguồn lực

- *Thị trường tài chính*: khung khổ thể chế, chính sách phát triển thị trường tài chính, trọng tâm là thị trường vốn tiếp tục được hoàn thiện, tăng cường ứng dụng công nghệ số, hình thành các sàn giao dịch tập trung, đảm bảo thị trường hoạt động an toàn, lành mạnh, phù hợp với bối cảnh. Tăng cường công tác quản lý, thanh tra, giám sát, phát hiện sai phạm và kịp thời chấn chỉnh. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp mặc dù tăng chậm lại nhưng dần đi đúng định hướng phát triển bền vững. Thị trường chứng khoán gặp nhiều khó khăn nhưng đã dần hồi phục. Nghiên cứu khả năng xây dựng Luật Đầu tư mạo hiểm, ban hành các chính sách phát triển đa dạng các định chế tài chính cho các sản phẩm tài chính qua các kênh đầu tư, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đảm bảo sự phát triển an toàn, lành mạnh và bền vững của thị trường.

- *Thị trường bất động sản, thị trường quyền sử dụng đất*: tích cực tổ chức xây dựng và hoàn thiện Luật Đất đai theo hướng cải thiện hiệu quả trong vận hành thị trường quyền sử dụng đất. Ban hành các chính sách thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội, cải thiện sự mất cân bằng trên thị trường, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của số đông người dân. Tập trung giám sát, có biện pháp xử lý kịp thời những hành vi thao túng, làm méo mó thị trường.

- *Thị trường lao động*: pháp luật về lao động, việc làm, hệ thống thông tin,

tiếp tục được hoàn thiện. Tiếp tục đổi mới giáo dục đại học, đẩy mạnh tự chủ giáo dục đại học, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, phát triển nhân lực chất lượng cao, nhân lực số, chú trọng đầu tư cho công tác dạy nghề. Tăng cường các hoạt động kết nối cung - cầu lao động, tổ chức các sàn giao dịch việc làm, tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động. Công nghệ số được thúc đẩy ứng dụng trong phát triển thị trường, hình thành các sàn giao dịch tập trung, đảm bảo thị trường hoạt động hiệu quả hơn.

- *Thị trường khoa học, công nghệ (KHCCN)*: thị trường KHCCN tiếp tục được thúc đẩy phát triển và từng bước phát huy vai trò cầu nối, gắn kết hoạt động KHCCN với sản xuất, kinh doanh. Triển khai cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển thị trường KHCCN, lấy doanh nghiệp là trung tâm. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện sàn giao dịch công nghệ điện tử.

c) Phát triển lực lượng doanh nghiệp; thúc đẩy kết nối giữa doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

- *Cơ cấu lại các doanh nghiệp nhà nước (DNNN)*: khung khổ pháp luật, cơ chế chính sách cơ cấu lại DNNN tiếp tục được nghiên cứu hoàn thiện. Tích cực tháo gỡ khó khăn, đưa nhiều dự án có vai trò quan trọng đi vào vận hành. Tiếp tục cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại DNNN, cải thiện hiệu quả hoạt động của các DNNN. Một số DNNN thể hiện được vai trò dẫn dắt trong một số lĩnh vực.

- *Phát triển lực lượng doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân, thúc đẩy chuyển đổi số, liên doanh, liên kết, nâng cao năng lực cạnh tranh*: ban hành và triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong một số lĩnh vực như chuyển đổi số, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp, v.v.. Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cắt giảm chi phí, thủ tục hành chính.

- *Phát huy vai trò của khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)*: nghiên cứu ban hành các giải pháp nhằm thu hút đầu tư nước ngoài chất lượng cao, phù hợp với bối cảnh mới về thuế tối thiểu toàn cầu. Tiếp tục đổi mới phương thức xúc tiến đầu tư theo hướng hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm. Bước đầu đã thu hút được một số các tập đoàn lớn, công nghệ cao, thực hiện các hoạt động nghiên cứu và triển khai ở Việt Nam. Việt Nam tiếp tục được cộng đồng doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đánh giá là điểm đến đầu tư hấp dẫn.

- *Đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã*: Luật sửa đổi, bổ sung Luật Hợp tác xã được thông qua, các chính sách triển khai Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới được ban hành. Số lượng hợp tác xã tăng, hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã được cải thiện, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp.

d) Phát triển kinh tế đô thị, tăng cường liên kết vùng, liên kết đô thị - nông thôn và phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị lớn

Các nhiệm vụ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch ngành, quy hoạch tỉnh đang được tích cực hoàn thành và triển khai thực hiện. Hạ tầng đô

thị, hạ tầng số, hạ tầng kết nối giao thông nội vùng, liên vùng, kết nối đô thị - nông thôn được tập trung đầu tư, đạt được những kết quả vượt trội<sup>4</sup>. Cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết vùng, các cơ chế đặc thù đối với một số thành phố, địa phương được thực hiện, thúc đẩy dịch chuyển các nguồn lực, khai thác hiệu quả hơn lợi thế của các vùng, các địa phương. Cơ chế, chính sách đặc thù vùng đang được nghiên cứu, soạn thảo. Hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, trung tâm khởi nghiệp sáng tạo được đẩy nhanh tiến độ xây dựng.

đ) Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế theo hướng số hóa, xanh hóa, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tích cực, tỷ trọng đóng góp của các ngành công nghiệp và dịch vụ trong GDP tiếp tục gia tăng. Ứng dụng công nghệ số, chuyên đổi số trở nên phổ biến trong các ngành, lĩnh vực, địa phương, gia tăng đóng góp vào tăng trưởng kinh tế. Các mô hình kinh tế mới như kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh được đẩy mạnh. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp được thúc đẩy ứng dụng tiến bộ công nghệ, phát triển nông nghiệp xanh, sạch, sinh thái, hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, thông minh gắn với xây dựng thương hiệu, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường. Chất lượng tăng trưởng của ngành nông nghiệp được cải thiện, sản xuất nông nghiệp chuyển mạnh theo hướng chất lượng và giá trị gia tăng. Cơ cấu lại ngành công nghiệp tiếp tục thúc đẩy chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, giảm dần ngành công nghiệp khai khoáng, chuyển dần từ các ngành thâm dụng lao động sang các ngành công nghiệp công nghệ cao. Công nghiệp hỗ trợ được quan tâm, thúc đẩy tăng cường liên kết, củng cố vị thế trong chuỗi cung ứng cho một số ngành sản xuất chủ lực của Việt Nam như dệt may, da giày, điện tử, cơ khí. Cơ cấu lại ngành dịch vụ tiếp tục được thúc đẩy theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, hình thành các sản phẩm dịch vụ hiện đại, chất lượng cao. Thúc đẩy ứng dụng rộng rãi các hình thức dịch vụ hiện đại như thương mại và thanh toán điện tử, ngân hàng điện tử, giáo dục và đào tạo trực tuyến.

### 1.3. Một số hạn chế

- *Tiến độ xây dựng thể chế, chính sách thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế còn chậm.* Trong số 102 chương trình, đề án đề ra tại Nghị quyết số 54/NQ-CP mới có 37/102 (chiếm 36,3%) nhiệm vụ hoàn thành và ban hành văn bản. Thể chế, cơ chế, chính sách khuyến khích, thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, áp dụng các mô hình kinh tế mới, đổi mới sáng tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ (đặc biệt là cơ chế tài chính) còn nhiều bất cập. Chuyển đổi số, phát triển kinh tế số còn gặp nhiều vướng mắc trong triển khai thực hiện, nếu chậm được tháo gỡ có nguy cơ bỏ lỡ cơ hội bắt kịp với xu thế mới. Hoàn thiện thể chế còn chậm, cải thiện môi trường kinh doanh còn bất cập, đặc biệt xung đột, chồng chéo giữa các văn bản pháp luật, các điều kiện kinh doanh chưa phù hợp, hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật chưa cao.

- *Cơ cấu kinh tế và mô hình tăng trưởng chưa có nhiều thay đổi đáng kể.*

<sup>4</sup> Từ đầu nhiệm kỳ đã hoàn thành 659 km, gấp hơn 50% khối lượng đã triển khai trong gần 20 năm trước đây .

Mức độ cải thiện về năng suất, chất lượng chưa đạt như kỳ vọng, khả năng chống chịu của nền kinh tế còn hạn chế. Tốc độ tăng năng suất lao động trung bình năm 2023 ước tăng khoảng 3,6%, thấp hơn khá nhiều so với mục tiêu. Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP tăng chậm, đạt khoảng 23,8% năm 2023. Nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, phụ thuộc nhiều vào xuất nhập khẩu, dễ bị tổn thương và khó phục hồi trước những biến động của kinh tế thế giới.

- *Phát triển lực lượng doanh nghiệp có dấu hiệu chững lại, năng lực hấp thụ vốn giảm.* Khu vực doanh nghiệp tư nhân trong nước còn yếu và thiếu cả về số lượng và chất lượng, tốc độ tăng trưởng chậm lại, quy mô còn nhỏ, năng lực công nghệ còn hạn chế, chưa theo kịp tiến trình đổi mới công nghệ và phát triển kinh tế số. Doanh nghiệp tư nhân trong nước tuy đã từng bước tham gia vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu nhưng chủ yếu vẫn ở những giai đoạn tạo ra giá trị gia tăng thấp. Mức độ liên kết, hợp tác giữa các doanh nghiệp còn hạn chế, liên kết giữa doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước còn yếu, chưa có nhiều cải thiện.

- *Các ngành kinh tế chưa chuyển dịch mạnh về tăng năng suất,* nhất là khu vực công nghiệp và dịch vụ; năng lực tự chủ và khả năng chống chịu còn nhiều hạn chế. Công nghiệp chế biến, chế tạo mặc dù là động lực tăng trưởng nhưng năng lực công nghệ của một số ngành công nghiệp nền tảng chậm được cải thiện, chưa đáp ứng được kỳ vọng phát triển, còn phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu đầu vào. Công nghiệp hỗ trợ vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của các ngành công nghiệp xuất khẩu dẫn đến tỷ lệ nội địa hóa trong các ngành công nghiệp đạt thấp, giá trị gia tăng tạo ra trong nước chưa đạt như mong muốn. Chuyển dịch cơ cấu ngành dịch vụ còn khá khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng, xuất khẩu dịch vụ còn hạn chế, các ngành sử dụng tri thức, khoa học công nghệ chưa phát triển như kỳ vọng. Ngành du lịch đã dần phục hồi nhưng còn khá chậm, đặc biệt là đối với phân khúc thị trường khách quốc tế.

- *Cơ cấu lại DNNN và ĐVSNCL chưa có sự chuyển biến mạnh mẽ, chưa đáp ứng kỳ vọng.* Đổi mới quản trị DNNN theo hướng áp dụng các chuẩn mực theo thông lệ quốc tế tốt, phù hợp với kinh tế thị trường hiện đại chưa có nhiều chuyển biến, chưa phát huy được vai trò tương xứng với nguồn lực nắm giữ. Tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước khá chậm. Cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập vẫn còn hạn chế, kết quả đạt được mới chỉ là bước đầu, chưa bảo đảm tinh gọn, hiệu quả hoạt động chưa cao; cơ chế, chính sách tự chủ còn nhiều bất cập, chưa đầy đủ, chưa phù hợp, chậm được ban hành; thực hiện tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập còn hạn chế.

- *Cơ cấu lại một số lĩnh vực trọng tâm còn gặp nhiều khó khăn, thách thức.* Thể chế và chính sách liên quan trực tiếp đến việc triển khai dự án đầu tư công còn bất cập, một số quy định pháp luật còn chưa đồng bộ, thống nhất, khả thi, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn; kết quả đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt đầu tư tư còn hạn chế. Phân cấp ngân sách chậm được sửa đổi, hoàn thiện. Thu NSNN chưa bền vững. Tình trạng gian lận, trốn thuế, quản lý thu thuế đối với các hoạt động kinh doanh trên nền tảng số, thương mại điện tử, kinh doanh xuyên biên giới còn diễn biến phức tạp. Cơ cấu lại các TCTD vẫn gặp nhiều khó khăn, thách thức về hành lang pháp lý, cơ chế

hỗ trợ đối với TCTD tham gia xử lý/nhận chuyển giao bắt buộc các TCTD yếu kém. Cơ cấu lại các ngân hàng yếu kém còn chậm, kéo dài. Nợ xấu vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, thị trường mua bán nợ chậm phát triển.

- Các loại thị trường hoạt động còn chưa hiệu quả, chưa đảm bảo điều kiện phát triển bền vững. Thị trường lao động còn nhiều hạn chế, còn vấn đề thiếu hụt lao động cục bộ tại một số địa bàn, lĩnh vực, chất lượng nguồn nhân lực vẫn chưa đáp ứng yêu cầu. Thị trường KHCCN phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, đặc biệt trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ. Thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, phát triển chậm lại, tiềm ẩn nhiều rủi ro, ảnh hưởng đến việc phát triển các kênh huy động vốn mới cho doanh nghiệp, làm gia tăng áp lực lên hệ thống ngân hàng. Thị trường quyền sử dụng đất nông nghiệp trầm lắng, tồn tại nhiều giao dịch phi chính thức không được quản lý; thị trường bất động sản gặp nhiều khó khăn, nhiều dự án bất động sản khó triển khai, cơ cấu sản phẩm không hợp lý, thiếu nhà ở cho công nhân, nhà ở xã hội.

#### 1.4. Nguyên nhân

##### a) Nguyên nhân của kết quả đạt được:

Có được các kết quả trên là do sự quan tâm chỉ đạo của Lãnh đạo các cơ quan Đảng, Quốc hội, sự quyết liệt trong triển khai thực hiện của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương trên cơ sở bám sát chủ trương, đường lối và các mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm trong Nghị quyết. Bên cạnh việc ban hành các chương trình hành động có xác định mục tiêu cụ thể, phân công nhiệm vụ rõ ràng, căn cứ vào tình hình thực tiễn, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều nghị quyết, thành lập các tổ công tác, giải quyết, xử lý dứt điểm các vấn đề đặt ra, đồng thời giao bổ sung nhiều nhiệm vụ, phù hợp với bối cảnh mới. Một số địa phương xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành, huy động mọi nguồn lực, triển khai thực hiện.

##### b) Nguyên nhân của hạn chế:

- Nguyên nhân khách quan: giai đoạn 2021-2023, bối cảnh kinh tế thế giới liên tục xuất hiện nhiều diễn biến bất lợi trong khi nền kinh tế chưa kịp phục hồi hoàn toàn dưới tác động của đại dịch Covid-19 làm cho khó khăn, thách thức trở nên trầm trọng hơn, kéo dài thời gian phục hồi, khó khăn trong triển khai các giải pháp cơ cấu lại nền kinh tế. Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp phải dành nhiều thời gian, nguồn lực để phục hồi và ứng phó, xử lý tình huống phát sinh, ít có thời gian và nguồn lực tập trung triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp cơ cấu lại nền kinh tế.

- Nguyên nhân chủ quan: (i) Một số bộ, ngành, địa phương chưa bám sát quan điểm chỉ đạo, mục tiêu cơ cấu lại nền kinh tế, chưa xác định được nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với thực tiễn và yêu cầu phát triển của ngành, địa phương để chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ một cách hiệu quả, nhất là trong hoàn thiện thể chế, chính sách. (ii) Hệ thống pháp luật còn nhiều điểm bất hợp lý, mâu thuẫn, chòng chéo trong khi tiến độ sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật còn chậm dẫn đến khó khăn, chưa thể thúc đẩy triển khai các giải pháp cơ cấu lại nền kinh tế.

(iii) Tinh thần kiên tạo, chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế còn hạn chế. (iv) Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong tổ chức thực hiện một số chủ trương, định hướng còn chưa cao.

### 1.5. Bài học kinh nghiệm

- Cần quán triệt sâu sắc quan điểm lấy *hoàn thiện thể chế phát triển, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát huy vai trò, tiềm năng, thế mạnh kinh tế đô thị, các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị lớn, thúc đẩy liên kết vùng, liên kết đô thị - nông thôn* làm đột phá chiến lược trong quá trình thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế của các bộ, ngành, địa phương.

- Cần nêu cao tinh thần chủ động, sáng tạo, bám sát thực tiễn, dự báo tác động để triển khai linh hoạt các nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế, đảm bảo đạt được kết quả cao nhất.

- Người đứng đầu cần quan tâm, chỉ đạo điều hành quyết liệt và tổ chức giám sát chặt chẽ để đảm bảo thực hiện thành công Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025, đặc biệt chú trọng tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi để thu hút và giữ chân những doanh nghiệp có năng lực tốt.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong triển khai các nhiệm vụ trong Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025, đặc biệt chú trọng đối với các nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện thể chế.

## 2. Các giải pháp phấn đấu hoàn thành mục tiêu Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025

*Một là, tập trung hoàn thiện thể chế, hệ thống pháp luật tháo gỡ rào cản, thúc đẩy quá trình cơ cấu lại nền kinh tế.* Khẩn trương rà soát, chỉnh sửa, bổ sung những quy định chưa phù hợp, gây cản trở quá trình cơ cấu lại nền kinh tế như các quy định, luật pháp về đất đai, xây dựng, quản trị DNNN, quản lý các ĐVSNCL, cung ứng dịch vụ công, v.v.. Tập trung nguồn lực sửa đổi, bổ sung hệ thống các luật nhằm khai thác tốt hơn các cơ hội, tạo động lực tăng trưởng mới, thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu theo hướng số hóa, xanh hóa, đổi mới sáng tạo như sửa đổi Luật NSNN, Luật Các Tổ chức tín dụng, các luật thuế và ban hành các luật mới như Luật Phát triển công nghiệp trọng điểm, Luật Năng lượng tái tạo, Luật Công nghiệp công nghệ số.

*Hai là, đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành các mục tiêu cơ cấu lại các lĩnh vực trọng tâm.* Tiếp tục hoàn thiện thể chế quản lý đầu tư công theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, gắn với trách nhiệm người đứng đầu, đơn giản hóa thủ tục, nâng cao hiệu quả đầu tư và phát huy mạnh hơn vai trò đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt đầu tư tư nhân; thúc đẩy đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngân sách nhà nước, hỗ trợ thúc đẩy đổi mới sáng tạo, liên kết vùng, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, xây dựng khung pháp lý xử lý hiệu quả nợ xấu, tăng cường thể chế giám sát cẩn trọng, can thiệp sớm, xử lý ngân hàng và quản lý khủng hoảng, chấm dứt tình trạng sở hữu chéo. Cơ cấu lại hệ thống các TCTD, củng cố hệ số an toàn vốn, nâng cao năng lực quản trị. Đẩy nhanh tiến độ đổi mới quản trị DNNN theo thông lệ quốc tế tốt, hoàn



thành các mục tiêu cơ cấu lại DNNN. Tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các ĐVSNCL, đẩy mạnh xã hội hóa, nâng cao hiệu quả, chất lượng, mức độ đáp ứng yêu cầu cung ứng các dịch vụ công.

*Ba là, thực hiện hiệu quả các giải pháp thúc đẩy phát triển lực lượng doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp trong nước.* Ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách cải thiện, nâng cấp chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, thu hẹp khoảng cách với các nước phát triển. Tăng cường thực hiện hiệu quả các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp như hỗ trợ tham gia chuỗi giá trị, chuyển đổi số, nâng cao năng suất, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ pháp lý, v.v. Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích hình thành lực lượng doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân và DNNN có vai trò dẫn dắt, mở đường trong một số lĩnh vực, ngành kinh tế. Chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết và xúc tiến, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài thế hệ mới, các nhà đầu tư chiến lược, phát triển các ngành kinh tế mới, có công nghệ hiện đại, có kế hoạch đầu tư cho nghiên cứu và triển khai, có kết nối, chuyển giao công nghệ với doanh nghiệp trong nước.

*Bốn là, tập trung phát huy vai trò dẫn dắt đổi mới mô hình tăng trưởng của các đô thị lớn, các cực tăng trưởng, thúc đẩy triển khai Chương trình quốc gia về tăng năng suất lao động đến năm 2030.* Tập trung xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai hiệu quả các quy hoạch vùng, quy hoạch ngành, quy hoạch tỉnh. Vận hành hoạt động hiệu quả các Hội đồng điều phối phát triển vùng, tổ chức thực hiện hiệu quả các cơ chế đặc thù đối với các tỉnh, thành phố. Ban hành các cơ chế, chính sách hình thành Trung tâm tài chính quốc tế, thúc đẩy liên kết vùng, vận hành hiệu quả Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo, phát huy hiệu quả hơn vai trò của các đô thị lớn, hình thành các cực tăng trưởng, thúc đẩy tăng năng suất.

*Năm là, thúc đẩy chuyển dịch các ngành theo hướng hiện đại, phát triển kinh tế xanh, bền vững, phát triển các ngành mới, phát triển mạnh dịch vụ chất lượng cao.* Tiếp tục triển khai hiệu quả các chiến lược, chương trình, đề án cơ cấu lại các ngành. Xây dựng các hệ sinh thái khuyến khích chuyên đổi số, đổi mới sáng tạo, hình thành đồng bộ các điều kiện về hạ tầng, nguồn nhân lực, vốn, thị trường, nâng cao năng lực tự chủ công nghệ đối với các ngành công nghiệp nền tảng, phát triển các ngành dịch vụ có hàm lượng giá trị gia tăng cao, khuyến khích ứng dụng các mô hình kinh doanh mới, phát triển các ngành mới, đa dạng sản phẩm, hàng hóa, thị trường xuất khẩu, tận dụng tối đa các hiệp định thương mại đã ký kết.

*Sáu là, phát triển đồng bộ các loại thị trường nhằm huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực.* Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong phát triển các loại thị trường. Xây dựng và vận hành hiệu quả các sàn giao dịch tập trung về đất đai, bất động sản, KHCN, việc làm. Phát triển thị trường vốn, nâng cao tính công khai, minh bạch, giám sát rủi ro. Tập trung phát triển thị trường lao động, tạo điều kiện cho người lao động được đào tạo kỹ năng đáp ứng yêu cầu, thực hiện hiệu quả Đề án nâng tầm kỹ năng lao động Việt Nam, Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó triển khai thực hiện quả Chiến lược quốc gia về phát triển đội ngũ tri thức giai đoạn 2021-2030. Phát triển mạnh thị trường KHCN, đổi mới cơ chế, chính sách tài chính

cho KHCN, thúc đẩy thương mại hóa các kết quả nghiên cứu.

*Bây là, đẩy mạnh công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế, huy động nguồn lực bên ngoài phục vụ cơ cấu lại nền kinh tế.* Thiết lập các khuôn khổ hợp tác với các đối tác quan trọng trong các lĩnh vực như thương mại, đầu tư, hỗ trợ phát triển chính thức, công nghệ cao, chuyển đổi xanh, kinh tế số, phát triển hạ tầng thiết yếu, ứng phó với biến đổi khí hậu.

### 3. Kiến nghị

Căn cứ vào kết quả đánh giá tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025 năm 2023, bối cảnh quốc tế, trong nước và các định hướng giải pháp cho giai đoạn 2024-2025, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị Chính phủ:

*Một là,* chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương được phân công là cơ quan chủ trì thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tại Phụ lục I, Nghị quyết số 54/NQ-CP, tập trung theo dõi, giám sát, đánh giá khả năng đạt được mục tiêu đồng thời đề xuất, bổ sung kịp thời các giải pháp nếu cần thiết để phấn đấu đến năm 2025 hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đặt ra; đối với các chỉ tiêu, mục tiêu chưa có thông tin, số liệu để đánh giá, chỉ đạo các cơ quan chủ trì thu thập thông tin hoặc chủ động đề xuất các chỉ tiêu thay thế, đảm bảo có đủ thông tin, số liệu để đánh giá kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết.

*Hai là,* chỉ đạo các bộ, ngành tập trung đẩy nhanh việc hoàn thành các chương trình, đề án phục vụ cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025 tại Phụ lục II, Nghị quyết số 54/NQ-CP đã đến hạn nhưng chưa hoàn thành hoặc chưa ban hành văn bản.

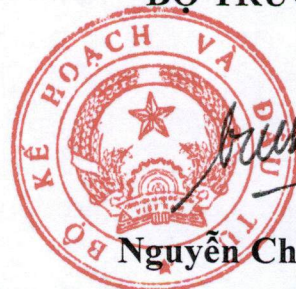
*Ba là,* chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương trong năm 2024 tập trung triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp, các chương trình, đề án được giao nhằm tạo ra những kết quả rõ nét trong cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, trong đó đặc biệt chú trọng thực hiện hiệu quả các giải pháp tạo môi trường đầu tư thông thoáng, bình đẳng, thuận lợi để thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh; tập trung phát huy vai trò đầu tàu, dẫn dắt của các đô thị lớn và các cực tăng trưởng; tích cực triển khai các nhiệm vụ thuộc Chương trình quốc gia về tăng năng suất lao động đến năm 2030.

Trên đây là nội dung tóm tắt Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025 năm 2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính báo cáo Chính phủ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TTg và các PTTg;
- Văn Phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, QLKTTW 316

**BỘ TRƯỞNG**



**Nguyễn Chí Dũng**

Số: 52 /BC-BKHĐT

Hà Nội, ngày 02 tháng 01 năm 2024

## **BÁO CÁO**

**Tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023  
về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội,  
dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh,  
nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023**

*(Tài liệu báo cáo tại Hội nghị của Chính phủ với các địa phương ngày 05 tháng 01 năm 2024)*

Kính gửi: Chính phủ

### **I. BỐI CẢNH VÀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

Năm 2023, là năm giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Nước ta bước vào thực hiện nhiệm vụ phát triển KTXH trong bối cảnh đúng như Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Quốc hội đã nhận định, đánh giá, Chính phủ báo cáo khi xây dựng Kế hoạch năm 2023. Tình hình thế giới, trong nước tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường; thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, trong đó có những yếu tố phức tạp mới, tác động khá toàn diện, kéo dài từ cuối năm 2022 đến nay, không thể tạo chuyển biến nhanh trong ngắn hạn.

Kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, phục hồi kinh tế chậm, tăng trưởng kinh tế thấp, nhu cầu tiêu dùng giảm, nợ công tăng cao... trong đó có các nền kinh tế lớn, đối tác thương mại, đầu tư chủ yếu của nước ta; Thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu sụt giảm; hàng rào bảo hộ, phòng vệ thương mại gia tăng... tác động đến xuất khẩu của nhiều quốc gia<sup>1</sup>; thị trường tài chính, tiền tệ, ngân hàng, bất động sản chưa thực sự ổn định, còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, bất cập; giá dầu tăng cao cùng với thiên tai, biến đổi khí hậu... ngày càng tác động mạnh mẽ đến chuỗi cung ứng hàng hóa, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu, ảnh hưởng nặng nề hơn đến mọi mặt đời sống, kinh tế. Cạnh tranh chiến lược các nước lớn gay gắt, toàn diện hơn, xu hướng tập hợp lực lượng, gia tăng mức độ đối đầu, xu hướng phân tuyến, phân cực ngày càng rõ nét; cuộc xung đột Nga - Ucraina diễn biến phức tạp, tác động tới quá trình phục

<sup>1</sup> Theo báo cáo của WTO, thương mại toàn cầu năm 2023 dự báo tăng 1,7%, giảm so với mức 2,7% năm 2022. Gần đây, Mỹ, EU tăng cường các quy định về tiêu chuẩn, kỹ thuật đối với hàng nhập khẩu liên quan đến các tiêu chí xanh, giảm khí thải các-bon, chống phá rừng...

hội của thế giới hậu đại dịch COVID-19. Bên cạnh đó, những diễn biến mới nhất tại Biển Đỏ cũng đã ảnh hưởng đến quốc tế và thương mại của thế giới. Những vấn đề này đã và đang đặt ra ngày càng nhiều thách thức, rủi ro cho các quốc gia đang phát triển, cả trong ngắn hạn, trung và dài hạn để đạt được các mục tiêu phát triển đã đề ra.

Trong nước, nền kinh tế tiếp tục xu hướng phục hồi, đạt được những kết quả quan trọng, khá toàn diện trên các lĩnh vực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế ước đạt 5,05%. Mặc dù không đạt mục tiêu 6,5% đề ra tại Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) năm 2023 và Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ nhưng nước ta vẫn thuộc nhóm các nước có mức tăng trưởng khá cao so với các quốc gia trên thế giới và trong khu vực. Cơ bản giữ vững được ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát được lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn trong bối cảnh thế giới biến động rất phức tạp, khó lường. Nhiệm vụ phát triển KTXH ngày càng khó khăn hơn. Nền kinh tế nước ta vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và hạn chế, bất cập nội tại kéo dài nhiều năm bộc lộ rõ hơn. Toàn Đảng, toàn dân ta vừa phải tập trung chống chịu, thích ứng với các diễn biến bất lợi, tranh thủ cơ hội, thời cơ từ bên ngoài; vừa phải xử lý, tháo gỡ những vấn đề tồn đọng, tích tụ<sup>2</sup>; vừa tiếp tục hỗ trợ người lao động, ứng phó với thiên tai, bão lũ, hạn hán; đồng thời phải đẩy mạnh các đột phá chiến lược, thúc đẩy động lực tăng trưởng, củng cố niềm tin và ổn định tâm lý của lý doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Đồng thời, Việt Nam là nước đang phát triển, nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi, quy mô còn khiêm tốn, độ mở lớn, khả năng cạnh tranh và sức chống chịu từ các cú sốc bên ngoài còn hạn chế, các yếu tố nền tảng như thể chế, hạ tầng, nguồn nhân lực chất lượng cao, công nghệ... còn thấp so với yêu cầu nên chịu áp lực rất lớn từ lạm phát, biến động mạnh về giá của nhiều mặt hàng từ bên ngoài, nhất là hàng hóa cơ bản và dầu thô. Nhiều đơn hàng sản xuất bị cắt giảm dẫn tới tình trạng ngừng sản xuất và thu hẹp quy mô trong hoạt động công nghiệp chế biến chế tạo. Hoạt động xuất, nhập khẩu đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do suy giảm nhu cầu ở các thị trường quốc tế, nhất là những đối tác lớn, trong khi các nước gia tăng tiêu chuẩn, hàng rào mới đối với xuất, nhập khẩu, nhiều chuỗi cung ứng bị gián đoạn, áp lực cạnh tranh từ các nước khu vực, châu Á tăng... Cơ chế, chính sách, quy định pháp luật đang trong quá trình hoàn thiện, sửa đổi ảnh hưởng đến tâm lý doanh nghiệp, nhà đầu tư. Dịch bệnh, thiên tai, hạn hán, bão lũ diễn biến phức tạp, gây thiệt hại nặng nề ở nhiều địa phương...

Trong bối cảnh đó, nhờ sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự lãnh đạo của Đảng, sự ủng hộ, đồng hành của Quốc hội và với tinh thần bình tĩnh, không nóng vội, không chủ quan, luôn chủ động trong công tác dự báo, hành động quyết liệt, kịp thời, chính xác của Chính phủ, Thường trực Chính phủ và Thủ tướng Chính

<sup>2</sup> Như: vướng mắc, bất cập của doanh nghiệp, dự án đầu tư, thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp, mua sắm thuốc, vật tư y tế, đăng kiểm...

phủ đã rất quan tâm chỉ đạo các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương) nghiêm túc thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã tập trung điều hành, chỉ đạo các bộ ngành, địa phương nắm chắc tình hình, cụ thể hóa, triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra; điều hành chủ động, linh hoạt, hiệu quả chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa; rà soát, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, tranh thủ tối đa cơ hội thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, xuất khẩu, thu hút đầu tư; đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công; khởi công mới, hoàn thành đưa vào sử dụng nhiều dự án, công trình trọng điểm; triển khai đồng bộ toàn tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông và các tuyến cao tốc khác; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về mỏ đất, mỏ cát, vật liệu xây dựng và sử dụng nguồn lực linh hoạt, kết hợp giữa NSTW và NSDP; tập trung xử lý nhiều vấn đề tồn đọng kéo dài, nhất là các ngân hàng yếu kém, các dự án, doanh nghiệp thua lỗ, kém hiệu quả; đưa vào vận hành nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1, Thái Bình 2... sau nhiều năm gián đoạn; Chú trọng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trên các thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản; những bất cập về đấu thầu, mua sắm thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế; chỉ đạo tổ chức đấu thầu công khai in sách giáo khoa, khắc phục tình trạng thiếu giáo viên ở một số địa phương...; Thực hiện tốt các chính sách người có công, đối tượng chính sách, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; Làm tốt công tác phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường; Giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; Đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế, nhất là ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước.

Bên cạnh đó, tập trung chỉ đạo, thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp căn cơ trong trung và dài hạn tại kế hoạch phát triển KTXH, cơ cấu lại nền kinh tế, tăng trưởng xanh, đẩy mạnh thực hiện 03 đột phá chiến lược, 12 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm... giai đoạn 2021-2025; hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách hành chính; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình kết cấu hạ tầng giao thông lớn, chiến lược...

Hằng tháng, Thủ tướng Chính phủ, Thường trực Chính phủ đã tổ chức thảo luận kỹ các thông tin, số liệu, nhận định về tình hình kinh tế - xã hội trước các phiên họp thường kỳ của Chính phủ, từ đó đưa ra những điều chỉnh kịp thời trong các nhận định và giải pháp điều hành phù hợp cho thời gian tiếp theo.

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ, các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương đã tổ chức thực hiện:

(1) Xây dựng, ban hành Chương trình, kế hoạch hành động, văn bản cụ thể triển khai thực hiện Nghị quyết, trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ (bao gồm nhiệm vụ chủ trì và nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan liên quan trong

tổ chức thực hiện), tiến độ thực hiện và phân công đơn vị chủ trì, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 01 năm 2023.

(2) Quán triệt phát huy các mặt tích cực, kết quả đạt được trong những năm qua và khắc phục những mặt còn hạn chế, bất cập; nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ; chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của bộ, ngành, địa phương, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh.

(3) Các bộ, cơ quan ngang Bộ đã theo dõi sát diễn biến trong nước và quốc tế, nâng cao năng lực, tăng cường phân tích, đánh giá, dự báo, đề xuất Chính phủ có các giải pháp kịp thời, tổng thể, đồng bộ, tận dụng thời cơ, thuận lợi, giảm thiểu tác động tiêu cực đối với nền kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các cơ quan liên quan cập nhật kịp thời kịch bản tăng trưởng GDP.

(4) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; tăng cường chuyển đổi số, thực hiện công tác thống kê, báo cáo kịp thời, chính xác; định kỳ hằng quý, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ tại Phụ lục số V, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng cuối quý để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan liên quan theo dõi các lĩnh vực kinh tế vĩ mô, trên cơ sở đó phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong tham mưu, đề xuất các giải pháp, biện pháp cụ thể điều hành kinh tế vĩ mô, kịp thời báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện; phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan đôn đốc, theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ.

Bộ Thông tin và Truyền thông đã chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, các cơ quan thông tấn, báo chí, các bộ, ngành trung ương và địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2023**

Theo báo cáo của các bộ, cơ quan trung ương, trong tổng số 77 chỉ tiêu cụ thể cho các ngành, lĩnh vực giao 15 bộ, cơ quan trung ương chủ trì theo dõi, đánh giá<sup>3</sup>, đến nay có 55 chỉ tiêu vượt và đạt mục tiêu phấn đấu năm 2023<sup>4</sup>; 17 chỉ tiêu

<sup>3</sup> Tại Phụ lục số III kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023.

<sup>4</sup> Bộ Công thương (04/08 chỉ tiêu); Bộ Khoa học và Công nghệ (01/02 chỉ tiêu); Bộ Thông tin và Truyền thông (09/15 chỉ tiêu); Bộ Nội vụ (03/03 chỉ tiêu); Văn phòng Chính phủ (03/09 chỉ tiêu); Bộ Tài nguyên và Môi trường (01/01 chỉ tiêu); Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (05/05 chỉ tiêu); Bộ Giáo dục và Đào tạo (11/11 chỉ tiêu); Bộ Xây dựng (06/06 chỉ tiêu); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (01/02 chỉ tiêu); Bộ Y tế (09/09 chỉ tiêu); Bộ Công an (01/01 chỉ tiêu); Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (01/02 chỉ tiêu).

không đạt<sup>5</sup>; 02 chỉ tiêu không đánh giá<sup>6</sup> và 03 chỉ tiêu chưa thu thập được đầy đủ số liệu hoặc chưa có cơ sở để đánh giá<sup>7</sup>. Đối với các mục tiêu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023<sup>8</sup>, có 02/02 chỉ tiêu không đạt mục tiêu theo yêu cầu của Chính phủ<sup>9</sup>.

Trong tổng số 142 nhiệm vụ được Chính phủ giao cụ thể cho 19 bộ, cơ quan trung ương<sup>10</sup>, đến nay có 81 nhiệm vụ hoàn thành, đạt 57,04%<sup>11</sup>. Còn lại 61 nhiệm vụ gồm: 26 nhiệm vụ xin lùi thời gian thực hiện<sup>12</sup>, 12 nhiệm vụ xin rút khỏi Chương trình<sup>13</sup>; 20 nhiệm vụ các bộ, cơ quan trung ương đang triển khai thực hiện<sup>14</sup>; 03 nhiệm vụ do nguyên nhân khác<sup>15</sup>.

*(Chi tiết tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao xin xem tại Phụ lục kèm theo).*

Tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 01/NQ-CP như sau:

**1. Tiếp tục ưu tiên giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế.**

**a) Điều hành chủ động, linh hoạt, chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả các công cụ chính sách tiền tệ, tài khóa và các chính sách khác:**

Trên cơ sở theo dõi sát diễn biến thị trường tiền tệ, ngoại hối, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, hiệu quả, phối hợp đồng bộ, chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh

<sup>5</sup> Bộ Công thương (04 chỉ tiêu); Bộ Thông tin và Truyền thông (05 chỉ tiêu); Văn phòng Chính phủ (06 chỉ tiêu); Bộ Kế hoạch và Đầu tư (01 chỉ tiêu); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (01 chỉ tiêu).

<sup>6</sup> Bộ Tài chính (02 chỉ tiêu).

<sup>7</sup> Bộ Thông tin và Truyền thông (01 chỉ tiêu); Bộ Khoa học và Công nghệ (01 chỉ tiêu); Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (01 chỉ tiêu).

<sup>8</sup> Tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023.

<sup>9</sup> Bộ Tài nguyên và Môi trường (01 chỉ tiêu); Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (01 chỉ tiêu).

<sup>10</sup> Tại Phụ lục số V kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023.

<sup>11</sup> Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (04/04 nhiệm vụ); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (03/03 nhiệm vụ); Bộ Khoa học và Công nghệ (07/08 nhiệm vụ); Bộ Quốc phòng (01/02 nhiệm vụ); Bộ Ngoại giao (03/05 nhiệm vụ); Bộ Thông tin và Truyền thông (07/13 nhiệm vụ); Bộ Kế hoạch và Đầu tư (14/22 nhiệm vụ); Thanh tra Chính phủ (02/02 nhiệm vụ); Bộ Tư pháp (05/07 nhiệm vụ); Bộ Tài chính (04/16 nhiệm vụ); Bộ Xây dựng (04/08 nhiệm vụ); Bộ Tài nguyên và Môi trường (09/12 nhiệm vụ); Bộ Nội vụ (13/18 nhiệm vụ); Bộ Công thương (01/09 nhiệm vụ); Bộ Giáo dục và Đào tạo (01/08 nhiệm vụ); Ủy ban Dân tộc (02/02 nhiệm vụ); Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (01/01 nhiệm vụ).

<sup>12</sup> Bộ Quốc phòng (01 nhiệm vụ); Bộ Thông tin và Truyền thông (03 nhiệm vụ); Bộ Tư pháp (02 nhiệm vụ); Bộ Tài nguyên và Môi trường (01 nhiệm vụ); Bộ Giáo dục và Đào tạo (02 nhiệm vụ); Bộ Nội vụ (03 nhiệm vụ); Bộ Y tế (01 nhiệm vụ); Bộ Công thương (04 nhiệm vụ); Bộ Khoa học và Công nghệ (01 nhiệm vụ); Bộ Kế hoạch và Đầu tư (07 nhiệm vụ); Bộ Xây dựng (01 nhiệm vụ).

<sup>13</sup> Bộ Thông tin và Truyền thông (01 nhiệm vụ); Bộ Tài chính (06 nhiệm vụ); Bộ Xây dựng (03 nhiệm vụ); Đài Tiếng nói Việt Nam (01 nhiệm vụ); Bộ Kế hoạch và Đầu tư (01 nhiệm vụ).

<sup>14</sup> Bộ Tài chính (06 nhiệm vụ); Bộ Tài nguyên và Môi trường (02 nhiệm vụ); Bộ Giáo dục và Đào tạo (05 nhiệm vụ); Bộ Nội vụ (01 nhiệm vụ); Bộ Công thương (04 nhiệm vụ); Bộ Ngoại giao (02 nhiệm vụ).

<sup>15</sup> Bộ Thông tin và Truyền thông (02 nhiệm vụ gồm 01 nhiệm vụ chuyển từ xây dựng 01 Nghị định thành xây dựng 02 Nghị định, dự kiến trình ban hành trong tháng 5/2024 và 01 nhiệm vụ đang hoàn thiện báo cáo về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và cơ quan chủ trì xây dựng Nghị định theo yêu cầu của VPCP); Bộ Nội vụ (01 nhiệm vụ sẽ được lồng ghép các nội dung quy định khi rà soát, sửa Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức).

tế hợp lý.

- Điều hành lãi suất: NHNN đã điều chỉnh giảm liên tục 04 lần các mức lãi suất với mức giảm 0,5-2,0%/năm<sup>16</sup> trong bối cảnh lãi suất thế giới tiếp tục tăng và neo ở mức cao. Đồng thời NHNN chỉ đạo các tổ chức tín dụng: (i) Tiết giảm chi phí để giảm mặt bằng lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh; (ii) Thực hiện nghiêm các quy định của NHNN về lãi suất tiền gửi; niêm yết công khai lãi suất tiền gửi tại các địa điểm nhận tiền gửi theo quy định của NHNN; tiếp tục triển khai các biện pháp để giảm lãi suất tiền gửi, qua đó tạo dư địa để giảm lãi suất cho vay đối với khách hàng; (iii) Tiếp tục triển khai các giải pháp để giảm mặt bằng lãi suất, nhất là giảm lãi suất cho vay đối với các khoản cho vay đang còn dư nợ hiện hữu và các khoản cho vay mới (phần đầu mức giảm lãi suất tối thiểu từ 1,5-2%/năm) nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh.

Đến nay, mặt bằng lãi suất đã có xu hướng giảm (lãi suất tiền gửi và cho vay bình quân của các giao dịch phát sinh mới bằng VND của các Ngân hàng thương mại giảm khoảng hơn 2,0%/năm so với cuối năm 2022)<sup>17</sup>.

- Điều hành tỷ giá và thị trường ngoại tệ: Trong giai đoạn 6 tháng đầu năm, bối cảnh cung cầu ngoại tệ trong nước cải thiện, thị trường ngoại tệ diễn biến tương đối ổn định, thanh khoản ngoại tệ thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ. NHNN mua được USD từ các TCTD để bổ sung dự trữ ngoại hối nhà nước<sup>18</sup>. Tuy nhiên, từ khoảng tháng 6/2023 đến đầu tháng 11, VND chịu áp lực mất giá do đồng USD tăng mạnh trở lại<sup>19</sup> và chênh lệch giữa lãi suất VND và lãi suất USD chuyển sang âm trong bối cảnh Mỹ tăng lãi suất và Việt Nam liên tục giảm lãi suất. Trước tình hình đó, NHNN điều hành tỷ giá linh hoạt, góp phần hấp thu hiệu quả các cú sốc bên ngoài, đồng thời cũng có các biện pháp để hạn chế các biến động lớn trong ngắn hạn của tỷ giá, hướng tới mục tiêu tổng thể ổn định nền kinh tế. Nhờ đó, VND diễn biến tương đối ổn định so với các đồng tiền trong khu vực, thanh khoản thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ được đáp ứng đầy đủ. Từ đầu năm đến ngày 13/12/2023, VND mất giá khoảng 2,94% so với USD, tương đối ổn định so với nhiều đồng tiền khác trong khu vực<sup>20</sup>. Ngày

<sup>16</sup> Cụ thể: (i) Lãi suất tái cấp vốn giảm từ 6%/năm xuống 4,5%/năm; Lãi suất tái chiết khấu giảm từ 4,5%/năm xuống 3%/năm; Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện từ liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN giảm từ 7%/năm xuống 5%/năm; (ii) Lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng VND kỳ hạn dưới 6 tháng, tiền gửi KKH và kỳ hạn dưới 1 tháng giảm từ 1%/năm xuống 0,5%/năm, tiền gửi kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng giảm từ 6%/năm xuống 4,75%/năm; (iii) Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số lĩnh vực ưu tiên giảm từ 5,5%/năm xuống 4%/năm.

<sup>17</sup> Đến ngày 10/12/2023, lãi suất tiền gửi và cho vay bình quân của các giao dịch phát sinh mới của các NHTM ở mức 4,1%/năm và 7,2%/năm.

<sup>18</sup> Từ đầu năm 2023 đến 13/11/2023, NHNN mua được 6,63 tỷ USD từ các TCTD.

<sup>19</sup> Chỉ số USD quốc tế tăng mạnh lên mức 106-107, tăng hơn 6% so với mức thấp nhất vào tháng 7/2023, gây áp lực lên các đồng tiền trong đó có VND.

<sup>20</sup> Thái Baht mất giá -2,17%; Đô la Đài Loan -2,32%; Ringgit Malaysia -6,91%; Hàn Quốc -3,78%; Trung Quốc -3,99%; Nhật Bản -9,29%



7/11/2023, Bộ Tài chính Hoa Kỳ ban hành Báo cáo về “Chính sách kinh tế vĩ mô và ngoại hối của các đối tác thương mại lớn của Hoa Kỳ”, trong đó đưa Việt Nam vào Danh sách giám sát do đáp ứng 2 tiêu chí về thặng dư thương mại song phương với Hoa Kỳ và thặng dư cán cân vãng lai trong giai đoạn từ tháng 7/2022 đến tháng 6/2023. Tuy nhiên, Báo cáo của Bộ Tài chính Hoa Kỳ tiếp tục xác định Việt Nam không thao túng tiền tệ, đồng thời đưa ra nhận xét tích cực đối với kết quả điều hành chính sách tiền tệ, tỷ giá của Việt Nam.

- Điều tiết thanh khoản: NHNN điều hành chủ động, linh hoạt, đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa, điều tiết thanh khoản nhằm ổn định thị trường tiền tệ, ngoại tệ. Để hỗ trợ vốn cho các tổ chức tín dụng có điều kiện giảm lãi suất, NHNN duy trì chào mua giấy tờ có giá trên nghiệp vụ thị trường mở hàng ngày với khối lượng và kỳ hạn phù hợp. Trong một số thời điểm, NHNN chào bán tín phiếu NHNN để hỗ trợ ổn định tỷ giá và thị trường ngoại tệ. Nhờ đó, thanh khoản của hệ thống tổ chức tín dụng được đảm bảo, các giao dịch trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng hoạt động thông suốt, lãi suất liên ngân hàng duy trì ở mức thấp.

- Về thị trường chứng khoán: Bộ Tài chính tiếp tục tăng cường công tác quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra các công ty đại chúng và tổ chức kinh doanh chứng khoán, phát hiện, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm, thao túng giá,... nhằm đảm bảo sự phát triển lành mạnh của thị trường; Đang tiếp tục hoàn thiện các đề án lớn về chiến lược phát triển, cơ cấu lại thị trường chứng khoán, thành lập sàn giao dịch vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo...

- Về việc tháo gỡ khó khăn cho thị trường trái phiếu: ngày 23/4/2023, NHNN đã ban hành Thông tư số 03/2023/TT-NHNN quy định ngưng hiệu lực thi hành khoản 11 Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-NHNN quy định việc TCTD, chi nhánh NHNN mua, bán trái phiếu doanh nghiệp, góp phần gia tăng thanh khoản, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp trong tình hình khó khăn hiện nay. Hiện NHNN đang phối hợp với các đơn vị liên quan để sửa đổi, bổ sung Thông tư 16/2021/TT-NHNN theo hướng bãi bỏ quy định về điều kiện đối với việc mua lại trái phiếu doanh nghiệp (bỏ khoản 11 Điều 4).

- Để tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản, Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ (theo Quyết định số 1435/QĐ-TTg ngày 17/11/2022) và đã có hàng loạt các Công điện (số 1156, số 1163, số 1164 và số 469), chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương thực hiện nhiều nhiệm vụ, giải pháp trong ngắn hạn cũng như lâu dài để tháo gỡ, thúc đẩy thị trường bất động sản. Tổ công tác, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và các Bộ, ngành đã khẩn trương, tích cực triển khai, thực hiện các nhiệm vụ được giao và có nhiều kết quả cụ thể. Tính đến nay, Tổ công tác đã nhận được 138 văn bản báo cáo khó khăn, vướng mắc và kiến nghị của địa phương, doanh nghiệp, hiệp

hội và người dân (gồm: 08 văn bản của 06 địa phương; 115 văn bản của 73 doanh nghiệp; 02 văn bản của Hiệp hội bất động sản thành phố Hồ Chí Minh và 13 văn bản của người dân) liên quan đến 191 dự án bất động sản. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Tổ công tác, Bộ Xây dựng đã xem xét, xử lý 138 văn bản (trong đó: có 126 văn bản gửi UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương đơn đốc, hướng dẫn và đề nghị xem xét, giải quyết theo thẩm quyền; có 12 văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị xem xét giải quyết, hướng dẫn địa phương, doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được giao)<sup>21</sup>.

- Về công tác quản lý nợ công: Bộ Tài chính đã điều hành việc vay, trả nợ của NSTW đảm bảo trong phạm vi dự toán Quốc hội quyết định và Kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Thực hiện thanh toán đầy đủ, kịp thời, đúng hạn, đảm bảo nghĩa vụ nợ cam kết với các chủ nợ.

***b) Điều hành tăng trưởng tín dụng đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho nền kinh tế, góp phần kiểm soát lạm phát; cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng; thúc đẩy chuyển đổi số, đẩy mạnh hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM); đảm bảo an ninh, an toàn nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng:***

*Về điều hành tăng trưởng tín dụng:* Ngay từ đầu năm, NHNN đã phân bổ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho các tổ chức tín dụng (TCTD) và chỉ đạo các TCTD hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng kinh tế theo chủ trương của Chính phủ, đảm bảo hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả; tiếp tục kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng. Đến tháng 7/2023, nhằm đẩy mạnh cung ứng thêm vốn cho nền kinh tế qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, NHNN đã điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2023 cho các TCTD với mức giao toàn hệ thống bằng với chỉ tiêu định hướng đề ra cho năm 2023.

Mặc dù NHNN đã triển khai quyết liệt rất nhiều giải pháp, nhưng do sức hấp thụ vốn của nền kinh tế còn yếu nên tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống thấp hơn so với chỉ tiêu định hướng đầu năm và thấp hơn mức NHNN đã phân bổ cho các TCTD. Để linh hoạt điều hành, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng phục vụ nhu cầu vốn cho quá trình phục hồi tăng trưởng kinh tế theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, NHNN đã chủ động linh hoạt điều hòa chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng trong toàn hệ thống từ TCTD không sử dụng hết chỉ tiêu

<sup>21</sup> Bộ Xây dựng đã ban hành 37 văn bản hướng dẫn, giải đáp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về các nội dung: quy hoạch, nhà ở xã hội, cải tạo chung cư cũ, cấp phép xây dựng, chuyển nhượng dự án,...cho các địa phương (Tp.Hà Nội, Tp.Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Thái Nguyên, Vĩnh Long, Sơn La, Thái Bình, Bình Định,...).

tăng trưởng tín dụng sang các TCTD cần được tiếp tục mở rộng tăng trưởng tín dụng, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn của nền kinh tế và đảm bảo an toàn hệ thống TCTD. Theo đó, kể từ ngày 29/11/2023, ngân hàng có dư nợ tín dụng năm 2023 đạt từ 80% mức dư nợ tín dụng NHNN đã thông báo thì ngân hàng được tự chủ động điều chỉnh tăng thêm chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng theo nguyên tắc NHNN đã thông báo, ngân hàng không cần có văn bản đề nghị NHNN điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng.

Nhằm tháo gỡ khó khăn, nâng cao khả năng tiếp cận vốn tín dụng cho khách hàng, NHNN đã ban hành chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ (Thông tư 02/2023/TT-NHNN) nhằm tạo điều kiện cho khách hàng được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, kéo dài thời gian trả nợ mà không bị chuyển nhóm nợ xấu, được tiếp cận các khoản vay mới phục vụ sản xuất kinh doanh, tiêu dùng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế.

NHNN cũng chỉ đạo TCTD đa dạng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, đơn giản hóa, niêm yết công khai, minh bạch các thủ tục, quy trình vay vốn; khuyến khích các TCTD tập trung nguồn vốn cho các phân khúc nhà ở thương mại giá rẻ, nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân; đẩy mạnh triển khai các chương trình tín dụng tiêu dùng, chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp nhằm kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng. Chỉ đạo các NHTM triển khai: (i) Gói tín dụng 120.000 tỷ đồng từ nguồn vốn của các NHTM với lãi suất cho vay thấp hơn từ 1,5-2% lãi suất cho vay bình quân của các ngân hàng thương mại nhà nước trên thị trường đối với chủ đầu tư, người mua nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ<sup>22</sup>; (ii) Gói tín dụng 15.000 tỷ đồng cho lĩnh vực lâm sản, thủy sản với lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam thấp hơn tối thiểu từ 1%-2%/năm so với mức lãi suất cho vay bình quân cùng kỳ hạn của chính ngân hàng cho vay.

NHNN chủ trì xây dựng dự thảo Luật Các TCTD (sửa đổi); ban hành Thông tư số 06/2023/TT-NHNN nhằm tháo gỡ, tạo điều kiện tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng; Thông tư số 10/2023/TT-NHNN để ưu tiên hơn nữa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn; Thông tư số 11/2022/TT-NHNN ngày 30/09/2022 (có hiệu lực từ ngày 01/04/2023), trong đó bổ sung quy định về cho vay, bảo lãnh điện tử; làm việc với các TCTD về rà soát thủ tục, quy trình cho vay và có văn bản chỉ đạo các TCTD tiếp tục đơn giản hóa các quy trình, thủ tục nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp, người dân tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng; rà soát các loại phí, lệ phí TCTD đang áp dụng và có văn bản chỉ đạo các TCTD cắt giảm các loại phí, lệ phí không cần thiết để hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng.

<sup>22</sup> Đến nay, BIDV đã ký hợp đồng tín dụng tài trợ 01 dự án nhà ở xã hội tại tỉnh Phú Thọ và đã giải ngân 26,4 tỷ đồng. Agribank cũng đã phê duyệt cấp tín dụng đối với 02 dự án tại tỉnh Quảng Ninh và Bắc Ninh và đã giải ngân 78,5 tỷ đồng.

*Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu; tăng cường hoạt động thanh tra, giám sát, đảm bảo an toàn hệ thống:* NHNN tiếp tục chỉ đạo triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Đề án Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025. Các NHTM nhà nước tiếp tục đóng vai trò chủ đạo trong hệ thống các TCTD cả về quy mô vốn, tài sản, huy động vốn và tín dụng<sup>23</sup>; tích cực nâng cao chất lượng tài sản, kiểm soát chất lượng tín dụng và xử lý nợ xấu, đặc biệt là nỗ lực tự xử lý nợ xấu bằng các biện pháp đôn đốc thu hồi nợ, sử dụng dự phòng rủi ro...; đẩy mạnh cơ cấu lại mạng lưới kênh phân phối, trong đó ưu tiên phục vụ khu vực nông nghiệp, nông thôn.

Về cơ bản, các NHTM cổ phần đều đang tập trung củng cố, chấn chỉnh toàn diện trên các mặt tài chính, quản trị và hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, năng lực cạnh tranh<sup>24</sup>. Đối với các ngân hàng/TCTD được kiểm soát đặc biệt, đến nay, NHNN đã trình và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương chuyển giao bắt buộc đối với 04 ngân hàng được kiểm soát đặc biệt.

Đối với NHTMCP Sài Gòn (SCB), trên cơ sở báo cáo đánh giá tổng thể thực trạng và đề xuất chủ trương cơ cấu lại của SCB và Ban kiểm soát đặc biệt SCB, NHNN đã có báo cáo Thủ tướng Chính phủ về chủ trương xử lý SCB. Hiện, NHNN đang nghiên cứu đề nghị tham gia cơ cấu lại SCB của một số nhà đầu tư để khẩn trương trình Chính phủ phương án cơ cấu lại SCB theo quy định.

NHNN đã tích cực đổi mới, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; tập trung thanh tra, giám sát các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro nhằm ngăn chặn, phát hiện và xử lý nghiêm các rủi ro, tồn tại và sai phạm của TCTD, góp phần bảo đảm an ninh, kỷ luật trên thị trường tiền tệ, ngân hàng.

Về công tác phòng, chống rửa tiền, NHNN đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia của Việt Nam thực hiện cam kết với Lực lượng đặc nhiệm tài chính về phòng, chống rửa tiền (FATF), phối hợp với các bộ, ngành thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền giai đoạn 2018-2022. Đồng thời, tiếp tục tăng cường thực hiện các cam kết của Chính phủ Việt Nam trong công tác phòng, chống rửa tiền, thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam trong APG. Bên cạnh đó, việc đàm phán, ký kết các thỏa thuận quốc tế về trao đổi thông tin liên quan đến rửa tiền với các đơn vị tình báo tài chính tiếp tục được quan tâm, thực hiện. Ngày 28/4/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 19/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền; Ngày 27/4/2023 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 11/2023/QĐ-TTg quy định mức giao

<sup>23</sup> Trong năm 2023, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định phê duyệt phương án đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại BIDV (5.198 tỷ đồng), Vietinbank (5.642,6 tỷ đồng) và Vietcombank (8.566 tỷ đồng). Đến cuối tháng 10/2023, vốn điều lệ của 04 ngân hàng thương mại nhà nước (Agribank, Vietcombank, VietinBank, BIDV) đạt 189 nghìn tỷ đồng; tổng tài sản đạt 7.730,6 nghìn tỷ đồng; huy động vốn thị trường 1 (TT1) đạt 6.263,4 nghìn tỷ đồng; dư nợ cho vay TT1 đạt 5.685,3 nghìn tỷ đồng.

<sup>24</sup> Đến cuối tháng 10/2023, vốn điều lệ của các NHTMCP đạt 527,6 nghìn tỷ đồng; tổng tài sản đạt 8.348,1 nghìn tỷ đồng; huy động vốn TT1 đạt 6.117,1 nghìn tỷ đồng; dư nợ cho vay TT1 đạt 5.544,1 nghìn tỷ đồng.

dịch lớn phải báo cáo.

*Thúc đẩy chuyển đổi số, đẩy mạnh hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM); đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động thanh toán và các hệ thống thông tin ứng dụng nghiệp vụ ngân hàng; Phòng chống tội phạm công nghệ cao trong lĩnh vực ngân hàng:* NHNN tổ chức triển khai tích cực các Đề án, Chương trình, Kế hoạch, chính sách nhằm đẩy mạnh chuyển đổi số ngành Ngân hàng<sup>25</sup>. NHNN cũng đã ban hành Thông tư cho phép các ngân hàng mở tài khoản thanh toán, mở thẻ ngân hàng, cho vay, bảo lãnh bằng phương thức điện tử (eKYC)<sup>26</sup> nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ mới, thúc đẩy chuyển đổi số nhưng vẫn đảm bảo an ninh, an toàn.

Các hạ tầng dùng chung như Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng, Hệ thống chuyển mạch tài chính và bù trừ điện tử, Hệ thống thông tin tín dụng quốc gia... thường xuyên được nâng cấp, bổ sung tiện ích, dịch vụ theo hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới, áp dụng tiêu chuẩn quốc tế để nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng dịch vụ. Hệ sinh thái số, thanh toán số đã được thiết lập kết nối giữa dịch vụ ngân hàng với nhiều dịch vụ khác, nhiều ngân hàng Việt Nam có tỷ lệ trên 90% giao dịch trên kênh số. Các công nghệ của CMCN 4.0 (như trí tuệ nhân tạo (AI), tự động hóa quy trình bằng Rô-bốt (Robotic Process Automation), công nghệ chuỗi khối (Blockchain Technology)... được các ngân hàng Việt Nam ứng dụng mạnh mẽ và rộng rãi vào các dịch vụ ngân hàng cốt lõi như thanh toán, tín dụng, nhận tiền gửi.

Hạ tầng mạng lưới thanh toán tiếp tục được đầu tư, phát triển. Các hệ thống thanh toán quan trọng<sup>27</sup> được vận hành ổn định, thông suốt và an toàn; hệ thống ATM, POS kết nối liên thông và phân bố đến tất cả huyện, tỉnh trên toàn quốc. Hoạt động TTKDTM tiếp tục đạt được nhiều kết quả tích cực với nhiều sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại, tiện ích (như chuyển tiền nhanh 24/7, thanh toán di động, dùng tài khoản viễn thông thanh toán -Mobile-Money, sử dụng mã QR, ví điện tử...), phục vụ đắc lực và đáp ứng được nhu cầu người dân và doanh nghiệp. Việc triển khai thí điểm dịch vụ Mobile-Money đã đạt được một số kết quả tích cực, tăng cường việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ tài chính, đặc biệt tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo của Việt Nam.

NHNN thường xuyên, chủ động theo dõi, chỉ đạo các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán (TGTT) tăng cường các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động thanh toán. Đồng thời, NHNN tiếp

<sup>25</sup> Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch của ngành Ngân hàng triển khai Quyết định 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030,...

<sup>26</sup> Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023.

<sup>27</sup> Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (TTĐTLNH), hệ thống chuyển mạch tài chính và bù trừ điện tử (CMTC&BTĐT).

tục phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác phòng, chống tội phạm công nghệ cao; phối hợp diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin; đào tạo chuyên gia an toàn thông tin; điều tra, cung cấp thông tin truy bắt tội phạm sử dụng công nghệ cao liên quan đến ngành Ngân hàng.

***c) Về việc xử lý các vấn đề tồn đọng, kéo dài đã được Bộ Chính trị cho chủ trương.***

- Đã có 08/12 dự án, doanh nghiệp đã được Bộ Chính trị đồng ý chủ trương, định hướng xử lý cụ thể; sau khi có phương án xử lý, một số dự án, doanh nghiệp đã có lãi, giảm lỗ lũy kế, đã đóng góp cho ngân sách nhà nước, giảm dư nợ trung hạn và dài hạn của các dự án/doanh nghiệp, bảo đảm duy trì việc làm, đời sống cho hàng nghìn lao động, góp phần ổn định chính trị - xã hội tại địa phương.

Cụ thể Một số dự án, doanh nghiệp đã có lãi, giảm lỗ lũy kế gồm: (i) Nhà máy sản xuất phân bón DAP 1 - Hải Phòng của Công ty cổ phần DAP - Vinachem từ năm 2017 đến nay sản xuất ổn định, hàng năm có lãi và đã hết lỗ lũy kế từ tháng 01/2022; (ii) Dự án sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ - PVN có nhiều chuyển biến tích cực trong hoạt động SXKD, như: duy trì vận hành sản xuất khai thác tối đa, hiệu quả 27 dây chuyền sợi DTY, doanh thu bù đắp được chi phí biến đổi và có lợi nhuận trước định phí,...; (iii) 03 dự án, doanh nghiệp sản xuất phân bón (Dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy sản xuất phân đạm Hà Bắc; Dự án Nhà máy sản xuất đạm Ninh Bình và Dự án Nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2 - Lào Cai) đã duy trì được SXKD; nỗ lực làm chủ công nghệ, từng bước nâng công suất chạy máy bình quân so với công suất thiết kế. Mặc dù, còn lỗ lũy kế, song từ năm 2021 đến nay, do thị trường thuận lợi, nên kết quả SXKD của 03 dự án, doanh nghiệp có cải thiện hơn: năm 2022, ước lãi 2.632 tỷ đồng, tăng hiệu quả 2.815 tỷ đồng so với năm 2021. Ngày 27/11/2023 và ngày 19/12/2023, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Phương án điều chỉnh giảm lãi suất cho vay tín dụng tại VDB và Phương án kéo dài thời hạn vay vốn và xóa nợ lãi vay tại VDB đối với 03 dự án, doanh nghiệp sản xuất phân bón của Vinachem. Qua đó, giúp Vinachem đạt lợi nhuận năm 2023 ước là 790 tỷ đồng, đạt 108% kế hoạch năm 2023, đóng góp cho ngân sách nhà nước, bảo đảm duy trì việc làm, đời sống cho hàng nghìn lao động, góp phần ổn định chính trị - xã hội tại địa phương.

- Đối với 03 dự án, doanh nghiệp còn lại giao Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp chỉ đạo việc xây dựng phương án xử lý: Tisco 2, VTM, DQS (không tính phương án xử lý Dự án nhà máy bột giấy Phương Nam do Bộ Công Thương thực hiện), đã hoàn thiện phương án theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo và báo cáo Thường trực Chính phủ và sẽ tiếp tục thực hiện đúng chỉ đạo của Thường trực Chính phủ để hoàn thiện phương án trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

***d) Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, tăng cường thu hút đầu tư xã hội, nguồn vốn FDI chất lượng cao***

Chính phủ đẩy mạnh triển khai các gói hỗ trợ phục hồi kinh tế xã hội, thực hiện và giải ngân tối đa nguồn vốn đầu tư công, tạo đà thúc đẩy sản xuất kinh doanh và huy động các nguồn vốn đầu tư, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh năm 2023 còn rất nhiều các khó khăn thách thức gia tăng đối với nền kinh tế.

Đầu tư phát triển tiếp tục đạt kết quả tích cực. Các giải pháp quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã mang lại hiệu quả trong việc thu hút nguồn lực đầu tư và trong việc tháo gỡ khó khăn thực hiện giải ngân vốn đầu tư.

*Thu hút vốn đầu tư nước ngoài* tích cực hơn. Cơ cấu đầu tư nước ngoài tiếp tục có sự chuyển dịch tích cực, đúng hướng, tập trung vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, các ngành liên quan đến kinh tế số, chuyển đổi số, giao thông vận tải, logistics.

Nhằm tăng cường thu hút nguồn vốn FDI chất lượng cao, nhất là FDI vào ngành bán dẫn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có công văn gửi Thủ tướng Chính phủ và báo cáo số 116/BC-BKHĐT ngày 23/2/2023 về thu hút các tập đoàn đa quốc gia đầu tư phát triển ngành công nghiệp sản xuất chip – bán dẫn tại Việt Nam.

*Khu vực Doanh nghiệp nhà nước* cơ bản ổn định, phát triển, một số doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn hoạt động trong ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế như năng lượng, hạ tầng giao thông, viễn thông và CNTT, vận tải đã thể hiện rõ vai trò, vị trí nòng cốt, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có đóng góp tích cực trong phát triển kinh tế. Qua đó góp phần quan trọng trong việc bảo đảm các cân đối lớn cho nền kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, an sinh xã hội, bảo đảm nguồn thu cho NSNN. Nhiều tập đoàn, tổng công ty nhà nước đã kết hợp sản xuất, kinh doanh và góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ quyền quốc gia. Nhiều dự án đầu tư lớn, quan trọng đã được doanh nghiệp nhà nước thực hiện.

*Khu vực kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững, ngày càng có vai trò quan trọng, thật sự trở thành động lực phát triển của nền kinh tế.* Công tác hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng tiếp tục được triển khai tích cực, cơ chế chính sách ngày càng được hoàn thiện. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2025. Nhiều doanh nghiệp được hỗ trợ chuyển đổi số, bước vào giai đoạn số hóa dữ liệu, chuẩn hóa quy trình, ứng dụng công nghệ số. Các doanh nghiệp đã tham gia sâu hơn vào cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong nước và khu vực. Các lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề như hàng không, du lịch, lữ hành đã nhanh chóng khôi phục, hoạt động du lịch tại nhiều địa phương có nhiều

dấu hiệu khởi sắc.

*Khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã (KTTT, HTX)* được quan tâm phát triển, chú trọng hoàn thiện thể chế, chính sách. Dự án Luật Hợp tác xã (sửa đổi) đã được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV (Luật số 17/2023/QH15 ngày 20 tháng 6 năm 2023). Tổ chức sản xuất của Tổ hợp tác, HTX hướng đến mục tiêu đạt chuẩn OCOP, góp phần hoàn thiện các chuỗi giá trị sản phẩm địa phương, vùng, quốc gia; phát triển và tham gia liên kết với các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác.

*Về việc nghiên cứu, đánh giá tác động của Quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu đến thu hút đầu tư vào Việt Nam:* Tại Quyết định số 55/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Tổ công tác đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ để nghiên cứu và đề xuất giải pháp liên quan đến thuế tối thiểu toàn cầu<sup>28</sup>.

Trên cơ sở nhiệm vụ của Tổ công tác, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ động nghiên cứu, trao đổi, làm việc với các Bộ, ngành; Hiệp hội doanh nghiệp đầu tư nước ngoài; các công ty tư vấn, công ty luật, 04 đơn vị kiểm toán lớn trên thế giới<sup>29</sup>, một số Tập đoàn, doanh nghiệp có thể bị ảnh hưởng bởi Thuế suất tối thiểu toàn cầu (Trụ cột 2); các tổ chức, chuyên gia trong và ngoài nước để xây dựng các giải pháp phù hợp khi thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng và đã báo cáo Chính phủ<sup>30</sup>, Thủ tướng Chính phủ<sup>31</sup>.

Đến nay, nội dung về hỗ trợ đầu tư đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 110/2023/QH15 Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV, theo đó giao Chính phủ trong năm 2024 xây dựng dự thảo Nghị định về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư từ nguồn thu thuế tối thiểu toàn cầu và các nguồn hợp pháp khác để ổn định môi trường đầu tư, khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đối với một số lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi ban hành. Đồng thời, rà soát tổng thể để hoàn thiện đồng bộ hệ thống chính sách, pháp luật về khuyến khích đầu tư, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới.

***đ) Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ thị trường trong nước, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, mở rộng thị trường xuất khẩu***

Thực hiện vai trò thường trực Tổ điều hành *Thị trường trong nước*, Bộ Công Thương phối hợp với các doanh nghiệp phân phối lớn để có phương án điều tiết nguồn cung hàng hóa khi cần thiết hoặc hỗ trợ tiêu thụ các mặt hàng nông sản vào

<sup>28</sup> Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái là Tổ trưởng Tổ công tác, Bộ trưởng Bộ Tài chính là Tổ phó thường trực và Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư là Tổ phó. Bộ Tài chính là cơ quan thường trực của Tổ công tác.

<sup>29</sup> PwC, KPMG, E&Y và Deloitte.

<sup>30</sup> Tờ trình số 6018/TTr-BKHĐT ngày 29/7/2023.

<sup>31</sup> Các công văn số: 1945/BKHĐT-ĐTNN ngày 17/3/2023, 388/BKHĐT-ĐTNN ngày 09/6/2023.



vụ thu hoạch; đổi mới, tổ chức kết nối cung cầu trong nước trên môi trường trực tuyến và dựa trên những nền tảng mới, tạo kênh tiêu thụ thuận lợi, ổn định. Tăng cường kiểm tra, xử lý hàng hóa nhập lậu, hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa không bảo đảm an toàn thực phẩm và nhất là các vi phạm trong lĩnh vực thương mại điện tử, hàng hóa gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp.

Đẩy mạnh thực hiện các Chương trình, Đề án, góp phần thúc đẩy tiêu dùng, phát triển thị trường trong nước như: Đề án “Phát triển thị trường trong nước gắn với cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, Chương trình “Phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 nhằm đẩy mạnh các hoạt động tiêu dùng trong nước”, Đề án “Đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030... Đẩy mạnh triển khai chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

*Tiếp tục tập trung mở rộng thị trường xuất khẩu* mới gắn với kiểm soát nhập khẩu, đảm bảo ổn định cán cân thương mại. Đổi mới công tác xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, mở rộng thị trường xuất khẩu chú trọng khai thác các hiệp định thương mại tự do (FTA), nhất là các FTA thế hệ mới. Tăng cường công tác thông tin, định hướng doanh nghiệp, chuyển mạnh hoạt động xuất khẩu sang hình thức chính ngạch, bền vững. Chủ động, kịp thời xử lý những khó khăn trong thông quan hàng hóa và phòng chống hiện tượng ùn tắc hàng hóa xuất nhập khẩu tại cửa khẩu biên giới. Tập trung ưu tiên phát triển dịch vụ logistics. Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình hành động thực hiện Chiến lược phát triển xuất nhập khẩu thời kỳ 2021-2030. Tiếp tục theo dõi, phân tích, dự báo thị trường, sự thay đổi trong chính sách thương mại của các nước, đối tác lớn, kịp thời có giải pháp điều hành ứng phó kịp thời.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 435/QĐ-TTg ngày 24/4/2023 và số 853/QĐ-TTg ngày 17/7/2023 về phân công các Thành viên Chính phủ làm việc với các địa phương để có biện pháp kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và xuất nhập khẩu tại địa phương thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nhằm thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng của nền kinh tế.

Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và hiệp hội liên quan thường xuyên: (i) Tổ chức Hội nghị thúc đẩy sản xuất, tiêu dùng trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu năm 2023 để bàn các giải pháp để đẩy mạnh xuất khẩu; (ii) Tổ chức Hội nghị giao ban định kỳ hàng tháng giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương, hiệp hội với hệ thống thương vụ Việt Nam ở nước ngoài; (iii) Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến về cơ hội, cách thức tận dụng cơ hội của các FTA; đổi mới phương thức phổ biến qua ứng dụng CNTT; (iv) Tích cực triển khai các hoạt động phát triển thị trường, trong đó

đã kết thúc đàm phán FTA giữa Việt Nam và Israel, khởi động đàm phán FTA giữa Việt Nam và UAE, trên cơ sở đó phát triển các thị trường mới cho hàng hoá xuất khẩu; (v) Chỉ đạo, định hướng xây dựng và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương với nòng cốt là các hoạt động trong khung khổ Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại theo hướng đa dạng hóa thị trường, mặt hàng xuất khẩu; tăng cường tận dụng cơ hội từ thị trường có FTA nhằm mang tính bền vững, cân bằng hơn, đảm bảo thị trường ổn định, lâu dài cho hoạt động xuất khẩu, nâng cao hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế; (vi) Thúc đẩy phát triển dịch vụ logistics, qua đó giảm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh cho hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam; (vii) Rà soát, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để hướng dẫn thực thi và khai thác có hiệu quả các hiệp định FTA; (viii) Hỗ trợ và số hóa hoạt động xuất khẩu cho doanh nghiệp thông qua triển khai Chương trình thúc đẩy xuất khẩu thông qua thương mại điện tử xuyên biên giới – Go Export, triển khai hệ sinh thái xuất khẩu trực tuyến, tham gia tổ chức khóa tập huấn về TMĐT xuyên biên giới phối hợp cùng Amazon Global Selling...

Từ tháng 11/2022 đến nay, Bộ Công Thương phối hợp với VTV1 định kỳ hàng tuần phát sóng chuỗi chương trình nhíp cầu thương vụ nhằm thông tin về tình hình thị trường ngoài nước; Chủ động nắm bắt tình hình áp dụng các biện pháp bảo hộ mậu dịch của các nước nhập khẩu kịp thời thông tin cho các Bộ, ngành, địa phương để đấu tranh có hiệu quả đối với các rào cản kỹ thuật, thương mại bất hợp lý, đặc biệt đối với các mặt hàng nông, lâm, thủy sản chủ lực; đàm phán mở cửa thị trường xuất khẩu đặc biệt cho các mặt hàng trái cây và sản phẩm trồng trọt.

#### ***e) Công khai, minh bạch trong điều hành giá cả hàng hóa, dịch vụ***

Tiếp tục thực hiện các giải pháp quản lý, điều hành chặt chẽ việc điều chỉnh giá các hàng hóa quan trọng, dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước định giá, nhất là giá điện, xăng dầu, hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu khác; có các giải pháp phù hợp để ổn định giá các nguyên vật liệu quan trọng và các hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng thiết yếu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống người dân; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi gian lận thương mại, đầu cơ, thao túng, tăng giá bất hợp lý.

Về giá xăng dầu: Thực hiện nhất quán trong việc tính toán, xác định, điều hành giá theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP và Nghị định 95/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, các Thông tư hướng dẫn và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ để điều hành giá xăng dầu trong nước phù hợp với diễn biến giá xăng dầu thế giới; sử dụng công cụ Quỹ Bình ổn giá nhằm hạn chế mức biến động mạnh của giá xăng dầu trong nước so với biến động của giá thế giới, góp phần thực hiện mục tiêu kiểm soát lạm phát và hỗ trợ phục hồi kinh tế, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các chủ thể kinh

doanh và sử dụng xăng dầu. Lũy kế từ đầu năm đến ngày 25/12/2023 đã thực hiện 36 kì điều hành giá các mặt hàng xăng dầu, trong đó: giá các mặt hàng xăng E5RON92 có 14 lần giảm, 04 lần giữ ổn định, 18 lần tăng; xăng RON95 có 14 lần giảm, 04 lần giữ ổn định, 18 lần tăng; dầu diesel (DO) có 18 lần giảm, 01 lần giữ ổn định, 17 lần tăng; dầu hỏa có 18 lần giảm, 01 lần giữ ổn định, 17 lần tăng; dầu madut (FO) có 16 lần giảm, 01 lần giữ ổn định, 19 lần tăng).

Về giá điện: Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương đã chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) xây dựng phương án giá bán điện bình quân năm 2023 (hàng năm và trong năm). Phối hợp với các cơ quan liên quan (Tổng cục Thống kê) để đánh giá kỹ các tác động đến tình hình kinh tế vĩ mô và các nhóm khách hàng sử dụng điện để đề xuất lộ trình điều chỉnh giá bán lẻ điện năm 2023 và mức độ điều chỉnh phù hợp, đảm bảo ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Giá bán lẻ điện bình quân năm 2023 đã được EVN điều chỉnh tăng 02 lần: (i) tăng 3% từ ngày 04 tháng 5 năm 2023 (lên mức 1.920,3732 đồng/kWh, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng); (ii) tăng 4,5% từ ngày 09 tháng 11 năm 2023 (lên mức 2.006,79 đồng/kWh, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng). Bộ Công Thương đang nghiên cứu sửa đổi Quyết định số 24/2017/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân. Đồng thời, để đảm bảo công tác điều hành giá điện một cách minh bạch, Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 543/QĐ-BCT ngày 03 tháng 3 năm 2023 về việc kiểm tra chi phí sản xuất kinh doanh điện của Tập đoàn điện lực Việt Nam với thời kỳ kiểm tra từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.

## **2. Tiếp tục tập trung phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh**

Tiếp tục theo dõi chặt chẽ, thường xuyên đánh giá, phân tích tình hình và các yếu tố nguy cơ, giữ vững thành quả phòng, chống dịch bệnh COVID-19. Bộ Y tế chính thức điều chỉnh bệnh COVID-19 từ bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A sang nhóm B từ ngày 20/10/2023; ban hành Kế hoạch Kiểm soát, quản lý bền vững dịch bệnh COVID-19 giai đoạn 2023-2025. Từ đầu năm đến ngày 17/12/2023 cả nước ghi nhận 99.294 ca mắc và 20 ca tử vong do COVID-19, lũy kế từ đầu dịch cả nước ghi nhận 11.624.525 ca mắc, 43.206 ca tử vong.

Sau khi dịch COVID-19 được kiểm soát, Bộ Y tế tiếp tục tích cực tham gia các hợp tác song phương và đa phương, cùng nỗ lực để đưa ra các giải pháp để giảm thiểu tác động của đại dịch COVID-19 và phục hồi kinh tế cũng như các tiếp cận tài chính y tế bền vững để ứng phó tốt hơn với các dịch bệnh, ứng dụng công nghệ số trong y học được chú trọng, tạo môi trường thuận lợi để phát triển ngành công nghiệp về y tế như sản phẩm vắc xin, thiết bị y tế, thúc đẩy các chính sách và chuỗi cung ứng toàn cầu...

Bộ Y tế phối hợp với các bộ ngành liên quan trong công tác hỗ trợ, chia sẻ

khó khăn với các nước<sup>32</sup>, đề xuất thành lập Trung tâm ASEAN đáp ứng với các tình huống y tế công cộng khẩn cấp và bệnh truyền nhiễm mới nổi, cam kết đóng góp Kho dự phòng vật tư y tế khẩn cấp ASEAN. Việt Nam đã đạt thỏa thuận về công nhận hộ chiếu vắc xin lẫn nhau với 48 quốc gia.

Các dịch bệnh truyền nhiễm khác được kiểm soát tốt, không để xảy ra dịch chồng dịch. Thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về vắc xin tiêm chủng mở rộng. Đẩy mạnh phòng chống bệnh không lây nhiễm, quản lý an toàn thực phẩm, môi trường y tế; truyền thông, nâng cao nhận thức của người dân và cộng đồng về dự phòng, nâng cao sức khỏe, chú trọng dinh dưỡng, bảo vệ, rèn luyện thể lực. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2030 (Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 24/5/2023); Chương trình phát triển y tế biển, đảo Việt Nam đến năm 2030. Xây dựng dự án Luật Phòng bệnh, Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng. Tập trung thực hiện Chương trình sức khỏe Việt Nam, các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 đối với nội dung thuộc lĩnh vực y tế. Đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức của người dân và cộng đồng về dự phòng, nâng cao sức khỏe, chú trọng dinh dưỡng, bảo vệ, rèn luyện thể lực.

**3. Tăng cường xây dựng, hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí**

*a) Công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế, pháp luật và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật*

Tiếp tục tăng cường chỉ đạo công tác rà soát, hoàn thiện thể chế; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; bảo đảm tiến độ, chất lượng các dự án luật, pháp lệnh thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023.

Xem xét trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội thông qua Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023<sup>33</sup> tại kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV; ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới<sup>34</sup>; rà soát, đề xuất sửa đổi các nội dung liên quan đến Luật Giám định tư pháp, đánh giá việc thi hành pháp luật về Thi hành án dân sự, Phổ biến, giáo dục pháp luật, Hộ tịch và tiếp tục

<sup>32</sup> Viện trợ vắc xin AstraZeneca phòng COVID-19 cho nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

<sup>33</sup> Nghị quyết số 89/2023/QH15 ngày 02/6/2023 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023.

<sup>34</sup> Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ.

hoàn thiện các văn bản dưới luật trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm, lý lịch tư pháp, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư pháp...; xây dựng “Quy định của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ trong công tác xây dựng pháp luật”; ban hành Nghị quyết về một số nhiệm vụ, giải pháp triển khai sắp xếp tổ chức các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ<sup>35</sup> và Nghị quyết về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ<sup>36</sup>...

Bộ Tư pháp tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, Luật Công chứng (sửa đổi), Luật Thủ đô (sửa đổi). Tại Kỳ họp bất thường lần thứ 2, Kỳ họp thứ 5 và thứ 6, Quốc hội khóa XV, Chính phủ đã trình Quốc hội xem xét, thông qua 16 Luật<sup>37</sup> và cho ý kiến 16 Luật<sup>38</sup>; đồng thời quyết nghị nhiều chủ trương, chính sách quan trọng về đất đai, y tế, đầu thầu, đầu tư, quy hoạch, giảm thuế giá trị gia tăng, xuất nhập cảnh, cơ chế đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, đầu tư xây dựng công trình đường bộ, thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu...

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Tư pháp đã thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ gửi thẩm định của các bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức thẩm định và xây dựng báo cáo thẩm định theo đúng quy định của Luật. Trong năm 2023, Bộ Tư pháp đã có ý kiến thẩm định đối với 44 đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và 194 dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Công tác phổ biến giáo dục pháp luật tiếp tục triển khai thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, các Kế hoạch, Đề án phổ biến giáo dục pháp luật đã được ban hành<sup>39</sup>.

<sup>35</sup> Nghị quyết số 20/NQ-CP ngày 17/02/2023 của Chính phủ.

<sup>36</sup> Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ.

<sup>37</sup> Gồm: Luật Khám bệnh, chữa bệnh (sửa đổi); Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Luật Đầu thầu; Luật Giá; Luật Giao dịch điện tử; Luật Hợp tác xã; Luật Phòng thủ dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; Luật Căn cước; Luật Kinh doanh bất động sản; Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; Luật Nhà ở; Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; Luật Tài nguyên nước; Luật Viễn thông.

<sup>38</sup> Gồm: Luật Đất đai (sửa đổi), cho ý kiến lần 2; Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi); Luật Căn cước công dân (sửa đổi); Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi); Luật Nhà ở (sửa đổi); Luật Tài nguyên nước (sửa đổi); Luật Viễn thông (sửa đổi); Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi); Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp; Luật Đường bộ; Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Luật Lưu trữ (sửa đổi); Luật Thủ đô (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.

<sup>39</sup> Như: (i) Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027”; (ii) Đề án “Thí điểm đổi mới hoạt động đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL”; (iii) Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”; (iv) Đề án “Truyền thông về quyền con người giai đoạn 2023-2028”; (v) Đề án “Tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về nội dung của Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn”...

Triển khai kịp thời công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật; đã ban hành Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp năm 2022; ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật<sup>40</sup>; tổ chức triển khai, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện rà soát, xây dựng Báo cáo của Chính phủ gửi Quốc hội về kết quả rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật<sup>41</sup>; kịp thời chỉ đạo sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền các văn bản dưới luật không còn phù hợp hoặc kiến nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các luật, nghị quyết có liên quan<sup>42</sup>.

Công tác thi hành án dân sự, nhất là việc xử lý các vụ việc phức tạp, kéo dài, xử lý thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế và án tín dụng, ngân hàng tiếp tục được quan tâm, tập trung chỉ đạo quyết liệt, đạt kết quả cao nhất từ trước đến nay<sup>43</sup>. Công tác theo dõi thi hành án hành chính được quán triệt, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, hiệu quả<sup>44</sup>.

Công tác hành chính tư pháp, đăng ký giao dịch bảo đảm được đẩy mạnh số hóa, kịp thời giải quyết các nhu cầu của người dân, doanh nghiệp. Thể chế pháp luật trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp tiếp tục được chú trọng hoàn thiện. Công tác trợ giúp pháp lý cho người dân tiếp tục được tăng cường, củng cố; hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, được các bộ, ngành, địa phương tích cực triển khai.

### ***b) Về công tác thanh tra***

Thanh tra Chính phủ đã ban hành kế hoạch chi tiết thực hiện kế hoạch thanh tra năm 2023; Kế hoạch về kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra của Thanh tra Chính phủ năm 2023; Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 75/2022/QH15 của Quốc hội về nội dung chất vấn trong lĩnh vực thanh tra; Hoàn thành báo cáo phục vụ Đoàn giám sát của Quốc hội chuyên đề "Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016- 2021"...

Toàn ngành Thanh tra đã triển khai 7.172 cuộc thanh tra hành chính và 146.890 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành. Qua thanh tra chấn chỉnh quản lý, hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật trên nhiều lĩnh vực; phát hiện vi phạm về

<sup>40</sup> Quyết định số 704/QĐ-TCT ngày 09/5/2023 của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>41</sup> Báo cáo số 587/BC-CP ngày 20/10/2023 của Chính phủ.

<sup>42</sup> Báo cáo số 587/BC-CP ngày 20/10/2023 của Chính phủ gửi Quốc hội.

<sup>43</sup> Năm 2023 (tính từ ngày 01/10/2022 đến 30/9/2023): Đã thi hành xong 575.667 việc, tăng 36.377 việc (tăng 6,75%) so với cùng kỳ năm 2022; đạt tỉ lệ 83,24% (tăng 0,74%) so với cùng kỳ năm 2022, cao hơn 0,74% so với chỉ tiêu được giao.

<sup>44</sup> Năm 2023, tổng số bản án, quyết định về vụ án hành chính (gọi chung là bản án) có nội dung phải thi hành là 1.375 bản án (kỳ trước chuyển sang là 563 bản án), tăng 453 bản án so với năm 2022. Số bản án Tòa đã ra quyết định buộc THAHC là 571 bản án. Kết quả, các cơ quan hành chính nhà nước đã thi hành xong 582 bản án (tăng 153 bản án so với năm 2022).

kinh tế 214.335 tỷ đồng, 495 ha đất; trong đó kiến nghị thu hồi 158.908 tỷ đồng<sup>45</sup> và 56 ha đất; xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán do chưa thực hiện đúng quy định và đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét xử lý 55.428 tỷ đồng, 439 ha đất; ban hành 94.717 quyết định xử phạt vi phạm hành chính của tổ chức, cá nhân với số tiền 4.460 tỷ đồng; kiến nghị xem xét, xử lý hành chính 1.317 tập thể và 4.733 cá nhân; chuyển cơ quan điều tra xem xét, xử lý 283 vụ, 363 đối tượng<sup>46</sup>.

Công tác đôn đốc xử lý sau thanh tra: Toàn ngành đã tiến hành đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện 8.075 kết luận và quyết định xử lý về thanh tra, trong đó có 3.445 kết luận thanh tra đã hoàn thành 100% các nội dung phải thực hiện (chiếm 42,7% tổng số kết luận thanh tra được đôn đốc, kiểm tra). Qua đôn đốc, các cơ quan chức năng đã thu hồi 4.418 tỷ đồng, 9 ha đất; xử lý hành chính 1.529 tổ chức, 5.182 cá nhân; chuyển cơ quan điều tra 207 vụ, 158 đối tượng; khởi tố 9 vụ, 15 đối tượng; ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ 221 văn bản về cơ chế, chính sách, pháp luật theo kiến nghị tại các kết luận thanh tra<sup>47</sup>.

### ***c) Công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo***

Thanh tra Chính phủ đã ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 623/NQ-UBTVQH15 và các kiến nghị của Đoàn giám sát tại Báo cáo số 334/BC-ĐGS trong lĩnh vực tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo; Hoàn thành việc xây dựng Mô hình tiếp công dân trực tuyến; Triển khai thực hiện Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 07/8/2023 của Chính phủ về giải quyết khiếu kiện phức tạp, tồn đọng, kéo dài và đấu tranh, xử lý các đối tượng lợi dụng khiếu kiện vi phạm pháp luật; Phối hợp với các địa phương khu vực Tây Nguyên đối thoại, xử lý, giải quyết một số vụ việc khiếu nại của người dân liên quan đến đất đai có nguồn gốc từ đất nông, lâm trường quốc doanh; Phối hợp với Bộ Công an xác định các vụ việc khiếu nại, tố cáo tại các địa phương liên quan và nội dung cụ thể cần thanh tra, thống nhất biện pháp xử lý, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;...

Trong năm 2023, cơ quan hành chính nhà nước các cấp đã giải quyết 17.122/23.793 vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, đạt tỷ lệ 72,0%. Qua giải quyết khiếu nại, tố cáo đã kiến nghị thu hồi cho nhà nước 8,7 tỷ đồng, 14,5 ha đất; trả lại cho tổ chức, cá nhân 441,6 tỷ đồng, 22,3 ha đất; khôi phục, đảm bảo quyền lợi cho 31 tổ chức, 373 cá nhân; kiến nghị xử lý 414 người (trong đó có 370 cán bộ, công chức); chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý 31 vụ, 26 đối tượng (có 14 cán

<sup>45</sup> Trong đó kiến nghị thu hồi về ngân sách nhà nước 24.557 tỷ đồng; về tổ chức, đơn vị 131.132 tỷ đồng.

<sup>46</sup> Trong đó, qua thanh tra hành chính kiến nghị chuyển 104 vụ, 99 đối tượng, qua thanh tra, kiểm tra chuyên ngành kiến nghị chuyển 175 vụ, 264 đối tượng.

<sup>47</sup> Số liệu về công tác thanh tra là số liệu 9 tháng của ngành Thanh tra và tháng 10, 11 của TTCP.

bộ, công chức)<sup>48</sup>.

Công tác hòa giải ở cơ sở tiếp tục góp phần quan trọng trong giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp, bức xúc trong nội bộ nhân dân; giúp ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ngay từ cơ sở, xây dựng sự đoàn kết trong nội bộ Nhân dân.

#### ***d) Đối với công tác phòng, chống tham nhũng***

Thanh tra Chính phủ đã hoàn thành tổng kết Chiến lược quốc gia phòng chống tham nhũng đến năm 2020; trình Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia phòng chống tham nhũng đến năm 2030<sup>49</sup>. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, đã tổ chức 69.783 lớp cho 2.588.777 lượt cán bộ, nhân dân tham gia; xuất bản 561.597 đầu sách, tài liệu tuyên truyền pháp luật về phòng, chống tham nhũng; ban hành mới 14.356 văn bản để thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành; sửa đổi, bổ sung 387 văn bản, bãi bỏ là 120 văn bản không phù hợp.

Về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị: Kết quả kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giải quyết khiếu nại, xử lý tố cáo, phòng, chống tham nhũng được công bố, công khai theo đúng quy định của pháp luật; các bộ, ngành, địa phương kiểm tra tại 9.288 cơ quan, tổ chức, đơn vị về công khai, minh bạch, phát hiện 394 đơn vị vi phạm.

Các bộ, ngành, địa phương đã tổ chức thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức trong thi hành nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ xã hội để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các sai phạm; tiến hành chuyển đổi vị trí công tác đối với 36.540 cán bộ, công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng; thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập, tiến hành kiểm tra việc thực hiện kê khai, công khai tài sản thu nhập tại 3.520 cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Tổng số vụ việc tham nhũng phát hiện 82 vụ việc, 117 người; trong đó: qua hoạt động kiểm tra nội bộ phát hiện 10 vụ, 22 người; qua hoạt động thanh tra, kiểm tra đã phát hiện 39 vụ, 54 người; qua giải quyết khiếu nại, tố cáo phát hiện 33 vụ, 41 người liên quan đến tham nhũng. Trong kỳ báo cáo có 33 trường hợp người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng, đã xử lý kỷ luật 25 người<sup>50</sup>.

### **4. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số; cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia**

#### ***a) Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với xây dựng Chính phủ điện tử, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia***

<sup>48</sup> Số liệu về giải quyết khiếu nại, tố cáo là số liệu 9 tháng của ngành Thanh tra và tháng 10, 11 của TTCP.

<sup>49</sup> Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ về Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030.

<sup>50</sup> Số liệu về công tác phòng, chống tham nhũng là số liệu 9 tháng của ngành Thanh tra và tháng 10, 11 của TTCP.



Công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC), đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quan tâm chỉ đạo quyết liệt. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 02 Công điện<sup>51</sup>, 02 Chỉ thị<sup>52</sup>, 01 Quyết định<sup>53</sup> và đã có nhiều chỉ đạo trọng tâm trong việc thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh, phân cấp giải quyết TTHC, đẩy mạnh cải cách TTHC cấp lý lịch tư pháp, thúc đẩy tiến độ, chất lượng rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước<sup>54</sup>. Đặc biệt thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính nội bộ, kết nối chia sẻ với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia<sup>55</sup>; đẩy nhanh tiến độ thực hiện việc cung cấp trực tuyến đối với 25 dịch vụ công thiết yếu; đẩy mạnh việc áp dụng công cụ theo dõi, đánh giá cải cách hành chính phục vụ kịp thời công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành các cấp và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Chính phủ đã chỉ đạo sát sao trong việc thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy<sup>56</sup> và hành vi gây khó khăn, những nhiễu trong giải quyết TTHC, kiên quyết không để xảy ra tình trạng trì trệ, sách nhiễu, phiền hà cho người dân, doanh nghiệp; Thành lập Tổ công tác cải cách TTHC<sup>57</sup> để chỉ đạo, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách TTHC, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao năng lực phản ứng chính sách và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Hội đồng tư vấn cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ đã phát huy vai trò là “cầu nối” giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với người dân, doanh nghiệp thông qua việc tổ chức nhiều phiên làm việc và hội nghị đối thoại để cùng các bộ, ngành tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn của của doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đang đầu tư tại Việt Nam.

Bộ Công an đẩy mạnh thực hiện Đề án 06/CP về “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030”; Hoàn thành quy trình xác minh nội bộ và triển

<sup>51</sup> Công điện số 90/CD-TTg ngày 28/02/2023 và Công điện số 644/CD-TTg ngày 13/7/2023.

<sup>52</sup> Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 09/7/2023 và Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>53</sup> Quyết định số 933/QĐ-TTg ngày 06/8/2023 ban hành Kế hoạch cải cách TTHC trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023.

<sup>54</sup> Các văn bản số 165/TTg-KSTT ngày 20/3/2023, số 493/TTg-KSTT ngày 01/6/2023 và số 547/TTg-KSTT ngày 15/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Đến nay, đã cắt giảm, đơn giản hóa 2.483 quy định kinh doanh, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1.191 quy định kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của 13 bộ, cơ quan, tại 221 VBQPPL. Đã thực thi đơn giản hóa 528/1.086 TTHC, giấy tờ công dân theo 19 Nghị quyết về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư; phân cấp 141/699 TTHC tại 35 VBQPPL; có 22/22 bộ, ngành và 62/63 địa phương đã công bố TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý.

<sup>55</sup> Đến nay, Cổng Dịch vụ công quốc gia đã cung cấp 4529 dịch vụ công trực tuyến; có hơn 11,4 triệu tài khoản; hơn 272 triệu hồ sơ đồng bộ; hơn 27,7 triệu lượt thực hiện các dịch vụ tiện ích; 36,6 triệu hồ sơ trực tuyến từ Công, hơn 21,56 triệu giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn 9.750 tỷ đồng.

<sup>56</sup> Công điện số 90/CD-TTg ngày 28/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Kết luận của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà tại Thông báo số 74/TB-VPCP ngày 14/3/2023.

<sup>57</sup> Quyết định số 932/QĐ-TTg ngày 06/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

khai dịch vụ cấp hộ chiếu cho trẻ em dưới 14 tuổi. Đến nay, toàn quốc đã cấp trên 84,7 triệu thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử cho công dân đủ điều kiện, thu nhận và phê duyệt 70,2 triệu hồ sơ định danh điện tử, kích hoạt trên 48,66 triệu tài khoản.

*Tổ chức bộ máy và biên chế:* Bộ Nội vụ đã tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 quy định về tinh giản biên chế; hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 101/2020/NĐ-CP và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP về số lượng cấp phó<sup>58</sup>; trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 99/NQ-CP về Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 23/2023/QĐ-TTg ngày 18/9/2023 về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành; Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 26/2018/QĐ-TTg về thí điểm thành lập Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã tại thành phố Hà Nội<sup>59</sup>.

Việc sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện nghiêm túc, quyết liệt. Thực hiện quy định của Chính phủ, các bộ, ngành đã giảm 301 đầu mối tổ chức bên trong; các địa phương đã chủ động, rà soát thực hiện sắp xếp đối với 115 tổ chức bộ máy hành chính, 236 đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.

Các bộ, ngành, địa phương chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện lộ trình tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP về tinh giản biên chế.

Tập trung xây dựng, hoàn thiện vị trí việc làm gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: Bộ Nội vụ đã phối hợp với các bộ, ngành rà soát, xây dựng danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm đối với cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã<sup>60</sup>. Đến nay, đã có 20/20 bộ, cơ quan ngang bộ ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành; 13/15 bộ, cơ quan ngang bộ<sup>61</sup> đã ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm viên chức nghiệp vụ chuyên ngành.

*Về xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:* Bộ Nội vụ đã tập trung nghiên cứu rà soát, đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sửa đổi,

<sup>58</sup> Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ đã có Tờ trình số 2278-TTr/BCSĐCP ngày 06/10/2023 trình Bộ Chính trị về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định của Chính phủ về điều chỉnh, bổ sung số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập đặc thù theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW và Kế hoạch số 07-KH/TW; Quyết định số 21/2023/QĐ-TTg ngày 10/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>60</sup> Tổng số vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính: 866 vị trí; tổng số vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp: 615 vị trí; tổng số vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã: 17 vị trí; Bộ Nội vụ đã phối hợp tham gia ý kiến với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng, hoàn thiện 13 Thông tư về vị trí việc làm công chức; 18 Thông tư về vị trí việc làm viên chức;

<sup>61</sup> Gồm: Bộ Nội vụ; Bộ GTVT; Ngân hàng NN; Bộ CT; Bộ Y tế; Bộ KH&CN; Bộ TT&TT; Bộ VHTT&DL; Bộ LĐTB&XH; Bộ XD; Bộ TNMT; Bộ TP, Bộ GD&ĐT;

bổ sung nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý cán bộ, công chức, viên chức<sup>62</sup>, trong đó có nhiều nội dung đổi mới cơ chế quản lý cán bộ, công chức, viên chức, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong các khâu tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, liên thông giữa các quy định của Đảng với pháp luật. Đặc biệt đã tham mưu Chính phủ thể chế hóa chủ trương của Đảng về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung nhằm tạo cơ sở pháp lý, cơ chế để khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, phát huy trí tuệ, năng lực, sức sáng tạo của cán bộ và ngăn ngừa, xử lý việc lợi dụng chủ trương để vụ lợi, tham nhũng, tiêu cực.

Ban hành Đề án Chiến lược quốc gia thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050<sup>63</sup>; dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới; trình Bộ Chính trị về “Đề án thí điểm mở rộng việc bố trí Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân, Chánh Thanh tra cấp tỉnh, cấp huyện và cán bộ lãnh đạo cấp trưởng các ngành công an, thuế, hải quan... không phải là người địa phương”<sup>64</sup>;...

Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức tiếp tục được đổi mới theo hướng gắn với vị trí việc làm và chức danh công chức, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới, nâng cao kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ cán bộ các cấp, gắn với tiêu chuẩn chức danh và quy hoạch. Bộ Nội vụ đã ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 163/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2023-2025<sup>65</sup>; phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai đánh giá, rà soát, cập nhật, biên soạn lại hệ thống chương trình, tài liệu bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo yêu cầu tại Nghị định số 89/2021/NĐ-CP nhằm đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

Về chuyển đổi số trong quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: 100% bộ, ngành và địa phương đã thực hiện kết nối, đồng bộ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ công chức, viên chức.

Về chính sách tiền lương: ban hành Nghị định quy định mức lương cơ sở đối

<sup>62</sup> (1) Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức; (2) Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; (3) Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; (4) Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức; (5) Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

<sup>63</sup> Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 31/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ;

<sup>64</sup> Tờ trình số 1574-TT/BCSĐCP ngày 03/02/2023;

<sup>65</sup> Quyết định số 22/QĐ-BNV ngày 16/01/2023;

với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang<sup>66</sup>, trong đó, tăng lương cơ sở từ 1.490.000đ/tháng lên 1.800.000đ/tháng (tăng 20,8%) từ ngày 01/7/2023. Đồng thời, Chính phủ báo cáo tại Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV thông qua lộ trình cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW về cải cách chính sách tiền lương thực hiện từ ngày 01/7/2024.

*Về xây dựng chính quyền địa phương, quản lý địa giới hành chính:* Thực hiện Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030, Chính phủ đã trình Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030<sup>67</sup>; ban hành Nghị quyết về kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025<sup>68</sup>; ban hành các Công điện về việc rà soát, hoàn thiện các quy định để thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã giai đoạn 2023-2030<sup>69</sup>; trình Ủy ban thường vụ Quốc hội dự thảo Nghị quyết thực hiện quy định trình tự việc cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân<sup>70</sup>; ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 54/2018/NĐ-CP về hướng dẫn việc lấy kiến nghị cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính<sup>71</sup>; Báo cáo tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV sơ kết thí điểm thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, thực hiện tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh<sup>72</sup> và Thành phố Đà Nẵng; triển khai các bước xây dựng Đề án quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính của quốc gia và từng địa phương (đến đơn vị hành chính cấp xã);...

***b) Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia:***

Ngày 10/10/2023, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 41-NQ/TW về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới, trong đó tiếp tục khẳng định vai trò của đội ngũ doanh nhân, đồng thời xác định các nhiệm vụ cụ thể, như: Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về sở hữu, quyền tự do kinh doanh, bảo hộ quyền tài sản hợp pháp, bổ sung chế tài kinh tế phù hợp để xử lý vi phạm; Bảo đảm khuôn khổ pháp luật ổn định, đồng bộ, thống nhất, minh bạch, bình đẳng; Hoàn thiện cơ chế đối thoại, tham vấn của các cơ quan dân cử, cơ quan quản lý nhà nước với đội ngũ doanh nhân trong quá trình xây dựng, hoạch định, tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách, pháp luật... từ đó tạo sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư; đồng thời tạo dựng niềm tin, động lực và khuyến khích sự sáng tạo của đội ngũ doanh nhân.

Để hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp phục hồi và phát triển, Chính phủ,

<sup>66</sup> Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023;

<sup>67</sup> Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

<sup>68</sup> Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ;

<sup>69</sup> Công điện số 557/CD-TTg ngày 18/6/2023 và Công điện số 616/CD-TTg ngày 14/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ;

<sup>70</sup> Tờ trình số 393/TTr-CP ngày 21/8/2023 của Chính phủ;

<sup>71</sup> Nghị định số 66/2023/NĐ-CP ngày 24/8/2023 của Chính phủ;

<sup>72</sup> Tờ trình số 5215/TTr-BNV ngày 13/9/2023 của Bộ Nội vụ.

Thủ tướng Chính phủ đã kịp thời chỉ đạo, ban hành các văn bản, chính sách và quyết liệt triển khai nhiều giải pháp để tháo gỡ khó khăn, khơi thông các điểm nghẽn thể chế cho doanh nghiệp. Đồng thời, thúc đẩy giải ngân đầu tư công, tạo đà phục hồi và phát triển cho khu vực tư nhân, ngoài việc phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ công tác đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ về rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và thúc đẩy thực hiện dự án tại các bộ, ngành và địa phương, Chính phủ cũng lập 5 Tổ công tác đôn đốc giải ngân vốn đầu tư công<sup>73</sup>.

Nhằm thúc đẩy triển khai các giải pháp về cải thiện môi trường kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương nhận diện những bất cập của quy định pháp lý và thực thi ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp, trong đó chú trọng những bất cập, rào cản về ngành nghề kinh doanh có điều kiện, điều kiện kinh doanh và các thủ tục hành chính (TTHC) liên quan.

Trước những khó khăn của doanh nghiệp trong bối cảnh áp lực suy giảm toàn cầu và những bất cập nội tại trong nước, các bộ, ngành đã tham mưu trình Chính phủ ban hành nhiều quyết sách nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn, khó khăn cho doanh nghiệp và nền kinh tế, qua đó thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tạo đà cho kinh tế phục hồi và tăng trưởng.

Về chính sách tài khóa: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 12/NĐ-CP ngày 14/4/2023 về giãn hoãn thuế, tiền thuê đất, giảm một số thuế, phí năm 2023; Nghị định số 36/2023/NĐ-CP ngày 21/6/2023 về gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước; Nghị định số 41/2023/NĐ-CP ngày 28/6/2023 quy định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự. Theo đề xuất của Chính phủ, Quốc hội đã quyết nghị tiếp tục kéo dài chính sách giảm 2% thuế giá trị gia tăng trong 6 tháng đầu năm 2024<sup>74</sup>, góp phần giúp doanh nghiệp giảm được chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận, kích thích tiêu dùng, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển. Đồng thời, Quốc hội cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước bố trí cho các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội đến hết ngày 31/12/2024.

Ngày 03/10/2023, Chính phủ tiếp tục ban hành Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg về việc giảm tiền thuê đất của năm 2023. Theo tính toán, quy mô các gói chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất ban hành năm 2023 nêu trên khoảng 200 nghìn tỷ đồng (miễn, giảm 79 nghìn tỷ đồng; gia hạn 121 nghìn tỷ đồng). Đến hết tháng 12/2023, tổng số tiền đã miễn, giảm, gia hạn ước tính khoảng 193,4 nghìn tỷ đồng (miễn, giảm khoảng 78,35 nghìn tỷ đồng; gia hạn khoảng 115,05 nghìn tỷ đồng).

<sup>73</sup> Quyết định số 235/QĐ-TTg ngày 14/03/2023.

<sup>74</sup> Nghị quyết 110/2023/QH15

Về chính sách tiền tệ: Ngân hàng nhà nước đã 04 lần điều chỉnh giảm các mức lãi suất với mức giảm 0,5-2,0%/năm nhằm tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn từ Ngân sách nhà nước với chi phí thấp hơn, từ đó có điều kiện giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp phục hồi sản xuất, kinh doanh. NHNN đã điều hành tín dụng phù hợp, đáp ứng kịp thời vốn tín dụng cho nền kinh tế, hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đồng thời, Ngân hàng nhà nước cũng yêu cầu các tổ chức tín dụng tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, nâng cao chất lượng tín dụng, hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất - kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng theo chủ trương của Chính phủ. Mặc dù có nhiều nỗ lực điều hành chính sách tiền tệ nhằm tạo thuận lợi và hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận tín dụng. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, do thị trường thế giới sụt giảm, các giải pháp kích cầu trong nước còn hạn chế, vì thế năng lực hấp thụ vốn khó khăn, tăng trưởng tín dụng chậm cải thiện.

Đối với một số lĩnh vực khác, Chính phủ cũng ban hành nhiều quyết sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các lĩnh vực y tế, đất đai, bất động sản, xây dựng, du lịch,... như: Nghị định số 05/2023/NĐ-CP ngày 15/02/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2011/NĐ-CP quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 04/3/2023 về đảm bảo thuốc, trang thiết bị y tế; Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 10/7/2023 về việc bố trí ngân sách trung ương năm 2023 cho Bộ Y tế để mua vắc xin cho Chương trình tiêm chủng mở rộng; Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 05/3/2023 về sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ; Quyết định số 388/QĐ-TTg ngày 03/4/2023 phê duyệt Đề án đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội đến năm 2030...

Chính phủ tiếp tục thúc đẩy thực hiện công tác xúc tiến thương mại, tham gia và thực hiện hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do mới; tham gia thảo luận các sáng kiến mới, trong đó có Khung khổ Kinh tế Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương (IPEF); đàm phán các nội dung liên quan đến nâng cấp một số FTA của ASEAN.

Việt Nam được đánh giá là một trong 7 quốc gia thu nhập trung bình đạt được nhiều tiến bộ nhất về đổi mới sáng tạo trong thập kỷ qua. Xếp hạng môi trường kinh doanh của Việt Nam tăng 12 bậc<sup>75</sup>. Xếp hạng giá trị thương hiệu quốc gia Việt Nam tăng 01 bậc, lên xếp thứ 32 trên 100 giá trị thương hiệu quốc gia

<sup>75</sup> Theo Báo cáo môi trường kinh doanh toàn cầu tháng 5/2023 (Economist Intelligence Unit)

mạnh trên thế giới, đạt 431 tỷ USD<sup>76</sup>; chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam năm 2023 tăng 2 bậc, xếp thứ 46/132 nền kinh tế<sup>77</sup>; chỉ số Tự do kinh tế<sup>78</sup> tăng tới 12 bậc so với năm 2022, xếp hạng 72 trên tổng số 184 quốc gia và vùng lãnh thổ; Việt Nam tăng 4 bậc trong danh sách quốc gia an toàn nhất thế giới (xếp thứ 41) theo Báo cáo Chỉ số Hòa bình Toàn cầu (GPI) 2023 của Viện Kinh tế và Hòa bình (IEP).

**5. Đẩy mạnh thực hiện thực chất, hiệu quả cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính độc lập, tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế**

**a) Cơ cấu lại đầu tư công:**

Năm 2023, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt công tác giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm; ban hành văn bản chỉ đạo<sup>79</sup>, tổ chức hội nghị trực tuyến toàn quốc, thành lập 05 Tổ công tác để thúc đẩy, kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2023. Đẩy mạnh cơ cấu lại đầu tư công theo hướng tập trung có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải. Cải cách thể chế về đầu tư công tiếp tục được quan tâm, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai dự án, góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân vốn đầu tư công, nhất là các công trình kết cấu hạ tầng chiến lược, quan trọng quốc gia, liên vùng. Nhờ đó, giải ngân vốn đầu tư công đã chuyển biến mạnh mẽ, nhất là từ đầu quý II đến nay, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, đầu ra cho nhiều ngành, lĩnh vực; đồng thời, mở rộng năng lực sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh, góp phần tạo động lực tăng trưởng và phát triển trong trung và dài hạn. Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công cả năm ước đạt 95% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ năm 2022 khoảng 3,58% (91,42%), về số tuyệt đối cao hơn khoảng 142,560 nghìn tỷ đồng.

**b) Cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước**

Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước (DNNN) giai đoạn 2021-2025 được chỉ đạo triển khai quyết liệt, đến nay, 19/19 tập đoàn, tổng công ty trình hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền về Đề án cơ cấu lại, trong đó 10 đề án đã được phê duyệt, 09 đề án đang trình cấp có thẩm quyền.

DNNN được cơ cấu lại thực chất hiệu quả hơn. Chỉ riêng các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước đang nắm giữ, dù chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ (0,08%) trong nền kinh tế nhưng lại nắm giữ nguồn lực lớn, khoảng 7% tổng tài sản và 10% vốn chủ

<sup>76</sup> Theo hãng Brand Finance, giá trị thương hiệu Việt Nam có mức tăng trưởng nhanh nhất thế giới tính từ năm 2019 đến nay (74%).

<sup>77</sup> Báo cáo Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) năm 2023 của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO).

<sup>78</sup> Do Quỹ Heritage công bố năm 2023.

<sup>79</sup> Chỉ thị số 08/CT-TTg về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công, 3 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023, thực hiện chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

sở hữu của toàn bộ doanh nghiệp trong nền kinh tế. Quy mô tài sản, lợi nhuận, nộp NSNN tăng trưởng dương (lãi phát sinh trước thuế bình quân tăng 25%), tạo động lực đáng kể để phát triển kinh tế, đóng góp nguồn thu vào NSNN (lợi nhuận sau thuế và cổ tức/lợi nhuận được chia), tạo việc làm và thu nhập cho người lao động. Các DNNN đóng góp khoảng 28% thu ngân sách Nhà nước, thu hút khoảng 0,7 triệu lao động, chiếm khoảng 7,3% lao động của toàn bộ khu vực doanh nghiệp. Khu vực DNNN đóng vai trò chi phối, chủ đạo trong trong những ngành, lĩnh vực quan trọng, thiết yếu của nền kinh tế.

Các DNNN, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế, là các doanh nghiệp đầu tàu, giữ vai trò chủ chốt trong các lĩnh vực sản xuất mà DNNN tham gia như lĩnh vực bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia (Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam (TKV)), lĩnh vực viễn thông (gồm Viettel, VNPT và Mobifone...), xây dựng được các thương hiệu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có uy tín, có ảnh hưởng lớn trong khu vực và quốc tế về nhiều lĩnh vực như dịch vụ vận tải (Vietnam Airlines), cảng biển và logistics (Saigonnewport).

Công tác xử lý các dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo quyết liệt, đến nay đã có tiến triển tích cực, đạt nhiều kết quả quan trọng; trong đó một số dự án, doanh nghiệp đã có lãi, giảm lỗ lũy kế, giảm dư nợ trung hạn và dài hạn của các dự án/doanh nghiệp, bảo đảm duy trì việc làm, đời sống cho hàng nghìn lao động, góp phần ổn định chính trị - xã hội tại địa phương. Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được khánh thành, chính thức đi vào hoạt động sau nhiều năm bị gián đoạn, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia; 03 dự án đạm, phân bón<sup>80</sup> đang tích cực triển khai phương án cơ cấu lại nợ vay, hoạt động sản xuất duy trì ổn định, bước đầu có lãi; chuỗi dự án khí - điện Lô B - Ô Môn đang tích cực đẩy nhanh tiến độ thực hiện<sup>81</sup>; dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất đã được phê duyệt chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư với tổng vốn đầu tư cho dự án khoảng 1,2 tỷ USD, góp phần thúc đẩy phát triển khu vực Trung Bộ. Cơ cấu lại Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy (SBIC), Ngân hàng Phát triển Việt Nam và các ngân hàng thương mại yếu kém... tiếp tục được triển khai tích cực theo Kết luận của Bộ Chính trị.

***c) Tiếp tục cơ cấu lại các ngành sản xuất và dịch vụ gắn với đổi mới sáng tạo, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ***

*Ngành nông nghiệp, nông thôn tiếp tục chuyển đổi mạnh tư duy từ sản xuất*

<sup>80</sup> Dự án Nhà máy sản xuất đạm Ninh Bình; Dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy sản xuất đạm Hà Bắc; Dự án Nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2 - Lào Cai.

<sup>81</sup> đã tổ chức bàn giao, chuyển chủ đầu tư dự án nhà máy điện Ô Môn III và Ô Môn IV từ EVN sang PVN theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.



nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, từ phát triển đơn ngành sang đa ngành tích hợp đa giá trị trong sản phẩm nông lâm thủy sản, đẩy mạnh cơ cấu lại theo hướng phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn; chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, khơi thông các nguồn lực cho phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Cơ cấu lại ngành tiếp tục theo 03 nhóm sản phẩm (nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia, nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh, nhóm sản phẩm là đặc sản địa phương); cơ cấu lại sản xuất theo lĩnh vực (lĩnh vực trồng trọt, lĩnh vực chăn nuôi, lĩnh vực thủy sản, lĩnh vực lâm nghiệp và lĩnh vực diêm nghiệp); cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo vùng nhằm đẩy mạnh liên kết vùng trong phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững giữa các địa phương nhằm khai thác lợi thế, tiềm năng của mỗi vùng và của từng địa phương.

Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý tạo thuận lợi cho quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp thúc đẩy mạnh phát triển nền nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thích ứng với biến đổi khí hậu và kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản toàn cầu.

Tiếp tục thực hiện chính sách khuyến khích thực hành sản xuất nông nghiệp tốt và truy xuất nguồn gốc nông sản hàng hóa; tỷ lệ giá trị sản phẩm trồng trọt được sản xuất theo quy trình sản xuất tốt (GAP) hoặc tương đương đạt khoảng 10%. Cơ cấu giá trị sản xuất trồng trọt thay đổi theo hướng tăng mạnh đối với những sản phẩm có lợi thế, giảm đối với sản phẩm có hiệu quả thấp. Ngành chăn nuôi tiếp tục phát triển ổn định nhờ tình hình dịch bệnh cơ bản được kiểm soát; chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hình thức trang trại, công nghiệp tiếp tục có xu hướng tăng; chăn nuôi nông hộ chuyển mạnh từ nhỏ lẻ, phân tán sang chuyên nghiệp, liên kết với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm. Hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm thủy sản ổn định. Công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản, công nghiệp phụ trợ được nâng cao năng lực; tạo bước đột phá về chế biến xuất khẩu, giúp nâng cao chất lượng, mẫu mã và đa dạng hàng nông sản, góp phần tiêu thụ sản phẩm cho người nông dân. Công tác phát triển rừng được quan tâm chỉ đạo thực hiện; tích cực triển khai các kế hoạch, nhiệm vụ nâng cao năng suất, chất lượng rừng, chú trọng quản lý giống, trồng rừng gỗ lớn theo hướng thâm canh, chuyển hóa rừng kinh doanh gỗ nhỏ sang gỗ lớn.

Đẩy mạnh công tác khuyến nông, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (bao gồm kế hoạch giảm phát thải khí mê-tan) ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến

năm 2045<sup>82</sup>; Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình OCOP giai đoạn 2021 - 2025<sup>83</sup>; rà soát, phối hợp trình sửa đổi Bộ tiêu chí nông thôn mới.

Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ trong các khâu của chuỗi giá trị; nâng cao năng lực hệ thống quản lý nghiên cứu, chọn tạo sản xuất giống cây trồng vật nuôi. Triển khai 23 nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Đề án phát triển Công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp đến năm 2030, tập trung vào nghiên cứu, phát triển các công nghệ sinh học thế hệ mới, tiếp cận và làm chủ công nghệ tạo các chế phẩm sinh học (sản phẩm phân bón sinh học, thuốc bảo vệ sinh học, chế phẩm bảo quản, xử lý môi trường, vaccine thế hệ mới, kit thử...), ứng dụng công nghệ tế bào thực vật trong nhân giống cây trồng sạch bệnh quy mô công nghiệp, giảm giá thành sản xuất cây giống, tạo và phát triển được giống cây trồng, vật nuôi mang tính trạng cải tiến như: chống chịu các sâu bệnh hại chính, các điều kiện bất thuận, sinh trưởng nhanh... bằng công nghệ chỉ thị phân, chỉnh sửa gen.

Tổ chức triển khai hiệu quả các nội dung Chương trình, Đề án<sup>84</sup> về sản xuất nông nghiệp sạch, hữu cơ, tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao, kiểm soát an toàn thực phẩm ngay từ các yếu tố đầu vào và liên kết sản xuất với tiêu thụ, phát triển chuỗi giá trị cung ứng nông sản thực phẩm đảm bảo nguồn cung thực phẩm chất lượng, an toàn cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu<sup>85</sup>.

Thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản với 4 tác nhân tham gia liên kết<sup>86</sup>. Đến nay, cả nước có trên 20.260 hợp tác xã nông nghiệp và trên 19.800 trang trại.

*Cơ cấu nội ngành công nghiệp cơ bản có chuyển biến tích cực theo đúng định hướng tái cơ cấu ngành, tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp chế biến chế tạo, giảm dần ngành công nghiệp khai khoáng và từ các ngành thâm dụng lao động sang các ngành công nghiệp công nghệ cao. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dự kiến tiếp tục phục hồi trong những tháng cuối năm. Thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế xanh, tăng trưởng xanh, năng lượng tái tạo, tạo động lực tăng trưởng mới. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục đóng vai trò chủ chốt dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế<sup>87</sup>. Công nghiệp hỗ trợ được quan tâm, thúc đẩy tăng*

<sup>82</sup> Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 14/9/2023.

<sup>83</sup> Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023

<sup>84</sup> Đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản giai đoạn 2021-2030; Thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2022 - 2025...

<sup>85</sup> Đến nay, có 2.510 chuỗi giá trị được thiết lập duy trì (trung bình cuối năm 2022) với sự tham gia của một số tập đoàn lớn (Dabaco, Ba Huân, Saigon Coop, San Hà...); 151.776 ha cây trồng được chứng nhận VietGAP với 13.552 cơ sở, doanh nghiệp được chứng nhận (tăng 280 cơ sở so với năm 2022); diện tích nuôi trồng thủy sản được chứng nhận VietGAP là 20.890 ha với 987 cơ sở (tăng 140 cơ sở); 4.080 trang trại và hộ chăn nuôi được chứng nhận VietGAP (tăng 632 trang trại và hộ chăn nuôi). Các xã đạt chuẩn nông thôn mới đều bảo đảm tiêu chí tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ đúng quy định bảo đảm ATTP.

<sup>86</sup> Gồm 286 tổ chức khoa học, 686.445 hộ nông dân, 4.228 HTX nông nghiệp, 2.167 doanh nghiệp trong sản xuất, thu hoạch chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

<sup>87</sup> Nhóm ngành công nghiệp chế biến chế tạo phát triển tích cực, các ngành công nghiệp chủ lực (như điện tử, dệt

cường liên kết, nâng cao sự vững chắc trong chuỗi cung ứng cho những ngành sản xuất chủ lực của Việt Nam như dệt may, da giày, điện tử, cơ khí từng bước hình thành hệ sinh thái công nghiệp hỗ trợ và gia tăng tỷ lệ nội địa hóa; cơ cấu sản phẩm có sự dịch chuyển tích cực khi tỷ trọng sản phẩm công nghệ cao và vừa của Việt Nam đã tăng lên đáng kể, tạo cơ sở hình thành một số tập đoàn công nghiệp tư nhân có quy mô lớn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu tiếp tục cải thiện theo chiều hướng tích cực, giảm hàm lượng xuất khẩu thô, tăng xuất khẩu sản phẩm chế biến, sản phẩm công nghiệp, tạo điều kiện cho hàng hóa Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu. Nhóm hàng công nghiệp chế biến tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu xuất khẩu năm 2023. Quy mô các mặt hàng xuất khẩu tiếp tục được mở rộng. Số mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD trở lên tiếp tục tăng, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

*Cơ cấu lại khu vực dịch vụ* được triển khai tích cực theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, tập trung đầu tư cơ sở vật chất và phát triển đa dạng các sản phẩm. Chất lượng sản phẩm dịch vụ và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trên thị trường nội địa, trong khu vực và quốc tế được từng bước được nâng lên. Một số ngành dịch vụ được hiện đại hóa, hình thành các sản phẩm dịch vụ hiện đại, chất lượng cao như dịch vụ y tế<sup>88</sup>, bảo hiểm. Một số ngành có tiềm năng, lợi thế, có hàm lượng khoa học, công nghệ cao như công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông, hàng không, tài chính, ngân hàng được tập trung phát triển. Ứng dụng rộng rãi các hình thức dịch vụ hiện đại, như thương mại và thanh toán điện tử; ngân hàng điện tử, giáo dục đào tạo trực tuyến, các loại hình vận tải mới<sup>89</sup> đã góp phần giúp ngành dịch vụ thích ứng tốt hơn và phù hợp hơn với bối cảnh phát triển mới của thế giới, đặc biệt là đại dịch Covid-19.

Dịch vụ phân phối giúp kết nối cung cầu, bảo đảm nguồn cung hàng hóa thiết yếu và bình ổn thị trường, góp phần tích cực trong giải quyết công ăn việc làm và bảo đảm an sinh xã hội. Thị trường nội địa phục hồi mạnh mẽ. Việt Nam đã trở thành một trong những thị trường bán lẻ hấp dẫn nhất toàn cầu<sup>90</sup>; thương mại nội địa luôn giữ vững được đà tăng trưởng ở mức cao (luôn cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP từ 1,5 đến 2 lần); hệ thống hạ tầng thương mại có sự biến chuyển phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội, từng bước tạo kênh phân phối theo hướng văn minh hiện đại,

may, da giày, đồ gỗ...) tăng trưởng ở mức khá, là yếu tố chính đóng góp vào phát triển của ngành công nghiệp Việt Nam; tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội, nâng thứ hạng về năng lực cạnh tranh của công nghiệp Việt Nam.

<sup>88</sup> Tính trung bình, việc thống nhất quy trình khám bệnh, cải cách thủ tục hành chính, sắp xếp liên hoàn... đã rút ngắn thời gian khám bệnh được 48,5 phút. Vấn đề an toàn người bệnh cũng được các bệnh viện ưu tiên. Các bệnh viện đang cải tiến chất lượng theo Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện. Đến nay, bộ mặt các bệnh viện thay đổi theo hướng tích cực; người bệnh được chăm sóc tốt hơn, hài lòng hơn; chất lượng nguồn nhân lực và điều kiện làm việc, đời sống vật chất, tinh thần làm việc của nhân viên y tế từng bước được nâng lên.

<sup>89</sup> Như thí điểm taxi công nghệ (Grab, Fastgo,...).

<sup>90</sup> Đứng vị trí thứ 6 trong nhóm 30 quốc gia có tiềm năng và mức độ hấp dẫn đầu tư trong lĩnh vực bán lẻ toàn cầu theo chỉ số phát triển bán lẻ toàn cầu (GRDI) của Công ty tư vấn A.T Kearney.

áp dụng các tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường.

Dịch vụ logistic từng bước phát triển cả về chất lượng và quy. Hệ thống hạ tầng dịch vụ logistics của Việt Nam tiếp tục được đẩy mạnh xây dựng, nhất là trong lĩnh vực hàng không<sup>91</sup>, hàng hải<sup>92</sup> và có những bước phát triển cả về chất lượng và quy mô<sup>93</sup>, đảm bảo đáp ứng nhu cầu vận tải phục vụ mục đích phát triển kinh tế - xã hội của đất nước<sup>94</sup>.

Dịch vụ vận tải cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, nhất là các dịp cao điểm. Hoạt động dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách theo hướng hiện đại, đa phương thức và dịch vụ logistics có mức tăng trưởng tích cực. Các doanh nghiệp đi vào hoạt động ổn định, xuất nhập khẩu tiếp tục khởi sắc nên nhu cầu vận tải hàng hóa trong và ngoài nước năm sau tăng cao so với các năm trước.

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 18/5/2023 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả bền vững; Thủ tướng Chính phủ chủ trì Hội nghị toàn quốc về du lịch năm 2023 với chủ đề “Đẩy nhanh phục hồi - Tăng tốc phát triển”. Công tác xúc tiến, quảng bá, thông tin du lịch được tập trung triển khai đồng bộ, nhất là trên các kênh truyền thông số, tạo hiệu ứng lan tỏa sâu rộng<sup>95</sup>. Chuyên đổi số trong du lịch được đẩy mạnh; hệ sinh thái du lịch thông minh với các nền tảng số cốt lõi được hình thành, hoàn thiện<sup>96</sup>.

Hoạt động thương mại điện tử tiếp tục phát triển, trở thành kênh phân phối quan trọng. Công tác xã hội hóa để phát triển các dịch vụ văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, dịch vụ việc làm... theo cơ chế thị trường, đáp ứng nhu cầu trong nước và từng bước hội nhập quốc tế được quan tâm.

<sup>91</sup> Cơ sở hạ tầng phục vụ khai thác hàng hóa (nhà ga hàng hóa) hiện nay chỉ có Cảng hàng không quốc tế Nội Bài và Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất; các Cảng hàng không còn lại đã và đang triển khai đầu tư hoàn thiện khu xử lý hàng hóa riêng, tách biệt với dây chuyền vận tải hành khách nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc đóng, dỡ hàng. Trong thời gian tới cần tập trung đầu tư hoàn thiện, phát triển trung tâm logistics chuyên dụng hàng không tại các cảng có nhu cầu hàng hóa lớn cũng như có tiềm năng tăng trưởng trong thời gian tới như Cảng hàng không quốc tế Long Thành, Đà Nẵng, Cam Ranh, Chu Lai, Cần Thơ, Cát Bi, Liên Khương, Phú Quốc.

<sup>92</sup> Cùng với định hướng đầu tư nâng cấp mở rộng các cảng biển, các trung tâm logistics gắn với cảng biển cũng đã được quan tâm đầu tư như: trung tâm logistics tại Khu kinh tế Vũng Áng, trung tâm logistics cảng Liên Chiểu, trung tâm logistics Cần Thơ gắn với cảng biển Cái Cui, trung tâm Logistics Cái Mép Hạ và hệ thống cảng cạn/kho bãi/ICD phụ trợ cho khu cảng Cái Mép - Thị Vải, trung tâm logistics Cát Lái, trung tâm logistics tại khu dịch vụ hậu cần cảng Phước An,... Việc đầu tư, hình thành các trung tâm logistics đã rút ngắn thời gian vận chuyển hàng hóa, hạ giá thành sản phẩm,.. góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

<sup>93</sup> Hiện có 08 trung tâm logistics, 11 cảng cạn và 16 điểm thông quan hàng hóa (ICD).

<sup>94</sup> Theo báo cáo của World Bank 2023, Việt Nam hiện có chỉ số LPI đứng trong nhóm 25 nước hoạt động ổn định, đứng vị trí thứ 43 trên thế giới (điểm LPI tăng lên mức 3,3 điểm so với mức 3,27 điểm năm 2018).

<sup>95</sup> Trang web <https://vietnam.travel> hiện nay xếp hạng 128 nghìn trên toàn cầu, ở Đông Nam Á chỉ xếp sau website du lịch Singapore (hạng 79 nghìn) và tương đương website du lịch Thái Lan (hạng 126 nghìn). So với thời điểm cuối năm 2021, website <https://vietnam.travel> đã tăng hạng đột phá (tăng 447 nghìn bậc).

<sup>96</sup> Gồm: Hệ thống Cơ sở dữ liệu du lịch Việt Nam; Hệ thống Báo cáo thống kê du lịch từ Trung ương đến cơ sở; Hệ thống Dashboard thông tin điều hành du lịch; Nền tảng “Quản trị và kinh doanh du lịch; Nền tảng đa dịch vụ “Du lịch Việt Nam-Vietnam Travel”; Thẻ Việt-Thẻ du lịch thông minh và Hệ thống vé điện tử.

***d) Đẩy nhanh tiến độ quy hoạch; tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế, cơ chế liên kết vùng, điều phối phát triển vùng; nâng cao hiệu quả quản lý và phát triển đô thị***

Triển khai thực hiện các Kết luận, Nghị quyết của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ đã quyết liệt triển khai, thực hiện nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch. Đã ban hành Nghị định 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch; trong đó, bổ sung quy định nguồn lực hỗ trợ hoạt động quy hoạch.

Chất lượng công tác quy hoạch đã được nâng cao, từng bước phát huy kết quả tích cực trên thực tiễn và tạo ra các cơ hội phát triển mới, không gian phát triển mới và giá trị mới cho quốc gia, vùng, địa phương trong thời kỳ quy hoạch. Đến thời điểm hiện tại đã có 103/111 quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh đã thẩm định xong (trong đó 59 quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt<sup>97</sup>; 21 quy hoạch đã trình Thủ tướng Chính phủ nhưng chưa phê duyệt<sup>98</sup>; 23 quy hoạch đã thẩm định xong và đang trong quá trình hoàn thiện, trình phê duyệt<sup>99</sup>); 05 quy hoạch đang trong quá trình thẩm

<sup>97</sup> Gồm: Quy hoạch tổng thể quốc gia; Quy hoạch sử dụng đất quốc gia; 18 quy hoạch ngành quốc gia: (1) mạng lưới đường bộ, (2) mạng lưới đường sắt, (3) tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam, (4) tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc, (5) kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, (6) tài nguyên nước, (7) cơ sở giáo dục nghề nghiệp, (8) điện VIII, (9) hạ tầng phòng cháy chữa cháy, (10) phòng chống thiên tai và thủy lợi, (11) địa chất khoáng sản, (12) hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu; (13) thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản; (14) tổng thể về năng lượng quốc gia; (15) mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội; (16) hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng; (17) hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh; (18) thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng; Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long; 01 quy hoạch vùng: Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long; 38 quy hoạch tỉnh: Bắc Giang, Hà Tĩnh, Quảng Ninh, Tuyên Quang, Thanh Hóa, Lào Cai, Thái Nguyên, Khánh Hòa, Quảng Bình, Long An, Sóc Trăng; Nghệ An; Yên Bái; Trà Vinh; TP.Đà Nẵng; Bắc Kạn; Kiên Giang; Ninh Thuận; Hà Giang; An Giang; Cà Mau; Bến Tre; Quảng Ngãi; Cao Bằng; Bình Phước; TP.Hải Phòng; TP. Cần Thơ; Phú Thọ, Lai Châu, Bắc Ninh, Hậu Giang, Bạc Liêu; Bình Định; Bà Rịa – Vũng Tàu, Hải Dương, Hòa Bình, Hà Nam, Sơn La.

<sup>98</sup> Gồm: 03 quy hoạch cấp quốc gia gồm: (1) Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 ; (2) Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (3) Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; 18 quy hoạch tỉnh: Nam Định, Vĩnh Long, Tiền Giang, Thái Bình, Kon Tum, Đồng Tháp, Đắk Nông, Tây Ninh, Đắk Lắk, Bình Thuận, Lâm Đồng, Quảng Trị, Gia Lai, Phú Yên; Thừa Thiên Huế; Ninh Bình, Quảng Nam, Vĩnh Phúc.

<sup>99</sup> Gồm: Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; 14 quy hoạch ngành quốc gia bao gồm: (1) Quy hoạch lâm nghiệp thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (2) Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (3) Quy hoạch hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (4) Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (5) Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (6) Quy hoạch bảo vệ môi trường thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (7) Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (8) Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (9) Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (10) Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (11) Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (12) Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (13) Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (14) Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; 05 quy hoạch vùng: Bắc Trung Bộ

định<sup>100</sup>; 02 quy hoạch đang trong quá trình xây dựng dự thảo và lấy ý kiến (quy hoạch tỉnh Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh); 01 quy hoạch chưa tổ chức lập<sup>101</sup>.

Nhằm đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 25/5/2023 nhằm đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, phân đầu cơ bản hoàn thành các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh trong năm 2023. Bên cạnh đó, Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch được xây dựng, tích cực hoàn thiện.

Tiếp tục xây dựng cơ chế điều phối vùng, thúc đẩy KTXH của vùng phát triển nhanh, bền vững, bảo vệ môi trường và bảo đảm quốc phòng - an ninh, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội 06 vùng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định thành lập 06 Hội đồng điều phối vùng và Quy chế hoạt động của các Hội đồng điều phối vùng<sup>102</sup>, hội đồng điều phối các vùng ban hành và triển khai kế hoạch công tác điều phối. Đã ban hành Kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050<sup>103</sup>; đối với 05 quy hoạch vùng còn lại, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo tổ chức các Hội nghị điều phối vùng, huy động các địa phương, chuyên gia, nhà khoa học tham gia ý kiến các quy hoạch vùng để hoàn thiện trước khi trình Hội đồng thẩm định theo kế hoạch. Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đang chỉ đạo tổ chức thẩm định đối với 05 quy hoạch vùng theo Kế hoạch thẩm định. Đến thời điểm hiện tại, Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng đã thông quy Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung vào ngày 12/12/2023; Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ vào ngày 15/12/2023; Quy hoạch vùng Tây Nguyên vào ngày 18/12/2023; dự kiến việc thẩm định, phê duyệt đối với 05 quy hoạch vùng còn lại sẽ hoàn thành trong năm 2023.

Tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách đổi mới mô hình tăng trưởng, phát huy vai trò dẫn dắt đổi mới mô hình tăng trưởng của các vùng kinh tế trọng điểm

---

và duyên hải miền Trung; Đông Nam Bộ; Tây Nguyên; Trung du và Miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Hồng; 03 quy hoạch tỉnh gồm: Hưng Yên, Lạng Sơn, Điện Biên.

<sup>100</sup> Gồm: 03 quy hoạch cấp quốc gia: (1) Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (2) Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (3) Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; 02 quy hoạch tỉnh: Đồng Nai, TP. Hà Nội.

<sup>101</sup> Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng phóng xạ vì chưa có dữ liệu đánh giá tiềm năng quặng urani chưa đủ điều kiện thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>102</sup> Quyết định số 824/QĐ-TTg ngày 11/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; Quyết định số 825/QĐ-TTg ngày 11/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Hội đồng điều phối vùng Đông Nam Bộ; Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Hội đồng điều phối vùng đồng bằng Sông Hồng; Quyết định số 827/QĐ-TTg ngày 11/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Hội đồng điều phối vùng Tây Nguyên; Quyết định số 975/QĐ-TTg ngày 19/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Hội đồng điều phối vùng Trung du và Miền núi phía Bắc.

<sup>103</sup> Quyết định số 816/QĐ-TTg ngày 07/7/2023.

và đô thị lớn, tăng cường liên kết đô thị - nông thôn. Chính phủ đã khẩn trương ban hành và triển khai các Chương trình hành động để thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh các vùng kinh tế, phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội, TP HCM và các địa phương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045<sup>104</sup>; đã trình Quốc hội ban hành thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù cho TP Hồ Chí Minh<sup>105</sup>; sơ kết tình hình thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng theo Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Bộ Chính trị. Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững đô thị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Triển khai đúng tiến độ các chương trình, đề án đã được phê duyệt<sup>106</sup>, xây dựng nông thôn mới (NTM) gắn với quá trình đô thị hóa; đồng thời thực hiện các chương trình hợp tác với các đối tác quốc tế như SECO, AFD, WB về phát triển đô thị.

**6. Tập trung phát triển, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, hạ tầng số. Tập trung bảo vệ môi trường, quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên**

**a) Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ; đẩy nhanh tiến độ một số công trình hạ tầng giao thông trọng điểm, quan trọng quốc gia, có tính liên vùng và hạ tầng đô thị lớn**

Thực hiện mục tiêu đến năm 2025 hoàn thành, đưa vào khai thác 3.000km đường bộ cao tốc, một số cảng hàng không trọng điểm và các công trình giao thông trọng yếu khác, Bộ Giao thông vận tải đã quyết liệt chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành giao thông vận tải bảo đảm tiến độ, chất lượng trên tinh thần đổi mới tư duy, phương thức, cách làm, không đùn đẩy, né tránh. Đã ban hành các Chỉ thị, Công điện<sup>107</sup> về kiểm soát chất lượng, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong triển khai các dự án; thường xuyên tổ chức họp giao ban xây

<sup>104</sup> Nghị quyết số 87/NQ-CP ngày 02/6/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 07/02/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 8/2/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 162/NQ-CP ngày 04/10/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 176/NQ-CP ngày 30/10/2023 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2020 ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 67-KL/TW về xây dựng và phát triển Thành phố Buôn Ma Thuột đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

<sup>105</sup> Nghị quyết 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP HCM.

<sup>106</sup> Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến 2030 ; Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030 ; Đề án phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình đô thị miền núi phía Bắc.

<sup>107</sup> 03 Chỉ thị và 01 Công điện tăng cường công tác đảm bảo ATGT, ATLĐ và VSMT kiểm soát chất lượng quản lý chất lượng, tiến độ, giá thành các dự án đầu tư xây dựng KCHTGT...

dựng cơ bản tại các dự án cao tốc, dự án trọng điểm của Ngành; tổ chức các đoàn kiểm tra, đôn đốc trực tiếp tại công trường; phối hợp địa phương tập trung chỉ đạo xử lý, tháo gỡ vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, nguồn cung vật liệu, bãi đổ thải; nghiêm khắc phê bình kiểm điểm trách nhiệm người đứng đầu các chủ đầu tư, ban QLDA chậm tiến độ và kiểm soát tiến độ theo ngày/tuần/tháng; báo cáo, đề xuất kịp thời nhiều giải pháp kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, xử lý tháo gỡ vướng mắc.

Tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai nhiều công trình hạ tầng giao thông trọng điểm, quan trọng quốc gia. Về đường bộ, đã hoàn thành, đưa vào sử dụng 729 km đường bộ cao tốc<sup>108</sup>, nâng tổng số km đường cao tốc đưa vào khai thác đến nay là 1.892 km. Đồng thời, tiếp tục khởi công, hoàn thành một số dự án, công trình xây dựng cơ sở hạ tầng chiến lược cho đất nước, trong đó: đã đồng loạt khởi công 12 dự án cao tốc Bắc - Nam với tổng chiều dài 723,7 km<sup>109</sup>, 03 cao tốc trục Đông - Tây<sup>110</sup>, 02 đường vành đai<sup>111</sup>, cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang; khánh thành cầu Vĩnh Tuy giai đoạn 2, Cầu Như Nguyệt giai đoạn 2...; hoàn thiện các thủ tục về đầu tư để khởi công một số dự án<sup>112</sup>. Về hàng không, hoàn thành đưa vào khai thác Nhà ga hành khách T2, cảng hàng không Phú Bài, Điện Biên; xử lý quyết liệt, dứt điểm vướng mắc để khởi công nhà ga hành khách T3 - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành<sup>113</sup>... bảo đảm chất lượng, tiến độ yêu cầu. Về đường sắt, đã cơ bản hoàn thành từng phần và bàn giao đưa vào khai thác sử dụng theo kế hoạch 02 dự án<sup>114</sup>; đã khởi công 03 dự án<sup>115</sup>; tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đường sắt đô thị Nhôn - ga Hà Nội và Bến Thành - Suối Tiên; khẩn trương hoàn thiện đề án đường sắt tốc độ cao, khai thác có hiệu quả các tuyến đường sắt hiện có. Về hàng hải, đường thủy nội địa, đã khởi công 02 dự án<sup>116</sup>, hoàn thành 01 dự án<sup>117</sup>; đang triển khai thi công Dự án luồng cho tàu biển tải trọng lớn vào sông Hậu, Dự án nâng cấp tuyến kênh Chợ Gạo bám sát tiến độ; hoàn thiện các thủ tục để khởi công 01 dự án Dự án nâng tỉnh không các cầu đường bộ cắt qua tuyến đường thủy

<sup>108</sup> Các cao tốc: Cao Bồ - Mai Sơn, Mai Sơn - QL.45, Cam Lộ - La Sơn, Trung Lương - Mỹ Thuận, Vân Đồn - Móng Cái, Phan Thiết - Dầu Giây, Nha Trang - Cam Lâm, Vĩnh Hảo - Phan Thiết, Quốc lộ 45 - Nghi Sơn, Nghi Sơn - Diễn Châu.

<sup>109</sup> Tổ chức khởi công vào ngày 01/01/2023 ở các địa phương trải dài cả 3 miền của đất nước.

<sup>110</sup> Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột, Biên Hòa - Vũng Tàu, Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng.

<sup>111</sup> Đường vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh, vành đai 4 Hà Nội.

<sup>112</sup> Cao Lãnh - Lộ Tè - Rạch Sỏi; Chợ Mới - Bắc Kạn; Hòa Liên - Túy Loan; Nghiên cứu, đề xuất, trình cấp có thẩm quyền nội dung thí điểm một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn vướng mắc về quy định liên quan tới đầu tư xây dựng công trình giao thông đường bộ

<sup>113</sup> Công điện số 271/CD-TTg ngày 18/4/2023 về việc triển khai Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành; Quyết định số 401/QĐ-TTg ngày 18/4/2023 thành lập Tổ công tác Dự án đầu tư xây dựng Cảng hàng không Quốc tế Long Thành giai đoạn 1.

<sup>114</sup> Dự án cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Hà Nội - Vinh; Dự án gia cố các hầm yếu kết hợp mở mới các ga và cải tạo kiến trúc tầng trên đoạn Vinh - Nha Trang.

<sup>115</sup> Cải tạo nâng cấp đường sắt trên tuyến Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh (đoạn Hà Nội - Vinh, đoạn Vinh - Nha Trang) và cải tạo các ga trên các tuyến đường sắt phía Bắc.

<sup>116</sup> Dự án nâng cấp luồng Cái Mép - Thị Vải và Nâng cấp luồng hàng hải vào các bến cảng khu vực Nam Nghi Sơn.

<sup>117</sup> Dự án kênh nối Đáy - Ninh Cơ.



nội địa quốc gia - Giai đoạn 1 (khu vực phía Nam)...

**b) Về hạ tầng năng lượng:**

Bộ Công Thương đã chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành và doanh nghiệp tập trung rà soát, kiểm tra, đôn đốc, tham mưu việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án năng lượng, đặc biệt đối với các dự án trọng điểm về điện, dầu khí, năng lượng tái tạo, hạ tầng nhập khẩu năng lượng sơ cấp. Theo đó, một số dự án nguồn điện lớn có vai trò quan trọng như Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 đã đi vào vận hành thương mại; Nhà máy nhiệt điện Vân Phong đã vận hành thương mại Tổ máy số 1... góp phần đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định.

Bộ Công Thương đã hoàn thành việc xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành toàn bộ 04 quy hoạch ngành trong lĩnh vực năng lượng, bao gồm: Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn tới năm 2050 (Quy hoạch điện VIII tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023); Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023); Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18/7/2023); Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2023).

**c) Về phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông:**

Để thúc đẩy các ứng dụng số, nền tảng số trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần nâng cao tỷ trọng đóng góp của kinh tế số trong tăng trưởng kinh tế, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành và tổ chức thực hiện: (1) Kế hoạch hành động quốc gia triển khai Chiến lược phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 411/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ<sup>118</sup>; (2) Kế hoạch hành động triển khai Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định 749/QĐ-TTg và Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 942/QĐ-TTg<sup>119</sup>; (3) Phân công trách nhiệm đầu mối thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia năm 2023 phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số<sup>120</sup>.

Việc đầu tư, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông (hạ tầng vật lý để thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số) tiếp tục được coi trọng.

Nâng cao chất lượng dịch vụ viễn thông 4G. Dịch vụ 5G tiếp tục được thử nghiệm, đánh giá để hoàn thiện tiến tới cung cấp thương mại. Đẩy mạnh phát triển

<sup>118</sup> Quyết định số 466/QĐ-BTTTT ngày 28/3/2023.

<sup>119</sup> Quyết định số 483/QĐ-BTTTT ngày 29/3/2023.

<sup>120</sup> Quyết định số 522/QĐ-BTTTT ngày 31/3/2023.

dịch vụ dữ liệu công nghệ đám mây trong nước nhằm dần nâng cao thị phần trong nước của doanh nghiệp Việt Nam.

Tiếp tục tổ chức thực hiện triển khai thí điểm dịch vụ Mobile Money (theo Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 09/3/2021). Đến tháng 11/2023, đã tổng kết, đánh giá 02 năm thí điểm dịch vụ Mobile Money, kết quả: số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ tăng gấp 1,6 lần, đạt 6,7 triệu khách hàng, số lượng đơn vị chấp nhận thanh toán tăng gấp 15 lần, đạt 233.172 điểm, dịch vụ thí điểm an toàn, góp phần mạnh mẽ vào việc phát triển hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam. Ngày 18/11/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 192/NQ-CP gia hạn thời gian thực hiện thí điểm dịch vụ Mobile - Money đến hết ngày 31/12/2024.

***d) Về hạ tầng thương mại điện tử:***

Để tổ chức triển khai Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử (TMĐT) quốc gia giai đoạn 2021-2025, Bộ Công Thương đã triển khai các hoạt động như Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng TMĐT Quốc gia Go Online, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp và điều tiết thị trường - Gian hàng Việt trực tuyến Quốc gia, Sàn TMĐT trong hỗ trợ tiêu thụ trong nước Sàn Việt, Cổng thông tin về Cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam (Tự hào Việt). Ban hành các văn bản yêu cầu các đơn vị là chủ sở hữu sàn giao dịch TMĐT, website/ứng dụng TMĐT rà soát gỡ bỏ các sản phẩm vi phạm các quy định của pháp luật. Kết quả rà soát đạt được như sau: gỡ bỏ 23.042 sản phẩm và chặn 6.929 gian hàng vi phạm.

***đ) Phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn***

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/6/2012 của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của BCH Trung ương Đảng (khóa XI) và Chương trình hành động của Bộ về phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi; nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng nội đồng và củng cố các tổ chức quản lý thủy nông cơ sở; chuyển đổi cơ chế quản lý vận hành các công trình thủy lợi theo định hướng thị trường. Đổi mới hình thức và cơ chế quản lý dịch vụ thủy lợi, gắn lợi ích với quyền, trách nhiệm của người sử dụng, cộng đồng trực tiếp hưởng lợi. Tăng cường công tác quản lý, khai thác và bảo đảm an toàn hồ chứa, công trình thủy lợi, đáp ứng yêu cầu sản xuất và nhu cầu ngày càng tăng về cấp nước sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ.

Phát triển hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, nhất là công trình thủy lợi, cảng cá, trung tâm nghề cá lớn, khu neo đậu tránh trú bão; dự án hạ tầng phòng, chống thiên tai, chống sạt lở thích ứng biến đổi khí hậu, sạt lở bờ sông, bờ biển, lũ lụt, hạn hán. Chú trọng đầu tư hạ tầng, cơ sở vật chất, kho bãi, bố trí địa điểm tập kết hàng hóa, phương tiện khu vực cửa khẩu biên giới.

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và chuyển đổi cơ chế quản lý vận hành theo định hướng thị trường các công trình thủy lợi. Tăng cường công tác quản lý, khai thác và bảo đảm an toàn hồ chứa, công trình thủy lợi đáp ứng sản xuất và nhu cầu cấp nước sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ.

Xây dựng 04 Quy hoạch ngành quốc gia lĩnh vực nông nghiệp (Quy hoạch Phòng chống thiên tai và Thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt); Đề án An ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2045<sup>121</sup>; lập 03 quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành: quy hoạch Thủy lợi lưu vực sông Cửu Long, quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cả và quy hoạch Thủy lợi lưu vực sông Hồng - Thái Bình.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đôn đốc các địa phương, bộ ngành liên quan thực hiện Chương trình tổng thể phòng chống thiên tai quốc gia; Chiến lược Quốc gia về phòng chống thiên tai đến năm 2030; Kế hoạch phòng chống thiên tai Quốc gia đến năm 2025; Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030; Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021-2025. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 21/4/2023 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016 phê duyệt Quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch đề điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình; trình lại Thủ Tướng Chính phủ Đề án An ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa giai đoạn 2021 - 2025<sup>122</sup>; triển khai hoạt động của Quỹ phòng chống thiên tai Trung ương.

Thường xuyên phối hợp theo dõi nguồn nước, hỗ trợ các địa phương ứng phó hạn hán, xâm nhập mặn, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi và cấp nước cho sản xuất. Hướng dẫn, đôn đốc các địa phương xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia Phòng chống thiên tai; Đề án Phòng chống sạt lở bờ sông bờ biển; Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến 2030. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng ban hành và đôn đốc các địa phương thực hiện Chỉ thị về tăng cường công tác quản lý đề điều và chuẩn bị sẵn sàng hồ đề, chống lũ năm 2023. Hướng dẫn các địa phương đánh giá hiện trạng công trình đề điều trước lũ năm 2023 và xây dựng phương án bảo vệ trọng điểm. Xây dựng kịch bản ứng phó với lũ, bão, ngập lụt, sạt lở đất, lũ quét và các loại hình thiên tai khác. Tổ chức Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về quản lý thiên tai lần thứ 11 và các hoạt động trong năm 2023 với vai trò Việt Nam thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch Ủy ban ASEAN về quản lý thiên tai (ACDM) năm 2023.

#### ***e) Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đất đai, tài nguyên***

Ngày 05/4/2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Công văn số 2317/BTNMT-CĐKDLTTĐĐ về việc tăng cường công tác đăng ký đất đai, cấp

<sup>121</sup> Tờ trình số 3372/TTr-BNN-TL ngày 24/5/2023

<sup>122</sup> Tờ trình số 7351/BNN-TL ngày 13/10/2023

Giấy chứng nhận trong tình hình hiện nay gửi Ủy ban nhân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tính đến nay, trên địa bàn cả nước đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đạt trên 44 triệu giấy, trên diện tích khoảng 23,6 triệu ha, chiếm tỷ lệ 97,4% diện tích cần cấp.

Việc kiểm soát, giám sát trực tuyến vận hành hồ hồ trợ cơ quan quản lý giám sát việc tuân thủ giấy phép hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước của các chủ hồ nhanh chóng, kịp thời chấn chỉnh những vi phạm xảy ra (năm 2023 ước đạt 100% hồ chứa thủy điện lớn đang vận hành được kiểm soát, giám sát trực tuyến).

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Danh mục giá trị dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu 699 hồ chứa, đập dâng của 626 công trình thủy lợi, thủy điện (Quyết định số 2064/QĐ-BTNMT ngày 24/7/2023).

Ngoài ra, Bộ Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện thêm 02 nhiệm vụ, gồm: 01 nhiệm vụ đang thực hiện: “Đề án phát triển công nghiệp sinh học ngành môi trường đến năm 2030”<sup>123</sup> và 01 nhiệm vụ đã hoàn thiện là “Chương trình quốc gia về bảo tồn các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”<sup>124</sup>.

## **7. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp**

### ***a) Tiếp tục thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng và phát triển nguồn nhân lực:***

Tiếp tục thực hiện hiệu quả chủ trương đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI và Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư. Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục thực hiện các giải pháp, tăng cường đầu tư các điều kiện bảo đảm để duy trì và nâng cao kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi<sup>125</sup>; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học, trung học cơ sở<sup>126</sup>. Trẻ em mẫu giáo ở các vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo được Nhà nước hỗ trợ tiền ăn trưa; trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ khuyết tật được quan tâm phát hiện sớm, can thiệp

<sup>123</sup> Lùi thời hạn sang Quý II/2024 theo Nghị quyết số 189/NQ-CP ngày 16/11/2023 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới

<sup>124</sup> Nhiệm vụ: Bộ TN&MT đã trình Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 90/TTr-BTNMT ngày 10/11/2023

<sup>125</sup> Cả nước có 63/63 tỉnh, thành phố duy trì và đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi; 100% đơn vị cấp huyện duy trì phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi; 99,9% đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi. Tỷ lệ huy động trẻ em mẫu giáo 5 tuổi đạt 99,76%; tỷ lệ trẻ em mẫu giáo 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt 99,8%. Tỷ lệ trẻ em mẫu giáo 5 tuổi được học 2 buổi/ngày đạt 99,8%.

<sup>126</sup> Đã có 63/63 tỉnh, thành phố đã đạt chuẩn phổ cập GDTH mức độ 2, trong đó có 30/63 tỉnh, thành phố đạt mức độ 3 (năm 2016 mới có 12/63 tỉnh, thành phố). Hiện nay có 63/63 tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1, 19/63 tỉnh, thành phố đạt mức độ 2, mức độ 3.

sớm, học hòa nhập góp phần nâng cao tỷ lệ huy động trẻ em đến trường.

Chất lượng giáo dục phổ thông đại trà tiếp tục được cải thiện đáng kể, theo hướng nâng cao chất lượng, giảm áp lực thành tích; nhiều mô hình giáo dục, nhiều phương pháp dạy học tích cực được đưa vào ứng dụng trong tổ chức dạy học giúp học sinh tiếp cận kiến thức dễ dàng và hiệu quả hơn trước đây.

Chất lượng giáo dục mũi nhọn tiếp tục được nâng cao. Học sinh Việt Nam tham dự các kỳ thi Olympic khu vực và quốc tế đạt nhiều thành tích với 72 Huy chương Vàng trong giai đoạn 2016-2023, cao nhất từ trước đến nay, trong đó nhiều học sinh Việt Nam đạt điểm số vượt trội ở các nội dung thi.

Công tác xóa mù chữ tiếp tục được quan tâm, đến nay, có 63/63 tỉnh, thành phố đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1, trong đó có 43/63 tỉnh, thành phố đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi 15 đến 60 của cả nước đạt 98,64%; có 97,08% người dân tộc thiểu số từ 15 đến 35 tuổi biết chữ.

Tích cực triển khai thực hiện Kế hoạch số 59/KH-GS ngày 11/10/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Giám sát chuyên đề “Việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa (SGK) giáo dục phổ thông”. Chương trình đã bảo đảm hiện đại, tinh gọn, tích hợp cao ở các lớp học dưới và phân hóa dần ở các lớp học trên; giảm số môn học bắt buộc; tăng chủ đề môn học và hoạt động giáo dục tự chọn, chú trọng giáo dục lý tưởng truyền thống đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành vận dụng kiến thức vào thực tiễn; khắc phục được những hạn chế của chương trình tiếp cận nội dung như hiện hành, nội dung giáo dục thiết thực hơn, giảm tính hàn lâm, tăng tính thực tế; phát huy sự chủ động, sáng tạo của học sinh.

Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã chỉ đạo, hướng dẫn các trường đại học, cao đẳng thực hiện quyền tự chủ trong tuyển sinh. Các trường đã sử dụng các phương thức xét tuyển (bằng kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông, xét tuyển bằng học bạ, xét tuyển thẳng, xét tuyển ưu tiên và xét tuyển đại học bằng kỳ thi riêng của trường) để tuyển sinh, bảo đảm khách quan, công bằng, nâng cao chất lượng đầu vào. Đặc biệt, năm 2023 là năm thứ hai triển khai đồng bộ đăng ký dự thi, đăng ký nguyện vọng xét tuyển, nộp phí xét tuyển và xác nhận nhập học theo hình thức trực tuyến, được dư luận xã hội đồng tình, đánh giá cao.

Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo tích cực thực hiện Kế hoạch triển khai lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên giai đoạn 2020 - 2025, tổ chức bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; giao chỉ tiêu tuyển sinh sư phạm cho các cơ sở đào tạo giáo viên; mở mã ngành đào tạo cho các môn học mới trong Chương trình giáo dục phổ thông

2018. Tính đến đầu năm học 2023-2024, tỷ lệ giáo viên và cán bộ quản lý đạt chuẩn trình độ đào tạo (theo Luật Giáo dục 2019) đã dần được nâng cao, cấp mầm non là 86,3%; cấp tiểu học là 83,3%; trung học cơ sở là 90,3%; trung học phổ thông là 99,9%. Các địa phương đang tiếp tục phối hợp với các cơ sở đào tạo giáo viên để thực hiện nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên theo lộ trình.

Để giải quyết tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Bộ Nội vụ chỉ đạo các địa phương rà soát, tổng hợp số liệu thừa, thiếu giáo viên và đề xuất Chính phủ bổ sung giáo viên mầm non, phổ thông theo lộ trình từ nay đến năm 2026. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các địa phương khẩn trương triển khai tổ chức tuyển dụng giáo viên, trong đó ưu tiên tuyển dụng giáo viên các môn học mới để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và giáo viên mầm non cho các cơ sở giáo dục mầm non ở vùng kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

Nhằm tăng cường cơ sở vật chất, bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, các cơ sở giáo dục triển khai rà soát thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và xác định nhu cầu để triển khai mua sắm bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu theo lộ trình triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018; đánh giá thực trạng các điểm trường lẻ và các trường có quy mô nhỏ để sắp xếp các trường, xác định nhu cầu xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo phòng học, phòng chức năng, thư viện, nhà vệ sinh, nhà ăn, phòng ở cho học sinh nội trú, học sinh bán trú theo các quy định.

Cơ sở vật chất tại các cơ sở giáo dục đã có sự chuyển biến tích cực, các địa phương đã ưu tiên đầu tư một số hạng mục phục vụ triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018<sup>127</sup> như phòng học, phòng chức năng, phòng học bộ môn, thư viện, thiết bị dạy học. Sĩ số học sinh/lớp cơ bản được thực hiện theo quy định, nhiều địa phương đã chú ý thực hiện các giải pháp bảo đảm thuận lợi, an toàn cho việc đi lại của học sinh khi đến trường. Các trường cơ bản đều có phòng học bộ môn, tuy nhiên cấp tiểu học còn thiếu nhiều. Các địa phương đã ưu tiên đầu tư bổ sung thêm phòng học bộ môn Tin học và Ngoại ngữ cho cấp tiểu học. Tỷ lệ trường tiểu học có thư viện là 92,9%, tỷ lệ này ở cấp THCS là 88,9% và THPT là 86,4%. Tuy nhiên, quy mô, chất lượng không đồng đều, nhiều thư viện mới chỉ là nơi lưu trữ các học liệu mà chưa có phòng đọc cho học sinh. Tỷ lệ thiết bị dạy học tối thiểu đáp ứng nhu cầu dạy học còn thấp trung bình cả nước chỉ đáp ứng 54,3%.

Tiếp tục đẩy mạnh việc số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành giáo dục, kết nối CSDL ngành giáo dục với các CSDL quốc gia về dân cư và bảo hiểm: hiện nay gần 25 triệu hồ sơ học sinh và giáo viên đã được kết nối và xác thực định

<sup>127</sup> Theo Kế hoạch số 411/KH-BGDĐT ngày 12/6/2020 về tổng thể công tác chuẩn bị đội ngũ giáo viên lớp 1, CSVC phục vụ năm học 2020-2021 thực hiện Chương trình GDPT 2018.

đang với CSDL quốc gia về dân cư (đạt tỷ lệ gần 98%). Ngày 20/6/2023, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã hoàn thành xây dựng CSDL quốc gia về giáo dục đại học (HEMIS) và thực hiện kết nối kỹ thuật CSDL về giáo dục đại học với CSDL quốc gia về Bảo hiểm, hiện nay hai CSDL đang kết nối và chia sẻ thông tin bước đầu của gần 300 nghìn sinh viên tốt nghiệp đại học năm 2022 hỗ trợ công tác thống kê tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp, dự báo nguồn nhân lực và xu hướng nghề nghiệp của sinh viên ra trường.

Ứng dụng triển khai Hệ thống đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông thông qua dịch vụ công trực tuyến đã tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí thí sinh tham gia.

Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy và học được tăng cường triển khai. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành hướng dẫn về xây dựng học liệu số và khoá học trực tuyến trên ứng dụng nền tảng cung cấp các khóa học trực tuyến đại chúng mở (MOOCs); ban hành tiêu chí, quy trình xây dựng học liệu điện tử các cấp học làm cơ sở xây dựng hệ thống bài giảng trực tuyến dùng chung. Kho học hiệu số chia sẻ dùng chung toàn ngành (bao gồm cả học liệu mở) được đưa vào khai thác sử dụng, chia sẻ gần 5.000 bài giảng e-learning, hơn 2.000 video bài giảng dạy trên truyền hình, 200 thí nghiệm ảo, 35.000 câu hỏi trắc nghiệm, gần 200 đầu sách giáo khoa theo chương trình giáo dục phổ thông... Đồng thời Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phát động cuộc thi quốc gia “Thiết kế bài giảng điện tử” và tiếp nhận hơn 43,000 bài giảng điện tử do giáo viên biên soạn đồng thời đã đưa 2.130 bài giảng chia sẻ lên Kho học liệu số [igiaoduc.vn](http://igiaoduc.vn) để học sinh và giáo viên tham khảo sử dụng, đáp ứng nhu cầu dạy và học trực tuyến.

Thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045: Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương hoàn thành và trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045<sup>128</sup>. Đồng thời, Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đang tích cực xây dựng quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo hướng thiết lập một hệ thống giáo dục đại học mở, công bằng, bình đẳng, chất lượng, hiệu quả và phục vụ nhu cầu học tập suốt đời; đáp ứng nhu cầu về nhân lực chất lượng cao, tăng cường ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức đào tạo nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục đại học và

<sup>128</sup> Tờ trình số 597/TTr-BGDĐT ngày 10/4/2023

giáo dục nghề nghiệp; nâng cao chất lượng đào tạo một số trường đại học trọng điểm, một số ngành nghề tiên tiến, tiếp cận trình độ các nước phát triển trong ASEAN và thế giới; tăng cường kiểm định chất lượng (cơ sở đào tạo và CTĐT).

Tiếp tục có chính sách, cơ chế khuyến khích tự chủ đại học về chuyên môn học thuật, khuyến khích các trường đào tạo cho các ngành nghề mới cho Công nghiệp 4.0<sup>129</sup> và các kỹ năng cho thế kỷ 21<sup>130</sup>.

Việc bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo thực hiện thông qua Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP) đã được hoàn thành<sup>131</sup>. Các địa phương tiếp tục triển khai việc tập huấn giáo viên đại trà theo lộ trình triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Đẩy mạnh thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”, trong tháng 10/2023, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã hướng dẫn các địa phương tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời năm 2023. Một số địa phương tham gia mạng lưới thành phố học tập toàn cầu của UNESCO, thúc đẩy hợp tác quốc tế về giáo dục người lớn, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.

***b) Phát triển giáo dục nghề nghiệp, gắn kết công tác đào tạo nghề với thị trường lao động, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế***

Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội tiếp tục triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN)<sup>132</sup>, Quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN<sup>133</sup>, Chương trình Chuyển đổi số trong GDNN; Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ GDNN. Tiếp tục rà soát, sắp xếp các cơ sở GDNN công lập thuộc bộ, ngành, địa phương theo lộ trình tại Nghị quyết số 19-NQ/TW và triển khai Quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở GDNN.

Công tác truyền thông về GDNN được đẩy mạnh, nhận thức của các cấp, ngành và toàn xã hội về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của GDNN trong việc

<sup>129</sup> Nhiều trường kỹ thuật và kinh tế hiện nay đã bắt đầu mở các ngành đào tạo mới cho Công nghiệp 4.0 (các ngành Trí tuệ nhân tạo, Robot, Khoa học dữ liệu, Công nghệ tài chính Fintech...), ví dụ tại: 2 Đại học Quốc gia, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM, Trường Đại học Kinh tế quốc dân...

<sup>130</sup> (i) Nhóm các kỹ năng tư duy như: sức sáng tạo, tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định, và khả năng tự học suốt đời. (ii) Nhóm kỹ năng làm việc như khả năng giao tiếp, hợp tác làm việc theo nhóm. (iii) Nhóm kỹ năng sử dụng công cụ làm việc như kiến thức chung về công nghệ thông tin và truyền thông. (iv) Kỹ năng sống trong xã hội toàn cầu, bao gồm vấn đề ý thức công dân, cuộc sống và sự nghiệp, trách nhiệm cá nhân và xã hội.

<sup>131</sup> Theo đó, gần 30.000 giáo viên cốt cán (01 giáo viên cốt cán/trường) và hơn 4.000 hiệu trưởng cốt cán (khoảng 07 trường có 01 hiệu trưởng cốt cán) được bồi dưỡng

<sup>132</sup> Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>133</sup> Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ.



hình thành đội ngũ nhân lực có kỹ năng trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có sự chuyển biến tích cực.

Hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương, các cơ sở GDNN chủ động xây dựng, điều chỉnh kế hoạch tuyển sinh, đào tạo theo hướng mở, linh hoạt; đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo, đẩy mạnh đào tạo trực tuyến đối với các nội dung, môn học, mô đun phù hợp; ứng dụng công nghệ số từ khâu tư vấn, tổ chức tuyển sinh đến quá trình đào tạo, liên kết với doanh nghiệp để bảo đảm việc làm cho người học. Tiếp tục chỉ đạo các cơ sở GDNN tăng cường đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề, nhất là nhân lực chất lượng cao theo hướng ứng dụng, thực hành, thực tập, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng cho thị trường lao động, đặc biệt là nhu cầu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các khu vực kinh tế trọng điểm. Tiếp tục tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn triển khai đào tạo các chương trình đào tạo chất lượng cao; cập nhật các địa phương, các trường đăng ký và tổ chức đào tạo chương trình chất lượng cao. Đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp trong GDNN<sup>134</sup>, tăng cường hoạt động đào tạo nghề cho lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa. Triển khai mô hình đào tạo, đào tạo lại trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác... Trao đổi, phối hợp với Hội Người cao tuổi Việt Nam về thúc đẩy đào tạo nghề cho người cao tuổi.

***c) Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo***

Tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Bộ Khoa học và Công nghệ đã tập trung phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng hoàn thiện, trình Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển đất nước trong tình hình mới<sup>135</sup>; Đã trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 06 văn bản (gồm 02 Nghị định, 02 Nghị quyết, 04 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ)<sup>136</sup>, ban hành theo thẩm quyền 20 Thông tư. Đã trình Chính phủ xem

<sup>134</sup> Tiếp tục triển khai Quyết định số 164/QĐ-TCGDNN ngày 05/4/2021 ban hành Kế hoạch tổ chức các hoạt động gắn kết GDNN với thị trường lao động và việc làm bền vững giai đoạn 2021 – 2025.

<sup>135</sup> Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị.

<sup>136</sup> (1) Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02/6/2023 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ; (2) Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/08/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; (3) Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 01/8/2023 về việc chuyển giao Khu Công nghệ cao Hòa Lạc thuộc quyền quản lý của Bộ KH&CN về Ủy ban nhân dân TP HN quản lý; (4) Nghị quyết số 189/NQ-CP ngày 16/11/2023 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới; (5) Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 về việc cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao; (6) Quyết định số 14/2023/QĐ-TTg ngày 24/5/2023 ban hành Danh mục và lộ trình phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng phải loại bỏ và các tổ máy phát điện hiệu suất thấp không được xây dựng mới; (7) Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 29/5/2023 phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ KH&CN; (8) Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 10/10/2023 về việc chuyển giao Ban Quản lý Khu Công nghệ cao

xét ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ (Tờ trình số 4182/TTr-BKHHCN ngày 14/11/2023); trình Thủ tướng Chính phủ xem xét ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ (Tờ trình số 3726/TTr-BKHHCN ngày 19/10/2023); tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ theo ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, trình Chính phủ trong năm 2023;...”.

Nội dung các văn bản được ban hành trong năm 2023 tiếp tục tập trung vào việc huy động mọi nguồn lực cho hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH&ĐMST); thúc đẩy sự phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học và công nghệ phục vụ hiệu quả phát triển kinh tế-xã hội và hội nhập quốc tế; đưa nội dung KH&ĐMST gắn bó chặt chẽ và phục vụ trực tiếp cho phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, đưa doanh nghiệp trở thành trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia.

Về phát triển tổ chức và nhân lực khoa học và công nghệ: Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương hoàn thiện, trình Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập, phù hợp với khả năng đầu tư của ngân sách nhà nước; trình Chính phủ đề xuất xây dựng Nghị định quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo hướng quy định quyền tự chủ toàn diện của tổ chức khoa học và công nghệ thay vì quy định hiện hành chỉ giới hạn quyền tự chủ tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ. Tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách về phát triển đội ngũ trí thức giai đoạn đến năm 2030<sup>137</sup>; thu hút chuyên gia giỏi là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam để từng bước hình thành đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao.

Để phát triển thị trường doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tập trung rà soát, tháo gỡ các khó khăn, điểm nghẽn về cơ chế, chính sách để thị trường khoa học

---

Hòa Lạc từ Bộ KH&CN về Ủy ban nhân dân TP Hà Nội.

<sup>137</sup> Ban hành các Thông tư: (1) Thông tư số 05/2023/TT-BKHHCN ngày 22/5/2023 hướng dẫn thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN; (2) Thông tư số 07/2023/TT-BKHHCN ngày 25/5/2023 hướng dẫn về việc thuê đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tổ chức KH&CN công lập đối với người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam.

và công nghệ phát triển đồng bộ, hiệu quả, hiện đại và hội nhập<sup>138</sup>. Hướng dẫn các địa phương xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai Chương trình Phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2030<sup>139</sup>; hỗ trợ, tư vấn việc thành lập tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ<sup>140</sup>. Tổ chức các hoạt động kết nối trực tiếp và trực tuyến tại Sàn Giao dịch thông tin, công nghệ, thiết bị<sup>141</sup>; kết nối liên thông với các Sàn Giao dịch công nghệ địa phương<sup>142</sup>.

Tính đến nay, cả nước đã cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ cho 712 doanh nghiệp (*tăng 76 doanh nghiệp so với cùng kỳ năm 2021*) thuộc các lĩnh vực công nghệ được khuyến khích phát triển<sup>143</sup>. Các doanh nghiệp khoa học và công nghệ chú trọng tới việc đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển, đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm<sup>144</sup>. Tiếp tục hỗ trợ phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo<sup>145</sup>.

Đẩy mạnh hợp tác liên kết ứng dụng, chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo giữa các đơn vị nghiên cứu, doanh nghiệp trong nước với các đối tác quốc tế<sup>146</sup>. Phối hợp triển khai sự kiện Techfest tại các tỉnh/thành phố nhằm thúc đẩy tiềm lực KH&CN gắn với thế mạnh và đặc thù của từng địa phương và vùng kinh tế trên cả nước trong bối cảnh mới<sup>147</sup>.

<sup>138</sup> Đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chi thị số 25/CT-TTg ngày 05/10/2023 về phát triển thị trường khoa học và công nghệ đồng bộ, hiệu quả, hiện đại và hội nhập. Báo cáo hoàn thiện chính sách về cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung gửi Thủ tướng Chính phủ (Công văn số 3049/BKHCN-PTTĐN ngày 08/9/2023).

<sup>139</sup> Đã có 26 tỉnh/thành phố thực thuộc trung ương có các văn bản ban hành kế hoạch, chương trình triển khai Chương trình Phát triển thị trường KH&CN đến năm 2030 tại địa phương.

<sup>140</sup> Hiện cả nước có trên 800 tổ chức trung gian, trong đó có 22 sàn giao dịch công nghệ cấp tỉnh, 2 sàn giao dịch công nghệ cấp vùng đang hoạt động.

<sup>141</sup> (1) Phối hợp tổ chức thành công Triển lãm Quốc tế về công nghệ phân tích, thí nghiệm, chẩn đoán và công nghệ sinh học 2023 với 200 đơn vị tham gia đến từ 15 quốc gia và vùng lãnh thổ, đã thu hút 5.384 lượt người đến tham quan, và đã kết nối được 338 cuộc họp giao thương; (2) Đã tổ chức hàng chục sự kiện triển lãm, tọa đàm, hoạt động trình diễn, giới thiệu công nghệ và thiết bị mới, đặc biệt là chương trình “Cà phê công nghệ” hằng tuần bằng hai hình thức trực tiếp và trực tuyến với nhiều chủ đề khác nhau, có sự tham gia tích cực của các nhà khoa học, nhà sáng chế và cộng đồng doanh nghiệp.

<sup>142</sup> TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Bắc Giang, Huế.

<sup>143</sup> Trong đó chủ yếu công nghệ sinh học (39,9%), công nghệ tự động hóa (25,5%), công nghệ thông tin (17%), vật liệu mới (10%).

<sup>144</sup> Trong tổng số 712 DNKH&CN được cấp giấy chứng nhận: khoảng 7% doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận từ kết quả KH&CN có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; hơn 90% doanh nghiệp còn lại tự đầu tư nghiên cứu hoặc nhận chuyển giao kết quả KH&CN bằng toàn bộ nguồn vốn của chính doanh nghiệp.

<sup>145</sup> Hiện có 1.125 phòng thí nghiệm (phòng thực nghiệm), 60 tổ chức công nhận và 70 tổ chức giám định, 145 phòng thí nghiệm y tế được chứng nhận; 50 cơ sở ươm tạo công nghệ, doanh nghiệp KH&CN; 70 khu làm việc chung và không gian sáng tạo.

<sup>146</sup> Tổ chức Chương trình Tech-Innovation Lào-Vietnam 2023; Tổ chức Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Techfest) với quy mô quốc tế tại Hàn Quốc; Tổ chức sự kiện Techfest tại Australia.

<sup>147</sup> Tổ chức sự kiện Techfest tại Quảng Nam, Đồng Nai, Hà Nội, Hải Phòng...

Tăng cường hướng dẫn địa phương đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất đối với một số ngành chủ lực, mũi nhọn của địa phương. Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ địa phương, doanh nghiệp xác định nhu cầu tìm kiếm, chuyển giao công nghệ trong một số ngành, lĩnh vực ưu tiên; kết nối, chuyển giao công nghệ với tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài<sup>148</sup>. Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ thông qua các hoạt động triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia<sup>149</sup>, với mục tiêu hướng tới là ứng dụng các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, nâng cao mức độ tự động hóa trong các khâu của quy trình sản xuất, các sản phẩm tạo ra có chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh và xuất khẩu ra thị trường nước ngoài. Tổ chức các hoạt động hỗ trợ vận hành, khai thác có hiệu quả 13 điểm kết nối cung cầu công nghệ phân bố trên 5 vùng, 12 tỉnh thành<sup>150</sup>.

Theo Báo cáo GII 2023 do Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) công bố ngày 27/9/2023, Việt Nam xếp thứ 46/132 quốc gia/nền kinh tế, tăng 2 bậc so với năm 2022, đứng thứ 4 khu vực Đông Nam Á, duy trì vị trí thứ 2 trong nhóm 36 nền kinh tế thu nhập trung bình thấp. Việt Nam là một trong 07 quốc gia thu nhập trung bình đạt được nhiều tiến bộ nhất về đổi mới sáng tạo trong thập kỷ qua. Việt Nam cũng là một trong 03 quốc gia giữ kỷ lục có thành tích vượt trội so với mức độ phát triển trong 13 năm liên tiếp (gồm Ấn Độ, Cộng hòa Moldova và Việt Nam).

**8. Chú trọng phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội; nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội**

***a) Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam:***

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, các địa phương tổ chức thành công các hoạt động kỷ niệm 80 năm Đề cương về Văn hóa Việt Nam 1943; Xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 (Tờ trình số 219/TTr-BVHTTDL ngày 14 tháng 8 năm 2023); Tổ chức Hội nghị tuyên dương gương điển hình tiên tiến trong lĩnh vực văn hóa toàn quốc năm 2023.

*Bảo tồn và phát huy di sản văn hoá:* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã triển khai xây dựng Dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) và trình Thủ tướng Chính phủ Nghị định quy định biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO; Việt Nam trúng cử thành viên Ủy ban Di sản thế giới nhiệm kỳ 2023-2027 với số phiếu rất cao; Trình Thủ tướng Chính phủ công nhận bảo vật quốc gia cho 27 hiện vật và nhóm hiện vật; Quyết

<sup>148</sup> Đã hỗ trợ tổ chức kết nối hợp tác cho doanh nghiệp Quảng Ninh, Hải Phòng và doanh nghiệp Đà Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản,...; dự kiến trong thời gian tới tiếp tục hỗ trợ Thái Nguyên trong việc hợp tác quốc tế để thúc đẩy ứng dụng công nghệ trong sản xuất, chế biến sản phẩm chè.

<sup>149</sup> Tiếp tục theo dõi và quản lý 04 nhiệm vụ KH&CN chuyển tiếp, ký hợp đồng thực hiện từ năm 2021.

<sup>150</sup> Gồm: Hà Nội, Nghệ An, Đắk Lắk, Phú Yên, Cần Thơ, Hải Phòng, Thái Nguyên, Gia Lai, Bà Rịa- Vũng Tàu, Thừa Thiên Huế, Vĩnh Long và Đại học Nguyễn Tất Thành – TP. HCM.

định xếp hạng 05 di tích quốc gia đặc biệt đợt 13; Tiếp tục triển khai Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021-2025; Chương trình số hóa di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021-2030; Ngày 16/9/2023, Kỳ họp lần thứ 45 của Ủy ban Di sản Thế giới UNESCO đã thông qua hồ sơ đề cử, công nhận Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà (thuộc địa bàn tỉnh Quảng Ninh và thành phố Hải Phòng) là Di sản Thiên nhiên Thế giới, và đây cũng là Di sản Thiên nhiên Thế giới liên tỉnh, thành phố đầu tiên của Việt Nam.

*Hoạt động xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở và Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”*: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã trình Chính phủ Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quảng cáo (Tờ trình số 266/TTr-BVHTTDL ngày 12 tháng 9 năm 2023). Xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo; Nghị định quy định về khung tiêu chuẩn, quy trình xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa, thôn, tổ dân phố văn hóa, xã, phường, thị trấn tiêu biểu; Tổ chức các đoàn kiểm tra công tác quản lý và tổ chức lễ hội tại một số địa phương; Tổ chức phát động Cuộc thi sáng tác tranh cổ động tuyên truyền kỷ niệm 75 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi thi đua ái quốc (11/6/1948-11/6/2023); Tổ chức Hội diễn Nghệ thuật quần chúng Ca khúc cách mạng từ ngày 19-22/4/2023 tại tỉnh Vĩnh Phúc; Tổ chức Hội thi Tuyên truyền lưu động “Biển và Hải đảo Việt Nam” tại TP. Hải Phòng từ ngày 18-21/5/2023; Tổ chức Hội nghị Cán bộ văn hóa toàn quốc (tháng 8)...

*Xây dựng văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*: Triển khai Dự án 6 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025; Tổ chức thành công các Ngày hội: Ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch các dân tộc miền Trung lần thứ III; Ngày hội trình diễn cây Nêu và giao lưu văn hóa, thể thao và du lịch các dân tộc Việt Nam lần thứ II; Ngày hội văn hóa các dân tộc có số dân dưới 10.000 người lần thứ I; Ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch các dân tộc vùng Tây Nguyên lần thứ I; Tổ chức thành công Lễ ký kết Chương trình phối hợp công tác giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng.

*Hoạt động thư viện*: Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án Phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng năm 2021-2022 gửi Thủ tướng Chính phủ; Tổ chức Hội thảo “Bản quyền trong chuyển đổi số ngành thư viện”; Tổ chức Tập huấn “Thực thi quyền tác giả trong chuyển đổi số ngành thư viện”; Tổ chức Liên hoan cán bộ thư viện toàn quốc tuyên truyền phát triển văn hóa đọc và giới thiệu sách về chủ quyền biển đảo Việt Nam - Chủ đề “Việt Nam – Đất nước bên bờ sóng” tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Tổ chức Hội nghị Tổng kết Cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc ngày 26/10/2023 tại Hà Nội.

*Hoạt động Điện ảnh:* Tổ chức đợt phim Kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2023) và mừng Xuân Quý Mão năm 2023; Tuần phim Kỷ niệm 80 năm đề cương về văn hóa Việt Nam; Tổ chức Tuần phim Kỷ niệm 80 năm đề cương về văn hóa Việt Nam; Tổ chức Lễ kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Điện ảnh Cách mạng Việt Nam (15/3/1953 - 15/3/2023); Tổ chức “Đợt phim Kỷ niệm các ngày lễ lớn 30/4, 1/5, 7/5, 19/5 năm 2023” trên phạm vi toàn quốc; Tổ chức Đợt phim Kỷ niệm 78 năm Cách mạng tháng Tám (19/8/1945 - 19/8/2023) và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2/9/1945 - 2/9/2023); Tổ chức Liên hoan Phim Việt Nam lần thứ XXIII tại tỉnh Lâm Đồng...

*Hoạt động nghệ thuật biểu diễn:* Xây dựng Hồ sơ Lập đề nghị xây dựng Nghị định về hoạt động văn học trình Chính phủ; Hồ sơ về đề nghị xây dựng Nghị định về “một số chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động chuyên môn trong các đơn vị sự nghiệp nghệ thuật công lập”; Thực hiện kế hoạch triển khai tổ chức trại sáng tác các tác phẩm văn học nghệ thuật “Sống mãi với thời gian” giai đoạn 2022-2025, hướng tới 100 năm Ngày thành lập Đảng CSVN (03/02/1930-03/02/2030) và 85 năm Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 02/09/1945-02/09/2030); Xây dựng chương trình nghệ thuật Bản hùng ca bất diệt kỷ niệm 76 năm ngày thương binh liệt sỹ 27/7/1947 - 27/7/2023 tại 02 điểm cầu truyền hình trực tiếp Điện Biên và Côn Đảo; Tổ chức chương trình nghệ thuật Chào mừng Hội nghị Tuyên dương gương mặt điển hình tiên tiến trong lĩnh vực văn hóa toàn quốc năm 2023; Xây dựng chương trình nghệ thuật đặc biệt Chào mừng kỷ niệm 78 năm ngày truyền thống Ngành Văn hóa với chủ đề “Giai điệu Tổ quốc”...

*Hoạt động bản quyền tác giả và các quyền có liên quan:* Tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030: Chuẩn bị công tác tổ chức Hội nghị toàn quốc về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa thời gian dự kiến vào tháng 9 năm 2023; Tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26/4/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan.

*Hoạt động Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm:* Tổ chức Cuộc thi và Triển lãm Mỹ thuật Việt Nam; Festival nhiếp ảnh trẻ; Tổ chức triển lãm ảnh tại Lào; Tổ chức Cuộc thi và Triển lãm 5 năm Điêu khắc toàn quốc, Festival nhiếp ảnh trẻ, Festival nhiếp ảnh quốc tế Việt Nam, Triển lãm “Tranh lụa Việt Nam” tại Pháp nhân kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao với Pháp; Tổ chức triển lãm ảnh chuyên đề “Sắc màu các dân tộc Việt Nam” tại Làng Văn hóa du lịch các dân tộc Việt Nam.

*Về hoạt động Thể dục thể thao cho mọi người:* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác

Hồ vĩ đại” gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Chương trình xây dựng nông thôn mới”; Tổ chức các lớp tập huấn: Tập huấn và triển khai thí điểm tiêu chí đánh giá trẻ em biết bơi, kỹ năng phòng chống đuối nước trẻ em năm 2023 tại tỉnh Nghệ An; Tổ chức các giải, hội thi: giải Cầu lông Trung cao tuổi toàn quốc năm 2023 tại tỉnh Thanh Hóa; giải Vô địch Võ cổ truyền quốc gia lần thứ XXXII năm 2023 tại Nam Định; giải Vô địch trẻ và thiếu niên Vật dân tộc quốc gia lần thứ XXIV năm 2023 tại Vĩnh Phúc.

*Về thể thao thành tích cao:* Đoàn Thể thao Việt Nam thi đấu xuất sắc giành được 751 huy chương quốc tế (270 huy chương vàng, 213 huy chương bạc, 268 huy chương đồng), trong đó: Giành vị trí thứ Nhất toàn đoàn tại SEA Games 32, với tổng số 136 huy chương vàng, 105 huy chương bạc, 118 huy chương đồng, phá 12 kỷ lục, thiết lập 4 kỷ lục SEA Games. Đã phối hợp với các địa phương, liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia tổ chức 69 giải thể thao quốc gia và quốc tế tại Việt Nam. Kết quả tham dự các giải thi đấu quốc tế đạt 69 huy chương vàng, 48 huy chương bạc, 25 huy chương đồng. Thành tích tham dự ASIAD: giành 1 huy chương vàng, 2 huy chương bạc, 7 huy chương đồng, 01 suất môn Bơi chuẩn tham dự Olympic.

### ***b) Phát triển và nâng cao năng lực hệ thống y tế***

Tập trung công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế ngành y tế, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, xác định các vướng mắc, bất cập để kịp thời sửa đổi, bổ sung, không chỉ giải quyết các vướng mắc, bất cập trước mắt mà còn các chính sách phát triển dài hạn của ngành y tế. Trong năm 2023, Bộ Y tế đã trình Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 25/10/2023 về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới; trình Quốc hội ban hành: Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15; 02 Nghị quyết; trình Chính phủ ban hành 04 Nghị định, 05 Nghị quyết; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 08 Quyết định. Hoàn thành xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Triển khai xây dựng Đề án thành lập Trung tâm Kiểm soát và phòng ngừa bệnh tật (CDC) Trung ương, Đề án thực hiện lộ trình chuyển một số bệnh viện trung ương trực thuộc Bộ Y tế về địa phương quản lý.

Y tế cơ sở được chú trọng, đầu tư từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 99/2023/QH15 với các giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm về y tế cơ sở, y tế dự phòng. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh. Triển khai đánh giá chất lượng bệnh viện theo 83 tiêu chí đã tạo phong trào thi đua trong hệ thống khám bệnh, chữa bệnh; đẩy mạnh triển khai đề án bệnh viện vệ tinh, đề án bác sĩ

gia đình, khám chữa bệnh từ xa, chỉ đạo tuyến, chuyển giao kỹ thuật; tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế trên 90%.

Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, cơ bản khắc phục được tình trạng thiếu thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế; đảm bảo nguồn cung thuốc cho nhu cầu dự phòng, điều trị của nhân dân, kịp thời giải quyết hồ sơ đề nghị cấp phép nhập khẩu thuốc chưa có giấy đăng ký lưu hành đáp ứng nhu cầu điều trị đặc biệt và thuốc viện trợ, viện trợ nhân đạo, thuốc phòng chống dịch bệnh.

Tích cực tập huấn, truyền thông, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế, xây dựng các tiêu chí đánh giá chất lượng môi trường bệnh viện bổ sung vào Thông tư ban hành Bộ chỉ số cơ bản đánh giá chất lượng bệnh viện, thực hiện Bộ tiêu chí cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp, quản lý chất thải trong phòng, chống dịch COVID-19 trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

Tiếp tục tháo gỡ khó khăn và đẩy mạnh tiến độ triển khai điều trị đồng nhiễm HIV/VGC trên toàn quốc; Tích cực đẩy mạnh công tác phòng, chống HIV/AIDS trong các nhóm quần thể nguy cơ cao. Bộ Y tế trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 24/2023/QĐ-TTg ngày 22/9/2023 quy định điều kiện cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm HIV, nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.

Đẩy mạnh đánh giá các bệnh viện và phòng khám an toàn theo Bộ tiêu chí an toàn đã ban hành. Tiếp tục công tác chỉ đạo tuyến; chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện Bộ tiêu chí bệnh viện, phòng khám an toàn, công tác điều dưỡng tại một số cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Chấn chỉnh hoạt động chuyển người bệnh giữa cơ sở y tế.

Xây dựng Nghị định về y dược cổ truyền; Luật Y Dược cổ truyền; Đề án nâng cao năng lực quản lý nhà nước về y dược cổ truyền; Đề án phát triển các loại hình dịch vụ, sản phẩm y, dược cổ truyền phục vụ khách du lịch; Đề án xây dựng, sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Đề án kế thừa, phát triển kinh nghiệm khám chữa bệnh của các danh y và các phương pháp chữa bệnh dân gian bằng y học cổ truyền; Đề án phổ cập phương pháp điều trị không dùng thuốc bằng y dược cổ truyền tại tuyến y tế cơ sở. Bộ Y tế ban hành Thông tư số 12/2023/TT-BYT ngày 06/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 10/2022/TT-BYT.

Trình ban hành các cơ chế bảo đảm thuốc, trang thiết bị y tế: Bộ Y tế đã trình Chính phủ ban hành Nghị định 07/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 04/3/2023 về việc tiếp tục thực hiện các giải pháp để bảo đảm thuốc, trang thiết bị y tế; Thông tư số 06/2023/TT-BYT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư 08/2023/TT-BYT bãi bỏ văn bản quy phạm



pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, trong đó có Thông tư số 14/2020/TT-BYT quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư 14/2023/TT-BYT quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị tại các cơ sở y tế công lập.

Tiếp tục triển khai đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo phát triển nguồn nhân lực y tế; xây dựng chuẩn chương trình đào tạo các ngành trình độ đại học lĩnh vực sức khỏe và xây dựng, cập nhật các Chuẩn năng lực nghề nghiệp trình độ đại học. Tăng cường đào tạo, đưa bác sỹ trẻ về vùng khó khăn. Tăng cường năng lực nghiên cứu các lĩnh vực có thể mạnh như phòng chống dịch bệnh, ung thư, công nghệ sinh học, công nghiệp dược, vắc xin. Tiếp tục triển khai Dự án “Thí điểm đưa Bác sỹ trẻ tình nguyện về công tác tại miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (ưu tiên 62 huyện nghèo)” giai đoạn 2021-2030<sup>151</sup>. Mạng lưới các cơ sở đào tạo nhân lực y tế tiếp tục phát triển cả công lập và ngoài công lập, mở rộng các chuyên ngành đào tạo<sup>152</sup>.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đặc biệt trong lĩnh vực cấp phép lưu hành thuốc, trang thiết bị y tế<sup>153</sup>. Duy trì dịch vụ công cấp độ IV tất cả dịch vụ công của Bộ Y tế.

Ban hành Nghị quyết của Ban cán sự đảng Bộ Y tế về chuyển đổi số y tế đến năm 2025. Xây dựng Nghị định quy định quản lý dữ liệu về y tế, Thông tư thay thế Thông tư số 54/2017/TT-BYT ban hành Bộ Tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 46/2018/TT-BYT quy định hồ sơ bệnh án điện tử.

Xây dựng, triển khai phần mềm quản lý hồ sơ bệnh án điện tử tại các cơ sở y tế, cơ sở khám chữa bệnh; hình thành hạ tầng kỹ thuật của các nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa (VTelehealth), nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử (VHR) và bắt đầu triển khai tại các đơn vị, địa phương. Triển khai xây dựng chức năng kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Y tế.

### ***c) Phát triển thị trường lao động:***

Thị trường lao động tiếp tục được phục hồi, lực lượng lao động, số người có việc làm tiếp tục tăng so với năm trước. Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ

<sup>151</sup> Dự án đã tiếp nhận 278 bác sỹ tại 124 huyện thuộc 34 tỉnh khu vực miền núi phía Bắc, miền Trung, Tây nguyên, duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nam Bộ; đã tổ chức khai giảng 08 lớp đào tạo bác sỹ chuyên khoa cấp I tại Trường Đại học Y Hà Nội, Trường Đại học Y Dược Huế, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ và Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên.

<sup>152</sup> Cả nước có 175 cơ sở đào tạo nhân lực y tế, trong đó 66 cơ sở giáo dục đại học, 102 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, 7 Viện nghiên cứu có đào tạo tiến sĩ; trong đó theo phân cấp quản lý, Bộ Y tế quản lý 22 trường và Viện

<sup>153</sup> Theo tổng kết của Chính Phủ, Bộ Y tế đứng đầu các Bộ về số lượng thủ tục hành chính đã được cắt giảm với hơn 200 thủ tục chiếm tỷ lệ 26% tổng số thủ tục hành chính của tất cả các ngành, lĩnh vực.

tướng Chính phủ, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương tiếp tục thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030; triển khai thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập quốc tế và các giải pháp, chương trình đề án về lao động - việc làm. Các giải pháp kết nối cung - cầu lao động, nhất là kết nối thông tin về lao động - việc làm giữa các tỉnh có nguồn nhân lực dồi dào với các tỉnh, thành phố kinh tế trọng điểm, được tăng cường. Hệ thống thông tin thị trường lao động tiếp tục được quan tâm đầu tư, nhất là ứng dụng chuyển đổi số và công nghệ thông tin trong kết nối cung - cầu lao động; hiệu quả hoạt động của các Trung tâm dịch vụ việc làm tiếp tục được nâng cao. Các địa phương theo dõi chặt chẽ, nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kịp thời có những giải pháp phù hợp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, người sử dụng lao động trên địa bàn rà soát, thực hiện đúng các chế độ, chính sách cho người lao động; tăng cường tổ chức các phiên giao dịch việc làm, đặc biệt các phiên giao dịch việc làm chuyên đề theo từng loại lao động, cụm doanh nghiệp để nhanh chóng kết nối việc làm cho người lao động; đẩy mạnh giải ngân vốn cho vay giải quyết việc làm, thông qua Quỹ quốc gia về việc làm và nguồn huy động của Ngân hàng Chính sách xã hội .

Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp phục hồi và phát triển thị trường lao động đã mang lại những kết quả tích cực, giúp các khu công nghiệp, khu chế xuất, các vùng kinh tế trọng điểm cơ bản duy trì được lực lượng lao động ổn định, góp phần phục hồi, phát triển kinh tế đất nước sau đại dịch COVID-19; các chỉ số về lực lượng lao động, tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ lao động qua đào tạo, lao động có việc làm, thu nhập của người lao động cơ bản ổn định.

Tăng cường hiệu quả công tác quản lý, cấp giấy phép cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; trình Chính phủ ban hành Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; Hướng dẫn các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có sử dụng lao động nước ngoài thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Các giải pháp ổn định và phát triển thị trường lao động ngoài nước được đẩy mạnh; công tác tuyển chọn, đào tạo nguồn và đưa lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được tăng cường và quản lý chặt chẽ hơn; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động. Năm 2023 đã đưa 155 nghìn người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đạt 129% kế hoạch, tăng 8,55% so với năm 2022.

Về triển khai Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp (giai đoạn 2021-2030)”: Bộ Xây dựng đã tích cực phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện Đề án. Đến nay, trên địa bàn cả nước đã có 475 dự án nhà ở xã hội dành cho đối tượng thu nhập thấp và công nhân khu công nghiệp với quy mô 432.698 căn đã hoàn thành và triển khai đầu tư xây dựng, cụ thể như sau: Đã hoàn thành 46 dự án với quy mô 20.210 căn; Đã khởi công xây dựng 120 dự án với quy mô 120.066 căn; Ngoài các dự án đã được khởi công nêu trên, đã có 309 dự án với quy mô 292.422 căn được chấp thuận chủ trương đầu tư mới.

**d) Công tác bảo trợ, an sinh xã hội:**

Về chăm sóc người có công với cách mạng: Tiếp tục thực hiện hiệu quả Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 14/7/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng; triển khai Nghị định số 55/2023/NĐ-CP ngày 21/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1007/QĐ-TTg ngày 30/8/2023 phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Công tác chăm sóc người có công với cách mạng được quan tâm thực hiện hiệu quả. Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, huy động nguồn lực xã hội chăm lo đời sống người có công với cách mạng được đẩy mạnh. Công tác thăm hỏi, tặng quà người có công với cách mạng nhân dịp tết Nguyên đán Quý Mão và kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ được thực hiện kịp thời, đầy đủ, đến đúng đối tượng. Đặc biệt, ngày 22/7/2023, Bộ LĐTBXH đã phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Báo Nhân dân và UBND tỉnh Thừa Thiên Huế tổ chức Hội nghị biểu dương người có công với cách mạng tiêu biểu toàn quốc năm 2023. Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách trợ cấp thường xuyên cho 1.138.816 đối tượng với kinh phí thực hiện cả năm khoảng 29.000 tỷ đồng; trợ cấp một lần cho 2.332 người với tổng kinh phí 100 tỷ đồng. Thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ cấp bằng Tổ quốc ghi công<sup>154</sup>; tiếp nhận hơn 3.500 mẫu hài cốt liệt sĩ để giám định ADN.

Nâng cao hiệu quả công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng. Tính đến ngày 20/11/2023, Quỹ Đền ơn đáp nghĩa cả nước vận động được trên 600 tỷ đồng, hỗ trợ xây mới khoảng 4.700 nhà tình nghĩa, sửa chữa khoảng 3.500 nhà tình nghĩa với tổng kinh phí trên 580 tỷ đồng; tặng 10.500 sổ

<sup>154</sup> Cấp mới 69 bằng Tổ quốc ghi công; cấp lại 4.708 bằng Tổ quốc ghi công; cấp trích lục 80 hồ sơ liệt sĩ.

tiết kiệm với kinh phí trên 27 tỷ đồng; cả nước có 2.950 Bà mẹ Việt Nam anh hùng còn sống được các tổ chức, cá nhân nhận chăm sóc, phụng dưỡng suốt đời. Ngân sách trung ương chi 600 tỷ đồng nâng cấp, tu bổ, sửa chữa mộ liệt sĩ, các công trình ghi công liệt sĩ cho các địa phương đảm bảo bền vững lâu dài, phát huy tính giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ.

*Về bảo trợ xã hội:* Tiếp tục tập trung nghiên cứu xây dựng đề cương đề án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Người cao tuổi và đề án sửa đổi, bổ sung Luật Người khuyết tật; xây dựng dự thảo và hồ sơ trình Chính phủ Nghị định về công tác xã hội; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 966/QĐ-TTg ngày 17/8/2023 phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Tăng cường triển khai thực hiện Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030 theo Quyết định 1579/QĐ-TTg ngày 13/10/2020.

Thực hiện chính sách trợ cấp xã hội hàng tháng cho 3,356 triệu đối tượng bảo trợ xã hội<sup>155</sup> và 349 nghìn hộ gia đình, cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng hàng tháng.

Theo dõi sát tình hình, diễn biến thiên tai, dịch bệnh, rà soát, thống kê tình hình thiệt hại, số hộ, số khẩu bị thiệt hại, người chết, mất tích hoặc bị thương, các hộ có nhà đổ, sập, trôi có nguy cơ thiếu đói trên địa bàn do ảnh hưởng của mưa, bão, nhất là các hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số; chủ động huy động nguồn lực địa phương để hỗ trợ kịp thời cho người dân.

Công tác chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm. Tiếp tục phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội; đến nay cả nước đã thành lập được 425 cơ sở (195 cơ sở công lập và 230 cơ sở ngoài công lập)<sup>156</sup> nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ trợ giúp xã hội của đối tượng cần trợ giúp xã hội. Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác xã hội<sup>157</sup>. Các tỉnh, thành phố từng bước chuyển đổi hệ thống các cơ sở bảo trợ xã hội sang hoạt động theo mô hình cung cấp dịch vụ công tác xã hội đối với người già, người tâm thần, bảo vệ trẻ em, trợ giúp người khuyết tật phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

#### ***đ) Phát triển hệ thống chính sách xã hội toàn diện, bao trùm và bền vững***

Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, trung ương và địa phương tích cực, chủ động thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm phát triển tỷ lệ người tham gia BHXH, BHYT, BHTN. Chủ động xử

<sup>155</sup> Trong đó 1.424.733 người cao tuổi, 1.584.301 người khuyết tật, 16.395 trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng, 83.096 người đơn thân nghèo, cận nghèo đang nuôi con, 137.131 trẻ em dưới 3 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, 90.611 đối tượng khác.

<sup>156</sup> Trong đó, có 46 cơ sở chăm sóc người cao tuổi, 73 cơ sở chăm sóc người khuyết tật, 149 cơ sở chăm sóc trẻ em, 102 cơ sở tổng hợp, 32 cơ sở chăm sóc người tâm thần và 23 trung tâm công tác xã hội.

<sup>157</sup> Tổng số cán bộ, nhân viên công tác xã hội hiện đang làm việc tại các cơ sở trợ giúp xã hội và mạng lưới tại cấp xã khoảng 35.000 người.

lý, khắc phục những vướng mắc trong quá trình thực hiện, tạo điều kiện cho người dân và DN tham gia BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy trình, quy định...

Tập trung hoàn thiện Hồ sơ Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi), trình Chính phủ ban hành Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29/6/2023 về điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng; hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 24/4/2023 về việc phê duyệt Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Đại Hàn Dân Quốc về bảo hiểm xã hội... Công tác phát triển đối tượng tham gia BHXH tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực. Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách BHXH, BHTN.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 16/8/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp; Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03/9/2019 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ; hỗ trợ, kiện toàn hệ thống giải quyết tranh chấp lao động; chỉ đạo các cơ quan lao động tại địa phương nắm tình hình tiền lương, quan hệ lao động, hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ cho người lao động, nhất là những lao động bị giảm giờ làm, mất việc làm do doanh nghiệp bị giảm đơn hàng, thu hẹp sản xuất, kinh doanh; triển khai các hoạt động của Ủy ban quan hệ lao động và Hội đồng tiền lương quốc gia, trong đó tăng cường các hoạt động tham vấn, trao đổi về chính sách lao động, tiền lương, quan hệ lao động và các vấn đề phát sinh về quan hệ lao động thông qua cơ chế ba bên, góp phần bảo đảm đời sống của người lao động, duy trì quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính tham gia xây dựng cơ chế quản lý tài chính quỹ BHXH, BHYT, BHTN và chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN thay thế Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg và Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg. Ban hành Chỉ thị về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý tài chính, tài sản Ngành BHXH Việt Nam, trong đó đề ra các nhiệm vụ, giải pháp để nâng cao hơn nữa chất lượng công tác tài chính, tài sản, kế toán trong toàn Ngành. Tổ chức chi trả đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ cho người hưởng bảo hiểm đảm bảo thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã phối hợp với Ngành y tế đề xuất với Quốc hội, Chính phủ ban hành các chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong mua sắm, đấu thầu, quản lý và sử dụng thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế, đảm bảo cung ứng thuốc, vật tư trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh BHYT. Kịp thời báo cáo Chính phủ, các bộ, ngành liên quan và đề xuất phương án giải

quyết vượng mắc trong thực hiện BHXH bắt buộc, BHYT, BHTN đối với chủ hộ kinh doanh cá thể.

***e) Về bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ:***

*Triển khai thực hiện các chương trình, đề án về bảo vệ, chăm sóc trẻ em;* hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương về công tác trẻ em năm 2023. Ban hành Quy chế phối hợp số 2236/QCPH-LĐTDXH-GDDT-YT-CA ngày 16/6/2023 giữa Bộ LĐTBXH, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Công an về phối hợp phòng, chống bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em. Tiếp tục triển khai kết nối Cơ sở dữ liệu trẻ em vào cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; triển khai thu thập thông tin về tình hình trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em. Kịp thời chỉ đạo và kiến nghị giải quyết các vấn đề thực hiện quyền trẻ em và các vụ việc xâm hại trẻ em; tổ chức Diễn đàn trẻ em quốc gia lần thứ VII.

Công tác phòng, chống xâm hại trẻ em, phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em, phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới được tăng cường; bảo đảm duy trì các dịch vụ trợ giúp xã hội và kịp thời phát hiện, giải quyết, thông tin về các vấn đề, vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em và liên quan đến quyền trẻ em.

Huy động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, tính đến nay Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam vận động được 110 tỷ đồng; hỗ trợ trực tiếp cho 68.011 lượt trẻ em với kinh phí 50,605 tỷ đồng; hỗ trợ gián tiếp (hàng hoá) cho 57.489 lượt trẻ em với kinh phí 48,485 tỷ đồng.

Ước thực hiện năm 2023, duy trì tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em đạt 57%; tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng dân số trẻ em giảm xuống còn 6,7%, đạt mục tiêu.

*Về bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ:* Tiếp tục hoàn thiện thể chế, xây dựng chính sách, pháp luật về bình đẳng giới; tham gia góp ý, lồng ghép giới vào dự thảo một số văn bản quy phạm pháp luật và các chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH); hoàn thiện Báo cáo tổng kết đánh giá 15 năm thi hành Luật Bình đẳng giới và nghiên cứu, đề xuất xây dựng hồ sơ đề nghị sửa đổi Luật Bình đẳng giới; hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ năm 2023 tập trung triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm: Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030; Chương trình phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025; Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030; đẩy mạnh truyền thông, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bình đẳng giới; nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về bình đẳng giới và công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức một số hoạt động nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Triển khai các hoạt động hợp tác về bình đẳng giới trong khuôn khổ các hợp tác đa phương

và song phương ở cấp quốc tế và khu vực: Tham dự Khoá họp thường niên lần thứ 67 của Ủy ban Địa vị Phụ nữ Liên hợp quốc tại Hoa Kỳ tháng 3/2023 với chủ đề: “Đổi mới, công nghệ và giáo dục trong thời đại kỹ thuật số để đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái”; tham dự Hội nghị Phụ nữ thượng đỉnh toàn cầu tại các Tiêu vương quốc Ả - rập Thống nhất (UAE)...

*Về công tác gia đình:* Ngày 01 tháng 11 năm 2023 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 76/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các hoạt động kỷ niệm Ngày Gia đình Việt Nam 28/6; nhiệm vụ về trẻ em, người cao tuổi và bình đẳng giới trong gia đình năm 2023; Xây dựng Kế hoạch nghiên cứu, đề xuất thử nghiệm dịch vụ công về giáo dục kiến thức, kỹ năng xây dựng gia đình hạnh phúc trước khi kết hôn; Nghiên cứu, xây dựng thí điểm bộ chỉ số gia đình hạnh phúc; triển khai thực hiện nghiên cứu, đề xuất thử nghiệm dịch vụ công về giáo dục kiến thức, kỹ năng xây dựng gia đình hạnh phúc trước khi kết hôn tại thành phố Hải Phòng và tỉnh Bình Dương; Nghiên cứu, xây dựng thí điểm bộ chỉ số gia đình hạnh phúc tại thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Yên Bái; Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác gia đình cấp tỉnh và một số cơ quan, đơn vị liên quan tại hai miền Nam, Bắc;...

#### **g) Về phòng, chống tệ nạn xã hội**

Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội nghiên cứu xây dựng Đề án báo cáo Chính phủ trình Quốc hội bổ sung kinh phí đầu tư và vốn sự nghiệp để hỗ trợ các địa phương nâng cấp, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị của cơ sở cai nghiện ma túy theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy năm 2021; xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi phù hợp thu hút, hỗ trợ người làm công tác cai nghiện ma túy trong các cơ sở cai nghiện ma túy công lập theo khoản 4 Điều 3 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021. Nghiên cứu, xây dựng thí điểm các mô hình cai nghiện và các mô hình hỗ trợ người sau cai nghiện ma túy. Tăng cường công tác tuyên truyền về cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy theo tinh thần Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 16/8/2019 của Bộ Chính trị<sup>158</sup>.

Tiếp tục rà soát, đánh giá và đề xuất hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm; thực hiện các nghiên cứu nhằm đưa ra những đề xuất sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm; kiện toàn và ban hành quy chế làm việc của Tổ công tác liên ngành phòng, chống mại dâm Trung ương; chỉ đạo tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đấu tranh với các vi phạm pháp luật về phòng, chống tệ nạn mại dâm theo quy định của pháp luật hiện hành; ban hành Bộ chỉ số giám sát, quy trình kiểm tra và đánh giá thực hiện Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2021-2025; hướng dẫn lồng ghép Chương trình phòng, chống mại dâm với các chương trình có liên quan tại địa bàn cơ sở; nghiên

<sup>158</sup> Về tăng cường nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy.

cứu, hoàn thiện Hướng dẫn xây dựng Mô hình cung cấp dịch vụ hỗ trợ xã hội, hòa nhập cộng đồng đối với người bán dâm; xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổng kết 10 năm (2014-2023) thi hành pháp luật về phòng, chống mại dâm.

Tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành liên quan trong việc xây dựng và hoàn thiện Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi), ban hành Kế hoạch thực hiện khuyến nghị tại báo cáo về tình hình mua bán người trên thế giới (TIP). Tăng cường công tác tuyên truyền về hỗ trợ nạn nhân bị mua bán, đặc biệt là vùng sâu vùng xa. Thực hiện thí điểm mô hình hỗ trợ hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân bị mua bán tại 3 tỉnh: Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình. Thực hiện công tác tiếp nhận thông tin, thông báo về nạn nhân bị mua bán người tới Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em cần hỗ trợ; xử lý thông tin, tư vấn, chuyển tuyến các trường hợp là nạn nhân hoặc nghi là nạn nhân bị mua bán.

## **9. Giữ vững độc lập, chủ quyền thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội**

### *a) Về công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh*

Thường xuyên nắm chắc, dự báo đúng tình hình, tham mưu chiến lược với Đảng, Nhà nước xử lý linh hoạt, hiệu quả các tình huống về quân sự, quốc phòng, không để bị động, bất ngờ, nhất là chủ trương, đối sách chiến lược bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới, biển, đảo và tác động từ xung đột quân sự Nga - Ucraina; Phát huy sức mạnh tổng hợp, huy động hiệu quả các nguồn lực, xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Bộ Quốc phòng chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ với các ban, bộ, ngành trung ương, địa phương triển khai sâu rộng, hiệu quả các chiến lược, đề án, hệ thống pháp luật về quân sự, quốc phòng; tích cực nghiên cứu, đề xuất một số chủ trương, chính sách mới về tăng cường tiềm lực quốc phòng kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn trọng điểm; chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ với các địa phương xây dựng và tổ chức hoạt động phòng thủ quân khu, khu vực phòng thủ các cấp; điều chỉnh quy hoạch tổng thể để bố trí chiến lược quốc phòng phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trên từng địa bàn và phạm vi cả nước; đẩy mạnh xây dựng và phát triển các khu kinh tế - quốc phòng trên đất liền, biển, đảo; phát huy tinh thần xung kích, sáng tạo của doanh nghiệp quân đội trong sản xuất kinh doanh, nhất là nghiên cứu, sản xuất một số sản phẩm lưỡng dụng đóng góp hiệu quả cho nền kinh tế quốc dân, bảo đảm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, hoàn thành nhiệm vụ quân sự, quốc phòng. Quản lý, sử dụng chặt chẽ đất quốc phòng; chuyển giao cho địa phương 71 điểm đất quốc phòng, 234,26 ha phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đúng pháp luật. Trình Quốc hội thông qua dự án Luật phòng thủ dân sự, Luật quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng, khu quân sự, Luật công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp đảm bảo chất lượng. Chủ động tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ khảo sát và xây dựng đường Tuần tra biên giới, đường Trường



Son Đông.

Ngành quốc phòng phát huy tốt vai trò nòng cốt, đi đầu trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, ứng phó sự cố, tìm kiếm cứu nạn. Chủ động xây dựng phương án, chuẩn bị lực lượng, phương tiện, duy trì thực hiện nghiêm các chế độ ứng trực; phối hợp chặt chẽ với các cấp, xử lý kịp thời các tình huống cứu hộ, cứu nạn. Chủ động phương án, kịp thời điều động bộ đội, dân quân tự vệ, phương tiện khắc phục hậu quả mưa lũ, sạt lở đất tại các tỉnh miền núi phía Bắc và miền Trung; tổ chức lực lượng tham gia hỗ trợ Thổ Nhĩ Kỳ khắc phục hậu quả động đất, được cộng đồng quốc tế ghi nhận, đánh giá cao.

Công tác quốc phòng ở bộ, ngành, địa phương và giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quân sự, quốc phòng được triển khai đồng bộ, thiết thực, hiệu quả. Duy trì nghiêm túc sẵn sàng chiến đấu, quản lý chặt chẽ vùng trời, vùng biển, biên giới, nội địa, không gian mạng; tăng cường lực lượng, phương tiện tuần tra, trinh sát, kiểm soát hoạt động của nước ngoài trên Biển Đông, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo và hoạt động kinh tế biển. Tăng cường kiểm soát xuất nhập cảnh trái phép tại địa bàn biên giới, biển đảo; kiên quyết, kiên trì, linh hoạt đấu tranh xua đuổi tàu nước ngoài xâm phạm vùng biển Việt Nam; tuyên truyền, quyết liệt ngăn chặn khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo, không theo quy định (IUU); tích cực tuyên truyền, phổ biến pháp luật, đấu tranh phòng, chống tội phạm trên biển, biên giới, triệt phá nhiều vụ ma túy lớn; tích cực triển khai khắc phục hậu quả bom, mìn và xử lý dioxin tại sân bay A So và sân bay Biên Hòa.

Thực hiện các hoạt động hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng theo kế hoạch, linh hoạt, hiệu quả góp phần củng cố tin cậy chiến lược, giữ thế cân bằng trong quan hệ đối ngoại, thúc đẩy xu thế hòa bình, ngăn ngừa, hóa giải nguy cơ chiến tranh, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Tăng cường hợp tác với Trung Quốc, Lào, Campuchia trong quản lý, bảo vệ biên giới. Tổ chức thành công Giao lưu hữu nghị quốc phòng biên giới Việt Nam – Lào – Campuchia lần thứ nhất; Giao lưu sĩ quan trẻ Biên phòng Việt Nam – Lào; dự đối thoại Shangri La lần thứ 20; Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN lần thứ 17 và các cuộc đối thoại, điện đàm, hội đàm, trao đổi với lãnh đạo Bộ Quốc phòng các nước. Tích cực tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên Hợp quốc (năm 2023, tiếp tục triển khai Đội Công binh số 2, Bệnh viện dã chiến cấp 2 số 5 đi làm nhiệm vụ); đẩy mạnh hợp tác quốc tế và khắc phục hậu quả chiến tranh, xử lý chất độc dioxin, rà phá bom, mìn.

#### *b) Về công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội*

Ngành công an cũng đã tham mưu tích cực trong chỉ đạo công tác đảm bảo an ninh, trật tự. Đã tham mưu trong ứng xử với các nước lớn, các nước láng giềng trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược nước lớn diễn ra gay gắt; các biện pháp bảo đảm an ninh chủ quyền biển, đảo trong bối cảnh tình hình Biển Đông diễn biến phức tạp. Tham mưu, đề xuất các chủ trương, giải pháp xử lý kịp thời, hiệu quả nhiều vấn đề

cấp bách, quan trọng về bảo đảm an ninh, trật tự, an ninh kinh tế, phòng chống tội phạm, phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông.

Tăng cường công tác an ninh chính trị nội bộ, an ninh thông tin truyền thông, an ninh mạng, thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ bí mật nhà nước. Tập trung đấu tranh, ngăn chặn âm mưu, ý đồ lợi dụng báo chí để tuyên truyền “tự do báo chí”; tiếp tục đẩy mạnh, kiên trì công tác giám sát, xử lý thông tin xấu độc, tuyên truyền chống phá Đảng, nhà nước trên không gian mạng. Bằng nhiều biện pháp đấu tranh đồng bộ, cứng rắn, quyết liệt từ pháp lý, kinh tế, kỹ thuật, truyền thông,... đã buộc các nền tảng xuyên biên giới từ Facebook, Google, Tiktok phải đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của Chính phủ Việt Nam.

Triển khai đồng bộ, quyết liệt, có hiệu quả các mặt công tác bảo đảm an ninh xã hội, an ninh dân tộc, tôn giáo. Tham mưu cấp ủy, chính quyền các cấp giải quyết kịp thời các vụ khiếu kiện phức tạp, kéo dài không để hình thành “điểm nóng” về an ninh trật tự. Tăng cường công tác quản lý cư trú, nhập cảnh, xuất cảnh, quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Công tác bảo đảm an ninh các địa bàn chiến lược Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ được tăng cường.

Công tác phòng chống tội phạm đạt và vượt chỉ tiêu Quốc hội đề ra. Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 27/5/2023 về tăng cường phòng ngừa, đấu tranh tội phạm, vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động tổ chức đánh bạc và đánh bạc; Quyết định số 64/QĐ-TTg ngày 8/2/2023 về Quy chế phối hợp giữa các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong công tác phòng, chống tội phạm rửa tiền và tài trợ khủng bố. Mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp, truy nã tội phạm theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; kịp thời giải quyết những vấn đề phức tạp nổi lên trên các tuyến, địa bàn trọng điểm. Đã điều tra, khám phá 44.733 vụ phạm tội về trật tự xã hội, đạt tỷ lệ 77,01% (cao hơn chỉ tiêu Quốc hội đề ra là 2,01%).

Thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 25/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong tình hình mới, ngành công an đã triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, tập trung xử lý vi phạm theo 05 nhóm vấn đề (nồng độ cồn, ma túy, chở quá tải, coi nói thành, thùng xe, vi phạm tốc độ). Ban hành Nghị định số 39/2023/NĐ-CP ngày 26/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Nghị quyết số 73/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về thí điểm đấu giá biển số xe ô tô; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

Về công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 19/4/2023 về tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy trong tình hình mới; Quyết định số 819/QĐ-TTg ngày 07/7/2023 phê duyệt Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn

đến năm 2050 và nhiều văn bản chỉ đạo công tác phòng cháy, chữa cháy. Tổ chức tổng rà soát toàn quốc các cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy, chữa cháy, kiên quyết xử lý các vi phạm, các tổ chức, cá nhân, trách nhiệm người đứng đầu vi phạm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy. Tập trung tháo gỡ, khó khăn, vướng mắc trong công tác thẩm định, nghiệm thu tiêu chuẩn, quy chuẩn về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ. Xây dựng, nhân rộng mô hình Tổ liên gia an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại địa bàn cơ sở.

**10. Triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước và nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế**

Ngày 09/1/2023, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 34-NQ/TW về một số định hướng, chủ trương lớn triển khai đường lối đối ngoại Đại hội XIII. Trên cơ sở đó, công tác đối ngoại trong năm 2023 tiếp tục được triển khai đồng bộ, hiệu quả, góp phần củng cố và phát triển cục diện đối ngoại thuận lợi, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; tranh thủ các nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam.

**a) Công tác chính trị đối ngoại và hội nhập quốc tế:**

Trong bối cảnh tình hình quốc tế nhiều biến động, nước ta tiếp tục giữ vững độc lập, tự chủ, xử lý cân bằng, hài hòa; duy trì phát triển quan hệ ổn định với các đối tác chủ chốt; tiếp tục được mở rộng và làm sâu sắc, với trọng tâm là các nước láng giềng, các nước lớn, các nước Đông Nam Á, các đối tác quan trọng và bạn bè truyền thống. Các hoạt động đối ngoại của Lãnh đạo chủ chốt với các nước láng giềng, các nước lớn và bạn bè truyền thống đã tạo bước chuyển quan trọng trong các mối quan hệ, góp phần tạo dựng cục diện đối ngoại thuận lợi, gia tăng tin cậy chính trị, giải quyết các vướng mắc, tạo động lực thúc đẩy quan hệ. Trong năm 2023, nước ta đã thực hiện đón chuyển thăm cấp Nhà nước của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Trung Quốc Tập Cận Bình và Tổng thống Mỹ Joe Biden. Trong đó, chuyến thăm của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tập Cận Bình là sự kiện chính trị có ý nghĩa đặc biệt, là dấu mốc quan trọng trong lịch sử quan hệ hai nước, góp phần củng cố tin cậy chính trị, tăng cường quan hệ giữa lãnh đạo cao nhất của hai Đảng, hai nước và Ban Lãnh đạo hai nước, củng cố nền tảng chính trị hết sức quan trọng cho sự ổn định và phát triển lâu dài, bền vững của quan hệ Việt Nam - Trung Quốc. Chuyến thăm của Tổng thống Joe Biden góp phần mở ra một giai đoạn lịch sử mới với khuôn khổ rộng mở và động lực mới cho hợp tác hai nước trên nhiều lĩnh vực, nhất là kinh tế-thương mại, khoa học-công nghệ

Khuôn khổ quan hệ với 30 đối tác chiến lược và đối tác toàn diện được củng cố với việc tiếp tục làm sâu sắc, nâng tầm quan hệ với Trung Quốc, quan hệ với Mỹ lên Đối tác chiến lược toàn diện và hướng tới nâng cấp khuôn

khô quan hệ với một số đối tác lớn, quan trọng khác. Quan hệ đối ngoại tiếp tục được mở rộng, thiết lập quan hệ ngoại giao với Bahamas (01/2023), Trinidad & Tobago (02/2023) và Tonga (9/2023), đưa tổng số quốc gia có quan hệ ngoại giao với Việt Nam lên 193.

Tiếp tục thể hiện tốt vai trò thành viên của cộng đồng quốc tế, tại các diễn đàn đa phương, Việt Nam đã tham gia, có nhiều đóng góp tích cực, đề xuất giải pháp cho các vấn đề toàn cầu, tranh thủ được sự ủng hộ, hỗ trợ của các đối tác. Cụ thể, đã tham dự Diễn đàn Vành đai Con đường lần thứ 3 tại Trung Quốc, Tuần lễ cấp cao Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương tại Mỹ, Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 42 và 43, Hội nghị Cấp cao lần thứ 4 Ủy hội sông Mê Công, Hội nghị Thượng đỉnh G7 mở rộng, Hội nghị thường niên các nhà tiên phong của Diễn đàn Kinh tế thế giới, Hội chợ Trung Quốc - ASEAN và Hội nghị Thượng đỉnh thương mại - đầu tư Trung Quốc - ASEAN, Phiên thảo luận chung cấp cao khóa 78 Đại hội đồng Liên hợp quốc, Hội nghị Cấp cao ASEAN - GCC, Đại hội đồng AIPA - 44, Hội nghị COP 28, Hội nghị Cấp cao Kỷ niệm 50 năm quan hệ ASEAN - Nhật Bản... Tại các diễn đàn này, Việt Nam đã nêu nhiều đề xuất, sáng kiến về đoàn kết và phát huy vai trò trung tâm, thúc đẩy duy trì lập trường chung của ASEAN; nêu bật cách tiếp cận toàn dân, toàn diện, toàn lưu vực trong hợp tác tiểu vùng; thúc đẩy hợp tác giữa các nước phát triển và đang phát triển để giải quyết các vấn đề chung; đưa thương mại, đầu tư ASEAN - Trung Quốc lên tầm cao mới, hướng tới xây dựng một “Trung tâm tăng trưởng kinh tế ở khu vực”. Tại các cơ chế Liên hợp quốc, Việt Nam đảm nhiệm thành công nhiệm kỳ Phó Chủ tịch Đại hội đồng, thành viên Hội đồng Nhân quyền... Đồng thời, Việt Nam đã xử lý cân bằng, hài hòa nhiều vấn đề quốc tế phức tạp như xung đột Israel - Hamas, Nga - Ukraine, Myanmar... tại các diễn đàn đa phương trên cơ sở lập trường, nguyên tắc nhất quán, bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc, thể hiện được sự cân bằng, xây dựng, có trách nhiệm.

Trong ASEAN, Việt Nam tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các nước thành viên đẩy mạnh nỗ lực xây dựng Cộng đồng ASEAN đoàn kết, tự cường, phát triển, phục vụ lợi ích của người dân, bao gồm việc hoàn tất triển khai Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 trên cả ba trụ cột và xây dựng Tầm nhìn 2045. Việt Nam tham gia và đóng góp tích cực cho nhiều cơ chế, diễn đàn đa phương như APEC, ASEM, WTO, WEF, hợp tác Mê Công ... nhằm làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, thúc đẩy lợi ích, huy động nguồn lực cho phát triển bền vững và bao trùm; tổ chức thành công Diễn đàn Bộ trưởng OECD - Đông Nam Á trên cương vị Đồng chủ tịch Chương trình Đông Nam Á của OECD giai đoạn 2022 – 2025. Việt Nam lần thứ 03 tham dự Hội nghị thượng đỉnh G7 mở rộng và tham gia đàm phán, công bố Tuyên bố Hiroshima về an ninh lương thực toàn cầu với G7 và các nước đối tác. Vai trò và đóng góp trách nhiệm của Việt Nam trong nhiều lĩnh vực an ninh phi truyền thống, đặc biệt về bảo đảm an ninh lương thực toàn cầu. Trong một số lĩnh

vực mới, Việt Nam tích cực tham gia xây dựng luật chơi, thảo luận thực chất, thúc đẩy tăng cường năng lực quốc gia, thúc đẩy hợp tác quốc tế, đặc biệt về an ninh mạng, đa dạng sinh học tại các cơ chế trong khuôn khổ Liên Hợp quốc. Tiếp tục thúc đẩy hoạt động thường xuyên của Nhóm Bạn bè của UNCLOS tại Liên Hợp quốc; tham gia tích cực tại Ủy ban Liên Hợp quốc về Luật Thương mại quốc tế.

Giữ vững lập trường pháp lý của Việt Nam trong vấn đề Biển Đông. Đồng thời, Bộ Ngoại giao đã tăng cường thúc đẩy quan hệ hợp tác với các đối tác có thể mạnh trong lĩnh vực đào tạo, nâng cao năng lực pháp lý, thực thi pháp luật trên biển và khoa học - công nghệ biển; các hoạt động kinh tế biển, đặc biệt về dầu khí và năng lượng. Ta đạt tiến triển quan trọng trong phê chuẩn các văn kiện liên quan đến Hiệp định phân định vùng đặc quyền kinh tế với Indonesia, thúc đẩy xây dựng COC.

Công tác quản lý, bảo vệ, thúc đẩy hợp tác phát triển biên giới đạt nhiều kết quả. Với Trung Quốc, cơ chế Ủy ban liên hợp biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc phát huy tốt, góp phần xử lý cơ bản ổn thỏa các sự kiện phát sinh. Với Lào, hai bên phối hợp khai trương lối mở Nậm Đích (Điện Biên) - Huổi-hĩa (Phông-sa-lỳ). Với Campuchia, hai bên tích cực giải quyết tình trạng sạt lở bờ sông tại các địa phương biên giới; khai trương cửa khẩu quốc tế đường bộ và đường sông Vĩnh Xương (An Giang) - Kaom Samnor (Kandal).

#### ***b) Công tác ngoại giao kinh tế:***

Quán triệt tinh thần và chỉ đạo của Ban Bí thư tại Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 10/8/2022 về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước đến năm 2030, Bộ Ngoại giao đã khẩn trương phối hợp với các bộ, ngành liên quan tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 20/2/2023 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn 2022-2026 thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW.

Ngoại giao kinh tế đã trở thành nội dung trọng tâm trong các hoạt động đối ngoại cấp cao. Bộ Ngoại giao đã phối hợp với các bộ, ngành tổ chức hiệu quả các hoạt động đối ngoại, góp phần làm sâu sắc quan hệ kinh tế với các đối tác, tranh thủ tối đa các nguồn lực và duy trì cục diện đối ngoại thuận lợi cho phát triển đất nước. Hợp tác kinh tế trở thành nội dung trọng tâm của các hoạt động đối ngoại cấp cao và các cấp, đạt các kết quả cụ thể, thực chất với nhiều thỏa thuận hợp tác kinh tế được ký kết. Các khung khổ quan trọng, cần thiết để triển khai hiệu quả công tác ngoại giao kinh tế tiếp tục được củng cố và hoàn thiện. Các khuôn khổ hợp tác mới mang tính đột phá đã được thiết lập như: Đối tác Chiến lược Toàn diện Việt Nam – Hoa Kỳ, Đối tác kinh tế số, kinh tế xanh với Singapore, ODA thế hệ mới với Nhật Bản, Đối tác chiến lược về tài chính xanh với Luxembourg, MOU hợp tác với WEF giai đoạn 2023-2026...

Tích cực kết nối hợp tác giữa các địa phương với các đối tác quốc tế; đẩy mạnh hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực đối ngoại cho đội ngũ cán bộ địa phương.

Bộ Ngoại giao và các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đã triển khai nhiều hoạt động nhằm đẩy mạnh hỗ trợ phục hồi ngành du lịch; tăng cường các cuộc họp giao ban ngoại giao kinh tế định kỳ với các ngành gặp khó khăn như dệt may, da giày, gỗ và lâm sản, dược phẩm... và tham mưu các định hướng, giải pháp tháo gỡ khó khăn trước mắt và mở rộng thị trường xuất khẩu trong dài hạn.

Bộ Ngoại giao tích cực thúc đẩy triển khai và hỗ trợ thiết lập các khuôn khổ hợp tác, liên kết kinh tế quốc tế, góp phần tích cực tháo gỡ các vướng mắc, bao gồm các rào cản kỹ thuật thương mại với một số ngành hàng của Việt Nam và bảo đảm đầu ra cho sản phẩm xuất khẩu, góp phần củng cố an ninh kinh tế quốc gia. Bộ Ngoại giao đã phối hợp với Bộ Công Thương, các bộ, ngành liên quan thúc đẩy triển khai hiệu quả các FTA đã ký kết; hoàn tất đàm phán FTA với Israel (tháng 07/2023) và tiếp tục thúc đẩy đàm phán FTA với các đối tác tiềm năng (MERCOSUR, EFTA, UAE...); tham gia đàm phán nội dung Khuôn khổ Kinh tế Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương (IPEF). Trong các cơ chế CPTPP, RCEP, Bộ Ngoại giao đã phối hợp giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh liên quan tới đơn xin gia nhập của một số quốc gia.

### ***c) Công tác ngoại giao văn hóa và thông tin đối ngoại:***

Công tác UNESCO đạt nhiều kết quả khích lệ với việc chủ động tham gia trách nhiệm vào các lĩnh vực chuyên môn của tổ chức, bảo đảm lợi ích quốc gia, góp phần hội nhập sâu rộng về văn hóa, giáo dục, khoa học, đồng thời tận dụng các nguồn lực hỗ trợ hiệu quả công cuộc phát triển bền vững đất nước. Việt Nam đã trúng cử Phó Chủ tịch Ủy ban Liên Chính phủ Công ước 2005 về bảo vệ và phát huy sự đa dạng các biểu đạt văn hóa đại diện cho khu vực châu Á – Thái Bình Dương<sup>159</sup>; được bầu làm Phó Chủ tịch đại diện cho khu vực châu Á- Thái Bình Dương<sup>160</sup>. Hiện nay, Việt Nam đang tích cực triển khai kế hoạch vận động nước rút các ứng cử của Việt Nam trở thành thành viên Ủy ban di sản thế giới nhiệm kỳ 2023-2027. Việt Nam đã vận động thành công 07 danh hiệu UNESCO, nâng tổng số đạt 63 danh hiệu UNESCO tại Việt Nam. Bộ Ngoại giao đã tích cực triển khai kế hoạch vận động các nước ủng hộ và đã trúng cử thành viên Ủy ban Di sản thế giới nhiệm kỳ 2023-2027 với 121 phiếu ủng hộ, cao nhất trong nhóm châu Á – Thái Bình Dương tại Kỳ họp Đại hội đồng lần thứ 24 Công ước Bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới vào ngày 22/11/2023.

Công tác thông tin, tuyên truyền đấu tranh dư luận tiếp tục được triển khai hiệu quả. Bộ Ngoại giao đã xây dựng và triển khai hơn 90 Đề án/ Kế hoạch tuyên truyền phục vụ các hoạt động cấp cao; thu xếp, chuẩn bị nội dung trả lời cho hơn 70 cuộc phỏng vấn của Lãnh đạo cấp cao, Lãnh đạo Bộ Ngoại giao; phát gần 880 tin đối nội, đối ngoại cho báo chí. Đã hoàn thành xây dựng Kế hoạch triển khai

<sup>159</sup> Tại Kỳ họp lần thứ 16 UBLCP Công ước tại Paris, Pháp vào tháng 2/2023

<sup>160</sup> Tại Kỳ họp lần thứ 42 Đại hội đồng UNESCO tại Paris, Pháp vào tháng 11/2023

thực hiện Đề án “Nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tới năm 2030” và trình Thủ tướng Chính phủ Đề án tổng thể mới về việc tuyên truyền bảo vệ chủ quyền của Việt Nam ở Biển Đông tới năm 2030”. Bên cạnh đó, luôn chủ động, kịp thời thông tin quan điểm, lập trường của Việt Nam về các vấn đề trong nước và quốc tế dư luận quan tâm; đấu tranh, phản bác các thông tin sai lệch về tình hình Việt Nam, nhất là các vấn đề liên quan đến chủ quyền lãnh thổ, biển đảo, dân chủ, nhân quyền...

#### ***d) Công tác người Việt Nam ở nước ngoài và bảo hộ công dân***

Bộ Ngoại giao đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1334/QĐ-TTg ngày 10/11/2023 phê duyệt Đề án “Phát huy nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài phục vụ phát triển đất nước trong tình hình mới”. Các hoạt động vận động, thu hút, kết nối với kiều bào được chú trọng, tổ chức hiệu quả với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, đặc biệt trong khuôn khổ các chuyến thăm của Lãnh đạo Cấp cao. Các hình thức hợp tác, liên kết giữa cộng đồng và doanh nghiệp người Việt Nam ở nước ngoài ngày càng mở rộng với sự hỗ trợ, thúc đẩy của các cơ quan trong nước.

Trong bối cảnh thế giới xuất hiện nhiều điểm nóng mới, một số xung đột đã xảy ra tiếp tục kéo dài, diễn biến phức tạp, Bộ Ngoại giao đã phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành triển khai sơ tán, bảo đảm an toàn cho công dân ta, đặc biệt tại Ukraine, Israel và Myanmar, đồng thời hỗ trợ sơ tán công dân của các quốc gia khác khỏi khu vực nguy hiểm theo đề nghị của bạn bè quốc tế. Các cơ quan chức năng tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm các nguồn lực hỗ trợ cộng đồng người gốc Việt tại Campuchia di dời, tái định cư và chuyển đổi nghề nghiệp, sớm ổn định cuộc sống. Bộ Ngoại giao duy trì phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, cơ quan liên quan xác minh, bảo hộ các vụ việc trên biển liên quan đến tàu cá, ngư dân ta; xử lý các sự cố phát sinh, bảo đảm lợi ích chính đáng của pháp nhân và công dân ta ở nước ngoài<sup>161</sup>.

### **11. Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội.**

Bộ Thông và Truyền thông, Ban Tuyên giáo Trung ương, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, các đài phát thanh truyền hình, các cơ quan thông tấn, báo chí trong cả nước đã tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các nội dung của Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ đến người dân. Ngay sau khi Nghị quyết được Chính phủ ban hành, các cơ quan báo chí đã có nhiều tin, bài thông tin về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm được Chính phủ triển khai trong năm 2023 thực hiện kế hoạch phát triển KTXH.

<sup>161</sup> Giải cứu 04 phụ nữ trong thùng xe đông lạnh ở Pháp; triển khai các biện pháp bảo hộ đối với 05 lô hàng của doanh nghiệp Việt Nam bị lừa tại UAE...

Bộ Thông tin và Truyền thông đã thực hiện tốt vai trò dẫn dắt các cơ quan báo chí, thông tin tuyên truyền đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, các Nghị quyết của Ban chấp hành trung ương, Nghị quyết, kết luận, Chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban bí thư và và Nghị quyết của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; diễn biến tình hình kinh tế, giá cả, lạm phát, thị trường thế giới, trong nước; các giải pháp ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng; công tác cải cách hành chính gắn với xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số; cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; cập nhật tiến độ một số công trình hạ tầng giao thông trọng điểm, quan trọng quốc gia, có tính liên kết vùng và hạ tầng đô thị lớn; công tác tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; công tác bảo vệ môi trường, quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; tuyên truyền về công tác bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp phục hồi sau đại dịch COVID-19; phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam, nâng cao đời sống nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội; thông tin về các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước và nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế...

Công tác thông tin, tuyên truyền được thực hiện đa dạng, phong phú trên các kênh truyền hình, đài tiếng nói, trên các nền tảng số khác, thông qua các bản tin thời sự, chương trình, các chuyên đề, chuyên mục định kỳ, chuyên mục chuyên sâu, hoặc lồng ghép trong nhiều thể loại chương trình khác nhau với kế hoạch tuyên truyền thường xuyên được cập nhật, điều chỉnh để phù hợp với từng giai đoạn tuyên truyền.

Bộ Thông tin và Truyền thông đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành và theo dõi thực hiện Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 21/3/2023 về tăng cường công tác truyền thông chính sách, nhằm thay đổi cách làm trong công tác truyền thông chính sách của các cơ quan nhà nước, coi truyền thông chính sách là một việc, một chức năng của chính quyền; trước đây coi việc truyền thông chính sách là của báo chí, nay truyền thông chính sách là việc của các địa phương, bộ ngành. Chính quyền cần bố trí bộ máy, con người và nguồn lực ngân sách phù hợp cho công tác này.

Báo chí là một trong những lĩnh vực truyền thông quan trọng, là vũ khí tư tưởng sắc bén của Đảng, Nhà nước. Do vậy, việc chuyển đổi số báo chí được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng để hiện thực hóa định hướng xây dựng nền báo chí “hiện đại” theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Ngày 06/4/2023, thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 348/QĐ-TTg, phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Công tác thông tin, tuyên truyền đúng đắn đã đóng góp có hiệu quả đối với các mục tiêu: bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao



năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, khuyến khích khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng bền vững; đưa quan điểm của Việt Nam đến với bạn bè quốc tế, giúp nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác quốc tế, góp phần kêu gọi đầu tư và xúc tiến thương mại; nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc và phòng, chống tội phạm, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, tư tưởng và hành động của các cấp, các ngành và người dân trong công tác bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền, lãnh thổ, lợi ích quốc gia...

### III. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch năm 2023 của các ngành, các cấp vẫn còn những tồn tại, hạn chế chủ yếu như sau:

- Ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức do kinh tế toàn cầu phục hồi nhưng còn nhiều khó khăn, chính trị thế giới tiếp tục căng thẳng và diễn biến phức tạp, lạm phát tuy đã hạ nhiệt nhưng vẫn neo ở mức cao, hậu quả nặng nề của đại dịch COVID-19 tiếp tục tác động và còn kéo dài.

- Điều hành chính sách tiền tệ đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Nhu cầu và sức hấp thụ vốn của nền kinh tế còn thấp khi chi phí đầu vào, nguyên vật liệu nhập khẩu cao, thị trường đầu ra và đơn hàng của doanh nghiệp suy giảm... kéo theo mức độ rủi ro tín dụng của khách hàng vay vốn ngày càng gia tăng. Về phía các TCTD, các khoản huy động với lãi suất cao thời gian trước chưa đến hạn thanh toán là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến lãi suất cho vay giảm chậm. Các nguồn vốn khác như cổ phiếu, trái phiếu, những khó khăn trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản chưa được giải quyết căn cơ, triệt để nên đã khiến cho nguồn vốn phục vụ tăng trưởng tiếp tục tập trung vào tín dụng ngân hàng, tỷ lệ tín dụng/GDP tăng cao tiềm ẩn rủi ro an toàn hệ thống tài chính, tiền tệ.

- Nợ xấu đã xử lý được một bước quan trọng nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với an toàn, hiệu quả hoạt động của các tổ chức tín dụng do hệ lụy của dịch COVID-19 và diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế - xã hội trong nước cũng như quốc tế ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng.

- Giá xăng dầu, hàng hóa thiết yếu biến động mạnh, cầu tiêu dùng có xu hướng tăng về cuối năm tiềm ẩn tiềm ẩn áp lực lạm phát trong những tháng cuối năm.

- Một số ngành hàng xuất khẩu như thủy sản, gỗ và sản phẩm gỗ, sắt thép, sản phẩm nhựa tiếp tục đối mặt với các áp lực về điều tra phòng vệ thương mại và các tiêu chuẩn mới về môi trường đã đặt ra những thách thức về thị trường xuất khẩu. Nhu cầu nhập khẩu các nhóm hàng chủ lực và nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất để xuất khẩu đều giảm sâu. Khu vực sản xuất trong nước phụ thuộc

nguyên vật liệu từ bên ngoài.

- Tiềm năng của thị trường trong nước chưa được khai thác hiệu quả. Hệ thống phân phối còn bất cập, chưa kết nối hiệu quả, thông suốt từ khâu sản xuất đến tiêu thụ. Một số ngành dịch vụ nhiều tiềm năng và lợi thế phát triển như du lịch, logistics và vận tải... nhưng khả năng cạnh tranh quốc tế chưa cao. Ngành du lịch đã phục hồi tích cực, vẫn còn phải đối mặt với không ít khó khăn thách thức; sản phẩm du lịch chưa thực sự đa dạng, hấp dẫn đối với một số thị trường khách du lịch trong bối cảnh mới; du lịch quốc tế phục hồi chậm; tình trạng thiếu nhân lực du lịch, đặc biệt là nhân lực du lịch chất lượng cao vẫn chậm được khắc phục; việc kết nối, khai thác các thị trường mới, thị trường tiềm năng còn chưa hiệu quả. Tình trạng buôn bán, kinh doanh hàng nhập lậu, gian lận thương mại và sản xuất, kinh doanh hàng giả trên thị trường nội địa còn diễn biến phức tạp.

- Doanh nghiệp đối mặt với tình trạng thiếu đơn hàng từ thị trường quốc tế, khả năng hấp thụ vốn bắt đầu giảm, sức chống chịu bị bào mòn, đến mức tới hạn sau đại dịch COVID-19. Một bộ phận doanh nghiệp phải thu hẹp quy mô sản xuất, cắt giảm sản lượng; số doanh nghiệp giải thể, phá sản tăng cao, tình trạng doanh nghiệp thiếu đơn hàng diễn ra phổ biến. Mặt bằng lãi suất cho vay dù giảm nhưng các doanh nghiệp còn khó khăn trong hấp thụ vốn tín dụng.

- Thu hút đầu tư nước ngoài các dự án quy mô lớn gặp nhiều khó khăn. Sự liên kết giữa doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân trong nước còn hạn chế.

- Giá nguyên liệu vật tư đầu vào phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn đang ở mức cao. Liên kết theo chuỗi giá trị để thúc đẩy cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao để giảm chi phí trung gian, nâng cao giá trị gia tăng chưa phổ biến. Kết nối liên vùng, liên ngành ở nhiều địa phương, nhiều ngành hàng còn chưa chặt chẽ.

- Các ngành kinh tế chưa chuyển dịch mạnh về tăng năng suất, nhất là khu vực công nghiệp và dịch vụ. Năng lực tự chủ và khả năng chống chịu của nền kinh tế còn nhiều hạn chế. Công nghiệp chế biến, chế tạo mặc dù là động lực tăng trưởng của toàn ngành nhưng năng lực sản xuất công nghiệp của một số ngành công nghiệp nền tảng chậm được cải thiện, chưa đáp ứng được kỳ vọng phát triển; còn phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu các yếu tố đầu vào cho sản xuất. Công nghiệp hỗ trợ phát triển chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu của các ngành công nghiệp xuất khẩu trong nước dẫn đến tỷ lệ nội địa hóa trong các ngành công nghiệp đạt thấp, giá trị gia tăng tạo ra trong nước chưa đạt như mong muốn. Tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục ở mức cao. Chuyển dịch cơ cấu ngành dịch vụ vẫn còn chậm, chưa tương xứng với tiềm năng, xuất khẩu dịch vụ còn hạn chế, các ngành sử dụng tri thức, khoa học công nghệ còn phát triển chậm, chiếm tỷ lệ nhỏ trong GDP so với các quốc gia trong khu vực. Du lịch phục hồi nhưng chưa nhanh đối với phân khúc

thị trường khách quốc tế.

- Thị trường bất động sản vẫn tiềm ẩn những yếu tố gây bất ổn, thiếu nguồn cung ở các phân khúc, cơ cấu hàng hóa bất động sản chưa phù hợp với nhu cầu thị trường, thiếu nhà ở xã hội và nhà ở thương mại giá rẻ. Giá bất động sản vẫn cao gây khó khăn cho những người mua có nhu cầu ở thực. Số lượng giao dịch và thanh khoản giảm. Thị trường KHCN còn chậm phát triển; hoạt động đổi mới, ứng dụng và làm chủ công nghệ của các doanh nghiệp chưa hiệu quả.

- Tình trạng nợ đọng, chậm ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh chưa được khắc phục triệt để. Công tác xử lý vi phạm hành chính ở một số nơi chưa thực hiện bài bản, đầy đủ. Việc tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật trong một số lĩnh vực có lúc chưa kịp thời, hiệu quả chưa cao. Kết quả thi hành án dân sự tại một số địa phương còn thấp; số bản án hành chính đang phải thi hành còn nhiều. Một số cơ chế, chính sách, quy định pháp luật chậm được sửa đổi; còn tình trạng mâu thuẫn, chông chéo, áp dụng thiếu thống nhất của một số quy định pháp luật; phân cấp, phân quyền còn vướng mắc.

- Hạn chế, vướng mắc trong một số chính sách, quy định về đất đai, bất động sản, nhà ở... đang là điểm nghẽn trong huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực phục vụ phát triển KTXH. Cắt giảm thủ tục hành chính có lúc, có nơi còn chậm, chưa kịp thời, quyết liệt; thủ tục hành chính tuy đã được cắt giảm nhưng trong một số lĩnh vực vẫn còn rườm rà, phức tạp, gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh còn một số bất cập; còn tình trạng đùn đẩy, né tránh, sợ sai, sợ trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức trong thực thi công vụ, gây khó khăn, ách tắc trong việc giải quyết các thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp. Việc sắp xếp, kiện toàn bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, giảm đầu môi, giảm cấp trung gian còn một số bất cập. Việc triển khai một số nội dung thuộc các Chương trình MTQG, Chương trình phục hồi và phát triển KTXH còn chậm.

- Việc xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém, các dự án tồn đọng còn lại gặp nhiều khó khăn, trong đó có việc phải đánh giá, thẩm định chính xác giá trị tài sản đã qua nhiều năm.

- Tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước còn chậm. Việc xử lý thoái vốn của các doanh nghiệp nhà nước còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc về thủ tục và cần có sự phê duyệt của cấp có thẩm quyền, các bộ ngành là đơn vị chủ quản, cơ quan đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Một số doanh nghiệp, dự án có vốn đầu tư lớn của Nhà nước thua lỗ, hoạt động không hiệu quả, chậm tiến độ, vướng mắc về thủ tục pháp lý<sup>162</sup>...

<sup>162</sup> Các công ty thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam hiện lỗ gần 300 tỷ đồng, lợi nhuận âm 144 tỷ đồng; Công ty trách nhiệm hữu hạn Lọc hóa dầu Nghi Sơn có nguy cơ dừng hoạt động do không thống nhất được về tái cấu trúc; Dự án Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội vay vốn ADB chậm tiến độ 12 năm...

- Phát triển kết cấu hạ tầng còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, nhất là về pháp lý liên quan đến: chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng; quản lý khoáng sản là vật liệu thông thường; công tác GPMB, tái định cư, di chuyển công trình hạ tầng kỹ thuật; thủ tục pháp lý liên quan đến chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng... Ngoài ra, tình trạng khan hiếm nguyên vật liệu nhất là vật liệu đắp đường (đất, cát) và tăng giá nguyên vật liệu ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện dự án.

- Các đô thị lớn chưa thể hiện được vai trò động lực, dẫn dắt. Quá trình đô thị hóa không đồng đều giữa các vùng, miền; tỷ lệ đô thị hóa còn thấp so với mức trung bình các nước trong khu vực và thế giới, chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đô thị hóa phát triển theo chiều rộng là chủ yếu với mật độ thấp và phân tán, gây lãng phí về đất đai, hạn chế tích tụ kinh tế. Tình trạng mật độ thấp, nhất là tại các đô thị đặc biệt, nhiều khu vực nội thành, nội thị vẫn còn 50%-60% diện tích đất nông nghiệp hoặc để trống chưa sử dụng phát triển đô thị do các dự án chậm triển khai. Hệ thống đô thị phân bố và phát triển không cân đối, thiếu sự liên kết, chưa có sự phân định và chia sẻ chức năng trong từng vùng và giữa các vùng. Liên kết đô thị - nông thôn còn yếu, chưa phát huy tốt vai trò động lực, dẫn dắt của các đô thị trong phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống hạ tầng đô thị còn thiếu đồng bộ, liên kết yếu, chưa bảo đảm thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và có dấu hiệu quá tải tại các đô thị lớn. Ô nhiễm môi trường tại các đô thị lớn có xu hướng gia tăng và diễn biến phức tạp, gây ra nhiều tác động tiêu cực.

- Việc phủ sóng thông tin di động vùng lõm còn khó khăn. Triển khai nền tảng số quốc gia còn chậm; dịch vụ công trực tuyến chưa thuận tiện, khuyến khích người dân tiếp cận sử dụng. Một số cơ sở dữ liệu quốc gia chưa được hoàn thành hoặc chưa được kết nối, chia sẻ khai thác hiệu quả. Dữ liệu phục vụ quản lý kinh tế số, xã hội số còn hạn chế, chi phí thu thập cao, độ trễ dài.

- Hạ tầng thương mại phát triển không đồng đều, đặc biệt là tại các vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn. Số lượng siêu thị, trung tâm thương mại tăng nhanh nhưng phân bố không đều dẫn đến chi phí trung gian của doanh nghiệp, hộ gia đình vẫn ở mức cao do mạng lưới phân phối, tiêu thụ nguyên vật liệu và hàng hóa thành phẩm nhiều tầng nấc. Tỷ trọng số lượng siêu thị, trung tâm thương mại trong tổng số loại hình hạ tầng thương mại chủ yếu tuy tăng nhưng còn chậm. Các loại hình truyền thống như chợ chưa được quan tâm đúng mức, gặp sự cạnh tranh gay gắt từ các loại hình hiện đại khác. Chi phí logistics vẫn chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng doanh thu của doanh nghiệp.

- Một số văn bản hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới của một số bộ, ngành còn chưa cụ thể hoặc một số chỉ tiêu khó thực hiện ở một số địa bàn; chất lượng đạt chuẩn và công tác duy trì bền vững kết quả của một số xã sau đạt chuẩn còn hạn chế, đặc biệt là tiêu chí môi trường, thu nhập, an

ninh trật tự...; chất lượng công trình cơ sở hạ tầng sau khi đạt chuẩn ở một số địa phương có dấu hiệu xuống cấp. Chất lượng một số đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị tại một số địa phương chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu. Năng lực quản lý và quản trị đô thị còn yếu, chậm đổi mới; công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về quy hoạch và phát triển đô thị còn thiếu quyết liệt, chưa đồng bộ.

- Chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế, chưa thực sự là động lực, là đột phá để phát triển KTXH. Cơ cấu ngành nghề đào tạo chưa bám sát vào nhu cầu của thị trường lao động, nhất là lao động trong các ngành kinh tế mới; thiếu nhân lực trong các ngành kinh tế mũi nhọn, các ngành phục vụ kinh tế số... Tỉ trọng quy mô đào tạo sau đại học giảm trong toàn ngành, nhất là ở các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ, dẫn tới nguy cơ thiếu hụt nguồn nhân lực khoa học, công nghệ trình độ cao. Việc thực hiện tự chủ đại học còn chậm, lúng túng. Tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ vẫn chưa được giải quyết dứt điểm. Nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo còn hạn chế; đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, cải cách sách giáo khoa chưa đáp ứng yêu cầu. Chất lượng đội ngũ không đồng đều, đặc biệt là ở các vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn; còn khoảng cách lớn so với các vùng thuận lợi; một bộ phận giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục chưa đáp ứng được nhu cầu đổi mới, nhất là khi triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 có một số môn học mới. Mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học chưa được quy hoạch tổng thể, thiếu khả năng liên kết vùng để tạo sự dịch chuyển của lực lượng lao động giữa các địa phương. Công tác xã hội hóa giáo dục gặp nhiều khó khăn. Việc định hướng tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống tốt đẹp cho thế hệ trẻ còn khó khăn. Bạo lực học đường, mất an toàn vệ sinh thực phẩm trong trường học vẫn diễn ra. Tình trạng lạm thu đầu năm học, lạm thu “quỹ phụ huynh” chưa được xử lý hiệu quả. Công tác phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong quản lý, giáo dục học sinh chưa được chặt chẽ và hiệu quả.

- Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vẫn chưa thực sự là động lực và nền tảng cho phát triển KTXH, cho tăng trưởng, tái cơ cấu kinh tế và tăng năng suất lao động xã hội, chưa giải đáp kịp thời nhiều vấn đề của thực tiễn đổi mới.

- Đầu tư cho văn hoá chưa đúng mức, còn dàn trải, hiệu quả chưa cao; việc huy động các nguồn lực đầu tư cũng như khai thác, phát huy hệ thống thiết chế văn hóa từ huyện đến cơ sở còn hạn chế. Thiếu những tác phẩm văn hoá, văn học, nghệ thuật lớn phản ánh sinh động tầm vóc công cuộc đổi mới, có tác dụng tích cực đối với con người. Tiếng nói, chữ viết, phong tục, tập quán, văn hoá đặc trưng của một số dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một dần.

- Chất lượng cung lao động còn nhiều bất cập, hạn chế, chưa đáp ứng cho cầu lao động của một thị trường lao động hiện đại, linh hoạt, bền vững và hội nhập. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 thúc đẩy hạ tầng chuyển

đôi số, ứng dụng KHCCN, chất lượng lao động còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực. Thị trường lao động Việt Nam vẫn có hiện tượng mất cân đối cung - cầu lao động cục bộ và có sự phát triển không đồng đều giữa các vùng miền, khu vực, ngành nghề kinh tế; cơ chế kết nối cung - cầu và tự cân bằng của thị trường còn yếu. Tình hình lao động việc làm ở một số địa phương, lĩnh vực gặp khó khăn, tình trạng cắt giảm lao động, giảm giờ làm chủ yếu trong một số ngành chế biến, chế tạo như điện tử, da giày, may mặc, chế biến gỗ,... nhất là tại một số địa phương tập trung nhiều khu công nghiệp. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên còn cao. Mặc dù số lao động có việc làm tăng, tuy nhiên tăng chủ yếu ở khu vực dịch vụ và lao động phi chính thức.

- Đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo. Phần lớn hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu sinh kế; việc làm, thu nhập thấp, không ổn định; thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản như nhà ở, vệ sinh, thông tin; thiếu kỹ năng nghề nghiệp, chất lượng nguồn nhân lực thấp, khó tiếp cận việc làm; triển khai Chương trình MTQG giảm nghèo ở một số địa phương còn chậm. Dịch bệnh, thiên tai, hạn hán tiếp tục diễn biến khó lường, gây hậu quả nặng nề.

- Năng lực của hệ thống y tế, nhất là y tế cơ sở, y tế dự phòng còn hạn chế. Tình trạng quá tải vẫn chưa được giải quyết triệt để ở các bệnh viện tuyến cuối do chưa bảo đảm chất lượng dịch vụ y tế tuyến cơ sở. Tình trạng chênh lệch các chỉ số sức khỏe như tử vong mẹ, tử vong trẻ em, suy dinh dưỡng giữa các vùng chưa được cải thiện nhiều. Chưa phát huy tốt lợi thế của y học cổ truyền. Công nghiệp sản xuất trang thiết bị y tế trong nước còn hạn chế, mới chỉ sản xuất được một số trang thiết bị y tế thông dụng, hàm lượng công nghệ còn thấp, độ tin cậy chưa cao. Công tác hậu kiểm giá thuốc kê khai còn hạn chế, bất cập. Việc mua sắm, đấu thầu, xã hội hóa, quản lý, sử dụng tài sản công, quản trị đơn vị sự nghiệp y tế công lập còn nhiều khó khăn. Tình trạng thiếu thuốc, vật tư, thiết bị y tế cục bộ tại nhiều cơ sở y tế trên toàn quốc. Vắc xin cho tiêm chủng mở rộng chậm được cung cấp, giá vắc xin chưa được điều chỉnh trong nhiều năm. Còn hiện tượng thiếu cán bộ y tế có tính chất cục bộ theo vùng, miền và theo lĩnh vực chuyên môn.

- Tỷ lệ bao phủ BHXH, BHYT có xu hướng tăng trưởng chậm, số người tham gia BHXH tự nguyện dừng không tiếp tục tham gia có xu hướng tăng; nguyên nhân một phần là do một số chính sách về BHXH, BHYT, BHTN thay đổi từ năm 2022 như: nâng mức đóng BHXH tự nguyện tối thiểu; chính sách theo Quyết định số 861/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trong đó có khoảng 2,1 triệu đồng bào dân tộc thiểu số không thuộc đối tượng được NSNN hỗ trợ đóng BHYT...; mức hỗ trợ từ NSNN cho người tham gia BHXH tự nguyện, BHYT hộ gia đình làm nông, lâm, ngư, diêm nghiệp còn thấp so với khả năng đóng góp của người dân; nhiều trường hợp tham gia BHYT chỉ khi ốm đau, tai nạn mới tham gia...

- Công tác thanh niên, trẻ em còn tồn tại một số vấn đề cần được quan tâm, tháo gỡ. Còn xảy ra những vụ việc bạo lực, bóc lột, xâm hại trẻ em gây bức xúc trong dư luận xã hội; còn trẻ em bị tai nạn, thương tích, nhất là đuối nước, tai nạn giao thông, trẻ em bị rơi, ngã từ nhà cao tầng. Thể lực, chiều cao của trẻ em đã được cải thiện nhưng còn chênh lệch lớn giữa đô thị và những nơi có điều kiện khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Tệ nạn xã hội diễn ra dưới các hình thức tinh vi, phức tạp, gây bức xúc trong dư luận xã hội.

- Công tác cai nghiện ma túy còn nhiều bất cập, nhất là hiệu quả công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng. Dịch HIV vẫn đang diễn biến phức tạp, nhất là nhóm thanh thiếu niên trẻ. Nguồn lực dành cho công tác phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy, tệ nạn xã hội còn thấp, kết quả thực hiện còn hạn chế. Pháp lệnh phòng, chống mại dâm đã có hiệu lực 20 năm, nhiều quy định cần được sửa đổi cho phù hợp với tình hình mới.

- Người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị chưa quyết liệt trong công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ; còn tình trạng một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức có biểu hiện né tránh, đùn đẩy công việc, sợ sai, sợ trách nhiệm, không dám tham mưu, đề xuất xử lý công việc dẫn đến công việc chậm tiến độ, giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và niềm tin của doanh nghiệp, người dân; hiện tượng công chức, viên chức xin thôi việc, bỏ việc vẫn còn tiếp diễn.

- Việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập chủ yếu thực hiện trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất cơ học để giảm số lượng đầu mối, chưa chú trọng đúng mức tiêu chí thay đổi về cơ chế hoạt động, chất lượng cung ứng dịch vụ. Triển khai vị trí việc làm tại một số bộ, ngành, địa phương còn chậm.

- Tình hình tội phạm và tệ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp. Công tác bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, đấu tranh, phòng, chống tội phạm còn nhiều thách thức, nhất là đối với tội phạm lừa đảo, tài chính, tội phạm qua mạng, tội phạm mua bán trái phép chất ma túy. Công tác đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động chống phá, xử lý thông tin xấu độc trên không gian mạng còn khó khăn, hiệu quả chưa cao. Các vấn đề như ngập úng, ùn tắc giao thông, phòng cháy, chữa cháy tiếp tục là thách thức trong phát triển bền vững đô thị.

#### **IV. NGUYÊN NHÂN**

1. Nguyên nhân của kết quả đạt được là nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt, sâu sát, kịp thời, khoa học của Trung ương mà thường xuyên, trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sự phối hợp kịp thời, chặt chẽ, hiệu quả của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội trong công tác xây dựng Luật, Nghị quyết để hoàn thiện thể chế, quyết nghị nhiều chủ trương, chính sách quan trọng thúc đẩy phát triển KTXH, các ngành, lĩnh vực của cả nước và địa phương; sự phối hợp kịp thời, chặt chẽ của các cơ quan trong hệ thống chính trị; sự chỉ đạo, điều hành chủ

động, linh hoạt, quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự đoàn kết, phối hợp chặt chẽ của các cấp, ngành, địa phương; sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị và sự nỗ lực, phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân; sự hỗ trợ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế. Thực hiện quyết liệt, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, Kết luận hàng tháng của Lãnh đạo chủ chốt; nắm chắc tình hình và yêu cầu thực tiễn, có nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, phản ứng chính sách kịp thời, hiệu quả; tập trung tháo gỡ rào cản, khó khăn, vướng mắc cho sản xuất, kinh doanh; tăng cường huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

## 2. Nguyên nhân của hạn chế, khó khăn

Về nguyên nhân khách quan, tình hình thế giới, khu vực diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, vượt quá khả năng dự báo; xung đột Nga - Ucraina kéo dài làm thế giới đối mặt với nhiều hệ lụy; biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán diễn biến bất thường, cực đoan hơn; trong khi nước ta là nước đang phát triển, nền kinh tế có độ mở lớn, đang trong quá trình chuyển đổi, đang phục hồi sau đại dịch COVID-19, vừa phải ứng phó với những tác động, ảnh hưởng lớn từ bên ngoài, vừa phải giải quyết những hạn chế, bất cập nội tại, nhất là về năng lực sản xuất, doanh nghiệp, cơ cấu đầu tư, thị trường, sự phụ thuộc vào khu vực FDI, xuất khẩu...

Về nguyên nhân chủ quan chủ yếu là công tác nắm, dự báo tình hình có lúc còn chưa sát; phản ứng chính sách của một số cơ quan, địa phương còn chậm, chưa kịp thời, có trường hợp thận trọng quá mức, làm tăng thêm áp lực cho nền kinh tế, chưa tận dụng hết các cơ hội phục hồi và phát triển từ bên trong và bên ngoài. Cơ chế, chính sách, quy định pháp luật còn có một số mâu thuẫn, chông chéo, công tác tổ chức thực hiện luật pháp, chính sách vẫn là khâu yếu, có lúc, có nơi còn hạn chế, hiệu quả chưa cao; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc pháp lý chưa kịp thời, nhất là những vấn đề phát sinh mới; có lúc, có nơi còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại, ngại khó; thủ tục hành chính còn rườm rà, ách tắc; phân cấp, phân quyền một số lĩnh vực còn vướng mắc về thể chế, nhất là đối với những vấn đề phát sinh mới; trách nhiệm của người đứng đầu, người có thẩm quyền trong một số trường hợp chưa được phát huy đầy đủ; một bộ phận cán bộ thực thi còn có tâm lý né tránh, sợ trách nhiệm, sợ sai trong thực thi công vụ thuộc thẩm quyền. Công tác phối hợp giữa các bộ, ngành, các địa phương chưa đồng bộ, chặt chẽ, nhịp nhàng; thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, người dân còn phiền hà.

## V. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành phải luôn bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng và có sự vào cuộc với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, sự đoàn kết nhất trí của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Đối với những vấn đề lớn, khó, phức tạp, hệ trọng, cấp bách, nhạy cảm, chưa có tiền lệ, phải có sự phối hợp chặt



chẽ, nhịp nhàng, sự vào cuộc với quyết tâm cao, nỗ lực lớn của cả hệ thống chính trị, sự đoàn kết nhất trí của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân vào sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; đưa ra thảo luận một cách dân chủ, thẳng thắn; cân nhắc cẩn trọng, kỹ lưỡng để có những quyết định kịp thời, đúng đắn, chính xác và phù hợp với tình hình.

Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tinh thần tự lực, tự cường, lấy khó khăn, thách thức là động lực để phấn đấu vươn lên; không ngừng nỗ lực, kiên trì, kiên định thực hiện mục tiêu nhưng thích ứng linh hoạt, quyết liệt, hiệu quả trong điều hành. Tập trung cả các giải pháp trước mắt và lâu dài; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, phát huy mọi cơ hội để thúc đẩy phục hồi nhanh và phát triển bền vững.

2. Nắm chắc tình hình thế giới, trong nước, bám sát thực tiễn, phản ứng chính sách kịp thời, linh hoạt, hiệu quả; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, ý chí tự lực, tự cường, nỗ lực vươn lên, quyết tâm cao, đổi mới sáng tạo. Phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực, xử lý hiệu quả các vấn đề nội tại và các vấn đề mới phát sinh.

3. Tiếp tục đẩy mạnh đẩy mạnh công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế pháp luật, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, tập trung cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Trong điều hành kinh tế phải bình tĩnh, được không quá lạc quan, mất không quá bi quan. Điều hành đồng bộ, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ giữa các chính sách, xác định rõ ưu tiên, bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, không dàn trải. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nhất là theo phương thức đối tác công tư; đẩy nhanh các dự án hạ tầng trọng điểm.

4. Phải giữ vững kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, tăng cường kiểm tra, giám sát, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực thi công vụ. Cần sớm có cơ chế bảo vệ, khuyến khích cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Kiên trì, kiên quyết, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

5. Luôn đặt con người ở trung tâm, là chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và là mục tiêu, là động lực của sự phát triển. Phải bảo đảm cân bằng, hài hòa giữa phát triển kinh tế với vấn đề phát triển văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống của Nhân dân, giữa độc lập, tự chủ với hội nhập quốc tế. Thực hiện tốt công tác truyền thông chính sách; chủ động thông tin kịp thời, chính xác, khách quan về tình hình KTXH, các chính sách, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, góp phần khơi dậy khát vọng phát triển, tinh thần đoàn kết, tạo sức mạnh tổng hợp, tạo đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin trong Nhân dân và doanh nghiệp.

Trên đây là Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP

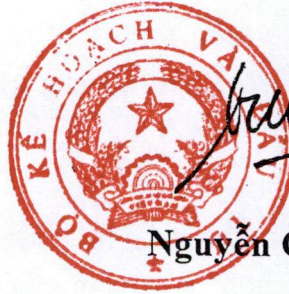
ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023. Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính báo cáo Chính phủ. /.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TTgCP và các Phó TTgCP;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KHĐT: Lãnh đạo Bộ;
- Lưu: VT, Vụ TH (3b).

T309

**BỘ TRƯỞNG**



**Nguyễn Chí Dũng**



**Phụ lục số 1**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ CHO**  
**CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2023**

(Kèm theo Báo cáo số 52/BC-BKHĐT ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Đánh giá mức độ hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
<b>I</b>	<b>Một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô</b>					
1	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng	%	< 3		Chưa có cơ sở đánh giá khả năng hoàn thành <sup>1</sup>	NHNNVN
2	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ xấu đã bán cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) chưa được xử lý, thu hồi và nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu (không bao gồm các ngân hàng thương mại yếu kém)	%	< 5	Đến cuối tháng 10/2023 là 4,01%	Đạt	NHNNVN
3	Tỷ trọng chi thường xuyên (không bao gồm chi cải cách tiền lương và tinh giản biên chế)	%	63			Bộ TC chưa báo cáo
4	Tỷ trọng chi đầu tư phát triển	%	35			Bộ TC chưa báo cáo
5	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP	%	Khoảng 34	33,5	Không đạt	Bộ KHĐT
6	Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu	%	6	- 4,4	Không đạt	Bộ CT
<b>II</b>	<b>Một số chỉ tiêu về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tăng trưởng</b>					

<sup>1</sup> Tỷ lệ nợ xấu nội bảng của toàn hệ thống đến cuối tháng 10/2023 ở mức 5,03%; trong trường hợp không bao gồm 03 ngân hàng thương mại mua lại bắt buộc (Oceanbank, CBBank, GPBank) và 02 NHTM kiểm soát đặc biệt (DAB, SCB), tỷ lệ nợ xấu nội bảng là 1,97%.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Đánh giá mức độ hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
7	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	8-9	1,5	Không đạt	Bộ CT
8	Tốc độ tăng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	8-9	9,6	Vượt	Bộ CT
9	Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa	%	≥ 50		Chưa ước tính được vì số liệu thống kê công bố phục vụ tính toán mới được cập nhật đến hết tháng 9/2023	Bộ KHCN
10	Chỉ số đổi mới sáng tạo quốc gia	Thứ hạng	Trong nhóm 04 quốc gia dẫn đầu ASEAN	Trong nhóm 4 quốc gia đứng đầu ASEAN	Đạt	Bộ KHCN
11	Tăng trưởng thị trường thương mại điện tử B2C	%	20 - 25	25	Đạt	Bộ CT
12	Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử	%	58 - 60	58	Đạt	Bộ CT
<b>III</b>	<b>Một số chỉ tiêu về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và dịch vụ công</b>					
13	Tỷ lệ dự phòng công suất nguồn (không bao gồm điện năng lượng tái tạo)	%	18,8 - 20,1	25,5	Vượt	Bộ CT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Đánh giá mức độ hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
14	Tổng điện năng sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống	Tỷ kWh	289,9 - 294,3	280,8	Không đạt	Bộ CT
	<i>Tốc độ tăng</i>	%	8,0 - 9,7	4,3	<i>Không đạt</i>	
15	Tổng công suất nguồn điện (không bao gồm điện mặt trời mái nhà)	MW	83.156	76.066	Không đạt	Bộ CT
	<i>Tốc độ tăng</i>	%	4,4	4,1	<i>Không đạt</i>	
16	Tỷ lệ người sử dụng Internet	%	76	78,6	Vượt	Bộ TTTT
17	Số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân	Thuê bao	90	85,5	Không đạt	Bộ TTTT
18	Số thuê bao băng rộng cố định trên 100 dân	Thuê bao	25	23	Không đạt	Bộ TTTT
19	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang <sup>2</sup>	%	87	79,1	Không đạt	Bộ TTTT
20	Dung lượng băng thông Internet quốc tế	Gbps	17.000	24.162	Vượt	Bộ TTTT
21	Tỷ lệ dân số được phủ sóng bởi mạng di động	%	99,9	99,9	Đạt	Bộ TTTT
22	Lưu lượng Internet băng rộng				Không đạt	Bộ TTTT
	<i>Lưu lượng Internet băng rộng di động</i>	GB/TB/ Tháng	13	12,9	Không đạt	
	<i>Lưu lượng Internet băng rộng cố định</i>	GB/TB/ Tháng	353	470	Vượt	
23	Tổng số chứng thư số đang hoạt động	Nghìn Chứng thư	1.990	2.460	Vượt	Bộ TTTT
24	Tỷ lệ sử dụng địa chỉ Internet thế hệ mới IPv6 trên	%	57	60-62	Vượt	Bộ TTTT

<sup>2</sup> Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị chỉnh tên chỉ tiêu cho phù hợp hơn.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Đánh giá mức độ hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	mạng Internet Việt Nam					
25	Tỷ lệ người dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo được tiếp cận ít nhất 1 loại hình báo chí thiết yếu	%	80	80	Đạt	Bộ TTTT
26	Số lượng tài khoản người dùng Việt Nam thường xuyên sử dụng mạng xã hội Việt Nam <sup>3</sup>	Triệu tài khoản	130	130	Đạt	Bộ TTTT
27	Thị phần dịch vụ điện toán đám mây của doanh nghiệp Việt Nam tại thị trường nội địa	%	30	Chưa thu thập được đầy đủ số liệu về các thị trường cloud nước ngoài tại VN		Bộ TTTT
28	Số doanh nghiệp công nghệ số đăng ký thành lập và hoạt động	Doanh nghiệp	75.000	43.000	Không đạt	Bộ TTTT
29	Diện tích nhà ở bình quân cả nước	m <sup>2</sup> sàn/người	26	26	Đạt	Bộ XD
30	Tỷ lệ đô thị hóa cả nước tính theo khu vực nội thành/nội thị	%	42,6	42,7	Vượt	Bộ XD
31	Tỷ lệ đô thị hóa cả nước tính theo khu vực toàn đô thị	%	53,9	53,9	Đạt	Bộ XD
32	Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	96	97	Vượt	Bộ XD
33	Tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch	%	16	16	Đạt	Bộ XD
34	Tỷ lệ thu gom xử lý nước thải	%	17	17	Đạt	Bộ XD

<sup>3</sup> Chính tên chỉ tiêu cho phù hợp hơn.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Đánh giá mức độ hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
IV	<b>Một số chỉ tiêu về phát triển văn hóa, nghệ thuật, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường</b>					
35	Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ	%	29	32,1	Vượt	Bộ GDĐT
36	Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo	%	92,5	93,1	Vượt	Bộ GDĐT
37	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2 <sup>4</sup>	Tỉnh	34	32	Đạt	Bộ GDĐT
38	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 <sup>5</sup>	Tỉnh	29	31	Vượt	Bộ GDĐT
39	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 1)	Tỉnh	38	36	Đạt	Bộ GDĐT
40	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 2)	Tỉnh	18	20	Vượt	Bộ GDĐT
41	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 3)	Tỉnh	7	7	Đạt	Bộ GDĐT
42	Tỷ lệ số người biết chữ trong độ tuổi theo quy định	%	98,7	98,85	Vượt	Bộ GDĐT
43	Tỷ lệ số tỉnh đạt chuẩn xóa mù chữ (mức độ 2)	%	74,6	76,19	Vượt	Bộ GDĐT
44	Tỷ lệ giảng viên đại học có bằng tiến sĩ	%	33	33	Đạt	Bộ GDĐT
45	Tỷ lệ sinh viên học đại học/vạn dân	SV/vạn dân	200	205	Vượt	Bộ GDĐT
46	Số người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Nghìn người	Khoảng 110 - 120	155.000	Vượt	Bộ LĐTBXH
47	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội	%	Khoảng 39 - 40	39,25	Đạt	Bộ LĐTBXH

<sup>4</sup> Bộ GDĐT cung cấp thông tin lại chỉ tiêu phấn đấu về số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2.

<sup>5</sup> Bộ GDĐT cung cấp thông tin lại chỉ tiêu phấn đấu về số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Đánh giá mức độ hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
48	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo thất nghiệp	%	Khoảng 31,5 - 32	31,58	Đạt	Bộ LĐTBXH
49	Tỷ lệ người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng kịp thời	%	Trên 90	Trên 90	Đạt	Bộ LĐTBXH
50	Tỷ lệ người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, phụng dưỡng, chăm sóc kịp thời	%	Trên 90	Trên 90	Đạt	Bộ LĐTBXH
51	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới	%	80	77,1	Không đạt	Bộ NNPTNT
52	Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch hợp quy chuẩn	%	57	57	Đạt	Bộ NNPTNT
53	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	Trên 80	Trên 80	Đạt	Bộ Y tế
54	Tuổi thọ trung bình (tính từ lúc sinh)	Tuổi	73,8	73,8	Đạt	Bộ Y tế
55	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	Trên 80	Trên 90	Đạt	Bộ Y tế
56	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/100 bé gái	111,2	111,2	Đạt	Bộ Y tế
57	Số được sỹ đại học trên 10.000 dân	Người	3,06	3,2	Vượt	Bộ Y tế
58	Số điều dưỡng trên 10.000 dân	Người	13	15	Vượt	Bộ Y tế
59	Tỷ suất tử vong trẻ em < 1 tuổi	Số ca/ trên 1.000 trẻ đẻ sống	Dưới 13,1	12	Đạt	Bộ Y tế
60	Tỷ suất tử vong của trẻ em < 5 tuổi	Số ca/ trên	Dưới 19,5	18,5	Đạt	Bộ Y tế



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Đánh giá mức độ hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
		1.000 trẻ em sống				
61	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao/tuổi)	%	Dưới 18,6	<18,6	Đạt	Bộ Y tế
62	Hồ chứa thủy điện lớn đang vận hành được kiểm soát, giám sát trực tuyến	%	90	100	Vượt	Bộ TNMT
63	Ngăn chặn, xử lý nghiêm, kịp thời các thông tin xấu, độc, sai sự thật mà phát hiện và xác minh được trên mạng xã hội	%	Trên 90	~ 93	Đạt	Bộ TTTT
<b>V</b>	<b>Một số chỉ tiêu về cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử</b>					
64	Số lượng thu nhận hồ sơ tài khoản định danh điện tử cấp cho người dân.	Số hồ sơ	40 triệu	70,2 triệu	Vượt	Bộ CA
65	Tỷ lệ người dân có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	20	35	Vượt	Bộ TTTT
66	Chỉ số cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ bình quân cả nước (Par-Index)	%	86,4	86,4	Đạt	Bộ NV
67	Chỉ số cải cách hành chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bình quân cả nước (Par-Index)	%	86,7	86,7	Đạt	Bộ NV
68	Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước bình quân cả nước (SIPAS)	%	87,7	87,7	Đạt	Bộ NV
69	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	40	48,6%	Vượt	VPCP
70	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	%	30	30,7%	Vượt	VPCP

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Đánh giá mức độ hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
71	Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	%	60	73,1%	Vượt	VPCP
72	Tỷ lệ cung cấp thanh toán trực tuyến đối với các khoản thuế nội địa của doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	%	100	0	Không đạt	VPCP
73	Tỷ lệ các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, các bệnh viện từ hạng 2 trở lên cung cấp thanh toán viện phí, học phí trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	%	50	1,5%	Không đạt	VPCP
74	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC của bộ, ngành, địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	100	57,7%	Không đạt	VPCP
75	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc (trừ hồ sơ mật) trên môi trường mạng				Không đạt	VPCP
	<i>Đối với các vụ, cục và tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các sở, ngành và tương đương thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</i>	%	100	85%	Không đạt	
	<i>Đối với các phòng, ban và tương đương thuộc UBND cấp huyện.</i>	%	95	80%	Không đạt	
	<i>Đối với UBND cấp xã.</i>	%	80	70%	Không đạt	
76	Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa quy định; Chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh.	%	10	4% 2,5%	Không đạt	VPCP



Phụ lục số 2

**MỘT SỐ MỤC TIÊU CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH,  
NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH QUỐC GIA NĂM 2023**

(Kèm theo Báo cáo số 52/BC-BKHĐT ngày 02 tháng 01 năm 2024  
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu phần đầu	Ước thực hiện năm 2023	Đánh giá mức độ hoàn thành	Cơ quan đầu mối theo dõi
1	Quyền tài sản (IPRI) của Liên minh quyền tài sản	Tăng 2 bậc	Giảm 02 bậc	Không đạt	Bộ TNMT
	<i>Quyền tài sản vật chất (D2)</i>	<i>Cải thiện điểm số</i>	<i>Tăng 01 bậc</i>	<i>Không đạt</i>	<i>Bộ TNMT</i>
	<i>Quyền sở hữu trí tuệ (D3)</i>	<i>Tăng 2-3 bậc</i>	<i>Giảm 08 bậc</i>	<i>Không đạt</i>	<i>Bộ KH-CN</i>
2	Việc làm trong các ngành thâm dụng tri thức	Tăng ít nhất 2 bậc	Giảm 06 bậc	Không đạt	Bộ LĐ-TBXH

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phân đầu năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Đánh giá mức độ hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
77	Tỷ lệ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh được tham vấn, lấy ý kiến trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh.	%	100	5%	Không đạt	VPCP

**Phụ lục số 3**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ ĐƯỢC GIAO TẠI**  
**PHỤ LỤC SỐ V KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP**  
**NGÀY 06/01/2023 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Báo cáo số **52/BC-BKHĐT** ngày **02** tháng 01 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành					
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ	Thời gian dự kiến hoàn thành	Đang triển khai	Lùi thời gian		
I	Nhóm nhiệm vụ về ưu tiên giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế									
1	Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	2023		x						Bộ KHĐT
II.	Nhóm nhiệm vụ về xây dựng, hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; tiếp tục cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh									



TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành					
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ					
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác		
2	Dự án Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi	Tháng 5		x						NHNNVN - Tờ trình số 46/TTr-NHNN ngày 08/4/2023 trình Chính phủ về dự thảo Luật Các TCTD (sửa đổi). - Tờ trình số 121/TTr-CP ngày 17/4/2023 trình Quốc hội
3	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền	Tháng 1		x						NHNNVN Nghị định số 19/2023/NĐ-CP ngày 28/4/2023 của Chính phủ
4	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 01/2014/NĐ-CP về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần tổ chức tín dụng Việt Nam	Tháng 6		x						NHNNVN Ngày 15/9/2023, NHNN đã có Tờ trình số 50/TTr-NHNN
5	Quyết định quy định mức giá trị giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo	Tháng 1		x						NHNNVN Quyết định số 11/2023/QĐ-TTg ngày 27/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ
6	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020	Quý IV		x						Bộ NNPTNT Tờ trình số 9405/TTr-BNNKL ngày 22/12/2023

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành					
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ					
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác		
	của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam									
7	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và Nghị định 84/2021/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 06/2019/NĐ-CP	Quý IV		x					Bộ NNPTNT	Tờ trình số 9502/TTr-BNN-KH ngày 26/12/2023
8	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân	Tháng 6	Tháng 11 <sup>6</sup>	x					Bộ TC	Tờ trình số 282/TTr-BTC ngày 22/12/2023.

<sup>6</sup> Văn bản số 9008/VPCP-KTTH ngày 16/11/2023.

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						Thời gian dự kiến hoàn thành
				Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác				
9	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải	Tháng 6	Tháng 12 <sup>7</sup>				x			Bộ TC	Bộ Tài chính đã có công văn số 10664/BTC-PC ngày 04/10/2023 xin lùi hạn sang tháng 12/2023. Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 9008/VPCP-KTTH ngày 16/11/2023 đồng ý với đề xuất điều chỉnh thời hạn của Bộ Tài chính. Ngày 22/12/2023, Bộ Tài chính tiếp tục có công văn số 14134/BTC-QLCS báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin lùi thời hạn ban hành Nghị định sang tháng 6/2024.
10	Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức	Tháng 6		x						Bộ TC	Tờ trình Chính phủ số 247/TTr-BTC ngày 15/11/2023

<sup>7</sup> Văn bản số 9008/VPCP-KTTH ngày 16/11/2023.



TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý										
11	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa	Tháng 6	Tháng 12 <sup>8</sup>		x					Bộ TC	Đang hoàn thiện dự thảo Nghị định trên cơ sở ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương để xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.
12	Nghị định thay thế Nghị định số 30/2007/NĐ-CP ngày 01/3/2007; Nghị định số 78/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ về kinh doanh xổ số	Tháng 6	Tháng 12 <sup>9</sup>		x					Bộ TC	Đang hoàn thiện dự thảo Nghị định để trình Chính phủ ban hành.
13	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị	Tháng 9	Tháng 12 <sup>10</sup>		x					Bộ TC	

<sup>8</sup> Văn bản số 9008/VPCP-KTTH ngày 16/11/2023.

<sup>9</sup> Văn bản số 9008/VPCP-KTTH ngày 16/11/2023.

<sup>10</sup> Văn bản số 7564/VPCP-KTTH ngày 02/10/2023.

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	sự nghiệp công lập										
14	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 44/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không	Tháng 9					x			Bộ TC	Văn bản số 10664/BTC-PC ngày 04/10/2023
15	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Tháng 9	Tháng 12 <sup>11</sup>	x						Bộ TC	Tờ trình Chính phủ số 279/TTr-BTC ngày 20/12/2023
16	Nghị định sửa đổi Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ	Tháng 10					x			Bộ TC	Văn bản số 9008/VPCP-KTTH ngày 16/11/2023
17	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày	Tháng 12					x			Bộ TC	Bộ Tài chính đã có công văn số 10664/BTC-PC ngày

<sup>11</sup> Văn bản số 9008/VPCP-KTTH ngày 16/11/2023.

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	14/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia									04/10/2023 xin rút khỏi Chương trình công tác năm 2023. VPCP đã có công văn số 9008/VPCP-KTTH ngày 16/11/2023 đề nghị Bộ Tài chính chủ trì, lấy ý kiến Bộ GTVT, Bộ TP và các cơ quan có liên quan về đề nghị rút khỏi chương trình công tác 2023; thống nhất với Bộ GTVT các nội dung và thời gian trình CP, TTgCP theo đúng quy định. Bộ Tài chính đã có công văn số 14134/BTC-QLCS ngày 22/12/2023 báo cáo TTgCP phủ xin lùi thời hạn ban hành Nghị định sang tháng 12/2024.	
18	Nghị định quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	Tháng 12			x					Bộ TC	

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
19	Nghị định về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước – SCIC (thay thế Nghị định số 148/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của SCIC)	Tháng 12						x		Bộ TC	Văn bản số 12852/BTC-PC ngày 22/11/2023
20	Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28/8/2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; Nghị định số 48/2018/NĐ-CP và Nghị định số 80/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 98/2013/NĐ-CP	Tháng 12						x		Bộ TC	
21	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 166/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công của	Tháng 12						x		Bộ TC	

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài										
22	Nghị định sửa đổi Nghị định số 03/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 về kinh doanh casino	Tháng 12						x		Bộ TC	Văn bản số 9008/VPCP-KTTH ngày 16/11/2023
23	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế	Tháng 6								Bộ TC	Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 05/03/2023
24	Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản	Tháng 1								Bộ TP	Tờ trình số 455/TTr-CP về dự án Luật gửi Quốc hội
25	Đề án ban hành Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy	Tháng 6								Bộ TP	Quyết định số 843/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam										
26	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã	Tháng 6		x						Bộ TP	Tờ trình số 45/TTr-BTP ngày 30/6/2023
27	Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực liên quan đến thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh	Tháng 8				x				Bộ TP	Ngày 07/10/2023, VPCP đã có văn bản số 7769/VPCP-PL cho phép Bộ Tư pháp trình Nghị định trên sau khi Chính phủ ban hành Nghị định quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
28	Nghị định thay thế Nghị định số 113/2014/NĐ-CP ngày 26/11/2014 về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật	Tháng 8		x					Bộ TP	Tờ trình số 62/TTr-BTP ngày 18/8/2023	
29	Dự án Luật Công chứng (sửa đổi)	Tháng 11			x			Tháng 01/2024	Bộ TP	Quyết định số 805/QĐ-TTg ngày 06/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ.	
30	Dự án Luật Thủ đô (Dự thảo Luật Thủ đô sửa đổi)	Tháng 7	Tháng 8/2023 <sup>12</sup>	x					Bộ TP	Tờ trình số 512/TTr-CP ngày 04/10/2023 trình Quốc hội	
31	Dự án Luật Bảo hiểm y tế (sửa đổi)	Tháng 10			x			Năm 2024	Bộ Y tế	Theo Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 18/12/2023, dự kiến sẽ trình Quốc hội xem xét cho ý kiến vào tháng 5/2024, thông qua vào tháng 10/2024.	
32	Dự án Luật Hợp tác xã sửa đổi (Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác)	Năm 2023		x					Bộ KHĐT	Luật số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023	

<sup>12</sup> Quyết định số 805/QĐ-TTg ngày 06/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành					
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ					
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác		
33	Dự án Luật Đấu thầu sửa đổi	Tháng 5		x					Bộ KHĐT	Luật số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023
34	Nghị định hướng dẫn Luật Đấu thầu sửa đổi	Tháng 12	Tháng 11 <sup>13</sup>	x					Bộ KHĐT	Tờ trình số 10854/TTr-BKHĐT ngày 25/12/2023
35	Quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng điều phối vùng Đông Nam Bộ	Tháng 3		x					Bộ KHĐT	Quyết định số 825/QĐ-TTg ngày 11/7/2023
36	Quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng điều phối vùng Tây Nguyên	Tháng 3		x					Bộ KHĐT	Quyết định số 827/QĐ-TTg ngày 11/7/2023
37	Quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải trung Bộ	Tháng 3		x					Bộ KHĐT	Quyết định số 824/QĐ-TTg ngày 11/7/2023
38	Báo cáo hoạt động của Hội đồng điều phối vùng Đồng bằng Sông	Tháng 12		x					Bộ KHĐT	Báo cáo số 10655/BC-BKHĐT ngày 18/12/2023

<sup>13</sup> Quyết định số 857/QĐ-TTg ngày 28/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 5.



TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	Cử Long giai đoạn 2020-2025										
39	Báo cáo rà soát các cơ chế, chính sách đặc thù cho vùng trung du và miền núi phía Bắc	Tháng 6	Quý IV <sup>14</sup>		x				Quý IV/2024	Bộ KHĐT	Văn bản số 10491/BKHĐT-KTĐPLT ngày 13/12/2023 báo cáo TTgCP xin lùi thời gian trình sang Quý IV/2024
40	Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-CP của Chính phủ ngày 02/3/2022 về phát triển kinh tế khu vực biên giới đất liền	Tháng 1		x						Bộ KHĐT	Văn bản số 2769/BKHĐT-KTĐPLT ngày 11/4/2023
41	Quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng điều phối vùng Đồng bằng Sông Hồng	Tháng 3		x						Bộ KHĐT	Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11/7/2023
42	Quyết định kiện toàn bộ máy, cơ cấu tổ chức của Hội đồng điều phối vùng Thủ đô và xây dựng kế hoạch hoạt động	Tháng 2		x						Bộ KHĐT	Văn bản số 5143/BKHĐT-KTĐPLT ngày 03/7/2023
43	Báo cáo Sơ kết tình hình thực hiện	Tháng 9		x						Bộ KHĐT	Tờ trình số 7597/TTr-BKHĐT

<sup>14</sup> Văn bản số 10491/BKHĐT-KTĐPLT ngày 13/12/2023 xin lùi thời hạn trình sang Quý IV năm 2023.3.

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng									ngày 15/9/2023; Báo cáo số 591/BC-CP ngày 22/10/2023	
44	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn, bảo đảm quy định chi tiết các nội dung đã được giao tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15.	Tháng 3		x					Bộ KHĐT	Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023	
45	Nghị định về tổ chức và hoạt động Thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư	Quý IV	Tháng 11 <sup>15</sup>				x			Bộ KHĐT	Bộ đã có văn bản số 9699/BKHĐT-TTr ngày 01/11/2023 gửi Văn phòng Chính phủ để báo cáo Lãnh đạo Chính phủ về việc xin không tiếp tục thực hiện đề

<sup>15</sup> Quyết định số 48/QĐ-TTg ngày 03/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2023 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
										án. Ngày 22/11/2023, Văn phòng Chính phủ đã có Phiếu báo số 2904/PB-VPCP đề nghị Bộ lấy ý kiến của Bộ Tư pháp, Thanh tra Chính phủ và các cơ quan liên quan. Trên cơ sở đó, Bộ đã có văn bản số 9987/BKHĐT-TTr ngày 28/11/2023 gửi xin ý kiến Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ và Thanh tra Chính phủ. Đến nay, Bộ đã nhận được ý kiến của cả 03 cơ quan, theo đó cả 03 cơ quan đều thống nhất với đề xuất của Bộ về việc không tiếp tục thực hiện đề án. Hiện Bộ đang hoàn thiện văn bản gửi lại Văn phòng Chính phủ.	
46	Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra	Tháng 5		x						TTCP	Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
47	Nghị định quy định về cơ quan thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành	Tháng 5							TTCP		
48	Dự án Luật Viễn thông (sửa đổi)	Tháng 1		x					Bộ TTTT	QH phê chuẩn ngày 24/10/2023	
49	Dự án Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi)	Tháng 7		x					Bộ TTTT	Luật số 20/2023/QH15 ngày 22/6/2023	
50	Đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật Báo chí năm 2016	Tháng 12				x			Bộ TTTT	Văn bản số 6371/BTTTT-CBC ngày 26/12/2023 xin lùi thời gian trình Lập đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung luật báo chí sang tháng 01/2024	
51	Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tần số vô tuyến điện	Tháng 6		x					Bộ TTTT	Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023	
52	Đề nghị xây dựng Nghị định quy định về hoạt động thông tin cơ sở và truyền thông cấp huyện	Quý I		x					Bộ TTTT	Tờ trình số 07/TTr-BTTTT ngày 02/02/2023	
53	Nghị định quy định chi tiết Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi).	Tháng 12					x	Năm 2024	Bộ TTTT	Chuyển thành 02 Nghị định, trình ban hành trong tháng	

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
										5/2024	
54	Nghị định thay thế Nghị định 18/2014/NĐ-CP ngày 13/4/2014 quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản	Tháng 12							x	Bộ TTTT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- VB số 5184/BTTTT-CBC ngày 10/10/2023 đề xuất không thực hiện nhiệm vụ xây dựng Nghị định.</li> <li>- VB số 8321/VPCP-KGVX ngày 25/10/2023 yêu cầu Bộ TTTT chủ trì, phối hợp với các Bộ VH-TT-DL, KH-CN, TP thống nhất phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và cơ quan chủ trì xây dựng Nghị định.</li> <li>- VB số 5966/BTTTT-CBC ngày 29/11/2023 báo cáo TTgCP.</li> <li>- VB số 9742/VPCP-KGVX ngày 13/12/2023 về việc hoàn thiện báo cáo xây dựng Nghị định.</li> </ul>
55	Quyết định về sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công	Tháng 6		x						Bộ TTTT	Tờ trình số 44/TTr-BTTTT ngày 30/6/2023

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Thông tin và Truyền thông										
56	Luật Đất đai (sửa đổi)	Tháng 3		x						Bộ TNMT	Tờ trình số 136/TTr-CP ngày 25/4/2023; Tờ trình số 276/TTr-CP ngày 29/5/2023
57	Luật Tài nguyên nước (sửa đổi)	Tháng 1		x						Bộ TNMT	Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 6 ngày 27/11/2023
58	Luật Địa chất và Khoáng sản	Tháng 10				x		Tháng 02/2024		Bộ TNMT	Thủ tướng Chính phủ cho phép lùi thời hạn sang năm 2024 tại Quyết định số 805/QĐ-TTg ngày 18/7/2023
59	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết Luật Khoáng sản	Tháng 6		x						Bộ TNMT	- Tờ trình số 68/TTr-BTNMT ngày 28/8/2023. - Tờ trình số 83/TTr-BTNMT ngày 20/10/2023.
60	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn.	Tháng 11		x						Bộ TNMT	Tờ trình số 104/TTr-BTNMT ngày 22/12/2023

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác	Thời gian dự kiến hoàn thành							
61	Nghị định về hộ kinh doanh	Quý IV	Tháng 12 <sup>16</sup>	x						Bộ KHĐT	Tờ trình số 11111/TTr-BKHĐT ngày 29/12/2023
62	Dự án Luật Lưu trữ sửa đổi	Tháng 7		x						Bộ NV	- Tờ trình số 2658/TTr-BNV ngày 04/6/2023; - Chính phủ đã có Tờ trình số 501/TTr-CP ngày 01/10/2023 trình Quốc hội.
63	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2022	Tháng 7		x						Bộ NV	Tờ trình số 6543/TTr-BNV ngày 10/11/2023 và báo cáo số 7405/BC-BNV ngày 15/12/2023
64	Nghị định quy định chi tiết việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến và trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng”	Tháng 7		x						Bộ NV	Tờ trình số 6296/TTr-BNV ngày 30/10/2023
65	Nghị định về khuyến khích cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích	Tháng 4		x						Bộ NV	Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023

<sup>16</sup> Quyết định số 48/QĐ-TTg ngày 03/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2023 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	chung										
66	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 (sửa đổi, bổ sung quy định về cấp phó)	Tháng 3		x						Bộ NV	Tờ trình số 6869/TTr-BNV ngày 24/11/2023
67	Nghị định thay thế Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 về chính sách tinh giản biên chế	Tháng 7		x						Bộ NV	Nghị định 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023
68	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức	Tháng 9				x			Năm 2024	Bộ NV	Vb số 6525/VPCP-TCCV thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó TTgCP Trần Lưu Quang, theo đó thời gian trình thực hiện theo NQ số 99/NQ-CP ngày 10/9/2023.
69	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số	Tháng 9				x			Năm 2024	Bộ NV	Chờ sửa đổi các Luật: Luật Tổ chức Chính phủ; Luật



TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ	Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình			
	106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập									Cán bộ, công chức; Luật Viên chức	
70	Nghị định thay thế Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố	Tháng 4		x						Bộ NV Nghị định 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023	
71	Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở	Tháng 7		x						Bộ NV Nghị định 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023	
72	Nghị định ban hành Bộ quy tắc đạo đức công vụ	Tháng 6						x	Năm 2024	Bộ NV Lồng ghép các nội dung quy định khi rà soát, sửa Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức	
73	Nghị định quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang	Tháng 3		x						Bộ NV Nghị định 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023	

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
74	Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội	Tháng 6		x					Bộ NV	Tờ trình số 7177/TTr-BNV ngày 06/12/2023	
75	Đề án Chiến lược Quốc gia thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Tháng 6		x					Bộ NV	Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 31/7/2023	
76	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2022 – 2030	Tháng 2		x					Bộ NV	Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023	
77	Đề án Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045	Quý IV			x				Bộ NV	VB số 6048/BNV-CQĐP ngày 17/10/2023 xin ý kiến các bộ theo chỉ đạo của Phó TTgCP Trần Lưu Quang tại văn bản số 7295/VPCP-NC ngày 22/9/2023	
78	Chiến lược quốc gia về cải cách hành chính của Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050	Quý IV				x			Bộ NV	Điều chỉnh thời hạn hoàn thành từ Quý IV/2023 sang Quý IV/2025	
79	Rà soát Luật Cán bộ, công chức,	Tháng 11		x					Bộ NV	Đã dự thảo báo cáo, trình	

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	Luật Viên chức và các Luật có liên quan, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội									Chính phủ trong tháng 11/2023 để trình UBTVQH xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung các Luật	
80	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 quy định về xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng	Tháng 9						x		Bộ XD	Đã có văn bản số 2765/BXD-TTr ngày 28/6/2023 xin lùi thời hạn sang Quý II/2024 và đã được đồng ý tại văn bản số 5027/VPCP-CN ngày 07/7/2023. Tại văn bản số 5250/BXD-PC ngày 15/11/2023 của Bộ xây dựng về đăng ký Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đã đăng ký xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng, trình Chính phủ

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
										trong tháng 9/2024 (thay cho nhiệm vụ xin lùi sang Quý II/2024).	
81	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2013/NĐ-CP quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra ngành Xây dựng	Tháng 11					x			Bộ XD	Đã có văn bản số 2765/BXD-TTr xin rút (vì đã lồng ghép vào Nghị định quy định về thanh tra chuyên ngành – quy định chi tiết Luật Thanh tra) và đã được đồng ý tại văn bản số 5027/VPCP-CN ngày 07/7/2023.
82	Dự án Luật Nhà ở (sửa đổi)	Quý I		x						Bộ XD	Tờ trình số 119/TTr-CP ngày 17/4/2023
83	Dự án Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi)	Quý I		x						Bộ XD	Tờ trình số 150/TTr-CP ngày 26/4/2023.
84	Đề nghị xây dựng Luật Quản lý phát triển đô thị	Quý IV		x						Bộ XD	Tờ trình số 56/TTr-BXD ngày 30/11/2023
85	Đề nghị xây dựng Luật Cấp, thoát nước	Quý IV		x						Bộ XD	Tờ trình số 53/TTr-BXD ngày 02/11/2023

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
86	Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ để đưa vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2023	2023		x						Bộ KHCN	Tờ trình số 5019/TTr-BKHCN ngày 28/12/2023
87	Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật để đưa vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2023	2023		x						Bộ KHCN	Nhiệm vụ xây dựng dự án Luật đã được đưa vào Nghị quyết của Quốc hội về Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2024, điều chỉnh xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 (Nghị quyết số 89/2023/QH15 ngày 02/6/2023).
88	Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa để đưa vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2023	2023		x						Bộ KHCN	Tờ trình số 3845/TTr-BKHCN ngày 25/10/2023
89	Quyết định phê duyệt danh mục sản phẩm quốc gia thuộc Chương trình	2023		x						Bộ KHCN	Tờ trình số 4857/TTr-BKHCN ngày 19/12/2023

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành					
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ					
Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác	Thời gian dự kiến hoàn thành						
	phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030									
90	Quyết định quy định về cấp Giấy chứng nhận Chuyên gia công nghệ khuyến khích chuyên gia	2023		x						Bộ KH-CN Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg ngày 15/5/2023
91	Quyết định quy định về xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên	2023		x						Bộ KH-CN Tờ trình số 2769/TTr-BKH-CN ngày 18/8/2023
92	Quyết định quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục giám định chất lượng, giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ	2023		x						Bộ KH-CN Tờ trình số 4051/TTr-BKH-CN ngày 06/11/2023
93	Nghị định bãi bỏ Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 Quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện	2023			x					Bộ CT
94	Xây dựng Nghị định thay thế Nghị	2023			x					Bộ CT

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành					
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ					
Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác	Thời gian dự kiến hoàn thành						
	định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 về kinh doanh khí									
95	Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia	Quý I		x						Bộ CT Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10/2/2023
96	Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi)	Tháng 12			x					Bộ CT
97	Nghị định quy định biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia	Tháng 6		x						BỘ VH TTDL Tờ trình số 160/TTr-BVHTTDL ngày 30/6/2023
III.	<b>Đẩy mạnh thực hiện thực chất, hiệu quả cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh,</b>									

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	<b>tính tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế</b>										
98	Chiến lược quốc gia về ứng dụng và phát triển công nghệ chuỗi khối (Blockchain)	Tháng 9		x						Bộ TTTT	Tờ trình số 77/TTr-BTTTT ngày 18/12/2023
99	Chiến lược phát triển công nghiệp vi mạch bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2035	Tháng 12				x				Bộ TTTT	
100	Phát triển kinh tế số vùng Tây Nguyên đến năm 2030	Tháng 9		x						Bộ TTTT	Tờ trình số 71/TTr-BTTTT ngày 24/11/2023
101	Kế hoạch hành động quốc gia về thực hiện kinh tế tuần hoàn	Tháng 11		x						Bộ TNMT	Tờ trình số 105/TTr-BTNMT ngày 25/12/2023
102	Chiến lược về sản xuất năng lượng hydrogen	2023-2024				x				Bộ CT	Đã đăng ký vào CTCT CP, TTCP năm 2024
103	Chiến lược phát triển ngành sữa giai đoạn đến 2030, tầm nhìn đến 2045	2023-2024			x					Bộ CT	
104	Chiến lược phát triển ngành giấy giai đoạn đến 2030, tầm nhìn đến 2045	2023-2024				x				Bộ CT	Đã đăng ký vào CTCT CP, TTCP năm 2024



TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành					
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ					
				Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
105	Chiến lược ngành thép giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quý III-2024				x			Bộ CT	Đã đăng ký vào CTCT CP, TTCP năm 2024
106	Chiến lược ngành ô tô giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2023-2024				x			Bộ CT	Đã đăng ký vào CTCT CP, TTCP năm 2024
107	Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Tháng 6	Tháng 12 <sup>17</sup>			x			Bộ KHĐT	Nghị quyết số 109/2023/QH15 đã nêu:
108	Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Tháng 6	Tháng 12 <sup>18</sup>			x			Bộ KHĐT	<b>“Đẩy nhanh tiến độ, phấn đấu trong 06 tháng đầu năm 2024 hoàn thành phê duyệt quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; công khai, minh bạch thông tin về quy hoạch”.</b>
109	Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Tháng 6	Tháng 12 <sup>19</sup>			x			Bộ KHĐT	
110	Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Tháng 6	Tháng 12 <sup>20</sup>			x			Bộ KHĐT	

<sup>17</sup> Văn bản số 7326/VPCP-CN ngày 23/9/2023 của Văn phòng Chính phủ.

<sup>18</sup> Văn bản số 7326/VPCP-CN ngày 23/9/2023 của Văn phòng Chính phủ.

<sup>19</sup> Văn bản số 7326/VPCP-CN ngày 23/9/2023 của Văn phòng Chính phủ.

<sup>20</sup> Văn bản số 7326/VPCP-CN ngày 23/9/2023 của Văn phòng Chính phủ.

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành					
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ					
Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác	Thời gian dự kiến hoàn thành						
	kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050									
111	Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Tháng 6	Tháng 12 <sup>21</sup>		x				Bộ KHĐT	
112	Đề án hoàn thiện hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	Tháng 12				x			Bộ KHĐT	VB số 10336/BKHĐT-QLQH ngày 08/12/2023 báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin lùi thời hạn trình sang Quý II/2024. VPCP đã có văn bản số 9918/VPCP-KSTT ngày 19/12/2023 chấp thuận điều chỉnh thời hạn sang tháng 6/2024.
IV.	Nhóm nhiệm vụ về phát triển, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, hạ tầng số. Tập trung bảo vệ môi trường,									

<sup>21</sup> Văn bản số 7326/VPCP-CN ngày 23/9/2023 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà cho phép gia hạn thời gian trình đề án vào tháng 12/2023.

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác	Thời gian dự kiến hoàn thành							
	quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên										
113	Quyết định phê duyệt Đề án thay thế 02 vệ tinh viễn thông VINASAT-1, VINASAT-2	Tháng 12				x			Tháng 12/2024	Bộ TTTT	Bộ TTTT đang hoàn thiện văn bản báo cáo TTgCP và đề nghị TTgCP cho phép lùi thời hạn hoàn thành sang năm 2024.
114	Quyết định ban hành Kế hoạch quốc gia về quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát	Tháng 10				x				Bộ TNMT	Ngày 31/10/2023, Bộ TNMT đã có vb số 9303/BTNMT-BĐKH đề nghị VPCP xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép lùi thời hạn trình trong tháng 12/2023.
115	Quyết định ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 11				x				Bộ TNMT	
116	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Đồng Nai thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 11			x					Bộ TNMT	Tờ trình số 93/TTr-BTNMT ngày 20/11/2023

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành					
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ					
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác		
117	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Hương thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 10		x					Bộ TNMT	Tờ trình số 88/TTr-BTNMT ngày 31/10/2023
118	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Mã thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 9		x					Bộ TNMT	Tờ trình số 95/TTr-BTNMT ngày 21/11/2023
119	Đề án thống nhất quản lý nhà nước về cấp nước đô thị và nông thôn, xây dựng cơ chế quản lý cấp nước liên vùng	2023					x		Bộ XD	Văn bản số 4548/BXD-HTKT ngày 10/10/2023 báo cáo Chính phủ đề nghị dừng không thực hiện.
120	Định hướng phát triển không gian xây dựng ngầm đô thị	2023					x		Bộ XD	Văn bản số 4548/BXD-HTKT ngày 10/10/2023 báo cáo Chính phủ đề nghị dừng không thực hiện.
121	Đề án tổ chức Phiên họp lần thứ 8 Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam - Hà Lan về thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý nước	Tháng 5		x					Bộ TNMT	Tham dự Phiên họp tại Hà Lan vào ngày 27/6/2023
V.	<b>Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng</b>									

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác	Thời gian dự kiến hoàn thành							
	cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp										
122	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Quý II			x					Bộ GDĐT	
123	Nghị định thay thế Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 và Nghị định số 135/2018/NĐ ngày 04/10/2018 về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Quý II		x						Bộ GDĐT	- Tờ trình số 1104/TTr-BGDĐT ngày 27/6/2023; - Đang tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ và hoàn thiện dự thảo Nghị định.
124	Nghị định quy định chính sách cho học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có học sinh hưởng chính sách	Quý IV			x					Bộ GDĐT	
125	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2019/NĐ-	Quý II			x					Bộ GDĐT	

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	CP ngày 30/12/2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học										
126	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22/01/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục	Quý IV			x					Bộ GDĐT	
127	Nghị định quy định chi tiết về xét tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú	Quý IV	15/10/2023 <sup>22</sup>		x					Bộ GDĐT	
128	Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Quý I			x					Bộ GDĐT	

<sup>22</sup> Quyết định số 917/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác	Thời gian dự kiến hoàn thành							
129	Đề án phát triển hệ thống trung tâm đào tạo xuất sắc và tài năng về công nghệ 4.0	Quý IV			x					Bộ GDĐT	
130	Đào tạo, chuyển đổi nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2022 - 2030	Quý IV		x						Bộ NNPTNT	Tờ trình số 8102/TTr-BNN-KTHT ngày 09/11/2023
131	Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử thời kỳ 2021-2030	2023			x			Tháng 9/2024		Bộ KHCN	Công văn số 9784/VPCP-KGVX ngày 14/12/2023 thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang
132	Đề án hình thành trung tâm dữ liệu vùng Đông Nam Bộ để phục vụ phát triển các trung tâm tài chính, đáp ứng nhu cầu của khu vực và quốc tế	2023				x				Bộ TTTT	VB số 87/BTTTT-VP ngày 11/01/2023 đề xuất rút nhiệm vụ ra khỏi CTCT năm 2023. Tại QĐ số 48/QĐ-TTg ngày 03/3/2023, nhiệm vụ này đã được rút khỏi CTCT năm 2023 của CP, TTgCP.
VI.	Nhóm nhiệm vụ về phát triển văn hóa, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa										

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành					
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ					
Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác	Thời gian dự kiến hoàn thành						
	phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội; nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội									
133	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 về công tác dân tộc	Tháng 11		x					UBDT	Tờ trình số 2466/TTr-UBDT ngày 30/12/2023
134	Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Tháng 9		x					UBDT	Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023
<b>VII.</b>	<b>Nhóm nhiệm vụ về bảo đảm quốc phòng, an ninh</b>									
135	Dự án Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự	Tháng 1		x					Bộ QP	Luật số 25/2023/QH15 ngày 24/11/2023
136	Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng	Tháng 9			x			Tháng 4/2024	Bộ QP	Tại Quyết định số 1217/QĐ-TTg ngày 20/10/2023 xác



TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú	
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành						Thời gian dự kiến hoàn thành
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	thủ dân sự									định thời gian hoàn thành là tháng 4/2024.	
VIII	Nhóm nhiệm vụ về đối ngoại và hội nhập quốc tế										
137	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 88/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 quy định hoạt động thông tin báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam	Năm 2023			x					Bộ NG	
138	Đề án “Phát huy nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài phục vụ đất nước trong tình hình mới”	Quý II		x						Bộ NG	Quyết định số 1334/QĐ-TTg ngày 10/11/2023
139	Vận động ủng hộ của Việt Nam vào Ủy ban Di sản Thế giới UNESCO nhiệm kỳ 2023-2027	Năm 2023		x						Bộ NG	Việt Nam đã trúng cử thành viên Ủy ban Di sản thế giới nhiệm kỳ 2023-2027
140	Thực hiện vai trò thành viên UBLCP Công ước bảo vệ và phát huy sự đa dạng các biểu đạt văn hóa UNESCO nhiệm kỳ 2021-2025	Quý I		x						Bộ NG	Việt Nam được bầu vào vị trí Phó Chủ tịch Ủy ban, đại diện cho khu vực Châu Á – Thái Bình Dương

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2023					Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành					
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ					
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác		
141	Xây dựng phần mềm Cơ sở dữ liệu người Việt Nam ở nước ngoài	Quý IV			x				Bộ NG	
IX.	Nhóm nhiệm vụ về thông tin, truyền thông tạo đồng thuận xã hội									
142	Xây dựng nền tảng Phát thanh số quốc gia	Tháng 6					x		ĐTNVN	Văn bản số 1662/VPCP-KGVX ngày 15/3/2023 thông báo ý kiến của Phó TTgCP Trần Hồng Hà đồng ý với đề nghị của Đài TNVN